

Đội Đặc Nhiệm TK1



Đội đặc nhiệm TK1

Tác giả: Phan Văn Lợi

Nhà xuất bản: Công an Nhân dân

Năm xuất bản: 2002

Nguồn: ptlinh, chienvit (quansuvn.net)

Ebook: do_long_khanh, TVE

Epub (02/2019): @lamtam, tve-4u.org

Giới thiệu

Vào 1 ngày đẹp trời sau Mậu Thân 68, Vệ Tinh của Liên Xô bỗng phát hiện ra dấu vết rõ ràng của kim loại quý tại vùng rừng hẻo lánh sát biên giới Lào của tỉnh Quảng Nam. Một mỏ vàng lộ thiên hay một kho vàng cũ của phát xít Nhật? Một đội đặc nhiệm được thành lập để thực hiện cuộc tìm kiếm. Đội mang tên TK1, bao gồm 4 thành viên: 1 chiến sĩ an ninh, 2 trinh sát đặc nhiệm và 1 cán bộ địa chất giàu kinh nghiệm.

4 người đã tiến hành tìm kiếm xuyên qua vùng rừng nguyên sinh hầu như chưa có dấu chân người, qua những nghĩa địa voi, rừng khô cháy, núi cao, vực sâu. Người cán bộ địa chất bất ngờ gặp tai nạn và hy sinh khi vượt vực, mang theo mọi bản đồ và la bàn. 3 người còn lại tiếp tục hành trình bằng kinh nghiệm của thợ săn. Khi đến đúng địa điểm đánh dấu trên bản đồ, họ bị trực thăng của kẻ thù phát hiện và săn đuổi.

Chương I

Buổi chiều một ngày đầu tháng 4 năm 1969.

Đang chuẩn bị cho chuyến đột nhập về vùng ven thị xã Quảng Trị, tôi bỗng được lệnh lên gặp ông Thủy để nhận công tác gấp. Chia tay với Bằng và Dũng, hai người đồng đội cùng tổ trình sát, tôi vội vã đi lên khu hầm chỉ huy, trong lòng thấp thỏm. Vẫn biết đi công tác đột xuất đòi hỏi với lính an ninh là chuyện thường tình, nhưng đích thân đồng chí trưởng ty giao nhiệm vụ thì hẳn là công việc rất quan trọng...

Ông Thủy rút từ cặp hồ sơ ra tờ giấy ghi điện mật, nhưng không đưa cho tôi mà giơ lên trước đèn, vừa nhìn bức điện vừa nói:

– Tôi mới nhận được điện của Khu ủy, trên ấy điều cậu đi công tác gấp. Trong điện ghi đích danh nên không thể thay bằng người khác được. Chính vì thế mà tôi phải cho đồng chí Diễn xuống ngay, sợ các cậu đi rồi thì lỡ việc. Thế nào, đột xuất như vậy có ảnh hưởng gì tới công việc của tổ cậu không?

– Báo cáo, không sao ạ! Đồng chí Bằng đảm đương được, cậu Dũng cũng quen rồi. Nhưng có việc gì mà Khu ủy điều đến tôi ạ?

Ông Thủy nhìn tôi, mắt thoáng cười sau cặp kính loáng ánh đèn:

– Đừng sốt ruột? Cậu đã biết rồi, có những việc khi bắt tay vào làm mới rõ. - Ông ngừng lại như để cân nhắc điều gì, rồi nói tiếp - Riêng trong chuyện này, tôi cũng mới nắm những nét chung nhất thôi. Về phần cậu chỉ cần nhớ: Khu ủy điều cậu đi công tác gấp, trong chiều mai phải có mặt ở T.2. Đường xa lại khó đi, cậu phải lên đường ngay mới kịp.

Ông mở cặp hồ sơ trên bàn, lấy ra tờ giấy giới thiệu:

– Không có lệnh điều động đâu! Tôi đã viết sẵn giấy giới thiệu cho cậu. À, trong điện nói rõ: chỉ mang theo vũ khí và tư trang cần thiết. Những thứ cần dùng cho công tác sắp tới sẽ lĩnh ở T.2. Cậu cần bao lâu để chuẩn bị?

– Báo cáo, tôi đi ngay được ạ!

– Tốt! Đây là mật khẩu đêm nay trên đường giao liên, đọc xong nhớ kỹ rồi đưa lại cho tôi. - Ông đưa tôi mảnh giấy nhỏ - Tôi đã điện hỏi bên giao liên, đường đêm nay yên, đi được.

Tôi đọc mật khẩu rồi đưa trả mảnh giấy. Mật khẩu rất dễ nhớ. Còn tờ giấy giới thiệu tôi gấp lại, cẩn thận cho vào bao nilong, cất trong túi áo ngực. Nội dung giấy giới thiệu cũng như thường lệ, chỉ phần lý do công tác lại ghi: "Gặp anh Hai Nguyên", rất cụ thể nhưng khó hiểu.

Ông Thủy tháo kính, ngả người vào lưng ghế:

– Cậu còn hỏi gì nữa không?

Tôi chưa trả lời ngay, trong đầu thoáng nghĩ về chặng đường sắp tới. Chưa đến T.2 lần nào, nhưng tôi biết đó là trạm giao liên thuộc đường dây 559, chuyên đưa đến các đoàn cán bộ vào ra công tác ở Trị Thiên. Trạm nằm ở phía tây Vĩnh Linh, đâu như trong một cánh rừng thuộc Bãi Hà. Như vậy đêm nay tôi lại đi ra Bắc, ngược hướng với Bằng và Dũng. Sẽ vượt sông Bến Hải ở Bến Than. Sức trai hăm ba tuổi lại quen vất vả từ nhỏ, chặng đường này đối với tôi chẳng mùi mẫn gì.

Ngẩng đầu lên, thấy ông Thủy vẫn đang chờ trả lời, tôi vội đáp:

– Báo cáo, rõ cả rồi ạ! Chỉ có đoạn từ Bến Than đến T.2 tôi chưa đi lần nào...

– Qua Bến Than, cậu phải đi gần một ngày nữa. Tới đó đã là đất miền Bắc, cứ hỏi đường lên Bãi Hà, sẽ có người đến. Nhưng nhớ giữ kỹ giấy giới thiệu. Không có nó, cậu không đi được bước nào trên đất Vĩnh Linh đâu. À, cậu quê ngoài đó cơ mà, còn lạ gì nữa!

Ông đứng dậy tới bên chiếc ba lô treo ở vách hầm, lấy ra hai phong lương khô đưa cho tôi:

– Cầm lấy ăn dọc đường. Chỉ đi trong một ngày đêm, khỏi cần xuống hầm cần nhận gạo. Vả lại đi gấp cũng chẳng kịp nấu cơm. Mà ra quê cậu đâu có lo đói. Này, cậu biết anh Hai Nguyên rồi phải không?

– Dạ, đã gặp vài lần rồi ạ! Anh Hai Nguyên là cán bộ lãnh đạo của Khu ủy, tôi có gặp mấy lần khi anh về Ty an ninh làm việc. Đó là người lãnh đạo mà lính an ninh chúng tôi hết lòng kính phục. Anh có tác phong giản dị, cách nói chuyện rất hấp dẫn, vừa sâu sắc vừa dí dỏm. Cánh trinh sát bên Tỉnh đội kể mãi về chuyện trước Mậu Thân, anh cùng lính đặc công mặc đồ cụt ngực trang cấp AK bò vào tan sân bay Ái Tử, thành thạo không kém bất cứ một chiến sĩ đặc công dày dặn nào. Về tuổi tác, đáng ra như tôi phải gọi anh bằng chú, nhưng anh dặn chúng tôi cứ gọi bằng anh cho dễ xưng hô và để anh được trẻ lâu...

Thấy ông Thủy nhìn đồng hồ, tôi vội nhìn xuống chiếc "Pônzốt" đeo ở cổ tay: đã bảy giờ tối.

– Thôi, cậu đi được rồi đấy?

Ông đứng dậy cầm chiếc ba lô nhẹ tênh giúp tôi khoác lên vai và đi cùng tôi ra tới cửa hầm ngoài cùng. Đặt cả hai tay lên vai tôi, ông thân mật nói:

– Mình chưa biết cụ thể công việc sắp tới của cậu, nhưng chuyến đi này có lẽ dài ngày. Vậy chúc cậu lên đường may mắn và mạnh khỏe. Trước lúc cậu đi, mình chỉ dặn một điều: Khi trên đã điều động một người lính an ninh, thì có nghĩa công việc sắp tới không chỉ cần đến lòng dũng cảm trung thành, mà còn cần cả kinh nghiệm, sự hiểu biết và bản lĩnh của một chiến sĩ an ninh. Thôi, đi nhé!

Cảm động trước lời dặn dò chân tình của ông, tôi bối rối nên chỉ đáp ứng: "Chào thủ trưởng, tôi đi ạ" ông bắt tay tôi lần cuối rồi quay vào hầm.

Xốc lại chiếc ba lô và khẩu súng trên vai, tôi bước ra mé đồi đưa mắt tìm lối đi. Lúc đó tôi đâu có ngờ rằng mình đang bước những bước đầu tiên của một chuyến đi dài ngày, một chuyến đi kỳ lạ chẳng hề giống bất cứ chuyến công tác nào trước đó.

Sau gần một đêm và một ngày cuộc bộ thật lực, tôi tới trạm khách của T.2 đúng giờ qui định nhưng không gặp anh Hai Nguyên, chỉ nhận được mẫu giấy của anh gửi lại với nội dung ngắn và rõ như một mệnh lệnh: "Nghỉ ngơi và chờ đợi".

Đêm ấy tôi mắc võng nằm một mình trong căn nhà vắng ở góc rừng, trần trọc mãi bởi tâm trạng nôn nao trước công việc sắp tới, mà đến lúc này vẫn chưa biết được là việc gì.

Sáng hôm sau khi từ dưới suối lên, tôi nghe trong nhà có tiếng người, chắc có ai mới đến. Đang định phơi bộ quần áo vừa giặt, bỗng thấy một người mặc quan phục hiện ra trước cửa, nụ cười tươi rói trên khuôn mặt ngăm đen thân thiết. Tôi ngó người rồi bật reo: "A, anh Đăng!" Ném bộ quần áo ướt lên chiếc sào tre, tôi nhào tới ôm chầm lấy anh. Anh cười khà khà:

– Chưa hết! Ai đây?

– Anh né sang một bên.

– Ôi! Cả anh Hùng nữa! Các anh đi đâu vậy? - Tôi hỏi một câu khá ngớ ngẩn.

– Đi với cậu chứ đi đâu? Vào đây? Vào đây nói chuyện.

Chúng tôi ngồi xuống bên bàn, ngăm nhìn nhau.

– Các anh vẫn thế, chẳng thay đổi gì cả? - Tôi nói.

– Thay đổi thế nào được, bọn mình vẫn khỏe như vâm. Tới trạm nghe ông Hai Nguyên bảo xuống đây sẽ gặp người quen. Gặng mãi ông ấy chẳng nói, chỉ tằm tằm cười. Ai ngờ lại là cậu...

Nói chuyện một lúc, rồi tôi dẫn các anh ra suối. Hai anh xuống tắm, còn tôi ngồi giặt giúp mấy bộ quần áo. Câu chuyện vẫn sôi nổi không dứt.

Thì ra các anh vẫn chưa biết ra đây làm nhiệm vụ gì. Đang hoạt động ở phía bắc đường Chín bên đất Lào, nhận được điện là

lên đường ngay. Đi suốt đêm ra tới đường Trường Sơn, vẫy một chiếc xe con, may gặp đồng chí cán bộ đoàn 559 là người quen của anh Đăng đi Hà Nội họp. Anh ấy cho xe chở tận Bãi Hà.

Anh Đăng và anh Hùng là trinh sát quân báo của một sư đoàn chủ lực chuyên hoạt động ở chiến trường Quảng Trị, Nam Lào. Tôi quen các anh trong một trường hợp khá đặc biệt mà có lẽ chẳng ai muốn có một dịp như vậy để làm quen với nhau. Hôm ấy tổ công tác của chúng tôi đang trên đường trở về hậu cứ sau một chuyến công tác. Thời gian này địch nống ra đánh phá ác liệt hòng đẩy bộ đội ta lên xa trên núi. Sau Mậu Thân lực lượng ta tổn thất khá nhiều. Các cơ sở nằm vùng phần bị bắt, phần bị lộ phải rút ra nên công tác của chúng tôi gặp rất nhiều khó khăn. Hôm ấy có việc gấp nên chúng tôi đi từ trưa. Lúc ngang qua dãy đồi sim ở vùng tây Cam Lộ, chúng tôi gặp một đơn vị đang bị phục kích. Đó là tổ trinh sát của anh Đăng và anh Hùng. Chúng tôi đã cùng lợp sức diệt gọn toán thám báo địch. Rồi quen nhau từ đó.

Về sau, thỉnh thoảng có dịp công tác qua, các anh lại ghé vào hậu cứ Ty an ninh thăm chúng tôi. Có lần anh Đăng đưa cho tôi một tờ báo của Quân khu, trong đó có đăng bài viết về trận đánh nhỏ của chúng tôi. Bài báo biểu dương tổ trinh sát của tôi, nói đó là trận đánh phản phục kích, đánh phối hợp theo tiếng súng tuyệt đẹp...

Chẳng biết anh Đăng đã kể gì với nhà báo, chứ chúng tôi thì lại hết sức cảm phục các anh. Bị phục kích bất ngờ như thế, trước một khẩu trung liên và nửa tá nòng tiểu liên bắn như đổ đạn, nhưng vẫn đánh trả được và chỉ bị thương nhẹ có hai người, chúng tôi các anh là những người lính trinh sát dạn dày bản lĩnh mà còn lâu cánh lính trẻ chúng tôi mới theo kịp...

Vì vậy tôi rất mừng khi được đi với hai anh trong chuyến công tác, dù chưa biết sẽ làm công việc gì.

Đội hai anh tẩm xong, chúng tôi cùng lên nhà. Vừa bước vào cửa đã thấy anh Hai Nguyên ngồi uống nước trà bên bàn, ung dung như một thầy giáo đang đợi trống đánh báo giờ vào lớp.

– Thế nào, đã kịp làm quen với nhau rồi phải không? - Anh nheo mắt hóm hỉnh.

Cả ba chúng tôi cùng bật cười. Anh Đăng trả lời:

– Thế mà hỏi mãi anh không nói. Ai chứ Hải với bọn em còn hơn cả ruột thịt...

– Biết thế nên mình mới để các cậu đi với nhau chuyến này. Nhưng việc đó nói sau, đang còn đợi một cậu nữa từ Hà Nội vào. Giờ các cậu cứ phải nghỉ ngơi thôi. Tuyệt đối không được sốt ruột đấy nhé. Mình đi đây? Nếu tối nay rảnh, sẽ xuống ngủ với các cậu một đêm.

Nói xong, anh đứng dậy, thân mật vỗ vai từng người rồi nhanh nhẹn bước ra cửa. Đã quen với tác phong của anh nên chúng tôi không ngạc nhiên.

Đến chiều, chúng tôi ra ngồi dưới gốc cây, lại hàn huyên mãi không thôi. Anh Hùng lấy trong ba lô ra gói lạc và kí đường, trở tài nấu một mẻ kẹo. Kẹo lạc anh nấu rất ngon, nhưng vừa ăn vừa phải bóc giấy báo dính sau lớp kẹo vì không có bánh tráng để đỡ.

Lúc sẩm tối, anh Hai Nguyên ôm võng xuống ngủ với chúng tôi. Bốn chiếc võng mắc chụm đầu vào cây cột giữa nhà. Chúng tôi rủ rỉ trò, chuyện đến nửa đêm. Khi nghe anh hỏi chuyện, tôi thấy anh biết khá rõ hoàn cảnh gia đình của mỗi chúng tôi. Đến lúc nghe anh kể về mình, mới biết anh quê Quảng Nam chứ không phải ở Nam Bộ như lâu nay tôi vẫn tưởng. Vì ít được tiếp xúc nên tôi không rành phân biệt giọng nói người miền trong. Hơn nữa, cái tên Hai Nguyên cùng với phong thái cởi mở sôi nổi làm anh có dáng dấp của một "anh Hai Nam Bộ" trong suy nghĩ của tôi.

Quê anh ở cạnh con sông Thu Bồn, một làng quê nghèo và hiền lành như bao làng quê miền Trung. Nhà anh chỉ có hai anh em. Cha mẹ anh mất sớm, lúc đó anh mười tuổi còn người anh trai mười lăm. Vốn xuất thân từ một gia đình có truyền thống hiếu học nên cả hai anh em đều sáng dạ, ham học. Bà con nội ngoại thấy vậy đã xúm lại giúp hai anh em theo việc đèn sách. Anh cùng

anh trai vào Quy Nhơn ở nhờ nhà một người bà con xa làm nghề buôn bán, vừa đi học vừa phụ giúp bán hàng và tính toán sổ sách để có thêm chút ít thu nhập ngoài số tiền nhỏ mà bà con ở quê thỉnh thoảng gửi vào. Năm 1943 cả hai anh em cùng lúc thi đỗ diplome khiến họ hàng gần xa ai cũng tự hào và hả dạ. Ở quê, có những dòng họ giàu có sẵn sàng chu cấp cả trăm lần hơn thế cho con cháu ăn học, mà đâu có ai được như vậy. Anh trai anh vẫn tiếp tục học lên. Nhưng anh thấy số tiền ít ỏi mà bà con làng xóm gom góp chu cấp không kham nổi việc hai anh em cùng học, nên anh tự ý nghỉ, đi làm nghề dạy kèm để kiếm thêm, dù người anh hết sức can ngăn và la mắng.

Năm Tổng khởi nghĩa cướp chính quyền, anh trở ra quê hăng hái tham gia phong trào ở địa phương. Trong những ngày sôi nổi ấy, anh lăn vào tất cả mọi công việc mà chính quyền Cách mạng non trẻ ở quê cần đến, từ dựng cổng chào, cắt khẩu hiệu, dạy bình dân học vụ cho tới tập quân sự, tuần tra canh gác... Khi những chuyến tàu rầm rập ngày đêm chở thanh niên trai tráng "Nam tiến" chạy qua cái thị xã Đà Nẵng nồng mùi cá biển, thì anh không còn chịu được nữa. Anh nhảy lên một chuyến tàu như thế, bằng mọi cách năn nỉ với đồng chí chỉ huy cho đến lúc được nhận theo. Từ đó anh đã đi qua nhiều miền đất, nhiều chặng đường gian truân của cuộc kháng chiến chống Pháp. Năm 1954, anh là trung đoàn trưởng chỉ huy một trung đoàn tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử. Hòa bình, anh ở lại miền Bắc tham gia xây dựng quân đội. Vì vậy kể từ ngày bám theo đoàn tàu Nam tiến đến mãi sau này, anh không nhận được tin gì về anh trai mình. Anh không bao giờ quên được những ngày tháng gian nan khổ khó hai anh em mồ côi cha mẹ đùm bọc nương tựa vào nhau trong sự cưu mang của bà con họ hàng. Hình ảnh ngôi nhà tranh bé nhỏ có cây mai già mọc trước mảnh sân đầy rêu, nơi hai anh em anh sinh ra và lớn lên, luôn hiện ra trong tâm trí những lúc anh nhớ về quê nhà, về người anh trai của mình. Mỗi khi xuân đến, màu hoa mai nở vàng rực càng làm cháy lên trong anh nỗi khát khao trở về sống và chiến đấu trên mảnh đất quê hương.

Năm 1959, anh được điều sang đoàn cán bộ vào Nam tăng cường cho Khu ủy Trị Thiên. Hai năm sau, nhân gặp một người bạn ở Tỉnh ủy Quảng Nam ra Bắc công tác, anh mới biết anh trai mình hiện đang sống ở Sài Gòn, là giáo sư dạy sử ở một trường đại học. Anh ấy đã lập gia đình, có hai con, một trai một gái...

Anh kể tiếp:

– Trước sáu tám, mình được tin anh mình chuyển ra sống ở Đà Nẵng. Nghe nói ông đã bỏ nghề dạy học, giờ chỉ ở nhà viết sách. Còn đứa cháu trai thì đi lính ngụy, hình như làm "philốt". Không biết đã có khi nào nó ném bom xuống đầu chú nó chưa...,

Anh cười buồn, ngưng một lúc rồi mới nói tiếp:

– Đạo Mậu Thân, mình có nhờ bạn bè trong đó tìm kiếm. Sau này anh em báo ra là đã móc được với anh mình, nhưng chưa kịp nhận hồi âm vì tình hình lúc đó diễn ra ác liệt quá... Mình chỉ mong hai anh em còn sống đến ngày hòa bình để được ôm lấy nhau, để dắt nhau về lại ngôi nhà nhỏ có cây mai già ấy mà thắp cho ông bà cha mẹ mấy nén hương...

Trong đêm khuya thanh vắng, câu chuyện về gia đình qua giọng kể thủ thỉ buồn buồn của anh làm chúng tôi nao cả lòng. Tôi không ngờ người cán bộ lãnh đạo lúc nào cũng nhiệt tình sôi nổi và hóm hỉnh đó lại chứa chất trong lòng một tâm sự da diết đến như thế.

Sáng hôm sau tỉnh giấc, thấy anh Hai Nguyên đã dậy cuốn võng đi từ lúc nào. Anh Đăng cười:

– Ông này đúng là đặc công thứ thiệt. Đi lúc nào mà êm ru, mình chẳng hay biết gì cả!

Nhưng chỉ nửa giờ sau anh lại đến. Cùng đi với anh có một người trạc tuổi anh Hùng, dáng cao cao, nước da trắng, mặc bộ quân phục và đeo chiếc ba lô cóc mà tất cả đều còn mới tinh như vừa nhận từ trong kho ra.

Vừa bước qua cửa, anh Hai Nguyên nói ngay:

– Vậy là người thứ tư đã tới. Giới thiệu với các cậu, đây là đồng chí Sơn, kỹ sư địa chất, mới từ Hà Nội vào. Sáng nay các cậu nghỉ ngơi, làm quen với nhau. Chiều hai giờ ta làm việc nhé! - Anh cười, vẫy tay chào rồi quay người đi ngay.

Tôi bước tới, giúp anh Sơn cởi ba lô đặt trên bàn:

– Anh ngồi nghỉ, lát rồi em dẫn xuống suối tắm cho mát!

Anh Đăng rót nước ra chén, đưa mời:

– Đồng chí Sơn uống nước? Đồng chí quê ở đâu nhỉ?...

Cứ thế, chỉ lát sau là chúng tôi đã cởi mở trò chuyện thân tình. Riêng tôi vẫn phân vân không biết vì sao anh Sơn lại đi với chúng tôi. Trông anh đúng là dân trí thức chính cống, lại mới từ Hà Nội vào. Tôi thì chẳng đáng nói, chứ trên đã điều những người như anh Đăng và anh Hùng cho chuyến công tác này, hẳn công việc đâu có đơn giản... Sau này tôi phải tự xấu hổ với những suy nghĩ ban đầu của mình. Qua câu chuyện, chúng tôi được biết anh Sơn là kỹ sư địa chất, chuyên đi tìm kiếm khảo sát các mỏ kim loại màu và đá quý. Suốt sáu năm từ khi tốt nghiệp ra trường cho đến nay, hầu như anh lang thang trong rừng, đặt chân lên nhiều miền núi non của tổ quốc, từ Nghệ An, Thanh Hóa cho tới những dãy núi trùng điệp ở Đông Bắc, Tây Bắc. Chỉ những lúc phải về phân tích mẫu, lập đồ bản... anh mới làm việc ở Hà Nội. Đúng là người ta rất dễ nhầm lẫn nếu đánh giá một con người chỉ qua dáng vẻ bên ngoài.

Anh Đăng vô cùng mừng rỡ khi biết anh Sơn đồng hương với anh, mà lại là đồng hương tầm gần, có nghĩa cùng huyện, chứ không phải loại đồng hương pháo tầm xa cũng không với tới. Quê anh Sơn ở gần núi Gội, còn nhà anh Đăng ở cạnh ga Cát Đằng (tỉnh Nam Định), chỉ cách nhau chừng mười cây số, gọi là ga trước ga sau của một chuyến tàu chợ. Anh Sơn đã lập gia đình, chị ấy dạy học ở trường cấp hai trong xã. Hai anh chị sinh được một cháu gái, năm nay cháu ba tuổi.

Tôi nhường cho anh Đăng quyền được dẫn đồng hương xuống suối tắm giặt để các anh có dịp tâm sự với nhau. Khi từ

dưới xuôi lên, nhìn nét mặt rạng rỡ của anh, tôi hiểu điều gì đã làm anh vui đến vậy. Ở quê, gia đình anh chỉ còn mỗi mình ông cụ thân sinh. Mẹ anh mất cách đây hai năm, nhưng mãi sau này anh mới biết tin. Hai ông bà sinh được có mình anh... Năm 1956, theo ước nguyện của bố, anh Đăng làm đơn tình nguyện vào trường thiếu sinh quân và được chấp nhận, nhưng khi đến trường thì bị trả về với lý do quá tuổi quy định, kèm theo lời xin lỗi gia đình về sự sơ suất trong xét tuyển. Năm ấy anh mười tám tuổi. Anh không chịu về, mấy ngày liền bám theo các anh cán bộ quân lực nặng nặc xin vào một trường quân sự nào đó. Cuối cùng, anh được nhận vào trường bộ đội đặc công. Hơn hai năm sau, anh đã là thành viên trẻ nhất trong đoàn cán bộ đi mở đường Trường Sơn. Lăn lộn mài miết với các tuyến đường hết đông lại sang tây Trường Sơn, đến năm 1965 anh được điều về phòng quân báo của một sư đoàn chủ lực. Trong chừng ấy năm có dăm lần về phép, mỗi lần mười ngày, anh chỉ kịp giúp bố mẹ lợp lại mái nhà hay làm cái chuồng lợn, chứ không đủ thời gian để có thể tìm hiểu một cô nào đó mà lấy làm vợ. Lần về phép gần đây nhất của anh cũng đã cách bốn năm...

Vì vậy việc bất ngờ gặp được người đồng hương ở nơi xa xôi này và biết được những tin tức tốt lành còn nóng hổi về quê nhà sau bao ngày xa cách, khiến anh vô cùng vui sướng.

Đúng như đã hẹn, anh Hai Nguyên đến lúc hai giờ chiều. Cùng đi có một đồng chí thiếu tá mà anh giới thiệu là cán bộ tham mưu của đoàn 559. Tôi có cảm giác chiếc quân hiệu lấp lánh trên mũ và đôi cấp hàm đỏ chót nơi ve áo anh làm cho không khí trang nghiêm hẳn lên.

Anh Hai Nguyên nói:

– Các đồng chí biết nhau cả rồi, nên ta vào việc luôn. Tôi được Trung ương giao nhiệm vụ thành lập và chỉ đạo một tổ công tác đặc biệt. Sau khi trao đổi bàn bạc với các đơn vị có trách nhiệm phối hợp, tôi quyết định chọn bốn đồng chí để thành lập tổ công tác này. Từ nay, các đồng chí là thành viên của tổ, đồng chí Đăng

làm tổ trưởng. Nhiệm vụ của các đồng chí là tìm kiếm một vỉa quặng vàng được phát hiện qua vệ tinh của Liên Xô. Theo bạn, vỉa quặng này rất đáng chú ý vì những số liệu kỹ thuật đều cho thấy nó có hàm lượng vàng rất cao và chỉ phát hiện tập trung ở một nơi. Tọa độ của nó là...

Anh đọc tọa độ rồi cầm bút chì chỉ vào một điểm trên tấm bản đồ tỉ lệ 1:100.000 mà đồng chí thiếu tá vừa trải lên bàn. Điểm anh chỉ nằm ở phía tây tỉnh Quảng Nam, sát với biên giới Việt-Lào.

– Thế nào? - Nheo mắt nhìn chúng tôi, anh hỏi - Nhiệm vụ khá bất ngờ và lý thú phải không? Nhưng cứ nghe tiếp đã nhé? Trong cuộc họp vừa rồi ở Hà Nội, tôi được biết: Trung ương đã chỉ thị cho các cơ quan có trách nhiệm nghiên cứu thông tin này, và đã có nhiều ý kiến khác nhau. Một ý kiến cho rằng đây đúng là mạch quặng vàng lộ thiên, dấu hiệu của mỏ vàng nằm sâu trong lòng đất. Tọa độ được phát hiện ở phía trên mỏ vàng Bồng Miêu nhưng cách khá xa, liệu có liên quan gì về mặt địa chất? Điều này rất khó xác định do không đủ dữ liệu. Có ý kiến khác nêu ra nhận định: đây là một kho vàng tồn tại do nguyên nhân lịch sử nào đó. Khả năng này rất đáng chú ý. Trước đây nhân dân vùng núi Quảng Bình, Hà Tĩnh đã từng phát hiện một số vàng thỏi và tiền vàng nhưng số lượng không nhiều, xác định là vàng do vua Hàm Nghi mang theo khi ra vùng này lập căn cứ chống Pháp. Có người nói đây có thể là vàng mà quân Nhật vơ vét khi sang chiếm nước ta, rồi sau chúng đem thu giấu vì không chuyển về nước được... Tình tiết này có thật trong lịch sử, nhưng tọa độ phát hiện nằm giữa núi cao rừng thẳm, cách xa các đường giao thông và khu dân cư, kể cả các bản làng của đồng bào dân tộc, khó ai có thể vận chuyển lên cất giấu ở đó...

Cuối cùng cuộc họp quyết định phải tổ chức thăm dò tìm kiếm, giao trách nhiệm cho tôi trực tiếp chỉ đạo với sự phối hợp về mọi mặt của đoàn 559, quân khu Bốn và Tổng cục địa chất. Phía bạn có cung cấp cho ta một bức không ảnh... - Anh mở nắp chiếc xà cọt da đeo bên người lấy ra một tấm ảnh màu to cỡ trang vở học

sinh đặt lên bàn - ... tất nhiên không phải là ảnh gốc. Nó đã được phổ màu và chụp lại.

Chúng tôi cùng rướn người tới nhìn. Trên tấm ảnh chỉ thấy những mảng xanh đậm nhạt khác nhau bao quanh một đám màu vàng úa có hình dạng như chiếc lá cây. Bên lề tấm ảnh có ký hiệu chỉ hướng bắc nam.

Anh Hai Nguyễn cười:

– Các đồng chí không phân biệt được gì bằng mắt thường đâu? Ngay cả khi có ảnh gốc, cũng phải có máy chuyên dụng và chuyên viên phân tích ảnh mới biết được. Lúc này tấm ảnh chỉ có ý nghĩa hướng dẫn. Bộ phận kỹ thuật cho biết bức không ảnh này được chụp từ độ cao khá lớn, chụp chính diện một khoảng mặt đất hình vuông cạnh từ mười đến mười hai kilomet. Qua phân tích, địa hình trong ảnh nếu mở rộng ra sẽ có dạng như một thung lũng. Xung quanh là rừng già nguyên sinh, - anh chỉ những mảng màu xanh - ở giữa là đồng cỏ dài chừng năm kilomet và rộng ba kilomet. Tọa độ vĩa quặng nằm ngay dải rừng phía bắc đồng cỏ. Theo thông tin của bạn, ở góc đông bắc đồng cỏ có một cây thủy tùng cổ thụ. - Nói đến đây, anh nhìn anh Hùng và hỏi - Thế nào? Chuyên gia về rừng có biết cây thủy tùng không?

Anh Hùng ngẫm nghĩ rồi đáp:

– Có phải loại tùng trên núi Yên Tử không ạ?

– Không phải! Theo một đồng chí phó tiến sĩ lâm sinh cho biết, loài cây này thuộc họ tùng bách, thân thẳng dáng cao vút, tán lá hình chóp, lá hình kim xanh quanh năm. Vỏ cây thủy tùng sần sùi, lâu năm có thể bong ra từng mảng. Một đặc điểm nữa là nhựa của nó rất độc... - Anh chột cười - Nghe như bài giảng thực vật ấy nhỉ? Tôi cũng chỉ nói lại những điều hỏi được, biết đâu nó sẽ có ích cho các đồng chí! Thủy tùng là loài cây của xứ lạnh, phát triển nhiều vào thời trung cổ, không hiểu sao ở nước ta còn sót lại cây này? Nhưng chính vì hiếm như thế nên nó là dấu hiệu quan trọng để giúp các đồng chí xác định đúng khu vực phải tới.

Anh bưng chén nước nhấp một ngụm rồi nói tiếp:

– Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đang đi vào giai đoạn ác liệt nhất, ta đang phải tập trung tất cả cho chiến đấu. Việc tìm kiếm thăm dò trong lúc này sẽ rất khó khăn, nhất là không thể tổ chức quy mô vì nhiều lý do khác nhau. Chắc các đồng chí cũng tự hỏi: Tài nguyên của ta, của cải của ta, ta lấy lúc nào mà chẳng được? "Cơm chưa nấu thì gạo còn đó..." Nhưng tình hình không cho phép như vậy. Theo tài liệu tình báo ta nắm được, một nhân viên CIA có cỡ vừa được điều tới phân vụ CIA ở Sài Gòn đang chú ý đặc biệt đến địa bàn này. Đây là vùng không cần thiết phải có cứ điểm quân sự, địa hình hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt và không có nhánh đường nào thuộc tuyến đường Trường Sơn chạy qua. Ta chưa biết địch có ý đồ gì, nhưng nguồn tin này rất đáng lưu ý bởi có sự trùng hợp là tọa độ mà ta quan tâm nằm trong khu vực này. Trung ương đã chỉ thị cho bên tình báo tiếp tục khai thác nguồn tin đó, đồng thời yêu cầu các cơ quan lưu trữ thu thập nghiên cứu các tài liệu lịch sử để tìm những thông tin có liên quan.

Tình hình là thế. Giờ chắc các đồng chí đã hiểu vì sao ta phải tổ chức tìm kiếm trong lúc nước sôi lửa bỏng này. Hơn nữa trong đó mùa mưa thường bắt đầu từ tháng sáu, mà bây giờ đã là đầu tháng tư, cần phải tiến hành gấp trước khi mưa tới...

Nói đến đây anh ngừng lại, mắt nhìn ra xa như đang nghĩ tới điều gì. Chúng tôi yên lặng chờ đợi. Lát sau anh mới chậm rãi nói tiếp:

– Tổ của các đồng chí được đặt tên là TK1. Như vậy, sẽ có những toán TK tiếp theo. TK1 vừa có nhiệm vụ mở đường, vừa tìm kiếm thăm dò, vừa phải chiến đấu khi cần thiết. Nhiệm vụ rất nặng nề. Các đồng chí phải xuyên rừng nhiều ngày trên một địa bàn xa lạ hiểm trở, không dân cư và có thể gặp địch. Trong suốt chuyến đi sẽ không có sự liên lạc nào với trên, với các đơn vị bạn. Mặt trận sẵn sàng cung cấp cho TK1 những phương tiện thông tin tốt nhất mà ta hiện có, nhưng với cự ly đó, những bộ máy thích hợp lại quá cồng kềnh. Do vậy, khi gặp trở ngại, các

đồng chí phải hoàn toàn dựa vào sức mình chứ không có sự giúp đỡ hỗ trợ nào khác. Chúng ta không thể tính trước từng phương án cho mỗi tình huống, nhưng bất kỳ trường hợp nào các đồng chí cũng phải tỉnh táo vận dụng tất cả khả năng và kinh nghiệm của mình để hành động. Những gì các đồng chí đã học, đã rèn luyện được qua thực tế công tác chiến đấu, mọi kiến thức, mọi hiểu biết từng người tích lũy được từ trước đến nay đều có thể cần đến. Không có trở ngại nào là không thể vượt qua, nếu chúng ta vững vàng và biết suy nghĩ đúng hướng. Theo kế hoạch, đường về là đi ngược lại con đường đã đi, nhưng không phải lúc nào mọi việc cũng diễn ra đúng như dự kiến. Các đồng chí cần hết sức linh hoạt, tận dụng mọi cơ hội. Và tôi xin nói rằng trong kế hoạch này, yêu cầu cao nhất là sự trở về của TK1, cho dù không tìm ra vĩa quặng. Người ta bảo: khi giải một bài toán mà chứng minh được đề bài ra sai thì coi như hoàn thành phép giải. Còn trong trường hợp này, chỉ cần xác định cách giải hiện tại không đúng để tìm cách giải khác, đã là có kết quả. Tất nhiên khi trở về mà mang theo kết quả tìm kiếm mỹ mãn thì đó là một thắng lợi toàn diện rồi...

Nghe đến đây, bốn chúng tôi đưa mắt nhìn nhau. Ai cũng cảm động trước sự tin cậy của anh Hai Nguyên. Anh tin chúng tôi sẽ làm hết sức mình mới chịu quay về.

Sau đó, anh phổ biến cho chúng tôi mật hiệu liên lạc khi cần thiết. Mật hiệu rất ngắn gọn: nếu nhận được tin "Hoa mai đã nở", thì đây là tín hiệu của tổ tôi báo về, bộ phận chỉ đạo sẽ có cách liên lạc trở lại. Còn nếu nhận "Hoa mai vàng đã nở" có nghĩa chúng tôi phát hiện được mục tiêu. Các tỉnh lân cận và các đơn vị bộ đội đóng trên những địa bàn có liên quan sẽ được thông báo và hướng dẫn cách xử lý khi có người đưa ra tín hiệu này. Đây cũng là mật hiệu để nhận biết các toán TK tiếp theo.

Anh Hai Nguyên nhìn đồng hồ rồi nói:

– Như vậy tôi đã phổ biến xong. Chắc các đồng chí còn nhiều điều muốn hỏi, nhưng chưa vội. Giờ cứ nghe tiếp công tác chuẩn

bị và bàn bạc suy nghĩ. Sáng mai ta sẽ cùng nhau trao đổi kỹ hơn.

Anh đưa mắt ra hiệu. Đồng chí thiếu tá đứng lên mỉm cười nhìn chúng tôi:

– Tôi được giao nhiệm vụ chuẩn bị và hỗ trợ cho TK1. Bây giờ tôi trình bày về tuyến đường mà các đồng chí sẽ đi, sau đó là phân hậu cần.

Theo dự kiến, sẽ có xe đưa các đồng chí ngược lên miền tây Quảng Bình sang Lào rồi theo đường Trường Sơn đi về phía nam. Đến khe Trầm, - Anh chỉ trên bản đồ - các đồng chí đổ bộ và từ đó đi thẳng tới tọa độ cần tìm. Trên bản đồ, đoạn này đo được một trăm mười bảy cây số, tính theo đường chim bay. Từ đây tới gần bắc đường Chín, có những chặng xe có thể chạy ban ngày. Từ đường Chín vào xe phải chạy đêm. Vùng này khá nguy hiểm vì thỉnh thoảng có thám báo địch hoạt động...

Chúng tôi nhìn bản đồ: địa điểm được gọi là khe Trầm nằm trên đất Lào, gần như đối diện với A Lưới (Thừa Thiên) qua đường biên giới. Từ đó, chúng tôi phải đi về hướng đông nam, vượt qua biên giới Lào - Việt vào phần đất nhô ra ngoài cùng của tỉnh Quảng Nam.

Đồng chí thiếu tá nói tiếp:

– Trên cũng đã cân nhắc khả năng đi từ hướng đông lên. Đi theo hướng này sẽ tranh thủ được sự giúp đỡ của đồng bào ở các bản dân tộc để tiếp cận mục tiêu gần hơn, nhưng hiện tại có nhiều trở ngại mà ta chưa thể khắc phục được. Vì thế, con đường tôi vừa trình bày vẫn là phương án tối ưu lúc này. Còn về hậu cần, đoàn 559 được lệnh cung cấp cho TK1 những thứ tốt nhất hiện có. Đây là danh mục các trang bị cần thiết cho chuyến đi. - Anh đưa cho chúng tôi tờ giấy đánh máy - Tuy nhiên, các đồng chí mới là người quyết định những gì cần mang theo...

Cuộc họp kết thúc lúc trời sắp tối. Sau khi tiễn anh Hai Nguyên và đồng chí thiếu tá ra cửa, chúng tôi quay vào ngồi xuống bên

bàn. Chưa ai nói gì. Tất cả đều đang suy nghĩ về những điều vừa được nghe. Hơi lâu sau, anh Đăng lên tiếng:

– Chuyến đi này có vẻ như là một cuộc thám hiểm ấy nhỉ? Vào bộ đội mười mấy năm, làm đủ mọi thứ việc, nhưng chưa khi nào mình nghĩ tới chuyện có lúc sẽ đi tìm vàng.

Mọi người cùng cười. Anh Hùng hỏi:

– Này Sơn, chắc cậu đi tìm vàng nhiều rồi phải không - Nghề của tôi mà?

– Anh Sơn đáp - ở miền Bắc ta đã tìm được một số nơi có vàng, nhưng thường là vàng ở dạng sa khoáng, chưa bao giờ phát hiện ra quặng vàng có hàm lượng cao. Nghe nói tại các mỏ vàng ở châu Mỹ, tầng quặng vàng lớn nhất cũng chỉ nặng mấy chục ký là cùng. Cho nên tôi rất ngạc nhiên khi có vỉa quặng vàng được phát hiện qua vệ tinh... Tôi chợt nghĩ, biết đâu Liên Xô họ phát hiện vỉa quặng từ một nguồn khác, nhưng vì lý do tế nhị nào đó nên không thể nói thẳng ra được. Hiện nay Liên Xô, và cả Mỹ, đã có nhiều thành tựu trong sử dụng vệ tinh vào những lĩnh vực khác nhau, kể cả việc thăm dò tài nguyên khoáng sản, nhưng những kỹ thuật tiên tiến nhất chủ yếu vẫn tập trung cho lĩnh vực quân sự, tình báo...

Tôi háo hức hỏi:

– Theo anh, liệu ta có tìm được vỉa quặng vàng lớn không?

Anh Sơn tủm tỉm:

- Mọi điều đều có thể xảy ra, nhưng phải tới nơi mới biết?

Anh Đăng cười:

– Cậu Hải yên trí? Thế nào cũng tìm ra, cậu chuẩn bị sức để mang, mà nhớ là chỉ được "may túi ba gang" thôi đấy...

Anh Đăng nói đúng. Chúng tôi phải tính toán, chỉ mang theo những thứ thật cần thiết. Bàn mãi, cuối cùng cũng quyết định: Về vũ khí, ba chúng tôi mỗi người một AK báng gấp, riêng anh Sơn chỉ mang K54 vì còn phải đem theo một số dụng cụ cần cho việc thăm dò địa chất. Súng của chúng tôi còn tốt, không cần cấp mới.

Lựu đạn, thuốc nổ cũng cần, nhưng nặng và sử dụng trong rừng không tiện nên không nhận. Riêng đạn cần nhiều hơn. Ngoài cơ số đạn chiến đấu, phải có đạn để săn bắn vì không thể mang đủ lương thực cho cả chuyến đi. Lương khô, gạo tươi, gạo sấy mỗi thứ năm ký cho một người. Thịt hộp chỉ mang đủ dùng cho mấy ngày đầu. Rồi màn, võng, tăng, đèn pin, bật lửa, túi phao bơi... Thuốc men thì chỉ mang thuốc chữa rắn cắn, thuốc phòng sốt rét, bông băng. Các loại khác khi cần sẽ lấy ở cây lá trong rừng. Anh Hùng bảo nên mang nhiều muối và xin thêm những viên thuốc lọc nước, vì đi rừng không phải lúc nào cũng đun được nước uống. Dây leo núi cũng không mang được. Thay vào đó, mỗi người sẽ mang hai chục mét dây dù, vừa làm dây võng vừa để sử dụng vào việc khác. Ngoài bản đồ, địa bàn, anh Đăng đề nghị cấp thêm một ống nhòm cỡ vừa. Anh Sơn yêu cầu xin một chiếc soong quân dụng mười lít, kiểu soong cạn miệng rộng. Anh nói: “Tuy cồng kềnh, nhưng để nấu ăn dọc đường và khi cần có thể dùng đái vàng”.

Mãi đến khi trăng lên cao, chúng tôi mới đi ngủ.

Sáng hôm sau, khi anh Hai Nguyễn và đồng chí thiếu tá tới anh Đăng báo cáo ngắn gọn những gì chúng tôi bàn đêm qua. Đồng chí thiếu tá hỏi thêm một số chi tiết rồi cầm bản danh mục trang cấp đi ngay. Anh Hai Nguyễn ngồi lại đến trưa, cùng chúng tôi bàn bạc về những việc cần thiết trong chuyến đi. Anh nói:

– Một chuyến đi rừng, cứ cho là trong vài ba tháng, đối với những người như các đồng chí không có gì phải lo nhiều. Nhưng sở dĩ tôi dặn kỹ như vậy vì điều đáng lo đến từ hướng khác. Theo tôi nếu CIA, và nói chung phía địch, cũng có những thông tin như chúng ta, sự việc sẽ phức tạp lên nhiều. Chúng hơn hẳn ta về phương tiện kỹ thuật, cũng lợi thế hơn trong tổ chức thăm dò tìm kiếm. Nếu trường hợp đó xảy ra, TK1 sẽ phải đối đầu với sự nguy hiểm cao độ và tất cả chỉ còn trông cậy vào bản lĩnh của các đồng chí. Trung ương đã tính tới tình huống này và cũng bàn bạc nhiều phương án khác như: Dùng máy bay đổ bộ lực lượng tìm kiếm;

trang bị phương tiện thông tin liên lạc với hệ thống những đài hỗ trợ; tổ chức lực lượng ứng cứu khi cần thiết... Nhưng cuối cùng đành phải chấp nhận phương án hiện nay vì tình hình lúc này không cho phép ta áp dụng các biện pháp nói trên. Nếu tiến hành, nguy cơ thất bại là rất khó tránh khỏi. Khi đó, việc nắm được ý đồ của ta càng kích thích kẻ địch hành động. Cần nhắc thêm các đồng chí là phải hết sức giữ bí mật trong cả chuyến đi...

Lúc đồng chí phục vụ mang cơm nước tới thì cuộc bàn bạc cũng vừa chấm dứt. Anh Hai Nguyên ra về sau khi đã hẹn sẽ xuống ăn với chúng tôi bữa cơm chia tay. Đến chiều, đồng chí thiếu tá cùng hai người nữa mang những trang bị cần thiết tới.

Chúng tôi rất hài lòng với những thứ nhận được, duy chỉ có mấy con dao rựa là không được vừa ý. Loại dao này dùng cho bộ đội công binh, thường gọi là dao tông, vừa to vừa nặng.

Sáng hôm sau, trong khi chúng tôi sắp xếp đồ đạc thì anh Đăng xin phép anh Hai Nguyên rồi ôm cả bốn con dao đi. Gần trưa anh trở về, mang theo hai con dao mà anh đổi được trong một bản Vân Kiều gần đây. Loại dao này đồng bào dân tộc thường dùng, có cán gỗ chắc chắn, lưỡi dao hơi mỏng nhưng sắc ngọt, đầu lưỡi có máu như rựa, dùng đi rựa rất tiện.

Trong ngày hôm đó, chúng tôi cố gắng hoàn tất mọi việc chuẩn bị. Giờ xuất phát ấn định vào sáng mai. Đồng chí thiếu tá giúp từng người kiểm tra trang bị cá nhân. Anh thu lại bức ảnh không ảnh và tấm bản đồ, cấp cho chúng tôi một tấm khác y hệt nhưng còn mới nguyên, đường đi được đánh dấu bằng những dấu kim châm, phải dùng kính lúp soi mới thấy. Bản đồ và địa bàn giao cho anh Sơn giữ. Mọi tư trang cá nhân, kể cả ảnh, thư từ, nhật ký... đều phải gửi lại. Trước khi gói các thứ đem gửi, anh Sơn đưa tôi xem ảnh vợ và con gái. Trong ảnh là một người phụ nữ còn trẻ có khuôn mặt trái xoan thùy mị và đôi mắt vời vời như đang ngóng về phương xa xôi. Chị bồng một cháu gái chừng ba tuổi, trông bụ bẫm và rất dễ thương.

Chiều tối, anh Hai Nguyễn xuống ăn cơm với chúng tôi như đã hẹn. Các đồng chí ở trạm tổ chức một bữa liên hoan nhỏ khá chu đáo, có cả một chai rượu chanh Hà Nội. Mọi người cùng nâng cốc chúc cho chuyến đi thắng lợi. Trong bữa ăn, chúng tôi chỉ nói chuyện tâm tình, không ai nhắc tới công việc.

Hôm sau, chúng tôi lên đường từ bốn giờ sáng. Anh Hai Nguyễn đưa chúng tôi ra tận ngã ba Bãi Hà. Ở đó đã có một chiếc ô tô Bắc Kinh cùng với lái xe và đồng chí thiếu tá đợi sẵn. Anh là người dẫn đường từ đây vào tới khe Trầm. Anh Hai Nguyễn bắt tay và ôm lấy từng người nói lời chúc may mắn. Xe chạy một quãng xa, ngoái lại vẫn thấy anh đứng giữa ngã ba giờ tay vẫy theo.

Chương II

Xe chúng tôi ngược lên miền tây Quảng Bình vượt biên giới sang đất Lào rồi hướng về phía nam. Vì có lệnh ưu tiên, lại đi đúng dịp đường đang khô nên xe chạy khá nhanh. Buổi chiều ngày thứ ba, chúng tôi đến được một trạm giao liên phía bắc đường Chín. Từ đây vào xe phải chạy đêm.

Đêm cuối cùng chúng tôi đi vào một con đường vắng, hai bên cây cối rậm rạp. Quầng sáng vàng nhạt của bóng đèn gầm lướt trên luống cỏ tốt bời bời giữa hai làn vết bánh xe. Đồng chí thiếu tá cho biết nhánh đường này ít xe qua vì ta đã mở một tuyến khác thuận lợi hơn. Hầu như suốt đêm xe hết bò lên dốc lại xuống dốc, lắc lư nghiêng ngả, lúc lúc lại nẩy chồm chồm trên những khúc đường xấu. Cành lá quật rần rạt trên mui vài bạt.

Đến bốn giờ sáng, xe chạy chậm lại. Đồng chí thiếu tá ngoài bảo: "Sắp đến nơi, các đồng chí chuẩn bị!" Khi xe dừng bên một con suối lớn, chúng tôi mang ba lô xách súng nhanh nhẹn nhảy xuống. Đồng chí thiếu tá cũng đã xuống xe, đứng bên đường chỉ lối rẽ. Từng người một bắt tay anh, chạy tới vỗ nhẹ vào vai đồng chí lái xe thay lời chào, rồi nối nhau lội nhanh vào rừng. Giờ mới thực sự là những bước đầu tiên của chuyến đi. Tôi bước chệnh choạng trên cỏ, người như vẫn còn lắc lư chao đảo theo nhịp xe lắc. Phía sau lưng, chiếc xe đang rò máy quay đầu trở về.

Đi được hơn cây số, anh Đàng cho tổ nghỉ lại. Anh cầm súng đứng cảnh giới, bảo chúng tôi ngả lưng vào ba lô ngủ một lát, đợi sáng sẽ đi tiếp.

Khi mặt trời chiếu những tia nắng đầu tiên xuống dải sương trắng là là mặt suối, anh Đàng giục mọi người lấy nước vào bi đông, chuẩn bị lên đường. Xung quanh yên tĩnh, tiếng chim hót lạnh lót khắp nơi. Tôi có cảm giác là lạ, sau mới nghĩ ra là do nhìn

thấy mặt trời nhô lên từ sau ngọn núi và dòng suối chảy từ đông sang tây.

Chúng tôi xách ba lô lên vai, khoác súng lợi qua đoạn suối cạn rồi bước lên bờ dốc mọc đầy những cây lau bông trắng muốt đọng sương ướt sũng. Anh Đăng đi trước, khẩu AK nơi dây dài mang thòng trước ngực, tay cầm dao phát nhánh cây lấy lối đi. Cả những ngày sau này, anh và anh Hùng thay nhau mở đường. Các anh tự nhận lấy công việc nặng nhọc nhất lúc đi rừng.

Suốt buổi sáng, chúng tôi đi mãi miết trong khu rừng rậm, chỉ dừng lại khi cần xác định phương hướng. Đường không dốc lắm nhưng khó đi vì cây bụi và cây dây leo mọc chằng chịt. Có lúc phải từng người lần lượt nói nhau chui qua một vòm cây rậm rạp, tối om như lỗ cống.

Anh Hùng gỡ hộ tôi nhánh cây vướng nhùng nhằng sau ba lô và nói:

– Cố lên! Sắp hết quãng rậm rồi.

– Sao anh biết?

– Đây là cánh rừng ven con suối lúc này, đất thấp ẩm nên cây cối mọc rậm. Lên cao sẽ thoáng hơn.

Đến gần trưa thì đường đã dễ đi. Vẫn những khu rừng có nhiều tầng cây mọc chen chúc nhau, nhưng thưa hơn. Từng chùm tia nắng xuyên tán lá soi qua bóng râm làm rừng sáng lên.

Quá trưa, cả tổ dừng lại trên một triền dốc. Vì không gặp nước nên chúng tôi quyết định ăn lương khô, nghỉ khoảng một tiếng sẽ đi tiếp.

Ở mấy cánh rừng đi qua trong buổi chiều, thỉnh thoảng lại gặp dấu vết của con người: vài vết chém trên nhánh cây, một đồng tro tàn bên mấy hòn đá ám khói..., chứng tỏ nơi đây vẫn có người đặt chân tới. Có thể là thợ săn, có thể bộ đội ta, cũng có khi thám báo địch.

Chừng bốn giờ chiều, chúng tôi tụt xuống một bờ dốc và may mắn gặp được con suối nhỏ, nước chỉ ngập ngang bắp chân

nhưng trong vắt. Anh Đăng chọn vật đất trống tương đối bằng phẳng để nghỉ đêm.

Vừa đặt ba lô xuống, anh Hùng xách súng nhao đi ngay. Anh Đăng vận lưng cho đỡ mỏi rồi cùng anh Sơn nhặt cành khô nhóm lửa. Tôi lấy gạo vào hai chiếc gô đem xuống suối vo sạch, đổ nước vào và xách lên. Bếp đã làm xong: hai chiếc nạng đóng hai bên đồng lửa, một nhánh cây tươi gác ngang bên trên. Tôi luồn quai gô vào nhánh cây, treo trên lửa để nấu cơm.

Anh Hùng trở về, tay cầm mấy nhánh lá xanh. Anh Đăng hỏi:

– Thế nào Hùng?

– Êm lắm! Xung quanh không thấy dấu vết gì, cũng không có dấu cạp.

Tôi biết anh vừa đi một vòng quanh chỗ trú đêm để xem xét, nhưng không hiểu anh bẻ mấy nhánh lá làm gì.

– Lá gì vậy, anh Hùng - Tôi hỏi.

– Cậu ném xem - Anh nói và chìa nhánh lá ra.

Tôi vật một chiếc lá đưa lên miệng nhắm, vị chua thấm vào đầu lưỡi làm nước bọt tiết ra. Tôi thốt lên:

– Lá bứa! Thế mà em không nhận ra.

– Vitamin C đấy! Tối nay ta sẽ nấu món canh chua.

Thay nhau tắm rửa xong, chúng tôi quây quần bên hai gô cơm bốc hơi nghi ngút và soong canh lá bứa nấu với thịt hộp do anh Hùng “đạo diễn”. Bữa cơm còn có món thịt kho rim mà chiều qua đồng chí thiếu tá đã chu đáo dặn trạm giao liên gói cho chúng tôi mang theo. Mọi người đều ăn rất ngon miệng. Khi nghe tôi xuýt xoa khen món canh chua, anh Hùng cười hề hả:

– Rồi cậu còn được biết nhiều món ngon! Rừng không phụ lòng người bao giờ!

Cơm xong thì trời cũng chạng vạng tối. Những âm thanh náo nức sôi động của cuộc sống rừng già lúc ban ngày đã ắng lại, chỉ

còn nghe tiếng lá rì rào, tiếng con suối nhỏ róc rách chen lẫn tiếng vài con chim mãi kiếm mỗi giờ mới vội vã bay về tổ.

Chúng tôi mắc võng ngủ trên cành cao, sau khi đã dập tắt đồng lửa. Ở đây chưa xa đường giao thông là mấy, cần đề phòng bọn thám báo phát hiện ra ánh lửa. Lúc chiều tôi có nghe tiếng máy bay L.19 lượn hướng con đường xe đi đêm trước.

Vừa đặt mình xuống võng, tôi đã ngủ say như chết. Có lẽ do hai đêm trước chỉ gà gật trên xe và cả ngày đi đường mệt nhọc.

Sáng hôm sau, tôi tỉnh giấc khi trời vừa rạng. Từ trên cành cây cao có thể nhìn thấy nền trời ửng hợt sau đỉnh núi. Anh Sơn gọi với lên:

– Cần thận, đừng tưởng là ngủ dưới đất đấy nhé!

Thì ra các anh ấy đã dậy cả. Anh Hùng đang ngồi bên bếp lửa, từ chiếc song treo trên bếp vọng ra tiếng sôi ùng ục. Tôi tháo võng nhét vào ba lô ôm tịt xuống đất, ngỡ ngàng nghịu:

– Sao các anh không gọi em?

– Còn sớm, vội gì? - Anh Hùng trả lời rồi đưa thìa lên miệng nếm, xuyết xoa vì nóng.

Tôi xuống suối rửa mặt, lấy nước vào bi đông và trở lên ngồi cạnh anh Sơn.

– Hôm qua mình đi được nhiều chưa anh? - Tôi hỏi.

– Đi nhiều nhưng được thì chưa bao nhiêu? - Anh Sơn cười nhét chiếc đĩa bàn vào túi áo ngực.

Sống với nhau mới mấy ngày mà tôi thấy tính anh rất dễ mến. Anh hiền lành ít nói, nhưng lại có cách nói chuyện rất có duyên. Mọi việc anh đều tỏ ra thành thạo không kém gì anh Đăng và anh Hùng. Trong tổ chỉ mình tôi là vụng. Không hiểu sao anh Hai Nguyên lại chọn tôi?

Bữa sáng có món cháo gạo nấu đặc ăn với đường. Sau khi ăn xong, chúng tôi sắp xếp ba lô chuẩn bị ra đi. Tôi cùng anh Hùng dập tắt đồng lửa rồi xóa hết mọi dấu vết.

Mấy ngày sau đó, cảnh rừng chúng tôi đi qua vẫn như ngày đầu. Cũng những cây cổ thụ sừng sững, những chùm cây bụi cành lá lòa xòa quệt vào mặt, những cây dây leo đôi lúc níu chân người kéo giật trở lại. Đường đi hết lên dốc rồi xuống dốc, nhưng tôi biết mình đang đi lên cao. Thỉnh thoảng lại gặp một cái khe nhỏ len lỏi qua những tảng đá, nước trong vắt và mát lạnh.

Bây giờ đang cuối mùa xuân. Trong những cánh rừng nở đầy các loài hoa dại mà hầu hết tôi không biết tên. Có cây dây leo nở những đóa hoa dạng loa kèn to hơn miệng bát màu đỏ màu vàng sặc sỡ, làm thành từng chuỗi dài giăng từ cây này sang cây khác. Lại loài dây leo nọ hoa nở từng chùm rực rỡ, treo lủng lẳng như những chiếc đèn lồng. Trên tán của một cây thân gỗ cao to có những bông hoa li ti màu trắng nở dày đặc kết thành đám mây nhỏ, gặp cơn gió thổi, cánh hoa rụng rơi phủ đầy trên mũ. Ở một bụi cây bên đường, mấy bông hoa đỏ chót như những ngọn lửa lấp ló trong đám lá. Lại còn loài cây gì trông tựa tựa như cây khoai môn mọc trong góc tối ẩm ướt, phải xò các chiếc lá to bằng miệng thúng cố hứng lấy chút ánh nắng, vậy mà cũng nở được những bông hoa kì dị giống bắp ngô to tướng đỏ rực, vươn cao đến vài ba mét như để chào mời. Đôi lúc ngẩng đầu lên, tôi lại bắt gặp trên cao một khóm lan rừng có những túm rễ ngoằn ngoèo bám chi chít vào thân cây cổ thụ đang trở từng chuỗi bông dài đẹp lộng lẫy như những chuỗi ngọc. Ngay cả các loài cây cỏ mọc sát mặt đất cũng có những thứ hoa riêng của nó: những chùm hoa nhỏ xinh xinh như những chùm hạt cườm, hoặc những bông hoa bé tí giống chiếc cúc áo nhiều màu sắc.

Được trang điểm bởi muôn ngàn bông hoa dại đủ màu đủ vẻ núi rừng rực rỡ hẳn lên trong nắng mai. Đi trong rừng mùa này người thấy nhiều mùi hương khác nhau, từ thơm ngát; thơm nồng, thơm dịu đến mùi ngai ngái, hăng hắc..., và rõ hơn cả là mùi mật ngọt ngào của trái cây đang chín. Như say trong hường rừng, vô vàn ong bướm cùng đủ loại côn trùng cánh lụa cánh cứng bay

vượn thỏa thuê từ bông hoa này sang bông hoa khác, tiếng vù vù vo vo vang suốt ngày.

Rừng thật đẹp, nhưng chúng tôi không có thời gian để thưởng thức. Tất cả tâm trí đều dồn cho công việc trước mắt. Và lại với hơn ba mươi kí ba lô súng đạn trên người thì việc đi lại trong rừng rậm chẳng nhẹ nhàng chút nào. Có những đoạn dốc gần như dựng đứng, phải níu từng mẩu rễ, từng cành cây mà leo lên. Lại có những khe đá ẩm ướt tối om, phải dò dẫm bước trên những phiến đá phủ rêu trơn tuột. Đi dưới bóng râm của nhiều tầng lá che trên đầu không hẳn lúc nào cũng mát, nhất là về buổi chiều. Khi đó những cây lá bịt bùng xung quanh không cho một ngọn gió nào lùa tới, và lớp đất rừng phủ đầy lá mục bốc hơi nóng hầm hập làm ta phải ngộp thở, mồ hôi túa ra thấm vào những vết rách xước trên da thật rát buốt như bị xát muối. Rừng tuy đẹp, nhưng vẻ đẹp hoang dã luôn đi kèm với sự khắc nghiệt. Con người muốn sống được với rừng, phải vượt qua mọi thử thách của nó.

Buổi sáng hôm đó, sau khi leo hết triền dốc dài, chúng tôi gặp một cánh rừng thưa. Đang đi, chợt anh Đăng dừng lại gọi khẽ:

– Hùng ơi, lên đây! - Anh Hùng vượt lên, đến bên anh - Cậu người thấy mùi gì không?

Anh Hùng hít hít mấy cái:

– Mùi khét của cọp! Chắc nó vừa qua đây.

Bất giác, tay tôi nắm chặt khẩu súng. Anh Hùng cắp súng lom khom đi ngược hướng gió tìm dấu vết trên mặt đất. Chúng tôi bước chầm chậm theo sau. Xung quanh vắng lặng, chỉ có tiếng chân sột soạt trên cỏ. Chim chóc cũng bay đâu hết, không nghe tiếng hót. Một cành cây rơi xuống đất đánh "bịch" làm tôi giật nảy người.

Lát sau anh Hùng quay lại:

– Cọp đàn anh ạ! Có ba con, chúng vừa qua đây khoảng dăm phút.

– Không sao đâu? Chúng ta đi thôi!

Tôi bước gấp mấy bước tới sát sau anh, vừa đi vừa thận trọng quan sát xung quanh. Một lúc sau không nén nổi, tôi cất tiếng hỏi:

– Liệu có gặp nó không anh Đăng?

Anh ngoái lại nhìn tôi bật cười:

– Có gặp cũng chẳng sao! Cọp rừng già không mấy khi bắt người.

Anh Sơn nói:

– Hồi bọn tôi đi ở miền tây Nghệ An, vẫn gặp cọp hàng ngày như người ta đi rừng gặp nhau. Lúc đầu cũng sợ, sau quen dần. Chỉ cần cảnh giác là được...

Chợt anh Hùng kêu khẽ:

– Kia kia, chúng đấy?

Cả ba chúng tôi cùng đứng lại, ngoái đầu nhìn theo hướng anh chỉ. Tôi chưa thấy gì. Anh Đăng đưa ống nhòm lên mắt:

– Thấy rồi! Đúng ba con. - Anh trao ống nhòm cho tôi - Hải nhìn đi, ở đoạn dốc có cái cây đổ ấy!

Tôi rê ống nhòm đến chỗ anh chỉ. Kia rồi! Trong ống kính hiện rõ một nhà cọp: Có hai con còn nhỏ, chỉ nhỉnh hơn con chó một chút, đang lẻo đẹo theo sau cọp mẹ. Chúng nối nhau đi xuống đoạn dốc trống trải, dáng mềm mại, những vằn đen vằn vàng trên bộ lông thấp thoáng sau ngọn cỏ.

Tôi trả anh Đăng chái ống nhòm, hỏi:

– Nếu lúc nãy gặp nó, mình có bắn không anh?

– Nó không có ý tấn công mình thì bắn làm gì?

– Ngoài quê em các cụ kể hồi kháng chiến chống Pháp, ở chiến khu Thủy Ba cọp vẫn bắt người luôn. Có khi cả đoàn hàng chục người vừa đi vừa gõ mõ la hét, mà nó vẫn chồm ra cắn người đi cuối rồi chạy mất.

– Chuyện ấy cũng có đấy? - Anh Hùng nói - Suy cho cùng cọp dữ có lỗi của con người. Chiến tranh, săn bắn, chặt cây phá rừng... đã xua các loài thú khác trốn biệt lên núi xa. Con cọp đói

mồi, và nó gặp người nhiều nên quen dần, không sợ nữa. Đói quá hóa liều, mà liều một lần rồi quen... Cũng có khi tình cờ nó gặp và ăn xác người chết vì bom đạn, "ăn quen bén mùi", từ đó nó thích ăn thịt người.

– Thế theo anh, vì sao cọp rừng già lại hiền hơn?

– Không phải hiền hơn, nó vẫn là loài thú dữ ăn thịt. Nhưng ở đây đâu thiếu con mồi, nó đâu có đói quá đến mức phải liều? Hơn nữa, con người trong mắt nó là loài vật lạ mà có khi nó chưa gặp lần nào. Chưa biết lành dữ ra sao thì động vào làm gì?

Anh Sơn cười, xen vào:

– Nghe anh Hùng nói chuyện cọp mà như nói về người ấy nhỉ?

– Cậu phản đòi à? - Ngược lại là khác! Tôi đã sống nhiều trong rừng, tôi biết. Con cọp chỉ bắt mồi khi đói, theo bản năng sinh tồn. Nó săn đuổi các loài thú khác, con nào yếu ớt chậm chân sẽ bị nó bắt, còn con khỏe mạnh khôn ngoan thì chạy thoát. Như vậy cọp cũng góp phần vào quá trình đào thải tự nhiên của cuộc sống. Chính con người mới là kẻ phá vỡ sự cân bằng vốn có của thiên nhiên khi săn bắt bừa bãi các loài thú, có lúc chỉ để giải trí.

Anh Đăng góp chuyện:

– Lại còn chiến tranh nữa! Các cậu đã đi qua những vùng rừng bị rải chất độc hóa học, chắc biết. Có lần mình gặp một con nai đẻ ra quái thai. Con nai mẹ cuống quýt chạy quanh cái bọc thịt đỏ hồng phập phồng, mắt nó ngơ ngác hoảng hốt trông tội lắm Hơn tuần sau mình quay lại nơi đó, thấy nai mẹ đã chết. Xác hai mẹ con nó đang rữa ra trên lớp lá rụng...

Mọi người lặng im. Tôi nói sang chuyện khác:

– Anh Hùng này, làm sao anh biết được mùi cọp?

– Con cọp có mùi riêng của nó chứ? Cũng như khi đi đêm, không nhìn thấy gì nhưng ta vẫn phát hiện ra tụi Mỹ phục kích nhờ ngửi được mùi của chúng. Trong rừng, cọp thường đái vào gốc cây để đánh dấu lãnh địa của nó, thợ săn thoáng ngửi qua là biết liền.

– Thế làm sao anh biết có ba con?

– À, phải nhìn dấu chân nó để lại. Việc này khó hơn. Có người đi săn cả đời mà vẫn bị làm đấy! Người thợ săn giỏi là phải biết nhìn, nghe, suy nghĩ..., tích lũy từng chút hiểu biết, từng chút kinh nghiệm. Đến một lúc nào đó, tất cả thấm vào trong đầu óc anh, gần như thành bản năng, thành linh cảm. Lúc đó anh chỉ nhìn qua dấu chân, hoặc ngửi chút mùi vương lại trong không khí là đã biết nhiều điều về con vật thậm chí có thể biết nó no mồi hay còn đói..., có lẽ chỉ không biết được con đực hay con cái thôi. Để lúc nào rảnh rỗi mình bày thêm cho cậu. Cũng phải học dần mỗi lúc một ít, không thể biết ngay tất cả được đâu.

Anh Đẳng đang đi phía trước nói với lại:

– Cậu Hải yên trí! Đi xong chuyến này cậu sẽ học được khối thứ, lúc đó trở thành... người rừng là cái chắc?

Mọi người cười vang. Một đàn chim thấy động vỗ cánh bay rào rào.

Tôi không nhớ mình đã mê rừng từ lúc nào, nhưng hồi còn nhỏ, những ngày đẹp trời, tôi thường leo lên cây ngóng lên phía Trường Sơn ngắm không chán mắt những dãy núi điệp trùng. Dưới nắng vàng, màu xanh cây lá cứ rục lên nơi dãy núi gần nhất, còn những dãy xa hơn có màu xanh dương, xanh lơ, xanh nhạt, và cuối cùng là lớp núi xanh mờ hòa vào trong mây trắng. Tôi ao ước được đặt chân tới những vùng rừng xa xôi và say sưa mơ mộng thả hồn trong những cánh rừng đẹp như mơ cùng những chuyến phiêu lưu kỳ thú nơi rừng xanh núi thẳm...

Chính niềm say mê đó đã khiến tôi hết sức thán phục và ngưỡng mộ anh Hùng trước những hiểu biết của anh về rừng. Vốn tính ít nói, không mấy khi anh kể về bản thân mình, nhưng lại rất say sưa sôi nổi khi kể chuyện rừng. Ở trong rừng, anh biết nhiều loại lá có thể nấu canh và những thứ cỏ cây dùng làm thuốc. Nhìn qua một thứ quả dại nào đó, anh có thể nói ngay là ăn được hay không. Khi nghe anh kể về cỏ cây hoa lá muông thú, không ai nghĩ anh là người trai của quê lúa Thái Bình.

Sống trong một làng quê nằm giữa cánh đồng cò bay thẳng cánh, nhưng nhà anh quanh năm thiếu ăn vì chỉ có vài sào ruộng xấu cấy một vụ. Vì thế từ những đời trước, gia đình anh đã phải làm thêm nghề sơn tràng. Hàng năm sau khi gieo cấy xong, những người đàn ông để ruộng đất nhà cửa lại cho phụ nữ trông nom rồi kéo nhau lên rừng đốn gỗ kết bè xuôi sông về bán ở đồng bằng. Nghe qua tưởng đơn giản, nhưng thực ra cuộc sống trên rừng dưới sông của những người thợ sơn tràng không phải dễ dàng. Đốn được cây gỗ đưa xuống tới sông để cón bè đã là khó, nhưng chưa vất vả bằng lúc phải chống bè vượt qua những ghềnh đá, những con thác hung dữ ở miền thượng lưu. Nhiều khi qua thác bè vỡ hoặc lúc gặp cơn lũ cuốn bất ngờ thì lại tay không trở về làng, còn giữ được mạng sống đã là may mắn lắm.

Nhưng được cái cuộc sống gian nan trong núi rừng, trên sông nước dạy người ta khôn ra, hiểu biết nhiều hơn và dạn dày với mọi nỗi gian truân. Năm mười hai tuổi, anh Hùng được bố cho đi một chuyến như thế, và từ đó anh mê rừng đến không gì cưỡng lại được. Anh theo bố đi rừng không bỏ chuyến nào. Năm mười sáu tuổi, anh ở lại hẳn trong nhà một bà mẹ già mà gia đình anh đã từng quen biết thân thiết, và sau này lấy vợ là cháu gái bà.

Ở đó, cuộc sống của dân bản phụ thuộc vào rừng. Anh Hùng cũng đi rừng như mọi người. Anh gắn bó với rừng và rừng giúp anh thỏa mãn mọi khát khao mơ tưởng từ khi còn bé ngồi nghe ông cha kể chuyện rừng. Để sống được với rừng, anh còn phải học phải biết nhiều điều, và rừng dạy cho anh những bài học mà không nhà trường nào dạy được. Bà mẹ già là người thầy thuốc duy nhất của cả bản, bà dạy anh nhiều bài thuốc từ cây cỏ trong rừng.

Năm 1963 anh nhập ngũ, lúc vợ mới sinh con trai đầu lòng. Cuộc đời người lính của anh cũng lại gắn bó với rừng. Những hiểu biết về rừng cùng cuộc sống được rèn luyện trong rừng từ tuổi niên thiếu, đã giúp anh trở thành người chiến sĩ trinh sát đầy

bản lĩnh của một sư đoàn mà từ khi thành lập đến nay, mọi chiến công đều gắn liền với những địa danh của núi rừng.

Đó là những điều về anh mà anh Đăng đã kể tôi nghe. Còn anh, chỉ một lần duy nhất anh kể về mình là lúc khoe chuyện vợ đã hai lần đưa con về thăm quê nội. Mỗi lần như vậy bà con nội ngoại đều hết sức mừng rỡ giữ hai mẹ con lại hàng tháng trời không muốn cho đi... Nhìn nét mặt rạng rỡ của anh, tôi hiểu rằng anh đã ao ước biết nhường nào được một lần đưa con trai về thăm quê, về với những cánh đồng rập rờn sóng lúa, với làng quê nhỏ nhỏ khuất sau lũy tre xanh, nơi tuổi thơ của anh có bao kỷ niệm êm đềm...

Gần hết ngày hôm ấy, chúng tôi đi được quãng đường khá dài nhưng chưa gặp nguồn nước nào. Anh Đăng giục mọi người rảo bước mong gặp suối trước khi trời tối.

Lúc sắp bước ra một trảng cỏ, anh chột lùi lại ngoác tay gọi khẽ: "Hải, tới đây!" Tôi nhao tới bên anh thì thào hỏi: "Gì thế anh?", trong đầu thầm nghĩ "Lại cộp ròi..."

Anh Đăng không đáp, đưa tay chỉ về phía trước mặt. Tôi nhìn theo, thấy cuối trảng cỏ có đàn gà đang ăn. Biết anh dành cho tôi cơ hội kiếm thức ăn buổi tối, tôi nói ngay: "Để đấy cho em" và tuột ba lô đặt xuống đất. Tôi nhìn ngọn cây tìm hướng gió, nhanh nhẹn luồn qua những bụi cây ven trảng cỏ tới gần đàn gà. Khi chỉ còn cách chừng sáu chục mét, tôi quì xuống giương súng ngắm. Không thể tới gần hơn được nữa, sợ chúng nghe động bay hết thì ê mặt. Con gà trống có bộ lông màu nâu nhạt điểm những sắc đỏ sắc vàng và cái đuôi dài tha thướt, nom cũng ra đáng lắm. Những con mái thường hơn với màu lông đen xám lẫn lộn. Con trống vừa bới mồi vừa quanh quẩn bên mấy ả mái. Tôi đưa bộ lông sặc sỡ của nó vào đường ngắm, nhưng chưa bắn ngay mà rê nòng súng theo mục tiêu đang lảng xảng lui tới. Đến lúc một con nữa chập vào đường ngắm, tôi mới bóp cò. Phát súng nổ vang làm mấy con gà hást hoảng bay vút vào bụi rậm. Tôi chạy ra bãi cỏ

nhặt hai con vừa trứng đạn rồi thông thả quay lại nơi ba anh đang đợi.

Thấy tôi, anh Đăng reo lên:

– Ái chà! Hai con một lúc cơ à?

– Gà nhỏ quá, phải hai con ăn mới đủ anh ạ! - Tôi đáp, cố làm ra vẻ dửng dưng.

Cả ba anh cùng cười ồ: "Khá lắm? Cậu này chơi được đấy!"

Chúng tôi vội vã đi tiếp, nhưng vừa qua hết trảng cỏ đã gặp ngay khe nước. Một sự bất ngờ thật dễ chịu.

Lúc chuẩn bị bữa tối, anh Hùng vừa quay hai con gà đang xèo xèo trên đồng than đỏ rực, vừa nói:

– Để hôm khác có con thú nào ngon thịt, mình sẽ biểu diễn cho các cậu một cách nướng tuyệt diệu, bảo đảm khách sạn Phú Gia ở Hà Nội cũng khó làm ngon hơn được...

Trời nhá nhem tối. Chúng tôi ngồi bên đồng lửa cháy rùng rục, khoan khoái thưởng thức món gà rùng nướng thơm lừng chấm với muối có rắc mấy hạt mì chính. Vờ cúi mặt làm như mãi gặm đùi gà, nhưng thực ra trong lòng tôi đang nở từng khúc ruột khi nghe ba anh tấm tắc khen món gà rùng nướng, cứ như nhờ tôi bắt nên thịt gà mới ngon đến vậy. Biết thế nào được! Khi ta hai mươi ba tuổi, chưa hẳn mọi cái đều chín chắn, trong ta vẫn còn sót lại chút ngây thơ của thời trẻ nít, nhất là khi ở bên nhưng người từng trải hơn mình. Chính vì thế mà một thành công con con như vậy cũng làm tôi sướng rơn, người cứ lâng lâng mãi.

Đến tối, chúng tôi kéo thêm mấy khúc gỗ chất vào đồng lửa rồi dựng lều ngủ ngay bên khe nước. Tôi nằm cạnh anh Hùng, mê mãi nghe anh kể chuyện rùng. Anh say sưa nói về cách bẫy chim săn thú, tìm rau quả đào củ mài, cách xác định phương hướng khi đi đêm trong rùng... Anh nói:

– Có người cho rằng những thứ quả nào có dấu chim ăn thì người ăn được, nhưng không hẳn như thế. Nhiều loại quả chim ăn được nhưng người ăn lại bị ngộ độc đấy! Muốn ăn, phải tìm

những thứ mà bọn thú bốn chân như chồn, sóc, khỉ... vẫn ăn. Nhất là khỉ, chúng biết chọn thức ngon nhất để chén...

Anh còn kể cho tôi nghe những lần đi tìm trầm, phải lang thang trong rừng hàng tháng trời. Những chuyến đi săn lợn lòi, trai tráng trong bản kéo nhau đi đông vui như ngày hội. Người và chó xua lũ lợn vào một góc rừng nào đó đã giăng lưới và có thợ săn cầm nỏ cầm lao phục sẵn. Tiếng mõ, tiếng phèng la khua vang lừng hết cánh rừng này qua cánh rừng khác. Một chuyến săn như thế có khi kéo dài đến bốn, năm ngày...

Trăng lên lúc đêm đã khuya. Anh Đăng giục chúng tôi ngủ để lấy sức mai đi. Nãy giờ hai anh vẫn nằm nghe chuyện, thỉnh thoảng mới góp vào một câu.

Tôi vén mép tảng nhìn ra. Trăng sáng quá. ánh trăng rười rượi trên trảng cỏ đầy sương và tiếng côn trùng nỉ non làm cho đêm rừng càng trở nên huyền ảo. "Khuya rồi, ngủ đi Hải", anh Đăng khẽ nhắc. Tôi buông mép tảng, kéo tấm võng đôi dùng làm chăn trùm kín đầu, lát sau đã chìm sâu vào giấc ngủ.

Chương III

Sang ngày thứ sáu ở trong rừng. Theo tính toán của anh Sơn, chúng tôi vẫn đang đi trên đất Lào. Trước khi lên đường, anh Đăng nhắc từ hôm nay phải tranh thủ kiếm thêm thức ăn để hạn chế dùng số lương thực mang theo.

Hôm qua anh Hùng đã chỉ cho tôi biết cây củ mài. Theo anh, ở rừng củ mài là loại lương thực tốt nhất vì nó nhiều tinh bột lại lành, ăn thay cơm được mà không sợ say như ăn sắn. Có điều củ mài thường đâm sâu dưới đất, đào rất khó, chúng tôi đang còn gạo ăn nên chưa đào lần nào. Còn chim, thú trong rừng không thiếu. Ban ngày, xung quanh chúng tôi lúc nào cũng nghe tiếng chim. Riêng sóc thì ở đâu cũng gặp, chúng chuyền thoăn thoắt khi ẩn khi hiện trên cành cây.

Hôm đi qua cánh rừng thưa, chúng tôi gặp cả một đàn lợn rừng hơn chục con đang dũi đất kiếm ăn. Con lợn đầu đàn to gần bằng con bò, có hai răng nanh cong vút bên khóe miệng, những túm lông trên sống lưng dày rậm như bờm. Nghe động, nó choãi chân đứng thủ thế, cặp mắt gườm gườm, lông gáy dựng ngược lên. Lát sau nó hộc mấy tiếng rồi quay lại dẫn bày đàn thong thả bước đi.

Hầu hết những đoạn suối chúng tôi qua đều có dấu chân của những con thú lớn xuống uống nước. Tôi đang mong có dịp bắt được một con nai, con mang nào đó. Thịt mang ngon lắm, mềm và ngọt hơn thịt bò. Nhưng lúc này chưa được, chúng tôi đang vội. Chặng đường phía trước còn rất dài.

Chừng giữa buổi, cả tổ đi vào một hẻm núi, hai bên là hai ngọn núi cao sừng sững. Những thân cây mọc trên vách núi nghiêng cành xò tán lá rậm rạp che kín trên đầu. Hẻm núi tối mờ. Mấy cây dây leo to tướng như đàn rắn kì dị ngoắc đuôi vào nhánh cây thòng xuống đong đưa.

Đang đi, bỗng nghe rào rào, rồi những vật gì rơi lộp độp xung quanh. Tôi vội ngược nhìn lên, suýt trượt chân trên tảng đá trơn tuột. Những cái bóng chuyền thoăn thoắt trên cành cây và tiếng lẹc khếch vọng xuống. Thì ra là lũ khỉ. Chúng đang hái trái cây, bẻ cành khô ném xuống đầu chúng tôi có vẻ như không chấp nhận sự đột nhập của những kẻ lạ mặt. Chúng tôi vẫn cắm cúi bước, mong thoát nhanh ra khỏi cái hẻm núi tối tăm khó chịu này. Nhưng rồi không hiểu từ đâu, bọn khỉ kéo tới đàn đàn lũ lũ có đến hàng trăm con, chuyền cành ào ào như gió cuốn và ném xuống tất cả những gì chúng vớ được, làm chúng tôi tối tăm mặt mũi.

Tôi bực mình tuốt súng cầm ở tay, nói với anh Đăng:

– Để em cho tụi nó mấy phát cho chừa đi?

– Ấy đừng, bắn làm gì! - Anh Đăng vội giơ tay ngăn lại - Chịu khó một lúc, ném chán là chúng thôi. Chẳng nguy hiểm gì đâu.

Anh Hùng nói thêm:

– Cậu mà bắn một con là chúng càng kéo tới đông hơn và đuổi mình đến cùng đấy?

– Chẳng lẽ mình chịu à? - Tôi vẫn chưa hết cáu.

– Không phải chịu, mà là không cần thiết phải khiêu khích chúng. Thực ra, lũ khỉ cũng chỉ hiểu làm thôi. Đây là lãnh địa của chúng mà.

Quả nhiên sau một hồi ném chán tay, lũ khỉ chí choé gọi nhau tản đi.

Đến gần trưa, vách núi hai bên thấp dần. May quá, sắp ra khỏi hẻm núi rồi. Đi thêm một quãng qua khỏi khúc quanh, mắt chúng tôi bỗng lóa lên bởi ánh nắng vàng rực chan hòa khắp cánh rừng trước mặt. Đúng là như vừa chui ra khỏi lỗ cống, ai cũng thở phào nhẹ nhõm.

Mặt trời lên gần tới đỉnh đầu. Phía trước nghe có tiếng suối chảy. Mọi người bước hối hả để mau đến chỗ có thể nghỉ lại nấu cơm.

Đang đi vội, anh Đăng bỗng nhảy bật lùi một bước. Tôi tuột súng nhào tới nhưng anh gạt lui: "Đừng, rấn đấy!" Khi nhìn ra trước, tôi chột thót tim, người sồn gai ốc: một con rấn hổ mang to tướng chắn ngang lối đi, chỉ cách năm mét. Nó đang ngóc cái đầu dẹp lép phồng mang phun phun phì phì, lưỡi thụt ra thụt vào như tia chớp. Tiếng anh Sơn nói nhanh sau lưng tôi:

– Đứng yên đừng cử động, để đó cho tôi?

Anh bước chệch sang một bên, đứng dạng chân nâng súng bằng cả hai tay bắn liên bốn phát không cần ngắm, tiếng nổ liên liên như loạt tiểu liên.

Con rấn như bị dao phạt ngang cổ, lăn lộn cuộn cái thân dài thượt đen mốc, kéo theo cả cái đầu toé máu chỉ còn dính với thân bằng một mẩu da. Phải đến mấy phút sau nó mới chịu nằm im. Hú vía! Mấy hôm trước chúng tôi vẫn gặp rấn, nhưng thường thấy động là chúng trườn đi ngay. Còn con này hình như đang định tấn công. Tôi kinh hãi nhìn con rấn: nó dài gần ba mét, to gần bằng cổ chân, vảy lờm chớm trên cái thân đen mốc, khúc đuôi dài ngoẵng đến giờ vẫn còn giật giật.

Anh Hùng nói với anh Sơn lúc này vẫn đang cầm khẩu K54 nòng còn bốc khói:

– Cậu xử trí đúng đấy! Khi đó nếu mình di chuyển là nó lao tới mổ ngay.

Anh Đăng hể hả:

– Không ngờ đồng hương bắn giỏi đến vậy! Cứ như trong phim ấy!

Anh Sơn nhét khẩu súng vào bao, cười hiền lành:

– Ở ngoài kia đi rừng tôi cũng mang K54. Thỉnh thoảng xin được đạn bên bộ đội, vẫn vào rừng tập bắn. Lâu rồi quen tay thôi!

Tôi nhìn anh thán phục. Vốn là tay súng giỏi, tôi biết để bắn được như thế không chỉ cần quá trình tập luyện công phu, mà đòi hỏi có năng khiếu và thần kinh phải vững như thép.

Chúng tôi lại đi. Tôi thận trọng bước dài tránh xác con rắn, nó chết rồi mà trông vẫn thật đáng sợ. Con này đã cắn ai thì chẳng thuốc nào cứu được.

Đến chiều, khi vừa chui ra khỏi quăng rừng rậm, chúng tôi gặp một con đường của voi đi. Tôi dễ dàng nhận ra điều ấy bởi suốt dọc lối chi chít dấu chân voi. Có dấu đã cũ, có dấu trông còn mới, chắc chúng vừa đi qua đây không lâu. Có lẽ bầy voi thường qua lại trên lối này, vì chúng làm những cây con gãy rạp, tạo thành một làn đường rộng hơn chục mét.

Nãy giờ anh Hùng vẫn quan sát dấu chân voi nhưng chưa nói gì. Tôi tranh thủ nêu ra phán đoán theo kiểu anh đã dạy. Nghe xong, anh cười bảo:

– Cậu nói có phần đúng, như vậy là tiếp thu bài tốt đấy? Nhưng... - Anh xốc lại ba lô trên lưng, suy nghĩ một lúc rồi nói tiếp - Muốn phán đoán đúng phải kết hợp nhiều yếu tố khác nhau, nhất là phải biết đặc tính của con vật. Mình ví dụ thế này nhé: Con voi nặng nên dấu chân nó hằn rõ. Bây giờ đang mùa khô, vì vậy có khi đã vài tháng mà dấu chân trông vẫn còn như mới do cỏ không mọc lên được, cũng không có mưa nên không bị xói mòn hoặc đất cát tràn vào.

– Vậy làm sao để biết nó đi qua khi nào?

– Phải nhìn cây chứ! Con voi dùng vòi cuốn lá ăn. Nó lại giẫm chân lên những bụi cây thấp hoặc ngọn cỏ. Nhìn cây lá là xác định được. Đấy, cậu nhìn xem có dấu cây gãy nào còn mới không? Với những dấu vết này, bầy voi đi qua gần đây nhất cũng phải non một tháng rồi.

Tôi ngẩn người nghe anh nói. Đúng là không thể một lúc mà học hết mọi thứ được.

– Thế anh bảo bầy voi này có đông không? - Tôi hỏi.

Anh Hùng chưa kịp trả lời thì anh Sơn đã lên tiếng:

– Hải cứ nói trước đi, xem có đúng không?

Tôi cười:

– Em nghĩ là rất đông. Dấu chân chi chít thế kia, phải ba bốn chục con là ít.

Anh Đăng nghe tôi nói liền bật cười:

– Lần này cậu chỉ được hai điểm là cùng! Sao vậy anh!

– Cứ hỏi Hùng thì biết!

Anh Hùng không đợi tôi hỏi, nói ngay:

– Bầy voi đi qua lần vừa rồi chỉ bốn hoặc năm con. Muốn biết, phải tìm trong những dấu chân kia, chọn ra những dấu còn mới như nhau. Nhưng có điều... Anh chưa nói hết câu thì anh Đăng đưa tay ra hiệu im lặng. Theo hướng anh chỉ, chúng tôi nhìn thấy trên ngọn cây khô trước mặt có hai chấm đen: hai con chim đang đậu. Anh Hùng nói khẽ: "Các anh đứng lại đã nhé!", rồi cầm súng lủi qua những lùm cây. Ít phút sau, tiếng súng nổ vang lên, một con chim rơi xuống, con còn lại hốt hoảng bay mất. Chúng tôi bước nhanh tới. Anh Hùng đang đứng dưới gốc cây nhìn lên. Con chim trúng đạn rơi vướng trên nhánh cây, cao đến hai chục mét là ít. "Phí của! Thế là mất bữa thịt chim...", tôi tặc lưỡi tiếc rẻ. Anh Hùng giúi khẩu súng vào tay tôi, bỏ ba lô xuống đất bám thân cây thoăn thoắt leo lên, loáng cái đã đến nơi. Anh ôm nhánh cây bò ra một đoạn rồi dùng cả thân người nhún. Con chim bật khỏi đám lá rơi thẳng xuống. Tôi chạy đến nhặt lên. Không biết loài chim gì nhưng rất to, nặng đến ba kí là ít. Nó có bộ lông màu nâu nhạt, đầu cánh điểm những chấm trắng làm tôi nghĩ đến loài đại bàng, nhưng chắc không phải vì con này mỏ ngắn và thẳng, chân lại không có vuốt cong nhọn.

Anh Hùng vừa xuống đến nơi, tôi hỏi ngay:

– Chim gì vậy anh?

– Cậu làm như tớ biết hết mọi thứ không bằng! - Anh cười.

– Chim gì cũng được. Thịt chim chỉ có ngon hay dở chứ ăn không ngộ độc đâu mà sợ! - Anh Đăng nói vui.

Tối đó chúng tôi ăn cơm với thịt chim kho muối. Món thịt khá ngon nhưng có mùi hơi khét.

Lúc chui vào lều ngủ, tôi nhắc anh Hùng:

– Hồi chiều anh đang nói về đàn voi...

– À, mình cũng đang nghĩ. Theo mình thì bầy voi đã đi lại nhiều lần trên đường này, nhưng có lẽ không phải đi kiếm ăn. Vì nếu thế, chúng phải tản ra trong rừng, đàn này lại chỉ đi theo một lối nhất định. Đây có thể là con đường đi tới nghĩa địa voi.

– Nghĩa địa voi? - Tôi sùng sốt kêu lên.

– Đúng vậy? Mình chưa nhìn thấy lần nào, nhưng đã nghe kể.

- Anh quay sang nói với anh Đăng - Đây, anh Đăng có nhớ hồi ở bản Nằm không? Ở ngoài Thà Khẹt ấy?

– À, cái bản nuôi voi chứ gì?

– Ấy đấy! - Anh Hùng kể tiếp - Bọn mình đi công tác, trú lại bản đó có đến nửa tháng. Dân bản sống chủ yếu bằng nghề săn voi. Họ bẫy voi rừng về thuần dưỡng rồi đem bán sang Thái Lan. Mình đã xem cách họ dạy voi, hay lắm! Thế nhưng không phải ai cũng dạy được voi đâu nhé! Cả bản hơn trăm đàn ông, chỉ có mười người chuyên nghề dạy, còn những người khác chỉ đi bẫy và làm các việc phụ giúp.

Ở đó mình được các cụ già kể nhiều chuyện về loài voi. Theo các cụ thì những đàn voi đông đúc thường có nghĩa địa riêng của chúng ở trên núi cao. Khi trong đàn có con nào già yếu gần đến ngày chết, nó liền được mấy con khác khỏe mạnh kèm đi đến nghĩa địa để chờ chết. Lúc voi già chưa chết, những con đưa đi vẫn kiếm ăn quanh quẩn gần đấy và đem thức ăn về cho nó. Đến khi voi già chết, bầy voi bẻ lá phủ kín xác bạn rồi mới quay về.

Biết đâu lối đi lúc chiều mình gặp là lối bầy voi đến nghĩa địa, nơi những con voi già đến để chờ chết...

Nằm lắng nghe câu chuyện lạ lùng về loài voi, tôi thầm mong được nhìn thấy nghĩa địa voi một lần cho biết. Trong rừng núi còn biết bao những chuyện kỳ lạ về các loài cỏ cây muông thú mà con người chưa thể hiểu hết được. Chính sự bí ẩn đó đã làm cho

rừng già - cái nôi của sự sống từ ngàn xưa - trở nên hấp dẫn lạ thường.

Chúng tôi vẫn may mắn trong suốt buổi sáng hôm nay, khi con đường của voi vẫn trùng với hướng đi. Nói "may mắn" là vì, đi theo lối voi vẫn dễ hơn nhiều, và tôi còn hy vọng gặp được nghĩa địa voi.

Trưa hôm đó cả tổ nghỉ lại bên một con suối cạn. Đành phải ăn lương khô vì nước trong bi đông dành để uống, không thể nấu cơm được. Tôi ngồi tựa lưng vào gốc cây, tay bẻ từng mẩu lương khô cho vào miệng nhai, mắt nhìn theo đàn bướm đang bay dập dờn ở đoạn suối khô dưới chân vách đá. Không hiểu sao mùa này mà ở đây vẫn còn sót lại đàn bướm đông đến thế. Vô vàn con bướm trắng bướm màu kết thành đám dày đặc, trông xa như dải mây mỏng vương dulong dằng nơi chân núi.

Mải nhìn đàn bướm, đến khi nghe tiếng động lục cục tôi mới ngoái đầu nhìn lại. Anh Hùng đã ăn xong, đang lấy dao đào đất ở chỗ lòng suối khô. Chắc anh tìm nước. "Đào làm gì nhỉ, lát nữa đã đi rồi? Mà làm sao có nước ở đây được?" Tôi chạy xuống chỗ anh, thắc mắc tự hỏi.

– Đào gì vậy anh Hùng? - Tôi hỏi.

– Cậu cứ lấy dao đào giúp đi, tí sẽ biết. - Anh cười trả lời.

Tôi rút dao hì hục cạy những tảng đất nứt nẻ. Lát sau, chúng tôi đào được một khoảng rộng bằng nửa chiếc chiếu. Anh Hùng lại đào tiếp lớp thứ hai. Khi cạy lên tảng đất to bằng cái mũ, anh bảo: "Cậu bóp vụn ra xem?" Tôi làm theo lời anh. Đang bóp cho đất vỡ ra, tôi chợt giật nảy người khi chạm phải một vật gì trơn trơn lạnh lạnh. Nhìn xuống thấy một con vật đang trườn ra.

– Ôi lươn! Ở đây có lươn à? - Tôi reo lên.

– Không phải lươn đâu, chạch núi đấy. Nó cũng như cá chạch dưới ta thôi!

Đúng là con chạch thật! Cũng có đuôi, có vây, thân mình trơn nhớt, chỉ khác ở cái đầu nhọn hơn.

– Ăn được không anh?

– Được chứ! Còn ngon nữa là khác!

Tôi đưa mắt nhìn dọc khe suối cạn:

– Thế đào ở đâu cũng có hả anh?

– Đừng tưởng bở! Phải chọn vũng suối nào nước đọng lâu nhất, và tất nhiên là lòng suối không có đá. Con chạch theo nước về đến đây thì nước khô, nó phải chui xuống đất ẩm chờ trời mưa. Mà những vũng suối đã khô lâu ngày thì đừng đào mất công.

– Nó chết hết phải không anh?

– Không hẳn thế! Con chạch rất khó chết. Nhưng khi ấy nó chui xuống sâu hơn. Mình đào bằng dao, biết bao giờ mới bắt được?

Một lúc sau, chúng tôi đào được hơn chục con cỡ ngón tay, con to nhất bằng ngón chân cái.

– Thôi đến lúc phải đi rồi - Anh Hùng bỏ những con chạch vào gô, đậy nắp lại - Cốt kiếm nồi canh chua thôi. Đến chiều cậu sẽ biết nó ngon như thế nào. - Anh nhìn tôi cười.

Con đường của voi vẫn kéo dài và ngày càng lên cao. Chúng tôi đạp lên những dấu chân voi, cắm cúi bước trong nắng chiều rát bỏng sau lưng.

Leo hết đoạn dốc cao, tôi dừng lại lấy mũ lau mồ hôi đầm đìa trên mặt, chợt ngửi thấy trong gió thoảng mùi thối khăng khăng. Chắc có con vật nào chết quanh đây. Đi thêm một quãng nữa, mùi thối càng nặng hơn. Anh Đăng giục mọi người rảo bước, vượt nhanh ra khỏi vùng này. Gần tới đỉnh dốc, anh Sơn dừng lại lấy bản đồ trải trên đất, dùng địa bàn ngắm hướng rồi gọi:

– Anh Đăng ơi, đứng lại đã!

– Gì thế Sơn?

Anh Sơn chưa đáp mà xem lại bản đồ lần nữa, suy nghĩ một lát và ngẩng đầu lên nói với chúng tôi:

– Phải đi cắt rừng thôi! Con đường này bây giờ đang chệch với hướng của mình tới mười bảy độ.

Tôi ngoái đầu nhìn: đúng là lối voi đi đến đây thì quanh lại, đâm thẳng lên đỉnh dốc.

– Thôi được, ta rẽ luôn. Gắng đến đoạn nào có nước để nghỉ.

Chúng tôi xốc ba lô, rẽ cây bước tới. Được mấy bước, anh Hùng chột ngập ngừng:

– Hay là... - Chúng tôi cùng quay lại nhìn anh - Mình đi lên đoạn nữa. Theo tôi, mùi hôi thối lúc nãy là của một con voi chết. Có thể nghĩa địa voi ở gần đây. Ta tới thẳng đấy xem sao rồi đi tiếp. - Anh vội vã giải thích.

Anh Đăng đang ngần ngừ, tôi nói luôn:

– Phải đó anh ạ! Chắc không xa đâu, chỉ sau đỉnh dốc kia thôi. Lên tới đó nếu không có, ta nhắm hướng đi càng tiện.

Anh Đăng bật cười:

– Đúng lý quá, không ai cãi vào đâu được.

Chúng tôi quay lại đi tiếp theo dấu chân voi, mặc cho mùi hôi vẫn theo ngọn gió tây nam phả tới. Đến đỉnh dốc, tôi hăm hở bươn lên dẫn đầu. Chẳng thấy gì cả, chỉ có dấu chân voi đi qua dưới những gốc cây cổ thụ sừng sững lúc này đang nhuốm nắng vàng hươm trên ngọn. Anh Đăng giục:

– Cứ đi nữa đi! Tớ cảm thấy như gần đâu đây thôi.

Thêm một quãng vài trăm mét, khi vòng qua hết mấy tảng đá lớn, chúng tôi cùng đứng sững lại bởi cảnh tượng trước mắt thật lạ lùng: trên một vùng đất rộng và tương đối bằng phẳng, vô số những bộ xương voi nằm la liệt xen với những tảng đá bạc trắng lô nhô. Thỉnh thoảng mới có một bóng cây mọc giữa đám cỏ, trên ngọn có mấy con chim đậu im lìm.

Anh Đăng kéo chúng tôi đi lên mé trên, tránh mùi hôi thối nồng nặc đang bốc lên từ xác con voi nằm gần đó. Tôi mượn anh chiếc ống nhòm đưa lên mắt nhìn. Nhiều bộ xương dầu dãi mưa nắng lâu ngày đã trắng hếu, giữa đồng nổi lên tảng xương đầu to

tướng và những cánh xương sườn cong cong. Có vài bộ xương lớn nhỏ còn dính những mảnh da đen mốc rách tả tơi. Trên cái xác voi đang bốc mùi, mấy con chim ăn thịt đứng đĩnh đi lại, chốc chốc lại cúi đầu dưới lớp da voi rúc thật thối. Con vật to lớn giờ đây trở thành một đống lùn nhùng, chỉ còn đôi ngà dài cong vút đang ánh lên dưới nắng chiều như muốn chứng minh rằng nó đã từng kiêu hãnh tồn tại trên cõi đời này.

Trong bóng chiều đã xế, cả vùng nghĩa địa tĩnh mịch vắng lặng. Cảnh vật trở nên thê lương, buồn bã. Những tảng đá trắng lơ nhô trên cỏ như những tấm bia mộ xếp lớp lớp trải dài đến hút tầm nhìn.

Chúng tôi lặng lẽ quay lại tìm hướng băng rừng tiếp tục cuộc hành trình. Trong đầu tôi vẫn miên man suy nghĩ về nghĩa địa voi. Những con vật chung thủy từng sống bày đàn quần quít, đã tìm về trên đỉnh núi cao quanh năm tràn đầy nắng gió này để chết cùng một chỗ. Cả đến khi phải từ giã cuộc sống, chúng cũng không muốn xa nhau và không muốn rời xa rừng già. Lại còn những con voi dừ bạn mình đi suốt chặng đường dài giữa rừng hoang để đến nơi yên nghỉ cuối đời như ý muốn... Con vật chỉ hành động theo bản năng mà sống với nhau có tình có nghĩa như thế, huống chi con người.

Chương IV

Ngày thứ tám. Chúng tôi lên đường từ sáng sớm, khi sương còn giăng trắng rùng. ánh rặt trời rọi qua sương tạo nên một bức màn màu hồng mờ mờ. Những cành lá đọng nước quệt vào người làm quần áo ướt sũng. Đôi dép cao su chốc chốc lại tụt khỏi chân. Chừng tám giờ sáng thì sương tan hết, nhưng đường đi ngày càng dốc hơn. Chúng tôi đang leo lên sườn của một ngọn núi nào đó. Chân người đi trước gần như ở trên đầu người đi sau. Anh Đăng thỉnh thoảng phải dừng lại, một tay níu cây, một tay kéo giúp từng người vượt qua chỗ dốc ngược. Anh nói:

– Cố lên các cậu! Chưa ăn thua gì đâu, sắp tới còn khó đi hơn đấy!

– Sao vậy anh? - Tôi hỏi.

– Máy hôm nay ta đang leo lên sống lưng của dãy Trường Sơn. Đến lúc sang sườn đông cậu mới biết, hiểm trở hơn nhiều.

Tôi tặc lưỡi:

– Kệ, đi được tất! Em chỉ trông mau tới nơi thôi.

– Đừng tưởng đến đỉnh chỉ cần vắt chân một cái là sang sườn đông như lúc cưỡi trâu đâu nhé! Còn phải leo chán - Anh Sơn trêu.

Mặt trời dần lên cao, ánh nắng đốt nóng trên cổ, trên vai áo. Chúng tôi níu cây vắt vẻo leo từng đoạn dốc. Lúc này chẳng ai còn sức để trò chuyện. Mũi và miệng bắt đầu đua nhau thở, hơi thở lùng bùng trong lỗ tai. Từ nãy mồ hôi đã đầm đìa cả người tôi, giờ nó chảy thành dòng vào mắt cay xè. Chiếc ba lô và khẩu súng càng nặng hơn, nhiều lúc như níu lấy vai kéo ngược trở lại.

– Nghỉ tí đã, các cậu? - Tiếng anh Đăng nói ngay trên đầu. Tôi xoay người ngồi phịch xông đất, một tay vẫn níu lấy cành cây. Đoạn này dốc quá, không cẩn thận là lăn lông lốc xuống sườn

núi. Anh Hùng và anh Sơn cũng lên tới, vừa thở vừa nhìn tôi cười:

– Thế nào? Mệt không?

Tôi gật đầu thay cho lời đáp, miệng vẫn há ra làm thêm phần việc của mũi. Ngồi một lúc, khi hơi thở đã điều hòa trở lại, tôi mới lựa thế tỳ chân vào gốc cây để rảnh tay lấy bi đông nước mở nắp đưa lên miệng uống. Nước trong bi đông nóng hầm hập. Tôi quay sang phía anh Đăng:

– Từ đầu tới giờ, nay mới được bữa leo đã đời!

– Chưa hết đâu, đoạn sau còn dốc hơn đây! Này, cậu đưa bao gạo lát mình mang cho.

– Anh đừng lo, em đi được. Hồi ở ngoài kia, mỗi lần đi lấy gạo là em mang bốn chục cân đi cả ngày đấy!

Tôi ngược nhìn lên. Vách núi cao tít, ở đây không nhìn thấy đỉnh vì bị cây che khuất. Những thân cây trắng mốc mọc chura theo phương thẳng đứng tạo với vách núi thành một góc hẹp. Dưới gốc vẫn các loài cây thấp mọc um tùm.

Nghỉ được mười phút, anh Đăng giục đi tiếp. Phải tranh thủ vì chưa biết con dốc này cao đến đâu. Nắng ngày càng gay gắt, đất rừng bốc hơi nóng ngọt ngạt. Được nghỉ một lúc nên tôi bước nhanh hơn, mặc dù đôi vai mỏi nhừ.

Phía trên, anh Đăng thỉnh thoảng lại vung dao phạt những nhánh cây vướng lối đi. Hơn một giờ sau, đang chúí người leo lên, tôi bỗng vấp đầu vào chân anh.

– Có việc gì thế anh? - Tôi hỏi.

Anh không đáp, ngoái xuống gọi:

– Hùng ơi, lên đây? Anh Hùng vội bươn lên...

– Phải dùng dây Hùng ạ?

Anh Hùng gật đầu, mắt ngược nhìn vách núi sừng sững. Anh Đăng bảo chúng tôi:

– Các cậu rút dây võng ra, ta nối lại làm dây leo cho an toàn.

Chúng tôi lựa chỗ đặt ba lô, tháo dây võng nối lại với nhau. Anh Hùng kiểm tra các mối nối, chập lại làm bốn và gút hai đầu thành sợi dây dài hai chục mét, đủ chịu được sức nặng của người leo. Cuốn cuộn dây quanh thắt lưng, anh khoác chéo súng sau vai rồi bám vách núi thoăn thoắt leo lên. Khi leo hết chiều dài sợi dây, anh buộc một đầu vào gốc cây giật thử mấy cái và ngoái xuống bảo:

– Xong rồi, các vị lên đi? Anh Đăng ẩy vào vai tôi: "Xuất phát". Tôi nắm lấy sợi dây, bắt đầu leo. Dễ hơn lúc nãy nhiều vì hai tay có chỗ níu chắc chắn. Lúc gần đến nơi, mồ hôi túa ra lòng bàn tay làm trơn dây, mấy lần tôi suýt tuột tay, may nhờ kịp đạp chân giữ người lại. Lên tới chỗ anh Hùng đứng, tôi phải há mồm hớp lây hớp để những ngậm không khí nhằm làm dịu quả tím đang đập rộn trong lồng ngực đòi thêm ôxy.

Đến lượt anh Sơn. Anh leo nhẹ nhàng hơn tôi nhiều, nhưng lên đến nơi cũng phải há hốc mồm ra thở. Anh Đăng thì khỏi nói! Anh túm dây bươn lên một cách thoải mái, dáng mềm mại như mèo.

Mặt trời gần tới đỉnh đầu, ánh nắng làm tôi lóa mắt khi nhìn lên. Những ngọn cây lay động trên cao nhưng dưới gốc chẳng có chút gió nào, cái nóng vẫn hầm hập trong đám lá vây quanh người. Anh Hùng đã lại leo lên buộc dây cho chặng thứ hai. Lúc này không thể dừng lại được. Vách núi gần như dựng đứng. Chúng tôi phải tựa lưng vào thân cây, tay níu cành cây trước mặt để chờ.

Cứ như thế, từng người thay nhau nắm lấy sợi dây dù trơn tuột, nóng ran trong lòng bàn tay mà leo lên dưới cái nắng thiêu đốt. Mồ hôi trên người tôi vã ra như tắm rồi nhanh chóng bốc hơi, chiếc mũ vải và bộ quần áo khô rộp lên.

Chặng thứ ba...

Chặng thứ tư! Vẫn vách núi dựng ngược nhưng cây mọc thưa thớt. Lác đác mấy tảng đá đen xám chên vênh nóng đến khét nòng. Bây giờ hầu như không ai nói gì. Mọi người lặng lẽ thực

hiện từng động tác lặp lại lần trước, cố gắng không có cử động nào thừa.

Chặng thứ năm!

Tôi ôm một thân cây, choãi người tựa hẳn vào nó thờ gáp, ngẩng đầu nhìn. Anh Hùng đang dán người vào vách núi bám từng mẩu rễ leo lên, đất đá rào rào dưới chân. "Chỉ một cái tuột tay...", tôi rùng mình không dám nghĩ tiếp. Ở xung quanh cây cối đang nghiêng ngả, mấy thân cây gầy guộc vươn những chiếc rễ ngoằn ngoèo cố bám vào vách núi như để khỏi bị rơi xuống. Hình như gốc cây tôi ôm đang lung lay... "Mình bị chóng mặt..." Tôi cố không nhìn lại đoạn dốc vừa leo qua, nhưng càng cố gượng càng có cái gì đó bắt tôi phải nhìn lui... Tôi co cứng cánh tay ôm chặt thân cây. Ánh nắng chói chang. Những quầng xanh quầng đỏ vụt qua trước mặt loang loáng, loang loáng... Gió rít ù ù bên tai. Cảm nhận về cái vách núi sâu hun hút bên dưới làm người tôi rợn lên, sống lưng lạnh buốt...

Bất chợt, một cánh tay choàng qua vai tôi. Anh Đăng lần tới từ lúc nào, vòng tay ôm lấy cả tôi và gốc cây. "Cố lên Hải, sắp tới nơi rồi...", tiếng anh thoảng trong hơi thở. Một tay anh cầm bi đông nước kề vào miệng tôi: "Uống một ngụm, cậu sẽ thấy khỏe ngay..." Tôi hớp ngụm nước và hít mấy hơi thở sâu, thấy người tỉnh táo hơn. Lát sau tiếng mạch đập thành thạch trong đầu dịu đi, cảm giác ròn rợn dưới chân cũng tan dần, mắt không hoa nữa. Đúng lúc đó, một tiếng reo chột vỡ òa bên trên: "Đến nơi rồi, các cậu ơi, đến đỉnh núi rồi...". Tôi nhìn lên. Anh Hùng đang đạp chân trên gốc cây mọc nghiêng, một tay níu vào bờ dốc rướn người nhìn về phía trước, tay còn lại vẫy rối rít. Tôi thở phào nhẹ nhõm.

Nghỉ một lúc, chúng tôi leo lên lần cuối. Chặng này ngắn hơn, đoạn dây còn lại dưới chân anh Đăng có đến năm mét. Lần này anh Sơn lên trước. Đến lượt, tôi bám dây định leo thì anh Đăng giữ lại: "Cậu bỏ ba lô ra, lát sẽ kéo lên" Tôi ngần ngừ nhưng rồi cũng tuột ba lô đặt xuống gốc cây. Anh nói đúng, tôi đã lừ cả người.

Không có chiếc ba lô trên vai nên người như nhẹ bồng, tôi leo khá nhanh. Lúc sắp tới đỉnh, anh Hùng vươn người túm tay tôi kéo tuột lên. "Đến nơi rồi...", tôi reo thầm, chùng người lăn ra bãi cỏ. Một làn gió thổi tới mát rượi. Mặt đất dưới lưng không nghiêng nữa và trời xanh lồng lộng trên cao. Nắng vẫn gay gắt nhưng có gió nên không nóng như lúc nãy. Tôi nhòai người nhìn xuống, thấy anh Đăng đang buộc dây vào ba lô để kéo lên.

Đợi anh lên đến nơi, chúng tôi tháo dây rồi xéch ba lô và sùng chạy vào bóng cây gần đó. Tôi ngồi bệt xuống cỏ, vắn nắp bị đông dốc nốt ngựa nước cuối cùng vào miệng.

Đến lúc này tôi mới nhìn rõ cảnh vật xung quanh. Chúng tôi đã gặp may khi leo đúng vào chỗ trũng hình yên ngựa của một dãy núi, hai bên là hai mỏm núi cao cây phủ xanh rì. Nơi chúng tôi đang ngồi tương đối bằng phẳng, chỉ có vài bóng cây thưa thớt trên vạt cỏ ngả màu vàng úa.

Nghỉ một lúc đỡ mệt, tôi mượn anh Đăng chiếc ống nhòm, bước đến sát vách núi để nhìn phong cảnh bên dưới. Trước mắt tôi, một màu xanh mênh mông phủ lên những dãy núi uốn lượn mềm mại nhấp nhô như lớp lớp sóng dồn. Màu xanh của rừng Lào trải ra xa ngút ngàn cho đến lúc hòa lẫn vào vùng mây xám đen lơ xô ở phía chân trời. Phía ấy đang mưa.

Từ trên cao nhìn xuống, rừng im hai như đang ngủ say dưới ánh nắng chói chang. Nhưng tôi biết dưới tấm thảm xanh được kết bởi triệu triệu tán lá cây rừng kia, cuộc sống vẫn diễn ra sôi động như vốn có từ thuở xa xưa. Tôi rê ống nhòm tìm mỏm núi có những bộ xương voi nhưng không thấy, chắc nó bị khuất sau ngọn núi nào đó. Cũng không nhìn ra lối rừng nào chúng tôi đã đi qua. Tất cả như đã chìm trong cõi mông lung vô tận.

Tôi trở về chỗ gốc cây, thấy anh Sơn đang trải bản đồ trên cỏ. Mọi người xúm lại. Anh lấy kính lúp ra soi rồi đặt thước đo. Loại bản đồ này dựng bằng kỹ thuật không ảnh, chắc ta thu được của địch vì lẽ bên dưới có dòng chữ "Quân lực Việt Nam cộng hòa".

Anh Sơn chỉ vào một điểm trên bản đồ, nói:

– Ta đang ở chỗ này! Như vậy đoạn đường đi trong mấy ngày qua là gần năm mươi cây số theo đường chim bay.

Điểm anh chỉ nằm giáp biên giới Lào - Việt , ở phía bắc phần đất nhô về hướng tây của tỉnh Quảng Nam. Trên bản đồ, vùng này chi chít những vệt nâu không đồng màu, thể hiện các dãy núi cao thấp khác nhau. Ngọn núi chúng tôi đang đứng có độ cao trên hai ngàn mét.

Anh Đăng vươn vai đứng dậy:

– Gần tám ngày đi được nam chục cây, thế cũng tốt rồi! Giờ ta tìm nơi nào có nước nghỉ hẩn buổi chiều hôm nay, lấy sức mai đi tiếp.

Nói xong, anh ngẩng đầu nhìn ngọn cây để ước lượng rồi khoác ống nhòm vào cổ bám thân cây leo lên. Tôi nhìn về hướng đông, nhưng tầm mắt bị chắn bởi dãy đồi mọc toàn cỏ tranh nên chẳng thấy được gì ngoài màu cỏ vàng sém trong nắng.

Lúc tụt xuống, anh Đăng nói:

– Dưới kia có vạt cây xanh, chắc có suối. Ta đến đó xem sao.

Chúng tôi khoác ba lô lên vai, xách súng đi về hướng anh chỉ. Cỏ dày quá, phải dùng chân giẫm rạp xuống mới đi được. Mọi người nối nhau lội trong cỏ rậm, thỉnh thoảng lại ngóng cổ nhìn qua ngọn cỏ để nhắm hướng.

Hơn nửa giờ sau, chúng tôi gặp một con suối khá lớn đổ xuống từ rặng núi phía bắc, nước trong veo chảy xiết cuộn ào ào qua những tảng đá chắn giữa dòng.

Không ngờ ở trên cao này lại có con suối tuyệt vời đến thế. Khi bước vào bóng râm của tán rừng rậm rạp, tôi cảm thấy mát rượi như không hề có mặt trời đang đổ lửa trên cao. Cái mát lạnh tỏa ra từ dòng nước, từ những tảng đá lô nhô hai bên bờ, từ bụi nước bắn tung trên ghềnh đá, tạo nên một ốc đảo khí hậu riêng biệt trái ngược với cái nóng gay gắt ngoài đồi cỏ. Tôi tụt ba lô,

khoan khoái ngả người trên một thớt đá to như tấm phản. Mát lạnh đến rùng mình.

Sau khi nghỉ ráo mồ hôi, chúng tôi xuống suối tắm giặt. Tôi phát hiện ra ở khúc suối phía dưới có một vũng nước rộng sâu ngập đầu, được tạo bởi nước xói khi dòng suối uốn quanh. Mọi người dìm mình trong nước mát, gột sạch bụi bặm của chặng đường dài và vùng vẫy bơi lội thỏa thuê. Những hạt nước tung lên gặp nắng loé sáng như những hạt thủy tinh.

Lúc tôi phơi xong mớ đồ vừa giặt, quay vào đã thấy anh Hùng chọt về một bó cọc. Chúng tôi xúm lại đóng cọc căng mấy tấm tăng dựng lều. Anh Sơn ra mé đồi cắt mấy ôm cỏ tranh về rải trong lều để nằm cho êm.

Việc tiếp theo là chuẩn bị bữa ăn. Sau khi tắm xong, tôi đã thấy đói cồn cào vì lúc trưa chỉ ăn mỗi một miếng lương khô. Khi anh Đăng và anh Sơn đi lấy củi, anh Hùng rủ tôi:

– Này Hải, ta đi câu đi?

– Đi câu? Đi câu cá?

– Ở đây có cá à?

Anh Hùng cười:

– Sao lại không? Ở đâu có nước là có cá! Cứ đi theo tớ khắc biết!

Anh móc trong túi cóc ba lô ra cuộn dây cước có buộc lưới câu, kéo tôi đi xuống vũng suối.

Mặt trời đã xế ngọn cây, nắng chiều vàng rực ngoài đồi cỏ tranh. Vũng suối phẳng lặng. Những tia nắng xuyên qua tán lá lấp lánh trên mặt nước. Anh Hùng chặt một nhánh cây buộc sợi cước vào rồi cầm hai đầu dây tuốt qua đầu gối cho thẳng. Hai chúng tôi ngồi xuống tảng đá bên mép nước. Tôi hỏi:

– Thế mời đâu anh?

– Mời ở quanh đây chứ đâu? Anh đáp, đưa tay véo một cục đất mềm bên dưới tảng đá. Khi anh xòe tay ra, đã có mấy chú giun con ngo ngoậy trên chỗ đất vừa bị bóp vỡ. Anh túm một con

móc vào lưới câu rồi thòng xuống nước. "Lạ quá, câu cá mà chẳng có phao...", tôi thăm thắc mắc, mắt chăm chú nhìn đoạn dây cước rung rung gần mặt nước.

Gần mười phút trôi qua mà chưa thấy gì. Tôi bắt đầu sốt ruột nhưng anh Hùng vẫn ung dung như một người nhàn rỗi đi câu cốt để tiêu khiển. Có tiếng động trên vòm lá. Tôi ngược lên, bắt gặp hai chú sóc đang đuổi nhau trên cây. Chúng chuyền nhanh thoăn thoắt, đuôi xù lên như hai túm bông lau màu nâu.

Chợt anh Hùng vung tay, một con cá nhỏ đang vùng vẫy đầu sợi cước. Tôi tròn mắt nhìn anh gỡ cá ra khỏi lưới câu "Bỏ cái nhánh cây, xâu vào?", anh giúi con cá vào tay tôi, tay kia đã lại véo đất tìm con mồi khác. Tôi cắt đoạn dây leo xỏ vào mang cá. Nó chỉ to bằng ngón tay cái, thân tròn và có những chiếc vây nhỏ lốm đốm đen.

– Cá bóng phải không anh?

– Gọi cá bóng cũng được. Muốn chắc ăn thì gọi là "bóng núi". - Anh cười - Tên con vật là do con người đặt ra mà!

Lúc này cá cắn câu liên tiếp. Chỉ lát sau xâu cá đã được hơn chục con. Anh Hùng bảo:

– Cá này nấu canh chua ngon chẳng chê vào đâu được. Chừng này đủ rồi, ta chuyển sang món khác.

Anh lấy từ túi áo ngực ra một cục chì nhỏ, buộc vào sợi cước ở phía trên lưới câu, móc mồi thả xuống nước. Tôi hồi hộp dán mắt vào sợi dây chờ kết quả. Chưa biết anh định câu con gì, nhưng tôi không hỏi. Càng bất ngờ càng thú vị.

Bỗng sợi cước bị giật mạnh, rồi căng ra chạy xé nước. Anh Hùng đứng bật dậy, vung tay giật theo hướng chạy của sợi dây. Một chú cá đen trũi bật lên khỏi mặt nước vùng vẫy dữ dội. Anh kéo dây hất nó lên bờ. Tôi chồm tới giữ chặt con cá bằng cả hai tay, mặc cho một vật gì sắc nhọn đâm vào tay đau nhói. Khi gỡ lưới câu ra, tôi mới nhìn rõ nó: con cá to gần bằng cổ tay, thân dài và trơn nhẵn, hàng vi trên lưng có những chiếc gai nhọn.

– Cá gì vậy anh? - Tôi lấy dây xỏ vào mang cá và hỏi.

– Cá lầu đấy? Ngoài mình gọi là "lầu gai" vì ví lừng nó có gai. Cũng họ hàng với cá chình, thật ngon lắm!

– Thế sao lúc nãy mình không câu được con nào?

– Con này chỉ ăn mồi sát đáy. Ở đây nước sâu, nếu không có chì, lưỡi câu không chìm tới được.

Sau khi giật thêm hai con nữa, anh đưa cần câu cho tôi:

– Cậu câu nhé! Mình chạy đi kiếm ít rau nấu canh.

Bước được mấy bước, anh ngoái lại dặn: "Chú ý lúc cá cắn câu, xem sợi cước rung là biết!"

Tôi hồi hộp móc mồi thả xuống nước. Sau hai lần giật hụt, tôi cũng vớ được một con to hơn hẳn mấy con trước. Níu đoạn dây câu giật giật nặng trĩu trên tay mà tôi sượng run người, y như hồi nhỏ đi câu ở ao làng lần đầu giật được con rô cụt bằng bàn tay...

Chiều hôm ấy, anh Hùng làm món cá nướng theo cách riêng như đã hứa hôm trước. Anh lấy dao đào một cái hố vuông vắn, mỗi bề chừng bốn tấc và sâu cỡ gang tay, rồi chắt củi lên nhóm lửa. Tôi được giao đi kiếm cái bẹ chuối và chặt mấy tàu lá. Ở đoạn bờ suối phía dưới mọc vô khối những cây chuối rừng cao ngồng.

Lúc về tới nơi, thấy mớ cá đã được làm sạch sẽ. Anh Hùng nhặt bốn con cá lầu đặt lên tám lá chuối, dùng dao khía mấy đường ở hai bên lườn, rắc một nhúm muối xát đều lên rồi gói chúng lại trong nhiều lớp lá chuối, lấy bẹ chuối ốp bên ngoài như kiểu người ta ốp mo cơm. Lúc này đồng củi đã cháy rừng rực bắn ra những tia lửa lách tách. Anh dỡ mấy thanh củi đang cháy, gạt tro nóng và than hồng gần đầy miệng hố, đặt gói cá xuống, lại phủ lên một lớp tro dày rồi xếp thêm củi cho lửa tiếp tục cháy. Tôi treo hai chiếc gô lên nấu cơm và bắc xoong nấu món canh cá với mớ lá anh hái về lúc nãy.

Khi cơm canh vừa chín tới, anh Hùng gạt lửa moi gói cá lên. Mới mở lớp lá chuối cháy sém bọc ngoài, mùi cá nướng đã bốc lên thơm lừng khiến ai cũng phải nuốt nước bọt. Bữa cơm tối được bày ra trên mấy tấm lá chuối. Món canh chua có thêm vị hơi đắng, rất ngon. Còn món cá nướng thì khỏi chê: thịt cá dai chứ không bở, và ngọt lừ trong miệng. Riêng lớp da cá dày cháy vàng lại béo ngậy và thơm phức.

Đã nhá nhem tối. Những tia nắng cuối cùng xòe nan quạt trên nền trời phía tây. Chúng tôi vừa ăn vừa trò chuyện vui vẻ câu chuyện xoay quanh các món ăn ở rừng. Anh Hùng nói:

– Không chỉ cá đâu nhé, mà các món thịt rừng nướng theo kiểu này đều ngon hết ý, ăn thơm và không bị mất nước ngọt trong thịt. Chỉ tiếc ở đây không có đủ gia vị. Này, Hải ăn thịt rắn bao giờ chưa?

– Chưa! Em chỉ đọc trong sách, thấy kể trong Nam Bộ người ta làm nhiều món thịt rắn ngon lắm. Em thì chỉ nhìn con rắn đã phát khiếp. - Tôi nhớ tới con rắn hổ mang hôm trước.

Anh Sơn nói:

– Ngoài Bắc, có những làng chuyên làm nghề bắt rắn. Họ chế biến thành những món đặc sản, bán rất đắt. Ai nhiều tiền mới ăn được.

– Đó là ăn kiểu vương giả, kể gì? - Anh Hùng nói - Đây mình làm theo cách ở rừng. Này nhé! Con rắn bắt được, mình lột da bỏ ruột bỏ đầu, dùng lá chuối khô lau sạch. Xong, anh lấy dao vằm nhỏ, bỏ vào song. Đào lấy một củ chuối rừng gọt thành cái chày, rồi cứ thế mà giã. Cho đến khi xương rắn cắm hết vào củ chuối thì thịt nó cũng vừa nhuyễn. Anh cho tiêu, mì chính, hành khô xắt nhỏ vào; bỏ thêm tí muối, tí đường, tí ớt bột, vắt thêm chút nước củ riềng. Anh trộn đều tất cả, giã thêm một lúc nữa rồi viên lại thành viên, thả vào chảo mỡ sôi mà rán. Nhớ đừng rán cháy quá chỉ vàng cạnh là được. Còn nếu không thích rán thì cứ bọc lá chuối mà nướng hạ thổ như lúc nãy. Bảo đảm cứ là thơm phức,

béo ngậy, giòn tan, mùi vị không món nào sánh được ăn một miếng nhớ cả đời.

– Nhưng... - Tôi ngần ngừ - ở đây lấy đâu ra từng ấy gia vị?

– Nếu thế thì thôi vậy nhé! Lúc nào có đủ, mình sẽ làm cho cậu ăn. - Anh Hùng nháy mắt với tôi.

Mọi người cùng cười phá lên. Đang ăn, nhìn anh Sơn nghiêng soong múc canh, tôi chợt nhớ ra điều mấy hôm nay vẫn thắc mắc trong đầu, liền hỏi:

– Anh Sơn này? Nếu có vĩa quặng thì mình cần gì đãi mà mang cái soong to vậy anh?

Anh cười:

– Cứ cho là có vĩa quặng, nhưng giữa rừng mê mông, dù mình đến đúng tọa độ cũng dễ gì tìm thấy ngay được? Lúc đó tìm nó còn khó hơn tìm cái kim rơi trên bãi cỏ. Mình phải đãi đất cát ở các lòng khe, con suối, xác định hướng mà tìm chứ!

Tôi vẫn chưa hiểu, nên băn khoăn một lúc, lại hỏi:

– Thế anh xác định bằng cách nào? - Tính tôi vốn vậy! Việc gì cũng muốn biết tới cùng, nếu không cứ ám ức mãi.

Chắc cũng thông cảm với sự tò mò của tôi, nên anh Sơn ngẫm nghĩ rồi trả lời:

– Mình giải thích sơ qua thôi nhé, chứ cặn kẽ thì nhiều việc lắm. Ở những nơi có quặng vàng nằm lộ thiên, mưa gió lâu ngày xói mòn làm trôi đi những hạt vàng cám nhỏ li ti, và tất nhiên nó trôi xuống chỗ thấp hơn. Nếu một bãi trũng hoặc đoạn suối nào đó ta đãi có những hạt vàng thì có thể lần theo hướng chảy của nó để tìm. Cách làm đó thô sơ nhưng đơn giản nên dễ áp dụng. Tuy vậy, cũng cần có những hiểu biết nhất định về địa chất, ví như các dạng cấu trúc địa tầng, lịch sử hình thành của vùng đất... Để lúc này bắt tay vào việc, mình sẽ nói thêm cho Hải biết.

Tôi chưa thỏa mãn lắm, nhưng hiểu rằng lúc này chưa thể hỏi để biết hết mọi việc được. Không lo! Còn đi với anh, còn được hỏi

nhiều. Miễn là tìm đến đúng nơi, sau đó sẽ tha hồ vừa làm vừa học...

Tôi mừng tượng trong đầu một vĩa đá khổng lồ có những mạch vàng sáng lấp lánh, như có lần được xem trong một bộ phim nào đó chiếu cảnh một người đi lạc vào hang đá có vàng. Hình như phim thần thoại thì phải...

Chương V

Chúng tôi thức dậy khi trời còn tối mờ. "Đã nghe chim hót báo sáng lâu rồi, sao lại tối thế này nhỉ?..." Tôi xách súng vén mép tảng bước ra. Cả khe suối âm u mù mịt. Mây! Tôi quờ tay, những hạt bụi nước li ti đọng ướt lòng bàn tay.

Đợi đến khi mây tản bớt có thể nhìn rõ đường, chúng tôi mới đi được. Chặng đường hôm nay bắt đầu bằng việc băng qua đồi cỏ tranh. Phải dùng cả hai tay để rẽ những đám cỏ sũng nước lấy lối đi. Nhiều lúc chân chúng tôi bước sụp trong lớp cỏ khô mục rụi xuống lâu ngày kết thành từng mảng dày bốc mùi ẩm mốc.

Khi mặt trời nhô ra khỏi các đám mây, chúng tôi cũng vừa lên tới đỉnh đồi. Bên dưới là một biển mây màu trắng màu hồng trải mênh mông như vô cùng vô tận. Những đỉnh núi cao vượt trên mây lơ nhô như những hòn đảo. Không nhìn rõ chặng đường trước mặt. Anh Sơn rút địa bàn nhắm hướng, chúng tôi rẽ cỏ tranh luồn trong đám bụi nước đi xuống.

Nắng càng lúc càng gay gắt. Mây tan dần, chỉ còn mấy dải trắng là là trong các khe núi. Trên trời lác đác vài vệt mây mỏng tang, trông giống những mảnh lụa ai xé gió thổi tít lên cao. Cảnh vật hiện ra rõ mồn một. Núi non nhấp nhô điệp trùng với những đường nét sắc nhọn, gãy góc.

Đang bước, anh Hùng nhìn trời tặc lưỡi:

– Trời này nắng phải biết! Ta không mang thêm nước là sai lầm.

– Mình cũng vừa nghĩ thế! - Anh Đăng nói - đúng là đi rừng già nửa đời rồi mà còn dại. Thôi lỡ rồi, đành tìm cách khắc phục sau vậy.

Đến quá trưa, chúng tôi vẫn lội trong đám cỏ tranh cao ngập đầu. Mỗi khi gió thổi, ngọn cỏ nổi nhau rạp xuống rạp rờn như sóng. Dưới ánh mặt trời chói chang, dùng đồi cỏ bạt ngàn càng

vắng vẻ hoang vu. Không một cánh chim, không một bóng thú. Thảng hoặc mới có vài bóng cây xanh đứng im lìm trơ trọi như lạc lõng giữa màu cỏ vàng úa.

Tôi mệt nhọc bước đi trong cái nắng cháy bỏng da thịt. Nhưng vết lá cỏ tranh cứa trên cổ, trên mu bàn tay thấm mồ hôi rất buốt. Dù đã khát khô cổ họng nhưng tôi cố nhịn, chỉ thỉnh thoảng mới mở nắp bi đông nhấp một hớp nhỏ cho nước bọt khỏi khô đặc trong miệng. Tình thế này chưa biết khi nào mới gặp nguồn nước, vì vậy có tiếng nước óc ách trong bi đông vẫn yên lòng hơn. Mọi người đều mệt lử nhưng ai cũng gắng bước bởi nghỉ lại giữa đồi cỏ khô cháy này càng mau kiệt sức. Chiếc ba lô trên lưng anh Đăng chập chờn trước mặt lúc gần lúc xa, tất cả như mờ ảo trong mắt tôi...

Mãi xế chiều lúc bóng nắng đã ngã dài trước mặt, chúng tôi mới thoát khỏi vùng cỏ tranh. Mọi người ngồi phịch dưới một tán cây thấp, trút ba lô, mở phanh cúc áo cho hơi nóng trên người tản bớt đi.

Tôi cầm bi đông lắc lắc, nước còn ít lắm. Kề bi đông lên miệng, tôi hớp một hớp nhỏ, ngậm một lúc cho đỡ khô miệng rồi mới nuốt. Ngần ngừ một lát, tôi hớp thêm hớp nữa và kiên quyết vặn nắp lại.

Anh Đăng đưa tay nhìn đồng hồ, bảo:

– Ta nghỉ một lúc rồi tranh thủ đi tiếp may ra tìm thấy nước, chứ ở đây thì chịu chết.

Anh Hùng không nói gì, với tay gỡ chiếc ống nhòm trên cổ anh Đăng, níu cành cây trên đầu đu người lên. Chúng tôi im lặng chờ đợi. Lát sau, anh lẳng lẳng tụt xuống. Tôi hỏi:

– Thấy gì không, anh Hùng?

– Chẳng nơi nào có vẻ có nước. Mà sao vùng này lạ quá - Anh quay sang anh Sơn, bắn khoăn hỏi - Này Sơn, cậu nhìn kỹ xung quanh, xem có thấy nơi nào như thế này chưa?

Chúng tôi cùng đứng cả dậy, đưa mắt nhìn quanh. đúng là có cái gì khác lạ mà nãy giờ vì mệt nên không ai để ý. Tôi chăm chú nhìn, bỗng nhận ra rừng ở đây không giống như không nơi khác. Xung quanh toàn cây thấp cằn cỗi và mọc không theo một phương nào cả. Những thân cây gầy guộc dáng nghiêng ngả như đang vội vã chống đỡ lại một sức mạnh vô hình nào đó. Trên những nhánh cây cong queo, mấy chiếc lá nhỏ mọc thưa thớt, đầu lá sém nắng. Dưới gốc cây mặt đất khô bụi lác đác mấy búi cỏ thấp lè tè.

Tôi vớ cái ống nhòm từ tay anh Hùng, chọn một cây cao nhất trèo lên. Nhìn từ trên cao, cả cánh rừng rộng trong tầm mắt như đang quần quai. Những ngọn cây ngã rạp, xoắn lại theo vòng xoáy tròn ốc. Bao phủ khắp rừng là một màu xanh khô khan cạn kiệt sức sống ánh nắng cuối chiều nhuộm lên rừng một màu vàng hiu hắt, làm cho nó càng có vẻ ma quái, ảm đạm. Tôi cảm thấy rờn rợn...

Tôi ôm thân cây tuột xuống, trong đầu cứ vương vương điều gì đó. Đến khi đặt chân lên đất mới chợt nghĩ ra: ở đây không có tiếng chim hót, tiếng côn trùng rền rì quen thuộc như các nơi khác.

Nghe tôi nói lại những điều nhìn thấy anh Sơn suy nghĩ một lúc rồi thò tay vào túi áo ngực lấy địa bàn ra mở nắp nhìn: kim địa bàn quay loạn xạ. Anh nói ngay:

– Phải đi khỏi đây thôi, càng nhanh càng tốt. - Anh vớ ba lô khoác lên vai.

Mọi người vội vã làm theo. Không kịp hỏi, nhưng ai cũng đoán được là có mối nguy hiểm nào quanh đây. Anh Đăng ngoái hỏi tôi:

– Hải thấy vùng xoáy rộng bao nhiêu?

– Khoảng bốn, năm cây số - Tôi đáp.

Anh Hùng gật đầu: "Chỉ chừng đó thôi!" Anh Đăng nhìn anh Sơn:

– Ta băng qua chứ?

– Băng thôi! Rừng thưa, có thể đi nhanh được.

Không còn cách nào khác. Quay lại đòi cỗ tranh coi như thất bại. Đi vòng thì xa và chắc gì không nguy hiểm.

Chúng tôi hối hả đi nhanh. Lúc này trời vẫn sáng nhưng không có sắc vàng của nắng, khí trời ong ong nặng nề. Khu rừng này lạ lắm? Càng đi sâu vào càng thấy bồn chồn khó chịu. Mười phút sau như có linh tính, mọi người cùng bứt lên chạy, mặc cho cành lá quật vào người rào rào. Những cành cây khẳng khiu tuột vùn vụt qua mặt. Tôi không ngờ mình còn chạy được nhanh đến thế.

Hơn nửa giờ sau, chúng tôi qua hết quăng rừng im lìm đáng sợ đó và bước xuống một bãi đất trống chỉ lơ thơ những ngọn cỏ mọc quanh mấy tảng đá màu xám đen.

Đang đi chậm lại, bỗng nghe sau lưng có ngọn gió thổi tới. Lúc đầu tôi không để ý, nhưng lát sau gió thổi mạnh hơn, lá cây bay ào ào. Tôi quay đầu lại nhìn và chợt ngớ ra vì kinh ngạc: một cơn lốc lớn đang cuộn thành vòi rồng ở trên cánh rừng chúng tôi vừa đi qua. Cây cột cát bụi khổng lồ cuộn cuộn dâng lên mỗi lúc một cao, cuốn theo tất cả những gì nó gặp và lừng lững tiến lại ngày càng gần. Tôi nhìn rõ những thân cây to và những vật gì đen đen quay tít mù trong vòng xoáy mờ mịt.

Tiếng anh Đẳng hét giật giọng: "Chạy đi, nhanh lên?"

Chúng tôi chúi đầu chạy thực mạng về hướng khu rừng trước mặt. Tôi vấp chân vào một hòn đá suýt ngã giập xuống, may gượng lại được lão đảo chạy tiếp, mặc cho ngón chân tóe máu đau nhói.

Trên trời mây đen kịt, không gian tối sầm lại. Gió càng lúc càng giật mạnh hơn, đất cát tung mù mịt, mấy hòn sỏi văng vào người đau rát. Cũng may khoang trống chỉ rộng hơn trăm mét, chúng tôi đâm vào rừng tiếp tục chạy. Tiếng gió hú ầm ầm trên đầu, tiếng cây gãy rãng rác. Những cành cây quật lên quật xuống làm lá rụng tơi tả. Đến một cái khe cạn, anh Đẳng đứng lại hét bảo chúng tôi chạy theo lòng khe.

Phải mười phút sau gió mới dịu lại. Tiếng rít của vòi rồng nghe xa dần, chắc nó đã cuộn sang hướng khác.

Chúng tôi nhìn nhau. Ai nấy đều phủ bụi cát đen nhẻm, chỉ còn lại đôi lượt. Tôi mở nắp bi đông uống nốt những giọt nước cuối cùng. Anh Đăng lên tiếng:

– May mình vừa đi khỏi đám rừng ấy thì nó tới. Nếu gặp lúc đang qua, hẳn giờ này đã lên tới trời rồi.

– Tôi cũng nhiều lần gặp vòi rồng, nhưng chưa khi nào thấy dữ dội như vậy. - Anh Sơn nói - Lúc này mình ở ngoài vòng cuốn của nó mà gió còn đẩy chúi người. Nếu gần hơn chắc không chạy nổi.

Mọi người lục tục kéo ra khỏi lòng khe, tìm chỗ nghỉ đêm. Mặt trời sắp lặn, nắng chỉ còn le lói trên ngọn cây. Những con chim sau cơn hốt hoảng nay mới kêu nháo nhác, hồi hả bay về tổ.

Chúng tôi men theo cái khe cạn đi xuống phía thấp hơn, nhưng không tìm thấy giọt nước nào. Tất cả đã bốc hơi khô kiệt đi từ lâu. Trời sắp tối, anh Đăng quyết định dừng lại nghỉ. Mọi người đặt ba lô xuống, vội vã dựng lều rồi đi kéo củi. Khi ngọn lửa cháy lên bập bùng thì trời cũng tối hẳn.

Tôi ngồi tựa lưng vào gốc cây, duỗi chân ra. Mệt rã rời. Bụng đói cồn cào nhưng miệng đắng chát không muốn ăn, chỉ thấy khát. Cả một ngày như vậy mà chỉ đổ vào người có lít nước, mới đủ phần nhỏ lượng mồ hôi toát ra. Các bắp thịt như nhão đi, lớp da đọng muối từ mồ hôi và bụi bám khô quắt lại. Tôi nghĩ tới dòng suối đầy ắp nước trong veo, mới chiều qua chứ đâu! Giá lúc này mà được cúi xuống một dòng suối như thế để uống cho đã, rồi nhào xuống vùng vẫy cho nước tẩy hết lớp bụi đất rộp ráp trên người, cho từng giọt nước thấm vào lỗ chân lông làm da mềm lại...

Ngón chân cái bên trái giật giật đau nhức và nóng ran làm tôi nhớ đến chỗ vấp lúc chiều. Tôi co chân nhìn. Đầu ngón chân toé máu phủ bụi đen sạm, gần nửa cái móng bị bong ra. Tôi mở ba lô lấy cuộn băng cá nhân.

– Hải làm sao thết - Anh Sơn nhìn thấy hỏi.

– Em bị vấp ở đầu ngón chân, không sao đâu!

Anh Hùng bước tới, nâng bàn chân tôi tới gần ngọn lửa:

– Bị tróc móng, không khéo là nhiễm trùng như chơi. Nhưng chưa cần băng vội, cậu đợi đấy!

Anh nói rồi cầm đèn pin lủi vào rừng, lát sau đã quay lại với mấy ngọn lá trên tay.

– Đưa chân đây. - Anh nói như ra lệnh. Tôi ngoan ngoãn chìa chân ra. Anh lấy lá cây lau sạch bụi rui bỏ mấy chiếc lá còn lại vào mồm nhai, lấy bã đắp lên đầu ngón chân bị đau.

– Cậu lấy đoạn băng buộc lại. Không sợ nhiễm trùng đâu, thuốc kháng sinh đấy. Một ngày sau sẽ lành.

Tôi làm theo lời anh, lát sau thấy đầu ngón chân dịu lại, không nhức nữa.

Bữa tối, chúng tôi phải ăn lương khô vì không có nước nấu cơm. Tôi nhai như nhai trấu, chẳng thấy ngon lành gì nhưng cũng cố nuốt vào bụng. Mẩu lương khô thấm hết nước bọt làm cổ họng nghẹn lại. Đang ăn, chợt anh Đăng bảo:

– Các cậu đem bi đông ra đây?

Tôi hơi ngạc nhiên nhưng cũng đưa bi đông cho anh. Anh mở nắp từng chiếc, nghiêng miệng thận trọng rót vào bi đông của mình, cố dốc hết từng giọt nước. Xong anh cầm lên lắc lắc: "Còn đến nửa bi đông đấy, các cậu ạ!"

Với chừng ấy nước chia đều cho mỗi người, tôi ăn hết phong lương khô. Ít ra cũng bù đắp được phần lớn lượng calo tiêu tốn trong ngày. Cả ba anh đều còn nước để dành, chứ trong bi đông của tôi may ra chỉ có vài giọt, nhưng các anh không muốn tôi mặc cảm với sự "hoang phí" của mình.

Trước khi đi ngủ, chúng tôi đem mấy tấm nilon đi mưa buộc căng vào các nhánh cây, hy vọng sẽ hứng được những giọt sương đọng lại.

Anh Đăng kéo mấy khúc củi to chắt thêm vào đống lửa để nó cháy được suốt đêm. Ngoài tê giác ra, các con thú ở rừng đều sợ lửa. Tê giác có tư chất của người bảo vệ rừng, nó ghét lửa như bò tót ghét màu đỏ vậy. Nhưng ở trên cao này khó có thể gặp được loài thú quý vốn đã rất hiếm ấy.

Chúng tôi khoan khoái duỗi tằm thân mỗi như trên lớp lá lót trong lều. Lúc này anh Đăng mới hỏi:

– Sơn này, sao lúc chiều cậu biết là sắp có vòi rồng!

Anh Sơn cười trả lời:

– Em không biết chính xác, chỉ linh cảm thấy điều khác thường khi nhìn rừng cây. Lại nữa thấy xung quanh chim thú trốn biệt đâu cả. Các loài vật ở rừng thường biết trước mỗi nguy hiểm.

Anh Hùng nói:

– Đó không phải là linh cảm, mà là hiểu biết và kinh nghiệm tích lũy được trong đầu. Đến lúc cần thiết, bộ óc phản ứng, tự động ráp nối các sự kiện và bật ra lời giải.

– Đúng vậy! - Anh Sơn nói tiếp - Em chưa nhìn thấy bao giờ, nhưng đã có đọc về hiện tượng rừng cây nghiêng ngả khác thường. Người ta phán đoán nhiều nguyên nhân khác nhau như tác động của phóng xạ, từ trường hoặc một chất gì đó có trong nền đất hay ở xung quanh. Cũng có khi do đất trượt. Rừng mọc trên một thềm đất trượt theo chu kỳ đều đặn so với khối nền bên dưới nó. Cây lớn lên ở đó luôn hướng về nơi có nhiều ánh sáng. Lâu ngày cả rừng cây phát triển thành dáng quái lạ khó hiểu, nhưng thực ra nó không nằm ngoài những quy luật của thiên nhiên.

– Có phải vùng rừng lúc chiều luôn có vòi rồng phải không anh? - Tôi hỏi.

– Có thể nói từ rất lâu ở đây đã có những cơn lốc xoáy thành vòi rồng, nhưng không phải lúc nào cũng có, ngày nào cũng có. Nếu vậy cây cối làm sao sống nổi? Nó chỉ xây ra nhiều vào mùa nắng nóng.

Tôi vẫn thắc mắc:

– Nhưng tại sao chỉ có trên vùng rừng ấy? Ở xung quanh em thấy vẫn bình thường...

– Đó là điều mình đang suy nghĩ... - Anh ngáp ngừng một lúc rồi nói tiếp - Trên miền núi cao nhiệt đới thường có các ổ không khí loãng. Trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt và tùy theo địa hình, vùng không khí đó có thể biến đổi thành áp thấp cục bộ. Máy bay bay qua những nơi này rất dễ gặp tai nạn. Có điều... ở đây vòi rồng chỉ xoáy quanh một vùng không rộng lắm... Có thể nơi đây là giao điểm của hai luồng gió: gió nóng tây nam và gió mát từ biển thổi vào, nên mùa này thường xảy ra những luồng khí xoáy cực mạnh.

– Thế vì sao kim địa bàn không chỉ hướng được?

Anh Sơn cười:

– Đúng là chẳng có gì qua được mắt cậu. Mình cũng muốn làm rõ điều này mà chưa có dịp. Cố lẽ ở đây còn có một địa từ trường lạ được tạo bởi lý do nào đó. Lúc đi trong vùng rừng ấy mình cảm thấy rất căng thẳng... Hồi chiều qua bãi đá mình định bữa lấy mẫu, nhưng chưa kịp rút búa ra thì đã bị rồng đuổi chạy tơi bời rồi.

– Thiên nhiên chưa muốn cậu xâm phạm vào bí mật của nó. - Anh Hùng nói - Phải đợi dịp khác thôi! Cậu cứ chăm vào bản đồ đi, khi nào hòa bình anh em ta quay lại đây một lần nữa.

– Nhất trí ngay! Nhưng phải đủ cả bốn người tớ mới đi đấy nhé! Còn bây giờ ngủ thôi, các cậu!

Đêm đó còn có hai đợt gió nữa, chắc lại gió xoáy trên vùng rừng lúc chiều. Khi gió nổi lần thứ hai, tôi ngồi dậy rồi không sao ngủ lại được. Bên ngoài đồng lửa vẫn cháy lép lép, thỉnh thoảng lại bùng lên rừng rực lúc gió thổi tới. Ánh lửa chập chờn trên những bụi cây tối om xung quanh, làm cho rừng càng trở nên bí ẩn.

Đến sáng, chúng tôi nhặt hết lá rụng trên mấy tấm nilon và gom được góc bi đông nước. Thế cũng tốt lắm rồi. Tôi thè lưỡi liếm những chiếc lá đọng sương cho đỡ khô miệng. Nước hứng được phải dành cho cả ngày.

Anh Đăng bắc song lên đồng lửa rang nửa bao gạo sảy. Chúng tôi chia nhau bỏ vào túi quần vừa đi vừa nhai. Đó là bữa sáng khá tiện lợi, tuy gạo sảy rang cũng khó nuốt vì khô quá. Ăn xong mỗi người được chia hai nắp bi đông nước. Ít ỏi, nhưng có còn hơn không.

Anh Đăng bàn với chúng tôi:

– Xem chừng cả ngày hôm nay cũng không có nước. Các cậu nghĩ xem có cách gì khắc phục không? Và nhớ để mắt tìm con thú nào vừa ăn bả lấy một con. Phải đổi món, ăn lấy sức mà đi. Dành lương khô khi nào kẹt lắm mới dùng.

Chúng tôi đều gật đầu nhất trí. Gì chứ thú rừng không thiếu. Nước thì gay đấy! Xưa nay tôi chỉ biết là có thể vắt lấy nước trong nõn cây chuối rừng, hơi chát nhưng uống chút ít cũng đỡ khát. Hoặc tìm cây tre có lỗ sâu đục chặt lấy nước trong ống tre. Nhưng cả hai thứ ấy ở vùng khô cằn này đào đâu ra?

Đoạn đường hôm nay dễ đi vì cây thưa. Mùa này rừng khô, lá cây ngả màu héo hon. Những thân cây cỏ thụ vẫn sừng sững như muốn thách thức với nắng gió khắc nghiệt. Trên mấy cây dây leo lủng lẳng những chùm quả vàng vàng đỏ đỏ, trông đẹp mắt chứ không ăn được, chỉ có mấy con ong vo ve quanh quẩn cố tìm chút mật ngọt trong lớp vỏ.

Chúng tôi đi qua nhiều cái khe, nhưng tất cả đều cạn khô. Đó chỉ là những chỗ trũng ven sườn đồi sườn núi, mùa mưa mới có nước. Lúc cả tổ dừng lại nghỉ, tôi men theo một cái khe trông còn ẩm ướt, đi mãi vẫn chỉ thấy lòng khe đầy đá tảng và đá cuội. Những giọt nước quý báu đã trôi hết về nơi thấp hơn, hoặc thấm xuống lòng đất, hoặc bốc hơi trong cái nóng hừng hực tỏa ra từ nguồn lửa khổng lồ vô tận của mặt trời.

Lúc quay lại, thấy anh Hùng kiếm dâu về một mớ dâu rừng bọc trong vạt áo. Những chùm dâu chi chít quả, mới trông đã ứa nước bọt. Dâu rừng hạt to và chua kinh khủng. Cả lớp vỏ màu trắng hơi phớt hồng cũng chứa đầy thứ nước chua mà khi vừa cắn ngập răng, bên hàm đã buốt lên vì nước bọt tứa ra không kịp. Chúng tôi nhắm nháp mấy quả dâu, thấy cũng dễ chịu.

Gần trưa, cả tổ bước vào một vạt rừng mọc toàn dẻ gai. Những cây dẻ to lớn có lớp vỏ sần sùi nứt nẻ, trên tán lá sum sê lấp ló những chùm qua mọc đầy gai như quả chôm chôm nhưng nhỏ hơn, gai cũng nhọn và cứng hơn. Loại dẻ gai này ăn được. Khi quả khô rụng xuống, lớp vỏ bên ngoài nứt ra còn lại hạt tròn to hơn hạt lạc được bọc một lớp vỏ cứng màu nâu nhạt. Hạt dẻ đem rang lên, tách vỏ cứng, ăn bùi và thơm. Nhưng lúc này chưa tới mùa quả rụng. Mặt đất phủ đầy lá khô và những mảnh vỏ gai của mùa dẻ năm trước. Trên cành cây, mấy con sóc đang chuyền tíu tíu, chúng biết ở đâu có những quả dẻ đầu mùa đã nứt vỏ.

Đang đi, tôi chợt khựng lại khi gặp một bầy nai. Có ba con, hai con lớn và một con mới bằng con bê. Chúng bước dừng đứng, lúc lúc lại cúi mõm xuống đất như đang tìm gì đó. Khi thấy tôi, đàn nai đứng lại, mắt ngơ ngác nhìn nửa tò mò nửa sợ sệt, những cẳng chân thon dài ngập ngừng trên lớp ỉa khô như muốn bỏ chạy. lát sau chúng rẽ sang lối khác, thông thả bước khuất dần sau những thân cây. Tiếng anh Đăng nói ngay sau lưng tôi:

– Sao không bắn mà cứ đứng ngây người ra thế!

– Đẹp quá anh ạ! Em không nỡ bắn? Cả nhà nai, mình bắn đi một con, thấy tội tội thế nào ấy?

Anh Đăng cười:

– Ủ, bắn làm gì! Có hạ một con cũng không ăn hết. Để rồi kiếm con thú khác.

Mười phút sau, khi vòng qua một gốc dẻ to, chúng tôi gặp con chồn đang cúi đầu dũi đất, chỉ cách dăm mét. Nghe động, nó quay vụt lại bám thân cây thoăn thoắt leo lên. Tôi chưa kịp tuột súng khỏi vai thì anh Đăng đã rút dao găm chùng chân xuống,

rướn người vung tay phóng. Lưỡi dao cắm phập đúng cổ con vật, găm nó vào gốc cây. Tôi reo lên, chạy tới gỡ lưỡi dao cùng con thú.

Anh Sơn trầm trồ:

– Chịu tài anh đây? Đúng là cánh đặc công các anh "danh bất hư truyền".

Anh Hùng tùm tùm:

– Đi với anh Đăng rồi các cậu còn biết! Tài nghệ chưa thi thố hết đâu nhé.

Tôi nhìn con chồn nặng trĩu trên tay, trầm nghĩ: “Thế nào cũng nhờ anh ấy dạy cho ngón phóng dao. Còn hơn cả làm xiếc!” Bên cạnh các anh, tôi thấy mình nhỏ bé lại. Đúng là càng đi nhiều càng biết được nhiều điều, và càng biết nhiều càng thấy mình kém cỏi.

Trưa hôm đó chúng tôi ăn thịt nướng trừ bữa và tráng miệng bằng quả dâu rừng. Anh Đăng dốc hết số nước hứng được lúc sáng chia đều cho mọi người. Tôi bụng chổ nước ít ỏi nhấp từng hớp nhỏ, trịnh trọng như các cụ uống rượu.

Ăn xong bữa, chúng tôi tiếp tục đi sau khi đã cẩn thận dập tắt đồng lửa. Khô nóng thế này, chỉ cần một tia lửa cũng đủ gây cháy rừng.

Qua hết rừng dẻ gai thì tới một triền núi cây mọc lúp xúp chen với cỏ lau. Nắng chang chang trên đầu. Mọi người nói nhau băng qua rừng lau vàng cháy. Lá lau khô sắc như dao cứa vào những chỗ da thịt không có lớp vải che chở, những vết cứa không nhìn thấy ngay được, chỉ khi mồ hôi ngấm vào ta mới biết.

Lúc này cổ họng tôi đắng nghét, nước bọt dính dẻo trong miệng. ánh nắng nhảy múa trước mắt như những quầng lửa. Tôi thò tay vào túi quần lấy một quả dâu cho vào miệng cắn, chọt bật kêu lên vì cảm giác đau buốt hai bên má. Cố không nghĩ đến cơn khát, tôi loạng choạng đạp trên những thân lau khô giòn đuổi theo những người đi trước.

Quá nửa chiều mới xuống đến chân núi. Cả tổ dừng nghỉ dưới bóng một khóm lau. Mấy bông lau trắng khô xác phất phơ trong gió như muốn báo rằng không thể tìm thấy nước ở vùng này. Nghỉ được vài phút, anh Hùng lại cầm dao xách súng lủi đi. Lát sau nghe tiếng anh gọi vang, cách đây chừng trăm mét: "Lên đây các cậu ơi! Có nước rồi!" Chúng tôi nhồm dậ, xách theo chiếc ba lô của anh vội vã bươn tới. Leo qua đoạn dốc ngắn, thấy anh đang đứng bên một gốc cây to lá mọc thưa thớt, có những chạc dây leo bám lòng thòng vào nhánh cây. Tôi ngạc nhiên hỏi:

– Nước đâu anh?

– Nước đây chứ đâu! - Anh Hùng mỉm cười, tay cầm dao chỉ vào mấy cây dây leo.

Đợi mọi người lên đủ, anh vung tay vung dao phạt ngang những thân dây leo, giúi vào tay mỗi người một gốc: "Uống đi, nước máy đây?" Tôi ngỡ ngàng đưa đầu thân cây vào miệng, cảm thấy nước rịn ra từ vết chém thấm mát đầu lưỡi. Nước không nhiều nhưng rất ngọt và cũng làm cơn khát dịu đi. Tôi nhìn đoạn dây leo xù xì, tự hỏi không biết rễ của loài cây này đâm sâu tận đâu trong lòng đất mới hút được nước lên nuôi những chiếc lá trên cao kia?

Khi đỡ khát, chúng tôi tiếp tục băng qua triền núi trọc. Mãi lúc trời chạng vạng tối mới tới được một cánh rừng có màu lá xanh đậm. Dừng xong lều và đốt lên đống lửa thì bóng đêm đã đen ngòm trên vòm cây. Mấy ngôi sao hiện ra nhấp nháy qua kẽ lá. Chúng tôi ngồi quanh đống lửa, ai nấy đều mỗi mệt. Thiếu nước nên sức người mau kiệt. Chút nước từ cây dây leo chỉ làm dịu cơn khát chứ không cung cấp đủ lượng nước cơ thể đòi hỏi. Tuy vậy tôi cũng gắng ăn hết nửa phong lương khô. Nếu không ăn, sẽ khó lòng đi tiếp được.

Anh Đẳng lấy trong ba lô ra một lọ viên C mà không biết anh mang theo tự lúc nào, chia cho mỗi người mười viên. Tôi ngậm những viên thuốc trong miệng cho nó tan dần. Vị chua dịu dịu thấm trên đầu lưỡi làm người tỉnh táo hơn.

Trời tối mịt. Tôi cùng anh Hùng ra ngoài căng mǎy tǎm nilon để hứng sương, lúc quay vào thấy hai anh đang rọi đèn xem bản đồ. Anh Sơn nói:

– Ta vẫn đi đúng hướng, nhưng sắp tới địa hình khá phức tạp. Đây này, - Anh chỉ trên bản đồ - vùng này có nhiều ngọn núi san sát, nhiều khe sâu. Phải chú ý sao cho khỏi chệch hướng, nhất là khi đi vòng tránh những chỗ khó. Tôi hỏi:

– Còn xa không anh? - Theo đường thẳng chỉ bốn chục cây, nhưng sẽ phải đi quãng đường dài hơn nhiều lần đấy?

– Thế anh đi rừng có bị lạc khi nào không?

– Có chứ! Lạc rừng là chuyện cơm bữa. Kể cả khi có bản đồ, địa bàn trong tay mà phải băng rừng nhiều ngày, không cẩn thận cũng rất dễ chệch hướng. Sai một ly, đi nhiều dặm là chuyện thường.

Anh Hùng cười:

– Lạc đường là một khái niệm do con người đặt ra. Đúng ra phải nói: đi chưa đúng với dự tính lúc đầu. Nếu anh quen với rừng, sống được giữa rừng thì chuyện đó chẳng là cái gì cả chỉ cần đừng có hốt hoảng quá.

– Vậy theo anh, ở rừng sợ nhất chuyện gì?

Anh Hùng thoáng nhăn mặt:

– Một câu hỏi khó trả lời đấy! Bởi theo mình thì chẳng có gì đáng sợ cả, làm sao có "sợ nhất" được? Sống trong rừng đúng là có thể gặp nhiều rủi ro, ví như rắn độc, thú dữ, sốt rét, lũ cuốn..., nhưng khi anh sống giữa cuộc sống đời thường, những rủi ro cũng đâu có thiếu? Suy cho cùng, những nguy hiểm trong rừng ta có thể biết trước, và cũng có cách đề phòng, có cách vượt qua. Từ xa xưa loài người chẳng đã sống dựa vào thiên nhiên, chinh phục thiên nhiên là gì?

Anh Đăng cười:

– Cậu muốn con người quay lại rừng sống như thời tiền sử chắc?

Anh Hùng chẳng hề lúng túng:

– Hoàn toàn không phải như vậy. Ngay từ thời tiền sử rừng không chỉ nuôi sống con người mà còn dạy cho họ biết lao động để tồn tại và phát triển. Nhờ rừng mà con người biết chăn nuôi trồng trọt. Hạt lúa củ khoai, con gà con trâu... bây giờ cũng từ rừng mà có. Dòng suối dạy con người làm cối giã gạo, con sông ngọn thác dạy làm thủy điện. Nghe nói cái thác Bờ quê tôi, tức quê vợ tôi ấy mà, sau này làm thủy điện là nhất! Rừng có lúc khắc nghiệt thật, nhưng không ác độc bao giờ. Khi sống với rừng, con người trở nên nhân nghĩa hơn. Đời xưa, các cụ ẩn dật thường vào sống ở chốn non xanh núi thẳm, vui chơi nơi khe suối thác nước, tháng ngày bầu bạn với cỏ cây muông thú, cũng chính vì thế.

Anh Sơn chêm vào:

– Các cụ ẩn dật nhưng cơm nước có đệ tử lo, đi câu cá có tiểu đồng theo hầu rượu, gạt bỏ mọi vướng víu toan tính trong cuộc sống cho người khác lo hộ, chẳng lẽ như thế lại mẫu mực ư?

Anh Hùng ngẫm nghĩ một lát rồi trả lời:

– Tôi không nói đó là cách sống hoàn hảo. Người ẩn dật không màng danh lợi, kiếm chế được tham vọng là điều tốt, nhưng chỉ về mặt tu tâm dưỡng tính thôi, chứ quay lưng với đời thì chưa hẳn đã hay. Chuyện này bàn dài lắm. Ở đây tôi chỉ muốn nói đến tác động của thiên nhiên đối với con người. Rừng biết cách làm dịu nỗi đau khi con người gặp bất hạnh. Những lúc căng thẳng lo âu, anh hãy vào rừng nghe tiếng gió lùa trong lá, tiếng chim líu lo vô tư, tiếng suối róc rách triền miên... Anh ngả lưng lên đám cỏ xanh dưới gốc cây hay bước đi trên lớp lá khô xào xạc và ngửi mùi hoa dại... Lúc đó sẽ thấy lòng dịu lại, nhẹ nhõm và thanh thản hơn. Con người biết tìm đến với rừng như một bản năng trở về với cội nguồn của mình. Đứng trước vẻ đẹp hùng vĩ và sự giàu có vô tận của rừng cũng như những bí ẩn kỳ thú cùng những thử thách khắc nghiệt của nó, thì mọi suy tính nhỏ nhen ích kỷ, mọi

bon chen vụn vặt trong cuộc sống thường ngày đều trở nên vô nghĩa...

Nghe đến đây, anh Đăng vỗ tay cười ha hả:

– Đấy? Các cậu biết lính trinh sát chưa? Triết lý không kém các bậc thâm nho uyên bác đâu nhé?

Lần này anh Hùng lúng túng thật sự. Anh gãi đầu ngượng nghịu:

– Triết lý gì đâu! Chẳng qua tôi nghĩ sao nói vậy thôi...

Tôi biết anh nói thực lòng. Những điều anh vừa tâm sự là những suy nghĩ, nghiền ngẫm qua nhiều năm tháng của cuộc đời. Nhưng phải là người yêu rừng đến độ say mê, gắn bó với rừng bằng cả tâm hồn và máu thịt mới nghĩ được, nói được như vậy.

Lúc trời sáng rõ, tôi mới nhận ra đêm qua mình nghỉ lại trong một rừng lim. Và suốt buổi sáng hôm ấy, chúng tôi vẫn đi dưới những tán lim. Những cây lim cổ thụ dễ phải đến hàng trăm năm tuổi xòe cành lá rườm rà xúm xuê che rợp khắp rừng. Rất ít loài cây khác mọc lẫn vào. Trên nền đất phủ dày lá khô, những quả lim rụng xuống nứt ra vô số hạt màu đỏ tròn nhỏ xinh xinh như những viên thuốc bổ. Anh Hùng đập tay vào lớp vỏ nứt nẻ của một gốc lim to cỡ bốn chúng tôi ôm không xuể trầm trồ:

– Cây lim xanh đấy! Loại này đứng đầu hàng thiết mộc. Các cụ có gỗ này làm đình thì sượng phải biết! Cứ gọi là hàng trăm năm không mục, không mối mọt.

Còn tôi nhìn màu xanh tươi mát của rừng lim mà hy vọng sẽ tìm thấy nước. Số nước hứng được hôm qua chỉ đủ mỗi người một ngụm nhỏ uống sau khi ăn lương khô buổi sáng. Đi trong rừng mát đỡ ra mồ hôi, nhưng cái khát không vì thế mà giảm đi.

Rừng lim mọc trên một triền dốc, càng đi càng xuống thấp. Đến gần trưa chúng tôi gặp được một con suối nhỏ, rộng chưa đầy hai mét, nhưng khá sâu. Tôi nhảy căng lên mừng rỡ. Dòng nước mới trong mát làm sao! Cứ như là trong mơ? Chưa chi tôi

đã cảm thấy vị ngọt mát trôi qua cổ, thấm dần vào từng mạch máu, từng thớ thịt.

Mắt sáng lên, tôi bước gấp mấy bước đến bên bờ suối định nhảy ùm xuống. Chợt anh Hùng thét giật giọng:

– Khoan, đừng xuống! - Anh chạy tới túm tay tôi kéo giật trở lại.

Tôi ngỡ ngác nhìn, chẳng hiểu gì cả. Anh Đẳng lặng lẽ đứng quan sát dòng nước, lát sau mới bảo:

– Các cậu lên đây! Ta ngồi nghỉ một lúc.

Anh bước đến bên một gốc lim, cời ba lô ngồi xuống. Chúng tôi làm theo.

– Nước ở đây không uống được - Anh nói chậm rãi.

Tôi sững sốt kêu lên:

– Sao lại không uống được?

– Nước độc đấy? Con suối này chảy giữa rừng lim, mà cây lim rất độc. Nhựa cây ngấm ra từ rễ và từ lá rụng ngấm trong nước, uống nó rất nguy hiểm. Tôi ám ước:

– Chẳng lẽ nơi nào có cây lim thì nước đều không dùng được à?

– Cũng không hẳn như vậy! - Anh Đẳng giải thích - Khi nước chảy qua những nơi cây lim mọc chen với các loài cây khác, chắc không sao. Nhất là nếu con suối chảy xiết, cuốn lá cây trôi nhanh. Còn ở đây, cậu nhìn kỹ xem!

Quả thật dòng suối này chảy lờ đờ, dưới đáy đầy lá rụng và cành cây đã mục ải. Có lẽ vì thế mà nước suối có sắc đen, mặc dù vẫn trong veo. Không thấy những con vật sống dưới nước như thường có ở các con suối khác. Ngay cả những tảng đá dầm chân dưới suối cũng đọng màu xám đen chứ không có lớp rêu xanh. Con suối này đã ngấm lá lim hàng trăm năm nay rồi.

Chúng tôi bàn bạc, cuối cùng quyết định sẽ đi ngược dòng suối cho đến khi tìm ra một khe nước có thể uống được. Như vậy

sẽ phải đi vòng khá xa, nhưng đành chấp nhận vì không thể liều mạng băng qua rừng lim trong tình trạng này.

Tôi khoác ba lô lên vai, tiếc rẻ nhìn dòng nước đầy ắp bên cạnh. Đã đến lúc ăn trưa, nhưng chẳng ai ăn nổi vì vừa khát vừa mệt. Cảm giác đó càng nặng nề thêm bởi sự thất vọng trước dòng suối mà tôi ngỡ sẽ được uống được tám thỏa thích.

Hơn một giờ sau, chúng tôi vẫn đi trong rừng lim xanh âm u. Dòng suối bên cạnh lúc lúc lại reo róc rách trên người, mặt nước lóng lánh nắng như mời mọc kêu gọi. Tôi lê từng bước nặng nhọc, hơi thở lùng bùng trong tai, chân tay như muốn rời ra. Lưỡi phồng rộp, cổ họng đau rát, tôi cố nuốt nước bọt nhưng chỉ có cảm giác đau tức chạy từ họng xuống ngực rồi tràn ra hai lá phổi...

Phía trước có tiếng anh Đăng nói với lại: “Sắp hết rừng lim rồi...” Tôi ngẩng nhìn. Tán lá trên đầu thưa hơn và ánh mặt trời chói lòa qua các khoảng trống. Mắt sáng lên, tôi bước hối hả eho kịp anh Đăng. Những cây lim cổ thụ thưa dần, nhiều bụi cây mọc lúp xúp dọc bờ suối. Ra khỏi rừng lim nước sẽ uống được.

Nhưng đi thêm chừng nửa cây số thì sự hăm hở trong tôi cũng nguội dần. Phía bên kia suối, rừng lim vẫn xanh rì như chẳng bao giờ hết. Chắc hiểu rõ tâm trạng của tôi, anh Sơn nói bằng giọng khản đặc:

– Không sao đâu! Thế nào mình cũng gặp được khe nước ở phía bên này. Phải có khe mới hợp thành suối được chứ!

– Anh gặp rừng lim nào như thế này chưa? - Tôi hỏi, cốt để quên đi cơn khát đang chảy bên cạnh.

– Cũng có gặp, nhưng không như ở đây. Đây, Hải đã đọc Tam Quốc chưa?

– Em đọc rồi! Sao không anh?

– Cậu còn nhớ đoạn Khổng Minh dẫn quân đi đánh Mạnh Hoạch không?

– Em nhớ Khổng Minh đánh bảy lần mới chinh phục được. Anh muốn nói là...

– Vậy cậu có nhớ lúc quân Khổng Minh lội qua suối nước độc chứ? Chỉ lội xuống thôi mà chết hàng ngàn người ngựa. Các cụ xưa viết thế không phải là bịa đâu nhé, có cơ sở cả đấy? Có thể con suối đó chảy qua rừng cây có nhựa độc nên mới như vậy. Trong rừng thiếu gì cây độc! Ngay ở dưới xuôi ta, cây xoan cũng rất độc. Chỗ nào có lá xoan rụng xuống lâu ngày hoặc rể nó bò tới, đổ trồng được cây gì nên hồn...

Đúng lúc đó, một tiếng thét lạc giọng vang lên từ phía sau. Tôi quay ngoắt lại. Điều trông thấy trước mắt thật khủng khiếp: một con trăn to tướng da đen mốc loang lổ đang quấn cả anh Hùng lẫn chiếc ba lô trong những vòng thân cuộn cuộn lờm chờm vảy. Cái đầu tam giác của nó đung đưa, miệng ngoác ra đỏ lòm. Anh Hùng giơ hai tay trước ngực, gồng người chống đỡ với những vòng cuốn như thép đang siết lại.

Tôi kinh hoàng ngã ngòì xuống đất, người run bắn. Như cái máy, tôi lập cập giương súng hướng nòng lên trời, ngón tay tự động bịt khóa an toàn và bóp cò. Loạt đạn nổ vang, nòng súng phụt khói trắng nẩy bắn bật. Bên cạnh, anh Sơn cũng nâng súng lên nhưng chân chừ chưa dám bắn.

"Đừng bắn". Anh Đăng thét lớn và lao vụt đến như tia chớp, tay vung dao phạt ngang cái đầu con trăn đang phóng tới. Nó rụt lại tránh được. Anh thụp người sát đất tránh cú mổ tiếp theo rồi nhào ra phía sau, chém phập một nhát vào khúc đuôi đang ngoe nguẩy trên đầu anh Hùng.

Bị đòn chí tử, con trăn bung mạnh cả cái thân dài thông quật anh Đăng ngã lăn xuống đất, lưỡi dao trên tay văng ra xa. Nhưng địch thủ của anh không còn làm gì được nữa, nó lao vút vào bụi rậm kéo lê theo cái chót đuôi bết máu.

Tôi chạy tới đỡ anh Hùng dậy. Người anh nhũn ra vì phải dùng hết sức trong những giây vừa qua. Chúng tôi dìu anh đến ngồi tựa vào gốc cây gần đó.

– Có sao không Hùng? - Anh Đăng hỏi trong hơi thở hỗn hển.

– Không... không sao? May mà tôi... gồng tay đỡ được trước ngực, sau lưng... có cái ba lô... - Anh Hùng mỉm cười yếu ớt. Nhờ soạt súng Hải bắn nên con trăn giết mình không quán tiếp được... Nó mà quán vào cổ là nguy rồi...

Tôi sờ nắn khắp người anh. Chưa bị gãy chiếc xương nào, chỉ trên bắp tay trái chỗ bị trăn cắn máu đang nhỏ giọt.

– Nghe soạt một cái, mới quay lại nhìn đã thấy nó lao tới. Tôi vung tay đỡ, nó tấp ngay vào tay. - Anh Hùng kể, co tay nhìn vết thương.

Tôi cùng anh Sơn cố nặn hết những giọt máu bầm. Con trăn không có nọc độc, nhưng hàm răng của nó chẳng sạch sẽ gì, vết cắn rất dễ nhiễm trùng. Chúng tôi lấy cồn lau sạch vết thương và băng lại. Anh Hùng bảo cứ băng tạm, để rồi anh kiếm lá đắp vào. Một lát sau, anh giục đi tiếp vì trời đã chiều.

Chúng tôi men theo con suối đi lên một sườn dốc thoải. Không hiểu sao tôi thấy mình không còn mệt mỏi như lúc nãy. Sự việc vừa qua đã đẩy cơn khát xuống hàng thứ yếu.

Đi thêm nửa giờ thì gặp một cái khe nhỏ chảy từ trong sườn núi ra. Dòng nước chỉ lấp xấp bàn tay nhưng vẫn là cứu tinh của chúng tôi. Tôi để nguyên ba lô trên lưng nằm sát trên cỏ, vục mặt xuống nước uống đến căng bụng. Chưa bao giờ có thứ nước nào ngon ngọt đến thế. Nước mát lạnh, uống vào đến đâu biết đến đó. Từng thớ thịt trong người mềm ra, hơi thở nhẹ lại, đầu óc sáng láng tỉnh táo hẳn.

Uống xong nước, anh Đăng dặn chúng tôi nấu cơm rồi xách súng lui đi. Mười phút sau, một phát súng vang lên ở mé trên khe nước, tiếng nổ vọng vào vách núi rền như tiếng sấm. Lát sau anh quay về, tay xách con cheo nặng chừng bảy kí, trông giống lợn rừng nhưng chân thấp mõm ngắn và nhỏ con hơn nhiều.

Tôi dùng dao găm đào một cái hố bằng miệng thúng ngay giữa dòng khe. Nước chảy vào đầy hố cuốn đất bùn trôi đi tạo thành

cái giếng nhỏ nước trong vắt.

Trời còn sớm nên chúng tôi thông thả đun nước làm thịt con cheo và thay nhau tắm giặt.

Một ngày nắng gắt trôi qua khi mặt trời khuất sau ngọn núi. Ráng chiều đổ ửng cả góc trời phía tây. Chúng tôi ngồi bên đồng lửa, ăn bữa cơm ngon lành sau ba ngày đói khát. Thực đơn khá thịnh soạn: thịt nướng, thịt luộc bóp muối, canh rau rừng nấu với lòng cheo, lại còn món thịt kho mặn để dành cho ngày mai.

Trong bữa ăn, câu chuyện vẫn xoay quanh vụ con trăn. Tôi nói với anh Hùng:

– Khi đó em cuống lên, chẳng còn biết mình bắn như thế nào nữa. May có anh Đăng chứ không thì... - Tôi bỏ lửng câu nói, không dám nghĩ tới cảnh chúng tôi cầm súng trong tay mà chịu đứng nhìn con vật bò sát kinh tởm đó quẩn chết anh.

Anh Hùng bảo:

– Con trăn mạnh nhờ xương sống, nhưng chót đuôi là chỗ nhạy cảm nhất của nó. Đánh được vào đó coi như điểm trúng huyết, nắm chắc phần thắng trong tay.

Tôi buột miệng:

– Đấy anh cứ khen mãi đi! Em thấy rừng chẳng hiền lành chút nào...

Anh Hùng ngắt lời tôi:

– Khi đã vào rừng, dù muốn hay không, anh cũng phải tham gia vào cuộc đấu tranh sinh tồn khốc liệt. Lúc sống trong thế giới hiện đại, con người cũng thường xuyên bị nguy hiểm rình rập đấy thôi! Có khi còn ở mức độ cao hơn ấy chứ! - Anh nháy mắt với tôi - Cậu cứ coi như vừa rồi mình đi trên đường phố bị tai nạn ô tô thôi...

Mọi người bật cười. Biết anh nói có lý, nhưng thực lòng tôi chẳng hề ưa "chiếc ô tô" của anh chút nào.

Chương VI

Ngày thứ mười hai. Chúng tôi qua khỏi rừng lim lúc cuối chiều và dừng lại nghỉ trên một mỏm núi nhỏ. Cũng như hôm qua, ráng chiều lại đổ rục khi hoàng hôn xuống, nhuộm lên cánh rừng lim đại ngàn một màu lửa dữ dội. Anh Đăng chép miệng: "Kiểu này là sắp có mưa to? À này, các cậu nhớ uống thuốc phòng sốt rét, bắt buộc đấy! Không thể chủ quan được đâu?"

Tôi hiểu nỗi lo lắng của anh. Những trận mưa rừng dầm dề thường thổi bùng lên cơn sốt rét tiềm ẩn trong cơ thể của người sống nhiều ngày trong rừng. Chúng tôi đang lọt thỏm giữa núi cao rừng rậm, một người ốm lúc này sẽ là trở ngại rất lớn cho chuyến đi. Rất may từ đầu tới giờ chưa có sự cố nghiêm trọng nào xảy ra. Cái móng chân của tôi sau vài lần đắp lá thuốc đã lành hẳn, còn vết trăn cắn trên tay anh Hùng cũng khô dần, không bị nhiễm trùng. Nhưng chặng đường sắp tới sẽ rất gian khổ, chỉ nhìn trên bản đồ cũng thấy địa hình phức tạp hơn nhiều.

Hôm nay không phải đi tìm nước vì lúc sáng mỗi người đã đem theo khoảng năm lít nước đựng trong túi phao bổi. Trong lúc mọi người dựng lều, anh Hùng xách súng đi vào rừng bắn được một con nhím khá lớn. Chúng tôi dốc hết số gạo còn lại, đủ nấu bữa cơm cuối cùng. Như vậy lương thực dự trữ chỉ còn lương khô, gạo sảy. Nhưng cái ăn không đáng ngại, điều lo nhất lúc này là làm sao đi cho đúng hướng. Càng đến gần tọa độ tìm kiếm, mọi người càng thấy sốt ruột và hồi hộp. Giữa mênh mông rừng núi, việc tìm ra cánh đồng cỏ chỉ rộng chừng ba, bốn cây số được nhận biết qua bức ảnh chụp từ rất cao, là điều không đơn giản chút nào. "Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên", ở chốn hoang sơ biết bao điều rủi ro có thể xảy ra. Chúng tôi tin vào kinh nghiệm và bản lĩnh của chính mình, nhưng chẳng ai dám nói lường trước được mọi việc. Số phận của chúng tôi không chỉ là cuộc sống của

từng cá nhân, nó gắn liền với nhiệm vụ được giao, với lòng tin của nhiều người. Nghĩ vậy nên ai cũng lo lắng đến nôn nao...

Tối đến, chúng tôi đốt hai đồng lửa ở hai bên lều để có hơi ấm. Mấy hôm nay trời nửa đêm về sáng rất lạnh, cái lạnh trên miền núi cao buốt như kim châm làm tôi trần trở mãi, dù bao giờ cũng được ưu tiên nằm giữa. Trong lúc này, giấc ngủ sau một ngày mệt nhọc cũng quan trọng chẳng kém gì thức ăn nước uống.

Đêm đó trên đỉnh dốc, tôi ngủ được một giấc thật say, chỉ tỉnh dậy khi nghe tiếng chim ríu rít hót vang rừng.

Chúng tôi ra khỏi lều. Trời hãy còn tối mờ, sương giăng khắp rừng và mây quán bên sườn núi. Hai đồng lửa đã gần tàn, chỉ còn lại vài sợi khói bay lên từ đồng than hồng phủ lớp tro cháy trắng. Ở phương nam, nền trời màu xanh đen chuyển dần sang xanh nhạt rồi vàng cam. Đến lúc đó, mặt trời mới từ từ nhô lên, to như cái mâm lửa đỏ rực.

Anh Đăng vun những cục than đang cháy nướng chỗ thịt nhím hôm qua còn lại để ăn sáng. Khi nắng xua hết sương, chúng tôi mới khoác ba lô ra đi.

Chặng đường hôm nay là leo lên quả núi xanh đậm trước mặt. Sườn núi không dốc nhưng khó đi vì cây rậm quá. Dưới những tán cây cổ thụ là vô số loài cây thấp um tùm. Dương xỉ mọc chen với cỏ và dây leo phủ kín mọi khoảng đất trống. Dù đang mùa nắng, nhưng cây cối ở đây xanh tươi hơn nhiều so với những cánh rừng gần biên giới. Chúng tôi phải hai người thay phiên nhau đi trước vung dao mở lối, quá trưa mới đến đỉnh, lại thấy ngay quả núi khác sườn sừng chắn ngang trước mặt.

Khoảng hai giờ chiều, lúc mới xuống lưng chừng sườn núi thì trời lặng gió hẳn. Cây cối đứng im phăng phắc. ánh nắng phả hơi nóng hầm hập làm không khí trở nên ngọt ngọt, nặng nề.

Mười phút sau gió bắt đầu nổi lên, thoạt đầu chỉ hơi rao rao mát, nhưng lát sau đã cuốn ào ào kéo theo từng đám mây đen đặc nhanh chóng phủ kín bầu trời. Cả khu rừng thoáng chốc tối sầm lại, cành cây vật vã rung lá rụng rơi tủa tủa. Mấy tia chớp loằng

ngoảng sáng rực trên nền mây đen kèm theo tiếng sấm dội rền vách núi. Những hạt mưa bắt đầu rơi lộp độp trên lá.

Chúng tôi vừa nép dưới một vòm cây rậm kéo tấm tầng che lên đầu thì mưa đã dội xối xả. Vô vàn những giọt nước từ trên cao rồi chéo xuống dày đặc, tạo thành bức màn trắng mờ mịt phủ khắp núi rừng. Gió cuồn từng đợt, thổi những đám bụi mưa bay là là như khói.

Không còn thấm kịp vào đất, nước đọng lại thành vũng rồi tràn ra tạo nên vô số dòng chảy nhỏ len xách qua các gốc cây đổ về chỗ thấp. Tiếng mưa sầm sập như nước xối, tiếng gió rít ù ù và thỉnh thoảng chen vào là tiếng sét đĩnh tai kèm theo những ánh chớp chói lòa, làm cho cơn thịnh nộ của đất trời càng thêm dữ dội. Cây rừng run rẩy. Những dãy núi nhòa đi trong mưa. Mọi con vật trong rừng đều nép mình lẫn trốn.

Bốn chúng tôi đưa tay đỡ bốn góc tấm tầng, chốc chốc lại nghiêng xuống trút nước đọng nặng trĩu. Thật chả bù cho mấy ngày trước phải hứng từng giọt sương để uống.

Gần hai giờ sau mưa nhẹ hạt dần, nhưng vẫn dai dẳng lác đác một lúc nữa mới tạnh hẳn. Chúng tôi thở phào, cuộn tấm tầng lại. Mây tan hết thành nước, một khoảng trời xanh hiện ra giữa hai vòm cây. Nắng chiều lấp loáng trên lá cây ướt sũng. Khi tiếng mưa dứt, núi rừng lặng đi trong chốc lát rồi lại bùng lên những âm thanh sôi nổi của mọi sinh vật trở về với cuộc sống thường ngày.

Một bầy bồ chao từ đâu bay đến đậu trên tán cây nơi chúng tôi đứng, hót vang rộn cả góc rừng. Những con bồ chao có bộ lông màu nâu nhạt điểm vệt trắng quanh hai mắt kéo dài xuống bụng trông rất ngộ nghĩnh. Chúng bay tới đâu là ở đó ồn ào như họp chợ. Một chú sóc thò đầu ra khỏi hốc cây, giương đôi mắt tò mò nhìn bầy bồ chao như cố đoán xem có chuyện gì mà lũ chim vui đến vậy. Cũng trên cái cây đó, một con tắc kè to gần bằng cổ tay đang rướn cổ kêu từng tiếng như dấm. Những con mối xõa cánh bay loạn xạ trên lớp lá mục. Cơn mưa tưởng như dữ dội nhưng thực ra đã đem sức sống mới cho muôn ngàn sinh linh của rừng.

Cả mấy con vạt cũng vậy. Suốt mấy tháng nắng nóng, chúng như những cuộng lá khô lay lắt đầu đó trong bụi cây nay mềm lại nhờ hơi nước ẩm ướt, bắt đầu hồi sinh, ngoe nguẩy đánh hơi con mồi để bám theo.

Thấy đã muộn, anh Đăng giục chúng tôi tìm chỗ dựng lều nghỉ lại. Khi đến một vạt đất bằng phẳng, vừa đặt ba lô xuống, tôi thấy ngứa nơi bắp chân. vén ống quần lên thấy hai con vạt to hơn đầu tăm đang bám hút máu. Nhìn tôi nhăn nhó gỡ vạt, anh Hùng cười:

– Đã ăn thua gì! Mưa vài ba ngày nữa, cậu sẽ thấy! Nó bám theo từng đàn như vãi trấu ấy chứ! Nhưng đừng lo, tớ sẽ có cách trị được.

Để anh Đăng và anh Sơn dựng lều, anh Hùng rủ tôi đi săn. Hai anh em xách súng luồn xuống mé rừng phía dưới. Cây cối rậm rạp lại ướt sũng nước nên dù chúng tôi cố đi thật êm, vẫn tạo ra những tiếng sột soạt đánh động những con thú quanh đó. Lúc vòng qua mấy tảng đá, tôi chợt nghe tiếng "soạt" ngay trong lùm cây trước mặt, rồi có con gì đó đâm đầu chạy ào đi, chỉ kịp trông thấy vạt lưng đen bóng. Tôi xuýt xoa tiếc rẻ nhưng anh Hùng vẫy tay ra hiệu đi tiếp.

Một lúc sau, chúng tôi lần tới quãng rừng thưa hơn. Đang đi rón rén, tôi nghe phía trước có tiếng động lạ, hình như có con thú nào bước trên lớp lá khô. lát sau có cả tiếng cành cây lay động, lá khua ào ào. Tôi nhìn anh Hùng, anh ra hiệu là đã biết. Chúng tôi thận trọng tiến thêm mười bước, nép sau gốc cây và từ từ ló đầu ra nhìn: một bầy lợn rừng đang chúi mõm liếm mồi. Chúng không phát hiện ra chúng tôi vì mãi mê theo những con mồi cánh béo múp bay loạn xạ. Thứ mồi này tuy nhỏ nhưng ngon, càng ăn càng say.

Anh Hùng nhìn sang và giơ ngón tay út, ý bảo bắn con nhỏ thôi. Tôi rê súng, lựa một con nhỏ nhất trong bầy, ước độ ba mươi kí. Con thịt đã ở trong tầm tay, có điều phải bắn gục tại chỗ, chứ để nó còn chạy được thì có mà tìm hết hơi. Đạn AK ở cự ly này dư sức hạ con vạt nếu bắn trúng đầu, nhưng mãi tôi vẫn chưa tìm

được điểm ngắm chắc ăn vì con lợn cứ chúi đầu sau gốc cây. Giờ chỉ còn cách bắn trúng tim. Tôi ngắm vào một điểm phía trên chân trước của con vật, hơi chếch vào bên trong một chút, rồi bóp cò. Tiếng súng nổ đột ngột làm cả đàn lợn co giò vụt chạy, tiếng chân rầm rập át cả tiếng cây gãy răng rắc. Thoáng một cái những sống lưng đen nhấp nhô đã mất hút trong bụi rậm.

Chúng tôi bước tới nơi con lợn bị trúng đạn. Anh Hùng cầm chân trước kéo lên xem vết đạn, gật gù khen:

– Bắn trúng tim. Khá lắm! Cậu có thể trở thành thợ săn được đấy!

– Dễ ợt mà anh! Cách có năm chục mét chứ mấy

– Nhưng chẳng phải ai cũng biết bắn vào tim đâu nhé! Mà săn lợn rừng không phải là không nguy hiểm, cậu biết vì sao không?

– Sao anh? - Tôi vác con lợn lên vai, hỏi lại.

– Khi săn lợn bầy, phải xem chừng con đầu đàn, đó là con dữ nhất. Nó sẵn sàng lao thẳng tới với sức mạnh của bò tót giết chết đối thủ bằng hai chiếc răng nanh sắc nhọn như dao để bảo vệ bầy đàn. Lợn độc lại càng đáng sợ. Có thợ săn lâu năm cũng mất mạng với nó vì thiếu cảnh giác đấy! Nhiều khi cầm súng trong tay nhưng không kịp bắn, hoặc bắn không trúng chỗ hiểm lại không kịp tránh, nó vẫn đâm tới húc anh rồi mới chịu chết. Đến cạp đánh nhau với nó còn chịu thua nữa là!

Chúng tôi đi nhanh về chỗ trú vì trời sắp tối. Thấy anh Hùng vừa đi vừa nghiêng ngó, tôi hỏi:

– Anh định tìm gì đấy?

– Mình tìm lá chống vắt. Kia rồi! - Anh nói, tay chỉ vào cây dây leo đang quấn quanh một thân cây nhỏ - Cây này ngoài mình gọi là ngải hôi. Vò lá xoa lên người thì đỡ con vắt nào dám đeo. Tốt nhất là giã rồi vắt lấy nước mà xoa, hiệu nghiệm còn hơn thuốc chống vắt của Trung Quốc. Cậu nhìn kỹ cho nhớ! - Anh chìa cho tôi mấy chiếc lá.

Tôi vò một lá đưa lên mũi ngửi. Nó có mùi hăng hắc pha lẫn mùi tỏi. Loại cây này cũng dễ nhận: lá gần giống lá trầu nhưng nhỏ và mềm hơn, mặt dưới lá có một lớp lông mỏng màu trắng.

Tối đó cả tổ ăn thịt lợn rừng luộc chấm muối thay cơm. Số thịt còn lại chúng tôi thái thành từng tảng, đem nướng chín rồi sấy trên lửa, để dành cho ngày mai. Xong bữa tối, anh Hùng bắc soong lên bếp hầm mấy cái chân giò, lát nữa sẽ bỏ gạo sấy vào nấu nồi cháo ăn đêm.

Sau trận mưa, khí trời ẩm và mát. Ánh lửa cháy bập bùng soi những bóng cây xung quanh lúc ẩn lúc hiện như đang di động. Chúng tôi quây quanh đồng lửa, dùng que trở những xâu thịt cho chín đều. Anh Đăng ngẩng đầu ngắm mấy vì sao đang nhấp nháy trên cao, nói:

– Trời trong lắm! Nhưng thế nào cũng còn đổ mưa vài ba buổi nữa. Không khéo mưa lụt tiểu mãn đấy, các cậu ạ! Đã đầu tháng năm rồi còn gì!

Bốn chúng tôi cùng trầm ngâm hồi lâu. Cơn mưa đầu mùa gọi lên trong tâm trí mỗi người bao kỷ niệm... Rừng khuya vắng lặng. Tiếng thú chạy sột soạt trong bụi cây lẫn trong tiếng mõ chảy xèo xèo trên đồng lửa. Có con chim ăn đêm nào đang kêu khắc khoải hết góc rừng này đến góc rừng khác, nghe cứ tưởng như nó bay lạc trong màn đêm đen kịt của rừng sâu.

Tôi lên tiếng, phá vỡ sự im lặng:

– Anh Đăng này! Sao trước đây có dịp về phép, anh không lập gia đình đi?

– Ờ, chuyện cũng... Anh ngập ngừng giây lát rồi kể - Hồi bà cụ mình còn sống, lần nào về cũng thấy cụ đã nhắm sẵn cho một cô nào đấy. Gia đình đôi bên đồng ý cả, nhưng mình không thể. Chưa yêu thì làm sao lấy nhau được? Mình biết bà cụ buồn lắm? Hai cụ chỉ sinh được mỗi mình nên các cụ trông có cháu để còn nối dõi...

Anh Sơn nói:

– Nhiều người lấy nhau rồi mới yêu. Các cụ ngày trước “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”, vậy mà cũng con đàn cháu đống gắn bó với nhau đến khi khuất núi đấy thôi?

– Đúng là có thể thật! Lấy nhau, ăn ở với nhau một thời gian cũng có thể vun đắp được tình cảm yêu thương. Nhưng mình có cưới vợ thì cũng sống với nhau vài ngày rồi lại biệt. Chả lẽ người phụ nữ lấy chồng chỉ để làm trách nhiệm, nghĩa vụ thôi ư? Biết là có người đỡ đàn trong nhà ông bà cụ sẽ đỡ vất vả, nhưng mình đi biết sống chết thế nào, để người ta chờ đợi mãi mòn thì lại không nữa... - Anh chớp mắt, thờ dài .

– Thế giờ cụ sống một mình hờ anh? - Tôi hỏi.

– Ủ! Cụ sống một mình. Cũng có mấy người họ hàng gần đó. Hơn nữa bà con lối xóm qua lại giúp đỡ hàng ngày nên mình cũng bớt lo. Mà cụ nghị lực lắm! Cánh trẻ bọn mình còn lâu mới theo kịp. Năm năm hai, cụ đã là tiểu đoàn trưởng trong đại đoàn Quân Tiên phong đấy!

Anh Hùng nháy mắt nhìn tôi:

– Ê này! Cánh an ninh chỉ chuyên điều tra, cậu chả bao giờ kể về mình cả. Nghề nghiệp dạy cậu chỉ biết hỏi thôi phải không?

Biết anh trêu, tôi ngượng ngịu trả lời:

– Em thì có gì mà kể?

– Thế cậu đã có người yêu chưa?

– Em... chưa!

Tôi đáp ngập ngừng, trong đầu thoáng hiện một con đường đất đỏ đi ngang qua những đồi sim, tới mùa hoa nở tím ngát... Trên con đường đó, tôi và Hường, cô bạn học cùng lớp rất thân và rất xinh, đã bao lần đi với nhau trong những ngày lên huyện luyện thi học sinh giỏi năm lớp chín. Hai đứa tôi cùng trong đội tuyển, tôi thi văn còn Hường thi toán. Những ngày ấy chúng tôi sống hồn nhiên, trong sáng và đẹp đẽ biết bao! Người ta nói hoa sim là hoa của đất nghèo, nhưng chúng tôi không để ý đến điều

dó, chỉ thấy màu hoa tím gọi bao nỗi xốn xang trong trái tim của những người đang độ tuổi ngập ngừng bước vào đời.

Sang năm lớp mười, cả hai đứa đều nhận thấy trong tình bạn đã có cái gì đó mới hơn, lạ hơn và rất khó nói. Gặp tôi Hường hay ngược, và tôi cũng thế, nhưng ngày nào không gặp nhau lại bứt rứt nhớ... Thế rồi sang học kỳ hai được vài tháng thì tôi xung phong nhập ngũ. Lúc bấy giờ chiến tranh đã đi vào giai đoạn ác liệt chưa từng có.

Khi tôi vào chiến trường cũng là lúc Hường thi đỗ đại học và đi học ở Liên Xô. Từ đó tôi không liên lạc với cô nữa, phần bận bịu công việc, phần không có địa chỉ. Sau này mới biết Hường vẫn viết thư về nhà tôi rất đều đặn, thư nào cũng mong tin tôi...

Lúc kể tất cả những điều đó cho các anh nghe, tôi biết mình không giấu được nỗi tiếc nuối trong từng câu nói. Anh Sơn dăm dăm nhìn ngọn lửa, hỏi mà không nhìn tôi:

– Thế sau đó Hải có biết được địa chỉ của cô ấy không?

– Có! Gia đình em có gửi vào, nhưng em không viết thư cho Hường nữa.

– Sao vậy? - Cả ba anh cùng thốt lên.

– Em nghĩ là... mình vào chiến trường không biết sống chết thế nào, ràng buộc cô ấy qua những lá thư để mà làm gì! - Biết mình đang lặp lại những điều anh Đăng vừa nói, nhưng thực lòng tôi đã nghĩ như thế.

Anh Hùng nói ngay:

– Mình thấy cách cậu xử sự như vậy không ổn?

– Sao anh?

– Có cái gì đó... Thôi, để mình nghĩ đã. Nhưng cậu đọc sách nhiều, thấy những trường hợp như vậy các nhà văn họ viết thế nào?

– Nhà văn thì nói làm gì, anh!

– Sao cậu lại nói thế - Anh Hùng tròn mắt nhìn tôi.

Biết mình lỡ lời, tôi lúng túng:

– Ấy chết? Không phải... ý em không phải như vậy... Em muốn nói là... trong truyện hay tiểu thuyết của ta, người ta thường diễn hình hóa mọi việc, cả nhân vật lẫn sự kiện. Nhưng cuộc đời bên ngoài đâu giống thế.

– Thế Hải nghĩ mình là người thế nào? - Anh Sơn hỏi.

– Em chỉ là em thôi? Chắc là có hay có dở, đôi lúc cái dở nhiều hơn, nhưng em cố sống thật như bản chất mình.

– Vậy cậu chê tiểu thuyết à? - Anh Hùng vẫn "truy" tiếp.

– Ôi, em mê như điên ấy chứ? Trong tiểu thuyết ta học được, biết được đủ thứ...

– Nay, về chuyện tình cảm ấy mà, hay là... cậu có cô nào trong này rồi? - Anh Đăng hỏi nửa thật nửa đùa.

Tôi giã nảy:

– Làm gì có, anh! Vào chiến trường mấy năm, hết ở cứ lại vào vùng địch, hết chống càn tránh bom lại đào hầm vác gạo..., đâu có rảnh lúc nào mà tính chuyện yêu đương?

Anh Đăng vẫn chưa tha:

– Nghe nói con gái thị xã Quảng Trị đẹp lắm phải không?

– Chắc là đẹp! Vào đó ngày nằm hầm bí mật, đêm mới dậy mò đi, em cũng chẳng biết nữa!

– Chẳng lẽ cậu không đi phổ ban ngày lúc nào à?

– Cũng có mấy lần. Những lúc đó em mặc đồ thủy quân lục chiến, tháp tùng mấy anh đóng vai sĩ quan ngụy, anh tính tâm trí đâu mà để ý tới mấy cô? Mà nếu có cô nào "cảm tình" với mình trong hoàn cảnh ấy thì chết dở rồi còn gì? Cả ba anh cùng oà lên cười.

Gần hết buổi sáng hôm sau, cả tổ xuống tới khe nước nhỏ chảy dưới chân núi. Theo hướng kim địa bàn, chúng tôi leo tiếp lên ngọn núi trước mặt, nhưng mới đi được hơn trăm mét thì phải dừng lại vì một rừng giang chắn lối. Vô số những cây giang dài

lượt thướt mọc nghiêng ngã chẳng chịt suốt từ đất lên quá tầm tay với, vươn nhánh loằng ngoằng đan thành tấm thảm xanh mềm mại trải kín sườn núi. Ở dưới gốc, mặt đất tối om phủ đầy lá rụng. Cây giang còn leo lên quán gần tới ngọn những cây thân gỗ mọc trong lãnh địa của nó, trông xa giống như những đụn cỏ xanh. Chỉ có thú nhỏ hoặc loài bò sát mới mong luồn qua dải rừng bùng bùng này.

Anh Hùng bỏ ba lô, tìm một cây cao gần đó leo lên. Lúc tuột xuống, anh bảo:

– Không qua nổi đâu, rộng lắm? Chỉ còn cách đi vòng thôi!

– Cậu thấy nên đi lên hay đi xuống? - Anh Đăng hỏi.

Anh Hùng suy nghĩ một lúc rồi trả lời:

– Ta nên đi lên. Ở phía dưới núi thoải thoải, trong tầm nhìn chỉ thấy màu lá giang. Còn mé trên có ngọn núi cao chắn ngang, rừng giang đến chân núi là hết.

– Thôi được? Ta trở lại khe đi ngược lên. - Anh Đăng quyết.

Cả tổ im lặng quay xuống. Khi tới khe, chúng tôi men theo dòng nước đi lên phía trên. Nước cạn, lòng khe đầy những hòn đá phủ lớp rêu màu rỉ sắt. Hai bên bờ có những cây chuối rừng cao lủng khỏng mọc chen với các loài cây bụi. Những con cua núi bé bằng móng chân cái bò lúc nhúc, thấy động chạy vào kẽ đá.

Tôi hỏi anh Hùng:

– Cua này ăn được không anh?

– Ăn được. Nhưng túng quá mới ăn, chứ nó chỉ toàn mai với còng, chẳng có mấy tí thịt. Cũng đôi nơi có loại

cua to hơn, như cua đồng ấy! Để hôm nào gặp, mình sẽ làm món cua rang muối cho cậu ăn. Cũng hấp dẫn lắm!

Đúng như anh Đăng nói, trời còn mưa liên tiếp hai buổi chiều nữa. Vẫn những cơn mưa dừ dội như trút nước và kéo dài mãi đến tối. Rừng trở nên ẩm ướt, cây cối được tắm mát trở màu xanh mướt. Mưa cuốn sạch bụi bặm làm không gian trong veo, mọi vật sáng rõ hẳn lên. Chúng tôi rất sốt ruột vì phải đi vòng để

tránh rừng giang, mà chỉ đi được từ sáng đến trưa, buổi chiều phải dừng lại dựng lều tránh mưa. Ba ngày sau, chúng tôi mới qua hết rừng giang về mé trên và biết là đã đi chệch hướng khá xa.

Chương VII

Ngày thứ mười sáu.

Từng người nối nhau leo lên một sườn núi cao. Tối qua anh Sơn đã trải bản đồ tính kỹ, để giữ đúng hướng phải vượt qua ngọn núi ấy.

Đường đi ngày càng dốc. Chúng tôi len lỏi qua những gốc cây, cố tránh các vòm dây leo cuốn lằng nhằng rậm rịt. Trong không khí có mùi trái cây chín ửng và mùi lá rụng mục ả. Những lúc lặng gió, nghe rõ tiếng đàn vắt đánh hơi thấy mùi máu nóng đang đuổi theo rào rào trên lá Cũng may sáng nay chúng tôi đã cẩn thận vò lá giải hơi xoa khắp người.

Gần trưa thì leo hết sườn núi. Cả tổ dừng nghỉ bên một tảng đá to mà mưa gió lâu ngày đã bào mòn tạo nên những đường nét kì dị và đẹp mắt. Tôi ngạc nhiên khi thấy trên đỉnh núi này có rất nhiều tảng đá như vậy nhô lên như mọc từ đất. Anh Sơn bảo đây là phún thạch vương vãi sau những đợt phun trào của núi lửa. Chúng tôi nướng lại mấy miếng thịt, ăn qua loa rồi hồi hả đi tiếp. Đến chiều, cả tổ lọt vào một hẻm núi khá rộng, hai bên là hai vách đá sừng sững. Những thân cây cao vút mọc chen giữa các tảng đá xám đen. Chiều nay trời không mưa nữa, nhưng ở đâu xa tít trên kia vẫn có tiếng sấm ì ùng. Cơn mưa đang đổ xuống một vùng rừng khác. Nắng chiều từ phía sau rọi tới mọc theo hẻm núi nên cảnh vật cũng bớt phần u ám. Thỉnh thoảng lại gặp mấy con rắn nằm khoanh tròn trên đá phơi nắng. Thấy động, chúng chỉ hơi ngóc đầu lười nhác giương cặp mắt lơ lơ nhìn ra.

Chúng tôi đi mãi miết, cố vượt qua hẻm núi trước khi trời tối. Lúc leo qua một tảng đá to chắn ngang lối đi, tôi nghe thoảng trong gió có tiếng nước chảy. Anh Đăng cũng bảo:

– Hình như phía trước có suối các cậu ạ? Ta gắng đến đó nghỉ lại.

Mọi người vội bước nhanh hơn. Ai cũng mong đến được suối để nghỉ ngơi tắm giặt cho đỡ mấy ngày lội rừng ẩm ướt khó chịu.

Lúc gần tắt nắng thì nghe rõ tiếng nước chảy ồ ồ ở ngay trước mặt. Đang bước nhanh, anh Đăng bỗng đứng khựng lại. Ba chúng tôi từ phía sau dồn tới, cũng bắt chợt dừng lại như anh. Phía trước, ngay dưới chân chúng tôi là một cái vực sâu hun hút, tiếng nước réo từ dưới đó vọng lên. Lúc này đáy vực tối om! không nhìn rõ được dòng nước, chỉ thấy một dải trắng mờ mờ. Hai bờ vực là hai vách đá gập ghềnh như dựng đứng. Từ rừng cây ven bờ, màn sương trắng mỏng bắt đầu loang ra như muốn ngăn bót luồng khí lạnh lẽo đang dâng lên từ đáy vực âm u.

Chúng tôi phải quay lại tìm chỗ nghỉ đêm. Chọn một vạt đất trống, mọi người vội vã dựng lều và kiếm củi đốt. Anh Hùng cầm dao phát hết cây cỏ xung quanh để phòng rắn.

Ăn xong bữa tối, anh Sơn lấy bản đồ ra, dùng kính lúp xem kỹ khu vực chúng tôi đang đến. Hồi lâu sau chưa thấy anh nói gì, tôi sốt ruột hỏi: - Thế nào anh?

Anh trả lời, lẩm bẩm như nói với chính mình:

- Lạ quá! Cái vực này không thấy trên bản đồ. Đây này, - Anh đưa đầu bút chỉ một điểm - ta đang ở chỗ này. Phía dưới có một nhánh sông nhỏ thuộc lưu vực sông Thu Bồn. Có lẽ nước trong cái vực này đổ ra nhánh sông đó.

Anh Đăng hỏi:

- Còn bao xa nữa Sơn?

Anh Sơn lấy thước đo rồi trả lời:

- Gần hai mươi cây số anh ạ! Ngày mai vẫn phải đi tiếp về hướng đông nam. Mấy hôm nay ta đi chệch hướng nhiều quá, thành ra đoạn đường nhiều gấp mấy lần.

Anh Đăng trầm ngâm: "Hai chục cây! Ở đồng bằng là đã nhìn thấy..." Tôi nhìn anh, hỏi:

- Liệu có vượt qua được cái vực ấy không anh?

– Phải vượt thôi! Nếu quay lui sẽ mất nhiều ngày để vòng tránh rừng giang về mé dưới. Còn vượt bằng cách nào, mai xem cụ thể rồi mới tính được.

Anh Hùng vỗ vai tôi:

– Cậu không nhớ lời anh Hai Nguyên dặn à? “Nếu quyết tâm thì bất cứ khó khăn nào cũng có thể tìm được cách vượt qua...” Cứ yên trí ngủ, mai sẽ tùy cơ ứng biến.

Tôi lại quay sang anh Sơn:

– Anh Sơn này, sao giữa đỉnh núi lại có cái vực sâu vậy anh?

Anh Sơn cười cười:

– Có vậy mới trọn bộ. Một cuộc phiêu lưu mạo hiểm mà thiếu cái vực thăm thì còn ra gì nữa?

Mọi người cùng cười.

Nhưng rồi anh Sơn cũng giải thích:

– Về cái vực này cũng dễ hiểu thôi. Cả vùng núi non miền Trung Bộ đều được tạo nên từ những đợt phun trào của núi lửa cách nhiều triệu năm về trước. Sau khi núi đã hình thành, một hay nhiều cơn địa chấn đã làm biến đổi khối nền của nó nên dãy núi đứt gãy tạo thành vực. Ngày mai nhìn kỹ hai bên vách đá, Hải sẽ thấy rõ vết gãy đó.

Anh Sơn giải thích rất dễ hiểu. Tôi nhớ mình đã học về động đất, núi lửa trong chương trình địa lý phổ thông. Nhưng hình ảnh cái vực sâu hun hút cứ lớn vờn trong đầu làm tôi thao thức mãi. Tôi linh cảm mơ hồ về một điều tồi tệ, một biến cố ghê gớm nào đó sắp xảy ra, nhưng chịu không nghĩ được là chuyện gì. Suốt từ đầu chuyến đi tới giờ, chưa lúc nào tôi ở trong tâm trạng như vậy.

Trong đêm khuya thanh vắng nằm áp tai xuống đất, tiếng nước chảy dưới đáy vực nghe như dội lên từ chốn thăm thẳm trong lòng đất. Nỗi lo lắng ám ảnh trong từng ý nghĩ. Tôi chìm vào giấc ngủ một cách nặng nề, bên tai văng vẳng tiếng nước réo lúc gần lúc xa.

Chúng tôi đến bên bờ vực lúc mặt trời đã mọc, nhưng ở đây vẫn còn tối mờ. Vực sâu bị che lấp bởi từng đụn hơi nước trắng đục, không biết nên gọi là mây hay sương. Đến khi mặt trời lên cao, ánh nắng xuyên qua những tán cây đan thành vòm trên bờ, vực thẳm mới dần dần hiện ra. Miệng vực rộng độ ba đến bốn chục mét. Từ hai mép vực xuống tới đáy là vách đá lồi lõm gập ghềnh như dựng đứng. Những thân cây mọc ở kẽ đá vươn lên thẳng tắp. Nhìn từ trên xuống, ngọn cây chìa lên nhọn như chông. Phải một lúc nữa mới thấy rõ dòng nước đục ngàu cuộn cuộn dưới đáy. Những tảng đá lô nhô chặn giữa dòng làm nước tung bọt trắng xóa. Có lẽ lúc bình thường, đáy vực là một bãi đá chỉ len lỏi dòng nước nhỏ, nhưng mấy hôm trời mưa, nước từ các triền núi đổ xuống đã tạo nên cồn lũ cuốn hung tợn kia. Cứ nhìn những mảng rác rêu trôi băng băng kia thì biết! Mà đằng nào cũng thế thôi, chúng tôi không phải băng qua dòng chảy đó vì chẳng thể tụt xuống vách đá được. Từ đây tới đáy ít ra cũng phải sáu chục mét.

Anh Đăng ngoái lại nhìn cả ba chúng tôi, và chắc nhận ra vẻ lo lắng trên mặt tôi, nên anh cười hỏi:

– Thế nào Hải? Cậu có phát kiến gì không?

Tôi cũng cười, lát sau mới nói:

– Theo em, ta nên đi men bờ vực, tìm chỗ thấp mà qua.

– Các cậu thấy thế nào?

Anh Sơn nói:

– Cái vực này cắt ngang dãy núi nên rất dài. Tất nhiên đi mãi rồi cũng đến chỗ thấp, vấn đề là đi theo hướng nào?

Cả tổ bàn bạc, cuối cùng quyết định sẽ đi về phía thượng lưu chọn chỗ nào thuận tiện để qua, hoặc tìm một cây gỗ hạ làm cầu, theo ý kiến của anh Hùng. Đi về hướng này là càng xa tọa độ cần đến, nhưng không còn cách nào khác. Phía hạ lưu, vách đá của hẻm núi dựng đứng không kém bờ vực, khó mà leo qua nổi.

Chúng tôi khoác ba lô lên vai, men theo bờ vực đi ngược hướng nước chảy. Đường rất khó đi vì một bên là vách núi cao,

một bên là vực thẳm. Mấy ngày mưa làm rêu trên đá ngấm nước trơn trượt, chúng tôi phải níu cây vắt vả lần từng bước một. Mọi người đều hết sức thận trọng vì chỉ sẩy tay một cái là rơi thẳng xuống đáy vực. Gần trưa thì vách núi thoải dần, nền đất phủ đầy lá khô nên dễ đi hơn.

Khi mặt trời tròn bóng, anh Hùng dừng lại bên một cây gỗ dầu thẳng tắp, gốc to cỡ vòng tay ôm. Anh đi quanh gốc cây, tay vỗ vỗ vào lớp vỏ sù sì, mắt ngược nhìn bên ngọn. Tôi hiểu anh muốn chọn cây làm cầu.

– Các vị thấy thế nào?

Anh Đăng nhìn sang bờ vực bên kia, trả lời:

– Được đấy? Nhưng phải hạ thật chính xác.

Tôi lùi lại mấy bước, đưa mắt ước lượng: cây dầu mọc cách mép vực hai mét và cao phải đến bốn chục mét là ít. Đoạn này miệng vực rộng chừng ba chục mét, phía bên kia khá bằng phẳng. Một địa điểm thuận lợi, mặc dù ở đây đáy vực vẫn sâu thẳm thẳm.

Chúng tôi đặt ba lô xuống, bắt tay vào việc đốn cây bắc cầu. Hai cây dao lưỡi mỏng và nhẹ nên đốn được cây gỗ to này không phải dễ, nhưng khó nhất là làm sao hạ cái cây đổ xuống vuông góc với mép vực để bắc ngang sang được bên kia. Tất cả trông cậy vào tài nghệ của anh Hùng.

Anh chém những nhát dao đầu tiên, mở một miệng thấp về phía vực và miệng cao hơn về phía vách núi. Sau đó chúng tôi thay nhau chặt. Mảnh gỗ bắn tung toé rải trắng quanh gốc cây. Từ vết chém trên vỏ cây từng giọt nhựa ứa ra, lúc đầu trắng đục, sau dần thẫm lại đỏ như máu. Có lẽ vì thế mà người ta gọi cây này là cây dầu máu.

Hơn một giờ sau, lúc thân cây đã gần đứt, anh Hùng bảo mọi người lùi lại. Anh nhìn ngọn cây xung quanh để tính hướng gió, rồi thận trọng chém những nhát cuối cùng. Chúng tôi hồi hộp nhìn theo. "Sắp đổ rồi, cẩn thận nhé!", anh nói, tay vung dao chém

thêm mấy nhát nữa. Thoạt đầu nghe có tiếng lác rác nho nhỏ, rồi tiếng gõ nứt to dần, ngọn cây xao động như có gió thổi. Cây gỗ bắt đầu chao nghiêng và đổ xuống nhanh dần. "Rác... rác rác... ào ào... rầm", ngọn cây đập xuống bờ vực bên kia, đè rập cả một vạt cây con. Thân nó đứt lìa khỏi gốc, nảy lên rồi nằm im.

Ba chúng tôi vỗ tay reo mừng. Cây gỗ bắc ngang miệng vực làm thành một cái cầu chắc chắn. Đầu bên kia hơi cao vì những cành cây chống bên dưới, nhưng không sao! Dốc một chút càng dễ đi. Nét mặt anh Hùng vẫn bình thản. Anh bảo chúng tôi ngồi đợi rồi tay dao tay súng leo lên vách núi đi vào rừng.

Chúng tôi lấy lương khô ra ăn. Mặt trời ngả về chiều. Dưới ánh nắng chói chang, cây rừng ắng lạng như còn lơ mơ trong giấc trưa. Tiếng ve kêu ra rả hòa với tiếng nước cuộn ào ào dưới đáy vực tạo nên những âm điệu đều đều buồn tẻ.

Gần một giờ sau, lúc tôi đã bắt đầu sốt ruột thì anh Hùng về, trên vai nặng trĩu hai cuộn dây mây to tướng, loại mây song sợi to bằng ngón chân cái. Anh ném hai cuộn mây xuống cạnh gốc cây cụt, vớ bi đông nước tu ừng ực. Anh Đằng giục chúng tôi rút dây võng ra nối lại với nhau, rồi anh trở sống dao đập đập đầu sợi mây, nối vào dây võng.

Ngồi nghỉ được dăm phút, anh Hùng đứng dậy khoác chéo súng sau lưng, nói với anh Đằng:

- Tôi sang trước, anh rải dây cho tôi nhé!
- Được rồi! Nhưng đi cẩn thận đấy!
- Yên trí! Chuyện vặt ấy mà!

Anh buộc một đầu sợi dây võng vào thắt lưng, bước lên cây gỗ dang hai tay giữ thăng bằng và đi nhanh thoăn thoắt. Sang quá nửa cầu, anh ngồi xuống khéo léo kẹp hai đùi vào cây gỗ, rút dao chặt những nhánh cây vướng lối đi. Đến bờ bên kia, anh phát hết những cành lá um tùm ở ngọn cây, rồi nạm đầu dây võng kéo sang. Lúc sợi dây dù đã căng, chúng tôi xúm lại gỡ dần sợi mây để anh kéo sang. Công việc còn lại rất đơn giản: đợi anh Hùng

buộc đầu dây vào một gốc cây, chúng tôi hè nhau kéo căng sợi mây buộc tiếp vào gốc cây phía bên này. Sợi mây căng dọc theo cây gỗ, cao ngang tầm tay vịn. Bây giờ việc đi qua cây cầu độc mộc đã trở nên đơn giản hơn nhiều. "VẬY mà mình cứ lo vớ lo vẩn...", tôi thấy nhẹ cả người.

Anh Hùng quay trở lại bờ bên này, khoác ba lô lên vai:

– Minh sang trước. Các cậu để ba lô đấy, lát mình mang sang cho!

Tôi và anh Sơn cùng cười:

– Anh cứ đi đi, chúng tôi tự mang được mà!

– Để các cậu ấy mang cũng được, - Anh Đăng nói - nhưng phải làm dây bảo hiểm. Cẩn tắc vô áy náy, các cậu ạ!

Chúng tôi lấy dây võng chập lại làm bốn, buộc một đầu quanh thắt lưng, đầu kia buộc vòng qua sợi mây thành một cái vòng để có thể vừa đi vừa đẩy theo.

Đợi anh Hùng sang đến bờ bên kia, anh Đăng bảo tôi đi tiếp. Tôi cởi dép nhét vào ba lô, bước lên cầu. Cây gỗ to, vỏ cây nứt nẻ nên dễ đi. Lúc ngang giữa cầu, tôi cảm thấy ngợp khi nhìn xuống đáy vực, nhưng rồi cũng tới nơi trót lọt. Tôi đặt ba lô xuống, nhìn sang. Anh Đăng đang giục anh Sơn đi tiếp.

– Anh qua trước đi, tôi chặn hậu cho! - Anh Sơn đang buộc lại cái song trên nắp ba lô, cười trả lời.

Anh Đăng qua cầu một cách nhẹ nhàng. Lúc này anh Sơn cũng bước lên cầu, vừa đi vừa đẩy dây bảo hiểm. Anh còn nhìn tôi cười, nụ cười thật hồn hậu trên khuôn mặt hiền lành dễ mến.

Anh Sơn qua được nửa cầu. Tôi cúi xuống định mang dép vào chân, bỗng giật mình bởi một tiếng "rắc" nhỏ. Ngay trước mặt tôi, một cành cây chống phía dưới cây gỗ bị gãy. Tôi lạnh toát người nhìn lên: trên cầu, anh Sơn đang chới vớ. Anh vung tay giữ thăng bằng theo phản xạ, nhưng không được! Thân cầu chao nghiêng làm anh rơi thẳng xuống. Dây bảo hiểm bật căng treo anh lơ lửng bên dưới cây gỗ kéo sợi mây chùng tới gần mặt cầu.

Tôi thét lên, chụp sợi mây cố kéo căng ra. Anh Đăng lao tới cùng kéo và gọi to: "Bình tĩnh, gắng bình tĩnh Sơn ơi..." Cùng lúc, anh Hùng rút dao găm cản ngang miệng, cởi thắt lưng đạn vứt xuống đất, nhào đến ôm cây gỗ thoăn thoắt bò ra.

Dưới kia, anh Sơn đang lúng túng cố vươn người nắm lấy dây bảo hiểm, nhưng chiếc ba lô lúc này trở nên tai ác choàng qua nách kéo anh chúc ngược đầu xuống. Anh Đăng gọi với ra: "Bỏ ba lô, vứt ba lô đi..." Nếu trút được ba lô, anh Sơn có thể rướn người nắm lấy dây bảo hiểm leo lên cây gỗ. Tôi nín thở nhìn ra: anh chân chừ đặt tay lên quai ba lô, chắc nghĩ tới tám bản đồ. Định thét bảo anh cứ vứt cả đi, nhưng tôi chợt khựng lại khi nhìn thấy điều đáng sợ nhất đã đến: cái nút buộc quanh sợi mây song đang tuột dần. Tôi gào lên: "Giữ yên đừng cử động, dây tuột đấy..." Anh Sơn thôi vùng vẫy, thân hình anh bị kéo gập lại từ thắt lưng. Sợi mây trên tay tôi hết bập bùng, nhưng ngoài kia đầu dây bảo hiểm vẫn tuột dần, phần dây còn thừa sau nút buộc có những sợi dù trắng xò ra như một túm bông nhỏ đang tử tử ngấn lại. Tôi trợn mắt kinh hãi, người cứng đờ vì cảm giác bất lực đến tuyệt vọng.

Anh Hùng vẫn ôm thân cây bò nhanh ra. "Nhanh lên, anh Hùng ơi..." Tôi muốn gào lên. Còn ba mét... hai mét... một mét. Anh Hùng rướn người vươn tay trái định chụp lấy dây bảo hiểm... Đúng lúc đó nút buộc bung hẳn, sợi mây trong tay tôi bật lên, anh Sơn rơi thẳng xuống đáy vực. Một tiếng thét kinh hoàng dội vào hai bờ vách đá rồi tắt nghẹn trong dòng nước đục ngầu...

Cả người tôi run lẩy bẩy, mắt trừng trừng nhìn xuống: dòng nước nuốt chửng anh trong nháy mắt. Trên mặt nước cuồn cuộn không có một vết tích gì, dù chỉ một vòng xoáy. "Sao lại thế... tại sao lại thế...", tôi lắp bắp, không còn tin vào những gì nhìn thấy. Một bàn tay nào siết chặt tim tôi đau nhói, hơi thở nghẹt lại nơi cuống họng thành tiếng nấc nghẹn ngào. Như cái máy, tôi nhào người ra mép vực cố căng mắt tìm, hai bàn tay ướt đẫm mồ hôi vẫn bám lấy sợi mây.

"Hải lùi lại". Anh Đăng kéo bật tôi khỏi mép vực. Tôi ngã nhào giữa đồng cành lá ngơ ngác nhìn lên. Anh lập cập mở bao da lấy ống nhòm nhìn xuống đáy vực, tay run run. Giữa cầu, anh Hùng nam úp mặt trên cây gỗ, vai rung từng đợt thay mình nằm mơ? Hay mình gặp ác mộng Tôi cán phập vào môi mình. Không phải mơ. Môi tôi đau nhói, vị máu thấm mặn đầu lưỡi.

Anh Đăng thất vọng buông ống nhòm xuống gọi với ra, giọng nghẹn nghẹn: "Vào đi, Hùng ơi..." Trên khuôn mặt hốc hác. những giọt nước mắt lăn tròn lăn với mồ hôi.

Tôi chồm dậy giật chiếc ống nhòm trên tay anh đưa lên mắt. Không thấy gì cả. Tất cả nhòa đi trong màn sương. Mãi sau nhớ ra, tôi gạt nước mắt, cố nín cho nó khỏi trào, lại nhìn vào ống kính, ngón tay run rẩy chỉnh tiêu cự. Trong ống kính hiện ra những đám rác rêu trôi băng băng, mấy mô đá đen trũi nhấp nhô tung bọt nước. Ven bờ, vài ngọn cây ngập nước rã rượi. Cố trấn tĩnh, tôi rê ống nhòm nhìn xuống phía dưới. Cũng vẫn thế! Tất cả chỉ có thêm con người thân thiết ấy như đã tan biến trong dòng nước đục ngầu. Không thể tin được mới mấy phút trước đó anh còn cười với tôi... Một xuống lửa nóng bỏng ngàn ngạt trong đầu, mắt tôi hoa lên, chỉ nhìn thấy lòa nhòa bóng anh Đăng đang đưa tay kéo anh Hùng đứng dậy.

Chiều hôm đó, chúng tôi bỏ ba lô lại, khoác súng bám từng mô đá lần theo mép vực đi về phía dưới hơn hai cây số. Biết rằng anh Sơn không còn sống, chỉ mong xác anh dạt vào bờ đá hay gốc cây nào đó. Nếu vậy, bằng bất cứ giá nào chúng tôi cũng tìm cách xuống đưa anh lên chôn cất, đắp cho anh nấm mộ giữa rừng... Nhưng đi mãi mà vẫn không tìm được một dấu vết nào. Thấy chẳng còn hy vọng gì nữa, anh Đăng bảo quay lại.

Anh Hùng lấy dao đẽo một mảnh trên gốc cây to ngay đầu cầu. Tôi dùng dao găm khắc lên đó họ tên anh cùng ngày anh hy sinh. Nhựa cây ứa ra trên từng vết khắc và tim chúng tôi ứa theo từng giọt máu.

Không có nén hương nào, anh Đăng nhật cảnh khô đốt một đống lửa nhỏ. Chúng tôi chỉ làm được cho anh có thể thôi, anh Sơn ơi... Đột ngột quá! Đau đớn quá! Từ nay chẳng bao giờ được nghe anh nói, được thấy anh cười, được rúc vào người anh tìm hơi ấm trong những đêm rừng lạnh giá... Tôi miết ngón tay lên những dòng chữ, gục đầu vào thân cây khóc nức nở. Chẳng thà được ôm anh một lần trước khi đưa anh xuống mộ, đăng này... Trong đầu tôi hiện lên đôi mắt vời vợi của người phụ nữ trong tấm ảnh anh đưa tôi xem hôm nào. Sau này biết nói với chị và cháu thế nào đây...

Đã đến lúc phải đi. Chúng tôi khoác ba lô lên vai, xách súng bỏ mũ ngậm ngùi đứng nhìn lần cuối cùng nơi người đồng đội thân thiết vĩnh viễn ra đi. Nắng chiều vàng vọt trên vách đá. Đáy vực đang tối dần, dòng nước mờ trong sương khói. Một ngọn gió lướt tới làm ngàn cây lay động, muôn cành lá rì rào hát lên bản anh hùng ca bất tận của rừng già.

"Ta đi thôi!", anh Đăng nghẹn ngào nói. Chúng tôi lầm lũi cất bước. Lên đến đỉnh dốc, tôi ngoái nhìn lần nữa, mắt lại nhòa đi. Trên cây gỗ cô đơn bắc ngang hai bờ vực thẳm, như thấy anh đang đứng mỉm cười nhìn theo... Đưa tay gạt nhanh những giọt nước mắt, tôi xốc lại khẩu súng trên vai, rảo bước cho kịp người đi trước.

Chương VIII

Những ngày kế sau đó, chúng tôi hối hả đi về hướng đông nam, hướng mặt trời mọc. Mọi người đều nặng trĩu nỗi đau trong lòng. Ban ngày còn đỡ, những vất vả lúc đi đường làm chúng tôi bớt nghĩ tới sự việc vừa qua. Nhưng đêm đến, khi ngồi bên đống lửa bập bùng giữa rừng hay chui vào nằm trong căn lều mỏng manh, mới thấy trống trải đến tê tái cả ruột gan.

Ngày thứ ba kể từ khi rời bờ vực, lúc gặp trảng cỏ nhỏ trên một mỏm núi, chúng tôi dừng lại cắm lều dù mới nửa chiều. Cần nghỉ ngơi chút ít lấy lại sức sau mấy ngày vừa qua. Anh Hùng cũng muốn tìm khoảng trống để ngắm sao. Anh Sơn mất đi là một tổn thất nặng nề cho cả tổ, vì kiến thức và kinh nghiệm của anh hết sức cần thiết lúc đi đường và cho công việc sau này. Hiện giờ không có bản đồ và địa bàn, chúng tôi chỉ còn cách nhìn sao, nhìn mặt trời để định hướng.

Dựng xong lều, anh Đăng bảo hai chúng tôi cứ nghỉ, rồi xách súng đi vào rừng.

Tôi ngồi bên anh Hùng buồn rầu nhìn về dãy núi có cái vực thẳm. Với ít nắng đọng vàng trên đỉnh và rừng cây bên sườn đang sẫm lại trong bóng núi, lúc này trông nó cũng hiền lành như mọi dãy núi khác. Từ đây tới đó không xa lắm. Ba ngày qua chúng tôi đi nhiều nhưng phải leo lên tụt xuống, vòng vèo tránh những chỗ khó, thành ra quãng đường đi được chỉ trong tầm nhìn.

Anh Hùng vẫn im lặng như đang mãi nghĩ điều gì. Chúng tôi cùng ngồi lặng lẽ như vậy hồi lâu. Nắng chiều nhạt dần trên ngọn cây. Mây trắng đùn lô xô ở phía chân trời. Một đàn chim đang vội vã bay về tổ, những cánh chim chập chới trên nền mây, nhỏ dần thành những chấm đen li ti rồi mất hút sau dải rừng xa mờ.

Anh Đăng trở về xách theo một con chim to. Chúng tôi nướng thịt chim ăn bữa tối. Hoàng hôn đang xuống, bóng tối lan ra từ những hốc rùng âm u. ở góc trời phía tây, vài tia nắng cuối ngày thoáng chốc rạng lên trước khi chìm vào màn đêm. Những vì sao hiện ra, nhấp nháy trên nền trời xanh đen.

Anh Đăng ngắm chòm sao Bắc Đẩu hồi lâu rồi nói:

– Mình nghĩ tọa độ cần tìm đang ở gần đâu đây. Hôm bên kia bờ vực Sơn có nói phải đi về hướng đông nam hai chục cây. Mấy ngày qua ta đi được trên chục cây tính theo đường chim bay. Nếu Sơn tính toán đúng thì ta có thể tới nơi trong vài ngày nữa, nhưng phải làm sao đi cho đúng hướng. Các cậu nghĩ sao?

– Tôi thấy cần thận trọng. - Anh Hùng nói - Từ ngày mai phải thường xuyên leo lên cây cao dùng ống nhòm quan sát sục tìm. Cánh đồng cỏ tuy rộng nhưng giữa rừng rậm, nhiều khi đi qua ngay bên cạnh cũng không nhìn thấy.

– Theo em, ta nên đi theo kiểu dịch dắc. Thế này nhé, - tôi nói và dùng que vẽ trên đất - Lấy đường thẳng từ đây tới đồng cỏ làm trục, ta đi theo những đường gấp khúc qua lại, mỗi đoạn khoảng năm cây số. Góc ở chỗ ngoặt chừng sáu mươi độ. Tuy phải đi quãng đường dài hơn, nhưng ta sẽ rà được cả dải rừng rộng.

Anh Đăng gật gù:

– Có lý đấy? Hùng thấy thế nào?

Anh Hùng hơi mỉm cười:

– Đúng là nên đi theo kiểu dịch dắc. Có điều... tôi nghĩ khó mà có được cánh đồng cỏ bằng phẳng giữa vùng núi non này. Có khi đó là một vùng đồi, độ cao thấp chênh lệch không lớn lắm nên không phân biệt được trên bức không ảnh chụp chính diện từ trên cao.

– Có thể như vậy, nhưng ta sẽ xác định được nếu tìm thấy cây thủy tùng. Chà, nếu có Sơn ở đây thì... - Biết mình lỡ lời anh Đăng lúng túng dừng câu nói giữa chừng.

Mấy ngày vừa qua, không ai bảo ai nhưng chúng tôi đều cố tránh không nhắc đến sự việc đau đòng ấy, dù chẳng lúc nào nguôi nhớ anh Sơn. Nỗi đau đớn, thương xót lẫn ân hận luôn dày vò tâm trí mỗi người.

Anh Hùng ôm đầu, nói như nấc lên:

– Tại tôi, lỗi tại tôi tất cả? Giá như hôm ấy tôi chặt hết nhánh cây thì đâu đến nỗi...

– Không đúng, cậu không có lỗi gì hết! Người có lỗi là tôi - Anh Đăng nói, giọng hụt đi trong hơi thở nặng nhọc - Nếu hôm đó tôi qua sau cùng, kiểm tra kỹ từng nút buộc...

Tôi không dám nhìn lên, sợ phải trông thấy sự đau đớn tột cùng trên hai khuôn mặt dày dạn lửa đạn đó. Chúng tôi đã trải qua những ngày tháng chiến tranh ác liệt, đã chứng kiến bao nhiêu cái chết của anh em bạn bè... Nhưng chẳng thà chết trong trận đánh, chết vì đạn bom, đằng này anh Sơn hy sinh ngay trước mặt chúng tôi giữa lúc không ai ngờ tới, chúng tôi nhìn rõ cái chết đến với anh từng giây một mà đành bất lực tuyệt vọng... Chính vì thế nỗi đau càng giằng xé mãnh liệt trong lòng mọi người.

Tôi ngẩng đầu nhìn ngọn lửa, nói khe khẽ:

– Không ai có lỗi hết, các anh ạ? Đó chỉ là một tai nạn...

Anh Hùng thét lên:

– Cậu đừng an ủi! Lỗi ở tôi, tôi có tội với cậu ấy...

Anh quát mắt giận dữ. Trong mắt anh là nỗi dằn vặt oán trách chính bản thân mình. Tôi nhìn anh, nói chậm rãi:

– Không ai có thể biết trước được mọi việc, chúng ta không phải là thần thánh. Mà trên đời này làm gì có thánh, có thần? Nếu có, những người như anh Sơn đã không phải chết oan uổng như vậy...

– Hải nói đúng? Chẳng ai là thánh, là siêu nhân cả. - Anh Đăng nói - Chúng ta là những con người. Mà đã là con người thì không ai hoàn hảo đến tuyệt đối được. Nhưng chỉ có con người mới biết yêu thương, căm giận, đau khổ... Chẳng thể nói rằng ai đau xót

nhiều hơn ai, chỉ có điều ta không để cho sự hy sinh của Sơn trở nên vô ích. Phải đi tới đích và hoàn thành nhiệm vụ. Chúng ta sẽ làm thay phần việc của cậu ấy.

Khi nói câu cuối cùng, giọng anh trầm lại như nói với chính mình. Tôi hiểu đó cũng là lời thề của mỗi người.

Gió rung cành cây xào xạc, ngọn lửa bùng lên cháy rừng rực, ánh lửa soi chập chờn vòm lá trên cao làm trời đêm như cũng xao động. Chúng tôi trầm ngâm hồi lâu bên đống lửa. Mỗi người đều cảm thấy nỗi khổ tâm vợi bớt đi khi nói ra những suy nghĩ của mình và có được sự đồng cảm sâu sắc.

Chúng tôi đi theo một đường gấp khúc trong mấy ngày liền. Đã bốn lần đổi hướng, như vậy chặng đường đi được khoảng hai mươi lăm cây số, còn đường thẳng tính theo trục đông nam trên mười cây. Dọc đường mọi người thay nhau leo lên cây dùng ống nhòm quan sát, nhưng chẳng thấy tăm hơi cánh đồng cỏ đâu cả. Hơn nữa tầm nhìn luôn bị hạn chế bởi những ngọn núi nối nhau san sát. Ai cũng lo là đã vượt qua mục tiêu mà không biết.

Trưa hôm ấy, chúng tôi nghỉ lại trong một rừng săng lẻ để tranh thủ kiếm thức ăn. Số lương thực mang theo không còn nhiều, tất cả có mười bao gạo sấy và mười hai phong lương khô.

Chúng tôi căng mấy tấm tăng dựng lều dưới tán một cây săng lẻ cổ thụ, ở gốc cây nổi lên những khía to tưởng trông như cánh của một chiếc tên lửa.

Dựng xong lều và kiếm đủ củi đốt qua đêm, anh Đăng xách súng đi săn. Anh Hùng rủ tôi đi đào củ mài, nhân tiện xuống suối xách nước một thể.

Tôi khoác súng lên vai, cuộn cái túi phao bồi dùng đựng nước nhét vào thắt lưng rồi bước theo anh. Phải đi ngược lại đoạn đường vừa qua đến một quả núi khác để tìm củ mài, chứ nơi đây hầu như chỉ độc một loài săng lẻ. Những cây săng lẻ thân thẳng tắp lớp vỏ mỏng bên ngoài phồng rộp bong loang lổ. Mùa này cây mới trở lá xanh non, bóng râm che mát rượi. Dưới gốc cây, mặt

đất thừa thoáng phủ đầy lớp lá rụng đã mềm ra sau mấy trận mưa.

Ra khỏi rừng sáng lẽ, hai chúng tôi lội qua con suối nhỏ rồi leo lên một sườn núi thấp. Ở đây chim nhiều vô kể. Hầu như trên vòm cây nào cũng có lũ chim đang nhảy nhót. Tiếng chim hót hòa lẫn vào nhau thành một bản hợp xướng đủ loại âm điệu, mọi cung bậc mà ta chỉ được nghe khi ở trong rừng già vào một ngày đẹp trời. Nhiều con chim có màu lông rất đẹp, nhưng tôi chỉ nhận ra các chú vẹt với bộ lông sặc sỡ và cái mỏ khoằm khoằm đang tíu tíu trên một vòm cây có những chùm quả vàng vàng lấp ló trong tán lá. Chúng khéo léo dùng mỏ rút từng quả, măm măm như người không có răng rồi lừa vào họng nuốt chửng không cần nhai vỏ. Quả chi chít trên cây mà chúng vẫn tranh nhau choe choé, những vệt xanh vệt đỏ rồi rít loạn xạ quanh mấy chùm quả chín vàng.

Tìm ra dây củ mài không khó nhưng đào nó lại chẳng dễ dàng chút nào khi trong tay chỉ có cây dao găm. Gần một giờ hì hục, chúng tôi mới đào được hai đoạn củ to bằng cánh tay. Phần còn lại không biết dài ngắn ra sao bởi nó sâu hút trong đất không moi lên được. Nhưng chỉ cần có vậy! Chẳng qua là để thêm món, khỏi ăn mãi thịt thú, chứ ở đây đâu có lo đói.

Anh Hùng giục quay về vì đã quá nửa chiều. Hai chúng tôi thông thả đi xuống. Bên dưới, tán rừng sáng lẽ xanh nhấp nhô theo triền núi. Phía tây nam có một dãy núi cao vượt lên, chạy dài như bức trường thành. Nắng chiều phủ màu vàng xa vời trên những ngọn núi nối nhau chập chùng.

Sau khi tắm xong, tôi lấy nửa túi nước, dùng dây buộc chặt miệng túi vác lên vai đi về chỗ nghỉ. Anh Đàng đang ngồi thái thịt trước lều, những tảng thịt đỏ hồng xếp trên mấy tàu lá chuối. Anh nói:

– Mình đi mãi mà chỉ gặp toàn thú lớn. Cuối cùng đành bán con mang, nhưng chỉ xẻ lấy một đùi vì nặng quá. Rõ phí của!

Tôi rút dao định giúp anh thái thịt, anh vội xua tay:

– Thôi để đấy! Cậu đi kiểm thêm củi, nhớ lấy những cành to ấy. Đêm nay phải nướng hết chỗ thịt này sấy khô mang theo.

Khi tôi vác củi về, thấy anh Hùng đang luộc củ mài. Từ đồng lửa một làn khói trắng bay lên cao, nửa chừng đổi thành màu xanh lam rồi quán quít trong vòm lá.

Lúc ăn tối, anh Đăng hỏi:

– Chiều nay đi, các cậu thấy thế nào?

Biết ý anh muốn hỏi gì, nhưng tôi im lặng chờ anh Hùng nói trước. Anh chưa trả lời ngay mà chậm chậm nhai miếng củ mài, ngẫm nghĩ hồi lâu mới đáp:

– Trên hướng ta đi, nhìn xa về phía dưới chỉ thấy núi. Theo tôi, phải qua hết rừng săng lẻ rồi mới tính được.

– Lúc chiều mình đi về hướng đông nhưng cũng chưa qua hết cánh rừng này. - Anh Đăng nói - Ba ngày nay ta đi được chừng mười lăm cây số theo đường thẳng. Như vậy, theo tính toán hôm trước là đã vượt quá khu vực đồng cỏ. Có lẽ bị chệch hướng ở một đoạn nào đó. Theo các cậu thì đoạn nào?

Tôi nói ngay:

– Theo em nghĩ chỉ trên đoạn từ bờ vực tới đây.

– Còn Hùng?

– Tôi cũng nghĩ thế! Nhưng không sao! Ta vượt hết rừng săng lẻ rồi sẽ quyết. Dù có phải quần nát cả vùng núi này, ta cũng không bỏ cuộc.

– Thì cũng phải tìm kiếm tí chút, chứ đâu dễ dàng đi thẳng tới đích được. - Anh Đăng cười, nói tiếp - Nhưng từ nay phải đánh dấu đường đi, phòng khi lặ lại nơi đã qua mà không biết.

Đến tối chúng tôi đốt thêm đồng lửa trên chỗ ban chiều thái thịt, phòng thú dữ kéo tới. Rừng thưa là nơi sinh sống của nhiều loài thú lớn, nên thú ăn thịt không thiếu.

Chúng tôi dập tắt hai đồng lửa rồi ra đi khi trời vừa hửng sáng, mặt trời còn chưa lên khỏi núi. Những giọt sương rơi lộp độp trên

lá khô. Anh Hùng đi sau, thỉnh thoảng lại vung dao chém vào thân cây để đánh dấu lối đi. Những nhát dao được quy ước là chém cách quãng năm mươi mét, và chỉ chém ngang tầm nhìn vào những thân cây to dưới vòng tay ôm để dễ tìm khi cần.

Gần trưa, rừng sáng lẽ thưa dần rồi nhường chỗ cho các loài cây khác. Cũng vẫn những cây cổ thụ cao to thân phủ đầy rêu và địa y, còn gần ngọn là lan rừng hoặc các loài tầm gửi đeo bám chi chít. Chốc chốc lại thấy thú rừng thấp thoáng sau các gốc cây hay chạy sột soạt trong bụi rậm, nhưng vội đi nên chẳng ai để ý.

Khi ra đến một sườn núi, anh Hùng leo lên cây dùng ống nhòm quan sát. lát sau anh tụt xuống, lắc đầu:

– Chỉ thấy núi là núi Cây mọc xanh đều cả, không có khoảng trống nào.

– Thôi được! Ta nghỉ một lúc, tranh thủ ăn trưa luôn.

Anh Đăng nói rồi đặt ba lô xuống. Chúng tôi nhóm lửa nướng lại mấy miếng thịt. Tôi ngồi tựa lưng vào ba lô, vừa xé thịt bỏ vào miệng nhai, vừa nhìn lên ngọn cây. Có mấy con chim đang chuyền tít trên cao không nhìn rõ màu lông, chỉ thấy những chấm đen vụt qua vụt lại trong đám lá, nhưng tiếng hót líu lo của chúng vang xuống nghe rất hay. Cùng với tiếng chim là tiếng vo vo của mấy con ong, tiếng gió lao xao trong lá, tiếng cành khô gãy rơi trong bụi rậm, tiếng gà rừng gáy te te đâu ở cánh rừng trước mặt... Đệm cho khúc nhạc rừng trưa có bài ca mùa hè triền miên của ve. Những con ve kêu ra rả từ lúc hùng đông cho tới tận chiều xuống, người nghe quen tai đến nỗi chỉ nhận ra khi chúng đột ngột dừng tiếng. Trời trưa tròn bóng. Mắt tôi lóa lên khi một tia nắng lọt qua tán lá rơi trúng vào mặt. Những giọt nắng lốm đốm vàng trên nền lá rụng ẩm ướt.

Anh Hùng bảo:

– Ta bị chệch hướng, nhưng chắc không xa lắm đâu. Bây giờ là lúc phải sục sạo tìm kiếm. Theo tôi, trước mắt nên đi về hướng đông nam thêm vài chục cây số. Vẫn đi theo kiểu dịch dắc nhưng mở rộng khẩu độ, làm thế nào để rà được dải rừng rộng chừng

mười cây số. Đến khi đó nếu không gặp, cũng khẳng định được đồng cỏ không có ở hướng này.

Anh Đăng nhìn sang tôi:

– Ý Hải thế nào?

– Em nhất trí!

– Được rồi? - Anh kết luận - Ta sẽ tìm theo hướng đông nam, khi biết chắc không có mới chuyển sang vùng khác. Điều cần nhất lúc này là không được cuống. Nếu không, cứ chạy nhào nhào giữa rừng đến lúc hoảng loạn là mất phương hướng hoàn toàn đấy! Dù vội nhưng ta chỉ đi vừa sức, lúc mệt là nghỉ, công việc còn dài. Nào, đi thôi!

Chiều đó, chúng tôi đi về hướng giữa đông và đông nam, được chừng sáu cây số thì ngoặt lại một góc khoảng bốn mươi lăm độ theo hướng giữa tây và tây nam. Cứ như thế, trong bốn ngày liền chúng tôi đan những đường chéo qua lại trong dải rừng rộng mười cây số.

Đó là những ngày vô cùng vất vả. Để giữ đúng hướng, chúng tôi phải đi theo đường thẳng, không vòng tránh bất kỳ chướng ngại nào. Áo quần mặc trên người rách bươm. Đôi dép cao su cũng lần lượt đứt hết quai này đến quai khác. May mà mỗi người đều mang theo mấy bộ quai dự trữ. Anh Đăng còn có hai cuộn chỉ và mấy cây kim. Lúc nghỉ, chúng tôi tranh thủ vá vùi lại những chỗ rách để mặc đi đường. Ngoài hai bộ thay đổi, trong ba lô tôi còn một bộ mới nguyên, nhưng phải để dành cho ngày về.

Sau bốn lần đổi hướng, chúng tôi rà hết dải rừng như dự kiến và quan sát qua ống nhòm một vùng rộng hơn nhiều, nhưng vẫn không tìm ra đồng cỏ. Đã đến lúc phải dừng lại để chuyển sang hướng khác.

Chúng tôi dựng lều bên một thác nước nhỏ nhưng khá cao. Nó đổ xuống từ lưng chừng vách núi rồi chảy thành một con suối nhỏ len lách qua những tảng đá. Đứng dưới nhìn lên, thác nước như vọt ra từ vách đá.

Cũng vẫn những công việc phải làm ở mỗi chặng nghỉ: dựng lều, kiếm củi, chuẩn bị bữa ăn, nhưng hôm nay chúng tôi còn được tắm giặt thỏa thuê. Tôi lội dọc suối, lần theo mấy tảng đá ra đứng dưới thác, đưa người hứng dòng nước từ trên cao dội xuống. Thật thú vị khi toàn thân được đấm bóp bởi dòng nước mát lạnh. Mọi mệt nhọc trôi đi cùng ghét bần, bụi bặm. Cả những vết rách xước trên da thịt cũng dịu lại, không rát nữa.

Ngước nhìn lên, tôi chợt sửng sờ khi bắt gặp một dải cầu vòng rực rỡ, đẹp lung linh trong bụi nước. Trên đỉnh vách đá có mấy bóng cây trụi lá đứng trầm tư, in những nét gầy guộc lên nền trời xanh. Mặt trời xuống thấp dần, bóng núi từ từ lan ra che mát khoảng rừng ven suối.

Thấy đã muộn, tôi giặt vội bộ quần áo rồi bước lên bờ. Ra khỏi thác, tiếng ào ào trong tai lắng hẳn đi. Không gian trở nên tĩnh mịch, êm ả.

Về đến chỗ nghỉ, thấy anh Đăng đang lúi húi thái mấy cái hoa chuối chuẩn bị cho bữa tối. lát sau anh Hùng cũng về tới, tay xách một xâu cá câu được ở khúc suối phía dưới. Thì ra trong khi tôi mãi mê dưới thác nước, hai anh đã làm tất cả mọi công việc cần thiết. Tôi ngỡ ngàng đỏ mặt vì sự vô tâm của mình, mặc dù biết hai anh muốn để tôi được nghỉ ngơi. Từ đầu chuyến đi tới giờ, tôi là người luôn được "cưng chiều" nhất.

Tôi đổ nước vào hai chiếc gô, treo trên đồng lửa. Hoa chuối rừng phải luộc qua một lần rồi mới nấu. Tối đó, chúng tôi ăn thịt nướng cùng món canh hoa chuối nấu với cá. Canh hơi chát nhưng tôi thấy rất ngon, một phần vì mấy ngày qua chỉ ăn độc mỗi món thịt thú.

Chúng tôi nhằm hướng tây bắc, cắt ngang dải rừng vừa đi qua để tìm về lại chỗ tiếp giáp với cánh rừng sáng lẽ. Phải giữ một điểm mốc trước khi mở hướng tìm kiếm mới, nếu không sẽ rối lên trong mê cung của những dãy núi, lúc đó chẳng còn biết là nên đi về phương nào.

Đi hơn hai ngày thì tìm đến được gốc cây nơi đã nghỉ trưa hôm ra khỏi rừng sáng lẻ. Tôi thực sự kinh ngạc trước tài cắt rừng của anh Hùng. Đường như trong anh có thứ linh cảm kỳ lạ để định hướng một cách dễ dàng khi đi giữa rừng rậm mênh mông.

Không dừng chỗ gốc cây, chúng tôi xuống chân núi cắm lều trên vạt cỏ nhỏ gần bên khe nước. Anh Đăng quyết định nghỉ hết ngày hôm nay. Quả thực tôi đã rất mệt. Hơn nữa, sự lo lắng làm sức người giảm sút nhanh hơn. Nỗi lo cũng hiện rõ trong ánh mắt của anh Đăng. Riêng anh Hùng vẫn bình thản, nhưng trở nên lìm lìm ít nói. Tôi rất thương anh vì biết anh vẫn cứ dằn vặt về cái chết của anh Sơn, mặc dù chẳng ai cho đó là lỗi của anh, ngay cả trong ý nghĩ.

Lần đầu tiên trong cả chuyến đi, tôi được ngủ một giấc thật thoải mái. Lúc tỉnh dậy thấy bóng cây đã nghiêng dài trên bãi cỏ. Anh Hùng đi đâu vắng, chỉ còn một mình anh Đăng đang ngồi lau súng dưới gốc cây. Tôi xuống khe rửa mặt rồi quay lên ngồi cạnh anh.

– Anh Hùng đi đâu anh? - Tôi hỏi.

– Hùng vào rừng.

– Sao cậu không ngủ nữa đi?

– Ngủ vừa rồi anh ạ! Suốt mấy giờ liền rồi còn gì! - Tôi cười trả lời.

Anh lấp băng đạn vào súng, nhồm dậy:

– Hải ngồi đây nhé! Mình vào rừng kiếm cái gì ăn.

Anh vừa đi, tôi cũng rút dao đứng dậy đi lấy củi. Ngay mấy gốc cây quanh bãi cỏ, cành khô không thiếu. Chỉ lát sau, tôi đã kéo về một đống to tướng, đủ đốt suốt đêm.

Chẳng còn việc gì làm, tôi lại ngồi xuống gốc cây, lơ đãng nhìn cánh rừng đang mơ màng trong nắng chiều. Xung quanh im ắng quá! Gió lùa nhẹ nhẹ làm ngọn cỏ lao xao lay động. Bên dưới những lá cỏ vươn cao khô cháy có mấy đám màu xanh non mới nhú, chắc nhờ đợt mưa vừa rồi.

Một ý nghĩ thoáng qua trong đầu, nhanh đến nỗi tôi chưa kịp hiểu là điều gì... Đầu tôi căng lên, cố nắm bắt lại ý nghĩ đó. "Minh vừa nghĩ về ngọn cỏ, những giọt mưa... Đúng rồi?" Dòng suy nghĩ lại lóe lên, lần này rõ nét hơn. Tôi sắp xếp những ý nghĩ thành sự suy luận và lướt nhanh trong đầu về chặng đường đã đi hơn nửa tháng nay: chỉ lúc vượt qua những đỉnh núi cao chói nắng ở biên giới mới có vùng cỏ tranh, còn sau đó, cây rừng luôn phủ kín núi. Đôi lúc có gặp trảng cỏ như ở đây, nhưng thường rất nhỏ, chỉ nhìn hơn mảnh sân nhà là cùng. Vậy cánh đồng cỏ dài rộng như thế phải nằm ở đâu?

Tôi nhớ lại vài kiến thức địa lý đã học. Như vậy ở vùng này, đồng cỏ, hoặc đồi cỏ như anh Hùng nói, chỉ có ở nơi khí hậu không nóng khắc nghiệt. "Hình như mình đã có sự liên tưởng về một dãy núi như bức trường thành... nhưng khi nào? Ở đâu? - Tôi cố nhớ lại - Phải rồi, hôm đi đào củ mài? Bên kia rừng săng lẻ..."

Tôi chạy vào lều lấy ống nhòm, leo lên cây nhìn về hướng tây. Trong ống kính hiện ra rõ nét một dãy núi cao vượt lên trên những ngọn núi khác và chạy dài xuống phía nam. Còn ở phía đông núi lô nhô xếp lớp lớp theo hình vòng cung và thấp dần về hướng biển. "Nhất định đồng cỏ phải nằm trên dãy núi cao đó. Dưới này mưa nhiều, cây cối tươi tốt thế kia..." Tôi bỗng thấy hăm hở, muốn có cách gì lên ngay trên ấy để nhìn cho biết.

Tụt xuống đến đất, tôi gặp anh Hùng vừa về tới, trên vai vác túi phao bồi căng phồng.

– Gì thế anh? - Tôi hỏi.

– Cậu đoán thử xem! - Anh đặt nhẹ túi xuống cỏ, đưa tay gạt mồ hôi.

Tôi chăm chú nhìn, nhưng mãi chẳng đoán ra. Không phải thú rừng! Nếu săn được thú thì cứ thế vác về, cần gì cho vào túi. Mà cái túi này có vẻ nhẹ, không phải đựng một thứ củ quả nào đó...

– Em chịu thôi! Anh nói đi?

– Mật ong đấy! Mình vớ được tổ ong, nhưng chỉ lấy non nửa vì không mang hết.

Tôi tháo dây buộc miệng túi, bên trong là những tảng sáp ong vàng óng, mùi mật thơm ngát.

Chúng tôi đang vất mật vào bi đông thì anh Đăng về, tay ôm mớ củ mài.

– Mình đào bở hơi tai mà lấy được có mấy khúc. - Anh nói.

– Anh không bán được con thú nào à? - Sợ các cậu ăn mãi thịt phát ngán nên hôm nay đổi nón. Còn thú thì thiếu gì, lúc nào ăn hăng bán.

Vừa chuẩn bị bữa tối, tôi vừa kể lại những điều mình suy nghĩ về dãy núi phía tây. Nghe xong, anh Đăng liền lấy ống nhòm leo lên cây quan sát. Lúc trở xuống anh chưa nói gì chỉ bảo anh Hùng:

– Cậu nhìn đi! Rồi ta sẽ bàn. Anh Hùng chọn một cây cao nhất, leo tít lên đến ngọn, đưa ống nhòm nhìn khắp cả bốn phía. Lúc anh tụt xuống đất anh Đăng hỏi ngay:

– Thế nào?

– Phải lên tới nơi mới biết được, anh ạ! Ở đây chưa thể nói trước điều gì. Nhưng tôi tin là Hải đã nghĩ đúng.

Anh Đăng suy nghĩ một lúc rồi nói:

– Từ đây tới chân núi không xa mấy, ta gắng đi trong một ngày. Còn leo lên núi thì đến nơi hăng hay. Đăng nào cũng phải mở hướng mà tìm. Nhưng phải nhanh nhanh lên, các cậu ạ! Kéo dài đến lúc mưa dầm là gay đấy?

– Anh đừng lo, tôi tin mình sắp đến nơi rồi. - Anh Hùng đáp một cách tự tin và quay sang tôi - Hải này, cậu ăn chè mật ong khi nào chưa? - Thấy tôi lắc đầu, anh nói luôn - Thế thì cậu thái củ mài đi! Cạo sạch vỏ rồi thái kiểu quân cờ ấy! Mình sẽ cho cậu biết chè mật ong nấu với củ mài ngon như thế nào!

Tôi rất mừng vì trong nhiều ngày qua, giờ mới thấy anh thực sự vui vẻ như vậy. Và món chè nấu bằng mật ong, củ mài với ong

non hôm ấy quả là tuyệt vời. Sau này tôi có bắt chước nấu mấy lần, nhưng không hiểu sao không được ngon như hôm ấy.

Chương IX

Chúng tôi leo lên tới đỉnh núi lúc trời đã tối mịt. Lát sau thì trăng lên.

Đêm ấy trăng rất sáng, trăng sáng đến nỗi màn sương dày đặc mọi hôm nay như mỏng và trong hơn, và ánh lửa cũng nhạt màu.

Không hiểu sao lúc đi ngủ tôi lại bắt gặp cảm giác lo âu thấp thỏm như đêm nào ở bên bờ vực, chỉ khác hôm nay không có tiếng nước réo ì ầm vọng lên từ đáy vực sâu. Tâm trạng bồn chồn cứ ám ảnh mãi trong đầu, ngay cả lúc tôi đã thiếp đi trong giấc ngủ nặng nhọc. Suốt đêm tôi toàn nằm mơ thấy ác mộng, nhưng sáng ra chẳng nhớ được gì, chỉ thấy người mệt nhừ.

... Mãi nhiều năm về sau tôi vẫn nghĩ, phải chăng đã có lúc linh tính báo cho tôi biết trước hiểm họa? Đây có phải cái mà người ta thường gọi là giác quan thứ sáu, hay chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên giữa trạng thái tâm lý với sự việc xảy ra sau đó? Chịu! Không thể cắt nghĩa được! Nhưng nếu đoán chắc sắp có nguy hiểm thì nó đến khi nào? Từ đâu? Và diễn ra như thế nào? Quả thực trong tôi lúc đó chỉ có cảm giác lo lắng mơ hồ mà chẳng hiểu được vì sao...

Chúng tôi thức giấc từ khi nghe chim hót những tiếng đầu tiên. Bên ngoài sương mù đặc quánh tưởng như có thể xắn ra được từng tảng. Trăng đã lặn. Trời đang tối lại trước khi hửng sáng nên ba chúng tôi vẫn nằm trong lều khe khẽ nói chuyện với nhau, dù rất nôn nóng muốn nhìn rõ miền đất mới.

Lúc mặt trời lên, anh Hùng leo lên cây quan sát và báo trong tầm nhìn là một vùng rừng khá rộng. Chưa thấy được gì hơn vì trời mới sáng, trên rừng còn nhiều sương. Chúng tôi bàn bạc và quyết định cứ đi tiếp về hướng tây. Trước mắt, vẫn phải tìm kiếm trong khu vực có bán kính trên dưới hai mươi cây số, tính từ chỗ vượt ở bờ vực.

Rừng ở đây khá thưa và khô ráo, có lẽ từ nhiều tháng nay chưa có mưa. Những cơn mưa chúng tôi gặp ở miệt rừng phía dưới không đổ xuống nơi này. Chừng giữa buổi, anh Đăng bảo tôi leo lên cây xem tình hình thế nào. Tôi chọn một cây cao mọc ở đầu dốc, leo tuốt lên đến ngọn. Từ đây có thể nhìn thấy cả một vùng rừng rộng, nhấp nhô như những ngọn đồi. Xa hơn về phía tây có những ngọn núi chập chùng hút tầm mắt. Hướng tây bắc núi thấp dần rồi hòa lẫn vào với rừng. Miền đất này có vẻ như là một vùng sơn nguyên, không rộng lắm nhưng tương đối bằng phẳng.

Chợt có cái gì đó khang khác khiến tôi dừng mắt lại, hình như một tán cây cao vượt lên trên cánh rừng. Tôi vội đưa ống nhòm lên: đúng là một ngọn cây, trông xa như cái tháp nhọn có màu xanh đậm hơn so với màu rừng xung quanh. Tôi run lên, trong người rần rần như có luồng điện chùng vài chục vôn chạy qua. Hình dạng và màu sắc khác lạ của ngọn cây làm tôi nghĩ rằng đó là cây thủy tùng mà chúng tôi đang mỗi mắt tìm kiếm. Đang định kêu to mừng rỡ, tôi kịp kìm lại. Biết đâu chỉ là một sự nhầm lẫn...

Tôi tuốt nhanh xuống đất, cố nén hồi hộp kể lại những điều vừa trông thấy...

Chúng tôi nhằm hướng ngọn cây lạ, hăm hở cắt rừng băng tới. Nắng đổ lửa. Mọi con vật đều chui vào bụi rậm tìm chỗ mát. Những bóng cây cũng thu nhỏ lại như muốn tránh nắng. Rừng trở nên vắng vẻ lạ thường. Trong không khí oi bức của ngày hè, chỉ còn nghe tiếng lá khô giòn vỡ rào rào dưới chân và tiếng ve sàu rền rĩ đều đều ru vạ vật vào giấc ngủ trưa nồng. Thỉnh thoảng mới có ngọn gió từ hướng tây nam thổi tới, nhưng chỉ đủ lay động mấy cành lá trên cao.

Đi trong rừng mới biết nó không bằng phẳng như khi nhìn từ trên cao xuống. Mồ hôi trên người tôi vã ra như tắm nhưng ngay lập tức biến thành lớp muối rin rít. Cái nóng ngấm vào từng thớ thịt làm người cứ hừng hực lên.

Khoảng hai giờ chiều thì rừng thưa dần. Chen vào giữa những gốc cây là mấy vạt đất trống phủ lớp cỏ héo rũ. Phía trước đã thấy nền trời xanh thấp thoáng sau các thân cây Mọi người hối hả bước nhanh.

Ra đến bìa rừng, cả ba chúng tôi cùng đứng sững lại. Trước mắt là một cây cổ thụ khổng lồ mọc giữa bãi trống, tán lá xanh thẫm đang đung đưa trên nền trời. Chỉ nhìn phần ngọn chót vót của cái cây này cũng đủ biết nó có sức sống mãnh liệt đến nhường nào. Từ bìa rừng ra tới gốc cây là một khoảng đất rộng chừng bốn trăm mét, thưa thớt dăm bụi cây cần cỗi mọc lúp xúp trên nền đất sỏi. Phía sau gốc cây có một triền đồi thoải thoải lơ thơ những ngọn cỏ xác xơ.

Mấy phút sau như sự tĩnh, chúng tôi rảo bước đi về phía cái cây đó. Không còn nghi ngờ gì nữa, đây chính là cây thủy tùng cần tìm. Cây mọc hơi nghiêng về hướng đông bắc, gốc to cỡ ba chúng tôi nối tay nhau cũng chưa ôm hết nửa vòng. Trên lớp vỏ màu nâu đen nứt rạn có những đám địa y bám trắng xóa. Từ lưng chừng thân cây, những nhánh cây to tương đương ngang vươn cành lá rườm rà che mát cả một vùng rộng. Mặt đất quanh gốc cây không mọc một ngọn cỏ nào, chỉ có vô số những chiếc lá hình kim rụng xuống lâu ngày làm thành một lớp dày êm như nệm tỏa mùi thơm hăng hắc, thứ mùi chi có ở loài tùng bách.

Anh Hùng đi quanh gốc cây, tay sờ rầm lớp vỏ sần sùi, miệng tấm tắc: - Tôi chưa bao giờ nhìn thấy cái cây nào đẹp như thế này. Đúng là ở rừng cả đời cũng chẳng ai dám nói đã biết hết về rừng.

Còn anh Đăng thì ngửa mặt nhìn những cành lá đang rì rào trên cao, hồ hởi nói:

- Thế là yên tâm đôi, các cậu ạ Chúng ta đã đến được nơi cần đến. Chà, Sơn nó mừng phải biết... - Anh rơm rớm nước mắt.

Tôi bồi hồi lắng nghe tiếng lá reo vi vu trong gió, mắt ngóng lên đồi cỏ nhuốm nắng hoe vàng mà thấy lòng lâng lâng, người như

nhẹ bỗng hẫng ra. Mọi vất vả nhọc nhằn, mọi thấp thỏm lo âu biến đâu hết, chỉ còn lại niềm vui phơi phới...

Anh Đăng tuyên bố.

– Tối nay ta ngủ lại đây? Còn bây giờ phải lên trên kia xem thế nào. - Anh khoát tay, chỉ lên hướng đồi cỏ trước mặt.

Chúng tôi trút ba lô lại dưới gốc cây, xách súng háo hức đi nhanh như chạy. Từ chỗ cây thủy tùng lên tới đỉnh đồi chừng nửa cây số. Sườn đồi thoải thoải, những bụi cỏ mọc thưa thưa trên nền đất mưa xối lâu ngày còn tro lớp sỏi màu gan gà.

Đi được hơn trăm mét, tôi bỗng trượt chân khuy xuống vì giẫm phải hòn đá tròn to hơn nắm tay. Không bị trượt chân, nhưng chiếc dép bên trái tuột hai quai cùng một lúc. Tôi đặt súng xuống đất, loay hoay xỏ quai dép. Khi mang lại nó vào chân, ngẩng đầu lên thấy hai anh đã đi trước một quãng xa.

Đang định đứng dậy chợt nghe có tiếng ù ù là lạ. Tôi tưởng có con bọ cánh cứng nào bay gần đó nên đưa mắt nhìn quanh, nhưng không thấy. Cúi xuống nhặt súng để đi tiếp, lại nghe tiếng ù rõ hơn. Một ý nghĩ lóe trong đầu làm người lạnh toát, tôi vội nghiêng người áp một bên tai xuống đất: tiếng ù dội thành tiếng phành phạch. Chết rồi, trực thăng! Chắc nó nổ máy đổ phía bên kia đồi hoặc bay thấp sát mặt đất nên tiếng động cơ mới dội lên như vậy. Hai anh đi trước nhưng không nghe được vì gió thổi bạt tiếng động theo triền đồi lên cao. Tôi vùng dậy gào thét thanh: "Máy bay anh Đăng ơi? Quay lại, trực thăng đấy..." Đang bước nhanh, nghe tiếng tôi gào, cả hai anh dừng lại quay đầu nhìn tôi ngạc nhiên. Tôi lại thét: "Trực thăng, chạy mau..." Chưa dứt lời, tiếng động cơ đã rộ lên rõ mồn một.

Hai anh tuột súng cầm tay, quay ngoắt người chạy xuống. "Chậm mát rồi...", tôi tuyệt vọng kêu thào. Phía trên đỉnh đồi, chiếc cánh quạt quay tít đang nhô cao dần, hằn đậm nét trên nền trời xanh lơ lửng mấy cụm mây trắng. Chỉ loáng sau, cái đầu máy bay nhô khỏi đỉnh đồi và to lên rất nhanh: một chiếc HU.1A. Nó

lao thẳng lại phía tôi, mặt kính buồng lái phản chiếu ánh nắng loang loáng.

Mặt đất trống trải, không một bụi cỏ, một tảng đá nào cao quá đầu gối. Cả ba chúng tôi lò lệt trên sườn đồi, chàng nấp vào đâu được. Tôi quỳ một chân xuống đất, giương súng nghiên răng xiết cò, bắn xả cả băng đạn vào con quái vật màu xanh xám đang lao tới. Chiếc trực thăng lạng nhanh qua trái và bốc lên cao, sức gió cánh quạt cuộn tung những lá cỏ khô. Trượt rồi! Nó đã phát hiện ra tôi ngay từ những phát đạn đầu tiên.

Tôi bật dậy, quay ngoắt người vừa lao xuống đồi vừa thay băng đạn. Phía sau, các anh đang tách ra hai hướng chạy xuống.

Chiếc trực thăng bay về phía mặt trời rồi quành lại. Tên phi công định lợi dụng ánh nắng làm lóa mắt chúng tôi, đồng thời chặn luôn hướng chạy vào rừng. Nó lao tới gần. Tôi đứng thẳng người nâng súng lên, nhưng vừa bắn một loạt ngắn đã thấy những sợi khói phụt phụt từ bên cửa hông máy bay, rồi luồng đạn đại liên cắm phập phập ngay trước mặt. Tôi ôm súng cuộn người lăn tròn. Luồng đạn cày qua chỗ tôi vừa đứng, những cụm bụi nhỏ tung liên tiếp thành một đường thẳng lướt nhanh như lằn chớp. Chiếc trực thăng vụt qua, cái mũ màu cỏ của tên phi công ngọ nguậy trong buồng lái. Hai bên thân máy bay có gắn hai thùng hình trụ lạ mắt giống như cái đồ ong.

Tiếng AK rộ lên ở phía sau. Tôi nhồm dậy nhìn: hai anh vừa chạy vừa bắn, chốc chốc lại lăn nhào tránh đạn. Tôi nâng súng đón chiếc máy bay đang vòng lại. Lần này nó bay cao hơn trăm mét, không dám sà xuống như trước. Tôi nhắm vào buồng lái siết từng loạt đạn dài. Biết là khó trúng nhưng không còn cách nào khác. Phải bắn rất buộc nó liên tục chao đảo tránh đạn, tạo cơ hội cho hai anh chạy. Cả ba chúng tôi cùng bắn, ba luồng đạn vụt lên vây lấy chiếc trực thăng. Nó hoảng hốt bốc lên cao và bay về hướng đỉnh đồi. Chúng tôi lợi dụng lúc ấy cùng bật dậy chạy. Chỉ cần đến được chỗ gốc cây là thoát. Tôi còn cách chừng năm chục mét, nhưng hai anh đang khá xa.

Tiếng động cơ lại rộ lên. Tôi quay người ghì súng đọi nó đến gần hơn. Chiếc trực thăng lừ lừ bay đến, còn cao hơn cả lần trước. "À, mây sợ rồi phải không?..." Mới nghĩ thế, đã thấy hai luồng khói phụt ra từ hai chiếc "dõ ong", rồi hai cục lửa đỏ lừ vọt tới. Chết rồi! Nó phóng rốc két. Loại này lạ, tôi mới nhìn thấy lần đầu. Tôi nhào xuống ép người sát đất, một cánh tay co lên đỡ trước ngực. "Oàng...oàng", hai quả đạn nổ cách tôi vài chục mét, ánh chớp sáng lòa. Mặt đất rung lên, mảnh đạn và đá sỏi bay rào rào, khói cuộn mù mịt.

Đang lác đầu rũ bốt đất cát thì nghe tiếng động cơ rồ tới rồi từng tràng đại liên tông tốc tóa khói xung quanh. "Thằng đểu! Nó bắn rốc két từ xa để thừa cơ áp sát..." Tôi lật người nằm ngửa trên đất, tỳ báng súng vào vai nhắm thẳng cái bóng xanh xám đang lướt tới trong làn khói, bắn từng loạt. Trong tiếng đại liên nổ chát chúa và tiếng động cơ rú đỉnh tai, vẫn nghe hai khẩu AK nổ giòn. Hai anh còn sống.

Tôi chỉ còn cách cây thủy tùng một đoạn ngắn, nhưng chiếc trực thăng vẫn quần riết trên đầu. Tên phi công quyết chặn không cho chúng tôi chạy tới gốc cây. Chúng tôi cũng không để nó yên. Những loạt đạn bắn rát buộc nó phải lạng lách, ngoi lên ngụp xuống liên tục, làm tên bắn đại liên không chỉnh được đường đạn. Nhiều lúc nó đang bắn, chiếc trực thăng chợt quay ngoắt làm luồng đạn vọt lên, cách xa cả trăm mét.

Lại thêm một loạt đạn cày tung đất tiến thẳng tới khiến tôi phải lăn tròn theo triền dốc. Khi tiếng động cơ vọt qua đầu, tôi bật dậy chạy thẳng tới cây thủy tùng. Một loạt đạn nữa xía ngược lại, nhưng tôi đã nép được vào gốc cây. "Mày không làm gì nổi tao đâu...", tôi nghĩ thầm, tay thay nhanh băng đạn mới.

Ngoài sườn đồi, hai anh vẫn vừa bắn vừa lăn, vừa vọt lên chạy từng đoạn ngắn. Chiếc trực thăng lại phóng thêm hai quả rốc két. Hai cột khói bụi cuộn lên như lốc xoáy. Kéo dài nữa là hai anh nguy mất! Nó có lợi thế hơn vì từ trên cao bắn xuống, hỏa lực mạnh, hai thùng rốc két mới bắn có bốn quả. Trong lúc đó tôi chỉ

còn băng đạn cuối cùng. Phải dứt điểm chính xác mới mong đảo ngược được tình thế. Tôi nép vào gốc cây, rê súng theo chiếc trực thăng. Nó lại sà xuống, nghiêng sườn về phía tôi. Một tên Mỹ đen to lớn đang nhào gần nửa người ra cửa máy bay, xoay nòng đại liên bắn như đổ đạn, lửa chớp liên tiếp đầu nòng súng. Tôi nheo mắt đưa nhanh tấm bia thật đen thui vào đường ngắm. "Chết mày này...", tôi bóp cò bình tĩnh như lúc bắn tập, chỉ điểm xạ hai viên. Tên Mỹ đen giật nảy người khụy xuống, kéo nòng đại liên chổng ngược bắn đạn lên trời. Cũng lúc đó chiếc trực thăng ngoặt lên hướng đỉnh đồi hát thẳng Mỹ vắng ra, xác nó lủng lẳng trên đầu dây bảo hiểm ngay bên cửa máy bay.

Từ trong đám khói bụi đang lắng xuống, hai bóng người chạy thẳng về phía tôi. Tôi mừng rỡ thét to: "Nhanh lên, các anh ơi...". Hai anh nhào tới như ngọn gió, vừa thở dồn dập vừa nhìn tôi cười. Tôi ôm chầm cả hai, hỏi nhanh:

– Các anh có sao không?

– Không sao! - Anh Đăng trả lời, đập tay vào vai tôi - Cậu bắn giỏi lắm! Chơi cú ấy được đấy.

Chưa kịp đáp, tôi chợt nhìn thấy một vệt máu đang loang ra trên vai anh, bèn kêu lên:

– Anh bị thương rồi, đưa em xem nào...

Mọi việc sau đó ập tới nhanh như cơn lốc, tôi hoàn toàn bị cuốn vào nó không cách gì cưỡng lại được. Anh Hùng đang băng lại vết thương cho anh Đăng. Viên đạn sượt qua vai nhưng ở phần mềm và không trúng mạch máu, giữ khỏi nhiễm trùng là ổn.

Phía đỉnh đồi, chiếc trực thăng đang treo lơ lửng, bọn trên máy bay vừa kéo xác tên Mỹ vào trong. Giờ nó có quay lại cũng chẳng đáng sợ. Chỉ cần khéo léo di chuyển quanh gốc cây, ba tay súng chúng tôi dư sức bắn hạ nó. "Biết điều thì quay về cho sớm kẻo hết xăng. - Tôi nghĩ - Phải công nhận tên phi công là thằng giỏi. Giữa ba nòng AK bắn rát như thế mà nó vẫn tránh được..." Khi say chiến thắng người ta thường rộng rãi, ngay cả với địch thủ của mình.

Tôi mở ba lô để lấy túi nước uống, nhưng mới rút dây buộc thì nghe tiếng phanh phạch rộ lên. "Sao nhanh thế nhỉ? Mình vừa nhìn thấy nó trên kia..." Chiếc trực thăng vũ trang ào tới Tôi liếc mắt lên đỉnh đồi, thấy chiếc lúc trước giờ mới bay lại. Thôi chết? Thêm một chiếc nữa. Chiếc này bay từ hướng khác tới, ngược gió nên đến gần chúng tôi mới biết. Chắc được đồng bọn báo trước nên không cần lượn quanh dòm ngó, nó bay về hướng mặt trời, lấy độ cao và quành lại. "Cẩn thận, nó phóng rốc két đấy?", anh Đăng thét, kéo tôi nấp sau gốc cây.

"Oang...oang", phát rốc két vọt qua, nổ cách chúng tôi chừng ba chục mét. Một bưng khói đen dựng lên cùng ánh chớp. Chúng tôi nhào xuống đất, vừa kịp tránh mảnh đạn. Chiếc máy bay sạt qua, cảnh thủy tùng lay chuyển ào ào như trong cơn bão.

Vừa mới nhòm dậy đã nghe tiếng đại liên nổ rền, chiếc trực thăng lúc nãy đang nhào tới. Chúng tôi vọt qua bên kia gốc cây, một loạt đạn đuổi theo bén gót. Tình thế bây giờ cực kỳ nguy hiểm. Chỉ cần hai chiếc kẹp hai bên bắn xuống là chẳng còn nấp vào đâu được.

Tiếng động cơ vẫn âm âm trên đầu. Chúng lượn quanh và bắn xối xả, đạn cắm phập phạp vào thân cây. Tôi không còn phân biệt được chiếc nào là chiếc tới trước, cũng không kịp bắn. Chúng tôi căng mắt theo dõi từng động tác của hai con quái vật trên cao và nhào hết góc này sang góc khác, khi vọt lên, khi lăn tròn trên đất tránh đạn.

Lúc này, một chiếc treo lơ lửng phía bên kia bắn xuống từng loạt ngắn, chiếc còn lại lảng ra xa và bay lên cao. Ba chúng tôi túm vào một chỗ nhìn lên. Nguy rồi! Thằng bắn đại liên đang cố dồn chúng tôi sang một phía để chiếc bên này bắn rốc két. Nó bay lên đến độ cao cần thiết rồi ngoặt lại, chúi đầu lao xuống. Một vệt lửa vút tới kéo theo làn khói trắng băng. Chúng tôi ép người sát đất. "Oang... Oang". Quả đạn nổ trúng nhánh cây trên cao, thân cây vọt rung dữ dội. Mảnh gỗ cùng mảnh đạn văng tóe trong đám khói. Một loạt cành cây gãy rãng rắc rơi ào xuống. Anh Hùng

chụp tay tôi kéo mạnh, một nhánh cây to hơn cột nhà đập xuống đúng chỗ tôi vừa nhòm dậy.

Tình thế mỗi lúc một nguy ngập hơn. Cứ thế này, tính mạng ba chúng tôi chỉ còn tính trong từng giây, cùng lắm là từng phút. Cành lá rơi um tùm quanh gốc cây, không sao xoay trở nhanh được. Tiếng anh Đăng gấp gáp:

– Phải tính cách khác, chứ không thể chết chùm với nhau ở đây...

– Để em chạy ra, kéo chúng nó theo - Tôi nói trong hơi thở hỗn hển.

– Không được Cậu phải ở lại! - Anh Hùng quát.

– Hai anh ở lại. Khi chúng đuổi theo em thì chạy vào rừng.

Tôi nói cương quyết và bật người dậy, nhưng anh Đăng đã chụp tay kéo giật lại và xô tôi ngã chúi trong đám lá:

– Một người chạy ra cũng không được gì đâu. Cậu phải sống. Nấp đi? - Mắt anh long lên, sáng quác như có lửa ở bên trong.

– Hải nấp nhanh! Nó quay lại đấy! - Anh Hùng thét, mắt vẫn dõi theo vòng vượn của hai chiếc trực thăng.

Anh Đăng đẩy tôi chúi sâu vào đám lá, nói nhanh: "Cứ nằm yên may ra đánh lừa được tụi nó. Cố sống mà trở về Hải ạ? Nhớ nhé?" Dứt lời, anh xách súng vọt ra, chạy về bìa rừng phía nam.

Anh Hùng quay sang, kéo nhanh một nhánh cây phủ thêm trên người tôi, nói như dặn dò: "Cố lên Hải, đừng lo gì cho bọn mình!" Nói xong, anh nhảy qua đồng lá chạy theo anh Đăng. Từ lúc quả rốc két nổ trên nhánh cây cho tới lúc anh Hùng chạy đi, chỉ trong mấy chục giây. Nhưng điều đó mãi sau này tôi mới nghĩ tới khi hình dung lại sự việc, chứ lúc ấy đầu óc tôi như bị đông cứng, tôi sững sờ không đáp lại được lời nào.

Tiếng AK nổ giòn rồi tiếng đại liên ré dằng dặc. Tôi lật bật xoay người trườn một đoạn dưới những cành tùng, tay run run vạch lá nhìn ra. Ngoài kia anh Đăng đang lao nhanh vùn vụt và liên tục đảo người đổi hướng, bỏ lại những loạt đạn cày tung bụi phía sau

lưng. Mé dưới cách chừng ba chục mét, anh Hùng cũng đang chạy. Nghe tiếng súng nổ trên cao, tôi biết mới chỉ có một chiếc trực thăng bám theo. "Còn chiếc nữa đâu, hay là..." Chợt anh Hùng quay ngoắt lại, cặp súng vào nách giữa người bắn một loạt dài. Gần như cùng lúc, một chùm đạn cắm xuống phía sau anh. Anh Hùng lộn người lăn tròn, đạn đại liên chớp nháng nháng xung quanh.

Tôi bật rên, chụp súng định chồm dậy, bỗng nghe anh Đăng hét lớn: "Hải nằm xuống... Phải có người sống..." Tôi cắn môi đến bật máu, cố ghìm người lại. Anh Đăng quỳ một chân trên bãi cỏ, chĩa súng bắn xả vào chiếc trực thăng vừa lao tới. Tiếng đại liên ngừng bật, anh Hùng vùng dậy xách súng chạy tiếp. Cứ như thế, hai anh thay nhau bắn và chạy thêm được đoạn nữa, lúc này đã cách tôi khoảng trăm mét. Hai chiếc trực thăng vẫn bám theo như đĩa đói, đại liên nổ từng tràng không dứt. Vùng đồi cỏ như sôi lên trong tiếng động cơ, tiếng súng. Cát bụi, cỏ khô bay mù mịt. Tôi dõi theo hai bóng người nhỏ nhoi mờ mờ trong khói bụi, cố níu lấy một chút hy vọng dù biết là rất mong manh. Bìa rừng còn cách vài trăm mét, tài nghệ đến mấy cũng khó thoát khỏi hai khẩu đại liên bắn như phun lửa. Bọn trên máy bay đang tức giận đến điên cuồng.

Chợt tim tôi thất lại: ngoài kia anh Đăng đang chạy bỗng đổ ập xuống, hình như một loạt đạn đã bắn trúng chân anh. Tôi run bắn người, hai tay bấu chặt xuống cỏ, cố nén những giọt nước mắt để nhìn ra. Anh Đăng vừa lật ngửa người nâng súng định bắn tiếp, nhưng những cụm khói vẫn phụt liên tiếp quanh anh. Ngay trước mắt tôi, anh giật nảy người, khẩu súng rơi xuống ngực...

Thấy anh Đăng ngã, anh Hùng hét lên chạy nhào tới. Không được rồi! Anh chưa kịp đến nơi thì một loạt đạn găm trúng người. Khẩu súng rời khỏi tay, anh lao đao chạy thêm mấy bước rồi gục xuống người anh Đăng... "Thế là hết..." Tôi nức nở dập đầu xuống đất, run lấy bầy...

Nỗi đau đớn bàng hoàng làm đầu óc tê dại đi. Những sự việc sau đó diễn ra như một cơn ác mộng khủng khiếp. Tôi chỉ thấy trước mắt một ánh lửa chói lòa, hai thân người tung lên cùng cát bụi. Rồi những bưng khói bùng lên liên tiếp, hai chiếc trực thăng thay nhau phóng rốc két xuống chỗ hai anh vừa ngã. Người tôi nẩy theo từng chùm tiếng nổ dội đất. Khói đạn đen kịt, đất đá bay rào rào không ngớt, mùi thuốc súng nồng nặc nghẹt thở. Hai con ác thú vẫn lạnh lùng ngóc lên nhào xuống, tàn nhẫn phóng từng loạt rốc két hai quả, bốn quả... Những cục lửa đỏ lừ kéo chiếc đuôi khói trắng kèm tiếng rít sắc rợn vùn vụt lao xuống nổ cùng một chỗ.

Liên hồi những tiếng nổ lộng óc cùng sự đau đớn tột độ chìm tôi vào trạng thái gần như mê man, không còn biết những chiếc trực thăng đã bắn những quả đạn cuối cùng như thế nào, chỉ nhớ mang máng có một chiếc còn lượn vè vè quanh cây thủy tùng một vòng trước khi bay đi.

Lát sau, sự im ắng đột ngột trở lại làm tôi sực tỉnh. Tôi hát tung những cành lá trên người, chồm dậy quờ tay tìm súng rồi lao ra chỗ hai anh ngã xuống. Đến nơi, tôi khựng lại ngỡ ngác nhìn quanh: tất cả chỉ còn là một bãi hố đạn nham nhở chông chéo lên nhau, đất sỏi tơi vụn và nham đen. Tôi rụng rời thả rơi khẩu súng, rồi như điên dại thụp xuống dùng tay cào bới lia ha hết mô đất này đến mô đất khác, đến lúc mấy đầu ngón tay tóe máu đau nhói mới sực nhớ rút dao găm đào tiếp. Mắt tôi nhòa đi từng lúc. Tất cả như mờ ảo, như không thực. Ngoài những mảnh đá, những hòn sỏi, những mảnh kim loại, trong đất không còn gì nữa...

Tôi buông dao, ngã vật xuống một hố đạn ôm mặt khóc tức tưởi. Chẳng lẽ hai con người bằng xương bằng thịt mới đó mà đã tan thành tro bụi rồi ư? Chẳng lẽ không còn một chút xương thịt nào? Cố trấn tĩnh, tôi bò lên khỏi hố đạn. Trên bãi cỏ, lổn nhổn những tảng đất đen sạm nằm im lìm dưới nắng chiều dịu hiu...

Hai tay ôm cái gói nilon nhẹ tênh, tôi ngửa mặt nhìn trời uất ức. Trong gói là những gì tìm thấy trên bãi cỏ: mấy mảnh thịt nát bấy,

bầm máu và đen kịt thuốc súng, nửa chiếc dép cao su cháy sùi, một đoạn nòng AK cong queo. Tôi muốn gào thét, muốn chụp súng bắn, muốn đập phá, muốn làm một việc gì đó cho uất hận vơi bớt đi, trào bớt đi... Nhưng bắn vào cái gì? Đập phá cái gì? Đầu óc quay cuồng như sắp nổ tung, cánh rừng trước mặt nghiêng ngả, những cụm mây trắng xoay tít quanh mảng trời xanh, muôn ánh chớp lóe lên biến thành những mũi kim đâm buốt nhói trong óc. Cái gói trên tay rung bần bật...

Một tia nhỏ lý trí len lỏi trong những ý nghĩ cuồng loạn báo cho tôi biết mình đang mấp mé bờ vực của trạng thái suy sụp tâm thần. Tôi cố hít những hơi thở sâu nhưng không khí chỉ lọt vào phổi từng ngụm sau mỗi tiếng nấc...

Mặt trời sắp lặn, bóng cây thủy tùng ngả dài trên bãi cỏ. Tôi loạng choạng bước xuống hố đạn sâu nhất rút dao vào đào mãi, cho đến khi không dùng tay móc đất lên được mới thôi. Ôm cái gói gượng đặt nhẹ xuống đáy hố, nước mắt tôi rơi lã chã trên những mảnh thi thể của hai người anh, hai người đồng đội.

Hoàng hôn nhuộm bầu trời tím sẫm. Bóng tối lấp ló sau những gốc cây nơi bìa rừng. Ngọn gió từ hướng tây nam thổi nhẹ tới, xua bớt mùi thuốc súng trên bãi đất chết chóc. Tôi tựa súng vào vai ngồi im hai bên nắm mộ đơn sơ, không còn biết đêm xuống từ lúc nào, mãi đến khi sương thấm ướt lạnh cả người mới nhận ra ánh trăng đang soi bóng mình đồ dài qua hòn đá đặt trên mộ.

Đờ đẫn như người mất hồn, tôi chống súng đứng dậy thất thểu đi tới cây thủy tùng. Màn sương trắng đục làm ánh trăng mờ đi nhưng cũng đủ sáng để giúp tôi mò mẫm tìm mấy chiếc ba lô trong đám cành lá. Tôi vun một đống lá khô rồi nằm xuống, kéo tấm võng đắp lên người, ôm vào lòng mấy chiếc ba lô còn vương mùi mồ hôi quen thuộc và lịm đi...

Đến gần sáng, chợt thức dậy vì thấy lạnh buốt, tôi quờ tay xung quanh nhưng chỉ sờ thấy những chiếc ba lô lúc này cũng lạnh giá. Ngơ ngác hồi lâu mới nhớ lại những sự việc xảy ra trước đó, nỗi đau đón lại ập tới cùng với sự trống vắng đến tàn nhẫn

làm tôi nghẹn thở. Giờ chỉ còn lại mình tôi giữa rừng... Trăng đã
lặn. Mọi vật chìm trong sương mờ mờ ảo ảo. Tôi quần tẩm vũng
ướt lên người, co ro ôm súng ngồi chờ trời sáng.

Chương X

Chim vẫn vô tư hót ríu ran trong rừng và nắng chan hòa trên đồi cỏ. Vùng đất hoang sơ, nơi từ ngàn xưa đến nay chưa từng có dấu chân người, vẫn thanh bình êm ả như không hề đếm xỉa gì đến việc bàn tay tử thần của chiến tranh vừa vươn tới, mà dấu vết của nó còn hằn rõ trên những hố đạn cày đất nham nhở.

Tôi tìm những hòn đá rải rác trên bãi cỏ vác về xếp thành hình tháp trên mộ. Nếu bọn giặc tới chúng sẽ biết có người còn sống, người chết không thể tự đắp mộ cho mình. Nhưng có sao đâu! Phải có dấu tích ghi nhớ nơi các anh ngã xuống. Kẻ thù tàn nhẫn muốn các anh tan thành tro bụi, nhưng tại đây cái chết gắn liền với sự bất tử.

Tôi đang gắng bình tâm trở lại. Sáng nay ra ngồi bên mộ từ lúc trời mới rạng, tôi nghĩ tới những lời cuối cùng của hai anh: "...Phải sống mà trở về Hải ạ!... Đừng lo gì cho bọn mình..." Lời anh Đăng như dỗ dành, giọng anh Hùng bình thản. Không! Không thể để cho sự hy sinh của các anh trở nên vô ích! Câu anh Đăng nói như một lời thề sau cái chết của anh Sơn tôi còn nhớ mãi! Những đau đớn xót xa cùng hoàn cảnh hiện tại rất dễ đẩy tôi chìm trong bi quan tuyệt vọng. Phải nghĩ đến công việc, phải làm bằng được những gì mà các anh ấy tin cậy.

Tôi khoác súng đứng hồi lâu bên mộ. Mặt trời lên cao, nắng hun nóng dần lưng áo. Trên thân cây thủy tùng chỗ quả róc kết bắn trúng, đứng từ đây cũng nhìn rõ những thớ gỗ toác ra xơ trắng, nhưng cây vẫn vươn cao sừng sừng và tán lá xanh mượt đang rì rào gọi gió. Những vết thương trên mình không ngăn nổi sức sống mãnh liệt của loài cây đã bám rễ vững chắc trong đất.

Ngày tháng trôi đi, mưa gió sẽ lấp đầy những hố đạn cho cỏ mọc lên, cây thủy tùng sẽ ứa nhựa để liền sẹo những vết thương trên mình nó. Còn tôi, tôi biết rằng ký ức về những ngày vừa qua

sẽ không bao giờ phai... Hai anh đã giành lấy cái chết về mình để cho tôi được sống. Chẳng bao giờ các anh còn trở lại với những cánh đồng lúa mênh mông, với thác ghềnh con sông Đà hùng vĩ, với xóm nhỏ bên ga xép, nơi mà tiếng còi tàu đêm đêm vẫn luôn là nỗi nhớ khôn nguôi trong lòng người đi xa... Hai người lính can trường và nhân hậu đã từng gắn bó những năm tháng đẹp nhất của đời mình với núi rừng, giữ đây các anh mãi mãi nằm lại giữa lòng rừng già.

Không thể nán ná mãi được. Trục thẳng có thể xò tới bất cứ lúc nào, mà tôi đang cần phải sống hơn bao giờ hết. Tôi cúi nhặt một mảnh đạn đặt lên mộ rồi lặng lẽ bước đi. Trên cao, ngọn thủy tùng vẫn vi vút trong gió, tựa như cây bút lông khổng lồ đang viết lên trời xanh những dòng sử bi thương và hùng tráng.

Tôi tỉnh dậy, người nóng hầm hập, mồ hôi toát ra đầm đìa. Thì ra một giấc mơ. Bàn tay lạnh giá của cô bạn gái trong giấc mơ lúc này chỉ là mảnh vông ướt đẫm sương đêm dính bết vào trán. Tôi đang sốt. Hồi chiều, lúc định leo lên cây để quan sát khu đồi cỏ, tôi đã thấy người nóng ran, chân tay rã rời. Tôi vội mắc vông trên một thân cây có tán lá rậm rồi thả người nằm xuống và thiếp đi mê man...

Không biết bây giờ là mấy giờ? Chắc khuya lắm rồi vì trăng đã xế. Ánh trăng rọi loang lổ trên vông. Người tôi vẫn nóng hầm hập, đầu nhức buốt. Mong sao không phải sốt rét. Mùa này ít bị sốt rét và lâu nay tôi uống thuốc phòng đều đặn. Chắc chỉ là cảm sốt hoặc do cơ thể phản ứng với những mệt nhọc căng thẳng quá mức chịu đựng. Chúng tôi không mang theo thuốc cảm. Khi có anh Hùng thì đó chỉ là chuyện vặt Còn bây giờ... Mà giấc mơ vừa rồi lạ lùng quá, nó làm tôi nhớ tới bạn bè. Chẳng ai ngờ được giờ này tôi đang nằm một mình giữa rừng hoang... Những ý nghĩ cứ lộn xộn trong đầu một lúc nữa, rồi tôi lại thiếp đi.

Sáng dậy, cơn sốt đã dứt nhưng đầu nặng trĩu. Để nguyên vông và ba lô trên cây, tôi gắng gượng khoác súng ôm thân cây tuột xuống. Lăn được tới khe, tôi vốc nước rửa mặt. Nước khe

ban mai lạnh buốt làm người tỉnh táo hơn. Thấy đỡ chóng mặt, tôi đứng dậy nhặt một ôm cành khô và nhằm hướng ngôi mộ đá đi tới.

Mặt trời đã lên nhưng bãi cỏ vẫn mờ trong sương, vắng lặng đến rợn người. Tôi đến bên mộ xếp củi đốt đồng lửa nhỏ rồi bó gói ngôi lạng lẽ, mắt đăm đăm nhìn những hạt sương đọng trên đá chảy thành dòng như nước mắt.

Khi nắng xua hết sương, tôi đi lên sườn đồi nơi hôm trước bắn nhau với trực thăng tìm nhặt những băng đạn nằm rải rác trên cỏ, mong kiếm được vài viên sót lại khi thay băng vôi giữa hai loạt bắn. Nhưng tôi đã thất vọng. Hơn chục hộp băng tìm thấy đều rỗng không. Tôi tàn ngần xếp chúng lên trên mộ, lòng nặng trĩu lo âu. Hôm qua kiểm tra lại súng thấy chỉ còn mười hai viên đạn, mà tôi cứ ngỡ băng đạn còn gần đầy vì mới bắn có hai viên vào thẳng Mỹ đen. Mãi sau mới nhớ đây là băng đạn đã bắn hôm anh Hùng bị trấn quán, lại còn dùng mấy lần khi đi săn. Một mình với mười hai viên đạn giữa rừng núi hoang sơ này? Có thể gặp địch? Có thể gặp thú dữ? Lấy gì săn bắn kiếm ăn? Nỗi lo lắng làm tôi bải hoải cả người...

Tôi chất thêm củi cho lửa cháy tiếp rồi đi vào rừng. Khi ngang qua gốc thủy tùng, chợt trông thấy vật gì sáng lấp lóa dưới đồng cành lá héo rũ, tôi gạt nhánh cây ra, nhặt lên được chiếc ống nhòm. Mừng cuống quýt, tôi hồi hải bươi đồng lá, tìm thêm được cây dao rừng. Cầm cả hai thứ trên tay, tôi rưng rưng nước mắt. Những vật này từng gần gũi với chúng tôi suốt chặng đường dài, lúc này lại càng quý giá hơn.

Về đến chỗ mắc võng, tôi đem hành lý ra sắp xếp lại. Tay tôi run run khi lần mở hai chiếc ba lô quen thuộc. Đồ đạc của các anh cũng giống như tôi: võng, màn, táng, túi phao bồi, quần áo, bộ quai dép... Trong ba lô anh Đăng có một chiếc lọ thủy tinh nhỏ đựng chừng vài chục viên đá lửa, hai cuộn chỉ, mấy cây kim. Còn trong ba lô anh Hùng có mấy lưỡi câu cùng cuộn dây cước. Tôi mừng rơn khi tìm thấy dưới đáy ba lô bao muối hầm loại một kí

còn nguyên chưa bóc. Những tài sản các anh để lại thật vô giá, là nguồn sống giúp tôi bước đầu tự lập nơi hoang dã. Tôi nhằm tính thấy mình có tất cả bốn bao gạo sảy, mười phong lương khô, hai bi đông mật ong và hơn hai kí muối. Chừng đó thứ đủ để sống nhiều ngày trong rừng.

Nhìn qua ống nhòm, vùng đồi cỏ hiện ra rõ mồn một. Chiếc lá màu vàng trên bức không ảnh hôm nào, giờ là những nếp đồi thoải thoải lượn sóng chạy dài khoảng năm cây số, nơi rộng nhất chừng ba cây. Bao quanh vùng đồi là rừng. Phía đông và phía nam không nhìn thấy ngọn núi nào nhô lên, chứng tỏ thềm đất này cao vượt hẳn so với vùng núi non bên dưới. Phía tây có những đỉnh núi nhấp nhô, ngọn núi gần nhất cũng cách chừng bảy cây số. Còn phía tây bắc và phía bắc có một dãy núi không cao lắm uốn hình vòng cung ôm lấy dải rừng rộng khoảng bốn cây số giáp với vùng đồi cỏ. Như vậy vùng này không phải có dạng thung lũng như nhận định của các chuyên viên.

Tôi ngồi trầm ngâm suy nghĩ, chưa biết nên làm gì. Đúng ra phải đi tìm ngay một nơi thuận lợi để ở lại nhiều ngày, nhưng những chiếc trực thăng cứ ám ảnh trong đầu tôi. Cuộc đổ súng hôm trước có phải là sự sắp đặt tính toán trước của kẻ địch? Không chắc! Ngay cả chúng tôi cũng không biết mình sẽ đặt chân đến đây lúc nào. Vậy không phải một ổ phục kích mà chỉ là cuộc chạm trán ngẫu nhiên. Nhưng đâu là nguyên nhân của sự ngẫu nhiên ấy? Trực thăng bay tới vùng đất này để làm gì? Có phải chúng cùng mục đích như chúng tôi, một tình huống mà lúc giao nhiệm vụ, anh Hai Nguyên đã nói tới? Còn chiếc thứ hai chỉ kịp đến sau mấy phút? Nó đang bay gần đó được đồng bọn gọi tới chứ không phải xuất phát từ căn cứ. Liệu chúng còn trở lại? Có thể như vậy? Hay chúng đã đổ xuống một toán thám báo? Cũng không loại trừ. Cần phải cảnh giác hơn bao giờ hết... Suy nghĩ mãi rồi tôi cũng quyết định: mấy ngày tới sẽ lùng sục trong khu rừng phía bắc, nơi có tọa độ tìm kiếm. Trước hết là xem xét địa hình và tìm xem có dấu vết gì của một cuộc đổ bộ, rồi mới tính tới

chuyện khác. Còn làm như thế nào để tìm ra vỉa quặng, sau hăng hay...

Ba ngày sau, tôi lần tới góc tây bắc vùng đồi cỏ lúc gần tắt nắng. Đứng ở đây có thể nhìn rõ cây thủy tùng bằng mắt thường, còn qua ống nhòm thấy được cả những hòn đá xếp trên mộ. Tôi cúi nhìn ngôi mộ cô đơn đang sẫm lại trong hoàng hôn, cảm thấy sự lạnh lẽo nơi lòng đất dưới mộ thấm vào cả lòng mình.

Sắp tối rồi, phải tìm nơi nghỉ lại. Ngoài bãi trống cách bìa rừng gần trăm mét, có một cây cổ thụ trông giống cây đa đầu làng thường thấy ở những vùng quê dưới xuôi. Chắc vì mọc ở chỗ trống trải nên cây không cao lắm nhưng tán lá xòe rất rộng, có thể đủ cho cả đại đội ngồi nghỉ dưới bóng râm của nó. Cái dáng cây gần gũi gợi nhớ đến nỗi tôi quyết định đi ra đó tìm chỗ mặc võng.

Băng qua bãi đất trơ trọi, tôi đến bên gốc cây. Không dễ gì leo lên được vì thân cây to quá. Nhưng ngay bên cạnh chỉ cách năm mét, có một cây khác to chưa đầy vòng ôm mọc thẳng tắp cao vọt lên khỏi tán cây cổ thụ, thân nó đầy những máu cành gãy rất dễ leo. Cây này đã chết khô, phần ngọn cụt bong vỏ trắng mốc. Chắc nó bị sét đánh vì tôi thấy vết gãy nạm đen. Tôi ôm thân cây khô leo lên dễ dàng, rồi chuyền sang cành cây cổ thụ để mắc võng. Mới sẫm tối mà sương đã mờ mờ trên vòm lá. Đêm nay sẽ lạnh lắm đây! Từ hôm còn lại một mình, tôi chưa dám đốt lửa lần nào ở nơi nghỉ. Đốt lửa giữa rừng có thể xua đuổi thú dữ, chống lại cái lạnh buốt da thịt lúc nửa đêm về sáng, nhưng dễ bị bọn thám báo phát hiện nếu chúng đang có mặt ở vùng này.

Gần ba ngày qua tôi lần mò trong khu rừng phía bắc, vào đến tận chân núi. Những gì trông thấy đều khẳng định tôi là người đầu tiên đặt chân đến đây. Đang mùa nắng nóng, lại ở trên độ cao này nên rừng ở đây khô ráo và có vẻ thưa hơn các nơi khác. Những lùm cây bụi, cây dây leo đều rũ lá, còn cỏ và dương xỉ thì úa đi bởi hơi nóng từ đất bốc lên. Nền rừng phủ đầy lá khô, đôi nơi có vài tảng đá nhô lên, đều là loại đá bazan trắng xám và rất cứng mà thời gian và mưa gió đã làm chúng gần như nhẵn nhụi. Tất

nhiên tôi chẳng nhìn thấy mạch vàng nào. Đi qua một vùng rừng rậm dài bốn cây số và rộng cũng gần chừng ấy trong chưa đầy ba ngày, thì còn hơn cả "cưỡi ngựa xem hoa".

Điều băn khoăn lớn nhất bây giờ vẫn là: kẻ địch hiện đang có mặt ở đây hay không? Phải trả lời được câu hỏi đó mới có thể làm những việc khác. Không thể chỉ ăn mãi lương khô, mà cũng đâu còn nhiều! và mưa nắng cùng cái lạnh buốt ban đêm của núi rừng ở độ cao gần hai ngàn mét sẽ nhanh chóng làm tôi kiệt sức. Mùa mưa không còn xa nữa, cần phải có một mái che, một bếp nứa, phải tìm kiếm thức ăn trong rừng... Những ý nghĩ rối bời làm tôi thao thức mãi. Đêm cô độc giữa rừng dài như vô tận.

Tôi treo ba lô lên cây rồi xách súng đi vào rừng để khảo sát khu vực quanh đây tìm chỗ thuận lợi dựng lều, đồng thời kiếm ít thức ăn. Loanh quanh đến nửa buổi vẫn không tìm được nơi nào vừa ý, trước hết là do không có nguồn nước. Tôi cũng kiếm được mấy dây củ mài và dùng dao để đào. Gặp mùa khô nóng đất cứng như đá, đào đến bong da tay mà chỉ moi được một hố nhỏ. Còn cái giống củ rừng quý báu có thể nuôi sống người thì như đã chui xuống tầng đất sâu để tránh nắng. Thất vọng, tôi đành tay không trở về.

Đứng dưới gốc cây, tôi do dự hồi lâu, nửa muốn đi tìm chỗ trú, nửa định đi quanh vùng đồi cỏ xem có dấu vết của bọn thám báo hay không.

Lúc này đã gần trưa. Nắng bắt đầu đốt nóng lớp đất sỏi làm những lá cỏ vốn đã héo úa nay càng quắt lại. Trước mặt tôi hơn trăm mét về hướng đồi cỏ có một quả đồi chắn ngang tầm nhìn, sườn đồi lác đác những tảng đá đen sạm trông như đàn lợn rừng nằm phơi nắng. Dưới chân đồi là cái khe cạn, lòng khe trơ toàn đá sỏi, nhưng khúc phía dưới hình như vẫn còn nước vì cây hai bên bờ xanh um. Tôi cầm túi phao bơi băng qua bãi trũng đi xuống, hy vọng sẽ kiếm được nước ở đó. Sáng nay toàn gặp những điều không may! Đúng là đoạn khe đó có vũng nước

nhưng nó vừa cạn, chỉ còn lại lớp bùn sền sệt bên dưới mấy tảng đá.

Tôi chán nản quay lên. Mới đi được mười bước thì đột ngột, tiếng động cơ phanh phạch rộ lên ngay phía sau. Tôi kinh hoàng ngoái lại, thấy một chiếc HU. 1A lừng lững vọt qua đỉnh đồi, bóng nó lướt vùn vụt trên những tảng đá nơi sườn dốc. Không kịp nghĩ ngợi gì nữa, tôi co chân chạy như tên bắn. Chiếc trực thăng vọt qua. Và chùng như phát hiện ra, nó chững lại rồi lượn nửa vòng, đắc thẳng bay về phía tôi. Bên hông máy bay, nòng đại liên nhắm nhắm chúc xuống.

Tôi vừa ngoắt người chạy sang phải thì tiếng súng đã nổ toang toác, loạt đạn chụp xuống phía sau. Chỉ cần chậm một tích tắc là đạn găm trúng người. Vừa lao nhanh vùn vụt tôi vừa quay người đảo hướng liên tục. Luồng đạn lúc đuổi theo bên gót, lúc cày tung bụi bên phải, bên trái. "Trúng này... trúng...", tôi căng người đón cảm giác nhói đau khi bị đạn găm, trong lúc chân vẫn guồng nhanh như máy. Chưa bao giờ tôi chạy nhanh được đến thế. Như một con nai lúc bị con cọp đuổi theo, nỗi kinh hãi đến tột độ đã huy động tất cả sức lực tất cả lý trí tất cả giác quan, giúp tôi phản xạ chính xác lúc luồng đạn đuổi tới. Đích là gốc cây cổ thụ, nơi gần nhất và duy nhất có thể nấp tránh đạn. Tiếng động cơ rú như điên dại ngay trên đầu, cái bóng trực thăng đen ngòm lướt đè qua người tôi. Đại liên vẫn ré dằng dặc, đạn cắm tóe bụi thành đường ngoằn ngoèo trên đất sỏi, nghe có cả tiếng chiu chiu bên tai. Thoáng trước mắt vệt bóng râm của cây. Sắp thoát rồi! Đang chạy, tôi đảo người lao thẳng đến gốc cây. Luồng đạn đuổi theo chém rào rào trên vòm lá. Chiếc trực thăng sạt qua thốc gió cuộn cành lá nghiêng ngả. Tôi nép vào gốc cây há mồm thờ dòn dập, chân khuy xuống lầy bầy, phần vì mệt, phần vì mừng rỡ.

Con quái vật đã quành lại. Nó vè vè lượn quanh, bắt đầu bắn xuống từng loạt ngắn như muốn thúc con mồi chạy ra. Cái khối xanh xám lừ lừ lướt qua kẽ lá. Nó sẽ không bỏ cuộc. Nó đang tức điên lên vì vượt mất con mồi tưởng đã mồi mười trong tay. Tôi

cố gắng điều hòa hơi thở, mắt không rời khỏi vòng lượn của nó, chân tự động men quanh gốc cây tránh đạn. Không như cây thủy tùng, cây này thấp và tán rộng, che kín hơn.

Chiếc trực thăng lảng ra xa: nó sắp phóng rốc két. Cảnh giác buồn buốt rợn lên chạy dọc cột sống, tôi co cứng người nép mình vào gốc cây chờ tiếng đạn rít, y như hôm trước bên gốc thủy tùng.

"Như hôm trước?", người tôi vụt nóng rực, trong đầu ngàn ngạt lửa giận.

"Oang... oang", hai phát rốc két nổ chát chúa làm bùng lên hai cột khói lửa cùng cát bụi và mảnh đạn. Tôi nghe và nhìn thấy tất cả, nhưng không mảy may bận tâm. Đầu óc bưng bưng mà tôi tỉnh táo hơn bao giờ hết. Những tiếng rào rào vừa dứt, tôi nhóm dậy khoác chéo súng sau lưng, nhảy ba bước tới bám thân cây khô thoăn thoắt trèo lên. Chiếc trực thăng lướt qua ngọn cây, động cơ rồ đình tai. Lúc gần chui ra khỏi vòm lá, tôi ngồi lại bình tĩnh hít một hơi dài, tuốt súng cầm ở tay. Đưa mắt dõi theo đối thủ, tôi biết nó sẽ lượn tới để xem kết quả loạt rốc két. Nhánh cây khô ngay trên đầu, chỉ một cú nhún là tôi bật người lên đó không mấy khó khăn, nhưng phải tính vòng lượn của nó thật chính xác.

Tiếng phành phạch lại dội tới, cành lá xung quanh vật vã toi bời. Đã đến lúc! Hoặc bây giờ, hoặc không bao giờ cả! Tôi bật dậy, trong chớp mắt đã đứng vững hai chân trên nhánh cây khô, lưng dựa vào đoạn thân cây tróc vỏ cụt ngọn. Luồng gió cánh quạt thốc tới ép người tôi vào thân cây nên càng vững. Chiếc trực thăng đang nghiêng sườn về phía tôi, gần như đối diện qua vòm lá. Tôi lạnh lùng nâng súng lên, cùng lúc tên phi công ngoảnh sang và nhìn thấy. Mặt nó nghệt ra, vì kinh ngạc chứ không phải hoảng sợ, nó chưa kịp sợ. Không ngờ tới việc đối thủ dám leo lên cao để đối mặt, nó đã quá chủ quan khi sà xuống thấp và bây giờ phải trả giá, không phải cho sự chủ quan mà cho tất cả những gì nó và đồng bọn đã gây ra cho tôi, cho đồng đội tôi. Qua đường ngắm, tôi thấy tên phi công quờ tay định làm động tác gì đó,

nhưng muộn rồi! Tôi nhẹ nhàng siết cò, xả hết tất cả những viên đạn còn lại vào nó, vào bóng người phía sau nó, và biết chắc chắn trúng đích. Khi dồn hết tinh lực vào đường đạn, người xạ thủ cảm nhận được viên đạn trúng đích ngay lúc bóp cò.

Mọi việc còn lại diễn ra như trong một đoạn phim hoạt họa: tên phi công ngất đầu trên ghế lái; chiếc trực thăng theo đà bay tới, chòng chành chao đảo, nhưng lần này không phải trở tòi tránh đạn mà là để chúc đầu lao thẳng xuống mé rừng. Nó va vào hết cây này đến cây khác rồi đâm sầm xuống đất, cánh quạt chém lá bay toỉ tả, một vạt cây rừng rung chuyển dữ dội, động cơ còn gằng lạch phạch vài tiếng nữa rồi mới câm hẳn.

Tôi nín thở chờ một ánh lửa bùng lên kèm theo tiếng nổ, nhưng... Không có gì cả! Cây cối trở lại yên tĩnh như không hề biết đến một cuộc đọ súng quyết liệt vừa xảy ra, không hề có những tiếng nổ, tiếng gầm rú phát ra từ những sản phẩm của nền văn minh cơ khí vốn xa lạ với bản chất hoang dã của rừng.

Chợt thấy toàn thân bủn rủn, tôi phải vòng tay ôm cứng lấy thân cây khô mới khỏi ngã. Mệt nhọc và căng thẳng của trận quyết đấu đã vắt kiệt những giọt năng lượng cuối cùng trong người. Chật vật mãi tôi mới xuống được mặt đất.

Nằm vạt bên gốc cây, tôi mở nắp bi đông đưa lên liệng uống một ngụm mật ong. Không thể uống nhiều được, lúc này mà say đứ đừ ra đây là chết.

Lát sau thấy người đở run, tôi nhồm dậ tay súng tay ba lô xách chạy vào rừng.

Giờ đến lúc phải kiểm tra lại chiếc máy bay vừa rơi. Tôi rút dao găm cũng là lưỡi lê AK cắm lên đầu súng, đi men mé rừng tới chỗ nó. Con quái vật đã từng săn đuổi tôi một cách hả hê nay nằm chết gục, câm lặng. Trước khi đâm xuống đất, nó còn để lại những vết thương toác ra trên những thân cây, chém gãy một loạt cành lá và đè nát đám dương xỉ. Đầu máy bay móp méo, mặt kính buồng lái nứt rạn, một đoạn cánh quạt văng xa đến hơn chục mét, đuôi đứt rời chỉ còn dính với thân bằng những thứ dây dơ

bằng nhằng. Một bên càng của nó cong vênh lên và gãy làm mấy khúc. Nó không bốc cháy là chuyện lạ và cũng là may mắn cho rừng.

Tôi đứng lặng người bởi trạng thái xúc cảm đột ngột chuyển từ đối cực này sang đối cực khác. Sau những choáng ngợp vì căng thẳng, niềm vui chiến thắng bây giờ mới nở bùng. "Các anh ơi, em đã trả được mối thù..." Nước mắt tôi trào ra...

Trong máy bay có ba xác chết. Xác tên phi công còn ngồi trên ghế lái nhờ có dây an toàn giữ lại. Người nó lỗ chỗ vết đạn, máu đọng thành vũng bên dưới ghế lái, chiếc mũ phi công màu cỏ vằn đội trên đầu. Bên cạnh, một tên khác chết gục xuống ghế, tay ôm khẩu AR15. Chỉ nhìn qua, tôi biết hắn cũng dính đạn AK. Còn thằng bắn đại liên lưng đeo khẩu M.4 đang nằm vắt nửa người ngoài cửa máy bay, một dòng máu ứa ra bên mép chảy nhỏ giọt xuống cỏ. Trên người tên này không có dấu đạn, hắn chết do bị va đập. Bên cạnh hắn, khẩu đại liên chổng nòng lên trời, thùng đạn bắn dở còn gắn trên súng.

Tôi nâng xác tên bắn đại liên, gỡ khẩu M.4 ra khỏi người nó và gỡ luôn thắt lưng đạn đeo vào người. Kiểm tra lại súng thấy băng đạn còn đầy nguyên, tôi giật khóa nòng vài lần cho quen tay rồi lắp lại băng, khoác súng lên vai thờ phào nhẹ nhõm. Giờ khỏi lo thiếu vũ khí. Loại súng này chẳng xa lạ gì với tôi, nó lại gọn nhẹ, rất thích hợp khi sử dụng trong rừng.

Tôi kéo cả ba cái xác xuống đặt ngay ngắn trên cỏ. Khẩu AR15 có kính ngắm làm tôi vô cùng thích thú, thứ kính ngắm này là ước mơ của mọi xạ thủ. Hai khẩu tiểu liên lại bắn cùng loại đạn, rất tiện. Khi mở xem băng đạn thấy đã vơi quá nửa, tôi ngửi nòng súng: có mùi khét. Thì ra nó là kẻ đã tạo ra tiếng "chiu chiu" bên tai khi tôi bị săn đuổi giữa bãi trống.

Dù đang phấn chấn với chiến thắng và nôn nóng muốn biết xem mình còn thu được những chiến lợi phẩm gì, nhưng tôi không quên rằng kẻ thù có thể ập tới bất cứ lúc nào. Bài học bên cây thủy tùng còn nóng hổi. Tôi gỡ bao súng ru lo của tên phi

công đeo vào thắt lưng, bỏ mấy băng đạn vào ba lô, rồi ôm khẩu AK và khẩu AR15 đem đi giấu. Mọi việc đều sẵn sàng để nếu có động sẽ chạy luôn vào rừng.

Những thứ tìm thấy sau đó khiến tôi hết sức ngạc nhiên và mừng rỡ: trong khoang máy bay có hai thùng đạn đại liên còn đầy nguyên, và một thùng cỡ nhỏ hơn đựng những hộp đạn AR15 vàng chóa, loại hộp giấy cứng có ghi số lượng năm mươi viên bằng tiếng Anh. Lại một thùng hai mươi quả lựu đạn; hai thùng giấy đựng những gói khẩu phần ăn dã chiến; một thùng gỗ đựng vài chục hộp thịt loại nửa kí. Trong góc sàn máy bay có một bó quần áo rằn ri còn mới, khoảng chục đôi giày lính cao cổ đế cao su màu đen. Tôi còn tìm thấy một cuộn vải nhựa màu ngụy trang loang lổ dùng để căng lều và một bó bôngxô, thứ áo mưa rất tiện lợi của lính ngụy.

Ngần người nhìn đồng chiến lợi phẩm ngổn ngang, tôi lúng túng chưa biết phải làm gì. Đúng là cửa trên trời rơi xuống", theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Có năm mơ tôi cũng không dám mơ được như thế. lát sau, tôi quyết định bỏ thêm vào ba lô mấy hộp thịt cùng một số túi khẩu phần ăn, vác thùng lựu đạn và thùng đạn tiểu liên đi giấu nơi khác. Những thứ còn lại... thôi thì cứ tạm để tại chỗ. Chiếc máy bay nằm khuất dưới tán cây, chỉ cần ngụy trang chút ít là ổn. Tôi kéo mấy nhánh cây gãy đem giấu trong bụi rậm. Đám cành lá này lúc héo dễ gây sự chú ý cho bọn trực thăng nếu chúng đi tìm. Cẩn thận hơn, tôi dùng dây rừng níu cành cây xung quanh xuống che trên xác máy bay. Giờ chỉ có đi dưới đất, mà phải tới gần, mới phát hiện ra.

Nắng đã xế. Những công việc trên làm mất khá nhiều thời gian. Chợt nhớ tới chiếc đồng hồ trên cổ tay viên phi công, tôi tới gỡ ra, thấy đã hai giờ. Ngần ngừ một lúc, tôi đeo luôn nó vào tay. Đồng hồ bây giờ rất cần. Chiếc "pônzốt" của tôi bị hỏng lúc ngồi trên xe đi từ Bãi Hà.

Đói đến muốn xỉu. Tôi xách súng và ba lô đi tránh sang nơi khác để khỏi nhìn thấy những xác chết, rồi mở một hộp thịt. Vừa

ăn, tôi vừa nghĩ tới việc khó xử nhất: đó là mấy cái xác kia. Chôn hay không chôn? Nhớ lại cảnh hai chiếc trực thăng ngoi lên nhào xuống, những quả rốc két đổ lù, hài xác người tung lên, những chùm tiếng nổ... Cổ họng nghẹn lại, tôi bỏ hộp thịt ăn dở xuống đất, chột lợm giọng như người thấy mùi tanh của máu, mùi khét lẹt của thuốc súng... Đúng! Tôi có quyền không chôn mấy cái xác kia vì những gì chúng đã làm khi anh Đăng và anh Hùng ngã xuống. "Ừ, cứ cho rằng chúng là lính, đánh nhau thì phải có người chết, chiến tranh là thế! Nhưng hành hạ những người đã chết, bắn vào họ hàng chục quả đạn đến tan xương nát thịt, thử hỏi chúng có còn là con người nữa không?..."

Tôi uể oải chống súng đứng dậy, đi ra chỗ máy bay rơi. Ba cái xác nằm trên cỏ. Viên phi công trạc tuổi tôi, ve áo có hai bông mai, vết máu trên chiếc áo pilot giờ đã đen sẫm lại. Kế bên cạnh trông già hơn, đeo hàm thượng sĩ, thằng này đã nhắm bắn tôi bằng khẩu AR15. Tên bắn đại liên là hạ sĩ, mặt còn non choẹt, ruồi nhặng đang bu đầy trên dòng máu rỉ ra bên mép. Lúc này chúng chỉ là ba cái xác không hồn. Không biết khi xả súng vào tôi, vào một con người nhỏ bé đang chạy cuống cuồng trên bãi trống, chúng có nghĩ gì không? Có phải đây là một trong hai chiếc đã tấn công chúng tôi hôm trước? Ở hai thùng rốc két mới có hai lỗ trống, nhưng cái đó không nói lên được điều gì? Trên khúc đuôi máy bay gãy rời có dấu đạn sượt qua. Dấu đạn chứ không phai vết va đập vì nó cày xước lớp vỏ duyara của máy bay. Sáng nay tôi chỉ bắn vào buồng lái? Lại còn cái cách vòng lượn, săn đuổi của nó? Thế là rõ rồi!

Tôi bước tới lục trong người ba cái xác lấy ra một mớ giấy tờ và xem qua mấy tấm thẻ quân nhân. Viên phi công tên Trà, Nguyễn Tiến Trà, hai mươi lăm tuổi. Viên thượng sĩ tên Lộc, còn tên lính trẻ là Tình. Mỗi tên đều đeo trên cổ tấm lắc bằng inoc có ghi tên tuổi, số lính... Những cái tên cũng bình thường, vẫn gặp đâu đó trên đất nước này.

Nhìn lũ ruồi nhặng đang vo ve quanh mấy cái xác, tôi chột chạnh lòng. Dù là kẻ thù, nhưng giờ đây khi đã chết, họ lại là những con người, những trai tráng cùng thế hệ với tôi, chỉ hơn kém nhau vài tuổi... Họ cũng có một gia đình ở đâu đó có một mái nhà nơi làng quê hay góc phố, có những người thân đang chờ họ. Chỉ đêm nay thôi, những con thú ăn thịt sẽ mò tới... Tôi sẽ như thế nào nếu sau này qua lại nơi này thấy những đống xương người vương vãi?

Tôi đào đất bằng một chiếc xẻng tìm thấy trên máy bay. Loại xẻng này thường được trang bị cho lính thám báo, có thể gấp lại đeo ở thắt lưng, lúc dùng vặn ra thành xẻng hoặc cuốc. Đến bốn giờ chiều mới đào xong cái huyết đủ sâu để sau khi chôn thú rừng không bới lên được. Mất khá nhiều thời gian và sức lực, vì chiếc xẻng tuy tiện nhưng nhỏ quá. Lần lượt đặt từng cái xác lên tấm pôngxô, tôi nấn người họ cho thẳng; cuốn lại cẩn thận rồi dùng sợi dây võng đưa xuống huyết. Phải xếp nghiêng vì huyết hơi hẹp, nhưng họ không đến nỗi chất chồng lên nhau.

Vun hết chỗ đất đào lên thành nắm mộ, tôi đặt một hòn đá đánh dấu hướng đầu và cắt mảnh nilon gói kỹ những giấy tờ tìm thấy chôn bên dưới hòn đá. Hy vọng có lúc nào đó họ được người thân đưa về, nhưng điều này hết sức xa vời. Dầu sao tôi cũng không muốn họ nằm mãi ở đây, không phải vì họ mà vì những người thân của họ. (Và tuy không có những suy nghĩ rõ nét, tôi vẫn thầm biết ơn những kẻ đã mang đến cho mình các thứ cần thiết đúng vào lúc gay go nhất, cho dù chúng chẳng hề có ý tốt đó).

Xong mọi việc, tôi vội vã leo lên cây dùng ống nhòm tìm xem nơi nào có thể có nước. Sắp tối rồi, không khéo đêm nay phải nhịn khát.

Sực nhớ tới cái khe cạn lúc sáng, tôi hướng ống nhòm về phía ấy. Nước trong khe phải đổ xuống một dòng chảy khác, một con suối chẳng hạn! Nếu nơi đó còn nước và nó nằm trong tầm ống nhòm, sẽ thấy cây ven bờ có màu xanh tươi hơn các nơi khác,

nhất là lúc về chiều. Sau một hồi sục sạo, tôi bắt gặp vệt cây xanh ở phía tây vùng đồi: nơi tiếp giáp với rừng. Kiên nhẫn rà theo dải cây đó, tôi nhìn thấy điều mình cần: một khúc suối ẩn hiện sau rặng cây, mặt nước đang chói nắng chiều lấp loáng. Từ đây xuống đó chừng hai cây số.

Choàng ba lô lên vai, tôi xách súng khắp khởi nhằm hướng con suối đi tới. "Hôm nay quả là một ngày may mắn!", tôi tự nhủ, chợt nhớ ra mình vừa nghĩ ngược với điều suy nghĩ lúc sáng. Hăm hở rẽ nhánh cây lấy lối đi, cả người tôi lâng lâng trong tâm trạng khó tả. Mình đã làm được những điều kỳ diệu biết bao: thoát chết trong một hoàn cảnh mà sự sống chỉ còn ngàn cân treo sợi tóc. Việc bắn hạ chiếc trực thăng làm vợ nổi đau của những ngày trước đó. Tôi cũng thấy thanh thản hơn khi chôn cất tử tế mấy xác chết. Hơn nữa giờ đây tôi lại có đủ súng đạn, có những vật dụng cần thiết vượt trên mọi mong ước, sau này có kể lại cũng ít ai tin. Nhưng... Choáng váng bởi một ý nghĩ vừa thoáng qua, tôi ngồi thụp xuống chĩa súng ra phía trước, căng mắt soi mới nhìn quanh. "Chẳng lẽ chiếc trực thăng chở từng ấy quân trang quân dụng chỉ để tới đây tìm bắn nhau với mình? Cuộc chạm súng rõ ràng bất ngờ và hoàn toàn tình cờ. Những thứ trên máy bay... Chừng ấy đạn dược, lương ăn, chục bộ quần áo, chục đôi giày... Số đó đủ trang bị bổ sung cho một tiểu đội? Chiếc trực thăng đang làm nhiệm vụ tiếp tế cho một toán thám báo đang chốt ở một nơi nào đó..." Kết quả suy luận logic làm tôi lạnh toát người.

Ở xung quanh, rừng vẫn êm ả trong bóng chiều tà. Đây đó thấp thoáng vài con chim bay từ chòm cây này sang chòm cây khác, chúng đang vội vã kiếm mồi trước khi về tổ. Nắng chiều nhạt dần, khí trời dịu xuống, trong không gian thoảng thơm mùi cỏ héo. Cảnh rừng tĩnh lặng làm dịu đi sự căng thẳng, nhịp tim đập bình thường trở lại. Không loại trừ trường hợp bọn thám báo đang có mặt ở vùng này, nhưng giờ đây tôi có đủ vũ khí, lại chỉ một mình dễ ẩn nấp, dễ lẩn tránh trong rừng. Kinh nghiệm chiến

đấu và những thử thách vừa qua giúp tôi có đủ bản lĩnh để đối đầu với chúng. Khi cần thiết tôi sẽ đánh trả bằng sức mạnh của bốn người...

Tôi vững tâm đi về hướng con suối, biết rằng cuốn sách đời mình giờ đã lật sang trang mới.

Chương XI

Hình như ở trên cao bình minh ngấn hơn. Trời vừa mới hửng, nắng đã ngập tràn ngoài đồi cỏ. Tuy vậy dưới những vòm cây sương còn chưa tan. Tôi nằm yên trên võng chờ trời sáng hẳn. Tiếng chim xôn xao trong đám lá. Mấy con sóc ló đầu ra khỏi hốc cây giương mắt nhìn quanh rồi vọt lên cành chạy thoăn thoắt. Một lúc sau thấy xung quanh không có dấu hiệu gì đáng lo ngại, tôi mới tháo võng nhét vào ba lô ôm tịt xuống đất.

Trước mặt là con suối mà chiều qua tôi đã tìm tới uống nước, còn sau lưng là rừng rậm. Từ đây xuống suối phải đi qua một bãi cỏ bằng phẳng rộng hơn trăm mét, có những gốc cây mọc thưa thớt như trong vườn nhà. Cái cây cổ thụ tôi vừa mắc võng ngu tối qua mọc ngay chân dốc đầu rừng. Cây này thì đúng là cây đa rồi, tuy lá có nhỏ hơn loài đa dưới xuôi nhưng cũng là thứ cây có mũ trắng, rễ khí sinh chi chít lòng thòng từ cành cây xuống đất, nhiều cái lâu ngày đã to hơn cột nhà.

Phía bên kia bãi cỏ có một dải rừng thấp cây mọc kín mít, làm thành bức bình phong kéo dài từ bờ suối lên tới rừng cây cổ thụ. Tôi xách súng giẫm lên những ngọn cỏ lòa xòa còn ướt sương đêm đi xuống suối. Con suối này không lớn lắm, nó chảy từ cánh rừng phía tây bắc về đến đây thì tách làm đôi bởi một tảng đá to tướng trông tựa tựa như con voi đứng chắn giữa dòng. Phía bên kia tảng đá nước chảy lăn tăn trên những hòn cuội, còn ở bên này dòng nước xói vào bờ lâu ngày tạo thành vũng to như cái ao, nước trong vắt và khá sâu. Qua khỏi tảng đá chừng chục mét, hai nhánh suối lại hòa với nhau cùng trôi xuôi. Phía trên vũng suối một quãng ngắn, dòng nước tụt xuống từ bậc đá cao chừng ba mét tạo thành con thác nhỏ. Mùa này nước chảy nhẹ, con thác trông tựa bức rèm thủy tinh trắng bạc bởi làn nước mỏng chốc chốc lại lóe nắng sáng lóa.

Mặt trời nhô khỏi dải rừng non, màu nắng vàng tươi trải khắp rừng. Nắng làm ấm dần bờ cát nhỏ mịn màng mà chiều qua tôi đã in dấu chân lên vẻ đẹp trinh nguyên tự ngàn xưa của nó. Cảnh vật sống động hẳn lên. Vũng suối trở nên trong xanh, nhìn thấy cả những bóng cá lượn lờ qua khe đá mờ mờ dưới đáy.

Tôi nhìn xuống nước, bắt gặp một gương mặt đen sạm hốc hác, tóc bù xù chồm quá tai. Gương mặt đó kéo tôi trở lại với thực tại. Không thể cứ đứng đây mà ngắm cảnh, còn bao nhiêu việc phải làm. Tôi quay về chỗ gốc cây, chuẩn bị cho chuyến đi khảo sát quanh vùng đồi cỏ.

Chỉ mang theo súng đạn, ống nhòm, tăng, võng và lương thực đủ dùng cho năm ngày, tất cả đồ dùng còn lại tôi bỏ vào chiếc ba lô của anh Đăng rồi đem dấu trong hốc cây đa. Lúc sáng tụt từ trên cây xuống, tôi đã phát hiện ra nó. Cái hốc này khá kín đáo, miệng hẹp nhưng khô ráo, đủ chỗ cho một người nấp.

Dải rừng non cạnh bãi cỏ chỉ rộng độ năm chục mét, toàn một thứ cây bụi mọc san sát bên nhau. Len lỏi qua các lùm cây, tôi bước ra một trảng cát cỡ bằng sân bóng đá. Xung quanh trảng mọc đầy lau lách, còn ở giữa là bãi đất sỏi vụn pha cát. Rõ ràng những cơn lũ hàng năm đã tạo ra trảng cát này cùng với dải rừng non và bãi cỏ phía trong kia.

Tôi đi dọc suối, chăm chú tìm dấu vết con người để lại. Nếu tụi thám báo đổ xuống vùng này, chúng phải ở quanh nguồn nước. Con suối chảy men phía tây vùng đồi cỏ, lúc sát chân đồi, lúc cách nhau qua vạt rừng rộng vài trăm mét. Ở đây gần nước nên cây cối xanh tươi và rậm rạp. Hai bên bờ đá xếp lô nhô chen với cỏ. Mấy đám lau trở bông trắng muốt phất phơ trong gió.

Gần trưa, tôi nhìn thấy bên kia suối có vạt rừng le bèn trèo lên cây để xem. Loại le này thân chỉ to bằng ngón chân cái nhưng măng của nó khá ngon. Khi mùa mưa tới, những búp măng sẽ trồi lên trong khóm le. Bẻ chúng về, cứ thế thả vào nơi luộc hoặc vùi trong tro nóng, lúc chín bóc vỏ chấm muối ăn rất ngọt. Mùa măng le mọc cũng là mùa lợn rừng, mang và những con cheo kéo tới

dũi gốc ăn măng. Nhưng mùa này chưa có măng. Cả rừng le giờ đang héo vàng dưới nắng chói chang, lá le cháy sém khua lao xao trong gió. Cứ biết vậy? Đến mùa mưa có thể tới đây kiếm thức ăn.

Đêm đó tôi ngủ lại trên một cái cây mọc bên bờ suối, hôm sau đợi trời sáng rõ lại tiếp tục đi. Tới mười giờ sáng mới qua hết triền phía tây vùng đồi cỏ. Dòng suối đến đây thì gặp con suối khác đổ từ núi xuống, nên nó chia tay với vùng đồi, nhập vào con suối kia rồi dắt díu nhau chảy tiếp về hướng đông nam.

Tôi leo lên nắp kín trong một tán lá rậm, dùng ống nhòm quan sát khu vực ngã ba suối. Quanh đây có những vạt đất trống và mấy bãi đá cuội, những điểm cắm trại khá lý tưởng. Lúc này đã gần trưa, giờ mà con người thường xuống suối lấy nước, cần tránh một cuộc chạm trán bất ngờ. Nhưng suốt buổi trưa tất cả vẫn yên tĩnh. Tôi không nhìn thấy gì ngoài ba con nai xuống uống nước rồi lên nằm lim dim mắt trên đám cỏ. Rừng trưa êm đềm trong tiếng nước chảy. Cũng là cái nắng trưa hè nhưng nơi này không khí dịu mát hơn nhờ có dòng suối chảy qua. Tôi buộc người vào cành cây ngủ thiu thiu được một lúc.

Chiều đến tôi sục kỹ vùng rừng quanh ngã ba suối. Chỉ có dấu thú chứ không có dấu người. Không một lối đi giẫm rập cỏ, một vết dao chém hay đống lửa tàn, cũng chẳng có sản vật nào do con người làm ra có mặt ở đây. Câu hỏi vẫn còn đó nhưng giờ có thể yên tâm là dọc suối không có thám báo.

Sáng hôm sau tôi rời con suối đi vào khu rừng phía nam vùng đồi. ở đây xa nước nên cây lá phờ phạc, những ngọn cây mệt mỏi vờ trong gió nóng. Càng về trưa càng nắng gắt. Mây cũng bay đâu hết, trên bầu trời xanh thẳm chỉ có mấy bóng điều hâu uể oải lượn lờ.

Đang đi bỗng người thấy mùi quế thơm ngào ngạt, tôi lần theo hướng gió tìm được mấy cây quế cổ thụ. Rất dễ nhận ra chúng nhờ hương quế từ lá rụng, từ vỏ cây được nắng hun nóng tỏa mùi sực nức. Tôi lấy dao bóc những mảng vỏ quế dày cộm cho vào

ba lô. Giờ thừa cần dùng tới, nhưng để đến lúc mưa gió ngậm cho ấm người, lại chống được cảm lạnh.

Đến trưa ngày thứ tư, tôi sục hết cánh rừng phía đông tới ngang gốc thủy tùng. Tôi ra bên mộ đốt một đống lửa nhỏ. Nắng chói chang làm ánh lửa nhạt nhòa, những hòn đá trên mộ nóng như nung.

Tôi chỉ ngồi với các anh dăm phút rồi quay vào rừng, không dám mạo hiểm vì lúc này đã mệt lử. Một mình luồn trong rừng rậm ngày cháy nắng đêm rét buốt, lúc nào cũng ở trong trạng thái rình rập căng thẳng và tập trung cao độ để tìm dấu vết nên tôi đuối sức. Hơn nữa ăn uống thất thường lại chỉ toàn đồ khô khiến người cũng héo rũ đi.

Tôi men theo dải rừng phía bắc vùng đồi quay trở lại chỗ con suối. Cánh rừng này mới sục kỹ mấy hôm trước nên tôi đi nhanh hơn, chừng nửa chiều thì tìm tới được chiếc trực thăng. Mọi vật vẫn có vẻ y nguyên, nhưng khi nhìn vào khoang máy bay thấy một số túi thức ăn bị rách, những thứ trong đó vung vãi trên sàn. Chắc lại mấy con chồn con sóc tinh quái ngửi thấy mùi thức ăn lạ nên tìm tới ném thử. Hôm trước tôi đã đóng kín cửa nhưng còn một cánh chỉ khép hờ vì nó bị móp méo nhiều chỗ không sập vào được. Tôi thu dọn những thứ vung vãi, lấy mấy hộp thịt và mấy túi khẩu phần ăn bỏ vào ba lô, rồi chặt một nhánh cây để chặn cửa từ bên ngoài.

Ra nơi giấu súng đạn, tôi ôm về cả hai khẩu súng, lấy thêm chục lựu đạn và chục hộp đạn tiểu liên. Ngần ngừ một lúc, tôi buộc luôn cuộn vải nhựa căng lều lên nắp ba lô. Một chuyến è cổ vì cuộn vải nhựa nặng hơn tôi tưởng.

Cũng như hôm trước, tôi về tới gốc cây đa khi chiều sắp tắt nắng. Bỏ ba lô xuống gốc cây, tôi ra thẳng vũng suối uống căng bụng nước rồi nhào xuống tắm. Sau mấy ngày vất vả giờ được ngâm mình dưới làn nước mát thật dễ chịu.

Tối đến tôi nhặt cành khô nhóm lửa nấu một gô cháo gạo sảy với thịt hộp, bữa ăn nóng sốt đầu tiên sau nhiều ngày không dám

đốt lửa. Ăn xong, tôi dập tắt đống lửa, lại leo lên cây mắc võng ngủ. Nhờ căng được tấm tăng trên võng nên đêm đó đỡ lạnh hơn mấy hôm trước. Tôi ngủ một giấc dài ngon lành, chỉ tỉnh dậy khi nghe tiếng léc chéc của mấy con khỉ. Thì ra chúng cư ngụ trên cây đa này, giờ đang gọi nhau đi kiếm ăn. "Minh vô ý quá, chẳng chào hỏi gì chủ nhà..."

Mặt trời lên cao, một ngày mới đã bắt đầu từ lâu. Ánh nắng làm rừng sáng hơn và bớt vẻ hoang vắng. Tôi ra suối rửa mặt, ngồi lại đó hồi lâu để suy nghĩ. Qua mấy ngày lùng sục, tôi khẳng định bọn thám báo không có mặt trong dải rừng ven đồi cỏ, và có thể nói, chúng chưa hề đặt chân tới đó. Vậy phải nghĩ sao về những chiếc trực thăng xuất hiện ở vùng này? Lại còn những quân trang quân dụng trong chiếc bị bắn rơi? Chắc chắn là không phải chờ tới cho tôi rồi! Năm ngày qua chưa hề nghe tiếng máy bay, trong khi trước đó, tôi vừa ló mặt ra là đã gặp chúng nhào tới. Chẳng lẽ chúng không tổ chức tìm kiếm chiếc bị mất tích? Những câu hỏi chưa trả lời được và nỗi lo âu vẫn cứ dặng trữu. Dòng suy nghĩ luẩn quẩn rôi tung trong đầu, cho tới khi tôi nhận ra rằng mình không có đủ thông tin để giải đáp được những điều thắc mắc.

Tôi quay lại gốc cây đa. Trước hết phải cất giấu số vũ khí chưa cần dùng tới. Hôm nào rảnh phải thử lại khẩu AR15 để kiểm tra độ chính xác của kính ngắm, sợ nó bị xê dịch khi máy bay rơi. Số hộp đạn và lựu đạn tôi cũng gói lại bỏ trong hốc cây đa, lấy lá khô phủ lên. Chỗ này kín đáo và không sợ mưa ướt. Mấy con vật gặm nhấm chắc chẳng tò mò những thứ mà chúng không ăn được. Chỉ sợ lũ khỉ thấy lựu đạn đem ra nghịch thì khôn. May lúc này chúng đi vắng.

Đem chiếc áo rách xé thành những dải vải, tôi dùng kim chỉ khâu chúng lên một bộ áo quần khác. Làm xong mọi việc thì mặt trời lên gần tới đỉnh đầu. Tôi lấy một túi thức ăn của tụi ngụỵ để ăn trưa. Gọi là khẩu phần ăn dã chiến nhưng chẳng tiện chút nào: một túi gạo sảy, đổ nước vào ngâm một lúc thành cơm, ăn cứ

sường sượng trong miệng; một gói ruốc bông, chắc là ruốc cá; rồi những gói nhỏ bột ngọt, tiêu, muối, đường..., mỗi thứ một tí. Không sánh được với lương khô của ta, ngay cả trẻ em cũng thích. Nghe nói khẩu phần của bọn Mỹ sang hơn, có cả gói cà phê bột đủ pha một tách và hai điếu thuốc lá.

Đến ba giờ chiều, tôi mặc vào người bộ quần áo có khâu những dải vải, mang theo súng đạn, ống nhòm, đi men trắng cát về phía đồi cỏ. Đường không xa lắm. Qua khỏi trắng cát, leo lên một đoạn dốc ngắn mọc đầy lau là tới chân quả đồi đầu tiên. Tôi nằm lại trong một đám cỏ, rút những túm cỏ quanh đó buộc vào những dải vải trên áo quần. Ý định của tôi là tìm đến những nơi trực thăng có thể đáp xuống để xem có dấu vết gì giúp phán đoán ý đồ và hành động của kẻ địch. Sẽ rất nguy hiểm nếu chúng bất ngờ ập tới như hai lần trước. Vì thế phải ngụy trang kỹ và chọn những thời điểm trực thăng ít có khả năng bay đến. Tôi có chực bộ quần áo rằn ri chiến lợi phẩm còn mới nguyên, nhưng những vết loang lổ màu cây lá và màu đất không phù hợp với màu cỏ sém nắng trên vùng đồi này.

Những cuộc tìm kiếm được thực hiện trong mấy ngày liền. Buổi sáng từ lúc trời hửng tới tám giờ và buổi chiều từ bốn giờ tới sẩm tối, tôi đi như chạy từ mỏm đồi này sang mỏm đồi khác, vừa quan sát tìm dấu vết trên đất, vừa cảnh giác nhìn trời. Đến cuối chiều ngày thứ tư thì tôi xem xét hết những nơi đáng chú ý mà trực thăng có thể hạ xuống. Về địa hình không có gì lạ. Vẫn những triền đồi thoải thoải nối nhau, cỏ mọc thưa thớt trên nền sỏi vụn, đôi nơi lác đác đá tảng. Phía tây, chỗ gần con suối, có mấy vạt cỏ tranh khá rậm. Nhưng tôi đã tìm thấy điều mình phỏng đoán: năm điểm có vết trực thăng đổ xuống. Đúng ra chỉ một nơi có dấu cày trực thăng đè gãy mấy nhánh cây nhỏ, còn những nơi khác toàn cỏ khô và đất sỏi, chúng có hạ xuống cũng không hằn vết. Tôi phát hiện ra là nhờ những mẫu thuốc lá, giấy bọc kẹo, rồi vỏ bao thuốc quân tiếp vụ Ruby Quen. Có một nơi còn tìm được hai đầu mẫu thuốc Pallmall và vỏ hộp đựng cà phê pha

sẵn, loại sản xuất ở nước ngoài. Máy thứ này tụi Mỹ hay dùng, lính ngự ít xài sang như vậy.

Chưa giải đáp được những thắc mắc, nhưng ít ra lúc này đã có thể nhận định: kẻ địch đã dùng trực thăng đến đây nhiều lần, có lẽ để quan sát, tìm kiếm một cái gì đó ở vùng đồi cỏ và những khu rừng xung quanh. Chúng đến rồi đi, chưa đổ quân sục sạo. Còn những điều khác đành tạm gác lại lúc này chưa thể biết gì hơn được.

Giờ đến lúc phải lo chuyện ăn ở. Tôi sẽ ở lại đây, khó có nơi nào vừa đẹp vừa thuận tiện hơn.

Ban đầu tôi định làm một cái chòi như kiểu chòi gác máy bay của dân quân ngoài quê tôi, nhưng sau thấy không ổn vì không thể đốt lửa trên đó được. Vả lại, chỉ riêng việc leo lên leo xuống đã thấy bất tiện rồi. Lúc khỏe còn được, chứ ốm đau thì làm sao? Dụng lều trên mặt đất đơn giản hơn, nhưng chỉ tạm thời trong vài ngày chứ lâu dài dễ sinh bệnh, lại còn thú dữ... Tốt nhất là làm một cái nhà như kiểu nhà sàn của đồng bào dân tộc. Tất nhiên không cần lớn lắm vì chỉ mình tôi ở đâu hết mấy, nhưng phải đủ cao đủ rộng để có thể đốt trên đó một đống lửa cháy suốt ngày đêm trong mùa mưa lạnh.

Tôi nhắm tính số gỗ làm nhà: cần bốn cây cột, bốn cây gác dầm ngang đà dọc, rồi gỗ lát sàn, làm sườn che mái... Phần lợp đã có tấm vải nhựa chiến lợi phẩm.

Nhưng phải mấy ngày nữa tôi mới bắt tay vào việc đốn gỗ vì có hai việc phải làm trước. Tôi lên chỗ chiếc máy bay tháo khẩu đại liên và gùi cả ba thùng đạn về bố trí một ổ súng. Địa điểm đã nhắm sẵn từ mấy hôm trước: một mòm đồi nhỏ nằm phía trên tráng cát, ở đó có sẵn cái hố, chỉ cần đào sâu thêm một chút là đứng bắn được. Xung quanh hố toàn là cây bụi, cây dây leo mọc chen giữa đám lau cần cỗi. Phía sau mòm đồi có cái khe cạn chạy vào tới mép rừng có thể dùng làm đường rút khi cần thiết. Từ đây, tầm bắn của đại liên không chế được cả khu vực từ đồi cỏ gần nhất qua tráng cát tới bãi cỏ trước gốc cây đa. Tôi rất chú

ý đến tráng cát, nó đủ chỗ cho cả một phi đội trực thăng cùng đáp xuống.

Sau khi dùng xẻng khoét xong chỗ bắn, tôi chặt một đoạn thân cây có nạng chôn xuống đất làm giá súng. Hơi khó xoay trở khi bắn máy bay, nhưng đành tạm chấp nhận như vậy sẽ tìm cách khắc phục sau. Trên ụ súng, tôi lấy cành cây buộc lại làm giàn ngụy trang và gỡ những nhánh dây leo quanh đó gài lên. Cái giàn có thể chống lên hạ xuống được. Việc cuối cùng là lấp sẵn đạn vào súng và cắt một góc tấm tăng trùm lại che mưa. Tất cả chỉ nhằm phòng xa chứ thực lòng tôi không muốn phải sử dụng đến nó. Tôi đến đây đâu phải để bắn nhau! Chiến tranh đã lan đến tận vùng rừng xa xôi này. Chẳng lẽ trên khắp đất nước không còn nơi nào yên được hay sao?

Việc thứ hai là phải làm một đài quan sát. Tôi chọn cây chò cao mọc trên triền dốc phía sau cây đa, chặt mấy khúc gỗ gác lên nhánh cây cách mặt đất hơn chục mét để làm chỗ đứng. Từ đây, qua ống nhòm có thể nhìn rõ cả khu vực đồi cỏ trong điều kiện thời tiết tốt. Giờ bắt tay vào việc dựng nhà được rồi.

Suốt năm ngày liền, tôi vất vả từ sáng tinh mơ đến lúc trời tối mới lấy đủ số gỗ cần dùng, vì phải chặt rải rác mỗi nơi một cây, tránh sự chú ý của kẻ địch khi quan sát từ máy bay. Chôn xong bốn cái cột, tôi mới nhận ra cần phải có dây buộc. Những thứ dây rừng xung quanh đều không dùng được vì không đủ bền. Tôi đành gác mọi việc lại, đi tìm dây mây.

Từ mờ sáng, tôi đã dậy mang súng xách dao men theo dòng suối trước nhà đi ngược lên.

Càng đi cây cỏ càng rậm rạp. Ven bờ suối đôi chỗ mọc đầy những cây chuối rừng cao ngồng. Thấp thoáng mấy búp hoa chuối đỏ sẫm thòng dài tới gần ngọn cỏ. Thì ra phía trên này dòng suối không cạn như tôi tưởng, có nơi phải sâu ngập đầu là ít. Lúc lúc lại gặp lối thú rừng xuống uống nước, trông xa như lối mòn có người đi.

Qua khỏi rừng chuối, tôi leo lên một sườn dốc và tìm thấy khu rừng có cây mây. Mọc bên dưới những tầng cây cao, cây mây vươn dài quấn quanh những thân cây và len lỏi trong các lùm cây bụi, đôi chỗ chằng chịt thành từng đám rậm rì. Có những cây lâu ngày tự bong vỏ còn trơ sợi thây vàng óng, tôi chỉ cần chặt gốc rồi đứng rút, khi nào tới ngọn mây còn gai mới phải dùng dao róc. Loại mây này thân to cỡ chiếc đũa, có thể để nguyên như vậy mà buộc, không cần chẻ.

Đến chiều thì tôi lấy được số mây ước đủ dùng, nhưng nặng quá nên chỉ mang về một nửa. Sáng hôm sau, tôi quay lại vác chuyến khác. Trên đường trở về, tôi gặp mấy con công đang nhớn nhơ trên vạt cỏ ven suối. Những con công rất đẹp nhưng không thấy chúng xòe đuôi múa, chắc chưa đến mùa gọi tình. Tôi bắn một con về ăn thử vì nghe nói "nem công chả phượng" ngon lắm, ngày xưa chỉ vua mới được ăn. Nhưng tôi đã thất vọng khi ăn món thịt công nướng chấm muối, nó không ngon bằng thịt gà rừng. Có lẽ do thiếu gia vị, hoặc tại tôi "chế biến" không đúng cách, chứ vua mà ăn thế này thì cũng xoàng.

Lao động cật lực trong nửa tháng tôi mới dựng xong nhà. Sàn nhà cao cách mặt đất hai mét, làm bằng những cây gỗ to cỡ bắp chân xếp khít nhau. Mái nhà được lợp bằng tấm vải nhựa loang lổ màu lá cây, lại nằm dưới vòm lá rậm của cây đa cổ thụ nên trực thăng có treo ngay bên trên cũng khó phát hiện ra. Vách nhà ken bằng những cây le mà tôi đã mất ba ngày để chặt và vác từ rừng le về. Việc còn lại là làm một chiếc thang nhỏ dùng lên xuống và một cái bếp. Thang làm không khó. Còn bếp, tôi phải chặt bốn khúc gỗ dài một mét đầu lại thành cái khung hình vuông, đổ đất vào nện chặt để có thể đốt lửa trên đó mà không sợ cháy sàn nhà.

Mọi việc xong xuôi, tôi xoa tay hài lòng đứng ngắm căn nhà do chính tay mình dựng lên và cảm thấy trên đời này chẳng có ngôi nhà nào đẹp hơn nó. Lúc này mới ba giờ rưỡi chiều, cần phải kiếm cái gì ăn mừng nhà mới. Đi săn sợ mất nhiều thời gian, nên

tôi móc ba lô lấy cuộn dây câu ra suối ngồi câu cá, vừa để nghỉ ngơi luôn thể.

Ra tới suối, tôi bỗng nhớ việc về nhà mới người ta thường xem ngày. Hôm nay là ngày mấy nhỉ? Trên đồng hồ, héch ngày chỉ con số hai mươi mốt. Thừ người một lúc, tôi mới tính được là hai mươi mốt tháng sáu chứ không phải tháng năm hay tháng bảy. Lâu nay quên bẵng ngày tháng, có nhìn đồng hồ cũng chỉ xem giờ để biết sớm muộn. Thế là kể từ hôm đi từ Bãi Hà đến nay đã sáu mươi lăm ngày. Tôi chưa biết mình còn phải ở lại đây bao lâu nữa, nhưng ít nhất cũng qua mùa mưa này. Tất cả mọi công việc mà tôi đem hết sức lực và ý chí để làm trong một tháng qua, mới là sự chuẩn bị. Cả ngày về lẩn đường về đều xa lác xa lơ.

Vừa thả câu một lát đã giật được con cá đầu tiên. Tôi mừng rơn khi thấy ở đây cũng có cá lấu, thứ cá mà theo cách nói của anh Hùng là "ăn một miếng nhớ cả đời". Lúc giật được con thứ hai thì tôi không câu nữa, hai con là đủ cho bữa tối. Cá ở đây dễ câu quá, có lẽ từ xưa tới nay chúng chưa bị lừa lần nào.

Tôi bó gối ngồi lặng yên bên suối, tư lự nhìn mặt nước lấp loáng nắng chiều. Phía bờ bên kia, cây rừng mọc thẳng tắp ken dày sừng sững như vách đứng. Cảnh vật đìu hiu làm tôi nhớ lại buổi chiều hôm nào bên dòng suối nơi biên giới, khi đó chúng tôi còn đủ bốn người... Giờ đây cả ba anh đều đã đi về cõi xa xôi, chỉ còn lại mình tôi nơi này... Giữa tiếng chim kêu nước chảy, nghe như có giọng hát buồn buồn từ trong rừng vắng ra: "Chiều nay ra đứng bên bờ suối vắng, lặng nghe con chim nó kêu lạc đàn. Núi rừng đó người đâu không có..." Tôi không khóc mà nước mắt cứ lãn dài trên má...

Chương XII

Lúc còn đi học, tôi chỉ biết tới vàng qua trang sách, nghĩa là cái vòng tròn nửa trắng nửa đen trên tấm bản đồ khoáng sản, hay ký hiệu nguyên tố thứ bảy mươi chín trong hệ thống tuần hoàn hóa học. Sau này vào hoạt động ở thị xã Quảng Trị, hiểu biết về vàng của tôi có nâng cao được chút ít nhưng cũng chỉ dừng ngang chỗ nhìn thấy những nhẫn, vòng, dây chuyền vàng các bà các cô thường đeo, hay cái tiệm kim hoàn nhỏ nằm ở đầu phố mà tôi chẳng có việc gì để bước chân vào. Tất cả kiến thức của tôi về việc tìm kiếm một vỉa quặng là những điều anh Sơn đã nói. Những tưởng còn có đủ thời gian để học ở anh nhiều điều, đâu ngờ chỉ được sống với anh chưa đầy tháng... Cái câu "đãi cát tìm vàng" tôi học lúc trước là câu tục ngữ, nó được giảng theo nghĩa trừu tượng chứ không giải thích một công việc cụ thể.

Chính vì vậy mà giờ đây tôi lúng túng không biết nên làm gì. Theo tài liệu anh Hai Nguyên phổ biến, "vỉa quặng" nằm trong dải rừng phía bắc vùng đồi cỏ. Trên tấm bản đồ anh Sơn mang theo, nó được đánh dấu bằng mũi kim châm. Tìm dấu kim trên bản đồ đã khó, thế mà giờ đây tôi phải tìm trong rừng một vỉa quặng trong lúc chẳng hình dung được hình thù của nó như thế nào.

Tôi để một ngày đi men dải rừng phía bắc vùng đồi. Địa hình ở đây đã nói sơ trong lần trước, tất nhiên lúc này nó vẫn thế: rừng rậm nhiều tầng có đá bazan nằm rải rác, đôi chỗ nền đất pha sỏi vụn như ven các khe cạn hoặc vùng đất giáp đồi cỏ. Những ngày đi đó không phải là vô ích. Nó giúp tôi nhận thức được rằng, đừng bao giờ mong tìm thấy một tảng đá có những mạch vàng sáng lấp lánh như đã xen trong phim. Mà nếu có tảng đá như vậy, nó cũng bị vùi lấp dưới đất hay lẫn trong cây cỏ rậm rạp, có sục hết từng mét đất của vùng rừng này cũng chắc gì phát hiện được.

Cuối ngày hôm đó, sau khi đi thực địa về, tôi quyết định làm theo cách mà anh Sơn đã bảo là "tuy thô sơ nhưng đơn giản nên dễ áp dụng...", tôi sẽ đãi cát tìm vàng theo nghĩa đen. Cách đãi tôi cũng có biết, về lý thuyết thì phải - vừa xoay vừa lắc cho đều như cách sàng gạo. Nhưng đãi bằng cái gì bây giờ?

Tôi lên chỗ máy bay rơi, lấy cái mũ phi công gỡ hết các thứ bên trong và bịt các lỗ thủng rồi xuống suối bỏ đất vào đãi thử. Mới lắc mấy vòng đã thấy không ổn, lòng mũ sâu và hẹp quá. Phải có cái gì rộng hơn và cạn, chỉ hơi trũng thôi. Hèn gì lúc trước anh Sơn mang cái xoong cạn miệng rộng như vậy.

Quay lại chỗ chiếc trực thăng, tôi dùng dao găm hì hục gàn một buổi mới chặt được mảng vỏ máy bay vừa ý. Loại hợp kim này nhẹ và đủ dẻo để tôi gò được một vật tựa tựa cái khiên thời trung cổ người ta hay mang theo lúc ra trận. (Sau này khi nhìn thấy dụng cụ của những người làm nghề đãi vàng thủ công, tôi mới biết lúc đó mình đã làm đúng kiểu).

Thế rồi tôi bắt tay vào việc với tâm trạng hăm hở pha lẫn hồi hộp xen với mềm hy vọng tràn trề. Điểm xuất phát là cái khe cạn nằm chính giữa rìa vùng đồi phía bắc, nơi có đám lau khô tiếp giáp với rừng. Không ảo tưởng vào một kết quả nhanh chóng trong ngày một ngày hai, tôi chia dải rừng ra làm nhiều ô, ghi nhớ những hòn đá hay gốc cây nào đó để làm mốc, dự định tìm kiếm hết nơi này mới chuyển qua nơi khác. Phải đãi có vàng đã rồi mới tính tới chuyện lần tìm vỉa quặng.

Công việc chẳng nhẹ nhàng chút nào. Cả dải rừng này chỉ có con suối chỗ tôi ở và cái khe nhỏ nơi tôi đã mắc võng nghỉ hôm bị sốt. Muốn đãi, phải gùi đất đến chỗ có nước.

Tôi cắt một tấm pôngsô khâu thành mấy cái túi. Mỗi đoạn khe cạn hay chỗ trũng, tôi đào đất ở nhiều điểm bỏ vào những túi khác nhau, và phải đánh dấu để biết túi đất nào lấy ở đâu. Chưa hết, đào xong phải ngay trang kỹ, đất đãi rồi phải khóa cho trôi đi. Nếu kẻ địch tới đây, chúng có thể biết tôi có mặt ở vùng này, nhưng không để chúng phán đoán được ý đồ. Ngay cả trong

trường hợp bị địch bắt, tôi cũng chỉ là một người lính giải phóng lạc trong rừng. Tình huống này đã được dự tính từ trước.

Hàng ngày, với súng đạn, chiếc ba lô rỗng, cái xềng nhỏ cùng cái khiên đeo sau lưng, tôi ra đi từ lúc hừng sáng và chỉ trở về nhà lúc sẩm tối. Đào đất đổ vào túi, bỏ túi vào ba lô mang tới suối đãi, đổ đi rồi quay lại đào tiếp... Công việc nặng nhọc và nhàm chán làm sự háo hức ban đầu dần dần nguội đi. Nhưng tôi không nản. Trong đầu tôi là sự quyết tâm đến li lợm bởi ngoài trách nhiệm cá nhân, tôi còn có nghĩa vụ với người đã khuất. Mà có lẽ còn trên cả nghĩa vụ...

Tôi mới bắt tay vào việc được mười ngày thì phải tạm ngừng vì mùa mưa tới. Trước đó mấy hôm bầu trời kém trong hơn, tầng mây trắng bạc mờ mờ trên cao thay thế dần khoảng trời xanh. Buổi sáng những áng mây xuất hiện ngày càng nhiều, lúc đầu chúng có màu trắng hoặc phớt hồng, sau đổi sang màu xám chì. Còn đến hoàng hôn ráng chiều nhuộm mây ngàn đỏ sậm. Những tiếng sấm ì ùng xa xa nghe như tiếng đại bác báo hiệu đạo quân mưa đang tiến lại gần. Gió thổi từng làn ngắt quãng làm cây lá xôn xao. Rừng đang bồn chồn.

Rồi một hôm, cơn mưa chờ đợi từ lâu đã tới. Suốt buổi sáng trời đứng gió. Cây cối im phăng phắc trong cái nóng ngột ngạt đến khó thở. Không gian nặng nề như đang chịu một áp lực từ vũ trụ ép xuống bề mặt khí quyển. Quá trưa thì mây kéo về làm bầu trời thấp xuống, màu mây đen kịt và nặng trĩu. Gió cuộn lên ào ào, bụi tung mù mịt trên vùng đồi cỏ cây rừng nghiêng ngả vật vã chịu đựng nỗi đau chuyển mùa. Lát sau, những tia chớp bắt đầu kéo loằng ngoằng trong mây kèm theo tiếng sấm nổ choáng tai. Những hạt mưa đầu tiên rơi lộp độp xuống lá cây, xuống lớp đất khô bụi sau nhiều tháng nắng nóng.

Trận mưa dạo đầu chỉ kéo dài hơn một tiếng đồng hồ. Rừng bốc khói như đang ngùn cháy âm ỉ. Hơi nước ngùn ngụt khắp nơi, đến sẩm tối trở thành những đám sương xanh lam quện trong

vòm lá. Ngày hôm ấy tôi ở nhà lấy củi về chắt dưới gầm nhà nên tránh được cơn mưa. Đi rừng gặp trận mưa này, ốm là cái chắc!

Đất rừng khô hạn lâu ngày, hơi nóng bốc lên rất độc. Mấy ngày kể đó mưa đổ xuống từng đợt ngắn, nhưng mây vẫn tiếp tục kéo về ùn ùn trên bầu trời. Ngoài đồi, chuồn chuồn kết thành từng đám dày đặc lượn sát ngọn cỏ. Tranh thủ lúc tạnh, tôi xách súng đi ngược con suối lên mé trên, ý định kiếm ít thịt dự trữ. Tới đoạn suối chảy ngang qua vách đá thì gặp con mang ở bờ bên kia. Tôi bắn, nhưng phát đạn không chính xác nên nó còn chạy được. Tôi lội qua suối lần theo dấu máu, phát hiện nó chui vào một cái hang nhỏ nằm chết trong đó. Cái hang này khuất sau mấy tảng đá và những cây dây leo nên rất kín, nếu không có vết máu thì không thể tìm ra. Chật vật mãi tôi mới kéo được con mang ra vì miệng hang hẹp quá. Nhưng khi nhìn kỹ thới thấy trong hang khá rộng, đủ chỗ cho vài người nấp. Chỉ nhìn qua cho biết chứ chẳng có việc gì phải dùng đến nó.

Tôi vác con mang về xẻ thịt, và nhân lúc nước suối còn trong tôi câu được hơn chục con cá. Số cá, thịt đó tôi nướng và sấy khô rồi đem treo trên đồng lửa để ăn dần. Lương thực dự trữ còn mấy bao gạo sấy, năm phong lương khô và một thùng khẩu phần ăn dã chiến, nhưng số đó phải để dành và nếu để được cho tới lúc quay về là tốt nhất. Còn ở đây chim thú không thiếu, tôi lại sẵn đạn nên chẳng lo đói.

Những cơn mưa nặng hạt ngày càng kéo dài, thời gian tạnh ngắn lại và hiếm hoi dần. Cho đến lúc mưa tầm tã suốt ngày đêm thì hầu như tôi chỉ bó gối ngồi trong nhà, không đi đâu được. Ngoài trời mưa trắng rừng trắng núi, nhìn ra hướng đồi cỏ chỉ thấy mịt mờ màn nước. Nước chảy thành dòng sần tít dọc theo thân cây cổ thụ. Mặt đất trương ra, mềm lún. Muôn dòng chảy len lỏi qua các gốc cây đổ xuống chỗ thấp. Những rãnh nhỏ trở thành khe, khe thành suối và suối thành sông con. Dòng suối trước nhà giờ đây đục ngầu cuộn cuộn như lũ, cuốn băng băng từng đồng rác rêu kết từ cành khô và là mục. Những đám mây mọng nước

suốt ngày sà trên ngọn cây làm bầu trời như sắp sập xuống. Nhà tôi dựng dưới tán lá rậm, chỉ sáng mờ mờ được dăm tiếng đồng hồ vào ban ngày, vì vậy đêm tối càng dài hơn.

Một hôm, tôi đội mưa lên chỗ máy bay kiểm tra lại những thứ trong đó và lấy thêm số đồ cần dùng. Lần này tôi tìm được nắp thùng chứa nhiên liệu nên lấy ra ít dầu để thắp. Số dầu còn lại trong thùng khá nhiều, có thể an tâm về khoản ánh sáng. Ở dưới ghé lái có cái ngăn nhỏ, trong đó có bộ cờ lê đủ cỡ, tôi đem bỏ cả vào ba lô cùng với mấy bộ quần áo lính. Nhưng thứ khác tôi gói kỹ cho khỏi ướt, để lại trong máy bay. Xong việc, tôi khoác ba lô lên vai, ra tìm đoạn cánh quạt gãy vác về nhà.

Khi căng máy tám pôngsô quanh vách để tránh mưa tạt tôi bỗng nhận ra căn nhà tuy tốt nhưng lại giống cái rọ, nó chỉ có một cửa và mấy lỗ thông khói. Nếu có kẻ nào xuất hiện tán công lúc tôi đang ngồi trong nhà, chúng chỉ cần không chế trước cửa là chẳng còn thoát đi lối nào được. "Mình vô ý quá, lẽ ra phải làm thêm cái cửa hậu..." Nhưng khi có động, nếu có nhảy được từ độ cao hai mét xuống đất và kịp chạy hai chục mét tới gốc cây đa hay không? Biết là lo xa, nhưng khi đã nghĩ đến rồi thì tôi cứ thắp thỏm không yên. "Giá mình bay được như chim... À, đúng rồi! Đã có cách!"

Lấy mấy cuộn mây hôm trước chưa dùng hết, tôi đem bện thành sợi dây dài, buộc một đầu lên nhánh cây đa quăng giữa nhà và gốc cây, đầu kia buộc thành cái vòng để có thể luồn chân vào. Phải sửa đi sửa lại mấy lần mới vừa ý. Tôi trở thêm cái cửa nhỏ phía sau nhà và móc sẵn đầu dây ở đó. Trong trường hợp khẩn cấp, chỉ cần lách qua cửa níu dây đu nhẹ là tới chỗ cây đa trong nháy mắt. Ở đó có dấu sẵn số vũ khí dự trữ, và nếu cần tôi sẽ lẩn nhanh vào rừng.

Suốt mấy tháng mưa, lúc nào tạnh tôi lại ra rừng. Bây giờ những nơi trũng đều ngập nước, việc đào đãi tiến hành tại chỗ nên thuận tiện hơn nhiều. Chỉ có điều lợi trong rừng mùa này rất khó chịu vì ướt át suốt ngày. Những vết cào xước trên người trở

nên ngứa ngáy thành ghẻ, đôi chỗ nhiễm trùng mưng mủ sưng tấy lên. Chẳng ai chết vì bệnh ghẻ, nhưng mắc phải nó thì thật khốn đốn. Không có xà phòng, áo quần giặt mấy cũng không sạch, da thịt nhớp nháp làm mụn ghẻ chả mấy chốc đã lan khắp toàn thân. Lại còn nạn vắt nữa? Cái giống đĩa cặn này vào mùa mưa nhiều như trấu. Mặc dù mỗi lần ra rùng tôi đều lấy lá ngải hôi xoa khắp người, nhưng thế nào cũng có dăm bảy con bám vào hút máu đến căng tròn, về đến nhà cởi quần áo ra mới biết.

Nhưng "có khó mới có khôn", tôi đã nghĩ ra giải pháp tối ưu cho vấn đề vệ sinh, một trong những "phát kiến" quan trọng nhất của tôi trong thời gian sống giữa rùng: đó là việc tìm ra cây bồ kết. Đúng ra tôi đã nhìn thấy nó từ trước, nhưng đến lúc này mới nhớ tới. Nó mọc ở mé đồi cỏ, nơi vạt rùng phía cuối trảng cát. Đây là một cây bồ kết cổ thụ to cỡ mấy người ôm, trên cành lủng lẳng những chùm quả tươi có, khô có. Tôi cũng không phải leo lên chẳng lo đám gai sắc nhọn chi chít trên cây: quả bồ kết rụng đầy dưới gốc, chỉ việc chọn những chùm chưa bị mục đem về bẻ ra ngâm để tắm gội hoặc giặt quần áo. Nhờ nó mà tôi triệt được bệnh ghẻ, và tuy ở rùng nhưng áo quần lúc nào cũng sạch bong. Ở quê tôi, các bà các chị lâu lâu mới đi chợ mua vài hào bồ kết về gội đầu. Còn ở đây, cái cây bồ kết này đủ cho cả làng gội quanh năm.

Một buổi trưa, nhân vừa ngớt mưa tôi xách súng vào rùng bắn chim. Ăn mãi thịt thú cũng ngán, còn cá thì nước suối to lại chảy xiết không câu được. Hôm đó tôi đi khá xa mới bắn được một con chim không lớn lắm nhưng cũng đủ ăn bữa tối. Lúc trở về, tôi nhắm hướng đi cắt rùng cho gần hơn. Khi băng qua cánh rùng cách nhà chừng cây số, tôi gặp một cây trầm. Tôi chưa nhìn thấy cây trầm tươi lần nào. Lúc trước anh Hùng có hứa khi nào gặp sẽ chỉ, nhưng không kịp... Nhưng đây là cây trầm đã rụi xuống lâu ngày, phần gỗ đều mục nát và bị đọt mưa vừa rồi xói trôi gần hết, làm lộ ra những khúc trầm đen nhánh đôi chỗ chen thớ gỗ lấm lấm trắng. Nhiều khúc như được một bàn tay tài hoa nào chạm

trở, tạo nên những đường nét hình thù kì dị và rất đẹp. Đoạn gần gốc có những tầng trầm màu nâu đen giống như những tầng nhựa, cầm lên cứ nặng trĩu trên tay. Có lẽ quanh đây có những cây trầm khác còn sống, nhưng tôi không nhận ra. Loài cây này thật kỳ diệu. Nó mọc giữa rừng hoang, hút chất đất và khí trời để tạo nên nhựa sống. Đến khi về già, cây trầm dồn nhựa của mình cô đặc thành tinh chất của hương thơm, và lúc chết nó để lại tất cả cho đời.

Tôi nhặt mấy khúc trầm mang về để mỗi lần đi thăm mộ sẽ đốt thay hương. Về sau, lần nào đi ngang qua gần đó tôi cũng rẽ vào lấy một ít đem chất trong hốc cây đa. Chẳng qua thấy thì ham vậy thôi, chứ chẳng bao giờ tôi nghĩ đến chuyện sau này mang số trầm ấy về.

Mặc dù tôi rất sốt ruột, nhưng việc tìm kiếm vẫn tiến hành chậm chạp. Những đợt mưa thường kéo dài, số ngày trời hửng rất ít. Ngay cả những ngày có chút nắng hiếm hoi thì chừng bốn giờ chiều trong rừng đã tối, ra tới chỗ đái chưa làm được mấy việc lại phải quay về.

Ai đã từng một lần trải qua mùa mưa Trường Sơn hẳn sẽ nhớ mãi những cơn mưa dầm dề lê thê ngày này qua ngày khác. Cũng có lúc mưa nhẹ hạt, những hạt mưa rơi chậm chậm làm ta tưởng trời sắp tạnh, bỗng lại nghe ào ào như ai trút nước xuống mái nhà: những đám mây lại vỡ òa trên bầu trời. Ngồi trong nhà nhìn ra màn mưa trắng mịt mờ mà buồn đến não lòng, nhiều lúc tôi có cảm giác mình như cũng sắp chảy ra thành nước. Rừng sâu vốn đã hoang vắng, trong mưa lại càng âm u lạnh lẽo khiến tôi thấy cô đơn hơn bao giờ hết. Giá lúc này mà có một người bên cạnh, một người thôi, dù già hay trẻ, dù xấu hay đẹp, dù tính nết thế nào cũng được. Cố quên đi sự rầu rĩ trong những ngày mưa ấy, tôi dồn hết tâm trí vào một công việc đã ấp ủ từ lâu: làm tấm bia tưởng niệm đặt trên mộ hai anh.

Tôi đập gãy đầu một chiếc cò lê cỡ mười sáu, mài vào đá để làm chiếc đục. Phải mất gần một tuần, mài vệt nửa hòn đá mới

được chiếc đục vừa ý. Lấy đoạn cánh quạt trực thăng mang về hôm trước, tôi dùng đục trở lên đó dòng chữ "đời đời bất tử". Công việc không đơn giản, vì giữa chiếc đục bằng thép tốt và đoạn cánh quạt hợp kim, không cái nào chịu mềm hơn. Nhưng tôi không ngại. Tôi làm việc này với lòng thương nhớ vô hạn hai người anh, hai người đồng đội, hai con người bình dị và giàu lòng nhân ái đã chết cho tôi được sống...

Ngoài những lúc tạnh mưa ra rừng đào đãi, còn hầu như suốt ngày tôi tập trung vào tấm bia. Cả những đêm không ngủ được, tôi cũng thấp đèn ngòi đục. Công việc thử thách lòng kiên nhẫn, và tôi đã chứng minh được quyết tâm của mình cứng hơn thứ hợp kim sản xuất từ nước Mỹ. Gần cuối tháng chín, khi cây đục qua nhiều lần mài chỉ còn một mẫu ngắn thì tôi làm xong tấm bia. Bên dưới dòng chữ "đời đời bất tử" có khắc tên hai anh cùng quê quán và ngày hy sinh. Tôi định khắc thêm mấy chữ TK1, nhưng sau lại thôi. Chỉ cần suy nghĩ một chút, ai cũng đoán ra hai chữ TK nói gì.

Rồi những cơn mưa thưa dần, những ngày nắng nhiều hơn và ngày cũng dài ra. Đôi lúc tầng không xanh ngắt ló ra giữa những đám mây. Cho đến một hôm, khi nhìn thấy trong rừng có những tán lá ngả màu vàng, tôi hiểu mùa thu đã mang sắc màu của nó đến với vùng rừng núi này. Cứ nhìn nắng thì biết! Nắng thu đậm thắm, óng vàng như màu mật của những con ong làm ra từ phấn hoa mùa xuân và quả ngọt mùa hè. Mùa xuân nắng khác hơn, nắng xuân có màu vàng tươi và tràn trề sức sống. Nắng hè rực rỡ mà chói chang. Còn mùa đông thỉnh thoảng cũng có ngày đẹp, lúc đó trời trong veo và nắng có màu hoa cải cuối vụ.

Vào một ngày thu như thế, tôi về bên mộ đốt trầm dựng bia cho hai anh. Tấm bia cao hơn hai mét, màu kiện loại ánh lên dưới nắng nổi bật trong cảnh hoang dã. Không nét hoa văn, không lời tưởng niệm, những dòng chữ đơn sơ đục bằng tay trên tấm hợp kim đặc biệt chế tạo theo công nghệ hiện đại là sự thách thức với kẻ thù. Tôi muốn cho chúng biết rằng, sự trả thù quyết liệt sẽ đến

với bất cứ kẻ nào tàn bạo và hèn hạ. Tấm bia này cũng là tín hiệu nếu có toán TK nào đến đây.

Khói trầm nghi ngút, hương thơm ngào ngạt theo gió lan khắp đồi cỏ. Trong làn khói thơm như thấy hiện lên những khuôn mặt thân thiết... Tôi tiếc là không thể trở lại bờ vực để đốt mấy khúc trầm tưởng nhớ anh Sơn. Mà giờ này chắc anh ấy đã xuống tới sông Thu Bồn...

Chương XIII

Thế là tôi sống một mình trong rừng được năm tháng. Thực ra, nói sống một mình cũng không hẳn đúng. Năm tháng qua, tôi đã có dịp quen biết với những cư dân khác của rừng. Nếu không kể những con sóc giống nhau như được đúc ra từ một khuôn suốt ngày thoắt ẩn thoắt hiện trên cành cây và những bầy chim chọt bay tới hót ồn ào một lúc rồi bay đi; nếu không tính đến một nhà nai nào đó tảng sáng tinh mơ đi ăn về ghé lại vũng suối trước nhà tôi uống nước, hoặc những con thú tình cờ ngang qua hay các loài côn trùng sâu bọ, thì cư dân chính của khu rừng này không nhiều lắm, nhưng quan hệ với nhau cũng rất phức tạp như vẫn thường diễn ra trong cuộc sống.

Trước hết, phải nói đến gia đình khỉ. Nơi cư ngụ của chúng ngay trên cây đa, nên nhà khỉ là lán giềng gần nhất. Hôm đầu thấy tôi, lũ khỉ leo tít lên cành cao nghiêng đầu ngó xuống. Những ngày bận rộn dựng nhà, tuy không để ý, nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn bắt gặp một cái đầu khỉ nhô ra sau khóm lá, giương cặp mắt tò mò nhìn kẻ lạ mặt mới tới đang làm những việc lạ lùng mà chúng chưa từng thấy bao giờ. Thời gian sau quen dần với sự có mặt của tôi, và có lẽ cảm thấy vị khách không mời mà tới này cũng không có gì nguy hiểm, nên lũ khỉ tỏ ra bạo dạn hơn. Chúng leo xuống nhảy nhót ngay trên cành cây thấp xò trước nhà. Có hôm từ dưới suối lên, tôi còn thấy chúng nô đùa trên vạt đất trống nơi tôi thường đốt lửa nấu nướng vào những ngày nắng.

Đến lúc đó tôi mới biết nhà khỉ có năm con, và dần dần phân biệt được từng con một. Đứng đầu là con khỉ đực đã già dáng bộ chững chạc, (nếu không muốn nói là đạo mạo) và có vẻ chậm chạp so với những con khác. Hai hàng lông mày và chòm lông bên thái dương nó nhạt màu như đã chớm bạc chứ không vàng nâu như mấy con kia. Khỉ già ít chạy nhảy. Có hôm đang chặt

cành khô làm củi, chọt ngược lên, tôi thấy nó ngồi im trên cành cây chăm chú nhìn xuống như cố tìm hiểu xem tôi làm như thế để làm gì.

Sau khi già là cặp vợ chồng khi dáng còn trẻ, cũng nhanh nhẩu nghịch ngợm giống mọi con khi khác. Tôi biết chúng là vợ chồng bởi nhiều lần thấy chúng âu yếm nhau, hoặc ngồi vạch lông bắt rận cho nhau một cách tình tứ. Còn hai khi con thì khỏi phải nói! Chúng chỉ nhỉnh bằng bắp tay tôi, bộ lông còn thưa và nâu nhạt chứ chưa nhuốm vàng như bố mẹ chúng, nhưng đã nghịch như quỷ. Suốt ngày chúng trèo lên tuột xuống, đu từ cành này qua cành khác, lúc lúc lại cầu véo nhau chí chöhe. Ngay cả lúc rảnh rỗi cả nhà ngồi phơi nắng, chúng cũng không mấy khi chịu ngồi yên cho "người lớn" bắt rận. Hầu như chúng không sợ gì bố mẹ. Nhiều khi chúng đuổi nhau leo bừa qua mình mấy con khi lớn, đu cành tuột xuống rồi xô đẩy nhau ngã lăn ra bãi cỏ. Những khi đó, chỉ có tiếng lẹc khệ của khi già mới làm chúng dịu lại.

Quan sát nhà khi lảng giềng, tôi rất ngạc nhiên. Nghe nói loài khi thường sống thành bầy đàn chung chạ, và mỗi lần đẻ, khi mẹ chỉ sinh được một con, vậy mà ở đây, gia đình khi trông có vẻ có "tôn ti trật tự" hẳn hoi. Tôi cũng chẳng thể nào biết được hai nhóc khi có phải là anh em sinh đôi hay không, nhưng trông chúng rất giống nhau. Hay một trong hai con là con nuôi?

Một hôm đi rừng, tôi gặp bên bờ suối buồng chuối rừng đã chín, có quả bị chim mổ ăn gần nửa. Chuối rừng quả nhỏ nhưng ném thử thấy ngọt và thơm, chỉ tội nhiều hạt. Tôi chặt cả buồng bỏ vào ba lô mang về.

Sáng hôm sau, tôi lấy nải chuối trên cùng đã chín rục đem để dưới gốc cây đa, rồi nhìn lên cây làm điệu bộ như mời nhà khi xuống ăn. Chẳng biết chúng có hiểu không, hay nhờ mùi chuối chín mà khi tôi lên nhà ngồi một lúc, thấy lũ khi mò tới. Trái với dự đoán của tôi, không phải hai khi con lanh chân chạy trước mà là khi già với dáng bộ thận trọng đi đến. Nó đặt một chân trước lên nải chuối, mắt nhìn lên nhà tôi, nửa như ngẫm nghĩ, nửa như dò

hỏi. lát sau không thấy tôi tỏ thái độ gì, nó mới bưng nải chuối quay lại gốc cây, lần này thì nhanh nhẩu như... khi.

Từ đó mỗi lần đi rừng gặp quả chín có dấu chim ăn, tôi lại hái mang về cho lũ khỉ. Lâu dần thành lệ, mỗi khi thấy tôi đi đâu về chúng thường nhìn tôi chờ đợi. Những lúc có quà hai khỉ con lại là những kẻ nhanh chân nhất. Bố mẹ chúng cũng tỏ ra không thua kém, chỉ có khỉ già vẫn giữ được vẻ đĩnh đạc hàng ngày. Quan hệ đôi bên dần dần trở nên tin cậy, thân thiết hơn. Tất nhiên nhà khỉ chẳng bao giờ biểu lộ tôi thứ gì, nhưng tôi không so đo. Nhờ lũ khỉ mà tôi biết thêm nhiều loại quả dại ăn được, chúng là chuyên gia trong lĩnh vực này. Chỉ tiếc là tôi không biết được tên từng loại quả vì lũ khỉ không nói.

Những con khỉ đáng yêu đã giúp tôi phần nào vui bớt nỗi buồn khi phải sống đơn độc giữa rừng. Mỗi khi về tới nhà gặp lúc chúng đi kiếm ăn, tôi lại thấy cô quạnh vì thiếu vắng tiếng chí chóc quen thuộc trên cây.

Nhưng mối quan hệ hàng xóm láng giềng dù thân thiết đến đâu cũng không tránh khỏi có lúc va chạm. Một buổi chiều, sau cả ngày tìm kiếm mệt nhoè mà chẳng có kết quả gì, tôi lê bước leo từng bậc cầu thang lên nhà. Khi mở cửa, trước mắt tôi hiện ra cảnh đổ vỡ tan tành. Thực ra trong nhà chẳng có tài sản gì nhiều, nhưng tôi điên tiết lên khi thấy mấy bao gạo sảy tung tóe khắp nơi. Những bao gạo mà tôi đã cố nhịn ăn dành dụm phòng khi mưa gió. Vô số những hạt gạo trắng nõn, khô cong vương vãi đầy trong khe gỗ sàn, lẫn cả vào tro bếp. Tôi tức giận cầm một bao gạo bị xé rách nhảy xuống, chạy tới đứng dưới gốc cây đa nhìn lên, vung tay múa chân chửi mắng om sòm. Tôi không còn biết lúc đó nói những gì, nhưng có lẽ đã sử dụng hầu hết những từ mà người ta thường dùng trong những dịp tương tự. Trên cây lũ khỉ im thin thít, hai khỉ con leo tuốt lên trên cao.

Quát mắng một lúc để nguôi giận, tôi quay lên nhà, âm thầm nhặt từng hạt gạo bỏ lại vào bao. May sao chúng không xé rách bao muối hầm. Thôi thì cũng lỗi tại mình thiếu cẩn thận! Đây có lẽ

là trò nghịch ngợm của hai nhóc khỉ, chúng đã luồn qua lỗ thông gió mà tôi quên cài trước lúc đi. Lâu lắm rồi, hôm nay tôi mới có dịp nói ra thành tiếng...

Sáng hôm sau, tôi mang chõ gạo bần ra suối đãi sạch rồi bỏ vào gô nấu chín. Tôi chỉ ăn mấy miếng, còn lại đem đổ ra tàu lá chuối đặt dưới gốc cây đa. Chiều về thấy lũ khỉ đã chén sạch. Chúng không để bụng chuyện đụng chạm vừa rồi nên chẳng tự ái và cũng không khách sáo.

Một hôm khác, tôi nhóm lửa treo gô lên bếp để nấu nước rồi ra suối câu cá. Mãi chưa câu được con nào, tôi sốt ruột định nhảy ùm xuống tắm, bỗng nghe tiếng lũ khỉ chéo véo. Tôi vội xách súng chạy lên. Tới nơi thấy gô nước đổ tung tóe, mấy khúc củi cháy dở vung vãi quanh bếp bốc khói mù mịt, còn nhà khỉ đang tùm tùm cuống quít bên gốc đa. Thấy tôi đến, hai khỉ bố mẹ và một khỉ con leo vội lên cây, riêng khỉ già vẫn hốt hoảng chạy tới chạy lui bên một con khỉ con khác nằm lăn lộn trên cỏ. Có lẽ chú ta đến bên đồng lửa bắt chước tôi đun bếp nên bị bỏng. Mấy tùm lông trên vai và bụng cháy quăn thoảng mùi khét. Vết bỏng không nặng, chỉ hơi đỏ tấy. Nó đập chân lên mấy thanh củi và bị lửa bén vào, chứ nếu bị dội nước sôi thì chưa biết hậu quả sẽ như thế nào. Ở đâu cũng vậy, trẻ con thường gây ra những chuyện rắc rối làm mất lòng người lớn.

Tôi bế khỉ con lên nhà, mở nắp bi đông mật ong đổ một ít ra chiếc lá khô rồi dùng ngón tay chấm bôi lên những chỗ da bị bỏng. Khỉ con nằm yên trong tay tôi, thỉnh thoảng kêu khẽ mấy tiếng, đôi mắt ngây thơ chớp chớp. Rõ ràng chú ta bị choáng vì sợ hơn là đau do vết bỏng. Tôi đem chú xuống nhà thả bên gốc cây, cả nhà khỉ nhào xuống đến rới rít. Lát sau chúng đã cùng nhau đu chuyền trên cành. Không biết mật ong có chữa được vết bỏng hay không, nhưng ít ra nó cũng là thứ thuốc có tác dụng tốt đối với tâm lý khỉ.

Ngày qua ngày, lũ khỉ càng quyến luyến tôi hơn. Những chiều tôi về muộn, thường thấy chúng quanh quẩn trước nhà chờ đợi.

Có hôm cả nhà kéo nhau theo tôi ra suối. Khi già ngồi nhìn tôi câu cá, còn những con khác leo trèo nhảy nhót trên mấy tảng đá. Sau này mỗi lần ra suối, tôi thường giao cho khi già xách bi đồng nước. Nó tỏ ra vô cùng thích thú vì được tin cậy. Thử hỏi cả cánh rừng này đã có con vật nào được như nó? Bất chước tôi, nó choàng dây bi đồng qua cổ nhưng dây dài quá vướng chân không đi được, nên lại cởi ra vừa nhảy vừa kéo lướt sượt trên cỏ. Những lúc lấy nước vào bi đồng, tôi cố ý làm chậm từng động tác cho khi già thấy. Chỉ sau mấy lần, nó đã biết lấy nước vào bi đồng và vặn nắp thành thạo.

Lúc tôi chặt cành khô làm củi và đem chất dưới gầm sàn, cả nhà khi lại kéo xuống giúp xếp củi. Chúng tíu tít quanh đống củi chọn những thanh nhỏ, vừa đi vừa kéo một cách vụng về. Cuối cùng những con lớn cũng đem vào được vài thanh, chứ hai khi con chỉ làm cho mọi việc rối lên. Chúng lằng xằng bận rộn, vừa lôi thanh này ra, đã lại vứt xuống lấy thanh khác. Có khi cả hai con cùng túm lấy một thanh, giằng co nặng nịch cả lên. Đến lúc chán chúng vứt bừa ra đấy, leo lên cây nhảy nhót vin cành bẻ lá, rồi lại tụt xuống bãi cỏ vạch lá khô tìm trứng kiến để ăn.

Một cư dân khác mà tôi muốn nói tới là con báo hoa. Nó cư ngụ ở cây cổ thụ gần bờ suối, cách chỗ tôi ở khoảng bốn trăm mét. Cái cây này có một nhánh to bị gãy xuống vướng vào cây bên cạnh tạo thành cái cầu gỗ, mưa nắng lâu ngày làm nó tróc vỏ nứt nẻ và bạc trắng. Tôi gặp con báo trong một lần đi ngang qua, lúc nó đang nằm phơi nắng trên nhánh cây gãy. Thấy nó, tôi hơi giật mình đứng lại. Biết loài báo không vô cớ tấn công người, tôi cố gắng không làm những cử động đột ngột. Đó là một con báo cái đang độ sung sức có bộ lông vàng điểm những chấm đen rất đẹp. Đạo trước anh Hùng kể ở Việt Nam chỉ có loài tiểu báo, mà phần nhiều là hắc báo, thường gọi beo đen, chứ giống báo đốm hoa vàng này rất hiếm.

Khi tôi xuất hiện, báo hoa chỉ đưa mắt nhìn thoáng qua rồi lại cúi xuống liếm lông, vẻ lười nhác như một con mèo sau bữa ăn.

Nó không may may đếm xỉa gì đến tôi, có lẽ tự cho mình là dân chính gốc của rừng, chẳng việc gì phải săn đến với kẻ ngụ cư mới tới.

Về sau thỉnh thoảng tôi vẫn gặp nó. Dù có hơi e dè khi phải giáp mặt với "ngươi" láng giềng không mấy cởi mở này, nhưng trong lòng tôi thầm thán phục mỗi khi nhìn con báo bước uyển chuyển trên bãi cỏ với dáng vẻ đầy tự tin. Điều kỳ lạ là lũ khỉ sống cách chỗ báo hoa không xa mà chúng chẳng có vẻ gì lo lắng. Nhiều lần vẫn thấy cả nhà khỉ đu cành đi kiếm ăn về hướng ấy. Phải chăng rừng sâu có luật riêng của nó, thứ luật bất thành văn mà con người chưa thể biết và hiểu hết?

Mấy lần bắn được thú rừng ăn không hết, tôi lại đem đến treo trên gốc cây gần nơi báo hoa ở. Đây là những tặng vật hậu hĩnh vì có lúc tôi cho nó nguyên cả đùi lợn rừng. Tôi chỉ lấy số thịt đủ dùng trong vài ngày do chẳng có cách gì trữ lâu được. Về mặt này, báo hoa là kẻ láng giềng may mắn. Lũ khỉ vốn là hậu duệ chính tông của Tôn Ngộ Không nên chẳng quan tâm gì tới món thịt rừng. Khất khe mà nói, chúng cũng "phạm giới" khi ăn trứng kiến.

Bẵng đi một dạo, phải đến mấy tháng trời tôi không gặp báo hoa. Thời gian này tôi mãi mê với việc tìm kiếm, thường đi sớm về muộn. Đến hôm nhìn thấy bi đông mật ong đã gần cạn, tôi bèn nghĩ việc một ngày đi kiếm mật về trữ để dùng dần.

Sáng đó tôi men con suối ngược lên đầu nguồn, nơi gần đi lấy mây về làm nhà có gặp tổ ong. Lúc ngang qua nơi ở của báo hoa, tôi chợt nghe những tiếng gừ gừ là lạ, bèn nhẹ nhàng rẽ lá bước vào. Cảnh tượng nhìn thấy trước mắt làm tôi hết sức bất ngờ và thú vị: trên đám cỏ gần gốc cây, con báo hoa đang âu yếm thờ với hai con báo con. Thấy tôi, nó chỉ hơi nghiêng đầu nhìn rồi lại tiếp tục liếm đầu liếm cổ cho con. Hai chú báo con mới chỉ nhìn bằng con mèo, bước đi còn chưa vững. Mỗi lần báo con loạng choạng, con báo mẹ lại nhẹ nhàng lấy mõm và chân đỡ cho chúng khỏi ngã. Báo con trông rất dễ thương. Chúng có bộ lông

mềm mại lốm đốm vàng đen giống mẹ, nhưng sắc màu còn mờ nhạt. Đôi mắt chúng gần như trong veo và đầy vẻ ngây thơ. Tuy chưa bước vững nhưng trên hai thân hình nhỏ bé đã thấy nét uyển chuyển duyên dáng của loài báo. Nhìn báo mẹ, tôi không thể ngờ được là con vật hoang dã, biểu tượng uy nghiêm của rừng già lại thể hiện tình mẫu tử đầy trìu mến và cảm động đến như vậy. Ánh mắt, sắc mặt và từng cử động của con báo đều như toát lên lòng yêu thương và sự mãn nguyện pha chút kiêu hãnh đối với hai đứa con thiên thần của nó. Không muốn làm xáo động những giờ phút ấm cúng của mẹ con báo hoa, tôi lặng lẽ rút lui.

Hôm đó, tôi may mắn gặp tổ ong ruồi to tướng nên lấy được đầy hai bi đông mật cùng mấy tầng sáp mà tôi định dùng làm nền thấp. Nói thực, tôi không phải là thợ lấy mật chuyên nghiệp nên chỉ áp dụng phương pháp cổ điển nhất. Nghĩa là, khi gặp tổ ong thì bứt một bó cỏ khô buộc chung với mấy cành tươi, đốt cho khói mù lên xua đàn ong bay đi, rồi dùng dao xẻ vôi mấy tầng sáp đầy mật, túm vào tấm nilon bưng chạy thật xa mới dám ngồi lại vắt mật vào bi đông. Tất nhiên cách làm như vậy nhìn vào không đẹp, cứ như di ăn trộm, còn nếu nặng lời có thể gọi là ăn cướp cũng được. Nhưng tôi chỉ lấy số mật đủ dùng chứ không phá nát cả tổ. Bầy ong lúc quay lại sẽ thấy không bị thiệt hại gì nhiều lắm.

Cách đó mấy ngày, vào một buổi chiều khi trở về nhà sau ngày làm việc, tôi tình cờ bắt được con chồn hương khá to lúc nó chạy ngang qua đường. Vốn có ý định từ mấy hôm nay nên tôi xách con chồn đi thẳng tới chỗ con báo. Tôi đến đúng lúc báo mẹ đang tập cho con nó leo cây. Một con báo con đang bám vào thân cây, cái đầu nhỏ nhắn cứ ngọ nguy, hết ngước lên lại nhìn xuống, ý chừng nó còn sợ không dám leo cao. Nhìn bốn cái chân xinh xắn run run, tôi cũng thấy tội nghiệp, nó đang còn bé quá. Nhưng báo mẹ biết rõ việc mình làm. Nó lấy mõm vừa đỡ vừa ủi cho con leo dần lên, miệng gừ gừ nửa dỗ dành nửa đe nẹt. Thấy đã chiều, tôi đặt con chồn lên nhánh cây gần đó rồi quay về. Lát nữa báo mẹ sẽ nhận được món quà tôi dành cho nó.

Lúc ấy tôi không hề biết rằng chẳng bao giờ mình còn gặp lại báo hoa nữa. Nhưng sự kiện tiếp theo trong mấy ngày sau đó đã chứng tỏ ở góc rừng già êm ả này, cuộc sống vẫn diễn ra hết sức nghiêm ngặt theo đúng những quy luật có tự muôn đời.

Lúc đó là buổi sáng, chừng mười ngày sau hôm mang con chồn tới cho báo mẹ, tôi đang ngồi trên nhà lau súng. Chiều hôm trước tôi gặp mưa ngoài rừng nên cả người và súng đều ướt sũng. Mặc dù hết sức sốt ruột với việc tìm kiếm, nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn tự dành cho mình một ngày thong thả để nghỉ ngơi và tìm thêm thức ăn hoặc làm các việc lặt vặt khác. Sáng hôm đó trời đẹp, cả khu rừng ngập trong ánh nắng vàng óng. Tiếng chim hót xôn xao hòa với tiếng thác nước rào rào ngoài suối. Vạn vật say sưa trong cuộc sống thanh bình.

Đang định lắp lại các bộ phận súng vừa lau xong, tôi chợt nghe có tiếng kêu của lũ khỉ. Hơi ngạc nhiên vì biết hôm nay trời đẹp, cả nhà khỉ kéo nhau đi kiếm ăn từ sáng sớm, nhưng tôi vẫn ngồi lắp cho xong khẩu súng. Lát sau nghe tiếng chúng gần hơn, hình như lũ khỉ vừa chuyển cảnh về phía nhà tôi vừa kêu hoang hốt. Đã quá quen với những âm thanh của gia đình láng giềng vốn lắm lời này, tôi nhận ra lũ khỉ đang giận dữ và hoảng sợ đến tột độ. Nhất định là có chuyện gì khác thường. Bước ra cửa, thấy lũ khỉ đu từ trên cành cây xuống đất chạy về phía tôi, dẫn đầu là khỉ già. Lúc này đã thấy rõ nỗi hoảng sợ của chúng. Cả năm con đều kêu chộn rộn, những tiếng lặc khếch líu lại với nhau đến nỗi nếu có biết tiếng khỉ, chắc tôi cũng chẳng nghe được là chúng nói gì. Nhìn lũ khỉ nhẩy loi choi chạy tới chạy lui dưới chân cầu thang, tôi vừa buồn cười vừa thương hại. Chúng đang tự giận mình vì không biết cách làm cho tôi hiểu điều chúng muốn nói. Con khỉ già ôm đầu bứt lông nhăn nhó. Lát sau, nó cứ chạy về phía tôi vài bước rồi lại quay lưng chạy mấy bước về hướng chúng vừa tới, đầu ngoái nhìn tôi, đôi mắt như van lơn điều gì đó. “Đúng rồi...”, tôi chợt hiểu. Lũ khỉ muốn tôi đi theo chúng. Chắc có việc gì khẩn cấp đây!

Tôi nhào vào nhà xách súng, vớ thắt lưng đạn nhảy xuống cầu thang, vừa chạy vừa cài vào người. Qua khỏi bãi cỏ lữ khí nhanh nhẹn đu lên cây, chuyền ào ào trên cành dẫn tôi chạy về phía đầu con suối. Được một quãng, tôi nhận ra mình đang chạy về hướng gia đình báo hoa. Đầu tôi nhói lên linh cảm chẳng lành. Tới gần gốc cây nơi mẹ con báo hoa ở tôi bước chậm lại, tuột súng cầm tay thận trọng rẽ lá quan sát. Kia rồi! Trên vạt cỏ dưới gốc cây nơi hôm trước gặp mẹ con nhà báo, nay chỉ thấy một con báo con đang bò lui bò tới dáng ngờ ngác và hoảng hốt. Báo mẹ và một con báo con nữa đâu? Chắc có chuyện gì khủng khiếp xảy ra, chứ báo hoa không khi nào bỏ rơi con như thế! Tôi nhẹ nhàng bước thêm mấy bước. Dù sao cũng phải cảnh giác. Nếu con báo mẹ bất ngờ trở về và hiểu lầm thì tôi còn oan hơn cả Thị Kính.

Tôi đá nhìn thấy những dấu vết đáng chú ý: phía bên kia gốc cây có một vạt cỏ nhàu nát. Cả những cành lá của bụi cây gần đó cũng tơi tả. Rõ ràng ở đây vừa có cuộc vật lộn quyết liệt. Tôi tới gần hơn và chợt nhìn thấy một vũng máu đang đen đặc lại. Bên cạnh vũng máu, có vệt lốm kẻo dài trên lớp đất mềm... Thôi chết rồi! Con trăn mốc! Đây chính là những dấu vết của nó. Trăn mốc là cư dân thứ ba của góc rừng này, kẻ lảng giềng mà tôi đang định nói tới.

Nhưng việc gì đã xảy ra với mẹ con báo hoa? Tôi bỗng chú báo con đang hoảng sợ lên, dăm chiêu suy nghĩ. Lữ khí nhấp nhồm trên cành, nãy giờ nín lặng nhìn theo từng động tác của tôi, lúc này cùng ồ lên, tranh nhau lẹ khếch âm ĩ. Con nào cũng làm ra vẻ ta đây biết nhiều chuyện nhất. Có thể lữ khí biết nhiều chuyện thật, nhưng chúng chẳng cung cấp được gì cho tôi cả. Tôi lại đi quanh tiếp tục tìm những dấu vết khác, cố hình dung sự việc vừa xảy ra.

Ngay từ khi mới tới đây sống được vài tháng, tôi đã biết trong góc rừng này còn có một cư dân nữa, đó là con trăn mốc. Nơi ở của nó là cái khe cạn gần chân núi, cách chỗ con báo chừng nửa cây số. Cái khe này hai bên bờ cây thấp mọc um tùm, dưới lòng

khe tối tăm vì ánh mặt trời không rọi tới có những tảng đá và những hang hốc đen ngòm ẩm ướt. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy dấu vết của trần mốc là hôm đi qua đám cỏ gần bên khe cạn, bắt gặp mấy đống lổn nhổn xương của một con thú bốn chân nào đó. Những khúc xương tuy vỡ nát nhưng còn tươi, có khúc còn thấy vết gân bám hồng hồng. Bên cạnh có mấy bãi lứt sứt màu đen bốc mùi tanh lợm. Vạt đất mềm gần bờ khe nhả thín. Tôi đoán nơi đây có một con trần đang sống. Trần rắn trong rừng chẳng thiếu, nhưng con trần này to lắm, và nó sống ở đây đã lâu rồi.

Từ đó, mỗi lần đi qua khu vực này tôi lại hết sức cảnh giác. Cảnh anh Hùng bị trần quấn còn in đậm ấn tượng kinh hoàng trong tâm trí tôi. Tuy vậy, mãi cho đến hôm nay tôi vẫn chưa giáp mặt nó lần nào. Nói chưa giáp mặt là hoàn toàn chính xác, vì có hai lần gặp nó nhưng chỉ kịp thấy khúc đuôi to tương mốc thếch vút nhanh vào đám lá rậm. Đã quá biết sự nham hiểm của loài bò sát gớm ghiếc này, lại thêm hành tung của kẻ lảng giềng đầy mờ ám, nên tôi chẳng có chút cảm tình nào với nó.

Nếu so ra thì trần mốc hoàn toàn không xứng là đối thủ của báo hoa cả về tính cách lẫn khả năng chiến đấu. Nó có thể cuốn nát như rời nuốt trọn con nai nặng hàng tạ, nhưng không thể đọ nổi bộ răng và móng vuốt sắc nhọn được phát huy đến tuyệt đỉnh bởi giác quan nhạy bén, sức dẻo dai bền bỉ và phản xạ cực kỳ lanh lẹ của loài báo. Cùng với tài leo trèo như mèo, chạy nhanh như cọp, dáng vẻ uyển chuyển duyên dáng và bộ lông mượt mà của con báo đã làm cho nó xứng đáng là niềm kiêu hãnh của rừng già.

Trên đường về nhà, tôi ôm con báo nhỏ bé trong tay vừa bước vừa suy nghĩ. Nó không ngọt ngào ngây, miệng kêu những tiếng não nuột. Bày khỉ bỏ cả việc kiếm ăn hàng ngày, đang chuyền cành theo phía sau. Lúc này chúng chẳng thiết gì chuyện ăn uống. Sự việc thương tâm vừa xảy ra khiến những cư dân của khu rừng vốn thanh bình này phải đau lòng và sửng sốt. Những dấu vết để lại trên hiện trường chứng tỏ mẹ con báo hoa bị hại

bởi trần mốc. Chắp nối các tình tiết, tôi hình dung sự việc diễn ra như sau:

Từ lâu, trần mốc đã biết đến sự có mặt của con báo trong cánh rừng này. Đối với nó, con báo mềm mại kia là một miếng mồi ngon nhưng không thể với tới được. Nó tự biết mình không phải là đối thủ của báo hoa, và ở đây đâu thiếu con mồi. Nhưng do bản tính nhỏ nhen của loài bò sát, nó ganh tị với phong thái tự tin và đầy bản lĩnh của con báo. Trong khi luôn tìm cách tránh mặt, trần mốc vẫn rắp tâm rình mò chờ cơ hội. Nó có thuận lợi vì con báo chẳng bao giờ xem nó là con mồi, cũng không nghĩ nó là kẻ thù.

Và rồi trong cuộc sống, có khi sự hèn hạ nhưng nham hiểm lại chiến thắng sức mạnh và lòng kiêu hãnh. Cơ hội mà trần mốc chờ đợi từ lâu đã tới khi nó thấy báo hoa sinh con. Trần mốc rình rập và ra tay, đúng hơn là bung thân ra để cuộn mẹ con nhà báo hoa lúc đang đùa rỡn với nhau. Con báo sau khi sinh nở, rồi trong những ngày chăm con mọn, đã có phần mỏi mệt và thiếu nhạy bén. Hơn nữa, nó quá say mê hai thiên thần của nó nên thiếu cảnh giác. Đúng ra khi phát hiện trần mốc cuộn tới, báo hoa chỉ cần khẽ nhún mình là thoát khỏi vòng nguy hiểm, nhưng nó không nở để lại những đứa con. Khi nó vừa kịp cắp lấy cổ một con báo con thì trần mốc đã siết cả hai mẹ con nó trong những vòng thân tanh tươi. Con báo còn lại văng ra bãi cỏ. Lũ khỉ vừa tới kịp chứng kiến tội ác, bèn hốt hoảng chạy về báo tin cho tôi. Nếu không có chúng, tôi chẳng bao giờ biết được điều gì đã xảy ra với mẹ con báo hoa.

Những điều kể trên chủ yếu dựa vào sự liên kết các tình tiết và có phần suy đoán, nhưng tôi nghĩ nó không xa sự thật bao nhiêu. Điều cần tính tới lúc này là làm sao chăm sóc cho báo con, và sau nữa, phải ổn định lại hòa bình ở góc rừng này. Nếu còn trần mốc thì những cư dân khác, kể cả tôi đều luôn bị nguy hiểm rình rập. Cả ở nơi hoang dã, cuộc sống cũng cần phân biệt thù, bạn rạch ròi. Kẻ thù không thể chung cùng mảnh đất. Hơn nữa, tôi

thực sự phần nộ trốn sự tấn công hèn hạ của trăn mốc. Nếu hai con vật đó độ sức trong một cuộc đối đầu sòng phẳng thì chẳng nói làm gì! Lẽ công bằng phải được áp dụng cho muôn loài.

Về tới nhà, tôi lúng túng với chú báo con trong tay, chưa biết nên làm gì. Báo con đã ăn được gì chưa hay còn bú mẹ? Có lẽ phải làm cho nó một cái chuồng, nhưng trước hết phải cho nó ăn cái đã. Nãy giờ báo con kêu mãi, chắc vì đói.

Tôi lên nhà lấy bi đông mật ong róc một ít ra vỏ hộp thịt. Chẳng có cái thìa nào, tôi lấy chiếc đũa nhúng vào mật cho nó liếm. Nhưng mỗi lần đưa đầu đũa vào miệng là nó cứ nguẩy đầu né tránh, có khi còn đưa chân trước lên ẩ ra và lại không ngớt kêu béo béo nghe náo cả ruột. Cuối cùng, tôi đành đặt nó trước mặt khi già rồi lấy dao đi làm chuồng. Lúc này mấy con khi lớn vẫn loanh quanh trước nhà, còn hai khi con thì đã leo lên cây dừa nghịch. Đúng là trẻ con bao giờ cũng vô tư.

Tôi định làm cho báo con một chiếc cũi bằng những thanh gỗ tròn như kiểu người ta xếp gỗ làm miệng giếng. Xuống dưới gầm sàn, tôi lôi ra được mấy thanh gỗ vừa ý, nhưng thấy chưa đủ nên xách dao vào rừng đốn thêm.

Khi vác bó thân cây về tới nhà, thấy chú báo đang nằm ngoan ngoan trong lòng khi già. Con khi ngồi bệt trên cỏ, một tay ôm báo con, một tay đưa chiếc lá khô có dính mật ong cho nó liếm. Nhìn cái lưỡi nhỏ xíu đỏ hồng mềm mại liếm mật trên lá, tôi thầm phục khi già thông minh. Chắc chắn nó sẽ là trợ thủ đắc lực của tôi trong việc nuôi nấng đứa trẻ mồ côi này. Làm xong chiếc cũi, tôi đặt nó lên đầu sàn nhà, rải vào một ít lá khô rồi bỏ báo con vào đó. Sau khi được khi già cho ăn nó đã dịu lại, không còn kêu luôn miệng như trước. Tôi ra suối lấy nước, lúc quay lại thấy nó đã ngủ thiêm thiếp trên lớp lá khô, xinh xắn như một chú mèo con.

Tối đó tôi thao thức nghĩ cách trừng trị trăn mốc, mãi gần sáng mới chọn được một phương án tạm coi là tối ưu.

Tôi xách súng đi về phía rừng le với ý định bắn cho được một con thú lớn. Mùa này ở đó thường có lợn rừng tìm tới ăn măng.

Sau mấy giờ rình mò, tôi cũng gặp được bầy lợn khoảng bốn, năm con. Tôi chọn bắn con nhỏ nhất, ước độ bốn chục kí. Con thú ngã vật ngay sau tiếng nổ, những con còn lại chạy biến trong rừng le. Tôi xách con lợn lên vai trở về nhà.

Đến chiều tôi đem con lợn ra bờ suối dùng dao xẻ một miếng lẩy thịt ăn, rồi dùng dây buộc phần còn lại treo rút lên cành một cái cây mọc trơ trọi bên bờ suối để phơi nắng.

Ngày hôm sau, tôi ra hốc cây đa lấy khẩu AR15 có kính ngắm mang vào nhà. Mặc dù khẩu súng trông vẫn còn mới nguyên nhờ được lau chùi và bao bọc cẩn thận, tôi vẫn tháo ra lau kỹ từng bộ phận, tỉ mỉ kiểm tra độ nhạy của cò súng, lắp băng đạn vào kéo khóa nòng vài lần cho trơn tru. Khẩu này tôi đã thử, thấy rất chính xác: đặt nấc phát một bắn ba phát, cả ba viên cùng trúng chum vào một điểm. Tôi còn lấy dao găm đem ra suối mài thật sắc, đút vào vỏ cài ở thắt lưng thay chỗ con dao rừng vẫn mang thường ngày. Trước mỗi trận đánh, sự chuẩn bị chu đáo không bao giờ thừa.

Ngày sau nữa, tôi dậy sớm, choàng thắt lưng đạn vào người, cài thêm chiếc xẻng nhỏ rồi xách khẩu AR15 ra bờ suối ở phương đông trời mới rạng, mặt trời chưa lên khỏi ngọn cây của cánh rừng phía bên kia đồi cỏ. Trên dòng suối vẫn còn một dải sương trắng mờ như khói. Tôi đến bên gốc cây cắt dây hạ xác con lợn rừng xuống. Qua gần hai ngày phơi nắng nó đã hơi sinh lên và có mùi. Vác con lợn lên vai, tôi đi về hướng cái khe cạn chỗ trăn mốc trú ngụ. Quãng đường chỉ hơn cây số đường chim bay, nhưng nửa giờ sau tôi mới tới vì phải luồn rừng với con mồi trên vai.

Sau khi quan sát cẩn thận, tôi bước đến bên gốc cây thọc giữa đám cỏ, gác con lợn lên nhánh cây cao ngang ngực, dùng dây buộc chặt nó vào đó. Việc còn lại bây giờ là nhanh chóng chọn chỗ mai phục và kiên trì chờ đợi. Tôi khoác súng leo lên một cây có tán lá thưa mọc tách biệt với dải rừng xung quanh. Có khoảng trống sẽ an toàn hơn. Tôi không muốn mình trở thành con mồi

của trăn mốc trong khi ngồi rình nó. Nghe nói loài trăn gió không chỉ kiếm ăn trên mặt đất mà còn leo cây bắt mồi rất nhẹn.

Điểm tôi chọn ở cuối hướng gió, là nơi mai phục khá lý tưởng. Từ đây tới chỗ con mồi, và đoạn bờ khe có vết trăn bò là ba điểm tạo thành một tam giác cạnh khoảng sáu chục mét. Tôi ngồi trên nhánh cây to mọc ngang, dựa lưng vào thân cây, co chân trái lên nhánh cây để lấy điểm tựa và giương súng ngắm thử. Tốt rồi! Mọi việc đều ổn!

Chăm chú quan sát đoạn khe cạn, tôi thấy khó có thể nhìn được gì dưới lòng khe tối om ấy. Hy vọng tính toán của tôi đúng, tức là: con trăn đã muốn ăn lại nó phát hiện ra con mồi và lê mặt khỏi chỗ nấp. Khi đó việc quyết định là găm chính xác một viên đạn vào đầu nó. Tôi đã làm tất cả những gì có thể, còn kết quả bây giờ phụ thuộc vào việc đối thủ có chịu xuất đầu lộ diện hay không.

Hơn một giờ trôi qua. Cái khe trước mặt vẫn im lìm lặng lẽ. Tôi bắt đầu thấy tê mỏi vì ngồi bất động. Bao giờ cũng vậy, sự chờ đợi càng kéo dài càng căng thẳng. Kinh nghiệm cho biết, nếu không tự chủ tốt thì lát nữa tôi sẽ rơi vào trạng thái lơ mơ bất động như bị thôi miên bởi những âm thanh đơn điệu đều đều của rừng vắng. Tôi buông lỏng các cơ bắp và thỉnh thoảng nhìn ra những điểm xa gần khác nhau cho mắt khỏi bị mỏi.

Gần trưa, tôi đã thấy sốt ruột. Và chẳng hiểu từ đâu, một nỗi lo lắng mơ hồ len vào suy nghĩ làm tôi cảm thấy hoang mang. Không biết mình có phạm phải sai lầm nào không? Có phải con mồi lộ liễu làm trăn mốc cảnh giác? Hay lúc này nó không có ở dưới khe? Nghe nói con trăn ăn một bữa nhịn được cả tháng? Hay cũng như loài rắn, nó không phát hiện ra nếu con mồi bất động hoặc không có thân nhiệt? Nếu đúng vậy thì chỉ còn trông trăn mốc "trình độ" hơn đồng loại... Tôi chẳng mấy hiểu biết về loài trăn, cũng chưa nghe ai kể chuyện săn trăn ngoài chuyện Thạch Sanh chém trăn tinh trong cổ tích. Nhưng con nào chưa biết, chứ trăn mốc tham ăn là cái chắc. Mà báo hoa thuộc giống

tiểu báo không to con cho lắm, đối với trăn mốc chỉ lưng lửng dạ..." Ngay từ đầu mình đã tính tới việc thất bại, nhưng cả trong trường hợp đó cũng không được nản. Tất cả đang còn ở phía trước. Mình sẽ kiên trì ngồi đây suốt ngày hôm nay và nếu cần, cả những ngày tiếp theo. Không thể chịu thua nó! Không trừ nó trước, sẽ có lúc mình trở thành con mồi của nó trong một lần lượn rừng nào đó..."

Nhìn đám lá um tùm trên khe cạn, tôi nhận ra từ sáng tới giờ chưa có con chim nào đậu lên đó, mặc dù các nơi khác trong rừng đều nghe tiếng chim hót. Cái khe lạnh lẽo đang toát ra tử khí. Chắc chắn trăn mốc có ở dưới đó, và nó sẽ mò ra.

Lúc này nắng đã gay gắt. Những tia nắng xuyên qua tán lá thưa chiếu tới bên vai làm lớp vải áo nóng lên, mồ hôi bắt đầu đổ giọt trên mặt. Có tiếng động khẽ trong tán lá trên đầu làm tôi giật mình nhìn lên. Thì ra một chú sóc bay từ cành cây gần đó liệng tới. Cánh rừng này có rất nhiều sóc bay. Những con sóc bé nhỏ có màng mỏng nối bốn chân với thân nên chúng có thể liệng từ cây này qua cây khác như chim. Sóc bay rất hiền lành, suốt ngày lúc nào cũng tỏ ra tất bật bận rộn. Tôi thấy vui vui. Ít ra lúc này mình cũng có con sóc làm bạn, chứ không như đối thủ, ngay cả một con chim cũng không dám đến gần...

Mặt trời gần tới đỉnh đầu. Đang định đổi lại tư thế ngồi cho đỡ mỏi, chợt cảm thấy trong lòng khe có sự chuyển động mơ hồ nào đó nên tôi căng mắt nhìn. Một phút... hai phút... rồi ba phút. Vẫn chưa thấy gì? Nhưng tôi tin ở cảm nhận của mình. Kia rồi! Có vài chiếc lá khẽ rung. Không phải gió. Những chiếc lá này ở sát mặt đất. Và trong đám lá đó, một cái đầu trăn hiện ra, rất nhẹ, rất êm! Cứ như nó đã có sẵn ở đó từ trước. Con trăn đang nghe ngóng động tĩnh.

Thêm mấy phút nữa. Tôi ngồi im như dán vào thân cây tay nắm hờ khẩu súng gác trên đùi, cố điều hòa hơi thở để làm dịu sự hồi hộp. Chắc không thấy gì đáng ngờ nên con trăn trườn thêm một quãng, ra khỏi đám lá được hơn mét. Cái đầu tam giác bè bè

bắt đầu ngồng lên, nhìn rõ cặp mắt tròn giống hai hòn bi ve. Nó ngoác miệng, cái lưỡi góm ghiếc thò ra thụt vào như đánh hơi. Và có lẽ đã nhìn thấy con mồi, nó trườn nhanh về hướng đó, toàn thân nó lên hết bờ khe hiện rõ trước mắt tôi. Lớp da có những hình lục giác tứ giác màu đen màu xám loang lổ cuộn cuộn như dòng chảy trên đám cỏ, vài chiếc vảy chốc lại lóe ánh mặt trời. Tôi hít một hơi dài, từ từ nâng súng lên.

Khi cái đầu con trăn hiện rõ trong kính ngắm thì nó chợt dừng lại. Tôi ngừng thở. "Không lẽ nó phát hiện ra những cử động của mình..." Trăn mốc còn cách con mồi chưa tới bảy mét, đầu ngóc cao dần. Trong kính ngắm, tôi nhìn rõ cặp mắt nó như lồi ra. Nó đang thôi miên con mồi hay bị miếng mồi ngon thôi miên? Phần thân trăn nằm trên mặt đất co lại: chiếc lò xo đang nén. Đã đến lúc? Tôi nhanh chóng đưa một "hòn bi ve" vào tâm chữ thập của thước ngắm và bóp cò. Phát súng nổ đanh gọn. Cái đầu con trăn đang ngóc cao bỗng gập xuống như bị ai phang một cú trời giáng. Cùng lúc, tấm thân dài thượt của nó bung ra như văng khỏi mặt đất. Tôi hạ súng, sửng sờ nhìn con trăn lỏng lộn giãy chết. Cảnh tượng trông thật khủng khiếp! Cả thân hình nó lồm chồm vẩy, lúc cuộn lại thành một núi thịt khổng lồ, lúc bung ra quần quai. Khúc đuôi nặng nề vật vã quật liên hồi làm cả vạt cỏ rộng nát như. Từng đoạn thân nó uốn éo cong vồng, lôi theo cái đầu bết máu lê trên đất. Phải hơn mười phút sau con trăn mới thôi vùng vẫy. Nó nằm đừ trên đám cỏ nhàu nát, những thớ thịt trên mình vẫn còn giật giật.

Đến lúc này người tôi mới hết co cứng, các cơ bắp chùng lại. Tôi nhắm mắt ngả đầu tựa vào thân cây, buông thòng chân xông đất. Cảm giác mệt mỏi dễ chịu lan khắp toàn thân...

Một tiếng chim đột ngột hót vang trong vòm lá trên đầu làm tôi choàng tỉnh. Tôi ngồi lơ mơ chưa lâu, nhưng những phút thư giãn đó đã giúp đầu óc tỉnh táo hẳn. Tôi đóng khóa an toàn, khoác chéo súng sau lưng ôm thân cây tuột xuống, cựa nhắc mắt một lúc vì chân trái tê cứng. Khát khô cả họng. Ban sáng tôi cố ý không

mang theo bi đông nước, sợ khi ngồi phục không nhìn được lấy ra uống sẽ gây cử động dễ lộ.

Bóng cây đã tròn lại. Sau những phút vắng lặng, giờ đây cả khu rừng lại râm ran tiếng chim, những âm thanh líu lo vang mãi lên tầng trời xanh thẳm.

Tôi đến bên xác con trăn. Lúc này mới thấy trăn mọc to kinh khủng. Toàn thân nó phải dài hơn chục mét, vòng bụng to như cột nhà. Con này có gọi là "trăn tinh" cũng không ngoa? Viên đạn găm trúng con mắt bên phải xuyên ra sau làm toác một lỗ còn rỉ máu trên đầu nó.

Nhìn cái xác khổng lồ của trăn mọc, tôi thở dài. Phải chôn thôi! Nếu không cả góc rừng này sẽ thối hoắc hàng tháng trời. Tôi rút xẻng đưa mắt nhìn quanh chọn chỗ đất liềm để đào hố.

Mất hơn một tiếng đồng hồ mới đào xong cái hố đủ chôn xác con trăn. Mồ hôi tuôn ướt đầm cả áo nên tôi càng khát tợn, nhưng không thể bỏ đi tìm nước. Sáng đi vội chưa kịp cho báo con ăn, giờ chắc nó đang gào khản cổ ở trong cũi. Tôi cắt một đoạn dây rừng buộc thành thòng lọng lùa vào cổ con trăn thít lại, gắng sức kéo xác nó tới bên miệng hố. Nặng quá, chẳng nhúc nhích được mấy! Tôi phải chặt một nhánh cây làm nạng, hì hục đẩy từng khúc cho nó khoanh gọn trong hố, lùa đất đầy rồi dùng chân giậm kỹ. Chẳng bao lâu nữa cỏ sẽ mọc lên.

Tôi quay trở về rất nhanh, ra thẳng suối uống nước rồi vội vã lên nhà. Điều nhìn thấy trước mắt làm tôi nhẹ người. Bầy khỉ đang chơi đùa với báo con dưới chân cầu thang. Nhìn chú báo, không ai nghĩ nó bị bỏ một mình suốt mấy ngày nay. Báo con đang dùng chân trước vờn một trái cây chín đỏ mà lũ khỉ hái về cho nó. Hai khỉ con nhảy nhót xung quanh, mở to đôi mắt tò mò nhìn những động tác vụng về của người bạn bé nhỏ nhưng đã có dáng dấp đặc hơn hẳn chúng. Tôi nhắm tính, thấy báo con ít ra cũng vài tháng tuổi. Ở quê tôi, chó con một tháng người ta đã đem về nuôi.

Hơi ngạc nhiên khi mấy con khỉ lớn nhìn tôi vẻ khép nép và sợ sệt, nhưng vì vội nên tôi không chú ý lắm. Bước lên cầu thang, thấy những khúc gỗ chặn trên cũi bị kéo lệch sang một bên. Chắc khỉ già nghe báo con gào nên dỡ ra để bế nó xuống. Tôi lấy bi đông mật ong róc một ít ra vỏ hộp thịt, đem tới bỏ trước mặt khỉ già rồi xuống suối tắm. Nó đã biết cách cho báo con ăn như thế nào. Cởi quần áo chìm xuống nước, tôi bỗng hiểu ra là mùi của con lợn rừng và con trăn còn vương trên người tôi làm cho lũ khỉ sợ hãi. Tôi lội xuống đứng dưới thác. Nước chảy ào ào trên người, mát lạnh đến rùng mình.

Lúc từ dưới suối lên thì trời đã gần tối. Dưới phân cầu thang chỉ còn mình khỉ già với báo con. Chỗ mật trong vỏ hộp hết nhãn, rõ ràng có sự tham gia của hai nhóc khỉ. Tôi ẵm con báo lên và xoa đầu khỉ già. Lần này nó không né tránh nữa.

Bữa tối, tôi tự thưởng cho mình bằng cách mở hẳn một hộp thịt nấu cháo với gạo sấu. Số gạo còn lại trong bao sáng mai sẽ nấu cơm đãi lũ khỉ. Món cháo thịt hộp ngon vô cùng! Đã lâu rồi nay tôi mới ăn lại những thức ăn có gia vị đậm đà mà con người thường dùng. Tôi cũng dành cho con báo ít cháo. Nó ăn nhưng có vẻ không được ngon miệng cho lắm. Tôi đến ôm con báo vào ngủ trong nhà. Nó cứ rúc vào người tôi tìm hơi ấm, bộ lông mềm mại như một cuộn bông.

Tôi chỉ bận rộn với báo con trong khoảng một tuần, còn sau đó mọi việc trở nên dễ dàng hơn khi nó ăn được những miếng thịt tươi xé nhỏ. Rồi đến hôm thấy nó leo được lên cái cây trước nhà và nằm gọn ghẽ trên nhánh cây thì tôi hoàn toàn yên tâm. Báo con biết leo trèo sớm như vậy, có lẽ phần do bản năng, phần nhờ những bài tập vỡ lòng của mẹ. Con báo hoa đã không chần chừ khi dạy những điều cần thiết cho lũ con non nớt. Nó biết ở nơi hoang dã, mọi việc đều có thể xảy ra.

Chương XIV

Mùa thu năm ấy đã trôi qua như thế. Ngoài vụ trăn mốc ra, mọi việc đều bình thường. Tôi vẫn miệt mài đào bới sàng đãi hết ngày này qua ngày khác. Tôi còn làm thêm chiếc đục và gập tảng đá nào cũng đục thử một miếng. Chẳng qua là để ngắm nghía rồi vứt đi chứ đâu nhìn thấy chút vàng nào.

Mùa đông ở đây thật lạ! Những ngày nắng thì ban ngày mặt trời đỏ lửa và đêm đến lạnh buốt da thịt, còn lúc mưa lại mưa tầm tã, chẳng có chút mưa phùn nào. Đôi khi tôi chợt nhớ còn cào làn gió heo may se lạnh thổi lẫn lẫn mặt nước ao bèo, hay một buổi sáng mai thức dậy thấy gió mùa đông bắc về đêm qua rung lá vàng rơi đầy ngõ, mưa phùn lấm tẩm nền trời. Mỗi khi tiết trời thay đổi, lòng người thường chạnh nhớ tới bao điều...

Ngày tháng cứ nối nhau trôi đi. Tôi biết mùa xuân tới khi nhìn thấy cây rừng trở lộc mơn mớn. Mấy loài cây rụng lá trụi trụi trong suốt mùa đông giờ đang nhú những búp chồi non tơ. Cỏ mọc xanh rì ngoài đồi. Buổi sớm, khi mặt trời vừa lên và sương còn chưa tan, đã thấy từng đàn thú ra đồi gặm cỏ Hoa dại thi nhau nở rộ làm ong bướm dập dìu suốt ngày. Mùa xuân đem sức sống mới cho muôn loài trong rừng. Chẳng biết ngày tết trôi qua khi nào nữa! Mà tôi cũng cố tình không nghĩ tới. Càng nghĩ càng nhớ nhà, nhớ quê, nhớ đồng đội, nỗi nhớ nhiều lúc da diết đến rụng rụng nước mắt. Những ngày cô đơn lủi thủi trong rừng càng làm tôi thêm được nghe một tiếng nói, một giọng cười. Rừng dù đẹp đến đâu cũng không làm nguôi được nỗi khao khát tình người.

Bây giờ ngày nào cũng kéo nhau đi từ sáng sớm. Chúng vừa đi kiếm ăn vừa rong chơi cho thỏa những ngày mưa rét phải nằm chúi đầu trong hốc cây. Báo con lớn nhanh như thổi. Bộ lông nó mượt mà hẵn lên, những chấm đen đều đặn nổi bật trên nền vàng tươi óng ả. Đến giữa rùa xuân thì nó biết tự kiếm ăn. Lần đầu tiên tôi thấy nó tha về một con chim lớn đã ăn hết một nửa, nửa còn

lại nó để ở đầu sào, chắc có ý dành cho tôi. Tôi đem con chim đó ra treo trên cây, đến chiều lại ném cho nó ăn. Thấy báo con tự lập được là mừng rồi, chứ tôi nào trông nó trả ơn.

Tôi vẫn để con báo ngủ ở ngoài hiên, nơi lúc trước đặt cái cũi. Nhưng vào mùa này, nó thường leo lên nằm trên nhánh cây trước nhà. Con báo không chịu được mùi khói, tuy rằng nó rất mê món cá nướng. Nhiều hôm nó mò ra suối bắt cá nhưng chỉ đứng trên bờ hoặc lội xuống quăng nước nông dùng chân trước chụp những con cá ngậy ngô bơi lên chỗ cạn. Loài báo vốn không thích nước. Máy lần tôi phải ôm báo con vớt xuống suối và tắm cho nó. Về sau nó cũng quen dần.

Báo con ngày càng mến tôi hơn, tuy nó không biết cách vẫy đuôi cuồng quít hay vỗ vập mừng rỡ như loài chó nuôi trong nhà. Cũng như những người ít nói thường thiên về đời sống nội tâm, tình cảm ít bộc lộ ra bên ngoài. Những lúc báo con tới dụi đầu vào người tôi, trong mắt nó thể hiện sự triu mến chân thành và hình như có cả lòng biết ơn. Đôi tròng mắt nó có màu vàng chanh, đốm con người đen tròn nhỏ xíu. Dù sao nó cũng có vẻ chín chắn già dặn hơn lũ khỉ. Không biết đó có phải là đặc tính của loài báo, hay đáng vẻ thường thấy ở những đứa trẻ sớm mồ côi?

Dạo này báo con thường theo tôi đi rừng. Trong lúc tôi cặm cụi đào đãi thì nó quanh quẩn săn mồi gần đó. Một hôm, khi đi ngang qua dải rừng non trước nhà, nó chột nhảy ra trước tôi gầm gừ. Tôi nhìn lên và thấy một con rắn đang vắt vẻo trên nhánh cây đổ xuống chắn lối đi. Từ đó tôi biết mình đã có một vệ sĩ đáng tin cậy. Tôi đặt tên cho nó là Aga. Không Phải vì sính chữ Tây chữ Tàu gì đâu, chẳng qua tôi thấy vần A khi gọi trong rừng vang rất xa. Ai chưa tin, xin cứ vào giữa rừng sâu mà gọi thử: A... a... a... ga... a... a... a...

Thấm thoát đã tới mùa hè. Đây đó thấp thoáng những trái cây chín ửng. Không khí thoảng thơm mùi mật ngọt. Ở lâu trong rừng, chỉ cần ngửi hương rừng, nghe chim hót là biết mùa hè tới. Đừng có tin lũ ve, chúng kêu ra rả ngay từ những ngày nắng nóng giữa

mùa xuân. Tôi bỗng thấy nôn nao khi nghe tiếng chim cu quen thuộc. Tiếng chim gù đánh thức bao nỗi nhớ. Rồi còn tiếng gà rừng gáy te te mỗi buổi trưa...

Đến ngày giỗ anh Sơn, tôi ngậm ngùi đốt mấy khúc trầm tưởng nhớ tới anh. Dù không mê tín, nhưng tôi cũng khẩn thắm mong anh phù hộ cho tôi tìm ra vỉa quặng. Giá như anh còn sống, công việc dễ dàng hơn biết bao!

Rồi tới ngày anh Đăng và anh Hùng ra đi, tôi lại về ngôi bên mộ. Mới đó mà đã một năm tròn. Những ngày đơn độc trùng rùng thật dài, nhưng khi nghĩ tới chuyện cũ thì tưởng như nó vừa qua. Tôi nhớ lại lúc anh Hùng ngã gục trên người anh Đăng và nước mắt lại trào ra, trong tai như còn nghe tiếng đạn nổ, tiếng máy bay gầm rú... Cỏ đã mọc xanh trên những hố đạn nhưng nỗi đau vẫn chưa hề nguôi ngoai...

Thỉnh thoảng đi ngang qua chiếc trục thẳng, tôi cũng ghé vào đốt mấy miếng trầm bên mộ viên phi công và hai người lính ngự. Với tôi giờ đây họ không còn là kẻ thù. Chẳng phải tôi đã thay đổi cách nhìn nhận, đơn giản lúc này họ chỉ là những khúc xương khô dưới mộ. Tội nghiệp cho họ, những kẻ đã uổng phí cuộc sống của mình để giờ đây nắm xương tàn không ai biết đến... Mà cũng lạ! Từ đó đến nay chẳng có chiếc trục thẳng nào tới đây. Lâu lâu mới nghe tiếng máy bay ù ù tít trên cao, đôi lúc chúng để lại một vệt khói thẳng băng, lát sau gió thổi hóa thành mây.

Ngày ngày tôi vẫn mỗi mắt ngóng về phía ngôi mộ, về cây thủy tùng, trông chờ một toán TK tiếp theo. Đôi lần nhìn thấy vài bóng đen di động xa xa, đưa ống nhòm lên lại chỉ có mấy con thú.

Tôi sẽ không nói nhiều về mùa hè năm ấy. Có gì đâu mà nói! Chẳng lẽ cứ tả mãi những cảnh vật đã có lần nói tới hay kể lể nhưng công việc lặp đi lặp lại hàng ngày: đào, đãi, đổ đi rồi lại đào đãi... Nhưng đến đầu tháng sáu thì tôi đào bới hết mọi suối, khe, chỗ trũng của cánh rừng phía bắc vùng đồi cỏ, vào tới chân dãy núi thấp. Nhiều lần tưởng đã nhìn thấy một vảy vàng lấp lánh trong đám cặn dưới cùng của mẻ đất, nhưng không phải. Đó chỉ

là hạt cát bình thường lóe nắng. Đôi lúc tôi tàn ngần hàng giờ với một khúc suối đầy đá cuội, nhặt lên ngắm nghía hết hòn này đến hòn khác, mài mài gõ gõ, rồi vứt đi, lại nhặt... Hòn nào trông cũng na ná cục vàng trong tượng tượng, bỏ qua sợ sót. Nếu có ai thấy tôi nhưng lúc này, hẳn sẽ nghĩ đây là một kẻ điên từ xã hội loài người lạc lối tới đây. Ngay cả chỗ ở lúc trước của trần mốc tôi cũng không bỏ qua. Cái khe cạn âm u đến rùng rợn. Tôi phải ném xuống mấy quả lựu đạn mới dám đào đãi, nhưng vẫn chẳng thấy gì.

Tôi như con dã tràng núi ngày ngày làm mãi một công việc vô vọng. “Dã tràng xe cát biển đông, nhọc lòng mà chẳng nên công cán gì...” Câu hát ru quen thuộc của thời thơ bé, giờ đây cứ văng vẳng trong đầu như một lời than thở.

Lại một mùa mưa nữa sắp tới. Nhưng đám mây mọng nước đã ngập ghé trên cao và tiếng sấm ì ùng văng tới từ xa. Tôi phải ngừng việc mấy ngày để đi lấy củi dự trữ và bán một con lợn rừng về xẻ thịt nướng sấy khô. Lương khô gạo sấy đã hết, chỉ còn một ít túi khẩu phần ăn. Muối cũng không còn nhiều nên bây giờ phải dùng hết sức tiết kiệm. Tôi cũng phơi được ít măng le. Còn mộc nhĩ thì khá nhiều, tôi xâu lại treo trên bếp. Những thức đó có thể để lâu được.

Mùa mưa thứ hai trong rừng trôi một cách chậm chạp và buồn bã. Ngoài cái buồn của những ngày mưa trắng trời trắng đất mà phải thui thủi một mình nơi rừng sâu, còn có sự thất vọng ngập ghé trong tiềm thức. Tuy vậy lúc nào tạnh tôi lại vào rừng. (Ấy là nói vắn vể thế thôi, chứ tôi đã ở giữa rừng rồi, còn vào, ra gì nữa!). Với niềm hy vọng ngày càng mong manh, tôi tiếp tục đào đãi những nơi nghi bỏ sót, chỉ thỉnh thoảng mới nghỉ một buổi để kiếm thức ăn. Lũ khỉ mùa này cũng đói. Nhiều lúc tôi phải chia cho chúng các thứ kiếm được trong rừng.

Những đêm không ngủ, nằm nghe tiếng mưa rơi triền miên ngoài rừng mà buồn đến nẫu ruột. Những lúc đó tôi nghĩ vẫn vợ

đủ thứ chuyện, nhưng cuối cùng mọi ý nghĩ lại quay về với câu hỏi: "Phải chăng đã đến lúc trở về?"

Mới ba giờ chiều mà trời u ám như sắp tối. Những đám mây là lượm qua ngọn thủy tùng. Từ bìa rừng, sương đang lan dần ra đồi cỏ. Tính theo ngày tháng thì bây giờ là mùa thu, nhưng cảnh vật ở đây ảm đạm như đang giữa đông.

Tôi ngồi dưới một gốc cây cổ thụ cụt ngọn mọc trên đỉnh dốc, buồn rầu nhìn về hướng đồi cỏ. Từ đây tới rìa đồi, chỗ cái khe cạn mà hơn năm trước tôi khởi sự việc đào đãi, chỉ cách vài trăm mét.

Từ sáng tới giờ tôi lang thang trong rừng, chốc chốc lại đào bới chỗ này chỗ khác đem đất đi đãi. Thực ra tôi làm mọi việc như một thói quen, như quán tính, chứ trong lòng không còn hy vọng gì nữa. Tôi cay đắng nghĩ tới sự bất lực của mình. Cũng tại tôi quá ngu dốt, không biết cách tình kiếm. Nhưng tôi nào có được học hành gì về việc này? Có ai chỉ bảo cho tôi đâu? Nếu là anh Sơn, anh sẽ làm gì nhỉ?

Thôi! Giờ phải tìm cách quay về. Tôi đã làm hết khả năng của mình. Dầu sao, việc tìm tới được đây cũng là tốt rồi. Anh Hai Nguyên chẳng đã nói "Sự trở về của các đồng chí là một thắng lợi đó sao? Phải về báo cáo với anh, và còn kể cho mọi người biết ba thành viên của TK1 đã hy sinh như thế nào. Mà chắc gì có mỏ vàng? Cái thứ máy móc bay trên độ cao mấy chục ngàn mét, cho dù nó hiện đại đến đâu hẳn cũng có lúc sai sót, nhầm lẫn gì đó..."

Sự thất vọng làm tôi chán nản đến cực độ. Đúng là tôi đã làm hết sức, nhưng trong thâm tâm vẫn thấy mình có lỗi với các anh, những người đồng đội đã chết cho tôi được sống, những người mà trước lúc hy sinh đã gửi lại nơi tôi biết bao hy vọng... Chẳng lẽ bây giờ tay không trở về? Nhưng biết làm gì hơn? Sau này, chắc tổ chức còn cử người tới đây nữa, những người có kinh nghiệm và thạo việc, chứ tôi đành bó tay...

Tôi nhắm nghiền hai mắt lại cho nước mắt khỏi trào ra. Một con sóc chạy vụt qua chỗ tôi ngồi, lao tới bụi cây trước mặt. Nó

leo lên mảnh vỏ cây quấn queo rồi dừng lại, quay mình đứng trên hai chân sau giương đôi mắt tròn xoe nhìn tôi. Nó rung rung mấy sợi ria mép như ngạc nhiên, như muốn hỏi rằng vì có gì mà một kẻ như tôi lại ngồi rầu rĩ ở đây? Tôi bứt cọng cỏ đưa lên miệng nhấm, lơ đãng nhìn con sóc rồi quay mặt đi nơi khác. Lúc này nó có hỏi bằng tiếng người tôi cũng chẳng buồn trả lời. Đầu óc tôi đờ đẫn, những ý nghĩ trôi qua một cách máy móc.

Một hơi thở nóng thổi vào gáy tôi. Báo Aga vừa đi đâu về. Nó nhìn tôi và xoay hai chân trước nằm xuống bên cạnh. Con báo biết tôi đang buồn.

Gió thổi mạnh hơn, những đám mây bay vùn vụt. Đêm nay trời sẽ mưa. Về nhà thôi, Aga! Tôi vuốt đầu nó, định đứng dậy. Nhưng có cái gì đó níu tôi lại. Không! Chẳng phải sức mạnh vô hình thần bí nào đâu, chỉ là một ý nghĩ vừa bật lên trong đầu báo rằng tôi đã nhìn thấy vật gì đó. Chưa nhớ được là vật gì, nhưng tôi có cảm giác lạ lẫm. Vật đó in vào mắt, bộ não thu nhận nhưng chưa xử lý. "Mà này giờ ngồi đây mình đâu thấy gì lạ? Xem nào...". Cố tập trung tư tưởng, tôi lướt nhanh một loạt những gì nhìn thấy từ lúc ngồi xuống đỉnh dốc này. "Cái cây cụt ngọn, mây... cây thủy tùng... những đồi cỏ... gió... cái khe cạn..., và con sóc nữa? - Tim tôi bỗng đập gấp - Con sóc? Nó chạy qua rồi đứng lại nhìn mình... Sóc thì đâu có gì lạ, ngày nào mà chẳng gặp? Không phải vì con sóc... Khoan đã! - Đầu tôi căng lên - đúng rồi, con sóc đứng trên mảnh vỏ cây!". Tôi lướt mắt tìm nhanh mảnh vỏ cây mốc meo nằm sát gốc lùm cây trước mặt, chỉ cách độ bảy mét. Và tôi từ từ đứng dậy, từ từ đi tới..., mắt nhìn chăm chăm như sợ nó biến mất. Mảnh "vỏ cây" này lạ lắm! Nó quấn queo không tự nhiên! Chẳng phải vỏ cây! Đây là sản phẩm do con người làm ra!

Tôi ngồi xuống bên nó, chưa dám sờ tay vào, sợ phải cầm lên đúng mảnh vỏ cây thật. Nhưng không! Một mảnh kim loại! Nó móp méo hoen rỉ nhiều chỗ. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, đây là mảnh xác máy bay. Nó có ở đây lâu lắm rồi, thời gian và mưa gió đã làm nó mục nát.

Cầm mảnh kim loại trong tay, người tôi run bắn lên. Bộ não vùn vụt hoạt động hết công suất. Nó tập hợp một loạt những thông tin có liên quan ghi nhận được từ trước đến giờ, rồi phân tích, sàng lọc, loại bỏ, tổng hợp lại: Vĩa quặng vàng... Tập trung một nơi... hàm lượng cao... Nhật thu giấu... xa đường giao thông... "Tôi rất ngạc nhiên khi có vĩa quặng vàng được phát hiện qua vệ tinh..." Tôi chợt nghĩ đến lời anh Sơn nói hôm nào.

Tôi vụt đứng dậy nhìn quanh, người bưng bưng như đang sốt cao độ. Trước mặt là vạt rừng rậm cây cối um tùm. Tôi đi qua đây nhiều lần nhưng chỉ chú ý cái khe cạn và những chỗ trũng. Vạt cây rậm này không rộng lắm, lại mọc trên đám đất nhô cao như mỏm đồi nên tôi chẳng vào đó làm gì. Nhưng bây giờ tôi tin chắc điều mình cần tìm đang ở trong đó. Lần này không phải là linh cảm. "Mảnh vỏ máy bay! Một chiếc máy bay rơi ở đây! Rơi đã từ lâu!" Đó là những gì mà bộ não đã xác định được. Và nó đưa ra dự đoán là chiếc máy bay này chở vàng.

Tay xách súng tay cầm dao, tôi hồi hộp vạch lá đi tới. Được mười bước thì gặp những mảnh kim loại khác. Càng phấn chấn hơn, tôi vung dao chém cành lá hăm hở bươn lên. Lát sau tôi đã nhìn thấy toàn cảnh chiếc máy bay rơi: một đồng kim loại nát vụn trên phủ đầy những cây dây leo, cùng nhiều mảnh vỡ văng rải rác xung quanh. Có cả chiếc chong chóng bốn cánh nhô ra bên ngoài đám lá rậm rạp và cái bánh máy bay bằng cao su, đập lên thấy mủn tơi.

Đang tính leo vào giữa đồng kim loại, chợt con Aga chồm tới trước nhe răng rít lên. Tôi nhìn tới và lạnh buốt xương sống: một con rắn đang ngóc cao đầu dừ dừ như định thốc tới mỗ, chỉ cách có mấy bước. Thả rơi cây dao, tôi nâng súng bắn nhanh như máy. Loạt đạn găm trúng vào cổ con rắn làm phụt ra những tia máu. Nó từ từ tụt xuống, mất hút trong đồng kim loại. Hú vĩa! Nếu không có con báo chắc tôi đã mất mạng một cách oan uổng vào giây phút quan trọng này.

Tôi nhặt đoạn thân cây to bằng cổ tay dài hai mét, rồi vừa chọc vừa bẫy những mảnh xác máy bay. Sau vài chục phút hì hục, tôi nhặt được một thỏi kim loại nặng trĩu hình khối chữ nhật, mặt trên hơi nhỏ hơn so với mặt dưới. Lau qua bụi đất, ánh vàng kim loại hiện ra mờ mờ. Tôi lùi lại một quãng, ngòì thụp xuống và hối hả dùng vạt áo cọ sạch. Đúng là vàng thật rồi! Không thể nhầm được! Rưng rưng nước mắt, tôi nhìn xoáy vào thỏi vàng trước mặt. Trên bề mặt của nó có những con số và dòng chữ lạ kiểu chữ tượng hình, nhưng lúc này tất cả nhòa đi trong mắt tôi. Tôi ngỡ mình nằm mơ, đầu óc tràn ngập một cảm giác kỳ lạ như đang bay bổng chơi vơi giữa bầu trời lóe sáng muôn ánh hào quang rực rỡ. Rồi mọi cực khổ đau đớn, mọi hy sinh mất mát trong cả quãng thời gian dài, nay hiện lên thành hình ảnh lướt vùn vụt trong đầu như những thước phim quay nhanh. "Các anh ơi, giờ đây các anh có thể yên lòng nhắm mắt..."

Một ngọn gió mang hơi lạnh thổi tới hun hút, kéo tôi ra khỏi trạng thái choáng ngợp. Trời sẩm tối rồi, lúc này chưa thể làm gì hơn được. Tôi bỏ thỏi vàng vào ba lô, luồn khỏi vạt rừng rậm, băng qua đồi cỏ để về nhà cho nhanh. Báo Aga sải bước đuổi theo.

Tối hôm ấy tôi không ăn được gì, và suốt đêm không hề chớp mắt. Sự phấn khích đến tột độ làm thần kinh căng thẳng, người lúc nào cũng ngây ngấy sốt. Tôi hết ngòì xuống lại đứng lên, bước tới bước lui trong căn nhà hẹp. Những thanh gỗ sàn kêu ken két dưới chân. Đêm dài quá, mãi chẳng thấy sáng. Mà hình như chiếc đồng hồ trục trục làm sao ấy! Mấy cái kim quay chậm rì rì. Không tin nó nữa, lúc lúc tôi lại ghé mắt nhìn ra cửa. Ngoài trời tối om. Rừng khuya vẫn tiếng thú chạy sột soạt trong bụi cây, tiếng chim ăn đêm buồn bã kêu hết góc rừng này đến góc rừng khác và con thác nhỏ rì rào không dứt... Đã bao đêm nằm nghe những âm thanh ấy, nhưng đêm nay mỗi tiếng động đều làm tôi bồn chồn. Nỗi xúc động bùng lên rưng rục từng lúc khiến tôi ngây ngất như say. Hàng ngàn ý nghĩ quay cuồng trong đầu mà không

có điều gì rõ nét. Mãi khuya lắm, tôi mới dần trấn tĩnh lại được để hướng những suy nghĩ về công việc cần làm ngày mai.

Chắc chắn trong đồng xác máy bay còn có những thỏi vàng khác, nhưng muốn biết bao nhiêu thì phải lấy ra. Và rắn cũng thế, không chỉ có một con. Lạ thật! Hình như ở đâu có kho báu là ở đó có rắn. Có một cuốn truyện nào đó đã nói về đàn rắn thần giữ kho báu. Tôi không tin những chuyện thần bí, nhưng rắn ở đây thì có thật. "Hay cứ để nguyên mọi thứ như vậy? Mình phải mất hơn năm nay mới tìm thấy, kẻ khác dễ gì phát hiện ra được?...". Nhưng rồi tôi gạt phắt ngay ý nghĩ đó. Tôi đã tìm ra chiếc máy bay rơi một cách tình cờ, người khác cũng có thể gặp may mắn như thế. Hơn nữa, không có ai tìm được một kho báu lộ lộ như vậy mà lại chịu dừng ngang đó. Có điều đừng để rắn cắn. Bị một con rắn cắn cỡ như con hôm qua mổ một cú thì mọi kho vàng trên thế gian này đều vô nghĩa. Có lẽ phải chất củi đốt. Mùa này không sợ cháy rừng, nếu cần cứ phát rộng xung quanh tạo khoảng trống. Không được! Làm thế dễ lộ quá. Lỡ trực thăng áp tới! Thôi, để mai tới đó hãy tính.

Nhưng lấy được vàng rồi thì dấu ở đâu? Đào hố chôn? Có thể chôn làm nhiều nơi. Tôi bỗng nhớ tới cái hang đá nhỏ hồi trước tìm thấy con mang bị bắn chui vào nằm chết trong đó. Phải rồi! Cái hang ấy rất hay, miệng hang hẹp lại kín đáo chỉ cần chặn một tảng đá là kín.

Cuối cùng rồi trời cũng chịu sáng. Tôi đến bên xác máy bay lúc mặt trời vừa chiếu những tia nắng đầu ngày. Việc đầu tiên là chặt bớt dây leo và kéo chúng ra khỏi đồng sắt vụn. Chiếc máy bay không đến nỗi vỡ nát như tôi tưởng. Vẫn còn lại đoạn vòm thân cong cong gắn với chiếc cánh gãy một nửa, tất cả đều thủng lỗ chỗ. Thời gian đã xóa nhòa hết mọi dấu vết nên không biết được đây là kiểu máy bay gì và của nước nào, nhưng nhìn cái chong chóng động cơ cũng thấy nó thuộc loại cổ lỗ sĩ rồi.

Tôi không dám thò tay vào đồng kim loại rỉ nát phủ đầy lá khô, cành mục và dây leo. Cả xác con rắn hôm qua cũng mất hút trong

đó. Phải đốt thôi! Hôm nay trời u ám, mây bay thấp. Thời tiết này máy bay ít hoạt động.

Tôi kéo cánh khô phủ kín thân máy bay rồi châm lửa đốt. Khi ngọn lửa bốc cháy rừng rực mới chợt nghĩ không biết trong đó còn bom không? Vội vã rời đồng lửa, tôi chạy nhanh đến chỗ cây cổ thụ cụt ngọn ngòi nấp. Hẳn cái cây này liên quan tới chiếc máy bay. Lúc lao xuống đất, nó va gãy ngọn cây. Từ đây tới đó hơn trăm mét. Nếu kẻ một đường thẳng giữa hai điểm. Như vậy có thể nghĩ chiếc máy bay này bay từ tây sang đông, hoặc chéch một chút: tây tây nam, đông đông bắc.

Nhưng máy bay của ai? Nhật? Pháp? Mỹ? Mỹ thì không phải rồi! Chưa nói đến mức độ mục nát của xác máy bay mà chỉ cần nghĩ nếu của Mỹ, không đời nào chúng chịu bỏ qua một chiếc máy bay chở vàng. Chúng có đủ phương tiện và thời gian để tìm kiếm. Pháp cũng vậy. Tôi không nhớ chiếc máy bay đầu tiên trên thế giới xuất hiện từ năm nào, nhưng Pháp vào Việt Nam ngót nghét một thế kỷ, tính tới trận Điện Biên Phủ. Khi phải rút quân về nước, chúng còn có thời gian dè dặt khá lâu. Có mất một đồng "phờ rãng" chúng cũng tìm được, huống chi cả chiếc máy bay chở vàng. Vậy chỉ còn Nhật? Nhật chẳng phải rộng rãi gì và không đến nỗi "đãng trí", nên nếu "bỏ quên" một chiếc máy bay như thế này, hẳn phải ở thế kẹt lăm, không thể có điều kiện để tìm...

Cứ suy nghĩ lung tung như vậy, cuối cùng tôi tạm kết luận chiếc máy bay này rơi vào khoảng nửa đầu năm 1945, khi Nhật đang bại trận. Mà thôi, tạm gác chuyện đó. Hình như lửa đã tắt nên không thấy khói bay lên nữa. Những đám khói lúc trước đã hòa lẫn vào tầng mây thấp. Không có trái bom nào nổ như tôi lo sợ.

Tôi trở lại, thấy trong đồng xác máy bay lửa đang còn cháy âm ỉ, nhưng có thể bắt tay vào việc được rồi. Giờ khỏi lo rấn. Chẳng có con rắn nào trụ nổi với lửa. Tôi moi ra được những thỏi vàng nằm lẫn trong đồng sắt vụn, bên dưới lớp tro còn đỏ hồng. Tất cả

đều đúc cùng khuôn với thỏi vàng hôm qua, trên bề mặt có con số chỉ trọng lượng bốn kí rưỡi. Bỏ vào ba lô vừa đủ sức mang là tôi đi ngay. Đêm qua tôi đã trù tính con đường từ đây tới cái hang nhỏ bên bờ suối, giờ cứ thế mà đi, chỉ cần nhớ đừng giẫm lên cùng một lối để khỏi tạo ra đường mòn.

Ngày hôm ấy tôi đi được ba chuyến thì trời tối nên đành nghỉ. Đoạn đường chỉ chừng ba cây số nhưng luôn rừng nên không thể đi nhanh được. Vả lại khi cõng ba lô vàng trên lưng, cánh rừng quen thuộc bỗng trở nên xa lạ, đầy nguy hiểm. Lúc nào tôi cũng thấp thỏm, cứ nơm nớp như có ai đang rình mò mình. Lúc nào cũng lăm lăm súng trên tay chực nhả đạn và luôn ở trong tư thế sẵn sàng co cẳng chạy. Đúng là nỗi lo sợ bản năng mà chỉ con người mới có. Mấy ngày sau tôi phải cho con báo ăn no để nó đi cùng tôi suốt ngày. Ở trong rừng, con Aga còn tinh hơn chó săn. Chưa bao giờ tôi có tâm trạng như những ngày đó, vừa phấn chấn vừa pháp phỏm lo âu, người cứ rạc đi.

Phải hơn nửa tháng tôi mới hoàn tất công việc. Thực ra, chỉ có mấy ngày đầu là mọi việc thuận lợi. Những ngày còn lại tôi phải moi móc, nhặt nhạnh từng thỏi vàng một. Có thỏi bị kẹt, mất hàng giờ đồng hồ mới lấy ra được. Sau khi giấu hết số vàng vào hang, tôi đào đất nơi khác mang đến đổ vào lèn chặt, bưng những tảng đá nhỏ chất lên trên. Cuối cùng mới vằn một hòn đá to chẹn cửa hang, kéo những dây leo quanh đó cho nó bò lên và xóa hết mọi dấu vết. Bây giờ, số vàng này thực sự là "của tôi".

Công việc cuối cùng là ngụy trang lại nơi máy bay rơi, việc này chẳng có khó khăn gì. Tôi đào hố, cẩn thận chôn những mảnh xương người tìm thấy trong đồng xác máy bay. Có một số xương đầu lâu đã vỡ vụn, những đốt xương khác cũng không nguyên vẹn. Thì ra chỉ mỗi góc rừng hoang này, từ trước tới nay cũng đã có bao nhiêu người chết.

Mọi việc xong xuôi lúc chiều đã muộn, nhưng tôi chưa về nhà ngay mà đi thẳng đến bên ngôi mộ đá. Tôi đốt một đồng lửa, gác lên đó mấy khúc trầm rồi im lặng ngồi nhìn làn khói xanh lơ lửng

bay. Hôm nay trời nhẹ gió, mấy tia nắng cuối ngày le lói qua mây rọi xuống đồi cỏ trước mặt một màu vàng nhạt nhạt. Tôi sắp từ biệt nơi này! Tôi đã làm được những gì mà các anh tin cậy và bây giờ có thể yên tâm quay về, nhưng thật đau lòng khi chẳng có cách nào đưa các anh theo. "Mình sẽ mang về một nắm đất..."

Một mình trở về không phải là chuyện dễ dàng, nhưng tôi không ngờ được là còn có nhiều sự việc xảy ra ngoài dự tính. Hình như số tôi chưa hết "nạn" nên còn nặng nợ gian truân với rùng.

Chương XV

Phản vì mệt nhọc, phản trong lòng đã thanh thản hơn, nên đêm đó vừa nằm xuống là tôi ngủ say như chết, chỉ tỉnh giấc khi có cơn mưa ập đến. Nhìn đồng hồ thấy đã gần sáng. Tôi nằm mơ màng, tai lắng nghe tiếng mưa rơi rào rào trên mái nhà. Ngoài kia gió rít gào qua đồi cỏ, cây rừng nghiêng ngả từng đợt. Gió đổi chiều rồi! Mùa đông đang tới! "Mình có nên trở về trong mùa này?" Ý nghĩ đó làm tôi tỉnh ngủ hẳn. Một mình đi giữa rừng sâu núi thẳm trong ướt át và lạnh giá, hieu có sống sót nổi không? Khó đấy? Khả năng sống và chết là ngang nhau. Tôi nhớ lại những cánh rừng rậm bịt bùng, những sườn núi dốc đứng, cái vực thẳm sâu hun hút, vách núi dựng ngược nơi biên giới. Giá còn đủ bốn người, chúng tôi có thể đi ngay giữa những ngày mưa tầm tã nhất. Hoặc nếu là anh Đăng hay anh Hùng, các anh ấy sẽ đi được, chứ tôi thì...

Nhưng hơn mười chín tháng rồi ở nhà không nhận được tin tức gì của chúng tôi, hẳn anh Hai Nguyên và mọi người sốt ruột lắm. Chắc ai cũng nghĩ là TK1 đã hy sinh tất cả. Và đã có những toán TK khác lên đường, tôi tin như vậy. Đến lúc này chưa có ai xuất hiện ở đây, có phải họ ngã xuống dọc đường? Biết đâu chỉ vì tôi về chậm một ngày mà có một toán TK phải hy sinh? Cứ nghĩ thế là tôi lại sốt ruột, muốn trở về ngay. Hơn nữa, tôi bắt đầu cảm thấy cuộc sống thui thui một mình giữa rừng sâu ngày càng trở nên nặng nề.

Suốt mấy ngày liền, không lúc nào tôi rút khỏi những suy tính ấy. Về bây giờ hay đợi hết mùa đông? Chà! Không ngờ chỉ mỗi việc quay về mà rắc rối đến thế! Hay tại mình trở nên nhu nhược? Hay do mình sợ chết? Tôi ngồi trên hòn đá bên vũng suối, trầm ngâm suy nghĩ. Từ dưới đáy nước có một người nhìn lên. Đó là cái bóng của tôi, nhưng lúc này trông thật xa lạ. Trên khuôn mặt

cháy nắng, đôi mắt trũng sâu đang nhìn thẳng vào mắt tôi như muốn nói: "Mày phải tự quyết định lấy, chẳng ai làm thay cho mày việc ấy đâu? Phải có cách suy nghĩ tỉnh táo hơn, chứ dần vặt mãi sẽ thành luẩn quẩn..."

Đúng vậy! Tự lượng sức, tôi thấy không thể đem tính mạng ra để đánh một canh bạc năm ăn năm thua. Cái chết của tôi lúc này đồng nghĩa với sự hy sinh vô ích của cả tổ. Cần ở lại hết mùa đông này. Xuân đến, rừng khô ráo và ấm áp, tôi sẽ lên đường. Biết rằng rất buồn nhưng tôi quen rồi, có thể chịu đựng được. Cái khó nhất là muối đã gần cạn, phải hết sức dè sẻn may ra cầm cự được tới ngày về. Không sao! Chỉ ba tháng chứ mấy! Và tôi cảm thấy yên tâm hơn khi nhận ra quyết định ở lại cũng là sự can đảm.

Mùa đông năm đó mưa nhiều và tiết trời lạnh hơn, một phần vì sức tôi đã yếu đi. Tôi biết vậy nên tự đề ra cho mình chế độ luyện tập khắt khe. Buổi sáng thức dậy từ sáu giờ rưỡi, nếu trời không mưa, tôi xách súng chạy lên đỉnh đồi cỏ gần nhà rồi quay về, nhảy xuống suối tắm. Còn nếu trời mưa to hoặc quá lạnh thì tôi tập tạ trong nhà bằng một tảng đá.

Tôi còn xuống suối chọn mấy tảng đá có bề mặt bằng phẳng vác lên kê thành một bộ "bàn ghế" trên vạt cỏ trước nhà. Thực ra vác đá là để luyện tập, chứ mình tôi cần gì bàn ghế. Hơn nữa, tới mùa nắng là tôi đã đi rồi. Coi như để lại một kỷ niệm cho lũ khi vậy. Tuy nghĩ thế nhưng tôi vẫn rất thích những tảng đá đẹp. Dưới chân thác nước có nhiều hòn đá được dòng nước và mưa gió gọt giũa lâu ngày tạo thành hình dáng đẹp lạ lùng. Tôi chọn những hòn đẹp nhất vác lên đặt rải rác bên mấy góc cây cạnh nhà. Công việc nặng nhọc nhưng ngoài ý nghĩa tập luyện, nó còn tạo cho tôi niềm vui nho nhỏ trong những ngày dài đằng đẵng. (Nói "ngày dài" là kể cả ban đêm, chứ mùa này thời gian ban ngày ngắn lắm, chừng bốn giờ chiều trong rừng đã tối).

Một vấn đề nan giải là cái ăn. Ăn thịt chim, thú, cá mãi cũng ngán. Các thứ khác thì quanh quẩn cũng măng le, hoa chuối. Củ

mài vùng này hiếm, còn các loại lá có thể ăn thay rau tôi biết không nhiều. Cả nấm cũng vậy. Ngoài mộc nhĩ ra, tôi không biết thứ nấm nào. Có thể ăn được, cũng không dám thử. Mấy lần tôi đi kiếm mật ong, nhưng lúc này các tổ ong ít mật. Có lẽ vì thế mà lũ ong đâm ra cáu kỉnh. Phải mất ba, bốn ngày lội rừng, tôi mới lấy được một ít mật sau khi bị ong đốt sưng cả mặt. Mà mật mùa này không được ngon, nó nhạt và hơi chua. Thì ra ngay cả khi ở trong rừng một mình, con người ta không chỉ có nhu cầu ăn no mà còn muốn ăn ngon nữa. Tôi đành khắc phục bằng cách không ăn mãi một món. Nếu hôm nay ăn thịt chim thì ngày mai tôi câu cá, ngày kia đi săn cheo... Thú lớn ở đây không thiếu nhưng tôi ít khi bắn, vì ăn không hết nó phí đi. Có hôm tôi bắn được một con kỳ đà khá lớn. Thịt kỳ đà mềm và trắng như thịt gà, nhưng không có gia vị, chỉ làm mỗi món nướng, nên tôi không chắc là nó có ngon hay không. Đã thế lại thiếu muối, ăn cứ nhạt nhẽo khó chịu. Bây giờ ba ngày tôi mới ăn muối một lần, mà cũng chỉ nhấm tí chút cho có vị mặn, chứ đâu dám ăn nhiều.

Những lúc tạnh ráo, tôi thường leo lên đài quan sát trên cây chò dùng ống nhòm nhìn khắp bốn hướng, suy nghĩ về con đường trở về. Đứng ở đây, có thể nhìn rõ cả vùng núi non nhấp nhô thấp dần ở phía đông. Đi theo hướng đó sẽ gặp được vùng đồng bào dân tộc, nhưng trông hiểm trở thế kia, liệu có đi nổi không? Hơn nữa rất dễ lạc vào vùng địch kiểm soát. Còn ở phía tây, có nhiều dãy núi cao chắn tầm nhìn. Vượt qua những dãy núi đó, đi mãi rồi sẽ gặp tuyến đường tây Trường Sơn. Nghĩ vậy thôi chứ tôi không dám một mình đi theo hướng ấy, nhất là khi không biết tí gì về địa hình và cũng chẳng rõ quãng đường xa gần thế nào.

Như vậy chỉ còn cách là quay lại theo con đường chúng tôi đã tới đây. Đến lúc này tôi vẫn hình dung được cảnh vật của từng chặng đường đi trong từng ngày. Nhưng đó là nhớ như nhớ những kỷ niệm, chứ không thể nói nhớ được đường. Ở trong rừng rậm, ngay cả lối mòn ta vừa qua khi đi ngược lại cũng khó

nhận ra, hướng hồ đi cắt rừng. Muốn trở lại phải nhắm hướng mặt trời lặn. Tính theo đường chim bay thì đâu có xa, chỉ hơn trăm cây số là đến khe Trầm. Nhưng khi tời đây chúng tôi phải đi trên hai chục ngày với quãng đường thực tế dài hơn nhiều. Ấy là đi cả tổ, có những người giàu kinh nghiệm và tháo vát, chứ bây giờ chỉ mình tôi. Và nếu đến được khe Trầm, tôi còn phải đi cho tới khi gặp một đơn vị bộ đội nào đó. Chắc phải ra tận đường Chín. Biết bao gian nan trên chặng đường về. Nhưng thôi! Lúc lên đường hăng hay, giờ không thể lo trước được mọi điều. Tôi nhớ có lần anh Hùng nói: "Khi đã coi rừng như nhà mình, thì việc đi trong rừng, sống trong rừng sẽ nhẹ nhàng hơn nhiều."

Thời vàng đầu tiên lấy về, ngay đêm đó tôi chôn nó xuống cạnh gốc cây trước nhà. Lâu lâu, nhằm lúc nhà khỉ đi vắng, tôi lại moi lên ngắm nghía. Tất nhiên lũ khỉ chẳng coi vàng ra gì, nhưng chúng là chúa tò mò và hay bắt chước. Còn báo Aga thì khỏi lo. Nó ngồi bên tôi, thờ ơ nhìn thời vàng như nhìn cục đá. Sau này nhớ lại, tôi không hiểu lúc đó mình cứ đào lên chôn xuống như thế để làm gì! Có lẽ do rảnh rỗi mà làm vậy, chứ không như anh nhà giàu ngắm cửa. Với tôi thời vàng trước mặt chẳng có gì hấp dẫn nếu so với một nhúm hạt muối trắng lóng lánh hoặc bát cơm bốc khói thơm thơm mùi gạo mới.

Dù hết sức chậm chạp, nhưng rồi những ngày đông năm ấy cũng dần qua đi. Khí trời ấm lên, bầu trời bớt vẻ ảm đạm. Và đến khi nhìn thấy những nụ mầm nhỏ xíu nứt ra trên mấy nhánh cây khẳng khiu thì tôi thực sự háo hức chuẩn bị cho ngày về. Tiếng là chuẩn bị chứ chẳng có gì nhiều. Súng đạn, ba lô, võng, áo mưa..., rồi bật lửa, dao, ống nhòm... đều có sẵn. Riêng áo quần tôi đã rách hết, đành phải mặc mấy bộ rằn ri. Còn hai bộ áo quần của anh Đăng và anh Hùng lâu nay vẫn gói kỹ, tôi định khi về gần đến vùng ta mới đem ra mặc. Tôi không có giấy tờ gì, lại mang trên người áo quần ngụy, vũ khí Mỹ, nếu may mắn không chết bởi một viên đạn vội vàng nào đó thì cũng gặp nhiều rắc rối. Mặc bộ quần

áo "Giải phóng" chính hiệu trên người, dù sao cũng tạo được ấn tượng nhất định và dễ ăn nói hơn.

Việc cần làm là sấy một ít thịt khô mang theo. Nếu có được bi đông mật ong càng tốt, nhưng mùa này khó kiếm ra mật.

Mấy ngày đó lúc nào tôi cũng ở trong trạng thái tất bật hồi hả, vì vậy đã xảy ra một việc làm cản trở tất cả. Trong một lần đi lên cầu thang, do vội vã nên tôi trượt chân ngã xuống đất. Chẳng bị thương tích gì, chỉ thấy đau ở cổ chân trái. Lát sau thì nó sưng vù lên, không còn bước được nữa. Tôi ôm chân mà tức ứa nước mắt. Chuyện không đáng xảy ra, có gì đâu mà phải vội cơ chứ? Đã vậy, lại càng bực hơn khi nấy con khỉ cứ nhìn tôi lom khom, làm như cả đời chưa nhìn thấy người què bao giờ! Tôi đành chặt cành cây làm nạng chống để đi lại quanh quần. Mong sao chỉ bị bong gân chứ đừng mề tí xương nào.

Tôi hái bừa nhiều thứ lá, mỗi thứ nhai đắp lên vài ngày rồi bỏ đi thay thứ khác. Ngoài ra, chỉ còn biết chờ đợi và tự an ủi là muộn mười ngày có khi lại hay. Biết đâu trong thời gian ấy có một toán TK đến đây. Giờ khô ráo rồi, nếu họ không gặp trở ngại gì thì chỉ hai mươi ngày là tới chứ mấy!

Để đỡ buồn, tôi thường ra vũng suối ngồi câu cá. Cá dễ phơi và để được lâu hơn thịt. Tôi cũng chống nạng cà nhắc ra mé đồi tìm bán gà rừng. Mùa này chúng thường ra đồi cỏ kiếm ăn lúc mặt trời mới lên hoặc khi chiều sắp tắt nắng. Tôi chỉ việc bán, còn đã có Aga đi nhặt hộ. Nó làm việc này thạo lắm. Mới ngày nào còn bé xíu, mà bây giờ nó đã trở thành một chàng báo duyên dáng và lực lưỡng.

Phải một tháng sau cái chân mới lành. Giờ thì tôi đi lại cẩn thận hơn, không dám vội vã như lần trước. Mà cùng chỉ còn mỗi việc đi kiếm ít mật nữa là có thể yên tâm lên đường. Lúc này chắc trong các tổ ong đã có mật, lũ ong tất bật cả tháng nay rồi còn gì.

Tôi nhảy trên những tảng đá để băng qua suối tới nơi giấu vàng. Cần phải kiểm tra lại lần nữa trước lúc ra đi. Mọi việc đều tốt. Cây dây leo đã phủ xanh trên hòn đá lấp miêng hang. Xung

quanh không có dấu vết gì đáng nghi ngại. Tôi lội xuống suối quay trở về, không dám nhảy trên đá nữa vì thấy chân trái còn hơi đau.

Nước suối lạnh buốt làm tôi nổi gai ốc và rùng mình liên tiếp. Sao thế nhỉ? Ngay cả những ngày đông giá lạnh, tôi vẫn tắm suối bình thường cơ mà? Nhưng tôi cũng không suy nghĩ lâu, chuyện vặt vãnh! Lúc này đang vội. Định chỉ đi lấy mật buổi sáng, còn sau đó về bên mộ ngồi với hai anh để mai đi sớm, vậy mà bây giờ đã hai giờ chiều rồi. Sáng nay tôi phải lội rừng "hỏi thăm" năm tổ ong, mới kiếm được hơn bi đông mật.

Tôi ghé nhà lấy ít trầm để đi ra mộ, nhưng khi ngồi nghỉ một lát bên bàn đá, thấy trong người mệt rã rời. Mấy lần định đứng dậy đi mà không cất bước nổi. Chắc tại sáng nay đi nhiều. Nhưng mấy năm nay ngày nào tôi cũng bươn bả như vậy, có sao đâu? Không khéo ốm thì nguy.

Bước lên nhà, tôi nằm vật xuống sàn và thiếp đi. Lúc tỉnh dậy thấy trời đã tối, bèn gắng gượng ngồi lên nhen đống lửa. Người tôi hâm hấp sốt, từng khớp xương như rời ra. Sao oái oăm thế nhỉ? Chẳng lẽ lại ốm vào lúc này? Tôi nướng thịt ăn bữa tối, nhưng không nuốt nổi. Miệng đắng nghét, cổ họng đau buốt và hơi thở nóng ran trong mũi.

Tối đó tôi nằm sốt li bì. Sáng dậy vẫn thế, đầu choáng váng, bước đi chệnh choạng như người say. Tuy vậy, tôi cũng gắng ra suối lấy nước rồi quay vào chuyển ít củi dưới gầm sàn lên nhà. Bây giờ chẳng những không lên đường được mà sợ còn phải nằm liệt một chỗ. Tôi âm thầm khóc, chua xót cho số phận của mình. Gần hai năm nay, ngoài một đêm sốt lúc mới đến đây và cái chân bong gân vừa qua, tôi đâu có đau ốm gì? Dầm mưa dãi nắng hết ngày này qua ngày khác, cùng lắm chỉ nhức đầu sổ mũi vài bữa hoặc mấy cái mụn ghẻ. Vậy mà... Những ý nghĩ cay đắng chìm dần trong cơn sốt và trở thành ác mộng, nhưng tôi hầu như không còn biết gì nữa...

Không biết tôi đã mê man mấy giờ? Mấy ngày? Tôi nhấc cánh tay lên nhìn đồng hồ, nhưng một màn sương che mờ tất cả. Cổ họng như có lửa đốt, lưỡi phồng rộp lên. Nước... nước đâu?... Tôi nhào người sờ tìm bi đông nước. Tiếng mạch đập thình thình trong tai, nhưng quầng lửa nhoang nhoáng trước mặt. Chiếc bi đông nặng quá... Mãi tôi cũng dốc được ít nước vào miệng, nhưng chỉ còn một ngụm nhỏ. Ngụm nước ít ỏi chẳng làm nguội được sức nóng ngùn ngụt trong người. Tôi ngã vật xuống, hàng trăm mũi kim đâm nhói nhói trong đầu làm tôi lịm đi...

Tôi sốt như thế suốt mấy ngày liền. Hết cơn sốt này đến cơn sốt khác chìm tôi vào vực sâu mê man. Từ trong tiềm thức, một ý nghĩ mờ nhạt nhắc tôi rằng hãy tỉnh dậy, hãy làm một cái gì đó, nếu không muốn chìm mãi vào cõi hư vô... Nhiều lần tôi gắng sức ngồi lên để bứt khỏi cơn mê, nhưng không được. Giờ tôi cố lần nữa... Hình như tôi đã ngồi được, mặc dầu đầu óc quay cuồng, người lắc lư như muốn rụng xuống. Tôi tìm nước, nhưng chẳng còn giọt nào. Ngoài cửa có thấy bóng người. Có ai đến! Ai vậy? "A! Anh Đăng, anh Hùng, cả anh Sơn nữa! Các anh đến lúc nào vậy? Đến đón em đi phải không? Sao không ai nói gì? Em biết rồi! Chúng ta chẳng đã hẹn nhau bao giờ hòa bình sẽ lại vào rừng, lên chỗ rừng xoáy là gì?... Mà bây giờ hòa bình chưa các anh? Sao các anh lại cười? Tại em nói nhiều phai không? Lâu nay em đâu có được nói. Đợi tí, để em lấy ba lô và súng. Súng này là súng Mỹ đấy? Khẩu AK của em hết đạn rồi... Các anh còn nước không, cho em uống với..." Có ai đó chìa bi đông ra, tôi giơ tay đỡ, nhưng sao với mãi không tới. Mắt tôi căng lên nhìn theo bi đông nước. Màn sương mờ đục tan dần, tôi nhận ra mình vừa mê sảng. Đúng là tôi đã ngồi dậy, tay đang nắm chặt khẩu súng, nhưng vừa rồi chỉ là giấc mơ.

Hình như trước cửa có bóng người thật. Sao lại thế nhỉ? Mình vẫn còn mê à? Tôi nhắm nghiền hai mắt. Một lúc sau mới mở ra nhìn. Những bóng đen rõ dần lên. Không phải người, mà mấy con khỉ. Nhà khỉ kéo lên thăm tôi. Trời ơi! Chúng mày thì giúp được

gì?... À không! Nhớ ra rồi! Tôi quờ quạng tìm chiếc bi đông. Lũ khỉ trở mắt nhìn. Khỉ già đâu rồi? Mày đi lấy giúp tao ít nước. Trước đây mày vẫn lấy nước vào bi đông cơ mà! Tôi chìa cái bi đông trước mặt nó, tay run rẩy. Mày cố hiểu đi. Tao cần nước! Tao khát lắm! Khỉ già vẫn nhìn tôi chăm chăm, nó không hiểu. Tôi thất vọng thả rồi chiếc bi đông, gục xuống thiếp đi.

Có ai lay tôi nhiều lần. Lại mê nữa rồi! Làm gì có ai ở đây. Một vật gì nặng trĩu đè trên ngực làm tôi khó thở. Cái gì vậy? A, bi đông nước! Có nước rồi. Tôi cuống quít nhồm dậy, mở nắp bi đông dốc nước vào miệng. Mát quá! Ngọt quá! Nước chảy vào tới đâu mát lạnh tới đó. Những giọt nước tràn ròn ròn xuống ngực. Giờ thì tôi đã nhìn rõ lũ khỉ. Cả năm con đứng quanh gương mắt nhìn tôi, nửa tò mò nửa thương hại. Cả báo Aga cũng có mặt. Nó không vào nhà mà đứng ngoài cửa nhìn vào. Cám ơn chúng mày nhé!

Uống hết nước, tôi lại chìa bi đông ra. Lần này khỉ già hiểu ngay. Nó túm lấy dây bi đông chạy đi, những con khác nhảy nhót đuổi theo. Không biết nó làm thế nào mà xách được bi đông nước lên cầu thang?

Đợi nhà khỉ ra hết, báo Aga mới bước vào. Hơi thở của nó nóng ran trên mặt tôi. Tôi vuốt nhẹ bộ lông mềm mại của nó, cảm thấy yên lòng hơn. Dầu sao, quanh mình còn có những con thú trung thành. Tôi nhìn đồng hồ: ba giờ chiều. Và con số trong ô lịch cho biết tôi nằm mê man đã bốn ngày. Đồng lửa tắt ngấm từ lâu. Dù rất mệt nhưng tôi cũng gắng nhen lại lửa. May hôm trước có đem củi lên.

Tối đó tôi uống một ít mật ong hòa với nước. Uống mật mà thấy đắng nghét. Người còn hâm hấp sốt, nhưng đầu óc có tỉnh táo hơn. Đáng ra mình đi được bốn ngày rồi... Thôi, tốt nhất lúc này đừng nghĩ tới chuyện đó. Càng nghĩ càng thêm nản. Trong cái rủi có cái may, nếu sốt bất ngờ giữa đường thì cầm chắc là chết. Phải sốt rét không nhỉ? Không phải! Tôi đã bị sốt rét một lần nên biết. Còn nếu sốt ác tính thì đừng hòng qua khỏi. Chắc là

thương hàn. Mà bệnh gì cũng thế thôi, không có viên thuốc nào, làm sao bây giờ? Tôi cố moi trong trí nhớ xem có biết thứ gì có thể làm thuốc. Giá còn anh Hùng... Trong rừng đủ thứ cây thuốc mà tôi đành chịu. Hơn nữa có biết cũng không còn sức đi lấy. A, qué! Đúng rồi, mình còn vỏ que. Mừng rơn như tìm thấy vàng lần nữa, tôi bò dậy mở ba lô. Số vỏ qué lấy hôm nào tôi dùng để ngâm trong những ngày mưa rét đi đào đãi ngoài rừng, nay vẫn còn hai cuộn. Nghe nói người ta lấy vỏ những cây qué già mài ra hòa với nước cho người bệnh uống. Còn bệnh gì thì không nhớ. Nhưng bệnh gì mà chả được? Tôi đâu còn cách nào khác? Ít nhất nó cũng đem đến chút hy vọng trong lúc này.

Tôi bẻ một mẩu qué cho vào miệng. Cứng quá không nhai nổi. Răng đau nhức, máu tứa từ chân răng thấm mẩn mẩn đầu lưỡi. Tôi đành ngâm trong miệng cho nó mềm dần. Những ngày sau đó tôi vẫn còn sốt, tuy không sốt cao như mấy hôm đầu. Và tôi yếu lắm. Chỉ trở người hoặc cử động nhẹ là đầu nhức như búa bổ. Tôi không đứng lên nổi. Có muốn ngồi dậy cũng rất khó khăn, chân tay run lẩy bẩy và người cứ lả đi.

Bây giờ ngày nào cũng kéo bi đông đi lấy nước. Nếu không có chúng, chẳng biết tôi sẽ ra sao. Một hôm tôi gắng ngồi dậy hầm miếng thịt khô để lấy nước húp, nhưng vừa nuốt vào đến bụng là đã nôn thốc nôn tháo. Tôi tiếc đứt ruột vì mới tráng cái bao đựng muối đổ vào gô nước thịt. Thế là hết chút chất mặn cuối cùng. Những ngày kể tôi chỉ uống được mật ong pha loãng. Vỏ qué vẫn là thứ thuốc duy nhất, tôi ngâm nó trong nước cho dễ nhai. Mấy việc đó tôi làm một cách máy móc, hầu như chỉ dựa vào bản năng.

Chừng một tuần sau thì những cơn sốt dứt, đầu cũng bớt nhức và tôi không còn mê sảng nữa. Nhưng sức tôi ngày càng yếu đi, hầu như suốt ngày chỉ nằm một chỗ. Đưa bi đông nước lên miệng là một công việc nặng nhọc, còn muốn nhen lại đồng lửa tôi phải cố hết sức mới làm được. Tuy vậy, những lúc lữ khỉ đến tôi đều biết. Trông chúng bây giờ có vẻ chín chắn hơn, cả hai nhóc khỉ

cũng không lí lắc nghịch ngợm như thường ngày. Có lẽ chúng hiểu đứng trước một người bệnh "thập tử nhất sinh" cần phải có thái độ như thế nào. Cũng có thể chúng đã lớn, không "trẻ con" như trước. Mỗi lần ngược mắt nhìn ra, tôi vẫn thấy lò mờ báo Aga nằn chắn ngang trước cửa. Nó chỉ đứng dậy khi lũ khỉ đi qua. Chẳng lẽ nó không đi săn mồi sao?

Không biết lại mấy ngày nữa trôi qua, tôi vẫn nằn thiêm thiếp và gằn như bất động. Tôi không còn ý thức được thời gian, mà điều đó lúc này có ý nghĩa gì đâu! Tôi biết mình sắp chết, chỉ chưa biết lúc nào. Có thể ngày mai, ngày kia, hay lát nữa. Sự sống trong người giờ như ngọn đèn leo lắt. Tôi nghĩ đến cái chết một cách dửng dưng, chẳng có chút xúc cảm nào. Chẳng vui mà cũng không buồn, không chờ đợi cũng không tránh né, không sợ hãi và chẳng hề day dứt. Tôi thờ ơ với mọi sự. Thì ra cái chết không ghê gớm như người ta tưởng.

Hình như những lúc thiếp đi tôi không còn gặp ác mộng. Còn khi tỉnh dậy, những ý nghĩ trôi qua trong đầu một cách lười nhác và vô định, tuy tôi vẫn hiểu mình đang nghĩ gì. Nếu sau khi chết con người còn có cuộc sống khác ở thế giới bên kia, thế nào tôi cũng tìm gặp cho bằng được anh Đăng, anh Hùng, anh Sơn. Khi đó tôi sẽ mãi mãi đi cùng các anh, chẳng có gì chia lìa chúng tôi được nữa. Nhưng biết đâu cuộc sống bên ấy cũng phức tạp như ở thế giới này. Chắc phải đến nơi mới biết. Tôi sắp đi rồi, sẽ biết ngay thôi mà...

Tôi hình dung một hôm nào đó tim tôi ngừng đập, hơi thở ngưng lại, tôi nằm chết trên căn nhà nhỏ này mà chẳng ai hay biết ngoài con báo và lũ khỉ. Lúc ấy thân xác tôi sẽ sinh lên, trương phềnh ra. Rồi dòi bọ sẽ đục khoét những gì trước đó vẫn được coi là máu thịt. Ngày tháng trôi qua... Căn nhà này sẽ mục nát và sập xuống. Nếu có ai tới đây, chỉ còn thấy những đốt xương trắng, vài mảnh vải rách mủn cùng khẩu súng hoen rỉ. Như vậy... như vậy sẽ... không còn gì hết. Cả kho vàng cũng chẳng ai tìm được. Và công sức cùng sự hy sinh của bốn chúng tôi coi như đổ

xuống sông xuống biển. Đối với tôi lúc này những thỏi vàng chẳng có giá trị gì, nhưng đất nước đang cần vàng. Trước lúc ra đi anh Hai Nguyên nói gì nhỉ? À, "cả nước đang dốc hết sức người sức của..." Mỗi người lính chúng tôi trước khi cầm khẩu súng đều được dặn: "Mỗi viên đạn súng trường bằng bốn cân gạo...". Cần bao nhiêu gạo để đủ đạn cho người lính đánh giặc? Mà chừng này vàng đổi được bao nhiêu súng đạn? Nhiều! Nhiều lắm? Đỡ được vô khối gạo. Nhưng bây giờ tôi không còn làm gì được nữa rồi. Chẳng ai biết để tìm ra cái hang đá nhỏ bị lấp kín nằm giữa những tảng đá và dây leo. Trời ơi! Sao mình nghĩ lộn xộn như vậy nhỉ? Lại mê sảng rồi, làm sao báo cho anh Hai Nguyên biết nơi giấu vàng.

Những ý nghĩ rối bời nửa mê nửa tỉnh làm tôi mệt lả, và tôi lại lịm đi.

Một hôm lúc tỉnh dậy, tôi thấy lũ khỉ đứng vây quanh. Tôi nhìn chúng mỉm cười yếu ớt. ấy là tôi muốn làm như vậy chứ nụ cười có biểu lộ trên nét mặt hay không thì không biết. Nhưng ánh mắt lũ khỉ có cái gì khang khác. Hay chúng biết tôi sắp chết, sắp từ biệt chúng?

Hình như chúng có ý gì đó. Khỉ già kêu mấy tiếng khếch khếch, những con khác phụ họa theo nhón nháo. Chúng không nhìn mặt tôi mà nhìn xuống bên cạnh. Tôi quờ tay và sờ thấy mấy vật cứng cứng tròn tròn. À, quả dại ngoài rừng! Lũ khỉ hái về cho tôi. Tôi rơm rớm nước mắt. Ai nói con vật chỉ có bản năng? Cám ơn nhé! Nhưng tao không ăn được đâu! Tao chẳng còn muốn ăn nữa! Tội nghiệp, lúc tao chết chắc chúng mày buồn lắm! Nhưng dù sao chúng mày còn có gia đình, chứ báo Aga chỉ có một mình... Không biết mấy hôm nay con báo có chịu ăn uống gì không?...

Tôi thả rơi mấy quả dại, định ngủ tiếp. Nhưng nhìn lũ khỉ thấy tội quá? Chúng xôn xao quanh tôi như van lơn nài nỉ. Không nên phụ lòng tốt của chúng. Tôi cầm một quả đưa lên miệng cắn, cảm thấy vị chua lan trong miệng khiến tuyến nước bọt nhói lên, và lát sau tôi thấy muốn ăn. Tôi ăn hết quả đó, rồi quả nữa. Không rõ

thứ quả gì, chỉ biết chúng có vỏ dày mềm vừa chua vừa chát, trong ruột có một lớp cùi trắng tựa như cùi vải nhưng mỏng và nhạt hơn. Còn lại là cái hạt to tướng mà nếu có muốn ăn cũng không ăn được vì nó quá cứng. Mấy ngày sau, lũ khỉ vẫn mang thứ quả ấy về cho tôi, lúc ba quả, lúc bốn quả.

Cho đến một hôm khi mặt trời lên, ánh nắng tràn vào cửa. Tôi cảm nhận được hơi ấm cùng sắc vàng tươi của những tia nắng và cảm thấy xót xa nếu phải chết giữa lúc này. Ngoài kia rừng đang giữa mùa xuân và trời đẹp biết bao! Tôi như người thấy mùi hoa dại ngan ngát, nghe được những âm thanh náo nức sôi nổi của vạn vật đang tràn trề sức sống. Tôi thềm một ngọn gió vuốt ve mái tóc, thềm được nhảy xuống suối để làn nước trong lành thấm mát da thịt. Tình yêu cuộc sống đã trở lại.

Nhưng để sống được, phải tập từ đầu mọi thứ. Tôi tựa người vào vách, chống tay cố ngồi dậy. Đầu nhức buốt, mắt hoa lên, cả căn nhà, cả khung cửa ngập tràn ánh nắng cũng dập dềnh như sóng. Cuối cùng tôi cũng dựng được nửa người phía trên vào vách nhà và nhắm mắt ngồi thở dốc. Một lúc sau thấy đỡ chóng mặt, tôi lết đến bên bếp xếp mấy thanh củi nhen lại đốt lửa. Lúc này mới thấy ruột gan còn cào và réo lên ùng ục. Tôi biết mình xuống sức một phần do không ăn được gì, gần tháng trời chỉ uống mật ong pha loãng. Giờ phải tập ăn lại. Tôi nướng một con cá khô rồi vừa nằm vừa nhai. Chưa thấy ngon nhưng không bị nôn, hẳn cơ thể đã chấp nhận.

Cứ như thế, hàng ngày tôi tập vận động và tự bắt mình phải ăn. Đến hôm tụt xuống được cầu thang tới ngồi bên chiếc bàn đá, nhìn ánh nắng chói chang nơi bãi cỏ trước nhà và nghe tiếng cây lá đung đưa rì rào trên đầu, tôi mới thực sự tin rằng mình còn sống được.

Tôi chống gậy lần ra vũng suối, ngồi bệt xuống bờ cát. Hôm nay đã là ngày thứ bốn mươi lăm kể từ hôm bị sốt, nếu như chiếc đồng hồ vẫn chạy đúng. Một mùa xuân đã trôi qua. Đáng ra giờ

này mình về đến nơi rồi mới phải. Chưa biết bao giờ mới đủ sức trở về. Điều đó lúc này càng hết sức xa vời.

Nhìn xuống vũng suối, tôi thấy bóng mình còn xa lạ hơn lần trước: hai con mắt thô lỗ trên khuôn mặt chỉ còn da bọc xương, mái tóc rối bù dài quá vai, râu ria tua tủa, bộ quần áo rằn ri nhàu nát thũng thình trên người. Mọi cơ bắp như biến mất sau những ngày nằm liệt giường. Tôi trở thành "người rùng" mất rồi? Thôi, còn sống được là tốt! May nhờ có lũ khỉ. Hình như trong thứ quả chúng mang về có vị thuốc. Tôi không dám chắc điều đó mà cũng không tiện hỏi. Lũ khỉ tốt bụng không có thói quen giấu diếm những bài thuốc gia truyền như con người, chẳng qua chúng không nói được. Thế mới biết ở đâu cũng vậy, nếu sống tốt ta sẽ được đền đáp. "Ở hiền gặp lành" mà! Chẳng có tiên có bụt như trong chuyện cổ tích, nhưng con báo Aga bảo vệ tôi, lũ khỉ cứu sống tôi. Ngay cả con người, không phải ai và lúc nào cũng làm được như vậy. Và sẽ chẳng có điều kỳ diệu nào cả, nếu ngay từ đầu tôi không thực lòng đối xử tốt với chúng.

Việc trở về tính sau, giờ phải nghĩ tới chuyện tập luyện và sắp xếp lại nơi ăn ở. Dù gì đi nữa, cũng phải sống cho ra con người. Tôi đem dao găm mài trên đá cho thật sắc để cạo râu. Tóc thì đành chịu. Trước đây tôi đã cắt thử: một tay túng từng lọn tóc, tay kia dùng dao cứa. Kết quả trông nó nhăn nhó đến phát khiếp. Cạo trọc dễ hơn nhưng tôi không muốn, nên đành lấy dây buộc túm lại sau gáy cho đỡ nóng. Lại còn cả đóng quần áo, võng màn, mấy ngày ốm tôi vợ tất cả đắp lên người vì không nhen được lửa. Nay phải mang ra giặt giũ cho bay hết mọi hơi hám bệnh tật...

Tôi tập tễnh chống gậy đi nhặt quả bồ kết.

Chương XVI

Ngồi bệt trên đỉnh đồi, tôi giương ống nhòm thích thú ngắm đàn bò rừng nhờn nhờn nơi đồi cỏ gần ngã ba suối. Phải đến ba chục con là ít. Trông xa rất dễ nhầm đấy là đàn bò nhà đang ung dung gặm cỏ, nhưng khi chỉnh ống nhòm nhìn kỹ từng con mới thấy khác. Những con bò rừng có phần ức nở nang, đôi sừng xoắn cong khoằm khoằm, toàn thân phủ lớp lông dài vàng sậm, dọc sống lưng lông dày rậm hơn và có màu nâu đen. Có cả mấy con nhỏ chạy tung tăng theo mẹ. Đàn bò này từ nơi khác đến chứ lâu nay tôi không thấy. Và chúng đến để rong chơi thì đúng hơn, vì dạo này cỏ đã khô sém đi dưới ánh nắng đầu hè. Phía ấy vẫn thấy có nhiều thú lớn, chắc cỏ ở đó tốt hơn.

Lên khỏi ngọn cây một quãng, mặt trời nhỏ lại và tỏa nắng chói chang. Sương đã tan hết, đất ẩm lên và không gian trong suốt. Gió thênh thang trên đồi, những ngọn cỏ màu hung nâu đứng đưa nhè nhẹ. Vài gợn mây hồng nhạt lúc sáng mai giờ đang tan vào tầng không mênh mông.

Trong ống kính, những con bò vẫn mãi mê gặm cỏ. Lúc lúc chúng lại lồng lên đuổi nhau chạy rớn. Đang định buông ống nhòm xuống, tôi chợt thấy mấy con bò lớn ghéch mõm nghe ngóng và bèn chồm gõ móng xuống đất. Rồi cả đàn bò bỗng lồng lên chạy. Lúc đầu tưởng chúng chạy về hướng con suối nhưng không phải. Một con, có lẽ là con đầu đàn, chạy vòng vòng cuốn theo những con khác, dần dần chỉ thấy một đám vàng đen ló nhỏ chuyển động xoay tròn.

Chuyện gì vậy? Rê ống nhòm về hướng mấy con bò nhìn lúc nãy, thấy có vật gì đang di động. Tôi chỉnh tiêu cự để nhìn rõ hơn: một con cọp. Sắc lông vàng cháy của nó chập chờn trong cỏ. Không nhìn rõ chân nên trông con cọp như đang lướt trên triển dốc. Nó đã tới gần đàn bò.

Nhưng yếu tố bất ngờ không còn nữa. Cả đàn bò quây thành một đám tròn, những con lớn đứng ở vòng ngoài găm găm chĩa sừng ra. Giờ cọp ta chỉ còn nhìn thấy những u bắp và cẳng chân gân guốc, những tảng đầu gồ ghề với cặp sừng cong nhọn hoắt cùng những đôi mắt gườm gườm nẩy lửa. Con cọp bắt đầu chạy quanh, tìm xem chỗ nào có thể đột phá. Mỗi lần nó đổi hướng là cả đàn bò lại rùng rùng giẫm chân, nhưng cái khối tròn vẫn không hề suy sụp. Một bên phòng ngự kín kẽ, một bên cố tìm chỗ yếu tấn công. Máy lần con cọp rạp chân gồng mình quật đuôi chờn vờn nhưng vẫn không dám chồm lên, không có cơ hội cho nó vồ mồi. Nếu đàn bò bỏ chạy, nhất định sẽ có con yếu sức chạm chân lọt vào móng vuốt nó, sẽ bị nó cắn cổ lôi đi. Còn lúc này, cái khối tròn lờm chờm sừng nhọn trước mặt là cả một sức mạnh đáng sợ. Đáng ra cọp ta phải dán mình trườn sát đất để tiếp cận đàn bò theo như bài bản sẵn mồi truyền kiếp, nhưng khoảng cách quá xa và sườn đồi trọc đã không cho phép nó làm điều đó. Hơn nữa con cọp đang độ sung sức, nó quá tự tin vào sức lực hùng mạnh của mình nên sử dụng tốc độ để đột kích, và bây giờ đành phải chấp nhận thất bại.

Sau khi vờn mấy vòng quanh đàn bò, con cọp bỏ cuộc. Nó thống đuôi thất thế chạy vào rừng, đi kiếm con mồi dễ săn hơn. Thịt bò tuy ngon đấy, nhưng đành đợi dịp khác, lúc đàn bò chia lẻ đi kiếm ăn trong rừng chẳng hạn.

Tôi ghé lưng sát chiếc ba lô, quàng hai quai vào vai rồi chống gối ráng sức đứng dậy. Trong ba lô chỉ có chừng mười lăm cân đá cuội, nhưng đối với tôi lúc này nó nặng như trước đây cồng nửa tạ gạo. Sau trận ốm, tôi lại bèn bí luyện tập. Ban đầu đi bộ từng chặng ngắn, sau tập chạy rồi tập mang nặng leo dốc. Mỗi ngày hai lần, sáng tinh mơ và lúc chiều xế. Sáng nay tôi leo đến đỉnh đồi cỏ phía trên tràng cát từ lúc mặt trời mới lên, nhưng đã ngồi lại khá lâu để ngắm đàn bò, mấy khi có dịp được nhìn thấy cảnh hấp dẫn như vậy. Giờ phải cố đi một mạch về đến nhà. Xốc

lại chiếc ba lô lọc cọc sau lưng, tôi bậm môi choãi người bậm từng bước xuống dốc.

Về tới bên chiếc bàn đá, tôi ngồi phịch xuống eo gỡ quai ba lô ra khỏi vai, há mồm thở dốc. Vậy là xong bài tập buổi sáng, giờ có thể nghỉ đến chiều. Nhìn tảng đá kê làm bàn, tôi biết còn lâu mới vác nổi nó như trước kia. Nếu nhanh cũng phải hết hè. Và như vậy lại thêm mùa mưa nửa trong rừng. Không sao! Tôi sẽ tập cho đến khi đủ sức quay về.

Có thể nói mùa hè trong rừng năm ấy cũng dễ chịu. Ngoài những giờ tập ra, tôi không còn phải lặn lội đào đãi ngoài rừng vất vả như trước đây. Dòng suối trong mát, bóng râm dưới tán lá lúc ban ngày cũng như đống lửa ban đêm đã làm dịu bớt sự khắc nghiệt của khí hậu. Tập xong, nghỉ ráo mồ hôi là tôi nhảy xuống vũng suối tha hồ vùng vẫy. Buổi trưa, nếu không muốn ngủ trong nhà thì ra mắc võng dưới bóng cây nằm mơ màng chờ những âm thanh của rừng trưa ru vào giấc ngủ. Mùa này không cần trư thức ăn. Tối bữa tôi mới xách súng vào rừng hoặc ra suối câu cá. Muốn ăn "sang" hơn phải chịu khó một chút, đi kiếm rau, bẻ măng, hái hoa quả hoặc lấy mật ong...

Chiều tối, tôi đốt một đống lửa trên bãi cỏ, vừa nấu ăn vừa ngắm làn khói xanh lam bay lơ lửng lên vòm lá rồi hòa vào màu tím man mác của rừng chiều. Giờ này bầy khỉ cũng về tới. Chúng nô đùa nhảy nhót trên bãi cỏ trước lúc leo lên cây ngủ. Chỉ có khỉ già ngồi chồm hồm trên hòn đá nhìn tôi đốt lửa, trầm tư như một cụ già ít nói. Dạo này nó cũng già lắm rồi, chòm lông bên thái dương đã bạc trắng. Trên nhánh cây con báo nằm liềm chân, đợi tôi gọi xuống ăn thịt nướng. Nó đã no mồi suốt ngày trong rừng nhưng vẫn thích nhám nháp một miếng thịt nướng trước khi đi ngủ vì đã quen như thế từ nhỏ. Nói "nhám nháp" là chỉ việc ăn thêm cho vui miệng, chứ kỳ thực nó nhai rau rầu cả xương lẫn thịt hoặc gặm sồn sột những khúc xương to.

Hoàng hôn, khoảnh khắc tĩnh lặng đặc biệt của rừng già, phút giao thời giữa ngày và đêm, giữa ánh sáng và bóng tối rừng trở

nên êm đềm trong tiếng chim nháo nhác gọi nhau bay về tổ. Nhưng chỉ lát nữa thôi, những âm thanh của cuộc sống ban đêm lại vang lên hối hả khi bóng tối lấp đầy mọi khoảng trống trong rừng.

Ngày lại ngày, cuộc sống cứ bình thản trôi qua như thế. Nhiều lúc tôi có cảm giác như mình đã an phận ẩn dật nơi rừng xanh núi thẳm. Nhưng những đêm chợt thức giấc bởi tiếng cộp còm à uôm bên kia suối rồi không sao ngủ lại được tôi nằm nghe tiếng một nghiêng đều đều trong cây gỗ khô, tiếng quả đa rơi lộp bộp trên mái nhà, cảm thấy mình như lạc lõng chơi vơi, như chìm đắm mê man trong màn đêm sâu thẳm của rừng già. Những lúc đó, tiếng con mang tác đều đều trong rừng sâu nghe cũng buồn như tiếng trẻ khóc hờn gọi mẹ nơi xóm nhỏ.

Nếp sinh hoạt đều đặn, không khí trong lành cùng chế độ tập luyện tích cực đã giúp tôi phục hồi sức khỏe nhanh chóng. Đến ngày giỗ hai anh, tôi đủ sức đi một mạch về bên mộ, không phải dừng nghỉ dọc đường. Và tôi ăn khỏe lắm. Hầu như lúc nào cũng thấy đói.

Nhưng cuộc sống nhàn nhã cùng hai năm không bóng giặc không bom rơi đạn nổ đã làm trở mòn ý thức cảnh giác. Trước đây mỗi lần đốt lửa tôi phải đợi đến đêm, hoặc có nấu ăn ban ngày thì cũng chọn thứ củi thật khô và ít khói. Còn bây giờ tôi đốt bất cứ lúc nào, có lúc bứt cả cành tươi ném vào đống lửa cho khói mù lên xua đuổi những con bọ con muỗi đến quấy rầy. Những lần tập đi tập chạy trên cùng một lối đã tạo nên con đường mòn rõ mòn một từ nhà lên tới ngọn đồi cỏ phía trên tráng cát. Đã thế, tôi còn dùng dao phát rộng lối cho dễ đi. Đôi khi tôi ung dung đi bắn gà rừng ngoài đồi mà không hề e ngại những chiếc trực thăng có thể ập tới như ngày nào. Chẳng có ai, chẳng có cái gì nhắc nhở tới việc giữ bí mật. Lúc này tôi chỉ lo một việc duy nhất là làm sao đủ sức quay về.

Do thiếu muối nên cơ thể tôi kém dẻo dai, đầu óc lúc nào cũng bứt rứt, tay chân bại hoại, và lo nhất là mắt kém dần đi. Để khắc

phục, tôi tính tới chuyện đốt cỏ tranh lấy tro ăn. Trong cuốn "Đất nước đứng lên" có kể đồng bào dân tộc tới bữa rút mái nhà đốt ăn thay muối. Có lẽ đã đến lúc áp dụng điều học được từ trang sách. Gì chứ cỏ tranh ở đây không thiếu.

Thế là một buổi chiều lúc gần tắt nắng, tôi xách súng đi ra mé đồi phía trên gốc bò kết. Ở đó có vạt cỏ tranh già cháy nắng tốt rậm như đùng, mà tôi tính có ăn cả đò cũng không hết. Lúc đầu chỉ định bứt một ôm về đốt ăn thử, nhưng ra tới nơi, tôi bỗng nảy ra ý định nhân dịp này kiểm nghiệm một điều khác cũng đọc được trong sách. Có cuốn sách nào đó đã kể, những con nai con hoẵng đi ăn đêm về thường tới nơi đồng bào dân tộc đốt rẫy để liếm muối trong cỏ tranh cháy. Tôi rút bật lửa đốt luôn vạt cỏ tranh. Mùa này khô nhưng gió thổi lên hướng đỉnh đồi nên không lo cháy rừng. "Gần sáng mình sẽ đến đây phục bắn nai!", tôi nghĩ thầm và bốc đầy một bao tro đem về.

Bữa đầu tiên ăn thứ "muối" của rừng là một kỷ niệm đáng nhớ. Chẳng thấy mặn, chỉ có vị chát, và xạm xạp trong miệng như ăn... tro. Tuy không mấy hứng thú, nhưng về sau tôi vẫn chấm thịt nướng vào tro để ăn. Còn những lúc hầm thịt hay nấu canh rau thì không dám bỏ thứ muối ấy vào. Chỉ nhìn nó nổi lều bều đen đặc, đã thấy mất ngon.

Tôi hôm đó tôi không đi bắn nai như dự định. Phần nghĩ có bắn một con cũng không ăn hết, mà bắn con thú chỉ để thỏa ý thích tò mò thì không nên, phần tôi ngại cọp. Cánh rừng phía dưới ngã ba suối có con cọp to, chính cái con hôm trước ra đòi săn bò rừng. Đạo này nó đã mò lên gần đây, lúc chiều thấy dấu chân nó in trên trắng cát to như miệng bát. Không cần thiết phải xây ra một cuộc đụng độ, nhất là về ban đêm, khi mà mọi ưu thế đều thuộc về xoài thú vốn được coi là chúa sơn lâm.

Buổi sáng hôm đó cũng bình thường như mọi sáng khác, không hề có dấu hiệu nào báo trước cho tôi biết sắp xảy ra một biến cố làm gián đoạn chuỗi ngày êm ả của cuộc sống ẩn dật bất

đắc dĩ. Chim vẫn hót râm ran từ lúc hừng đông và mặt trời tỏa nắng gay gắt khi vừa ló dạng.

Bảy giờ sáng. Tôi thả phịch ba lô đá xuống chân cầu thang, thở phào nhẹ nhõm. Đáng ra tôi về nhà sớm hơn, nhưng lúc đi vào dải rừng non gặp nhà khỉ láng giềng đang rối rít trên một lùm cây chi chít những quả chín hồng hồng đỏ đỏ, nên tôi dừng lại xem. Thấy chúng bứt quả ăn ngon lành, tôi cũng hái ăn thử. Chẳng biết thứ quả gì mà mới ngửi mùi đã thấy buồn nôn. Rõ ràng khẩu vị của khỉ cũng có khác người.

Nghỉ ngơi một lúc, tôi ra suối tắm. Mặt trời đã lên cao. Ánh nắng rực rỡ xuyên qua làn nước trong vắt, soi rõ những hòn cuội trắng mờ dưới đáy vũng suối.

Vừa lội xuống nước, chợt nghe có tiếng sấm ì ùng từ rất xa vẳng lại. "Mới sáng mà đã có giông! Chắc năm nay mưa sớm...". Nghĩ vậy nhưng tôi không bận tâm. Đàng nào cũng phải qua mùa mưa nữa ở đây. Tôi ngụp xuống nước, lặn một hơi tới tận chân tảng đá hình con voi.

Tám giờ sáng. Tôi bước lên cầu thang, vừa đi vừa dùng tay phẩy tóc cho ráo bớt nước. Mới vào nhà, định nhen lửa nướng thịt ăn sáng, bỗng nghe tiếng lũ khỉ chôn rộn ngoài kia. Lê đầu ra cửa, tôi nhìn thấy chúng nhảy từ trên cây xuống bãi cỏ, hót hái nhảy về cây đa. Có biến rồi! Việc gì thế nhỉ! Thái độ lũ khỉ giống hôm chúng kiến vự trăn mốc nuốt mẹ con báo hoa, nhưng hôm nay chúng chạy thẳng tới gốc đa bám thân cây trèo lên chứ không dừng lại trước nhà tôi. Chỉ có khỉ già lúc ngang qua có kêu lúc chác mấy tiếng sợ hái. Chẳng lẽ chúng gặp một con vật nguy hiểm nào đó? Trăn? Cọp? Phía trên dải rừng non, một bầy chim chùng năm sáu con vỗ cánh bay tán loạn. Đầu tôi căng lên. Sự nhạy cảm vụt trở lại và nhanh chóng hình thành mối liên hệ giữa thái độ của lũ khỉ với tiếng sấm ì ùm lúc nãy. Chết rồi! Tiếng trực thăng chứ không phải sấm. Khi đó tôi ngụp xuống nước, không nghe được lúc nó tới gần. Trực thăng đổ quân. Và toán quân này

đi theo lối mòn qua trảng cát vào dải rừng non nên lũ khi trông thấy. Thú rừng vốn nhạy bén với sự nguy hiểm, dù là xa lạ.

Lợi dụng lúc khói bụi mù mịt, tôi dán người sát đất trườn lui một quãng rồi bò nhanh sang vạt rừng phía bên phải. Ở đây rậm rạp, không không dễ gì phát hiện ra được.

Nấp sau gốc cây, tôi thận trọng lộ đầu quan sát. Hai tên bị thương đang cuống quýt băng vết thương, tên còn lại vẫn giương súng bắn từng loạt quanh cây đa. Ngoài dải rừng non không thấy có bọn khác xuất hiện. Tốt lắm! Đến lúc phải sẵn sóc thẳng đang bắn. Hắn nấp kín quá, chỉ nhìn thấy một bàn chân thò ra. "Thì chân vậy!" Tôi ngắm vào chiếc giày linh màu đen và bóp cò. Hắn rụt chân nhanh như chớp và hét văng lên.

Tranh thủ lúc đó, tôi xách súng lui qua những lùm cây tiến đến gần hơn. Nhanh lên, càng áp sát càng tốt! Lỡ trực thăng tới yểm trợ...

Có tiếng sột soạt phía sau. Tôi ngoảnh lại và suýt bật kêu mừng rỡ khi nhìn thấy con báo lộ đầu ra. Lực lượng tiếp ứng đến thật đúng lúc. Tôi đang yếu, nếu phải cận chiến cầm chắc thua. Giờ thì khỏi lo rồi! Vẫn biết báo Aga đã quen với tiếng súng những lúc cùng tôi đi săn, nhưng thật bất ngờ khi nó dám chạy về tìm tôi giữa lúc súng nổ ầm ầm như thế này. Tôi xoa đầu con báo rồi tiếp tục luôn đi, lát sau đã đến bên hông tụi lính, chỉ cách hai chục mét. Hai tên bị trúng đạn ở tay đang gác súng lên mấy hòn đá bắn hú họa canh chừng cho tên kia tháo giày băng vết thương. Thằng này nhặt mày nhăn nhó méo xẹo, chúng tỏ hẳn đau và hoảng hốt đến cực độ.

Tôi trườn tới gốc cây giáp bãi cỏ. Mấy tên lính vẫn chưa hay biết gì, chúng đang hót hải giục nhau rút. Một thằng cầm chiếc máy truyền tin đưa lên miệng. Tôi nâng súng, gạt sang nấc bắn liên thanh và hét to: "Bỏ súng xuống, giơ tay lên?" Tiếng hét kháo kháo nhưng cũng đủ làm cho tốp lính giật mình. Hai tên nấp sau tảng đá hoảng hết thả rơi súng, nhưng tên kia lại quờ tay định chụp khẩu tiểu liên đặt trên cỏ. Tôi bắn nhanh một loạt. Đạn cày

tung đất cạnh nó, mấy viên xuyên vỡ báng súng làm tóe lên những mảnh nhựa màu đen.

– Đừng liều lĩnh vô ích. Đưa tay lên! - Tôi lại quát, lần này đồng dặc hơn.

Hai tên lính từ từ đứng dậy, nhưng chỉ có cánh tay lành là giờ được quá đầu. Tên bị ở chân vẫn ngồi trên cỏ giờ cả hai tay, mắt lấm lét. Tôi bước ra khỏi gốc cây, gằn giọng nói:

– Nếu muốn giết các anh, tôi chẳng cần nổ súng lần thứ hai đâu. Muốn sống phải làm theo lệnh tôi, nghe rõ chưa?

– Dạ... - Cả ba đưa li nhí, nhìn tôi sửng sờ.

– Cởi nịt đạn ra? - Tôi ra lệnh.

Chúng luống cuống tháo thắt lưng đạn. Tên trung sĩ, kẻ bị bắn vào mu bàn tay, cởi luôn chiếc máy truyền tin đặt xuống cỏ.

– Lùi lại năm mét. Đứng vào một chỗ. - Tôi lệnh tiếp.

Hai tên đi giật lùi. Tên què chân chống tay lết, cuộn băng băng dở tháo ra trải dài trên cỏ, máu loang từng vệt đỏ sẫm. Tôi bước tới nhặt mấy thắt lưng đạn ném vào gốc cây và hỏi tiếp, giọng nhẹ hơn:

– Các anh có mấy người? - Dạ... thưa... tụi em có bốn... - Tên trung sĩ trả lời run run.

– Nói láo! Nếu đồng bọn của các anh xuất hiện, thì các anh là người chết trước đó? - Dạ, thiệt tình... tụi em chỉ bốn người. - Tên què chân trả lời...

– Còn trên máy bay?

– Dạ, có phi công.

– Máy người?

– Dạ một ạ!

– Thế lái phụ?

– Dạ bay tầm gần nên không cần lái phụ.

– Thôi được! - Tôi nói - Giờ nghe đây! Tôi biết các anh là những người giỏi cận chiến, nhưng không đọ nổi với vệ sĩ của tôi

đâu, nên đừng có giờ trò làm liều, rõ chưa?

– Dạ... - Cả ba áp úng, mắt lăm lét nhìn con báo. Nãy giờ nó theo tôi như hình với bóng, thỉnh thoảng lại nhe răng gầm gừ vì người thấy mùi máu tươi. Tôi phải vỗ vỗ lên đầu nó để trấn an.

Tôi bắt ba tên lính quay lưng lại, bước tới soát người chúng cho chắc ăn. Mát cảnh giác với bọn này là mát mạng. Trong người chúng không có vũ khí.

– Cho các anh ngồi xuống, băng lại vết thương đi! - Tôi giật mấy cuộn băng cá nhân cài ở rút đạn ném cho chúng.

Trong lúc chờ bọn lính băng vết thương, tôi nhặt mấy khẩu súng tháo băng đạn ném vào một chỗ, kéo khóa nòng cho viên đạn trong súng rời xuống cỏ.

Đợi chúng băng bó xong, tôi mới hỏi tiếp:

– Các anh lên đây làm gì?

– Dạ... thưa... tụi em được lệnh thám sát...

– Thám sát cái gì?

– Dạ... tụi em chỉ làm theo lệnh... - Y áp úng.

– Nói rõ đi! - Tôi quát - Dối trá thì không còn được sống mà về đâu!

– Dạ, - tên trung sĩ vội đáp - Máy bay trinh sát chụp ảnh, họ phát hiện ở đây có những dấu vết đáng ngờ. Bên tham mưu giao tụi em lên kiểm tra tại chỗ...

– Dấu vết gì?

– Dạ, trong ảnh chụp thấy có đốt lửa và có lối đi, mấy ổng nghi có người ở đây...

– Ảnh đâu?

– Dạ, để trên máy bay...

Tôi suy nghĩ một lúc rồi nói:

– Tôi sẽ kiểm tra lại điều đó. Nếu đúng vậy, sẽ cho các anh về.
- Tôi cầm chiếc máy truyền tin đưa cho tên trung sĩ - Cho phép anh gọi trực thăng, nhớ dặn họ đừng có giờ trò.

Tên trung sĩ cầm máy chưa kịp nói gì thì tôi nhặt máy khẩu súng rỗng ném trả cho chúng: "Cầm lấy!"

Bọn lính sửng sốt. Chúng không ngờ tôi lại rộng rãi như thế. Hoặc chúng đang căng óc cố nghĩ xem tôi là người thế nào? Áo quần như chúng, súng đạn đầy người và cũng hiện đại không kém, nhưng mặt mày đen sạm hốc hác cùng mái tóc dài buộc túm sau gáy thì giống người rừng? Lại còn con dã thú theo sát từng bước, chốc chốc lại nhe hàm răng trắng ón nhọn hoắt với cái miệng đỏ lòm. Chừng đó đủ gây ấn tượng mạnh hơn cả một nòng tiểu liên lăm lăm sẵn sàng nhả đạn.

– Nhìn cái gì? Liên lạc đi! Tôi không thèm lừa các anh đâu! Thấy bọn lính cứ nhìn chăm chăm, tôi phát cáu.

Tên trung sĩ vội bật máy gọi:

– A lô! Anpha đâu? Đây Bê ta gọi Anpha.

Trong máy có âm thanh trả lời, giọng eo éo nghe không rõ.

– ...Dạ, Bê ta có ba người bị thương, thương sĩ đã chết. Xin trực thăng xuống đón.

Tiếng trong máy hỏi lại gì đó. Tên trung trả lời:

– Dạ tụi em bị bắt... ở đây có một... - Y liếc nhìn tôi áp ứng.

Tôi chìa tay. Y vội đưa máy cho tôi.

– Phi công nghe đây! - Tôi gằn giọng nói vào máy - đồng bọn của anh có một người chết, ba người bị thương đang bị bắt giữ. Cho phép anh xuống đưa họ về...

– Dạ thưa... - Tên trung sĩ xen vào. Tôi quắc mắt nhìn hắn:

– Cái gì?

– Dạ thưa quý anh, phi công là đàn... là... phụ nữ ạ!

Tôi ngớ người kinh ngạc. Chuyện lạ! Xưa nay trên thế giới cũng có phụ nữ lái máy bay chiến đấu, nhưng ở Việt Nam thì đây là lần đầu tiên tôi nghe nói đến. Chà! Xưng hô thế nào nhỉ? Chị? Bà? Cô? Mụ?... Nói chuyện với đàn ông, dù là kẻ thù, vẫn dễ hơn.

Trong máy có tiếng nói vọng ra. Giờ thì tôi biết đó là giọng nữ chứ không phải vì máy nên âm thanh khác đi:

– Ông là ai?

– Cứ gọi tôi là... người của rừng cũng được. - Tôi cười nhẹ - Chuyện đó đâu có gì quan trọng!

– Làm sao tôi tin ông được?

– Nghe đây? - Tôi nói như quát vào máy làm mấy tên lính cũng giật mình - Tôi không cần cô tin hay không. Đồng bọn của cô có người bị thương cần được cứu chữa, người chết cần đưa về chôn cất. Cô có thể bỏ mặc họ mà về gọi thêm người tới đây nhưng tôi tin khi đó chỉ còn mấy khúc xương thôi. Ở đây thú dữ không thiếu, chúng đang ngửi thấy mùi máu tươi đấy? Chẳng lẽ cô... không có chút tình người nào với họ sao?

Một lát im lặng. Rồi giọng trong máy hỏi lại:

– Máy bay có thể đáp xuống ở đâu?

Tôi quay sang hỏi tên trung sĩ:

– Trực thăng hiện đỗ ở đâu?

– Dạ trên đỉnh đồi... nơi có vạt cỏ cháy.

– Hiểu rồi! Đây là chỗ tôi vẫn thường ngồi nghỉ giữa chặng tập. Tôi nói vào máy:

– Cách chỗ cô đang đứng khoảng hai cây số về hướng tây bắc có một trảng cát rộng nằm cạnh con suối. Tôi sẽ dẫn mấy người bị thương ra đó. Khi nào được gọi, cô cho máy bay đỗ xuống, rõ chưa?

– Rõ rồi! - Giọng trong máy trả lời cộc lốc.

Tôi đưa máy cho tên trung sĩ cầm để được rảnh tay, và nói với chúng:

– Các anh đi ra chỗ trảng cát, máy bay sẽ xuống đó. Còn người kia... - Tôi lưỡng lự - Thôi, để tính sau. Đi đi!

Cả ba dìu nhau đứng dậy đi theo hướng tôi chỉ. Tên bị thương ở chân chống súng bước nặng nhọc. Lúc tới dải rừng non, tôi rút

dao chặt một thân cây nhỏ có nạng đưa cho hắn:

- Anh cầm chống đi cho dễ!
- Cám... cám ơn... quý anh! - Hắn lắp bắp.

Cho ba tên lính đi trước, tôi theo sau cách vài mét. Ra tới một phần ba tràng cát, tôi bảo cả bọn đứng lại rồi hỏi tên trung sĩ:

- Trên máy bay trang bị vũ khí gì?
- Dạ không có. Trực thăng chở quân bình thường, không gắn súng.
- Thế còn phi công!
- Dạ, chị Thủy có cây ru lô.
- Được! Anh gọi máy bay đi!

Y mở máy gọi. Phía trên trời có tiếng động cơ phành phạch. Một chiếc HU1A từ từ lên cao, chao nửa vòng rồi bay thẳng về hướng tôi. Bất giác tay tôi siết chặt khẩu súng. Cảm giác khi bị trực thăng săn đuổi ngày nào giờ như trở lại...

- Anh nói máy bay đổ giữa bãi. - Tôi bảo.

Tên trung sĩ gọi vào máy. Chiếc trực thăng xuống thấp hạ càng chính giữa tràng cát, cánh quạt cuộn tung bụi mù mịt. Tôi cầm chiếc máy từ tay tên trung sĩ và gọi:

- Phi công nghe đây! Tắt máy. Bước xuống đứng cạnh máy bay!

Tiếng động cơ im bật. Cánh quạt quay chậm dần rồi ngừng hẳn. Cửa bên mở ra, một người bước xuống. Cô ta gỡ chiếc mũ phi công bỏ lại vào buồng lái, tháo cặp tóc đưa lên miệng ngậm, hơi ngửa đầu lắc lắc cho mái tóc xõa ra rồi đưa cả hai tay ra sau vuốt tóc kẹp lại.

Tôi hơi ngỡ ngàng. Không ngờ cái cô "giặc lái" này lại có những động tác đầy nữ tính đến như thế. Mà lại để tóc dài nửa chử! Nếu tóc cô ta uốn, ép gì đó, chắc tôi không ngạc nhiên. Nãy giờ tôi vẫn hình dung trong đầu một mụ đàn bà cao to, tướng tá

dữ dãn bặm trợn, cỡ trên ba chục tuổi. Cô này trông còn trẻ và thon thả.

Tôi quay sang bảo mấy tên lính: "Tới đi". Chúng thất thủ bước tới. Tôi theo sau. lát sau tôi đã nhìn rõ cô ta: áo pilot, quần lính, trạc hăm bốn, hăm lăm tuổi, khuôn mặt tròn tròn trông cũng... dễ coi. Cô ta đứng cạnh máy bay chăm chăm nhìn chúng tôi, có vẻ không sợ hãi gì.

Còn cách chiếc trực thăng một quãng ngắn, tôi ra hiệu cho bọn lính dừng lại rồi đi vượt lên, tới trước mặt cô gái và dùng chéch sang một bên để có thể kiểm soát được cả tốp lính. Cô ta nhìn tôi, lại nhìn xuống con báo lúc này vẫn theo tôi sát gót, vẻ ngạc nhiên lẫn tò mò.

Không nói gì, tôi nhìn thẳng vào mắt cô ta và chìa tay trái ra, tay phải vẫn nắm chặt súng, ngón trỏ đặt hờ trên vòng cò. Hiểu ý, cô gái từ từ mở bao súng rút khẩu ru lô, cầm đầu nòng chìa báng đưa cho tôi. "Lịch sự gớm nhỉ!". Tôi thoáng cười, cầm khẩu ru lô bấm chốt lắc ổ đạn ra, dốc cả sáu viên đạn rơi xuống cát rồi vẩy tay hất ổ đạn sập trở lại và đưa trả. Cô ta nhận súng, nét mặt hiện chút sững sốt nhưng ngay lập tức trở lại bình thản.

– Nghe tôi hỏi đây! - Tôi nói chậm rãi - Các người tới đây làm gì?

Cô ta im lặng, ánh mắt lộ vẻ thách thức. Tôi cười khẩy:

– Cô có thể không trả lời. Chẳng qua tôi đã hứa với mấy người kia là sẽ để cho họ sống nếu nói đúng sự thật, giờ chỉ kiểm tra lại thôi!

– Chị Thủy... - Tên bị thương ở chân kêu lên. Cô ta lạnh lùng trả lời:

– Tôi được lệnh chờ những người này tới đây, thế thôi!

– Tám không ảnh đâu? - Tôi hỏi luôn.

Cô ta ngạc nhiên nhìn mấy tên lính nhưng không nói gì chỉ quay người với tay lên buồng lái lấy xuống chiếc cặp mỏng, thản nhiên đưa cho tôi.

Một mặt chiếc cặp làm bằng mi ca trong suốt. Tấm ảnh đen trắng to cỡ trang sách cài trên tấm bản đồ bay. Tôi nhìn qua và hiểu ngay: trong ảnh là một vùng đồi núi được chụp từ trên cao, thấy rõ cả mảng đen của cỏ cháy và lối mòn lờ mờ ngoằn ngoèo.

Tôi xem tiếp tấm bản đồ bay: đường bay kẻ bằng chì xanh, xuất phát từ Đà Nẵng chạy dịch dắc qua mấy điểm cao, chắc để dễ định hướng, rồi kết thúc ở điểm có dấu chì đen. Tôi định thu tấm bản đồ, nhưng sau lại thôi. Thứ này chỉ dùng cho những kẻ "đi mây về gió". Hơn nữa, nó chỉ có vùng từ vĩ tuyến mười sáu trở vào.

Đưa trả cô ta chiếc cặp, tôi hỏi tiếp:

– Cô bay tới đây mấy lần rồi?

– Lần đầu? - Cô ta đáp cụt lủn.

– Trong kia có một người chết, cô nên đưa xác anh tả về. Trên máy bay có băng ca không?

Cô ta không nói, chỉ gật đầu.

– Lấy xuống đây? - Tôi ra lệnh, đã thấy bực mình nhưng cố nhịn. "Được rồi! Thế nào cũng phải cho cô ta một bài học..." Tôi tự nhủ, nhưng bài học gì thì lúc này chưa nghĩ ra.

Cô ta mở cửa hông máy bay lôi xuống chiếc băng ca khung nhôm, loại gấp được. Tôi liếc mắt, thấy trong khoang máy bay trống trơn.

Quay sang tên lính bị thương ở chân, tôi nói:

– Anh ở lại đây. Nếu sợ cộp thì leo lên máy bay mà ngồi. Còn hai anh kia đi theo tôi. Cả cô nữa, xách băng ca theo.

Cô ta không nói gì, định vác chiếc băng ca lên vai, nhưng tên trung sĩ đã đưa cánh tay không bị thương đỡ lấy: "Chị để em!" Giọng anh ta có vẻ kính nể, mặc dù cô gái trông ít tuổi hơn.

Tôi đi trước, ba "vị khách" theo sau. Báo Aga uyển chuyển sải bước bên cạnh. Bọn chúng sẽ không dám phản phúc, ít nhất cho đến lúc đưa được xác tên kia về.

Mười giờ trưa. Mặt trời đổ lửa xuống tràng cát, hơi nước bay lên thành những lớp không khí lung linh. Bọn chúng tôi, hai lực lượng đối địch, đi bên nhau dưới cái nắng chói chang. Hai tên lính bị thương bước nặng nhọc. Tôi biết chúng riệt, nhưng không còn cách nào khác. Chẳng lẽ chỉ tôi với cô ta leo đèo kẻ trước người sau khiêng cái xác? Vả lại, không phải giải quyết hậu quả do chính chúng gây ra.

Qua khỏi dải rừng non, chúng tôi đến bên xác tên thượng sĩ. Quả lựu đạn nổ làm hai chân hắn nát báy. Ruồi nặng vù vù trên vũng máu đen đặc. Bầy kiến kéo tới bu đầy cả trên mặt, trên đôi mắt lúc này đã trắng dã nhưng vẫn mở trừng trừng như còn kinh sợ. Tôi nhặt khẩu súng gãy và còi nịt đạn đem tới bỏ vào đồng vũ khí thu được lúc nãy, bảo hai tên lính vuốt mắt cho kẻ chết. Cả hai luống cuống làm mãi không được. Tôi đành gạt chúng ra, đặt bàn tay lên đôi mắt của xác chết, để một lúc rồi vuốt cho chúng nhắm lại. Mấy tên lính thuôn mặt đứng nhìn.

Chúng tôi hì hục vắn cái xác. Cô gái cũng định mó tay vào nhưng tôi gạt đi. Dù sao cô ta cũng là phụ nữ.

Đặt được cái xác lên băngca, tôi bảo cả bọn đứng đợi, lên nhà lấy bi đông nước xuống đưa cho hai tên lính. Chúng mừng rỡ cảm ơn rối rít, nhưng chưa uống ngay mà trao cho cô gái:

- Chị Thủy uống nước?
- Các anh uống đi, tôi không khát!

Cô ta trả lời, đưa mắt nhìn ngôi nhà và cảnh vật xung quanh vẻ ngạc nhiên. Lúc nhìn xuống dòng suối, cô ta mở tròn đôi mắt thích thú, mặt rạng nét hồn nhiên đến ngây thơ. Nãy giờ tôi vẫn kín đáo quan sát cô ta, vì tò mò hơn là cảnh giác. "Con gái trẻ thế mà lái được trực thăng...", trong lòng tôi không khỏi thán phục. Đối với tôi, lái trực thăng là một lĩnh vực quá ư phức tạp. Bắn rơi nó dễ hơn nhiều. Càng lúc càng thấy cô "giặc lái" này thật khó hiểu. Không rõ cô ta cấp bậc gì, nhưng chắc không phải loại vừa vì tụi lính tỏ ra kính nể thật sự.

Chúng tôi, bốn người nắm bốn góc băng ca khiêng cái xác ra máy bay. Lúc này tôi rất mệt. Sức tôi còn yếu, sáng nay chưa ăn uống gì. Trận đánh vừa rồi tuy đơn giản nhưng hết sức bất ngờ làm đầu óc căng thẳng, giờ lại luôn ở trong trạng thái cảnh giác cao độ. "Dù sao cũng đỡ hơn là phải đào hố chôn xác tại nó...". Tôi tự an ủi và nghĩ xem có thể khai thác được gì ở tốp lính bại trận này.

Có thể chúng khai đúng, đây chỉ là một cuộc trinh sát bình thường. Bức không ảnh cùng chiếc trực thăng không vũ trang nói lên điều đó. Hơn nữa, tốp lính ít ỏi, trang bị nhẹ và hoàn toàn bị bất ngờ khi chạm súng. Nhưng có mối liên hệ nào giữa chuyến bay hôm nay với những chiếc trực thăng tới đây từ hơn hai năm về trước? Nếu có, chắc gì tại này đã biết? Chúng chỉ là những quân tốt đen trên bàn cờ.

Đẩy được cái xác lên máy bay, tôi đưa tay áo gạt mồ hôi, nói với cả bọn:

– Các người nghe đây! Tôi làm tất cả những việc này vì lòng nhân đạo, chứ đúng ra các người không đáng được đôi xử như vậy khi vô cớ dùng súng đạn tấn công vào một con người sống đơn độc giữa rừng...

Mấy tên lính cúi rặt, cô gái vẫn nhìn tôi chăm chú. Không hiểu cô ta nghĩ gì? Tôi nói tiếp:

– Chắc các người muốn biết tôi là ai, và vì sao sống ở đây? Chẳng có điều gì phải giấu. Tôi sẽ nói cho các người biết để thỏa trí tò mò và để có cái về báo cáo với cấp trên. Tôi là một người lính Giải phóng lạc trong rừng, đã ở đây hơn hai năm nay. Vạt cỏ cháy do tôi đốt, lối mòn này tôi đi như các người thấy tận mắt. Các người là những con người đầu tiên tôi được gặp sau hai năm vắng bóng đồng loại. Hai năm... tôi khao khát một giọng nói, một tiếng cười nhưng các người chỉ đem đến đây sự chết chóc... Mà thôi! Các người chẳng hiểu được đâu! Nhưng tôi cũng nói luôn: bất cứ kẻ nào đến đây với mục đích làm hại tôi, sẽ bị đánh trả

quyết liệt. Nào, có ai muốn nói gì trước lúc chia tay không? - Tôi nói giọng chầm biểm.

Viên trung sĩ lên tiếng:

– Dạ thưa... xin cảm ơn quý anh... Mong quý anh thông cảm, tụi em chỉ làm theo lệnh...

Tôi ngắt lời hẳn:

– Tôi biết! Các anh là lính mà! Nhưng các anh nên nhớ, trước khi bóp cò súng, cần phải biết mình bắn vào ai và để làm gì? Chúng ta là những con người cả, đừng tự biến mình thành người máy chỉ biết bắn giết... - Tôi chợt muốn bật cười với bài "hùng biện" có vẻ không đúng lúc của mình - ... Còn cảm ơn thì không cần thiết. Chính các anh bị thương vì viên đạn tôi bắn, đúng không?

Tên lính què chân nãy giờ nhoài người ra cửa máy bay hóng chuyện, nay cũng chen vào:

– Dạ thưa... tụi em cảm ơn vì quý anh đã tha chết... Mà bị thương thế này chắc em sẽ được giải ngũ...

Anh ta khấp khởi.

Trời trưa gần tròn bóng. Cuộc trò chuyện kỳ lạ đúng là diễn ra giữa "thanh thiên bạch nhật". Tôi nói, giọng khản đặc:

– Còn việc nữa! Cách đây hơn hai năm có một chiếc trực thăng rơi ở đây. Cả ba người trong máy bay đều chết. Nhờ các người về báo cho gia đình hoặc đơn vị họ lên đem hài cốt về quê quán... - Tôi nói đều đều, hơi ngạc nhiên trước sự sững sờ của ba người lính và vẻ mặt tái xanh của cô gái. Theo tôi biết, phi công tên Trà, hai người kia tên Lộc và Tình, người của không đoàn Sáu.

Cô gái lão đảo vịn tay vào cửa máy bay, miệng lắp bắp "Sao... sao lại... ở đây?..."

Tôi nhìn cô ta:

– Cô biết họ phải không?

Cô ta chúi đầu vào cánh tay không nói được, đôi vai rung rung. Tôi đưa mắt cho mấy người lính ra ý hỏi. Lúc này họ đã xô đến gần nghe chuyện. Viên trung sĩ nói:

– Dạ thưa... nếu đúng vậy thì... đây là máy bay của anh chị Thủy.

– Anh? Anh ruột? - Tôi ngạc nhiên kêu lên.

– Dạ phải!

"Đúng là quả đất tròn! Gặp "oan gia" rồi!". Tôi nhìn cô gái, nghĩ thầm. Cô ta ngược đôi mắt ướt đẫm, hỏi lại như chưa tin:

– Anh nói... anh Trà chết ở đây?

– Đúng vậy! Tôi có xem giấy tờ. Nhưng tại sao khi máy bay mất tích mà không ai đi tìm? - Tôi hỏi, nghĩ giờ đây chắc sẽ giải đáp được thắc mắc ám ảnh suốt mấy năm nay. Dạ có tìm... nhưng không biết ở đây... - Cô ta lại khóc nức lên.

– Cô có thể nói rõ hơn được không? - Tôi sốt ruột.

Trưa nắng nóng, cái xác đang bốc mùi tanh nồng khó chịu.

– Anh ấy... bay tiếp tế... - Cô ta nghẹn ngào không nói được.

Viên trung sĩ xen vào:

– Dạ, để em kể cho quý anh rõ. Hôm đó anh bay đi tiếp tế cho tụi em mà...

Sắp xếp những lời kể khá lộn xộn của viên trung sĩ, tôi được biết như sau: Tiểu đội thám báo của y chốt ở một điểm cao gần A Sầu đã hơn mười ngày. Lương thực hết. Họ gọi lên máy bay thám thính yêu cầu điện về nhà xin tiếp cứu. Ngày hôm sau, họ gặp một đại đội bộ binh hành quân qua, bèn điện xin ý kiến trung tâm chỉ huy và nhập vào toán quân này xuống Huế. Hơn tuần sau họ về tới căn cứ và được biết một chiếc trực thăng bay đi tiếp tế cho họ bị mất tích. Chiếc trực thăng này khi bay được nửa đường thì nhận lệnh từ căn cứ gọi quay về vì toán thám báo đã rút. Đó cũng là lần liên lạc cuối cùng.

– Thế sao không đi tìm? - Tôi hỏi

Cô gái giờ đã bình tĩnh hơn, trả lời:

– Không đoàn tổ chức bay tìm mấy tháng liền. Không ai nghĩ ảnh bay lên tận đây. Các đơn vị đồn trú dọc đường bay của phi vụ hôm đó cũng được lệnh tìm kiếm, nhưng không có kết quả. Họ nói chỉ thấy máy bay lúc bay đi...

– Đúng vậy đó, thưa quý anh! - Viên trung sĩ xen vào - Sau khi máy bay mất tích, chị Thủy xin ra đội bay để đi tìm...

Cô gái cắt ngang lời kể của y:

– Thưa, mộ anh em ở gần đây không ạ? Em lên đó được không?

Tôi liếc nhìn đồng hồ, trả lời:

– Cô nên trở về. Những người bị thương cần được cứu chữa, để lâu vết thương sẽ nhiễm trùng. Còn nếu cô và gia đình mấy người kia muốn đem hài cốt về, lên đây tôi sẽ giúp.

– Dạ thế nào em cũng lên. Ba em hai năm nay cứ ray rứt hoài nên sanh bệnh... Mà anh cho khi nào?

– Tùy cô thôi! Nhưng nên lên sớm vì mùa mưa sắp đến rồi. Cô sẵn máy bay, lo gì. - Tôi nói pha chút mỉa mai. Cô này dám thuộc loại "con ông cháu cụ" đây!

– Dạ, nếu được thì ngày mai... không, chắc phải ngày kia.

– Được! Tôi đợi trong vòng một tuần. Nên lên đây vào buổi sáng. Tôi muốn máy bay không vũ trang, người không mang vũ khí. Cô yên tâm, xuống đây tôi sẽ bảo đảm an toàn cho mọi người.

– Em hiểu! Nhưng làm sao tìm được anh?

Tôi chỉ vào cái máy viên trung sĩ đang giữ:

– Máy này liên lạc được bao xa?

– Dạ, nghe rõ trong năm ngàn mét nếu liên lạc với máy bay ở trên không. Ở mặt đất còn tùy địa hình.

– Được rồi, đưa máy đây? Khi cô tới, liên lạc với tôi qua máy. Nếu có trục trặc, ví dụ máy hỏng, máy bay có thể đổ xuống nhưng

người không được tự tiện đi vào rừng. Bây giờ các người về đi!

Mấy người lính gần như đồng thanh: "Dạ, xin cảm ơn quý anh". Cô gái chỉ hơi cúi đầu chào rồi bước lên máy bay.

Đang định bước đi, tôi chợt nhớ ra một việc nên quay lại nói:

– Khoan đã, đợi chút? - Tôi cởi chiếc đồng hồ đeo trên tay đặt vào tay cô gái - Đồng hồ của anh cô! Cô giữ lấy!

Cô ta nhìn chiếc đồng hồ, lật mặt sau ra xem, ánh mắt ngân ngơ:

– Của anh Trà đây mà! Ảnh mua nó hồi đi tu nghiệp...

Tôi biết mặt sau đồng hồ có khắc dòng chữ: "Okinawa-1967"

Mặt trời lên tới đỉnh đầu. Tôi quay lưng đi thẳng một mạch vào rừng, tin chắc không có họng súng nào nhắm theo, cho dù họ có đạn. Lúc vào tới dải rừng non mới nghe tiếng động cơ nổ. Chiếc trực thăng từ từ bốc lên cao rồi bay đi.

Chương XVII

Đói mềm cả người. Tôi nướng thịt ăn trưa và có cảm giác như đang nhai cỏ khô. Cuộc đổ bộ bất ngờ của những kẻ đồng loại đối địch đã xáo trộn tất cả nếp sống lâu nay vốn buồn tẻ mà êm đềm. Bứt rứt không yên, tôi cứ nhấp nhòm như ngồi trên lửa. "Hình như mình vừa phạm phải một sai lầm khủng khiếp nào đó... Nhưng là việc gì?..." Những ý nghĩ ngổn ngang trong đầu mà chẳng có điều gì rõ nét.

Cuối cùng tôi đành bỏ bữa ăn, xách súng ra ngồi bên suối cố tĩnh tâm để suy nghĩ về từng việc...

Chuyện trả súng? Đó chỉ là đòn tâm lý! Máy khẩu súng không làm cho kẻ địch mạnh hơn. Thế còn việc báo cho họ chiếc trực thăng rơi và những người chết? Cũng đáng làm, vì lòng nhân đạo... Nhưng làm vậy khác nào gọi chúng trở lại một lần nữa? Không, việc đó chẳng can hệ gì! Nếu chúng muốn, không gọi chúng cũng đến.

Vậy điều gì đã tạo nên tâm trạng day dứt nặng nề đến thế? Mất cảnh giác thì rõ rồi, có hối cũng muộn, hậu quả đã xảy ra. Mà dù có sơ suất, việc đối đầu với kẻ địch là tình huống được lường trước. Hay có phải tôi đã mềm lòng khi không giết những kẻ bắn vào mình? Chúng là kẻ thù, và lúc đó tôi đủ sức diệt gọn, kể cả chiếc trực thăng kia nữa. Bọn lính dù được tuyển lựa huấn luyện kỹ, thiện chiến và nguy hiểm. Tha chết, lại gọi máy bay chở chúng về, khiêng giúp xác chết. Phải chăng khi sống giữa rừng, xa hẳn đồng loại và chỉ biết bầu bạn với mấy con thú, con người ta trở nên đa cảm? Tôi đã khoan dung và động lòng trắc ẩn không đúng lúc?

Nhưng việc gì phải giết khi có cách khác tốt hơn? Tôi nhớ lại giọng nói khấp khờ của người lính bị bắn què chân: "...chắc em sẽ được giải ngũ...". Lại còn cô gái ôm mặt khóc khi biết anh mình

chết tại đây. Dù sao trong họ vẫn còn có tình người. Nếu thu phục được họ, dù chỉ ở mức độ nào đó, vẫn tốt hơn là giết. Ở đây tôi chỉ có một mình, phải tự quyết định lấy tất cả. Hãy làm những gì mình cho là đúng và cần phải làm. Tôi tin vào lòng nhân ái, chính nó sẽ tạo nên sức mạnh.

Được rồi! Giờ nên suy tính về những việc sắp tới. Máy người lính đó nghĩ gì về tôi, chưa biết. Nhưng chắc chắn họ phải báo cáo lại toàn bộ sự việc với kẻ đã ra lệnh cho họ đến đây. Nếu địch nắm được tin tức về số vàng từ một nguồn nào đó, chúng sẽ không tin vào chuyện tôi lạc rừng. Chúng đã biết cái "tổ" của tôi, vậy sẽ có một cuộc tập kích bất ngờ nhằm bắt sống để khai thác? Không loại trừ trường hợp đó. Chúng có thừa điều kiện tiến hành những cuộc đột kích như thế.

Hay mình lẩn vào rừng sâu, tìm nơi khác ở? Nhưng còn số vàng? Tuy được giấu kín nhưng chắc gì đã an toàn tuyệt đối? Chẳng lẽ để kẻ địch tự do lục lợi từng gốc cây hòn đá rà tìm từng thớ đất? Bảo vệ số vàng đến cùng là trách nhiệm của tôi. Lúc này nếu có đủ sức trở về, tôi cũng không thể bỏ đi khi địch đã tới đây. Hơn nữa tôi không muốn lẩn tránh. Số đạn và lựu đạn hiện có đủ đánh trả cả trung đội địch, chỉ cần khéo léo và giữ thế chủ động. Bám sát địch là cách tốt nhất để tìm hiểu âm mưu của chúng. Tôi đã biết nguồn gốc số lương thực vũ khí trên chiếc trực thăng, nhưng chưa rõ nó đến đây làm gì. Một nửa câu hỏi vẫn còn đó...

Lại còn lời hứa với cô gái ấy, nếu trong vài ngày tới họ lên bóc hài cốt? Tôi không thể thất hứa. Trên đất nước này, bất cứ một gia đình nào cũng coi việc chôn cất tử tế hài cốt người thân là điều thiêng liêng. Tôi tin cô ta sẽ quay lại, và cùng mong như vậy. Đó là cơ hội để gián tiếp khai thác những thông tin có ích. Dĩ nhiên kẻ địch cũng đủ tinh khôn để lợi dụng việc này. Phải hết sức cảnh giác với cô ta và những người đi cùng.

Tôi đó tôi xách súng đạn và chiếc máy truyền tin lên lót ổ ngủ trên ụ đại liên, sau khi đem số vũ khí còn lại giấu kỹ ở mấy nơi.

Trận đánh lúc sáng chỉ tốn mười viên đạn mà thu được mười bốn băng đạn tiểu liên cùng một mớ lựu đạn và mấy cây dao găm Mỹ. Lãi to!

Để yên tâm hơn, tôi gọi con báo theo. Còn lũ khỉ cả ngày nay trốn trong rừng, gần tối mới trở về leo tít lên cành cao nghiêng ngó, không dám chơi đùa trên bãi cỏ như thường lệ. Hôm nay chúng được một mẻ sợ khiếp vía. Việc tôi tới ở đây làm chúng bị vạ lây.

Ngày hôm sau mọi chuyện vẫn bình thường. Rừng cây, suối nước và vùng đồi cỏ vẫn yên tĩnh. Trên bầu trời xanh lồng lộng chỉ có mấy con diều hâu chao liệng tìm mồi.

Tôi nằm trên ụ đại liên suốt ngày, chỉ một lần xuống suối lấy nước. Được cái ở đây cũng thoải mái. Hôm nay có gió nhẹ, và giàn dây leo che trên ụ súng bây giờ tốt um, bóng râm mát rượi. Giá có cuộn sách nằm đọc thì tuyệt.

Tôi dùng chiếc xẻng cùn khoét rộng thêm xung quanh hố, đổ đất vào mấy chiếc bao lúc trước vẫn dùng đựng đất đem đi rải, để làm bao cát chắn trước ụ súng. Cũng phòng xa vậy thôi, chứ khẩu đại liên đặt ở đây chỉ phát huy được tác dụng trong tình thế bất ngờ. Còn nếu trực thăng phát hiện ra, chỉ cần một phát rốc két là tan thành tất cả. Nhưng nơi này là vọng gác án ngữ hướng tiến của địch từ đồi cỏ. Ở xung quanh, trực thăng không có nơi nào khác để đổ xuống ngoài vùng đồi và cái trảng cát trước mặt. Nếu phải đánh nhau lần nữa, khẩu AR15 có kính ngắm là vũ khí thích hợp nhất. Qua trận đụng độ vừa rồi mới thấy nó lợi hại như thế nào. Tuy vậy, không hiểu sao tôi vẫn cứ thích khẩu AK hơn.

Đêm xuống được một lúc thì trăng lên. Vàng trăng đêm nay chưa thật tròn nhưng rất sáng. ánh trăng vàng vạc trên màn sương trắng mờ giăng khắp rừng. Đoạn suối bên kia trảng cát lấp lánh ánh bạc, tiếng nước chảy róc rách suốt đêm.

Tôi ngồi mơ màng nhìn cảnh vật mờ ảo dưới trăng mà nghĩ đủ thứ chuyện. Càng về khuya trời sáng lạnh. Cũng may tôi có xách lên bao than củi, gây được đống lửa cạnh chỗ nằm. Than củi

cháy đượm không có lửa ngọn, lại đốt dưới hố nên không sợ lộ. Nhưng biện pháp này chỉ tạm thời chứ lâu dài phải tìm cách khác. Không thể cứ ngày lại ngày thấp thỏm lo âu chờ địch mò tới. Và lại sức tôi giờ yếu đi nhiều, nằm đất dầm sương mãi rồi có lúc quy xuống. Mà nằm thế này cũng nguy hiểm. Con cọp rừng dưới gần đây vẫn mon men lên vùng đất của tôi, nhiều đêm nghe tiếng nó gầm rất gần. Vẫn biết cọp rừng già không mấy khi bắt người, nhưng lỡ đâu nó muốn "đổi món"? Để vài bữa nữa xem sao, chứ tình hình này chắc phải dạy cho nó biết thế nào là "rừng nào cọp ấy"...

Cứ nghĩ vẫn vợ như vậy, mãi gần sáng tôi mới chợp mắt được.

Tiếng con Aga kêu béo béo bên tai làm tôi tỉnh giấc. Có lẽ nó muốn nhắc tôi hôm nay đến ngày hẹn với cô "giặc lái".

Mặt trời lên. Quả cầu lửa lung linh chuyển từ màu đỏ sang màu trắng chói lòa. Bầu trời xanh dần và dâng lên cao thăm thẳm.

Tôi bồn chồn kiểm tra lại súng đạn, mặc dù đã chuẩn bị kỹ từ hôm trước. Gì chứ vũ khí bao giờ tôi cũng bảo quản cẩn thận. Hồi ngoài kia, tôi vẫn được tiếng là người giữ súng kỹ nhất.

Khoảng tám giờ sáng thì có tín hiệu gọi vang ra từ máy truyền tin. Chưa vội trả lời, tôi nâng ống nhòm hồi hộp nhìn về hướng đông. Kia rồi! Chiếc trực thăng xuất hiện. Nó bay thẳng tới và to lên rất nhanh. Chỉ có một chiếc.

Tôi cầm máy bật nút nghe. "... Người của rừng! Đây Thủy gọi người của rừng...". Cái cụm từ dùng để chỉ tôi nghe khá buồn cười. Cô ta không biết gọi sao vì hôm trước tôi không nói tên.

Máy bay ngang qua ngọn thủy tùng. Tiếng gọi trong máy nghe càng thúc giục khẩn thiết. Tôi bấm nút trả lời: "Tôi nghe!".

– A?... - Một tiếng reo nhỏ và giọng cô ta nói nhanh - Đây là Thủy. Tôi lên theo lời hẹn hôm trước. Xin anh giữ liên lạc và cho phép đáp xuống.

– Có mấy máy bay? Mấy người? - Tôi hỏi cộc lốc.

Giọng trong máy trả lời, nghe đã nguội đi sự mừng rỡ:

– Chỉ một chiếc của tôi. Trên máy bay có bảy người, ba người nhà và ba người... theo giúp việc.

– Được rồi! Xuống đi! Đỗ cuối trắng cát, gần lối vào nhà tôi ấy! Cô biết chứ?

– Tôi hiểu. - Cô ta đáp gọn.

Chiếc HU1A lướt qua trên ụ súng, cỏ lau lay động ào ào. Tôi giương nòng đại liên ngắm theo. Ngon ăn quá? Chỉ cần nhún cò là... Trong đầu tôi vẫn đầy ấn tượng kinh hoàng và cảm hận khi nhìn thấy loại trực thăng này.

Tới đầu trắng cát, chiếc trực thăng lượn một góc hẹp, xuống thấp dần rồi hạ càng trước dải rừng non. Tôi buông khẩu đại liên, nâng ống nhòm lên mắt.

Cánh cửa bên ghế lái bật mở, phi công bước xuống. Đúng cô ta rồi! Bộ quần áo màu cỏ may kiểu đàn ông mặc bỏ áo trong quần không làm mất đi những nét mềm mại của cô gái.

Cửa hông máy bay mở ra, những người trên đó lục tục kéo xuống. Tôi chăm chú nhìn kỹ. Đi đầu là một ông già dong dỏng cao, mái đầu điểm bạc. Theo sau có hai ông già khác, rồi đến ba người lính mặc quân phục, một trung sĩ và hai hạ sĩ. Nhìn bên ngoài không thấy ai mang vũ khí. Cả sáu người đưa mắt nhìn quanh, vẻ ngỡ ngàng trước cảnh rừng núi hoang vu. Còn cô gái thái độ bồn chồn hiện rõ trên nét mặt chứ không bình thản như hôm trước. Cũng phải thôi! Bây giờ tôi không ra, cô ta chỉ có nước khóc mà quay về.

Tôi vớ tấm nilon trùm khẩu đại liên, hạ giàn ngụy trang xuống rồi xách khẩu AR15 cùng chiếc máy truyền tin luôn ra khỏi ụ súng, chạy dọc cái khe cạn về hướng họ.

Ngang nơi máy bay đỗ, tôi dừng một phút cho hơi thở dịu lại, đoạn vạch lá bước ra, đi thẳng tới toán người đang đợi. Thấy tôi, cô gái mừng rỡ ra mặt, nhưng chỉ hơi cúi đầu chào. Ba ông già nhìn tôi chăm chú. Máy người lính lộ vẻ lo lắng.

"Chào các bác!" Tôi lên tiếng chào trước rồi bước đến bắt tay họ và khẽ gật đầu với những người khác. Ba ông chào lại và đứng im, có lẽ chưa biết mở lời như thế nào. Cô gái nhìn ông già dáng dong dỏng cao, ý chừng nhắc nhở. Ông bước lên một bước và nói:

– Thưa với anh, chúng tôi là...

Thấy ông lúng túng, tôi vội đỡ lời:

– Xin các bác đừng ngại, cháu chỉ là bậc con cháu thôi mà. Ở đây nắng quá, mời mọi người vào trong kia, ta ngồi nghỉ rồi bàn chuyện luôn thể.

Nét mặt mấy ông già tươi tỉnh hẳn lên, còn ba người lính không giấu được vẻ vui mừng. Họ đưa mắt cho cô gái như muốn hỏi gì đó. Cô ta tiến lại gần tôi, nói:

– Dạ, trên máy bay có mang theo một số thứ để bốc mộ, anh cho đem xuống...

Tôi vui vẻ:

– Cô đừng khách sáo, tôi không khó tính lắm đâu!

Thái độ của tôi đã làm giảm sự căng thẳng cho những người khách vừa đổ bộ từ trực thăng. Bầu không khí như thoáng ra và dễ chịu hơn. Mọi người tíu tít chuyển các thứ trên máy bay xuống. Tôi liếc nhanh thấy có ba chiếc tiểu sành, mấy cái cốc xèng cùng những thùng, gói, túi xách...

Đoàn người mang xác lĩnh kính đi vào dải rừng non. Thấy ông cụ lớn tuổi nhất xách cái túi khá nặng, tôi đỡ lấy: "Bác để cháu mang giúp...". Thực lòng tôi thương mấy ông già. Họ bay lên đây trong tâm trạng lo âu phấp phỏng, chỉ mong đưa được nắm xương của con về. Trông họ cũng bình dị, thân thuộc như những người dân quê tôi. Tôi có cảm giác như đã gặp họ đâu đó, nhất là bác già dong dỏng cao, hình như bố của cô gái.

Khi đã mời mọi người "an tọa" quanh chiếc bàn đá, tôi mới lúng túng thật sự. Chẳng có gì để tiếp khách. Mấy ngày qua tôi chỉ lo việc đón loại khách khác. Tôi đành vẫy cô gái lại, nói nhỏ:

– Cô Thủy này, nhờ cô đun hộ ít nước uống!

– Dạ, để em? Em có mang trà lên...

Mấy người linh đứng gần đó nghe thấy liền mau mắn nói: "Chị Thủy để đó cho em...". Tôi chỉ lúi cho họ xuống suối lấy nước rồi quay vào tiếp chuyện mấy ông già:

– Xin lỗi các bác, lúc nãy cháu quên chưa giới thiệu, cháu tên là Hải. Còn vì sao cháu ở đây, chắc cô Thủy đã có nói.

– Anh Hải à? - Ông già dong dỏng cao nói - Tôi là Thành, ba của cháu Thủy và... cháu Trà. Đây là anh Lý, - ông chỉ ông cụ lớn tuổi nhất - ba cháu Tình. Còn anh Hồng là ba cháu Lộc. Chẳng giấu gì anh, - ông nói tiếp - hai năm nay tìm kiếm mãi mà không biết mấy cháu chết ở đâu. Nay nhờ có anh mới biết, nên lên đây xin anh giúp, cho chúng tôi đem mấy đứa nó về chôn ở quê để được yên lòng đôi chút...

Tôi nhìn ba người cha của những kẻ bị chính tay mình bắn chết và nghĩ, khi biết điều đó, không hiểu họ sẽ nói gì? Tôi không hề áy náy về việc mình đã làm. Nhưng nhìn những người cha đau khổ đang ngồi trước mặt, tôi không biết nói sao. Chẳng lẽ chỉ an ủi họ bằng một câu chung chung: "Tại chiến tranh...", hay nói đó là số mệnh? Họ tự cho mình là người may mắn khi tìm được xương con. Ủ, cũng có thể thật! Đâu phải ai cũng được như vậy. Tôi nghĩ đến ngôi mộ đá cô đơn trên bãi cỏ gần gốc thủy tùng, ở dưới đó không có đốt xương nào...

Ông Lý, - mà sau này tôi vẫn gọi là già Lý, như cách cô gái gọi - chừng trên bảy mươi tuổi, tóc đã bạc trắng nhưng vẫn tráng kiện. Nét mặt ông điềm đạm tự tin, dáng vẻ của một lão nông từng trải việc đời. Ông Hồng khoảng sáu mươi, da trắng, người hơi đầy. Ông ít nói, vẻ mặt hiền lành và an phận. Còn ông Thành chắc chưa tới sáu mươi. Ông hơi gầy và nhanh nhẹn, có đôi mắt tinh anh của người học rộng biết nhiều nhưng lại đượm nét trầm tư khắc khổ. Nhìn vào đôi mắt ấy, ai cũng hiểu những nếp nhăn trên trán, trên đuôi mắt ông không chỉ là dấu ấn của thời gian và

tuổi tác. Trông ông hơi giống một thầy giáo dạy tôi hồi trước, nhưng thầy nào thì chưa nhớ ra...

Chuyện trò được một lúc, mấy người lính róc nước trà ra những chiếc ca nhôm bưng đến mời. Tôi nói:

– Thưa với các bác, ta uống nước rồi lên trên ấy, sợ trưa nắng nóng. Lúc nào xong việc về lại đây, cháu sẽ kể rõ chuyện các anh ấy chết như thế nào.

– Dạ, trăm sự nhờ anh sắp xếp, chúng tôi lên đây lạ đường lạ đất... - ông Hồng nói.

Tôi đỡ lời ông:

– Bác đừng ngại? Nhưng từ đây lên đó chừng hai cây số đường dốc khó đi, sợ các bác...

Già Lý nói ngay:

– Anh đừng lo, chúng tôi đi được. Có điều là... Nói thế này để anh thông cảm, đáng ra chúng tôi chỉ có người nhà lên đây mà dưới không đoàn không chịu. Họ đưa mấy chú lính đi theo để đỡ dần việc nặng. Tôi cười:

– Không sao đâu ạ! Ai lên cũng được, miễn là có thiện ý!

Mọi người rục rịch chuẩn bị. Tôi bàn với già Lý là chỉ mang vài lên gói hài cốt vì mấy cái tiểu sành khá nặng.

Chúng tôi lên đến nơi không mấy khó khăn. Nắm đất ngày nào qua mấy mùa mưa gió giờ chỉ còn lờ mờ dưới cỏ. Tôi chỉ tảng đá đầu mộ:

– Đây là hướng đầu. Cả ba người chôn chung một chỗ. Cái bác hiểu cho, lúc đó sức cháu chỉ làm được có vậy.

Già Lý cầm tay tôi, nghẹn ngào nói:

– Được vậy là quý lắm rồi? Anh vẫn lên đây thắp hương cho mấy đứa nó phải không?

– Ở đây không có hương già ạ! - Tôi đáp - Thỉnh thoảng đi qua đây cháu có ghé vào đốt ít trầm. Nhưng sao già biết ạ?

– Tôi nhìn cái lư hương này, tôi biết? - ông chỉ vào hòn đá ám khói đặt cuối nắm đất. Nó có hình dáng khá đẹp, một nhật lốm vào như cái chậu hoa cạn, tôi vẫn bỏ trầm vào đó đốt cho dễ cháy.

Già Lý nói tiếp:

– Con chúng tôi đi lính chống lại Cách mạng là có tội. Vậy mà chúng nó chết giữa rừng giữa núi, vẫn được chôn cất tử tế. Gia đình tôi đội ơn anh, đội ơn Cách mạng...

Tôi nắm tay ông, nhìn những giọt nước mắt lăn dài trên trên khuôn mặt nhăn nheo từng trải mà không biết nói sao.

Mấy người lính bày cái mâm nhỏ, đặt lên đó nải chuối và chai rượu trắng. Đợi già Lý thấp hương khấn vái xong, tôi vắn tảng đá đầu mộ, dùng dao găm đào một lúc rồi lấy lên bọc nilon gói những thứ tìm thấy trong tôi mấy người lính chết trên chiếc trực thăng. Già Lý run run mở gói. Các thứ trong đó đã ẩm mốc, nhưng giấy tờ vẫn còn đọc được.

Ba người lính cầm cuốc xẻng bắt đầu đào. Khoảng nửa giờ sau thì nhìn thấy những mảnh pôngsô xanh xám. Họ bỏ xẻng, thận trọng dùng tay vét đất. Mấy tấm pôngsô quán quanh xác đã mục rách, nhưng vẫn giữ được từng bộ xương riêng biệt. Tôi còn nhớ vị trí của từng người nên chỉ cho họ đem xác viên phi công lên trước. Cô gái đứng khóc lặng lẽ.

Ông Thành đến bên tôi nói nhỏ: "Nhờ anh đưa cháu Thủy ra đâu đó..." ông không muốn con gái nhìn thấy hình ảnh cuối cùng của anh mình là bộ xương.

Tôi kéo nhẹ tay cô ta:

– Cô Thủy! Chiếc máy bay rơi đằng kia, cô tới xem?

Cô ta im lặng đi theo. Tôi gọi con báo chạy lên trước để phòng rắn.

Xác chiếc trực thăng nằm im lìm dưới bóng cây, cỏ và dương xỉ đã mọc phủ kín càng máy bay. Mấy nhánh dây leo bò lên mặt

kính buồng lái, quần xanh um quanh đoạn cánh quạt gãy và vô tư nở những bông hoa hình loa kèn màu vàng.

Cô gái chỉ chăm chú quan sát chứ không nói gì. Tôi chỉ giàn rốc két, nói:

– Loại này vào đây tôi mới biết, hồi trước chưa gặp lần nào.

Cô ta trả lời:

– Thứ này mới trang bị lần đầu ở không đoàn. Người Mỹ muốn giao thêm một số vũ khí mới cho không lực trước khi họ rút dần về nước.

– Chắc cô đã sử dụng chúng?

Cô gái nhìn thẳng vào mắt tôi, lát sau mới nói:

– Không! Tôi chỉ lái. Hơn nữa thứ rốc két này mới thử nghiệm mấy lần trên máy bay HU.1A, rồi chấm dứt.

"Lại xưng tôi rồi..." , tôi nghĩ thầm nhưng không bận tâm. Câu chuyện thử nghiệm vũ khí đang hấp dẫn.

– Chắc vì lý do kỹ thuật? - Tôi hờ hững hỏi.

– Cũng không hẳn! Anh muốn biết rõ phải không?

Tôi gật đầu:

– Đúng vậy!

– Nhưng anh sống một mình, lại đang lạc rừng, cần biết để làm gì?

Đến lượt cô ta tra hỏi mình đây! Tôi thấy bực. Cô ta nghĩ mình là ai cơ chứ? Dám hỏi vặn tôi... Khoan đã! Hình như cô ta đoán ra điều gì đó... Không, nghĩ tới điều gì thì đúng hơn. Cô ta không tin chuyện tôi lạc rừng. Được! Tôi sẽ nói cho cô ta biết:

– Tôi muốn biết, vì tôi và hai người cùng đi bị bắn bởi loại rốc két này. Đó là hai người đồng đội mà tôi coi như ruột thịt. Họ đã nhào ra hứng lấy những loạt rốc két để cho tôi được sống. Khi các anh ấy chết rồi, hai chiếc trực thăng như chiếc này, như chiếc cô đang lái, vẫn điên cuồng nhào lộn trút vào họ tất cả rốc két có trên máy bay. Tôi ra đến nơi, chỉ còn mấy mảnh thịt... Không còn

một đốt xương nào để chôn, cô hiểu chưa? - Tôi ghì giọng để khỏi hét lên, cảm thấy máu dồn nóng bừng trên đầu.

– Anh... anh nói sao? Bắn... thứ rốc két này ở đây? - Cô ta lắp bắp, mắt mở to kinh ngạc.

– Cô nghĩ chuyện bịa à? Để cô tin, tôi nói thêm: trong trận đó tôi đã bắn chết thằng Mỹ đen bắn đại liên trên trực thăng. Chắc cô biết vụ ấy chứ? Nó xảy ra cách năm ngày trước khi chiếc trực thăng này rơi ở đây.

– Em... em biết! Em chỉ muốn nói là... không ngờ... họ lên tới đây để bắn thử... - Cô ta ấp úng thanh minh, nét mặt xúc động thật sự.

– Cô bình tĩnh lại đi! - Tôi dịu giọng - Và nếu không muốn thì đừng kể. Tôi chỉ nói cho cô hiểu vì sao lại hỏi vậy thôi. Nhưng... anh cô lái một trong hai chiếc hôm đó?

– Vâng! Hôm đó ông Cody dẫn hai máy bay đi thử nghiệm rốc két lần đầu. Khi về thấy máy bay đã phóng hết đạn và có một người Mỹ chết. Ông ta là chuyên viên vũ khí, Bộ tư lệnh mượn từ hạm đội Bảy về giúp cho không đoàn.

– Tôi thấy hẳn ta bắn đại liên?

– Việc đó em không hay. Trên trực thăng có xạ thủ súng máy. Có thể lúc đánh nhau ông ta thích làm vậy! - Cô gái kể tiếp - Sau đó phía Mỹ ngưng toàn bộ chương trình trang bị thứ rốc két mới. Họ nói thể hệ trực thăng HU không thích hợp. Em nghĩ, vụ ông chuyên viên vũ khí chết cũng cản trở một phần...

– Một chuyến bay như thế phải có bản đồ bay, chương trình bay... Nếu cô tìm hiểu kỹ, sẽ biết ngay chứ đâu có khó?

– Em có kiểm tra. Theo kế hoạch, điểm thử nghiệm hôm đó ở điểm cao 697, cách đây cả trăm cây số. Ông Cody nói là đã đánh chặn một cuộc hành quân của Việt... của bên Giải phóng, và bị bắn trả nên ông chuyên viên vũ khí chết. Sau này em có bay tới đó, cũng thấy những hố đạn nhưng không rõ đạn cối, pháo hay rốc két. Em không rành...

– Thế anh cô nói sao?

– Anh Trà cũng nói như ông Cody vậy? Và cả anh Hoạt, người lái chiếc trực thăng kia. Nhưng em không tin, dù trên trực thăng ảnh lái hôm đó có dấu đạn. Từ lâu cả em và ba em đều cảm thấy anh Trà bị cuốn hút vào một công việc gì đó... Ông Cody đã kéo ảnh đi theo một hướng mà gia đình em không hề muốn. Em nghĩ anh Trà và vài phi công khác nhiều lần tiến hành những phi vụ kết hợp kiểu như vậy, nghĩa là lợi dụng các phi vụ đã được hoạch định để thực hiện một công việc nào đó... Chuyện dài lắm, có kể ra chắc chi anh đã hiểu. Em cũng nói để anh Hải biết, em lái trực thăng nhưng không phải phi công chiến đấu. Chỉ sau khi anh Trà mất tích, em mới xin ra đơn vị bay...

– Để bay đi trả thù phải không?

Cô gái bàng hoàng đứng lặng nhìn tôi, đôi mắt đen ngấn ngấn nước.

Sao thế nhỉ? Còn oan nổi gì nữa? Hay cô ta đóng kịch? Không, chẳng ai "kịch" được như vậy... Tôi lúng túng bút ngọn dương xỉ vò nát trong tay.

Một lúc sau cô gái mới nói:

– Anh nghĩ sao cũng được? Có lẽ trường hợp này ai cũng nghĩ như vậy thôi. - Cô lưỡng lự rồi nói tiếp - Lúc máy bay anh Trà mất tích, em nghĩ là ảnh đã chết. Ra trận bom đạn khắp nơi, mọi sự phó thác vào may rủi, chuyện sống chết biết thế nào mà nói... Nhưng sau khi tìm kiếm nhiều lần trên đường bay hôm ấy mà không thấy vết tích gì, em nghĩ rằng ảnh lại thực hiện một phi vụ kết hợp, và đã chết cho ý đồ của một kẻ nào đó. Bây giờ biết được cuộc thử nghiệm diễn ra ở đây, em càng tin như vậy. Em xin ra bay là mong có cơ hội tìm xác anh em và để biết vì sao ảnh chết...

"Nếu cô ta biết người anh bị mình bắn...". Bất ngờ cô gái nhìn thẳng vào mắt tôi và hỏi:

– Anh đã bắn chết ảnh, phải không?

Cô này ghê thật! Cứ như đọc được ý nghĩ của người khác. Biết cô ta dễ dàng đoán ra điều đó khi nhìn thấy vết đạn trên mặt kính cửa bên ghé lái, nhưng tôi không ngờ cô dám hỏi thẳng như thế.

– Đúng, tôi bắn!

Tôi trả lời bình thản. Đó là sự thật, một sự thật đáng tự hào. Tôi không muốn và không cần che dấu điều đó. Còn cô ta và những người khác nghĩ gì, cái đó tùy!

Tưởng cô gái sẽ trừng trừng nhìn tôi bằng ánh mắt thù hận, nhưng không phải. Cô cúi đầu tư lự, nói như trong cơn mê: "Biết mà! Mọi sự như đã định trước...". Có lẽ cô đang nói với chính mình.

Tôi hỏi sang chuyện khác:

– Lúc này cô nói tới ông Cođy nào đó?

– Vâng! Trung tá Hay Cođy, cố vấn của không đoàn. Ông ta là người đỡ đầu cho anh Trà và anh Hoạt, hai phi công trực thăng giỏi nhất của không đoàn đi tu nghiệp khóa đặc biệt ở Okinawa. Từ đó về sau ảnh như bị ông ta hớp mất hồn.

– Sao cô không hỏi thẳng...

– Em không hỏi! - Cô gái ngắt lời tôi, tức tối - ông ta không bao giờ nói sự thật. Đó là một người Mỹ thâm trầm nham hiểm, khác với những cố vấn quân sự khác. Ông Cođy có bạn bè ở tòa lãnh sự Mỹ. Ngay cả bác Tùng cũng không biết nhiều về con người ấy. Hôm đó đích thân ông ta gọi điện từ trung tâm chỉ huy lệnh cho trực thăng quay về. Em nghi anh Trà đang làm việc gì đó cho ông Cođy, như vậy chính ông ta đẩy anh em vào chỗ chết. Và nếu đúng như lời anh kể thì... thật kinh khủng. Không bao giờ em nghĩ ảnh lại có thể tàn nhẫn đến thế. - Cô ôm mặt khóc.

Tôi định nói đôi câu an ủi, nhưng lại thôi. Tôi chưa hiểu gì nhiều về cô gái này, chỉ thấy cô có cá tính mạnh mẽ, rất nhạy cảm và... khá thẳng thắn. Điều không thể quên là cô ta đang đứng trong hàng ngũ địch, như người ta thường nói là "ở bên kia chiến

tuyển", lại làm một cái nghề đặc biệt trong binh chủng con cưng của quân nguy. Cả hai anh em đều là phi công, sao trông ông Thành cũng bình dị, không có dáng vẻ của người giàu có hay có thể lực. Mà thôi, chuyện đó chẳng cần biết thêm làm gì! Từ nãy giờ, những điều cô gái kể đang rối tung lên ở góc khác trong đầu tôi. Và tôi muốn tóm lấy ruột đầu sợi chỉ, gỡ rối để rút ra nguyên vẹn cả sợi. Nhưng hình như chưa đủ các tình tiết để kết nối tất cả lại thành chuỗi theo trình tự... Nếu những gì cô gái nói là chính xác, thì trong câu chuyện đã xuất hiện một tên Mỹ điều khiển một nhóm phi công người Việt thực hiện ý đồ gì đó nằm ngoài chương trình hoạt động của lực lượng không quân nguy tại đây. Điều này có vẻ không phù hợp với cách thức hoạt động của một đơn vị quân đội hay tình báo Mỹ vốn được tổ chức chặt chẽ và có đủ phương tiện. Vẫn chưa thể trả lời câu hỏi: kẻ địch đang có âm mưu gì ở vùng này.

Mặt trời lên gần tới đỉnh đầu. Ngàn cây đằm trong nắng chói chang. Trên vòm lá có con chim nào đang hót, từng chuỗi dài tiếng hót trong veo nghe bồn chồn như lời nhắn gọi. Chắc nó đang gọi bạn...

Có tiếng chân bước sột soạt trên cỏ. Tôi quay lại, thấy ông Thành đi tới. Ông nói:

– Anh Hải à? Việc ở đây xong rồi, có lẽ ta xuống...

– Dạ!

– Chúng tôi có bàn nhau xuống dưới đó cúng bát cơm quả trứng như lần đầu mai táng cho mấy đứa nó. Không biết ý anh thế nào?

– Dạ, cháu cũng không rành tập tục, các bác thấy gì cần xin cứ làm.

Quay lại chỗ ngôi mộ, thấy mấy người lính ôm những gói hài cốt đang đứng đợi cùng với già Lý và ông Hồng, ông Thành xin mang theo hòn đá ám khói, tôi hơi ngạc nhiên nhưng không tiện hỏi. Đoàn người nối thành hàng một theo con báo đi xuống.

Chương XVIII

Chúng tôi xuống tới nơi vừa đúng giữa trưa. Ông Thành giục con gái nấu cơm rồi cùng những người khác lo việc lau rửa gỏi ghém những bộ hài cát đặt vào trong tiểu sành. Cô gái trút gạo vào soong, lắng lắng bưng xuống suối vo. Tôi nhìn theo, thấy lo lo. Biết đâu con cọp rừng dưới mò lên... Đắn đo một lát, tôi xách cái can nhựa xuống lấy nước. Đến suối, thấy cô gái tay vẫn bưng soong đứng ngây người bên mép nước, nắng in bóng cô lên bờ cát. Nghe tiếng chân, cô ngoảnh lại nói như reo:

– Đẹp thật anh ạ? Như cảnh tiên ấy!

Tôi cười:

– Cô nhìn thấy cảnh tiên bao giờ chưa?

– Thì... em đọc chuyện cổ tích, em... tưởng tượng vậy thôi...

Tôi nhìn nhanh nét mặt hơn hờ của cô, thoáng ngỡ ngàng. "Một cô "giấc lái" mê chuyện cổ tích, thật lạ..."

– Giờ thì em hiểu vì sao anh có thể sống ở đây một mình? - Cô nói tiếp.

– Do hoàn cảnh bắt buộc thôi? - Tôi đáp - Cứ cho là cảnh tiên, nhưng không phải ai sống ở đây cũng thành tiên đâu nhé! Còn tôi chỉ muốn làm một con người bình thường thôi.

Cô gái cúi xuống nghiêng miệng soong cho nước tràn vào ngược mắt hỏi tôi.

– Thế sống một mình, anh không sợ à?

– Lúc đầu cũng sợ, sau quen dần. Rừng tuy khắc nghiệt nhưng biết thương người.

Tôi trả lời rồi hất khẩu súng ra sau lưng, bước xuống mép nước. Buổi trưa vũng suối xanh màu ngọc bích, nước trong leo lẻo tới đáy, chỉ nhìn cũng đã thấy mát rượi. Phía bên kia, dòng suối chói nắng đang náo nức trôi xuôi. Tôi dìu chiếc can xuống

vững suốt. Tiếng nước chảy vào miệng can ùng ục, bọt khí phun lên mặt nước loang thành những gợn sóng nhỏ.

Chúng tôi còn trao đổi với nhau vài câu băng quơ như người ta thường vẫn nói trong những trường hợp tương tự. Trong thâm tâm tôi muốn hỏi để hiểu thêm về cô gái lạ lùng này, nhưng thấy không tiện. Và chắc cô cũng vậy, nên vô ý để một nhúm hạt gạo tràn ra ngoài miệng soong, chòng chành chìm xuống đáy nước. Mấy con cá vọt nhoi lên, đớp lấy những hạt ngọc của trời. Trông sao cô gái vo gạo nhanh nhanh để còn lên, lỡ những người khác tưởng tôi muốn tán tỉnh gì cô ta thì phiền lắm!

Lúc hai chúng tôi quay lên, thấy ba chiếc tiểu sành đã được đặt nắp, đặt ngay ngắn dưới bóng cây. Mấy người lính kê đá nhóm bếp. Ba ông già ngồi bên bàn đá với chai rượu trắng nút miệng bằng cuộn lá chuối khô và mấy chiếc ly nhỏ. Già Lý vồn vã gọi:

– Anh Hải! Mời anh ngồi xuống đây uống với chúng tôi chén rượu!

Tôi hơi ngỡ ngàng:

– Cháu không biết uống rượu đâu ạ!

– Thì anh cứ ngồi đây! - ông Thành níu tay kéo tôi ngồi xuống.

Già Lý rót rượu ra ly. Tôi đứng dậy nói:

– Dạ, các bác cứ tự nhiên! Để cháu đi lấy ít thịt khô...

Tôi lên nhà lấy mấy xâu thịt đem xuống. Một người lính đỡ lấy: "Anh để em...". Họ nướng thịt rất nhanh, lát sau đã bày ra bàn đĩa thịt nai khô nướng thơm phức. Già Lý ấn chiếc ly vào tay tôi:

– Mời anh, anh Hải!

– Dạ, xin mời các bác!

Tôi cụng ly với mấy ông già, nhấp một chút rượu gạo thơm nồng và thấy cay xè trong miệng. Tôi không biết uống rượu. Hơn nữa, lúc này khứu giác của tôi đang hướng về mùi gạo thơm trong soong cơm đang sôi và hương vị biển đông mặn mòi quuyến rũ bay lên từ soong cá kho sẵn mà cô gái vừa hâm lại trên một

bếp khác. Mùi này nhất định là mùi cá nục, mà phải là cá nục tươi vừa đánh dưới biển lên kho với đường đen, loại đường bánh thơm mùi mật mía, và rắc hạt tiêu xanh giã giập chứ không phải hạt tiêu khô xay nhỏ...

Cô gái bưng tới một chén nước mắm ớt tỏi để chấm thịt nướng, rồi đứng sau lưng tôi hỏi nhỏ:

– Anh Hải! Em có mang cho con báo thịt bò, cho nó ăn được không anh?

– Cô khôn lắm! - Tôi nói - Mà cô cứ gọi nó là Aga, nó không khó tính đâu!

– Chắc nó học cái tính ấy ở anh phải không?

Cô đảo để nói. Tôi cười cho qua, vì chẳng biết đối đáp thế nào.

Mọi người thích thú ngắm con báo ăn ngon lành tảng thịt bò. Từ sáng đến giờ, nó vẫn là trung tâm chú ý của nhiều ánh mắt, nhất là của mấy người lính. Tuy vậy nó luôn theo sát bên tôi, chẳng màng tới ánh hào quang sáng lên từ sự ngưỡng mộ. Không ngờ cô gái vẫn nhớ con báo, dù mới nhìn thấy một lần. Tôi nói với cô:

– Cô Thủy à! Như vậy không công bằng. - Cô ngỡ ngàng không hiểu. Tôi chỉ lên vòm cây đa - ở đây còn có lũ khỉ, chúng đang kiện cô đấy! - Ôi, em không biết trước để chuẩn bị. Mà có nài chuối cúng...

– Chuối là món chúng thích nhất đấy! Cô cứ đặt dưới gốc cây, lát chúng xuống lấy.

Trên cây đa, lũ khỉ không biết về từ lúc nào, đang lấp ló nhìn cảnh đông vui bên dưới. Chúng tinh lắm, biết phân biệt lành dữ nên tuy thập thò nghiêng ngó nhưng không có vẻ sợ hãi.

– Anh nuôi con báo này lâu chưa? - Già Lý hỏi.

– Cũng được hai năm già ạ! Trông nó lớn vậy chứ còn ít tuổi - Tôi kể cho mọi người nghe về lai lịch con báo.

Già Lý gật gù:

– Loài vật chúng có nghĩa lắm! Cũng như con chó con trâu ta nuôi trong nhà vậy. Anh tài thật, dạy được cả thú rừng!

– Cháu có dạy gì đâu ạ! Chúng tự biết cả đấy!

– Thì cũng là dạy! Anh đối xử tốt với chúng, chúng nhuan cái nết của anh nên mới được thế!

Tôi kể chuyện bày khi đã cứu tôi như thế nào. Mấy ông già sững người quên cả ly rượu uống dở. Còn ba người lính và cô gái thì khỏi nói, cứ tròn xoe mắt!

Mùi cơm cháy khét trên bếp làm mọi người sực tỉnh. Cô gái cuống quít giụi lửa, mở vung xới cơm.

Dưới bóng cây râm mát, cảnh rừng êm ả và câu chuyện thân tình làm mọi người quên đi cái nắng hè oi bức cùng vẻ hoang sơ của rừng sâu. Tôi cứ ngỡ như mình đang ngồi trò chuyện với các cụ ở nơi làng quê nào đó. Mấy người lính vừa lo chuẩn bị bữa cơm, vừa khe khẽ trò chuyện với nhau. Tôi vẫn luôn để mắt tới họ. Hai viên hạ sĩ nói giọng Nam Bộ trong vô tư hơn, thỉnh thoảng họ còn trêu chọc nhau. Nhưng viên trung sĩ nói giọng Bắc có cái gì đó khiến tôi chú ý.

Cơm chín. Sau khi đặt mấy bát cơm cúng và thắp hương, già Lý giục mọi người dọn cơm ăn.

Mâm cơm được bày trên bãi cỏ. Lúc đầu mấy người lính định ngồi riêng một nơi ý chừng không dám ngồi "mâm trên", nhưng tôi gọi họ tới. Già Lý bảo:

– Anh Hải đã nói vậy, mấy chú cứ ngồi lên đây?

Cô gái xới cơm ra bát. Tôi thật tình hít hà:

– Thơm quá? Lâu lắm rồi cháu mới được ngửi mùi cơm thơm như thế này?

– Thế lâu nay anh... sống thế nào? - ông Thành bắn khoăn hỏi.

– Ở đây không lo đói bác ạ! Nhưng quả thực cháu rất thèm những món ăn quen thuộc ở quê...

Ăn xong bữa, ba người lính đem soong bát ra suối rửa. Cô gái rót nước trà bưng mời mọi người. Già Lý đặt ca nước vào tay tôi, hỏi:

– Anh Hải này, tôi hỏi thế này, nếu có gì không phải, anh bỏ quá cho. Chẳng lẽ anh cứ sống ở đây mãi sao? Cũng phải tính chuyện trở về chứ?

Tôi xoay xoay ca nước trong tay, lát sau mới trả lời:

– Đó là điều cháu nghĩ tới từng ngày từng giờ. Nhưng... ở đây còn có các anh ấy, những người cùng đi với cháu...

Mọi người nhìn tôi ngạc nhiên. Tôi kể:

– Bọn cháu có bốn người, được giao nhiệm vụ đi khảo sát để mở một tuyến đường. Đi được hai mươi ngày thì gặp một cái vực sâu, phải hạ cây làm cầu. Lúc qua cầu một đồng chí sẩy chân rồi xuống vực. Không tìm được xác. Anh ấy hy sinh, mang theo cả địa bàn, bản đồ. Còn lại ba người, chúng cháu đi tiếp và bị mất phương hướng. Cho đến hôm tới vùng này... - Tôi kể lại cuộc đụng độ với hai chiếc trực thăng, chuyện anh Đăng và anh Hùng kéo lá che cho tôi rồi lao ra đánh lạc hướng bọn địch và hy sinh...

Ba người lính từ dưới suối lên, họ ngồi xuống bên gốc cây nghe chuyện.

– ...Trận đánh hôm đó diễn ra cạnh cây thủy tùng, - Tôi chỉ về hướng đông - cách đây ba cây số. Lúc trực thăng bay đi, cháu chạy ra chỗ hai anh ấy ngã xuống, nhưng không còn gì hết. Tìm khắp bãi cỏ chỉ nhặt được mấy mảnh thịt... - Tôi nghẹn lời không nói được nữa.

Trời đứng gió. Không gian im ắng, nghe rõ cả tiếng mấy con ong vo vo trên cao. Mọi người cùng ngồi im, không ai nói gì. Lát sau tôi kể tiếp:

– Cháu đào hố chôn mấy mảnh thịt, đắp mộ cho hai anh ấy rồi đi vào rừng. Vào một buổi sáng cách đó năm ngày, lúc cháu xuống khe tìm nước uống quay trở lên thì gặp trực thăng... - Tôi kể tường tận, từ việc chiếc trực thăng đã săn đuổi tôi như thế

nào, đến việc tôi leo lên cây bắn hạ nó ra sao, rồi việc chôn cất những xác chết trên máy bay... - Bây giờ các bác đã biết mọi chuyện. Vâng. Chính tay cháu bắn, bắn bằng những viên đạn AK cuối cùng. Các bác nghĩ gì về chuyện này, cháu không rõ. Là những người làm cha, bác bác có quyền được biết sự thật về cái chết của con mình, dù đó là sự thật đau đớn. Cháu có thể tự hào mà nói rằng, mình là người chiến thắng trong trận đánh không cân sức ấy. Có điều cháu không hề muốn có một cuộc đụng độ như vậy để giành phần thắng.

Không khí oi bức và ngột ngạt. Cây rừng rữ lá đứng im lìm dưới nắng. Ba ông già ngồi trầm ngâm, nét mặt đăm chiêu. Cô gái chớp chớp đôi mắt đỏ hoe. Máy người lính cúi đầu lặng thinh. Không biết những người khách của tôi đang nghĩ gì? Đau xót? Uất ức? Oán hận? Hay những suy nghĩ giằng xé giữa một bên là lẽ phải, một bên là tình cha con máu mủ? Họ nghĩ sao về tôi, người đã bắn chết con họ và giờ đây đang ngồi trước mặt họ, điều đó không ngại, nhưng tôi rất muốn biết họ nghĩ gì...

Hồi lâu sau ông Thành mới lên tiếng:

- Ba chúng tôi đây mỗi người một cảnh, nhưng đều đã sống gần hết đời người, đã từng trải đủ điều cay đắng trong cuộc sống. Chúng tôi hiểu được cái gì đúng cái gì sai, hiểu thế nào là lẽ phải... - ông ngưng một lúc rồi nói tiếp, giọng run run - Khi con tôi vào lính, tôi biết là có ngày nó bắn vào người khác, và rồi có lúc nó sẽ bị người khác bắn... Biết mà đành chịu! Làm cha, không ai muốn con mình như vậy đâu, anh ạ! Nhưng điều tôi không ngờ là thằng con tôi có thể hành động dã man và hèn hạ đến như vậy. Từ hồi nó còn nhỏ, tôi vẫn dạy nó cách sống để làm người, chứ đâu có dạy... ông nghẹn ngào cúi đầu, đôi vai trĩu xuống.

Cô gái ngẩng mặt nhìn ông lo lắng. Tôi nhẹ nhàng nói:

- Cháu nghĩ chuyện này không phải lỗi ở bác!

Già Lý lúc này mới lên tiếng:

- Máy đứa nó gây cho anh đủ chuyện như thế, mà sao anh vẫn... chôn cất tụi nó?

Tôi trả lời:

– Lúc đầu cháu cũng đắn đo mãi, cứ nhớ tới lúc bò trên bãi cỏ lượm từng mảnh thịt lẫn trong đất đá... Hơn nữa sức cháu khi ấy cũng đuối lắm. Nhưng nghĩ cảnh thú rừng tha xác họ vương vãi lại không đành lòng. Cháu không coi những người đã chết là kẻ thù. Họ cũng có một gia đình như cháu, như những người khác. Nếu hai người đồng đội của cháu ở trong trường hợp này, các anh ấy cũng làm như vậy.

– Tôi không mê tín, anh à! - Già Lý nói - Nhưng nghĩ chuyện này như có số mệnh. Nếu hôm đó cháu Thủy không gặp anh thì chẳng bao giờ chúng tôi biết con mình chết ở đây. Hôm cháu nó vào Tam Kỳ báo tin, tôi cứ nửa tin nửa ngờ. Biết rằng con mình có tội, chết cũng phải lẽ. Nhưng cứ nghĩ năm xương của nó không biết tàn tạ nơi nào, có lẽ đến lúc chết cũng không nhắm mắt nổi, anh ạ.

Ông Hồng góp chuyện:

– Cũng là nhờ cái tâm của anh Hải. Anh mà bỏ mặc thấy đứa nó thì... Hôm nghe cháu Thủy nói, tôi run lên. Nói anh bỏ lỗi, cứ nghĩ đại, biết ra sao mà bay lên giữa rừng giữa núi. Cháu Thủy cứ kéo tôi đi, nói có gì nó đem mạng sống ra thế.

– Vậy các bác phải cảm ơn cô Thủy mới đúng. Cô ấy gan lắm! Một mình mà dám bay xuống đón mấy cậu lính bị thương thì cũng liều. - Tôi quay sang hỏi cô gái - Lúc đó cô Thủy có sợ không?

Cô ngượng nghịu cúi đầu:

– Em sợ lắm chứ, nhưng ráng liều thôi. Chẳng lẽ để mấy người bị thương ở lại? Đến lúc nhìn thấy con báo đi với anh mới hết lo.

– Sao lạ vậy? - Tôi ngạc nhiên thốt lên. Mấy người lính cũng trở mắt nhìn cô.

– Thì em chỉ nghĩ, phải là người tốt con thú nó mới mến như vậy. - Cô gái trả lời.

Tôi ngẩn người. Thật giản dị, nhưng lại đúng. Thế mà lúc đó cô ta cứ tỉnh bơ như không!

Câu chuyện đến lúc vui vẻ hơn. Ba người lính xôn xao bàn tán với nhau. Tôi không nghe rõ họ nói những gì vì mãi tiếp chuyện các cụ, nhưng trong đầu vẫn có cảm giác bất an mỗi khi quan sát viên trung sĩ. Hay tại mình không thích cặp mắt thường đảo nhanh như chớp của anh ta?

Ông Thành nói với tôi:

– Tôi chỉ được hai anh em nó, anh ạ! Bà nhà tôi mất lúc cháu Trà chín tuổi, còn con em lên bảy. Trước lúc nhắm mắt, bà ấy trăng trối với tôi phải làm sao nuôi cho con nó nên người. - ông cúi đầu, mắt đượm nét buồn sâu xa - Cả hai cháu lớn lên đều học giỏi, tôi đã mừng. Đến lúc thằng Trà xong tú tài, phải vào lính. Tôi có người bạn học hồi trước rất thân, giờ ông ấy làm bên không lực. Ông coi hai đứa nó như con, nên bảo lãnh cho cháu đi học phi công. Tôi không còn cách nào khác, lại nghĩ vào đó ít ra cũng đỡ nguy hiểm hơn, và con mình còn có thể giữ cho bàn tay sạch sẽ...

Tôi cùng mọi người ngồi im lặng lắng nghe lời tâm sự của ông Thành. Giọng ông buồn buồn, nhiều lúc như lẫn trong những âm thanh của rừng chiều.

Qua lời kể của ông, tôi được biết: Con trai ông được tuyển vào không quân, đi học khóa huấn luyện lái máy bay trực thăng ở Mỹ. Ba năm sau, anh ta trở thành người lái trực thăng giỏi nhất của không đoàn Sáu nguy, đóng ở Đà Nẵng. Ông tạm yên tâm vì người chỉ huy không đoàn là đại tá Tùng, bạn ông. Nhưng sau đó mọi việc không như ông nghĩ. Năm 1967, lúc con trai ông được viên trung tá cố vấn đỡ đầu cùng mấy phi công khác đi dự một khóa huấn luyện đặc biệt trở về, thì ông có cảm giác là con mình đã biến đổi thành một người khác hẳn...

– Không phải làm cha nên nói tốt cho con mình, anh à! Ông nói - Nhưng quả thực cháu Trà là đứa có hiếu từ nhỏ. Ngay cả sau này nó vẫn vậy. Thương cha, thương em, đi thừa về dạ, không

rượu chè cờ bạc hay hư hỏng gì. Nhưng tôi biết trong đầu nó đã có sự đổi khác. Cháu Thủy cũng nói: "Ba à! Ba coi chừng chớ con thấy dạo này anh Trà khác lắm! Ảnh bay như điên, hăm hờ với mấy phi vụ tìm diệt, coi ông Cođy như thần tượng...". Mấy lần tôi nói chuyện, nó vẫn khoanh tay ngồi nghe, nhưng những điều nói ra chứng tỏ nó đã suy nghĩ khác trước nhiều. Tôi... - ông hơi lúng túng - Tôi không biết diễn đạt thế nào. Đại để, theo cách nó nghĩ thì phải... diệt hết những người phía bên kia mới mong chấm dứt chiến tranh, mới ổn định được xã hội. Nó nói: "Chiến tranh không có chỗ đứng cho lòng nhân ái đâu ba! Khi người lính đã giương súng lên mà trong đầu còn bận bịu với tình người, anh ta là kẻ chết trước...". Tôi dặn cháu Thủy: "Con coi chừng anh con, có gì khác về nói láo với ba...". Nhưng cả hai cha con tôi đâu còn làm gì được, chỉ buồn rầu mà nhìn thẳng Trà ngày càng xa dần. Tôi nghĩ mình mất đứa con từ khi đó. Đến lúc nghe tin máy bay mất tích, biết nó đã chết, tôi chỉ mong tìm được nắm xương đem về chôn cạnh má nó cho bà dạy dỗ khuyên can. Còn tôi, tôi đã bất lực... - ông nghẹn ngào, đôi mắt mờ nước.

Tôi hỏi một câu cốt nói sang chuyện khác, và cũng thăm dò:

- Có thể trong khóa tu nghiệp, người ta đã... huấn luyện cho anh ấy một công việc gì đó...

- Không! - Cô gái xen vào - Theo em biết, đó chỉ là một khóa huấn luyện kỹ thuật bay cao cấp. Nhưng chính vì vậy anh em mới đổi khác. Ảnh say mê theo cái hư danh "Phi công siêu hạng" mà ông Cođy đem ra nhử. Mới hăm bốn tuổi đã được như vậy trong không lực không có mấy người... Vì vậy ảnh coi ông Cođy như thánh, ông ta nói gì mà chẳng nghe...

- Còn con nữa đấy! - ông Thành gắt con rồi quay sang nói với tôi - Anh biết...

- Kìa ba... - Cô gái nhìn ông trách móc.

- Cứ để cho ba nói, con đừng cản. - ông Thành gay gắt. Giờ đã tìm được anh con đem về cho má con, ba phải nói, để ít ra cũng có người nghe và hiểu cho ba...

– Thì con hiểu ba mà...

– Đó là con! Ba muốn anh Hải và mọi người ở đây hiểu, ba không bao giờ muốn anh con trở thành người như vậy. Ba có lỗi với má con, với chú con, với mấy anh bên Cách mạng.

... Cô gái học xong tú tài thì anh cô đã là viên phi công trực thăng giỏi. Vốn cứng em, anh ta thường cho cô theo bay mỗi khi có dịp. Chẳng mấy chốc, cô ham bay và say mê nghề bay. Cô tham gia câu lạc bộ hàng không, hồi đó chỉ là một nhóm nhỏ do không lực đỡ đầu. Anh dạy cô những bài học vỡ lòng về nghề lái trực thăng, cô tiếp thu rất nhanh và bộc lộ một năng khiếu kỳ lạ. Cô được chọn đi học một khóa phi công trực thăng dân dụng ở Mỹ. Đến khi trở về thì ý tưởng ghi tên vào đại học văn khoa ngày trước không còn vương vấn chút nào trong đầu cô gái. Ông Thành nhiều lần khuyên con, nhưng cô không chịu. Đối với cô, việc điều khiển con chuồn chuồn sắt bay lượn trên bầu trời mệnh mông là niềm đam mê mãnh liệt không gì cản được. Cô con gái nói với ông: "Ba đừng lo! Con chỉ thích được bay chứ đâu ham bắn giết! Con sẽ không đụng tới súng đạn. Ở nước ngoài, người ta đi trực thăng như mình đi xích lô...". Cuối cùng, ông đành giao con gái lại cho đại tá Tùng, vì ở Việt Nam lúc này chỉ có xích lô chứ chưa có trực thăng dân dụng. Muốn bay phải vào không quân. Cô làm thư kí riêng cho ông Tùng. Ông đại tá của không lực vốn coi cô gái như con của mình, nên cô không thiếu cơ hội bay. Tuy nhiên đó chỉ là những chuyến bay tập và bay biểu diễn mỗi khi không đoàn có quan khách tới thăm.

Đến khi anh cô mất tích, cô nằng nặc xin ra bay trực tiếp để có cơ hội tìm anh. Ông Thành nói với con: "Ba đã mất anh con, giờ con muốn ba mất con nữa sao? Nếu vậy sau này xuống dưới kia ba biết nói thế nào với má con?"

– Anh biết nó nói gì với tôi không? - ông Thành nói với tôi - Nó bảo: "Ba ạ! Chỉ như vậy mới có thể tìm ra anh con. Anh con không chết trận bình thường như những người khác. Con muốn biết anh con chết vì cái gì? Con muốn biết sự thật..."

Ông quay sang bảo con gái:

– Đây! Nhờ có anh Hải, bây giờ con đã tìm được anh con. Ba muốn lần này về, con bỏ hẳn nghề bay đi. Con tưởng không trực tiếp bóp cò súng là không có tội ư? Khi mình còn ở dưới tay người Mỹ, có muốn sống tốt cũng không được đâu con ạ! Đi theo họ, sẽ dần dần mất hết nhân tính. Gương anh con sờ sờ ra đó. Còn sự thật ư? Với những người Mỹ như ông Cody con không bao giờ biết sự thật đâu. Muốn biết, phải tìm cách khác, bằng con đường khác. Con coi đó! Ông Cody biết anh con chết ở đây, vậy mà mấy tháng trời tìm kiếm, ông ta đâu có nói gì? Chỉ chừng cũng đủ hiểu... Con có biết vì sao ba mang hòn đá này về không? - Ông chỉ tay vào hòn đá hình chậu hoa cạn ám khói - Ba mang về cho con, và cả ba nữa, nhìn vào đó mà suy ngẫm để biết thế nào là lòng nhân ái, điều mà trước đây ba không có cách nào nói cho anh con hiểu được.

Ông Thành ngừng lại, trầm ngâm một lúc rồi chậm rãi nói:

– Ngày trước, ông Nguyễn Trãi đã viết: "Dùng đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo..." Đó là đạo lý, là lẽ sống của cả một dân tộc được hun đúc bằng xương máu của bao thế hệ. Vậy mà chúng nó bây giờ coi lịch sử chỉ là môn học chán ngắt trong chính khóa, chúng học qua loa cốt đủ điểm lên lớp, và dồn hết tâm trí sùng bái những cái gọi là "Văn minh phương Tây", để rồi đến lúc chúng phải đổ xương đổ máu đi tìm những điều trước đây người ta đã dạy cho chúng, và đến lúc chết vẫn không hiểu được bài học cha ông để lại. Tôi cũng có chút hiểu biết, tôi đâu coi thường văn minh! Nhưng muốn hưởng thụ văn minh mà bỏ qua lịch sử, chà đạp lên đạo lý, lên truyền thống của dân tộc mình, thì khác gì đào gốc chặt cây để hái quả...

Mặt trời nghiêng về chiều. ánh nắng chiếu chên chéch qua tán lá rơi lên bàn đá. Tôi mời mọi người ngồi xuống cỏ để tránh nắng.

Viên trung sĩ bụng xoong nước trà tới rót vào mấy chiếc ca nhôm. Xong việc, anh ta với tay lấy chiếc túi dệt của lính treo

cạnh bàn móc khăn mặt lau mồ hôi, rồi như tiện tay treo luôn chiếc túi lên gốc cây nơi chúng tôi ngồi. Kín đáo quan sát từng động tác của anh ta, tôi chợt hiểu. "Rõ rồi! Trò trẻ con?" Tuy vậy tôi chưa tỏ thái độ gì, vẫn chăm chú nghe già Lý hỏi:

– Anh Hải năm nay bao nhiêu tuổi rồi? - Dạ cháu hăm ba, à... hăm lăm ạ! - Tí nữa tôi quên tính hai năm ở rừng vào số tuổi của mình.

– Chà! Còn trẻ vậy mà anh sống hiểu biết lắm! Phải nói bên Cách mạng dạy người tài thật!

Tôi ngượng:

– Cháu có giỏi dang gì đâu ạ! Chẳng qua chỉ nghĩ, cái gì đúng thì mình làm...

Ông Thành vội tiếp lời:

– Ấy đấy! Cần nhất là phải biết cái gì đúng. Con tôi nó làm bậy mà tưởng đúng. - Ông nói với tôi - Bác Lý cũng có một người con đi Cách mạng đấy anh ạ! Là anh của cậu chết ở đây ấy? Anh Hồng cũng còn thằng con đi lính, phải chạy cho nó về làm văn phòng. Tôi giờ chỉ còn mỗi con Thủy, chẳng biết rồi có giữ được nó không - ông thờ dài nhìn con gái. Cô đỏ bừng mặt, bời rói cúi xuống bứt lá cỏ. - Đòi tôi cay đắng lắm anh à! - ông kể tiếp - Tôi là giáo sư dạy sử ở trường đại học. Dạy sử thì phải nghiên cứu lịch sử. Lịch sử dân tộc ta oai hùng lắm! Làm người Việt Nam, ai cũng cần phải biết về nguồn cội... Và điều cần nhất của người dạy sử là phải trung thành với lịch sử. Vậy mà nhiều khi người đứng trên bục giảng phải uốn lười bóp méo sự thật để nói theo ý đồ chính trị. Cho nên đôi lúc giận con nhưng không biết nói sao. Ngay mình còn bị cuốn vào vòng xoáy khắc nghiệt đó, huống chi con! Tụi nó sinh ra lớn lên trong xã hội này, hiểu mấy chữ "Tự do, bình đẳng, bác ái" theo cái nghĩa người ta nhồi nhét cho chúng. Người ta làm trò phù thủy với những từ "Tổ quốc", "Bồn phận" trước khi rót vào tai chúng. Ở miền Nam trước đây ai chả nghe "Bảy Việt Cộng đeo một cọng đu đủ không gãy...". Mãi đến lúc thấy Mỹ đổ nửa triệu quân vào đánh nhau với những người "đeo

cọng đu đủ không gãy”, có người mới biết mình bị lừa. Tôi nghĩ con tôi hư là bởi người ta lừa nó, còn tôi lại không dạy được nó biết nghĩ thế nào cho đúng. Dạy dứt mãi, rồi tôi bỏ dạy. Dạy sù mà xuyên tạc lịch sử thì dạy làm gì! Hơn nữa, con mình mình còn chưa dạy được, làm sao đi dạy người khác? Tôi ra Đà Nẵng sống, mong gần con để có thể bảo ban thêm được điều gì ông trầm giọng xót xa - Buồn trong lòng mà có mấy khi nói ra được đâu anh? Hôm nay lên đây tôi mới có dịp nói hết. Mong rằng con tôi, đứa còn sống và cả đứa đã chết nằm kia, chúng nghe và hiểu cho ba chúng, để rồi biết nghĩ thế nào cho đúng. Con bé này nó cứng cổ lắm anh à! Nó đã muốn làm gì là làm cho bằng được. Giống hết tính chú nó...

Có cái gì đó khiến tôi xốn xang, nhịp tim đập gấp dồn máu lên đầu cho bộ óc hoạt động nhanh.

- Chẳng giấu gì anh, - ông Thành vẫn kể - tôi có chú em đi Cách mạng từ dạo tổng khởi nghĩa đến nay chưa gặp lại, chỉ biết tin chú nó còn sống. Tội nghiệp, hồi trước chú ấy bỏ học để tôi được học lên, can mãi không nghe. Nhà chỉ có hai anh em, cha mẹ chúng tôi mất sớm...

- Anh Hai Nguyên phải không ạ? - Tôi vụt kêu lên hầu như cùng lúc với ý nghĩ lóe trong đầu như ánh chớp hồ quang. Và ánh chớp đó nổ thành tiếng sét bên tai cha con ông Thành làm họ bàng hoàng sửng sờ. Những người khác cũng ngỡ ngác nhìn.

- Anh... anh có biết...? Đúng... Đúng chú em tôi tên Nguyên mà... Nổi xúc động khiến ông Thành lắp bắp.

- Có phải... nhà bác hồi trước ở cạnh sông Thu Bồn, trước nhà có cây mai già phải không ạ? - Tôi hỏi lại cho chắc.

- Đúng... đúng rồi! Vậy là anh có biết chú ấy... - ông Thành trào nước mắt.

Trong đầu tôi, những mảnh sự kiện rời rạc giờ đây vụt ráp khớp lại với nhau: nét mặt quen quen của ông Thành, hai anh em mồ côi cha mẹ được họ hàng nuôi ăn học..., giáo sư dạy sử bỏ nghề, rồi lời kể của anh Hai Nguyên đêm nào ở Bãi Hà: "...Nghe

nói nó làm pilot, không biết đã khi nào nó ném bom xuống đầu chú nó chưa...". Không thể nhầm được! Quả đất tròn hơn người ta vẫn tưởng! Những nẻo đường đời tình cờ gặp nhau! Sự trùng hợp ngẫu nhiên đầy thú vị như thế này thường chỉ thấy trong tiểu thuyết.

Tôi nghĩ nhanh đến một tình huống và bắt đầu kể:

– Cháu biết anh Hai Nguyên cũng là tình cờ. Đạo ấy đơn vị cháu hành quân trên đường Trường Sơn, bị tắc đường phải dừng lại ở trạm giao liên gần mười ngày cùng với một đoàn cán bộ mới từ ngoài Bắc vào. Nơi đó bên bờ suối có cây mai vàng nở hoa sớm rất đẹp. Thấy bọn cháu ngồi ngắm, một anh trong đoàn cán bộ kể hồi trước nhà anh cũng có cây mai như vậy... Đến tối anh ấy ôm võng xuống ngủ với chúng cháu. Anh tâm sự chuyện nhà, cháu mới biết...

Tôi buộc lòng phải nói dối một đoạn, sau đó kể cho cha con ông Thành và mọi người nghe về anh Hai Nguyên cùng những tình cảm, mong ước của anh về gia đình, quê hương.

Ông Thành đưa cả hai tay cầm tay tôi:

– Trời ơi! Ai ngờ được! Mấy chục năm biệt tăm, vậy mà lên đây lại biết tin chú ấy...

Già Lý gật gù:

– Duyên kỳ ngộ! Đúng là duyên kỳ ngộ!

Ông Thành vô cùng vui sướng khi hay tin mình có cháu trai:

– Anh Hải! Vậy chú em tôi có biết... thằng con tôi đi lính không?

– Dạ, anh ấy có biết con trai bác làm phi công, chỉ không biết cô cháu gái cũng lái trực thăng giỏi như thế!

Đang ngóng cổ háo hức nghe chuyện, bị móc một câu bất ngờ, cô gái vội thụp xuống, mặt đỏ dừ.

Ông Thành không để ý, tư lự nói tiếp:

– Anh ạ! Hồi Mậu Thân...

Tôi giơ tay ngăn lại:

– Xin lỗi, bác đợi một chút... - Rồi vẫy người lính đeo lon trung sĩ - Anh lại đây!

Anh ta đứng dậy, từ từ bước tới, nét mặt căng thẳng. Tôi hỏi nhẹ nhàng:

– Anh quê ở đâu?

– Dạ... em ở... - Anh ta nói tên một tỉnh ngoài Bắc.

– Anh vào Nam năm năm tư phải không?

– Dạ... em theo gia đình... đi cao su...

– Không sao! Tôi hỏi cho biết thôi! Tôi cũng từ miền Bắc vào...

– Dạ...! - Anh ta tươi hẳn nét mặt.

– Nhưng anh xem lại cái máy đã chạy hết băng chưa, để thay băng khác.

Mặt tên trung sĩ đỏ bừng rồi tái xanh tái xám, cặp mắt gian xảo sụp xuống, trán vã ra từng giọt mồ hôi to như hạt bắp.

Hai người lính nói giọng Nam bộ chậm chạp đứng dậy, lừ lừ bước tới.

Khẩu tiểu liên dựng bên bàn đá. Không kịp! Lại vướng nữa! Tôi kín đáo luồn tay dưới vạt áo nắm lấy băng khẩu ru lô dặt trước bụng.

Tới ngang tên trung sĩ, hai người lính bất ngờ chụp tay y giữ lại và nhanh chóng soát người. Lát sau họ buông y ra, nhìn tôi phân vân:

– Dạ thưa... không thấy có chi...

Tôi chỉ cái túi dết treo bên gốc cây:

– Các anh xem trong cái túi kia? Một người lính giật cái túi xuống, lục lọi một lúc rồi lôi ra chiếc máy ghi âm nhỏ cỡ bao thuốc lá, cuộn băng trong máy đang quay. Anh ta trao chiếc máy cho tôi, quay sang nói với cô gái:

– Em biết mà! Hồi sáng em đã nghe ngợ, coi bộ nó lạ hoắc há!

Báo Aga nhảy từ trên cây xuống, làm lì bước tới bên tôi. Máy ông già sừng sốt. Cô gái đỏ bừng mặt chực khóc.

– Thủy! Thế này là thế nào? - Ông Thành quát.

– Con đâu có biết? Bác Tùng biểu bên tham mưu cử người của văn phòng theo giúp. Lúc sáng thấy người lạ, con nghi nghi mà không kịp hỏi. - Cô giậm chân tức tối.

– Trời! Ai ngờ ông Tùng lại làm vậy với tôi - ông Thành thốt lên cay đắng.

– Dạ thưa... - Tên trung sĩ ấp úng.

– Anh nói đi? - Tôi gần giọng - Và nhớ coi chừng mạng sống của anh đó!

– Thưa... em chỉ... mà không phải... - Hấn ngoảnh sang ông Thành - đại úy trưởng ban nắn nì với bên tham mưu đối người, đại tá không biết...

Tôi hỏi:

– Anh ở bên An ninh quân đội phải không

– Dạ...

– Xếp của anh bảo anh lên đây làm gì?

– Dạ, họ bảo... lên nghe ngóng quan sát, đặt máy ghi âm rồi về tường trình lại...

– Vì sao phải làm vậy?

– Dạ... ông đại úy nghi anh... không phải lạc rừng. Họ tìm thấy hòn đá trong túi thượng sĩ Tài, cái ông chết vì lựu đạn đó! Đại úy thẩm vấn mấy người bị thương, họ khai hết...

– Tôi hiểu rồi! Mấy tên lính bị thương khai về ba lô đá dưới chân cầu thang. Hôm đó tên thượng sĩ có lấy một hòn bỏ vào túi quần. Tôi cười, nói với mọi người:

– Lúc này cháu chưa kể hết. Mấy lần cháu tính quay về mà cứ nán ná mãi. Không ngờ đến lúc quyết định về thì ôm một trận gần chết. May nhờ có mấy con khỉ, như cháu đã kể đó. Ôm dẫy cháu yếu lắm, nên cố tập để có sức trở về. Lúc đầu tập đi sau bỏ đá

vào ba lô tập leo dốc. Hôm toán lính đó lên, cháu mới xong giờ tập buổi sáng. - Tôi nói với tên trung sĩ - Anh về nói với xếp của anh, đá cuội ở đây nhiều lắm, muốn bao nhiêu lên tôi chỉ chỗ cho mà lấy về.

Hai người lính kia phì cười, mấy ông già cười theo. Không khí nhẹ nhõm hơn.

Tôi nghiêm giọng:

– Do thám là tội nặng. Lợi dụng việc bốc mộ người chết để do thám, tội càng nặng hơn. Anh hiểu không

– Dạ...

– Về tôi, anh cứ báo cáo với xếp của anh mọi điều mắt thấy tai nghe. Nói với họ, nếu muốn mang cả máy lên đây mà quay phim chụp ảnh, nhưng phải làm công khai. Tôi ghét mọi chuyện mờ ám. Còn nếu họ lên đây với súng đạn, sẽ được đáp lại bằng súng đạn. Anh chẳng đáng để tôi hỏi tội, nhưng phải nhớ: câu chuyện giữa tôi với các bác đây là chuyện thân tình; về dưới anh nói một lời nào hại tới họ, thì liệu chừng mạng sống của anh đó!

– Dạ... em đâu dám... em xin thề...

– Tôi chẳng cần lời thề của anh. Tất nhiên anh có phản lại mọi người, tôi cũng không xuống được dưới đó để hỏi tội anh, đúng không? Vì thế ngay cả tên anh, tôi cũng không cần biết. Nhưng ở đời gieo gió thì gặt bão, anh nhớ lấy!

– Dạ...

– Thôi, ra kia ngồi!

Tôi bảo hắn, rồi đập tan cái máy ném vào góc đá. Không cần hỏi thêm cho mất thời giờ, tên này chẳng biết gì hơn đâu.

Tên trung sĩ cúi đầu lúi thủi ra ngồi cạnh gốc cây ngoài cùng. Ông Thành áy náy nói với tôi:

– Chuyện này chúng tôi không ngờ tới, anh Hải ạ? Chứ nếu biết, chẳng thà để xác con nằm lại đây...

Tôi vội nói:

– Bác đừng lo, cháu hiểu mà! Chỉ sợ nó về dưới kia nói bậy làm các bác rắc rối.

Khí trời oi bức lạ thường. Nhìn qua kẽ lá thấy góc trời phía tây ùn ùn mây xám. Tôi bảo cô gái:

– Cô Thủy này! Không khéo có cơn giông đấy!

– Vâng, em cũng nghĩ vậy - Cô lo lắng ngược mắt nhìn trời, hàng mi dài cong chớp chớp - Mây mưa không sao, nhưng thời tiết này bay ở đây thường gặp luồng khí xoáy. Cô quay sang ông Thành - Phải về thôi, ba à!

Mọi người đứng dậy sắp sửa đồ đạc. Ông Thành nắm lấy tay tôi: "Tiếc quá! Giá được ngồi nói chuyện với anh lâu hơn..."

Tôi ra sau gốc đa chọn bốn khúc trầm đẹp nhất, mỗi khúc nặng đến ba, bốn kí, ôm vào biểu mấy ông già:

– Cháu gửi các bác chút quà của rừng. Còn cái này, - Tôi đưa cô gái khúc trầm thứ tư - nhờ cô Thủy chuyển cho ông Tùng, nói tôi gửi biểu. Dù gì đi nữa, khi thấy ông ấy sốt sắng với việc đi lấy hài cốt lính mình, tôi nghĩ ông cũng là người có tình.

Ông Hồng cảm động:

– Anh chu đáo quá! Chúng tôi chẳng biết lấy gì để đền ơn anh, chỉ xin chúc anh mạnh khỏe, có ngày về với gia đình.

Già Lý kéo tôi đứng riêng ra, nói nhỏ:

– Thằng con tôi hồi trước nằm vùng, sau Mậu Thân nó nhảy núi, giờ hoạt động ở huyện. Không biết có giúp gì được cho anh không?

Tôi phân vân suy nghĩ lát sau mới đáp:

– Cám ơn già! Cháu cũng muốn nhắn tin về, nhưng đơn vị cháu ở khác vùng, sợ không liên lạc được. Già cứ kể hết mọi chuyện ở đây, nếu giúp gì được, anh ấy sẽ biết!

Cô gái bước tới:

– Em có mang lên cho anh ít gạo và muối. Vì không biết anh cần chi nên...

– Ôi, cảm ơn cô Thủy! Thế là tốt lắm rồi. Gạo muối là thứ tôi cần nhất đấy!

Tôi cũng cho mỗi người lính một miếng trâm đen nhánh nặng trĩu:

– Nghe nói thứ này dưới kia bán được, các anh cầm về mua quà cho cháu.

Hai người lính nói giọng Nam Bộ mừng rỡ cảm ơn rồi rít, nhưng họ rất ngạc nhiên khi thấy tên trung sĩ cũng có phần.

Tôi khoác súng tiến mọi người ra máy bay. Mấy người lính vác ba chiếc tiểu sành và xách đồ đi trước, già Lý cùng ông Hồng bước theo. Ông Thành ôm hôn đá cùng con gái đi chậm chậm phía sau.

Đợi những người khác đi được một quãng, tôi nói với ông:

– Lúc này bác định kể chuyện đạo Mậu Thân anh Hai Nguyên cho người về móc phải không ạ?

– Đúng vậy! Hôm đó có người đồng mình tới nói chuyện, dặn tôi viết thư, hẹn hôm sau quay lại. Tôi đợi mãi mà không thấy. Mấy ngày đó súng nổ dữ quá!

– Anh Hai Nguyên cũng kể vậy! Bây giờ anh ấy công tác ở Khu ủy Trị Thiên. Nếu bác muốn nhắn tin, có thể nhờ anh con trai già Lý, nhưng phải cẩn thận. Điều đó cần thiết cho sự an toàn của bác và cô Thủy.

– Tôi hiểu! Cảm ơn anh!

Tôi đưa trả cô gái chiếc máy truyền tin, cô bảo:

– Anh cứ giữ ở đây. Biết đâu có dịp em lên lại...

– Chắc để chờ lên một toán lính như lần trước, nhưng lần này đông hơn phải không?

Tôi thoáng áy náy vì mình nói hơi "ác". Cứ ngỡ cô gái sẽ tức ứa nước mắt, vậy mà cô chỉ cười rồi đáp:

– Còn anh thì chờ sẵn đâu đó với một cây đại liên đầy đạn chứ gì?

Tôi giật mình, nhưng vẫn giả bộ bình thản:

– Cô không chờ sẽ có người khác chờ. Nếu vậy cô lên vẫn vui hơn, dù sao cũng có chút quen biết...

Như hiểu tôi muốn thăm dò điều gì, cô nhẹ nhàng nói:

– Em nghĩ sau chuyện vừa rồi, bác Tùng sẽ không cho tiến hành ở đây những phi vụ như vậy nữa. Trực thăng của không đoàn đảm trách tất cả các phi vụ tác chiến chiến thuật trên khắp Vùng Một chiến thuật. Nhưng anh phải đề phòng phía người Mỹ.

– Ông Cody?

– Không! Ông ta bây giờ chẳng là cái gì cả! Sau vụ ông chuyên viên vũ khí chết, bên hải quân Mỹ đòi đưa ông ta ra tòa án binh. Nhờ bạn bè có thể lực ông ta mới thoát được, nhưng bị điều đi đâu không rõ.

– Cô muốn nói tới bọn “Mũ nồi xanh”?

– Vâng! Nếu như họ đánh hơi thấy một điều gì quan trọng ở đây!

– Tôi thì chẳng quan trọng đến mức như thế. - Tôi cười - Dù sao cũng xin cảm ơn cô!

– Em chẳng biết gì hết. Nhưng không phải tự nhiên ông Cody kéo trực thăng lên đây...

Ông Thành lên tiếng:

– Tôi mong có dịp lên thăm anh một lần nữa, anh Hải ạ! Nhưng anh cũng đừng trông vì chưa chắc đã lên được. Hôm trước ông Tùng có nói với tôi là muốn gặp anh một lần cho biết.

– Có việc gì thế bác? Chẳng lẽ một đại tá của không lực Việt Nam cộng hòa lại muốn làm quen với anh lính Giải phóng lạc rừng như cháu?

Ông Thành cũng cười, trả lời:

– Tôi cũng chưa hiểu được. Hôm đó tôi đến để xin chuyển bay lên đây, nên không kịp nói chuyện. Ông ấy chỉ nói anh là một con người kỳ lạ.

– Ông Tùng là người thế nào, bác?

– Ông ấy là bạn học với tôi hồi trước. Chúng tôi thân nhau vì hoàn cảnh giống nhau, mỗi người đều chỉ có hai anh em mồ côi cha mẹ. Về sau tôi tiếp tục học lên rồi đi dạy, còn ông ấy đi lính, được tuyển vào không quân và đi học phi công ở Pháp. Có lẽ đứng trước anh mà... nói tốt về ông Tùng là không nên, vì dù sao ông ấy cũng là sĩ quan cao cấp trong một quân đội đang chống lại bên Cách mạng. Nhưng nếu... chỉ nói về phương diện cá nhân thì theo tôi ông ấy cũng có điểm tốt, anh ạ! Ông sống đàng hoàng, không ăn chơi, không hống hách hay ham muốn quyền lực như các quan chức khác. Hai vợ chồng ông không có con. Bà vợ thương ông, nhiều lần khuyên ông lấy vợ bé để có người nói dối, nhưng ông không chịu. Tôi mến ông vì cái lối sống đứng đắn chung thủy, điều ít thấy ở lớp người như ông ấy, chứ chúng tôi vẫn có nhiều bất đồng trong suy nghĩ, nhìn nhận về thời cuộc, về lịch sử...

Câu chuyện phải ngừng lại vì chúng tôi đã ra khỏi dải rừng non. Những người đi trước đang đứng đợi dưới bóng cây giáp trắng cát. Chẳng ai lên ngồi được trên khoang máy bay lúc này đang nóng như cái lò nướng.

Cô gái cúi xuống vuốt ve con báo. Nó cạ đầu vào chân cô nũng nịu. Báo Aga có vẻ mến cô gái, không biết vì nó cảm thấy đó là người tốt, theo như cách nói của cô, hay vì được ăn món thịt bò nhà nuôi ngon và lạ miệng.

Mấy ông già bịn rịn chia tay. Già Lý và ông Hồng cầm tay tôi mãi không muốn rời: "Chắc chẳng bao giờ gặp anh nữa..." Nước mắt lại lã đai trên những gương mặt tuổi tác.

Mấy người lính bước tới chào. Tôi chìa tay, họ đưa cả hai tay ra bắt. Hai người lính nói giọng Nam Bộ xúc động thật sự: "Em chúc anh Hai mạnh giỏi..." Tên trung sĩ khúm núm bắt tay, mặt cúi gằm, miệng lí nhí: "Đội ơn quý anh..."

Tên trung sĩ quay đi. Cô gái đứng dậy, tuột chiếc đồng hồ đeo ở cổ tay giúi vào tay tôi: "Anh cầm để coi giờ!", rồi bước nhanh

đến bên máy bay leo lên ghế lái. Tôi không kịp trả lại, cũng chẳng nói được lời cảm ơn.

Cuộc chia tay lưu luyến chấm dứt. Tôi gọi con báo bước ra khỏi vùng cuộn gió của cánh quạt. Động cơ nổ, cánh quạt quay nhanh dần thành vòng tròn loang loáng. Một bàn tay nhỏ nhắn vẫy vẫy sau mặt kính buồng lái. Chiếc trực thăng từ từ lên cao, chao một phần tư vòng rồi bay thẳng về hướng biển. lát sau nó nhỏ dần thành chấm đen và mất hút nơi chân trời. Phương ấy bầu trời vẫn trong xanh. Cơn giông lúc này đang trút xuống dãy núi phía tây một màn mưa xám xịt hần mảng chéo trên nền trời, nắng chiều chốc chốc lại rục lên nơi rìa những đám mây. Cơn giông không lớn, nó chỉ là dấu hiệu báo trước của mùa mưa.

Trên dải rừng non, một con đại bàng lượn những vòng hẹp, giương đôi mắt tò mò nhìn hai cái bóng, một người một thú, đang lồm lũi bước trên lối mòn trở vào rừng.

Chương XIX

Thế là những người khách đã ra về. Góc rừng này giờ trở nên hiu quạnh hơn bao giờ hết. Tôi ngẩn ngơ nhìn vạt cỏ nhàu nát còn vương hơi người, bên tai như vẫn nghe văng vẳng tiếng cười tiếng nói. Đã quen với những ngày sống một mình lặng lẽ, cuộc tiếp xúc vừa rồi khơi dậy biết bao điều. Chỉ mấy con người trong thời gian gặp gỡ ngắn ngủi như vậy mà có cả bạn và thù, cả lòng tin lẫn mưu mô.

Tôi chợt nhớ ra mình không kịp hỏi gì về tình hình dưới đó, ít lắm cũng có thể hỏi họ đôi điều về tình hình chiến sự. "Sao mình ngớ ngẩn thế nhỉ?", tôi tiếc hùi hụi. Thôi, dù sao cũng đã gửi được một tín hiệu về "nhà". Già Lý sẽ kể cho anh con trai đang hoạt động cách mạng ở huyện việc tìm thấy hài cốt người em. Và câu chuyện người lính Giải phóng sống một mình trong rừng sâu hơn hai năm nay là chuyện lạ, không phải ngày nào cũng được nghe. Anh ấy sẽ báo cáo lại với tổ chức. Chỉ cần lên tới cấp lãnh đạo của tỉnh Quảng Nam, ở đó đã được thông báo về TK1, họ sẽ chuyển tin cho anh Hai Nguyên. Chắc chắn như vậy! Tôi cảm thấy vui hơn.

Lũ khỉ đang chạy nhắng trên bãi cỏ giành nhau chiếc máy ghi âm vỡ. Của lạ mà! Chúng no căng với mấy nải chuối cứng nên không cần vào rừng. Còn báo Aga đã lại nhao đi đâu đó. Cũng tội, mấy ngày nay nó phải theo tôi miết, chắc giờ đi kiếm gì ăn thêm. Tảng thịt bò lúc trưa tuy ngon nhưng chỉ đủ lót dạ.

Tôi bước tới đồng đồ chất cạnh gốc cây. Những người khách để lại nhiều thứ: mấy cái xoong, bát đĩa, chiếc can nhựa đựng nước, cuốc xẻng... Tôi mừng rơn khi thấy họ đem lên cho tôi bốn bao cát đựng đầy gạo và một bao muối chừng năm kí, thứ muối hạt to trắng lóng lánh. Còn trong cái thùng giấy là chiếc chăn len khá dày, giữa cuộn chăn có một chiếc lược nhựa màu đỏ, loại

lược to của phụ nữ. "Thế này thì mình dư sức qua mùa mưa. - Tôi cầm chiếc lược chải tóc, băng khuôn trầm nghĩ - Cứ tưởng cô ta chỉ quan tâm tới con báo..."

Rừng chiều vắng lặng. Tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ đeo trên tay làm tôi nhớ tới thái độ lạ lùng và lời cô gái nói lúc nãy: "Anh cầm để coi giờ...". Cô ta muốn bù lại chiếc đồng hồ tôi đưa hôm trước. Ừ, chỉ thế thôi! Chứ chả lẽ tặng tôi làm kỷ niệm?" Một người rừng như mình đâu có gì để cô ấy cảm tình? Có thể tạo được một ấn tượng nào đó, chứ cảm tình thì không. Mà... cô ấy có đẹp không nhỉ? Nếu là Bằng, - tôi nhớ tới người bạn cùng tổ công tác vốn hay đùa tếu - cậu ta cho mấy điểm? Ít lắm cũng bảy điểm! Cô ấy không đẹp sắc sảo, nhưng có duyên. Còn cái dáng dong dong mềm mại kia thì đúng là dòng giống nhà anh Hai Nguyên rồi! Cô ấy cao gần bằng mình, chắc phai mét sáu lăm. Và cô ấy... cũng thông minh đấy chứ? Rất thông minh là đằng khác! Nhưng... mình đang lộn xộn gì vậy? Khi không lại nghĩ chuyện đâu đâu? Cô ta đến rồi đi, như những người khác, thế thôi Mọi chuyện đến đó chấm dứt, đừng có nghĩ ngợi lung tung. Vậy... liệu sau này còn gặp lại không nhỉ? Dù sao đó cũng là cháu gái của anh Hai Nguyên cơ mà? Mình tin cô gái ấy không phải là người xấu. Con gái mà có cách cảm nhận thiên nhiên sâu sắc như vậy, không thể là người xấu được. Mà cô... chưa có chồng. Nếu có, ông Thành đã kể. Nhưng biết đâu người yêu cô ta lại là một tay pilot nào đó... Thôi, "tốt" lại được rồi..."

"Biết làm sao được? Mình chỉ là một con người bình thường, một chàng trai hai lăm tuổi. "Tu luyện" ở đây mới hai năm, dễ gì đã đắc đạo ngay được...". Tôi tự thông cảm cho mình.

Tôi bưng mọi thứ lên nhà. "Lại giàu to rồi? Phải đến hai trăm lon gạo. Nếu mỗi ngày ăn hai lon, cũng qua được hơn ba tháng. Còn muối đủ dùng trong hai năm. Chẳng ai lạc rừng mà lại được như thế! Sau này có kể lại, chắc ai cũng nghĩ: "Làm gì có chuyện may mắn đến vậy...". Ừ nhỉ! Nếu con người ta có số mệnh, và trên đời có sự may rủi, thì có thể nói số mình luôn gặp may. (Tất

nhiên phải trừ ra những lần rủi ro). Hậu quả của việc mất cảnh giác, đến lúc này có thể nghĩ là một kết quả có hậu.

Sáng dậy tôi chia đôi số gạo muối, cũng một nửa lên giầu trên chiếc trục thẳng. Chưa đến ba chục kí, nhưng tôi phải dừng nghỉ mấy lần trên chặng đường hai cây số. Bao giờ mới đủ sức đi từ đây ra tới đường Chín? Lại còn mùa mưa tới, sức yếu thế này rất dễ bị kí sinh trùng sốt rét quật ngã...

Xong việc tuy mệt lử nhưng tôi không về nhà ngay, mà luôn rùng đi thẳng đến bên ngôi mộ đá. Tôi đốt trầm rồi tần ngần ngồi nhỏ những ngọn cỏ mọc trong kẽ đá, thăm kể cho các anh nghe mọi chuyện vừa qua. Dù tin chắc mình làm đúng, nhưng cảm giác có lỗi vẫn cứ day dứt trong đầu. Tôi đã làm tất cả để kẻ bán chết các anh được đưa về quê quán, mà đành để những người đồng đội thân thiết nhất nằm lại mãi mãi giữa rừng...

Những ngày sau đó tôi dồn sức vào việc sửa nhà: chôn thêm bốn cột đỡ dưới xà ngang, thay mấy thanh gỗ sàn bị mục, chặt le về buộc lại vách và căng lại mái nhà. Tấm vải nhựa lợp mái qua mấy mùa mưa nắng lại thêm đốt lửa trong nhà, giờ cứng quèo như mo cau. May lắm nó chịu được một mùa mưa nữa là cùng.

Việc cuối cùng là kiếm ít thịt về trữ. Sáng nay tôi sửa soạn đi săn. Phải bắn con thú nào lớn lớn một chút, mà phải là loại thú thật nhiều nạc để dễ nướng và sấy khô. Tốt nhất là nai, hoẵng hoặc mang, cùng lắm mới bắn lợn rừng.

Vừa bước ra chưa kịp cài cửa, bỗng nghe có tín hiệu "tít tít..." vang từ chiếc máy truyền tin treo trên vách. Quá đổi ngạc nhiên, tôi nhào vào nhà chụp máy bấm nút nghe: "...Thủy gọi anh Hải? Đây Thủy gọi..." Đúng là giọng cô ấy? Có phải mình ngủ mê không? Chẳng lẽ cô ta lại lên? Không còn tin ở tai mình, tôi trân trân nhìn cái máy. "Anh Hải đâu trả lời đi? Đây Thủy..." Tôi cuống quýt chạy ra cửa nhảy hai bước xuống cầu thang. Đã nghe rõ tiếng trục thẳng. Tiếng trong máy vẫn gọi bồn chồn: "Đây Thủy gọi..."

Tôi đưa máy lên miệng, bấm nút nói: "Tôi nghe đây?". Giọng cô gái như reo lên: "Anh Hải! Anh có sao không? Sao gọi mãi không trả lời?"

Tôi không đáp, chỉ hỏi lại: "Cô lên đây làm gì?" Như bị hụt hẫng, lát sau mới nghe cô nói vào máy:

– Ba em lên thăm anh!

– Ôi! Bác lên à?

Tôi mừng quýnh. Có ông Thành lên là yên tâm rồi. Không ngờ hôm trước nói thế, mà nay ông lên thật.

– Thế nào? Hạ xuống được chứ?

Giọng cô gái nghe lạnh tanh và kiêu kỳ, nhưng tôi không chấp.

– Cô xuống đi! Tôi ra ngay bây giờ!

Cố nén xúc động, tôi chạy như bay qua bãi cỏ. Con báo hốt hoảng đuổi theo.

Máy bay vừa đáp xuống tràng cát, bụi bay mù trên ngọn cây. Sắp ra khỏi rừng, tôi dừng sau một lùm cây vạch lá nhìn. Chiếc trực thăng đỗ đúng chỗ hôm trước, gần giáp mé rừng. Cánh quạt ngừng quay. Từ cửa hông, ông Thành bước xuống. Theo sau ông có một người nữa. Ai vậy? Cô gái vẫn ngồi trên ghế lái. Hết! Chỉ có ba người. Tôi nhìn kỹ vị khách lạ: ông ta trạc tuổi ông Thành, cũng cao như vậy nhưng vóc người đậm hơn và rắn chắc. Mái tóc hoa râm cắt ngắn, lưỡng quyền cao, cằm hơi bạnh nên vẻ mặt ông ta có nét quyết đoán đến lạnh lùng. Gì nữa? Áo cộc tay màu xám, quần màu nâu sẫm, giày da, chiếc mũ trắng cầm tay..., dáng nhanh nhẹn nhưng vẫn bệ vệ. Đúng rồi? Đây là ông Tùng, bạn của ông Thành, vị đại tá không lực. Ông ta lên đây làm gì?

Không có thời gian để nghĩ thêm, cứ ra gặp rồi sẽ biết. Tôi giữ vẻ mặt bình thản, khoác súng lên vai đi ra. Thấy tôi, ông Thành vui mừng bước lên mấy bước:

– A, anh Hải!

– Chào bác, chào đại tá!

Tôi niềm nở bắt tay hai ông và gật đầu chào cô gái. Lúc này cô ta mới mở cửa máy bay nhảy xuống, mừng rỡ chạy tới con báo, làm như cô bay hơn trăm cây số lên đây cốt để gặp nó.

– Sao anh biết tôi là đại tá? - Vị khách lạ bắt tay và nhìn tôi chăm chú.

Tôi mỉm cười trả lời:

– Tôi chỉ đoán thôi!

–Ồ! ông ta quay sang nói với ông Thành - Không ngờ anh ấy lại sắc sảo đến vậy! Thiệt là thú vị!

Tôi thấy bực. Giọng nói có vẻ trịch thượng. Hay ông ta tưởng lên đây sẽ gặp người tiền sử chắc? Tôi hỏi lại:

– Việc quân bận rộn, đại tá "quá bộ" lên tới đây, hẳn không phải là không có lý do?

Ông Thành định nói gì đó, nhưng ông ta đã trả lời trước:

– Xin lỗi anh! Hơi đường đột phải không! Bởi vì anh biết tôi là đại tá, nên tôi quá ngạc nhiên. Tôi với anh Thành lên đây chỉ để thăm anh, mong anh coi tôi như một người bình thường thôi.

Ông Thành bây giờ mới nói:

– Đáng ra tôi phải báo trước, nhưng không có cách gì liên lạc được...

Tôi vội ngắt lời ông:

– Không sao đâu bác ạ! Cháu ở đây một mình, trông được gặp người là mừng rồi, huống hồ lại được bác và... đại tá đây lên thăm. Xin mời mọi người vào trong kia ta nói chuyện. Cũng may cháu định đi sẵn mà chưa kịp đi.

– Thủy, xách đồ xuống con! - Ông Thành giục con gái.

Ba người khách đem xuống mấy cái túi xách và chiếc thùng giấy, chia nhau mang vào. Tôi cũng xách hộ chiếc túi nặng. Cô gái hăm hở bước lên trước ra về người thành thạo. Con báo cứ quẩn lấy chân cô, không ngờ nó cũng biết nịnh.

Chúng tôi đi qua dải rừng non. Hôm nay trời có mây nhưng nắng vẫn rực rỡ, tiếng chim ríu rít khắp nơi. Tôi mời khách ngồi xuống bên chiếc bàn đá. Ông Tùng ngạc nhiên nhìn quanh, nét lạnh lùng trên mặt dường như biến mất. ông ta kêu lên:

– Chà! Đẹp quá! Anh sống ở đây cứ như là... ần sĩ ấy nhỉ!

– Vâng! - Tôi cười đáp - Có lẽ cũng giống như vậy, chỉ khác ở chỗ lúc nào cũng phải súng đạn kè kè bên người.

Cô gái bày lên bàn mấy chai nước lọc cùng những chiếc cốc giấy. Hay quá, khỏi phải mời khách uống nước suối. Tôi biết người dưới xuôi lên rất ngại uống nước ở đây. Ai cũng vậy chứ không riêng gì những người khách đặc biệt này.

– Ông Tùng bàn với cha con tôi lên thăm anh, - ông Thành nói như phân bua - coi như một chuyến picnic vậy! Quả thực tôi cũng mong có dịp nói chuyện thêm với anh, hôm trước về gấp quá! Mà phải có ông ấy mới đi được, chứ cha con tôi kiếm đâu ra trực thăng?

– Ông nhìn ông Tùng nói vui - chỉ có đại tá mới dám xài máy bay như vậy!

– Đồ Mỹ mà! Mình xài được gì hay thì cứ xài. Dem đi đánh nhau mãi cũng phí. Anh không thấy vừa rớt cả mớ đó à? - ông Tùng cũng nói giọng vui vẻ và quay sang tôi - À, anh Hải không biết phải không? Vừa rồi hành quân ở đường Chín, các anh bắn rớt chúng tôi như đập ruồi ấy!

Tôi nhìn ông ngạc nhiên. Lạ nhỉ! Không ngờ một đại tá ngụy lại có cách nói như vậy! Ông ta nói giọng Nam Bộ nhưng ít dùng ngữ điệu vùng trong ấy, chắc tại đi lâu ngày. Tôi chưa có dịp gặp gỡ một nhân vật "quan trọng" cỡ đó. Hồi ở thị xã Quảng Trị có tiếp xúc với vài sĩ quan cấp úy, nhưng lúc đó chúng tôi đóng kịch, nói chuyện như cùng chiến tuyến, mà cũng chỉ nói những chuyện băng quơ cho phù hợp với hoàn cảnh. Còn ở đây, ông ta biết tôi là ai...

Ông Tùng lại nói, cắt ngang những suy nghĩ của tôi:

– Thiệt tình tôi cũng muốn đổi gió một chuyến, chứ chả lẽ cả đời cứ đánh nhau mãi? Hôm trước nghe mấy thằng lính kể chuyện về anh, tôi trông được gặp một lần cho biết...

– Chắc đại tá muốn nhìn thấy người rùng xem như thế nào? - Tôi buột miệng và thấy áy náy. Ông ta đang là khách, chẳng nên căng thẳng làm gì. Không ngờ ông lại là người xin lỗi trước:

– Xin lỗi anh! Tại tôi nói không rõ ý. Mấy đứa nó kể về anh như huyền thoại...

– Chúng thua trận, sợ tội nên nói quá lên, đại tá tin làm gì!

– Là chúng kể cho nhau nghe chứ không phải nói với tôi đâu. Lại còn con Thủy... - Cô gái đỏ bừng mặt, vờ cúi xuống lấy gì đó trong túi xách - ... nó kể chuyện anh như trong xinê...

– Anh Hải, em cho con báo ăn được không?

– Cô còn hỏi? Nó chẳng ra đón cô từ ngoài cửa máy bay là gì?

Cô cúi mặt cười ngón ngoئن, sắc hồng bừng trên đôi gò má cao cân đối. Quả nhiên ông đại tá bị đánh lạc hướng, ngây người nhìn con báo khoái khẩu với món thịt bò.

Tôi quay sang ông Thành:

– Bác vẫn khỏe chứ ạ?

– À, tôi thấy khỏe lên nhiều. - Ông mỉm cười hiền lành. Trông sắc mặt ông tươi tắn, khác hẳn lần trước. Mới một tuần chứ mấy!

Ông nói tiếp:

– Giờ tôi chỉ mong hòa bình để gặp lại chú em tôi, gặp thằng cháu trai...

Ông Tùng ngoảnh lại:

– Nghe nói anh có quen chú Nguyễn phải không? Này, thế chú ấy làm tới cấp gì rồi?

– Vâng! Tôi cũng tình cờ có biết! - Tôi đáp nhưng không trả lời trực tiếp câu hỏi - Hồi năm năm tư, anh ấy đã dẫn một trung đoàn đi đánh trận Điện Biên đấy...

Mắt ông Thành sáng rực, còn ông Tùng thì gật gù thán phục:

– Chà chà! Vậy giờ ít lắm cũng đại tá chứ chẳng chơi đâu! Tôi biết, dòng anh toàn người giỏi mà!

Tôi cố kìm nổi kinh ngạc. Không biết ông ta thân với ông Thành cỡ nào mà nói chuyện tình bơ. Cứ như là chẳng có nhột khoảng cách nào giữa ông và chúng tôi. Hay đó là tính cách bộc trực của người Nam Bộ?

– Nhưng anh ấy gàn dở lắm! Tối bữa ăn cơm với tụi cháu, đêm ôm võng xuống nằm nói chuyện. Đạo Mậu Thân, anh ấy cùng đặc công bò vào tận hầm chỉ huy trong sân bay Ái Tử... - Tôi kể tiếp những chuyện về anh Hai Nguyên, rồi nói với ông Thành - Anh ấy có nói hồi anh bỏ học, bác la dữ lắm?

– Ừ, tính chú ấy vốn vậy, đã quyết việc gì thì đổ ai cản được. Chú ấy lo không đủ tiền cho cả hai anh em cùng học. - Ông rơm rớm nước mắt - Hồi đó cơ cực lắm anh à! Có củ khoai bữa sáng ăn đi học mà hai anh em cứ nhường nhau mãi, trưa về vẫn còn đó, ngụi ngất...

– Tôi giống anh Thành, cũng nhà nghèo, cũng hai anh em mồ côi cha mẹ từ nhỏ, chỉ tréo một chút là bên tôi em đi học còn anh đi lính. - Ông Tùng hể hả nói.

"Còn có cái khác cơ bản là đi lính cho ai?", tôi nghĩ vậy và hỏi:

– Thế bây giờ... người em của đại tá ở đâu ạ? - Chú ấy du học bên Canada rồi ở lại luôn. Lấy vợ ở bên, nhưng cũng người Việt mình. Có bốn con, lớn rồi. Chú em tôi giờ là chuyên viên điện toán trong một chương trình không gian. - Ông trả lời với vẻ tự hào.

Câu chuyện cứ thế tiếp tục vui vẻ. Trong đầu tôi loáng thoáng mấy chữ "ác ôn", "nợ máu"... Không biết đã lần nào ông ta lái máy bay ném bom xuống quê tôi chưa? Mà ném xuống đâu cũng vậy thôi! Nhưng hình như trong ông còn có một điều uẩn khúc nào đó mà tôi chưa biết được...

Mười giờ trưa. Ông Thành giục con gái nấu cơm rồi quay sang nói với tôi:

– Lúc sáng cứ nôn nao lên đây thành ra chưa ăn uống gì. Tôi đã bảo con Thủy đem đồ nguội đi mà nó không chịu, nói lên giữa rừng nấu ăn thích hơn.

Cô gái hỏi tôi lấy xoong rồi trút gạo đem đi vo. Họ lại đem cả gạo lên.

– Anh Hải đưa em xuống suối! - Cô bảo.

Tôi ngần ngừ. Đúng là phải đưa cô ta đi, nhưng để hai ông khách ngồi đây cũng không yên tâm. Con báo thì nhất định chạy theo chúng tôi rồi! Tôi hỏi ông Tùng:

– Sao lên rừng mà đại tá không mang theo súng?

Ông ta cười bảo:

– Lúc sáng cũng định mang khẩu súng săn cho có vẻ đi rừng, mà con Thủy không chịu. Nó nói làm vậy là vi phạm quy định của anh.

Cô gái cười:

– Chớ bác biểu sao? Bay trực thăng Mỹ, mang theo súng, không chừng lãnh đạn à!

Tôi cũng cười, bảo cô đứng đợi rồi ra sau hốc cây đã lấy khẩu súng có kính ngắm khoác lên vai. Còn khẩu kia tôi lên đạn, khóa lại và dựng bên bàn đá.

– Xin đại tá nhớ giữ súng trong tầm tay. - Tôi dặn.

Ông nhìn tôi ngạc nhiên:

– Anh... cẩn thận quá!

– Lúc này đại tá là khách của tôi mà! Nhưng cảnh giác vậy thôi chứ ở đây cũng yên. - Tôi nói rồi bước theo cô gái.

Đi được một đoạn, cô cười khúc khích: Phải như vậy mới nói chuyện với anh được. Ngồi trên em đâu chen vô được câu nào!

– Ờ thì... phải để người lớn nói chuyện chứ?

– Em cũng lớn chớ bộ?

– Cô bao nhiêu tuổi mà đòi lớn?

– Em... hăm tư!

– Vậy còn ít hơn tôi một tuổi, chỉ đáng bậc em thôi!

– Em đâu có đòi làm chị? - Cô cười, nói tiếp - Nhưng thôi, để nói sang chuyện khác. Em có đem lên cho anh bản đồ và địa bàn, giấu trong thùng mì ấy? Mà anh đừng cho ba em và bác Tùng biết.

– Ôi, cảm ơn cô Thủy nhiều lắm? - Tôi mừng rỡ - Nhưng... sao lại phải giấu bác?

– Thì phải làm vậy cho nó ly kỳ chứ? - Cô cười tinh nghịch.

Lúc này tôi mới để ý thấy cô nói tiếng miền trong chứ không phải tiếng Quảng, chắc tại lớn lên ở Sài Gòn. Tiếng vùng trong ấy với giọng nói thanh thanh nghe thật hay.

Cô gái ngồi thụp xuống bên vũng suối, nhưng chưa vo gạo mà đưa tay nghịch nước:

– Anh Hải này! Ba em vừa đi Tam Kỳ hai ngày đấy?

– Vậy hả? Chắc bác đi thăm ai? - Tôi hỏi hộc nhưng giả bộ thờ ơ hỏi lại.

– Ba em vô chỗ già Lý.

– Thế bác kể gì không?

– Anh lên mà hỏi ba em ấy! Em hỏi, ông cứ ậm à ậm ừ, ra về chuyện người lớn không nói với con nít. - Cô ậm ức.

Tôi cười:

– Chắc chẳng có chuyện gì nên bác mới không nói.

– Đâu phải! Em biết ba đi để tìm cách nhắn cho chú Nguyên. Ôi! Em mong được gặp chú quá? Hỏi nhỏ nghe ba em kể hoài. Cả má em cũng đâu biết mặt. Mà... chú giống ba em không anh?

– Giống lắm! Không phải giống như in đâu, nhưng có nét gì rất dễ nhận. Hôm mới gặp bác, tôi cứ ngờ ngợ mãi mà không nghĩ ra.

– Nhưng sao anh lại gọi... chú là anh?

– Thì ông bảo gọi vậy để ông được trẻ lâu!

– Ngộ quá ha! Vậy là em mê chú rồi! - Cô nói như reo. Lúc nào em cũng hình dung chú như một nhân vật kỳ bí, oai phong lẫm liệt...

Tôi bật cười:

– Ông là người bình thường thôi, cô đừng nên thần tượng hóa. Nếu cô coi ai đó như vị thánh, rồi sau thất vọng vì thấy họ cũng chỉ là người bình thường, thì lỗi là ở cô đấy!

– Anh Hải còn trẻ mà ăn nói già dặn ghê ta!

– Tôi ăn thì được, chứ nói dở lắm, chỉ nghĩ sao nói vậy thôi.

Cô gái vo gạo. Vùng nước trắng mờ lan dần ra vũng suối trong vắt.

– Bác và cô rủ ông Tùng lên phải không - Tôi hỏi.

– Đâu có! - Cô nói - Chính bác ấy rủ đó chứ! Ba em cũng muốn lên thăm anh, nhưng đâu dám hỏi. Còn em làm sao bay trộm được? Mặt đất kiểm soát chặt lắm!

– Nhưng sao lạ vậy? Tự dưng một đại tá không lực lại... muốn lên đây?

– Anh thấy kỳ lắm sao?

– Rất may là ông ấy không báo trước, chứ không tôi phải mất ăn mất ngủ vì lo! - Tôi nói vui.

– Hôm trước, em với ba em tới nhà để cảm ơn. Lúc em đưa quà, nói của anh gửi biếu, cả hai ông bà đều ngớ người ra rồi mừng rối rít.

– Vậy sao? Chừng ấy trâm châu có đáng gì?

– Bộ anh không biết đó là kỳ nam à? Thứ đó mắc lắm! Nhưng em nghĩ không phải vì nó nhiều tiền. Nếu anh ở vào trường hợp ấy, khi có người ở tận trên rừng chẳng quen biết gì mà lại là người phía bên kia, gởi cho mình một món quà như vậy, thì anh nghĩ sao?

– À..., chắc cũng có cảm giác như lúc nhận gạo và muối cô đưa lên!

– Ý, chẳng qua em tiếp tế cho Quân giải phóng thôi à nghen! - Cô nhìn tôi cười tinh nghịch, hàm răng trắng đều sáng lên cùng cặp mắt long lanh. - Mà anh đừng lo, dưới đó lên đây có nửa giờ bay chứ mấy! Còn khỏe hơn đi Tam Kỳ!

– Cô đã đi Tam Kỳ?

– Ừa! Em có vô thăm già Lý mấy lần, từ sau ngày anh em mất tích... Không phải ngay thị xã đâu mà ở vùng ven, toàn đồi không hà! Ở đó hay lắm? Già Lý nói bên... Cách mạng lên về hàng ngày. Mà... lần trước em cũng vô ý quá, không hỏi coi anh cần chi để mang lên...

– Cô Thủy giúp như thế là quý lắm rồi! Tôi biết ơn bác và cô nhiều lắm.

Cô cúi xuống đưa tay khỏa nước:

– Nếu nói ơn huệ, gia đình em phải cảm ơn anh mới đúng?

Sao cô lại nói vậy? - Tôi ngạc nhiên.

Cô im lặng, lúc sau mới nói:

– Từ hôm ở đây về, ba em khỏe hẳn ra, ăn được ngủ được cười nói vui vẻ suốt ngày. Em biết ba mừng vì đem được anh Trà về bên má, và mừng nhứt là biết tin chú Nguyên. Và em cũng hứa với ba là từ nay không bay nữa. Nhưng ba em biểu cứ từ từ đợi ít lâu, để coi có giúp chi được cho anh không?

Tôi sững sờ. Ông Thành nói vậy ư? Chưa biết ông định giúp tôi như thế nào, nhưng điều gì khiến ông dám gánh chịu nguy hiểm có thể đe dọa đến tính mạng mình và con gái, để giúp một người đã từng bắn chết con trai mình?...

– Ta lên nhà thôi anh! - Cô gái giục.

Chúng tôi đứng dậy, bước lên lối mòn. Tôi hỏi:

– Thế cô Thủy còn... muốn bay nữa không?

– Có chớ! Đó là ham mê suốt đời của em mà! Nhưng chắc phải đợi đến lúc hòa bình. Còn bây giờ em sợ lắm!

– Cô sợ bác máng?

– Không! Khi nào ba em cho, em mới bay.
– Cô sợ trúng đạn Quân giải phóng?
– Có sợ nhưng em sẽ bay quá tầm đạn hoặc tránh vùng chiến sự.

– Vậy cô sợ ồ không khí loãng?
– Em biết cách tránh!
– Chứ cô sợ gì?
– Em sợ nhất là khi bay đến nơi nào đó, lại có người hỏi: "Cô đến đây làm gì?" - Cô liếc nhìn tôi, cười tủm tỉm.

Tôi điếng người, nhưng cố chống chế:

– Thế cô không biết nói sao à?
– Nói sao?
– Thì nói là: "Tôi đi thăm con báo!"

Cô cười rũ làm xoong nước trên tay sóng sánh:

– Ôi! Anh còn khôn hơn quỷ! Mà... Aga nó cũng mền em chớ!
– Chắc gì! Chẳng qua nó ngửi thấy mùi thịt bò.

Cô xịu mặt:

– Anh toàn chọc quê em không hà!
– Đâu có! Tôi nói con báo đấy chứ! Mà này, nếu thích, tôi cho cô đưa nó về nuôi!

– Ôi, em thích lắm. Nhưng... aiỡ bắt nó lìa rừng được...

Câu chuyện đến đây chấm dứt vì chúng tôi đã lên tới nơi hai ông khách đang ngồi đợi.

Ông Tùng nói với cô gái, miệng cười cười:

– Thủy này, lâu lắm rồi mới thấy cháu vui như vậy đấy!
– Cháu cũng thấy hôm nay trông bác trẻ hẳn ra!
– Ờ thì... nghỉ ngơi giữa rừng, đầu óc nó thư giãn, người khỏe khoắn hơn. Chứ tao mà trẻ nổi gì nữa cháu?
– Bác đâu đã già! Máy bà máy cô ở...

– Đứng đó mà lí lắc mãi! Đi nấu cơm đi con? - ông Thành gắt con gái rồi nói với ông Tùng - Sao lên đây ngồi không mà thấy mau đói bụng quá!

Tôi nói:

– Tiếc thật? Nếu biết trước, cháu đã đi bán con thú nào ngon thịt để đãi bác bữa thịt rừng. Mà bác với đại tá có thích câu cá không?

– Câu cá? - ông Tùng bật dậy.

– Vâng! Ở suối đây có thứ cá ngon lắm!

– Trời! Gì chớ-câu cá là nghề của tôi hồi nhỏ mà! - Ông Tùng ngoảnh sang ông Thành - Ta đi anh!

– Thôi anh đi với anh Hải. Tôi phụ bếp cho con Thủy. - Ông Thành trả lời.

Tôi lấy hai chiếc cần câu cài bên vách nhà rồi dẫn ông ta ra suối. Chúng tôi ngồi trên gộp đá ở mé dưới vũng suối, nơi có bóng cây che mát. Nước trong leo lẻo, chỉ dưới chân tảng đá chỗ sâu nhất mới thấy tối mờ. Buổi trưa cá ít cắn câu nhưng không sao! Chỉ cần vài con đãi khách là được.

Tôi tìm giun móc vào lưỡi câu, trao cho ông Tùng:

– Ở đây nước sâu, đại tá nói phao nữa đi! Loại cá này ăn mỗi sát đáy.

– Ồ, lâu lắm rồi tôi mới lại đi câu. Mà nơi này đẹp quá, anh chọn được nơi ở thật hay. Hèn chi con nhỏ về dưới cứ khen mãi.

Tôi không rõ "con nhỏ" khen tôi hay khen con suối, nhưng không tiện hỏi.

– Có lẽ vì cô ấy yêu thiên nhiên và biết cảm nhận cái đẹp. Nhưng nhìn vậy thôi chứ sống ở đây cũng không phải dễ, khí hậu khắc nghiệt lắm. - Tôi nói, cốt đưa đây câu chuyện để tìm hiểu thêm vài việc - Thực tình, tôi rất ngạc nhiên khi thấy bác Thành và cô Thủy trở lại. Và càng bất ngờ hơn khi đại tá cũng lên đây!

– Tôi biết! Nhưng nếu có suy nghĩ gì, xin anh hình dung sự việc đơn giản hơn. Với chúng tôi, chỉ nửa giờ bay là lên tới đây. Có phương tiện trong tay, tôi gì chẳng nghĩ ngợi tí chút! Tướng Kỳ còn lái trực thăng ôm gà đi chọi hàng ngày. Tôi cũng muốn nhân dịp này để cảm ơn anh về món quà hôm trước.

– Có gì đâu mà đại tá cảm ơn. Tôi rất mến bác Thành dù mới gặp lần đầu. Mà đại tá lại là bạn của bác ấy...

– Tôi với anh Thành lại khác. Chúng tôi thân nhau từ hồi còn học trung học ở Sài Gòn. Vợ chồng tôi không có con nên coi hai đứa con ảnh như con mình. Anh Thành gửi gắm cả hai đứa nó cho tôi, vậy mà... tôi không giữ được thằng con trai cho ảnh. Thực ra, với quyền hành của mình, tôi có thể để thằng Trà làm việc gì đó không nguy hiểm. Nhưng tôi đã không làm vì nghĩ điều đó là hèn. Một người lính phải cho ra người lính...

– Nếu vậy, đại tá đâu có gì phải áy náy! Anh ta đã thể hiện tư cách người lính đúng như đại tá mong muốn. - Tôi nóng nảy cắt ngang lời ông ta.

Không chú ý tới thái độ của tôi, ông ta trầm ngâm một lúc rồi nói:

– Tôi không nghĩ như vậy! Thực tế nó là thằng giỏi, một phi công lành nghề dù còn rất trẻ. Nhưng thời gian sau này nó thay đổi nhiều, trở nên liều lĩnh và tàn bạo. Tôi muốn người lính chỉ làm bổn phận của mình chứ không nên hiếu sát.

– Chắc đại tá phải biết nguyên nhân?

– Tôi biết! Tất cả chỉ tại thằng cha cố vấn!

"Không hẳn vậy đâu, ngài đại tá?", tôi nghĩ thầm nhưng không nói. Việc cần làm lúc này là moi một ít thông tin.

– Đại tá muốn nói tới trung tá Cody? - Tôi hỏi.

– Con Thủy có kể anh nghe rồi thì phải? Đến giờ tôi vẫn không hiểu hẳn làm cách nào mà kéo được thằng Trà theo. Hôm nghe con Thủy nói hẳn bay lên tận đây để bắn thử rốc két, tôi càng ngạc nhiên.

– Thời gian sống ở đây, tôi thấy có nhiều dấu vết chứng tỏ trực thăng đã tới vùng này nhiều lần chứ không chỉ hai vụ bắn nhau với tôi. Chẳng lẽ đại tá không kiểm soát được các chuyến bay ấy?

– Tôi hiểu anh muốn nói gì. - Ông ta trả lời - đúng ra là phải kiểm soát được. Nhưng máy bay, vũ khí, tiền bạc họ bỏ ra, tôi biết nhưng... cũng khó can thiệp.

– Thế đại tá không nghĩ ông ta làm gì ở vùng này? Xin lỗi, không phải tôi tò mò, chẳng qua vì thấy những cuộc đụng độ giữa tôi với mấy chiếc trực thăng là hoàn toàn tình cờ.

– Lúc đầu tôi nghi thằng cha này dính tới mấy vụ ma túy. Chuyện ấy bây giờ không hiếm. Nhưng nếu vậy, anh sống ở đây hai năm phải biết cái gì đó: đường dây vận chuyển, kho chứa, thậm chí cả nơi chế biến... Nếu anh không thấy những thứ đó thì không phải ma túy. Hơn nữa sau vụ thằng Trà chết, rồi cha Cody bị điều chuyển, mọi việc êm trở lại.

– Nghe cô Thủy nói, ông ta là người có thể lực?

– Thế lực gì đâu! Nhưng cũng có thằng bạn mà chả nói là bạn thân từ hồi nhỏ. Tay này là "xì" chính cống đấy?

– Đại tá có biết?

– Hắn có đến chỗ tôi mấy lần. Chúng tôi có uống rượu với nhau, và chỉ thế thôi. Hắn đến cốt gặp thằng cha kia. Hắn tên là John Smith, nghe nói cũng vai vế lắm trong làng tình báo. Có vậy mới gỡ được cho Cody khỏi ra tòa án binh.

– Kìa, cá cắn câu, đại tá giật đi!

Ông ta vung tay. Một con cá đen trũi to bằng cổ tay vùng vẫy dữ dội ở đầu dây. Khuôn mặt ông đại tá sáng bừng niềm thích thú. Ông ta nhào cả người lên bãi cỏ, cố chộp cho được con cá đang giãy dụa.

Tôi cũng giật được một con, và bứt nhánh cây xỏ vào mang hai con cá.

– Cá này ngon lắm! Lát nữa đại tá sẽ biết!

– Ta câu nữa đi! - Ông ta rủ - Chà! Lâu lắm rồi hôm nay tôi mới có cảm giác thú vị như thế này!

Tôi móc mồi cho cả hai. Ông Tùng buông câu rồi nhìn tôi nói:

– Anh là một người kỳ lạ!

– Đại tá chưa nhìn thấy người lính Giải phóng lần nào ư!

– À, cũng có gặp. Mà mấy thằng chiêu hồi ấy thì nói làm chi! Là một người lính chân chính, tôi coi trọng sự can đảm. Những kẻ hèn nhát, dù ở bên nào, tôi đều căm ghét.

Tôi hăng máu lên:

– Theo đại tá, thế nào là một người lính chân chính?

– Thế anh nghĩ thế nào? - Ông ta thích thú hỏi lại.

– Người lính chân chính, trước hết phải là con người chân chính. Tôi trả lời.

– Ô? Cách nghĩ của anh hay lắm, nhưng... chung chung. Theo tôi, đã là người lính thì chỉ làm bổn phận của mình, đừng dính dáng đến chính trị. Tất nhiên phẩm chất hàng đầu phải là dũng cảm, sau nữa, là người giỏi. Tôi là một phi công thành thạo nghề nghiệp và độc lập, không tham gia một đảng phái nào, không lệ thuộc vào phe cánh nào. Anh biết rồi đấy! Chính trường Nam Việt những năm trước liên tục đảo chánh, vậy mà tôi không dính vào ai hết. Tôi chỉ làm công việc của mình. Và tôi giỏi, nên chả ai bắt bẻ được Tướng Thiệu, tướng Kỳ đều cần tôi, mặc dầu hai ông chẳng ưa gì nhau...

Lối suy nghĩ của ông ta đơn giản, nhưng cũng vì thế là trở nên rắc rối khó hiểu. Dĩ nhiên tôi có quan điểm của mình, nhưng dễ gì nói cho ông ta hiểu, và cũng không cần thiết. Tôi nghĩ vậy nên chỉ nói:

– Nếu nói không tham gia đảng phái nào, thì còn đúng. Chứ khi đã làm bổn phận, như cách nói của đại tá, có nghĩa là đã phục vụ cho một chế độ chính trị nhất định, ít nhất cũng cho một ý đồ chính trị nào đó. Chỉ có tội lỗi mới không theo đường lối chính trị nào, còn đại tá đang ở trong một quân đội chính quy.

Một lát im lặng, rồi ông ta hỏi tôi một câu chẳng ăn nhập gì với chuyện đang nói:

– Tôi nghe kể, anh leo lên cây bắn rớt máy bay của thằng Trà?

– Vâng! - Tôi đáp gọn lỏn.

– Vậy mà anh còn chôn cất nó và tìm cách nhả gia đình lên đem nó về?

– Tôi làm những gì lương tâm mách bảo. - Tôi trả lời và nói tiếp - Cá ăn hết rồi, đại tá mắc lại mời đi!

Ông ta nhắc cần câu, cầm con giun nhỏ tôi đưa móc vào lưỡi câu thả xuống nước.

– Tôi cảm ơn anh về điều đó - Ông nói.

Chẳng lẽ ông ta cảm ơn về mỗi câu? Tôi ngạc nhiên nên hỏi lại:

– Tôi không hiểu?...

– Ông Thành là bạn tôi. - ông Tùng trả lời - Khi thằng Trà chết, ông ấy đau đớn gần như không muốn sống, nhưng chẳng hề trách tôi một câu nào. Điều đó càng làm tôi thấy mình có lỗi với ông. Con Thủy thì sùng sục đòi bay tìm. Còn bà nhà tôi day nghiến tôi hoài, bà quý hai đứa nó lắm! Vì vậy tôi rất mừng khi thấy từ hôm ở đây về ông Thành tươi tỉnh hẳn lên, có vẻ như đã thăng bằng trở lại. Cả con Thủy cũng thế. Anh không biết rằng tôi đã lo như thế nào mỗi lần nó bay, dù đã bố trí để nó chỉ bay những phi vụ đơn giản, không có đựng đựng. Bà nhà tôi thì mừng cuống quít, cứ như tìm được xác con bả không bằng. Hôm nhận được khúc trầm anh gửi biếu, bả ngớ cả người, rồi xoắn xuýt lấy con Thủy để hỏi chuyện. Bà nhà tôi là người nhân hậu anh à! Tôi thương quý bả ở cái tính ấy. Lúc đó tôi thấy lạ, cứ nghĩ mãi, không hiểu vì sao một người như anh lại có sức thu hút đến thế với những người thân của tôi. Giờ thì tôi hiểu, anh là một người linh giỏi và có lòng nhân từ. Một người lính Việt Cộng lại đi vượt mắt cho kẻ thù của mình lúc đã chết, là điều làm tôi thực sự ngạc nhiên.

Ông Tùng nói những điều đó một cách chân thành, vì thế nên tôi đâm khó nghĩ, không rõ ông là người thế nào. Tôi suy nghĩ một lúc rồi hỏi:

– Nếu đại tá không phiền thì cho tôi hỏi, vì sao đại tá lại nghĩ như vậy?

– Tôi nói thẳng thắn với anh, được chứ?

– Vâng! Tôi cũng mong thế! - Tôi đáp.

– Tôi không ưa nổi Cộng sản. Xin lỗi, nếu điều đó làm anh khó chịu.

– Đại tá đừng xin lỗi, và tôi cũng vậy! Chúng ta đã thỏa thuận là nói chuyện thẳng thắn cơ mà! Nhưng vì sao đại tá lại không ưa Cộng sản? Nghe nói hồi trước gia đình đại tá cũng nghèo lắm?

– Anh tưởng cứ người nghèo thì đi theo Cộng sản sao?

– Không! Nhưng những người giàu có thường nghi chúng tôi sẽ làm cho họ nghèo đi.

– Tôi không ưa cộng sản vì họ tạo nên loại người cuồng tín. Các anh hô hào; đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội, như vậy khi nào mới hết chiến tranh? Chả lẽ cứ đánh giết nhau hết đời này qua đời khác ư?

– Vì thế nên đại tá thấy lạ khi một người lính như tôi lại có lòng nhân từ?

Ông ta ngoảnh sang nhìn tôi chăm chú, lát sau mới đáp:

– Điều đó tôi đã nói rồi!

Tôi ngậm ngừng. Khó mà đưa lý lẽ ra để tranh luận với ông ta những vấn đề lớn đó. Hơn nữa, tôi không được chuẩn bị cho một cuộc tranh luận kiểu này. Dù có giàu óc tưởng tượng đến mấy đi nữa, cũng chưa bao giờ tôi nghĩ đến cuộc chuyện trò kỳ lạ như thế này với một đại tá ngụ ở giữa rừng già. Người đang ngồi bên cạnh tôi có hệ tư tưởng đối nghịch. Và đừng hòng tính tới chuyện thuyết phục một kẻ mà thâm niên chống Cộng lớn hơn cả tuổi đời của tôi, trừ phi chính trong bản thân ông ta đang có sự chuyển biến nào đó.

Tôi nói:

– Có thể nói, đại tá gặp tôi một cách ngẫu nhiên. Phía Quân giải phóng đâu biết trước một cuộc gặp gỡ như thế này để chọn người chờ sẵn ở đây? Còn tôi, khi tôi làm tất cả những việc như đại tá đã biết, tôi đâu nghĩ là sẽ có ngày gặp ông Thành, cô Thủy và... gặp đại tá?

– Anh muốn nói rằng, anh chỉ là một trong ngàn vạn người, và phía các anh ai cũng như vậy?

– Rất mừng vì đại tá hiểu được ý tôi!

– Tôi hiểu ý anh, nhưng đừng nghĩ là tôi công nhận điều đó! Thế anh nói sao về vụ tàn sát ở Huế năm Mậu Thân?

– Vì vậy mà đại tá nói chúng tôi là những kẻ cuồng tín?

– Tôi đưa ra một dẫn chứng!

– Nếu tôi nói đến hai từ "Sơn Mỹ", chắc đại tá cũng đoán ra ngay sau đó tôi sẽ nói gì! Nhưng việc đó không nên, phải không ạ? Thật nhẫn tâm khi đem sinh mạng đồng bào mình ra làm vật so đo như đặt trên bàn cân, chỉ cốt tính chuyện hơn thua trong một cuộc tranh luận giữa hai cá nhân. Cho nên tôi chỉ nói, phía chúng tôi không hề có một chủ trương như vậy!

– Các anh vẫn hô hào diệt ác trừ gian?

– Đúng! Chúng tôi đấu tranh không khoan nhượng với kẻ thù. Nhưng "diệt và "trừ" ở đây không chỉ có nghĩa là giết. Đại tá nên nghĩ rằng, trong mấy chục ngày đêm Quân giải phóng chiếm giữ thành phố Huế, người dân Huế vẫn sống yên ổn. Họ còn giúp đỡ chúng tôi rất nhiều.

– Cái hồ chôn xác người ở vùng ven Huế là có thật!

– Tôi không phủ nhận điều đó!

– Vậy anh định giải thích thế nào?

– Thẳng thắn mà nói, tôi không có quyền phán xét. Tôi cũng không có mặt ở đó lúc xảy ra sự việc nên...

Cá lại cắn câu. Tôi giật được con nứa xỏ vào râu cá lúc nãy và móc lại mồi thả xuống nước.

Ông Tùng vẫn ngồi im ý chờ tôi nói tiếp, mắt đăm chiêu nhìn những gợn nước tròn lan ra từ chiếc phao câu nhấp nháy, nhưng hình như không nhận thấy cá đang phá mồi. Tôi nói tiếp:

– Vụ việc ở Huế lúc đó là sai lầm của một số ít người. Tôi nghĩ sai lầm đó đã gây tổn thất rất lớn cho phía chúng tôi, nhất là khi nó bị các ông lợi dụng để kích động hận thù. Mặt trận dân tộc giải phóng đang kêu gọi toàn dân đứng về phía mình, chúng tôi đâu muốn mọi người mất lòng tin.

– Cứ cho là các anh không có chủ trương, sao việc đó lại xảy ra?

– Đại tá đừng đề cao chúng tôi quá.

– Tôi đề cao các anh cái gì? Ông ta đảo mắt, ném sang tôi cái nhìn bực dọc.

– Chúng tôi đi theo Cách mạng với nhiều hoàn cảnh, nhiều trình độ nhận thức khác nhau. Và trước hết chúng tôi là những con người bình thường như mọi người khác. Trong mỗi con người đều có tính thiện tính ác. Rồi có lúc, lòng thù hận thổi bùng lên cái ác ở một số người, nhất là khi họ bị dồn tới bước đường cùng. Dưới sông tàu nã pháo, trên trời phản lực ném bom và trực thăng rĩa đại liên, ở mặt đất bộ binh vây chặn các ngã. Một số người phải dẫn giải lên căn cứ những kẻ mà họ coi là kẻ thù. Là người địa phương, trước đây bản thân họ hoặc gia đình từng phải chịu đau đớn mất mát bởi những kẻ đó. Còn lúc đó, họ đang cận kề cái chết. Rồi trong tâm trạng thất vọng bởi cuộc tổng tấn công ở vào bước thoái lui, họ đã làm những việc không được phép làm. Xin nói thêm với đại tá, số người bị giết đó tuy không mặc áo lính nhưng là những kẻ đang cộng tác với chế độ các ông ở những hình thức hay mức độ khác nhau. Đối với Cách mạng, họ là kẻ chống đối. Tuy nhiên, đáng ra họ phải được xét xử. Tôi cũng nghĩ rằng có những người chưa đáng tội chết, và có người bị oan.

– Thế bên các anh đã xử những kẻ phạm sai lầm ấy như thế nào?

– Đại tá nghĩ họ còn sống ư?

– Sao anh biết là họ đã chết?

– Tôi không nói thế Tôi chỉ hỏi thế thôi? Tình hình ở Huế lúc đó, hẳn đại tá biết hơn tôi nhiều. Tôi có người bạn nhập ngũ cùng ngày cũng chết ở Thành Nội đợt đó. Cả đại đội chỉ trở về có mấy người.

– Anh nói rất khôn, nhưng thực ra cũng chỉ nói theo lối tuyên truyền, nhằm bênh vực cho phía các anh!

– Tôi chỉ nói ra những điều mình suy nghĩ dựa vào những gì mình biết. Đó chỉ là ý kiến cá nhân.

– Như vậy là anh đồng tình với việc bắn giết những người tay không vũ khí?

– Không! Tôi hoàn toàn phản đối.

– Quanh co! Chẳng lẽ anh không nhận ra mâu thuẫn trong cách nói của mình sao?

Tôi ngẫm nghĩ rồi trả lời:

– Có lẽ cách diễn đạt của tôi không rõ. Đại tá có muốn nghe một câu chuyện để hiểu thêm ý tôi không ạ?

Đúng lúc đó, ông Thành cùng con gái đi xuống, có con báo lẻo đẻo theo sau. Tôi ngập ngừng định đứng dậy, nhưng ông Tùng đã vẫy tay gọi họ ngồi xuống bên cạnh và nói với tôi.

– Anh cứ nói đi!

– Vâng? Hơi dài dòng một chút... - Tôi tiếp tục câu chuyện - Quê tôi ở Vĩnh Linh, vùng đất mà trong cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ được gọi là cái túi bom đạn. Người quê tôi phòng tránh các cuộc oanh kích bằng cách dỡ nhà làm hầm chữ A và dựa vào thế các triền đồi đất đỏ để đào những địa đạo, thường là sâu trên hai chục mét dưới lòng đất Hẳn đại tá có biết việc này?

– Anh kể tiếp đi!

– Lúc có máy bay ném bom, những ai không đủ sức cầm khẩu súng bắn trả đều phải chui xuống nắp dưới địa đạo. Trong một cuộc oanh kích, máy bay Mỹ sử dụng bom khoan, loại bom nổ ngầm trong lòng đất. Phải nói là phi công giỏi! Họ đánh sập địa đạo, chôn sống trong lòng đất gần trăm con người, toàn là người già, trẻ em, phụ nữ có thai... Kết cục thế nào, chắc đại tá cũng đoán được. Người trên mặt đất biết địa đạo bị sập nhưng đành bó tay. Các loại bom phá, bom sát thương đã làm đảo lộn địa hình, không còn nhận ra cửa địa đạo ở đâu nữa. Mà có biết cũng chẳng thể đào nổi hàng ngàn khối đất đá để moi những con người tội nghiệp đó lên.

– Lúc đó tôi đã vào chiến trường. Nói đúng hơn là vào vùng đất phía nam sông Bến Hải, chứ ở đâu cũng đều là chiến trường cả rồi. Người kể lại chuyện cho tôi nghe là một cậu trai trẻ cùng quê, học sau tôi mấy lớp, mới nhập ngũ hơn tháng. Hồi nhỏ cậu ta rất hiền, vẫn thường bị tôi bắt nạt. Cậu ấy chỉ mê đọc truyện chứ chẳng bao giờ tham gia vào trò chơi đánh trận giả của lũ trẻ cùng xóm. Đến bây giờ, tôi như vẫn nhìn thấy cậu ấy ngồi trước mặt mình, mặc bộ quân phục rộng thùng thình còn mới tinh, đội chiếc mũ tai bèo mới tinh, và khẩu AK tựa trên vai cũng mới. Cậu ấy ngồi dựa lưng vào vách hầm, thong thả kể chuyện, giọng dửng dưng như không hề có chút xúc cảm nào. Nhưng khi ngẩng lên nhìn cậu, tôi bỗng giật mình: trên khuôn mặt vừa qua tuổi thiếu niên đó đang giàn dụa nước mắt, những giọt nước mắt lạnh vì không có tiếng khóc. Và khủng khiếp nhất là đôi mắt. Đôi mắt cậu ấy lóe lên một thứ ánh sáng kỳ lạ mà tôi không biết tả thế nào, chỉ có cảm giác là nó giống mắt của một con ác thú. Kể xong chuyện, cậu ta thề sẽ xé xác bất cứ tên giặc nào mà cậu bắt gặp... Mẹ cậu và hai đứa em..., không, ba đứa mới đúng vì còn một đang trong bụng mẹ, cả bốn mẹ con đều chết dưới địa đạo.

Sau này nhiều lần tôi cố nghĩ xem những người dưới địa đạo còn sống được bao lâu nữa sau khi cửa hầm sập, mà chịu không đoán được, và cũng không hiểu mình nghĩ như vậy để làm gì? Có

thể lúc những chiếc máy bay về tới căn cứ thì dưỡng khí trong địa đạo cạn? Cũng có thể khi các phi công mở sập cánh uống mừng một phi vụ trót lọt và kéo nhau vào tiệm nhậu thư giãn, thì những người dưới lòng đất bắt đầu bị ngạt? Đại tá thử hình dung xem họ làm gì lúc đó? Họ có nghĩ gì không? Những người mẹ ôm con gào thét đến điên dại? Những người già cào cấu xé rách lồng ngực? Họ giãy dụa trong lòng đất tối om như âm phủ và mãi mãi nằm lại dưới đó. Tất nhiên chẳng có ai quay phim chụp ảnh được họ, dù với mục đích gì đi nữa. Liệu có thể nói rằng bàn tay ấn nút cắt bom của những phi công đó sạch sẽ không?

Tôi ngừng lời. Mọi người im lặng. Nắng đã tràn tới gộp đá, bóng râm thu lại dưới gốc cây. Tôi rút dao găm đứng dậy:

– Để tôi đi làm cá. Loại cá này nướng ăn ngon lắm! Ông Thành kéo tay tôi:

– Anh để con Thủy nó làm. Ta ngồi vào đây cho mát!

Cô gái đỡ cây dao, xách xâu cá bước xuống bờ nước. Tôi đang ngần ngừ thì ông Tùng cuốn dây câu đi lên ngồi dưới gốc cây, ý muốn nói chuyện tiếp. Chẳng lẽ các vị khách không đói sao? Ông Thành và tôi lên theo, ngồi xuống vạt cỏ.

Ông Tùng khơi chuyện trước:

– Có phải anh muốn nói cậu ấy có mặt ở Huế trong Mậu Thân?

– Không! Cậu ấy chết sau đó mấy ngày. Chết vì giẫm phải mìn chứ chưa kịp bắn một phát súng thù nào. Nhưng những chuyện như thế bây giờ nhiều lắm, ở đâu cũng có. - Tôi ngưng một lát rồi nói tiếp - Không rõ câu chuyện vừa rồi có giúp đại tá hiểu thêm ý tôi nói lúc nãy không ạ?

– Tôi biết! Anh muốn đề cập đến nguyên nhân của nguyên nhân. - Ông nói, mắt vẫn nhìn đăm đăm con thác nhỏ lúc này đang chói nắng sáng lóa - Anh kể tôi nghe một câu chuyện để nói về lòng căm thù, theo cách nghĩ của các anh. Nhưng sự việc đó chỉ là rủi ro. Các trận oanh kích vào Bắc Việt chỉ nhằm phá hoại các căn cứ quân sự, ngăn chặn việc chuyển người và vũ khí của

chính quyền Hà Nội vào Nam Việt. Và anh nên nhớ: lúc sử dụng các phương tiện chiến tranh hiện đại, sai số kỹ thuật là cho phép.

Tôi cười nhẹ:

– Tôi không hiểu là ai cho phép, nhưng đại tá dùng từ hay lắm! Để nói tới rủi ro trong chiến tranh, trước đây người ta thường dùng "tên bay đạn lạc", còn bây giờ đại tá lại nói: "sai số kỹ thuật"! Nhưng khi người Mỹ đánh phá miền Bắc, làm gì có sai số?

– Anh lầm! Dù phương tiện, vũ khí có hiện đại đến đâu, những sai sót là điều không tránh khỏi. Nhất là khi các mục tiêu quân sự nằm lẫn với khu vực dân cư, và phi công phải bay trên một vùng hỏa lực phòng không dày đặc.

– Tôi chưa được bay bao giờ, không biết có sợ như lúc... ngồi dưới trận bom B52 hay không? - Tôi nói, không giấu sự mỉa mai - Nhưng đại tá nói như thế, thì máu chốt cuối cùng của vấn đề vẫn là yếu tố con người. Tôi cũng nghĩ vậy! Không thể coi khẩu AK là biểu tượng của chúng tôi, còn cây AR15 là biểu tượng của phía các ông. Chính vì thế nên tôi không làm. Khi Mỹ đã tuyên bố "đánh cho Bắc Việt trở lại thời kỳ đồ đá", thì bom đạn ném xuống đâu cũng đều trúng tích, cũng nhằm hủy diệt, làm gì có "sai số" hay rủi ro?

Cô gái làm xong mớ cá, bước lên bãi cỏ ngồi xuống cạnh con báo. Ông Thành nãy giờ vẫn ngồi im chưa nói gì.

Ông Tùng thôi không nhìn ra thác nước nữa mà quay sang tôi, nói chậm rãi:

– Chẳng phải trong luận thuyết của Cộng sản các anh thường sử dụng mối liên hệ nhân quả đó sao? Nếu chính phủ Hà Nội không đổ quân vào Nam Việt thì làm gì có cuộc chiến tranh đánh phá miền Bắc? Việt Nam cộng hòa là một chính thể quốc gia được nhiều nước trên thế giới công nhận. Lúc các anh mang vũ khí vượt qua vĩ tuyến mười bảy là đã thực hiện một cuộc xâm lăng trắng trợn.

Tôi nhìn ông, cố giấu vẻ tò mò. Ông ta nghĩ vậy thật sao? Khuôn mặt có những nét răn rỏi giờ tối sầm lại dưới vành lưới trai của chiếc mũ thể thao màu trắng. Đôi mắt mệt mỏi và hai mí mắt dưới sùm sụp dường như đang phồng lên làm nét mặt của ông ta trở nên nặng nề khó hiểu.

Tôi nói:

– Tôi không nhớ những nước nào đã công nhận chính quyền của các ông, có phải mấy nước đưa quân chư hầu sang giúp các ông đó không? Còn vì sao họ công nhận, tôi nghĩ mình cũng đoán được... Nhưng thôi! Xin lỗi, tôi hỏi điều này hơi tò mò, đại tá quê ở đâu ạ?

ông Tùng nhìn tôi ngạc nhiên, nhưng cũng trả lời:

– Tôi quê miệt Tiền Giang.

Tôi nói thông thả:

– Có một nhà thơ khi nói về những người đi mở mang vùng đất phương nam, đã viết hai câu thơ nổi tiếng: "Từ độ mang gươm đi mở cõi. Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long...". Hai câu thơ ấy rất hay, phải không ạ? Nhất là về ý nghĩa lịch sử. Không biết ông cha xưa cảm cuộc cảm phảng đi mở đất, có nghĩ rằng đến lúc nào đó thế hệ con cháu sẽ tự chia cắt đất đai bờ cõi không? Và hơn thế nữa, có vị tổng thống nào đó của các ông đã tuyên bố một câu xanh rờn: "Biên giới Hoa Kỳ kéo dài đến vĩ tuyến mười bảy...". Tôi không nhớ vị nào đã nói thế, vì có đạo phía các ông quốc trưởng, tổng thống thay đổi xoành xoạch. Nhưng chỉ có những kẻ như vậy mới coi việc người Việt Nam đi đánh giặc ngay trên đất nước mình là xâm lược. Thế đại tá nghĩ sao về việc quân Mỹ cùng các phương tiện chiến tranh hiện đại từ bên nước Mỹ kéo sang đây?

Ông Tùng bực bội cau đôi mày rậm. Cô gái nhìn hai chúng tôi lo lắng. Riêng ông Thành nét mặt rạng rỡ hẳn lên. Điều đó làm tôi yên tâm.

– Hoa Kỳ là đồng minh của chúng tôi. Họ giúp chúng tôi cũng như Nga Xô đứng bên các anh vậy? - Ông Tùng mệt thở trả lời.

– Khác nhiều chứ! Mỹ đổ vào miền Nam hơn nửa triệu quân. Trước đây có đài phương Tây đã nói mỗi tháng có từ năm đến sáu trăm lính Mỹ chết ở Việt Nam. Còn ở miền Bắc, theo tôi biết cũng có một số chuyên gia Liên Xô, nhưng không đông và phần lớn là chuyên gia về kinh tế.

– Cá nhân tôi cũng chẳng ưa gì người Mỹ, - ông Tùng nói giọng gay gắt - nhưng họ giúp đỡ chúng tôi, chiến đấu và đổ máu cùng chúng tôi. Còn các anh thì sao? Nga Xô và Trung Cộng giao cho các anh một mớ vũ khí, và thế là các anh đánh thí xác. Tôi khâm phục lòng dũng cảm của những người lính phía các anh, nhưng sao các anh không nghĩ rằng chính quyền Hà Nội đang làm tên lính xung kích cho Nga Xô ở bên bờ Thái Bình Dương, và biến những người lính các anh thành những kẻ hy sinh mù quáng? Hà Nội đã chà đạp lên hiệp nghị Giơnevơ, biến khu phi quân sự phía bắc sông Bến Hải thành căn cứ quân sự để làm bàn đạp xâm lăng Nam Việt. Anh đừng lấy làm lạ khi quê anh trở thành cái túi bom đạn...

Mặt tôi nóng ran. Tôi nghe rõ tiếng mạch đập thành thịch trong đầu và người rục như sốt. Sự phẫn nộ làm cả người tôi rung lên. Quay mặt đi để khỏi nhìn thấy ánh mắt lo lắng của ông Thành cùng nét mặt bối rối của cô gái, tôi nhìn xuống dòng suối, tai cố lắng nghe tiếng nước chảy, mắt tìm mấy bóng cá mờ mờ khi ẩn khi hiện trong khe đá. Lát sau thì trấn tĩnh lại được. Tôi nói:

– Theo hiệp nghị Giơnevơ, cuộc tổng tuyển cử sẽ tiến hành sau hai năm. Nhưng điều đó không bao giờ thực hiện được, bởi ngay từ đầu, chính quyền Diệm đã hô hào "lấp sông Bến Hải", gào thét "Bắc tiến". Làng tôi chỉ cách giới tuyến có bảy cây số. Hồi đó bọn trẻ con chúng tôi nghe vậy sợ lắm! Còn người lớn thì lo lắng đào những cái hố cá nhân trong vườn nhà và dặn bọn trẻ chúng tôi, nếu có phái đoàn quốc tế tới hỏi thì nói là đào hố trồng chuối... Họ sợ mang tiếng hiếu chiến, sợ "vi phạm hiệp nghị"! Quê

tôi mà là căn cứ quân sự ư? Chắc đại tá cũng biết, khi máy bay Mỹ lần đầu ném bom Vĩnh Linh, ở đây người ta bắn trả bằng những thứ vũ khí gì? Không cần đến tin tức tình báo, chỉ nhìn vào những vết đạn trên máy bay của tướng Kỳ, những ai là phi công đã trải qua chiến đấu đều biết rõ đó là đạn của các loại súng bộ binh cổ lỗ sĩ. Hôm đó chính tướng Kỳ dẫn những chiếc AD6 của không lực các ông tham gia đánh phá, dù chỉ mang tính chất tượng trưng, và đã tỏ ra rất "tự hào" về những vết đạn trên máy bay mình. Những việc này hẳn đại tá rõ hơn tôi.

Còn những điều khác mà đại tá vừa nói, đài Hoa Kỳ và đài BBC nói mãi rồi, hồi trước tôi có nghe. Thú thực là nghe trộm thôi. Ở bên chúng tôi, lính trẻ như tôi không được nghe những đài đó. Nhưng những gì người Mỹ đã làm ở Việt Nam là tội ác chứ đâu phải sự giúp đỡ? Đại tá bay trên trời, chắc chỉ nhìn thấy cảnh bom đạn chết chóc từ xa hoặc qua ảnh chụp trên máy bay, chứ chưa ngồi dưới những đợt bom B52 hay đi trong màn sương mờ mờ của hóa chất làm trụi lá từ máy bay rải xuống. Đại tá đâu phải hít vào phổi thứ mùi ghê rợn thường có sau trận bom: mùi tanh nồng của máu trộn lẫn với mùi khói bom và mùi xác người cháy khét lẹt...

Đại tá bảo, quân Mỹ đổ máu cùng các ông? Quả có thể! Nhưng để làm gì? Người Mỹ thực dụng lắm mà! Nợ gì còn trả được, chứ nợ xương nợ máu lấy gì để trả? Cho nên tôi chẳng hề lấy làm lạ khi thấy trước những việc làm mờ ám của một trung tá cố vấn, mà đại tá lại nói: "Tôi biết nhưng cũng khó can thiệp"...

– Anh thật... quá quắt? - Ông ta nói như quát, mặt phùng phùng giận dữ.

Tôi điềm đạm hỏi:

– Đại tá có cần tôi phải xin lỗi không ạ?

– Không cần? - Ông ta phẩy tay

– Mà... anh định xin lỗi điều chi?

– Tôi chỉ xin lỗi vì đã làm buổi đi câu của đại tá mất vui!

Ông Tùng nhìn tôi chăm chăm, rồi bỗng cười lớn:

– Hay lắm? Tôi sẽ rất thất vọng nếu anh xin lỗi về những lời nói thẳng thắn vừa rồi...

Ông Thành và con gái thở phào nhẹ nhõm. Còn tôi mãi sau này mới hiểu vì sao ông ta lại nói như vậy.

– Nhưng hôm nay tôi chưa định tranh luận với anh đâu đấy! - Ông Tùng nói tiếp.

Tôi đáp:

– Vâng, tôi cũng nghĩ thế? Thấy đại tá nói rất ít...

Nét mặt ông giãn ra và dịu hẳn lại.

Không ai bảo ai, cả bốn chúng tôi cùng đứng dậy. Tôi giục mấy vị khách lên nhà trước, rồi chạy xuống đoạn bờ suối phía dưới chặt mấy tàu lá chuối. Lúc quay trở lại, thấy ba người đã lên gần đến nhà. Cô gái vác khẩu tiểu liên trên vai, tay xách xâu cá chân bước thoăn thoắt, mái tóc kẹp thòng đung đưa sau lưng. Giá có thêm chiếc mũ tai bèo...

Chương XX

Cha con ông Thành đã chuẩn bị bữa cơm trưa khá tươm tất. Thức ăn có một đĩa xếp đầy những lát cá thu kho, và một đĩa khác ngồn ngộn những con tôm luộc to hơn ngón tay cái, mà màu vỏ đỏ hồng cùng hương vỡ của nó đều hết sức xa lạ và hấp dẫn khi xuất hiện ở giữa rừng. Lái còn đĩa rau sống xanh đến mát mắt, có điểm những lát chuối chát trắng mỏng và mấy lát khế hình ngôi sao vàng hươm. Bên cạnh là chén nước mắm có thả mấy miếng ớt đỏ tươi, cùng đĩa muối tiêu lốm đốm đen trắng với mấy quả chanh vỏ vàng suộm. Còn xoong cơm thì khỏi nói, mới mở vung ra đã thơm nức hương gạo.

– Ôi! Gạo mới phải không cô Thủy? - Tôi kêu lên - Thơm quá, chỉ ngửi mùi cũng thấy ngon! Cứ như đang vụng gặt...

Ông Tùng cười hà hà, quay sang nói với ông Thành:

– Hèn chi con nhỏ sáng nay cứ chạy lòng vòng quanh chợ, gạo nào cũng chê không mua!

Tôi làm như không biết gì. Cô gái đỏ mặt nói lảng:

– Cháu đâu biết bác chê cơm gạo mới?

– Tao chê hồi nào? Tao chỉ nói mày muốn mang cả biển cả ruộng vườn lên rừng để...

Cô gái vội cướp lời:

– Có vậy nên cháu mới bỏ quên chai rượu...

– Nói gì kỳ vậy cháu? Thôi tao không nói nữa. Đem ra cho bác! Lên đây mà thiếu chai rượu nhâm nhi thì còn ra gì!

– Cháu quên thiệt mát! Lúc sáng lu bu công chuyện, lại đi gấp...

– Con nhỏ này giỡn hoài! Đâu rồi? Đem ra đây để bác mời anh Hải một ly chớ! Mấy khi có dịp ngồi giữa rừng cùng ly với Việt Cộng?

Cô gái cười lớn lên, lôi từ túi xách ra chai rượu vuông nhãn đỏ và mấy cái ly nhỏ. Mắt ông Tùng sáng lên. Ông vừa mở nắp rót rượu ra ly vừa lầu bầu:

– Thằng nào sau này lấy mấy thì khổ thôi, cháu ạ!

– Bác khỏi lo! Cháu không lấy chồng đâu! Cháu đợi khi nào chú Nguyên vô đã.

– Vậy là bác không được dự đám cưới mà rồi!

– Sao bác lại nói thế!

– Chú mà mà vô đây thì tao chạy từ đời tám hoánh nào rồi!

Ông nói tưng tưng, trên mặt chẳng còn chút căng thẳng nào của cuộc nói chuyện bên bờ suối lúc nãy. Hình như trong ông có đến hai con người..., không, phải nói là hai tâm trạng thì đúng hơn.

Bữa cơm trưa rất vui vẻ. Ai nấy đều ngon miệng, một phần vì đói mềm. Đã một giờ chiều rồi còn gì! Tôi ăn ngon lành mấy món biển, còn các vị khách lại nắc nỏm khen mãi món cá lấu gói lá chuối lụi trong than hồng, tuy món cá chưa đạt yêu cầu cho lắm do nướng vội, lớp da cá cháy mà không giòn. Tôi biết họ khen thật tình, bằng chứng là ba con cá to cuối cùng chỉ còn lại chỗ xương mà báo Aga cũng chỉ đưa mũi liếc qua rồi quay đi. Tuy vậy nó không tỏ vẻ khó chịu, không hiểu vì biết nhõn miệng đãi khách hay còn no thịt bò.

Cơm xong, cô gái thu dọn bát ba rồi nói với ông Tùng:

– Bác đưa cháu xuống suối!

Tôi vội nói:

– Cô cứ để đấy, chiều tôi rửa!

– Ai lại để bát đĩa dơ thế này mà ngồi nói chuyện? Đi bác! - Cô giúi khẩu tiểu liên vào tay ông.

– A...! Con nhỏ này! Ăn xong phải để tao nghỉ ngơi chút chớ!

– Lên đây bác phải làm việc, đâu như ở dưới mà có hầu cận!

Khi ông Tùng đứng dậy xách súng đi, cô quay lại nhìn tôi cười ranh mãnh.

Quả nhiên hai người mới đi được một quãng, ông Thành đã bảo tôi:

– Anh Hải này, vừa rồi tôi có vào Tam Kỳ!

– Bác vào chỗ già Lý! - Tôi hỏi.

– À! Có hẹn trước nên tôi gặp được người con trai. Anh ấy tên Nghĩa, làm ở Huyện ủy. Tôi có viết thư gửi cho chú Nguyễn, trong thư kể chuyện gặp anh nên mới biết địa chỉ.

– Rồi sao nữa bác? - Tôi lại hỏi, trong bụng mừng rơn.

– Anh ấy hứa là sẽ chuyển được, và hỏi rất kỹ về chuyện của anh, chắc ông Lý có nói trước. Tôi thì cứ thiệt tình kể lại những gì biết ở đây và nghe anh nói.

– Cám ơn bác! Nếu vậy chắc rồi đơn vị cháu sẽ biết tin cháu còn sống.

– Anh có cần nhắn gì không? - Ông nói, và chắc nhìn thấy vẻ mặt phân vân của tôi nên lại nói tiếp - Xin anh tin ở tôi. Tôi rất biết ơn anh về những việc anh đã làm cho gia đình tôi, và cũng mong làm được việc gì đó để sau này còn gặp lại chú nó.

– Chính bác với cô Thủy mới giúp cháu nhiều chứ ạ. Cháu chỉ sợ lỡ có gì nguy hiểm cho hai bác.

– Không sao đâu anh. Chỗ ông Lý dân Đà Nẵng lên nườm nượp, ở đó có ông thầy thuốc nam giỏi lắm. Tôi vào đó đã quen mặt rồi.

– Vậy bác cho cháu mượn giấy bút viết mấy chữ.

Ông Thành đưa cho tôi cây bút bi với quyển sổ lịch. Tôi xé trang giấy trắng viết bức thư ngắn:

"Chú Hai kính!

Mấy lần định lên thăm chú thím và các em mà chưa đi được. Mùa màng vừa xong thì ba đưa nhỏ lại ôm. Thành ra có kiếm cho chú mấy cây mai vàng, giống nở hoa sáu cánh, nhưng còn bỏ đó.

Hay hôm nào chú rảnh, về chơi rồi đem lên một thể. Nghe nói giống mai này quý lắm!

Vậy cháu viết ít dòng để chú khỏi trông.

Kính chú thím khỏe!

Cháu Tư"

Lâu ngày không cầm bút, tay cứng quèo nên nét chữ nguệch ngoạc, nhưng như vậy cũng hay. Tôi đưa tờ giấy cho ông Thành và dặn:

– Bác đưa cho anh Nghĩa, nhờ anh ấy chuyển cho anh hai Nguyên. Nếu kẹt, bác cứ hủy đi rồi nhắn miệng với nội dung như trong thư cũng được.

– Tôi hiểu! Anh yên tâm.

Ông Thành đọc bức thư rồi gấp lại, nhét trong ngăn ví và cất vào túi. Cách thức liên lạc này tôi đã từng nghĩ tới. Nếu nhận được thư, anh Hai Nguyên hoặc các cán bộ tham gia chỉ đạo TK1 sẽ hiểu ngay vấn đề. Còn lỡ nó lọt vào tay địch, thì chỉ những kẻ biết rõ việc tôi sống ở đây và biết bức thư này tôi viết, mới nghi ngờ nội dung. Nhưng tôi tin ở ông Thành và hiểu được rằng, nếu không có lòng tin ở con người thì chẳng làm nên việc gì cả.

Tôi nói với ông:

– Quả thực, cháu rất ngạc nhiên khi thấy ông Tùng lên đây!

– Ông ấy không có ẩn ý gì đâu!

– Cháu biết! Một vị đại tá không đến nỗi phải đích thân đi do thám, nhưng dù sao cũng rất khó hiểu.

– Ông Tùng lên không phải vì anh, cũng không phải vì tôi hay con Thủy lôi kéo, mà chỉ vì ông ấy đang muốn tự chiêm nghiệm lại bản thân mình. Tất nhiên trong lớp người như ông Tùng, không phải ai cũng như vậy. Nhưng nội tâm con người vốn rất phức tạp. Anh cứ coi đây là một trường hợp đặc biệt. Tôi biết mấy năm gần đây ông ấy có nhiều trăn trở trong cách nhìn nhận về cuộc chiến...

Tôi còn muốn hỏi thêm nhưng ông Tùng và cô gái đã lên tới.

Mặt trời chênh chếch dạo nắng lên chỗ bàn đá. Chúng tôi ngồi xuống bãi cỏ nơi có bóng râm, tiếp tục trò chuyện. Khi nghe tôi hỏi về diễn biến hội nghị Paris, ông Tùng nói:

– Vẫn tiếp tục, nhưng chưa có gì mới. À, anh lên đây mấy năm? Hai phải không - Thấy tôi gật đầu, ông nói tiếp - đúng là chẳng có gì mới trong thời gian đó. Tướng Thiệu bắt buộc phải cử một phái đoàn sang để đối diện với Mặt trận Giải phóng. Dĩ nhiên đó là ý người Mỹ chứ ông ta chẳng vui về gì!

Tôi hỏi:

– Theo đại tá, hội nghị Paris sẽ đi đến đâu?

– Thì cũng phải tiến tới một kết cục nào đó chứ! Nhanh hay chậm là còn tùy ở hai phía, Mỹ và Hà Nội. Anh biết rồi, cái gọi là "bốn bên" chỉ là hình thức. Nhưng cuộc chiến kết thúc như thế nào, theo tôi cuối cùng vẫn phải quyết định trên chiến trường. Vừa rồi, tướng Thiệu mở cuộc hành quân Lam Sơn cũng nhằm ý đó. Ông muốn tạo một hành lang chiến lược dọc theo đường Chín, cắt đứt tuyến tiếp tế của Hà Nội, cái đường... Trường Sơn đó! Nếu làm được, ông ta sẽ có tiếng nói mạnh trên bàn hội nghị, và có giá với Hoa Kỳ.

Tôi thấy ông Tùng chỉ gọi "tướng Thiệu" chứ không gọi tổng thống, nhưng không quan tâm đến điều đó, chỉ háo hức hỏi:

– Thế rồi kết quả ra sao?

– À... Tất nhiên chúng tôi phải thắng chứ! Đại tá chỉ huy hành quân bị bắt làm tù binh, nhưng chúng tôi vẫn thắng! Thắng ở trên đài trên báo! - Giọng ông chua chát - Phía các anh tham chiến với cả tăng T34 và đại pháo, còn hỏa lực phòng không thì dày đặc. Tôi thấy có vẻ lần đầu tiên các anh tổ chức tác chiến hiệp đồng binh chủng, quy mô không lớn nhưng hiệu quả...

Cũng với cách nói tưng tưng, ông kể thêm về tình hình chiến sự, tất nhiên từ góc nhìn của ông. Tôi như mở cờ trong bụng.

Được biết những tin tức đó, nhất là khi nghe chính ruột đại tá ngụy nói, thật thú vị.

Ông Tùng lại vớ cái ly và chai rượu còn non nữa. Từ đầu tới giờ ông uống là nhiều, tôi với ông Thành chỉ nhấp môi gọi là.

Cô gái can:

– Bác đừng uống nữa! Hồi tới giờ bác uống nhiều rồi...

– Nhâm nhi cho vui chớ ăn nhằm chi ba cái thứ rượu ngoại này!

– Bác uống nhiều thế, làm sao bay được?

– Cái con này! Hôm nay phải để bác xả hơi chút chớ! Mà đưa tao đi thì phải lo chở về...

– Là nói... bay dài dài đó. Chớ cháu đâu dám bỏ bác lại đây? Về dưới chết với bác gái à! Mà bác gái biểu dạo này bác hay uống rượu một mình...

– Ôi nghe bả làm chi! Mà... tao hết ham bay rồi. À này, ông quay sang nói với tôi - Cái thứ cá nướng của anh đó, nhậu với ba xì để là phải biết! Còn ngon hơn cá lóc lụi rơm. Anh nhậu thứ đó bao giờ chưa? - Giọng ông ngà ngà.

– Tôi có nghe kể mà chưa được ăn lần nào. - Tôi cười đáp.

– Chậc! Nếu có dịp, mời anh về quê tôi. Tôi sẽ tự tay bắt cá làm cho anh nhậu một bữa. Mà anh biết sao không? Phải nhậu giữa đồng, lúc sắp tắt nắng ấy. Lúc đó gió biển lồng lộng, ta ngồi giữa menh mông trời đất, nhìn chòm nắng trên đọt dừa, ngắm đàn cò bay về tổ, người khói đốt đồng thơm mùi rạ cháy, tay nâng ly để trong như mắt mèo đưa lên ngang mắt ngắm qua một chút rồi mới tợp một ngụm, rồi xé miếng lóc nướng thơm phức kẹp với rau sống, thêm ngọn rau thơm, lùa vô đầy miệng nhai mới đã! Lại cắn thêm trái ớt xanh nữa... Ôi! Phải biết nhá!

Cô gái cười rúc rích:

– Nghe bác kể mà bắt thèm! Hôm nào đi, bác nhớ kêu cháu theo với...

– Mà thì biết gì! Nhậu như vậy phải gặp tri âm tri kỷ mới đã à nghen! - Ông Tùng mắng cô gái rồi quay sang nói với tôi - Con người ta kể cũng lạ! Như tôi ăn uống đâu thiếu thứ gì, vậy mà vẫn thèm được một lần như thế. Đến giờ tôi vẫn còn nhớ như in cảnh ông già tôi ngồi nhậu với bạn vào những buổi chiều...

Ông ngừng lời, xoay xoay ly rượu trong tay rồi chợt nâng lên ực một cái hết cạn. Tôi nhận thấy nãy giờ ông nói đặc giọng Nam Bộ.

– Thịnh thoảng đại tá nên nghỉ “việc binh”, tổ chức một buổi nhậu như thế. - Tôi nói với ông.

– Nhằm nhỏ gì anh! Bay một chiếc trực thăng tới vùng đồng nào đó, tất nhiên là liên hệ trước với đồn binh ở đó để khỏi lo du kích bắn tỉa... Rồi đám đệ tử lẳng xẵng, chúng mang theo đủ thứ... Tôi đã thử mấy lần và hiểu ra là một niềm vui bình dị như vậy chỉ có được khi người ta sống mộc mạc thanh thản...

– Thế giờ đại tá còn ai ở quê không ạ?

Ông Tùng cúi xuống nghiêng chai róc rượu vào ly mình, lát sau mới kể:

– Ba má tôi bị bệnh mất lúc tôi mười bốn tuổi. Tôi dắt thằng em lên Sài Gòn nhờ ông chú họ nuôi đi học. Nhà tôi có trước mảnh vườn chưa đầy công đất, dựng xong ngôi nhà lá còn trồng được mấy hàng cau... Khi hai anh em tôi dắt díu nhau đi, ngôi nhà đã nát nhưng hàng cau vẫn còn. Sau này về cau già chết hết. Tôi nhờ bà con dựng lại nhà để đặt bàn thờ ba má tôi, và trồng mấy hàng cau như cũ, có người anh họ tới ở để trông coi. Lâu lâu có dịp, tôi về nhậu với ông một bữa. - Ông tợp thêm ngụm rượu rồi kể tiếp, giọng ngùi ngùi - Cách đây... ờ, phải hơn ba năm rồi, tôi về quê, thấy... cháy hết. Ngôi nhà cháy rụi, ông anh họ chết cháy trong đó. Còn thấy hàng cau cây cháy sém, cây cháy đen... Bom napan! Việt Cộng các anh đâu có thứ đó! Cũng biết chiến tranh là vậy mà sao thấy... buồn quá?

Câu chuyện của ông ngừng lại ngang đó. Chúng tôi ngồi im lặng, mỗi người miên man theo ý nghĩ của mình.

Tôi liếc nhìn nét mặt trầm ngâm của ông Tùng, cố đoán xem vì sao ông lại kể những điều ấy ra với tôi, một người mới gặp lần đầu, mà lại là một người lính của phe đối địch? Có phải khi ngồi giữa rừng, người ta dễ cởi mở thẳng thắn với nhau hơn? Cũng có thể khi ở giữa thiên nhiên hoang dã, không cần phải lừa lọc dò tra toan tính, không e ngại những mưu mô cạm bẫy, con người trở nên trong sạch hơn và sống thật với chính mình...

– Anh Hải, cho em mượn chiếc lược! - Tiếng cô gái cắt ngang dòng suy nghĩ.

Tôi trả lời:

– Ở trên nhà, cô lên đó lấy!

– Em lên được không?

– Sao lại không? Có bí mật gì đâu mà cô lo?

Tôi cười đáp và hơi ngạc nhiên. Chẳng phải cô lên lấy bát đĩa xuống dọn cơm đó sao? Chắc lại kiếm cớ nói chuyện riêng đây.

Lát sau nghe tiếng cô gọi với xuống: "Anh để ở đâu em tìm không ra...". Tôi đành xin lỗi hai vị khách, chạy lên.

Bước vào nhà, thấy cô ngồi xếp giữa sàn, hai chân xếp nghiêng một bên, đang cầm lược thong thả chải tóc.

– Biết ngay là cô lại có âm mưu gì đây? - Tôi đùa.

– Đâu có! Em chỉ muốn coi anh sống thế nào. - Cô đáp dịu dàng, mái tóc dày che nghiêng nửa khuôn mặt.

– Chẳng phải cô lên đây rồi sao?

– Em lên hỏi nào? - Cô ngạc nhiên.

– Lúc lấy bát đĩa xuống dọn cơm?

– Ôi! Anh đa nghi quá? - Cô cười rĩ - Ba em lấy đó? Em là con gái, ai lại tự tiện vô nhà con trai được. Nhưng... đúng là em có chuyện muốn nói với anh thật. - Cô bỏ lược xuống, nhìn tôi đăm đăm.

– Có gì cô Thủy cứ nói đi?

– Anh Hải! Hay là anh về dưới với em... ừ, không phải! Em muốn nói là... anh về dưới đó rồi tìm cách móc để ra... Chớ ở đây anh sống cực quá hà!

– Sao trước cô nói ở đây đẹp như cõi tiên? - Tôi hỏi, cốt để có thời gian suy nghĩ.

– Thì... đẹp thiệt chớ bộ. Có điều anh sống một mình, lỡ ốm đau làm sao? Anh chẳng đã kể có lần suýt chết là gì? Mà em thấy anh còn yếu lắm, biết lúc nào mới đủ sức trở về?

Quay mặt ra cửa để tránh ánh mắt của cô, tôi nói nho nhỏ:

– Tôi có nghĩ tới điều đó, nhưng không thể!

– Sao vậy anh?

– Tôi là người lính, không quen cuộc sống đô thành, về dưới ló ngó là bị bắt liền. Lúc đó sẽ rất nguy hiểm cho bác và cô.

– Em biết những người như anh đâu chịu rời bỏ mục đích của mình. - Cô cúi đầu, mái tóc chảy dài xuống ngực - Em chỉ muốn làm được việc gì đó để giúp anh...

– Cám ơn cô Thủy? Mà sao bác và cô lại tốt với tôi đến vậy? Tôi cảm động.

Cô ngẩng đầu nhìn tôi lém lỉnh:

– Bộ anh nghĩ trên đời chỉ mình anh tốt thôi sao?

– Không phải như vậy, nhưng...

– Anh biết trước lúc lên đây, bác Tùng dặn em sao không

– Ông nói gì?

– Bác ấy biểu, lên hỏi anh nghĩ sao nếu có một chuyến trực thăng chở anh tới nơi nào đó gần bên... Cách mạng?

– Ông ấy nói vậy ư? - Tôi thốt lên kinh ngạc.

– Bác ấy thiệt tình đó anh! Sắp xếp một phi vụ như thế đối với bác ấy đâu có khó!

– Nhưng sao ông lại làm vậy? Cứ cho là... bác ấy có cảm tình với anh! Hoặc anh nghĩ... ông làm vậy vì em cũng được, đâu có sao? - Ánh mắt cô lại hiện lên vẻ tinh nghịch.

– Như vậy... nguy hiểm lắm!

– Anh đừng lo? Em đâu dám lừa để bắt cóc anh về dưới đê! Lỡ giữa đường anh biết, anh làm "không tặc" thì chết em à!

– Tôi không nói vậy? Nhưng... cô không sợ đạn của Quân giải phóng bắn vào máy bay ư? Bác giờ chỉ còn mình cô...

– Anh lúc nào cũng chỉ nghĩ đến người khác... - Cô thở dài.

Tôi cười:

– Không hẳn! Máy bay rồi thì tôi cũng chết. Hoặc cứ cho là không bị bắn, nhưng về lại dưới đó cô sẽ nói sao với tụi an ninh? Một chuyến bay như vậy không qua mắt tụi nó được. Lúc đó ông Tùng cũng không che chở nổi. Tôi không muốn... người khác vì tôi mà gặp nguy hiểm.

Cô gái ngòl lặng lẽ, lát sau mới nói:

– Anh biết hồi trước ba nói với tụi em sao không? Là nói có cả anh Trà đó. Ông biểu: Bậy ham gì thì ham, nhưng phải ráng sống sao cho có ý nghĩa... Lúc đó em đâu hiểu hết lời ông nói, em chỉ ham bay thôi à! Em bay trên mây và tội nghiệp cho mấy nhỏ bạn đi biểu tình sinh viên bị xiủ hơi cay... Giờ em muốn làm được một việc gì đó, mà sao thấy khó quá...

Tôi tần ngần nhìn cô, định nói đôi lời an ủi nhưng cứ lúng túng mãi. Có lẽ nói ra điều gì lúc này cũng đều sáo rỗng. Cuối cùng lại chỉ hỏi:

– Cô vẫn chưa giải thích vì sao ông Tùng lại bảo như vậy?

– Em đâu biết! Anh xuống hỏi thử coi!

Lại khúc khích cười. Và chừng như nhìn thấy vẻ mặt đăm chiêu của tôi, nên cô nói tiếp:

– Thiệt tình lúc đó em cũng ngạc nhiên lắm. Em hỏi, bộ bác mê Việt Cộng rồi sao? Ông mắng em một trận te tua luôn à! Mãi sau bác ấy mới nói: "Chẳng qua tao khâm phục những người lính can đảm". Bác ấy còn biểu... Mà thôi, em không nói nữa đâu!

– Sao ông không tự nói với tôi?

– Em không biết! Có thể bác ấy cũng có tự ái chứ! Tự dưng một đại tá của không lực lại đi năn nỉ: "Anh lên đây, tôi chở anh qua bên..." Và đừng tưởng anh đã thuyết phục được bác ấy đi theo Việt... theo bên...

– Cô cứ nói đại Việt cộng, không sao đâu!

– Thì để em tập cho quen. Lỡ sau này gặp chú mà cứ quen miệng, chú mắng em chết! - Cô che miệng cười, đôi mắt đen láy cũng cười theo.

Có tiếng rào rào trong đám lá trên mái nhà. Tôi giải thích khi thấy cô nhìn lên:

– Lũ khỉ về đấy! Hôm nay chúng về sớm, chắc biết nhà có khách.

– Hay quá! Em có đem chuối lên...

Cô vớ chiếc cặp ba lá cặp vội mái tóc, lao ra khỏi nhà nhảy xuống cầu thang.

– Gì vậy con? - Ông Thành ngạc nhiên hỏi.

Cô gái không đáp, vội vã lôi từ trong túi xách ra mấy nải chuối chín vàng.

Những con khỉ lúc đầu có vẻ rụt rè, nhưng sau cũng chứng tỏ là chúng không hề khách khí, khiến các vị khách hết sức hài lòng và vui vẻ khi nhìn chúng nhảy nhót trên bãi cỏ rồi rít chia nhau những quả chuối tiêu vàng hươm. Tuy vậy hôm nay trông lũ khỉ từ tốn hẳn ra. Không phải chúng biết giữ ý trước khách, chẳng qua chuối còn nhiều, đâu có gì phải vội.

Cây ngàn lao xao trong nắng chiều vàng nhạt, vài cụm mây trắng trôi lững lờ qua khoảng trời ló ra giữa những vòm cây. Trong muôn ngàn âm thanh êm đềm của rừng chiều, thỉnh thoảng lại có tiếng chim vút lên tan vào thinh không. Thiên nhiên lúc này đủ sức làm mềm lòng bất cứ ai...

Ông Thành nhìn đồng hồ rồi nói với tôi:

– Anh Hải này! Anh cho chúng tôi đi thăm mộ và thắp hương cho các anh ấy. Hôm trước về vội quá, tôi cứ áy náy mãi...

Tôi cảm động:

– Vâng! Nhưng...

Thấy tôi ngập ngừng, ông Tùng nói ngay:

– Anh yên tâm! Tôi luôn kính trọng những người lính dũng cảm. Việc này chúng tôi đã bàn với nhau trước khi lên đây!

Tôi xem đồng hồ thấy đã hơn ba giờ chiều, bèn nói với ông Thành:

– Nếu vậy ta xuống đó, rồi bác và đại tá về luôn kéo muện.

Cô gái bảo tôi:

– Em có mang lên cho anh mấy thứ lặt vặt, để đem lên nhà.

Ông Thành cùng con gái đem mấy gói đồ và chiếc thùng giấy lên trên nhà. Tôi mượn lại ba chiếc túi, ra sau gốc đa chắt đầy ba túi trầm khệ nệ xách vào:

– Có ít trầm biếu bác và đại tá!

Ông Thành áy náy:

– Anh cho nhiều quá!

– Có gì đâu bác! Quà của rừng mà!

Chúng tôi ra chỗ máy bay đỗ. Cô gái leo lên ghé lái. Ông Tùng bảo tôi ngồi ở ghế trước, rồi cùng ông Thành bước lên cửa hông. Tôi bỗng con báo bỏ lên máy bay, nhưng nó lồng lộn tuột khỏi tay tôi, vùng chạy vào đến bìa rừng thì dừng lại, cúp đuôi đứng nhìn ra. Tiếc quá! Định để nó đi máy bay một lần cho biết, mấy khi có dịp!

Chiếc trực thăng nhóm càng bay lên. Từ trên cao, tôi ngỡ ngàng nhìn cánh rừng nơi mình ở và cố hình dung xem lúc trước, với tư thế nào mà tên lính ngồi ở vị trí này đã nhắm bắn tôi bằng khẩu súng hiện giờ tôi đang cầm trong tay. Chưa kịp nghĩ ra thì máy bay đã đến nơi. Tới chỉ cho cô gái đáp xuống bãi cỏ, cách ngôi mộ đá chừng bảy chục mét.

Chưa bao giờ tôi nghĩ rằng sẽ có lúc mình đến thăm mộ bằng máy bay. Cũng loại trực thăng như chiếc đã tấn công chúng tôi

ngày nào, nhưng con người thì khác. Hôm nay họ đến đây với tư cách bạn bè, kể cả ông đại tá kia nữa.

Tôi đốt trầm rồi quỳ một chân trước tấm bia, mắt đăm đăm nhìn những phiến đá màu nâu tro mòn mưa gió. Ba người khách lần lượt thắp hương trên mộ, kính cẩn bõ mũ đứng cúi đầu. Dưới nắng chiều nhạt nhợt, cả vùng đồi cỏ mênh mông vắng lặng, nghe rõ tiếng gió lùa vi vu trên ngọn thủy tùng và tiếng chim vắng ra từ cánh rừng trước mặt. Trong khoảnh khắc này tôi quên hết mọi sự vật xung quanh và không còn nhớ tới những người đang đứng sau lưng. Tâm trí tôi như bay theo khói hương trầm nghi ngút, trở lại với những tháng ngày chúng tôi còn bên nhau. Ước gì các anh hiện ra từ làn khói trắng mờ kia, dù chỉ một giây thôi. Lòng kính trọng và sự ngưỡng mộ chẳng làm các anh sống lại được...

Cô gái cất tiếng nói sau lưng tôi, giọng nhẹ như làn gió thoảng:

– Máy lần bay qua đây em đều nhìn thấy ngôi mộ, mà nghĩ mãi không biết tấm bia làm bằng gì. Có phải của chiếc trực thăng ấy?...

Tôi đứng dậy nhìn cô, im lặng gật đầu. Cô mấp máy môi định nói gì đó nhưng lại thôi, đôi mắt ươn ướt buồn bã.

Ông Tùng bước tới đưa tay sờ rẫm những dòng chữ đục trên đoạn cánh quạt, khuôn mặt như tạc bằng những nhát đẽo giò trông tự lự và khắc khổ. Ông Thành vẫn lặng lẽ đứng cúi đầu, gió thổi những sợi tóc hoa râm rung rung. Tôi chợt nhận ra rằng, bên cạnh cây thủy tùng vươn cao đồ sộ và hùng vĩ, và trong cảnh điêu hiu của vùng sơn nguyên hoang dã mênh mông, bốn con người chúng tôi mới nhỏ bé làm sao...

Có tiếng thở phì phì bên cạnh khiến mọi người cùng giật mình. Thì ra con báo, nó chạy tới từ lúc nào chẳng ai thấy. Sao nó tài thế nhỉ? Đã đành ba cây số đồi núi đối với sức lực và tốc độ của nó chẳng đáng là bao, nhưng làm sao con báo biết chúng tôi tới đây? Chắc nó chạy lên mồm đồi nào đó đứng nhìn theo.

Con báo tới cọ đầu vào chân cô gái, hiền như một chú mèo ngoan. Cô thụp xuống vuốt ve nó, mặt rạng rỡ, mắt ngời hãnh diện. Đầu phải ai lên đây cũng đều được con dã thú quyến luyến đến thế. Bất cứ cô gái nào có lòng yêu thương loài vật đều mong muốn có những giây phút đáng tự hào như vậy.

Thấy chiều đã muộn, ông Thành giục con gái:

– Thủy, chuẩn bị về thôi con!

Cô quay lại nói với tôi:

– Để em đưa anh lại nhà!

– Không cần đâu! Cô sắp xếp về kéo muộn. - Tôi trả lời rồi cúi xuống vun cho những miếng trầm cháy hết và cắm lại mấy cây hương bị nghiêng, những cây hương lần đầu được cắm tại đây.

Lúc ngẩng lên, thấy ông Thành và con gái đã tới gần chiếc trực thăng. Ông Tùng vẫn đứng đợi tôi. Tôi cùng ông bước chầm chậm qua những hố đạn ngập cỏ ông hỏi:

– Con Thủy có nói với anh rồi phải không?

– Vâng! Dù sao cũng xin cảm ơn đại tá! - Tôi hiểu ông muốn nói gì nên trả lời như đang tiếp tục một câu chuyện nói dở.

– Rất tiếc là không giúp gì được cho anh? - Ông Tùng nói - Sắp xếp để anh sống ở Đà Nẵng hay Sài Gòn, điều đó tôi làm được. Nhưng những người như anh đời nào chịu như thế. Còn bố trí để anh trở về bên kia thì đành chịu. Ở vị thế tôi lúc này, không thể móc được với người bên ấy...

Rồi ông chợt nói nhanh, giọng nghiêm trang và buồn buồn:

– Trong cuộc chiến này, cuối cùng các anh sẽ thắng. Tôi biết điều đó từ khi thấy Hoa Kỳ buộc phải ngưng ném bom miền Bắc và rút dần quân về để ngồi hòa đàm. Nhưng các anh lấy đâu ra sức mạnh như vậy để tồn tại và chiến thắng, có lẽ đến hôm nay tôi bắt đầu hiểu ra, khi nhìn tám bia mộ làm bằng cánh quạt trực thăng. Chứ những lời lẽ của anh chưa đủ thuyết phục tôi đâu!

– Vâng! - Tôi đáp gọn.

– Nói gì thì nói, tôi vẫn không ưa cộng sản. - Ông nói tiếp! Có thể tôi sai. Có thể sau này, nếu các anh tạo dựng được một xã hội tốt đẹp hơn thì thế hệ đời cháu đời chắt tôi chúng sẽ theo, chứ tôi không thể. Ở tuổi tôi những gì đã hằn sâu trong óc là khó thay đổi. - Nói đến đây ông cười buồn. Thế giờ đại tá tính sao? Tôi hỏi cho có hỏi, chứ không nghĩ là ông sẽ trả lời. Hai chúng tôi đứng lại bên mép một hố đạn. Ông nhìn tôi rồi cúi đầu trầm ngâm, lát sau mới chậm rãi nói:

– Tôi sẽ về hưu.

– Những người như đại tá đâu dễ muốn nghỉ là nghỉ?

– Việc đó không khó! Tôi có bạn bè ở quân y. Hơn nữa... Hiện giờ ông Thiệu đang chạy đua một ngựa để giành ghế tổng thống, tướng Kỳ bị đẩy ra khỏi chính trường, chỉ còn ôm chức tư lệnh không quân mà ám ức. Vì vậy ông Thiệu muốn đưa tay chân của mình vào nắm giữ các lực lượng chủ chốt trong không lực, ông sợ lỡ ông Kỳ nổi khùng. Tôi cùng thế hệ với tướng Kỳ, cũng lớp phi công được đào tạo tại Pháp. Nếu lúc này xin nghỉ, ông Thiệu sẽ "ô kê" ngay để thế người vào... - ông bỗng ngừng đầu nhìn tôi - Ờ... Thiệt lạ! Sao tôi lại đi nói với anh những việc này nhỉ? Ngay cả ông Thành tôi cũng chưa nói. Còn bà nhà tôi mà nghe vậy, bả mừng phải biết!

– Lúc ở giữa rừng, con người thường cởi mở và thẳng thắn với nhau hơn. - Tôi cười, hỏi tiếp - Thế sau đó, đại tá định làm gì?

– Tôi sẽ sang Canada với chú em. Chẳng phải tôi ưa gì cuộc sống nơi đất khách quê người, nhưng ở đây tôi đâu còn ai thân thích ruột thịt! Anh biết đó, ngay cả cái bàn thờ ông bà cha mẹ, tôi cũng không giữ được... Sang bên đó còn có mấy đứa cháu. Chả lẽ lúc cuối đời chỉ có thân già trơ trọi! Này! - ông chột cao giọng - Anh đừng tưởng vì gặp anh nên tôi quyết như vậy đâu nghen? Đáng ra tôi đã làm điều ấy lâu rồi ông lại cúi đầu dăm chiêu.

– Tôi hiểu! Và tôi biết vì sao đại tá lại dùng dằng như thế.

– Anh nói thử coi!

– Là người linh, đại tá không muốn bị xem như kẻ chạy trốn hèn nhát. Nếu phía các ông đang thắng thế, chắc đại tá sẽ ra đi nhẹ nhõm hơn. Ông Tùng ngăn người nhìn tôi:

– Không ngờ anh hiểu được như vậy!

– Còn một điều cuối cùng, tôi sẽ nói nếu đại tá không giận.

– Anh cứ nói!

– Đại tá vào lính từ khi tôi chưa được sinh ra, vì vậy điều sắp nói chắc sẽ làm đại tá méch lòng. Nhưng tôi cũng xin lấy hết can đảm để nói rằng, đối với người lính có lúc việc rút lui lại đòi hỏi lòng can đảm lớn hơn bất kỳ mọi sự can đảm nào, hơn cả lúc ngồi dưới những trận bom hay bay trên vùng hỏa lực phòng không dày đặc của đối phương. Theo tôi, nếu không dám làm một việc mà mình nghĩ là đúng, thì với lý do gì đi nữa, cũng vẫn là hèn nhát.

Ông Tùng cười buồn:

– Anh lại khích tôi phải không?

– Không! Tôi nói thẳng thắn vì biết đại tá thích như vậy! Nếu coi thường đại tá, tôi đã không nói. Sắp chia tay nhau và không biết có còn gặp lại nữa hay không, nên tôi đâu muốn để lại một ấn tượng xấu trong suy nghĩ của đại tá!

–Ồ không! Tôi không giận anh đâu! Nào, bắt tay anh lần cuối, anh lính Việt Cộng!

Chúng tôi bắt tay nhau. Bàn tay ông to và cứng cáp như đã từng cầm cuốc cầm phăng.

– Về dưới đó, đại tá cho tôi gọi lời thăm... bác gái?

Tôi nói, hơi ngắc ngư khi dùng từ. Gọi "bà nhà" thì thô lỗ, còn nói "đại tá phu nhân" lại quá trịnh trọng. Vì vậy, tôi rất yên tâm khi thấy ông Tùng tươi hẳn nét mặt. Không nói gì thêm, ông lắc tay tôi lần cuối rồi quay người đi vòng qua đầu máy bay leo lên ghế lái phụ.

Tôi tới bên ông Thành, cố giữ vẻ mặt bình thản. Ông bắt tay và ôm lấy tôi, nói giọng nghẹn nghẹn:

– Mạnh giỏi nghe anh Hải! Gắng mạnh giỏi mà trở về!

– Vâng! Cháu... cảm ơn bác? - Tôi không dám nói nhiều, sợ bật lên thành tiếng khóc.

Ông vỗ vỗ vào lưng tôi rồi buông ra, bước chầm chậm đến bên máy bay.

Cô gái nãy giờ ngồi vuốt ve con báo, lúc này mới đứng dậy, miệng cười mà như mếu:

– Anh lính Giải phóng không bắt tay em sao?

Tôi mỉm cười, chìa tay nắm lấy bàn tay nhỏ nhắn, mềm và ấm.

– Liệu còn gặp nhau nữa không anh? - Cô ngược nhìn tôi đôi mắt mọng nước.

– Sao lại không? - Tôi nói cứng, cố giữ cho giọng khỏi run - Lúc nào hòa bình, tôi sẽ vào Đà Nẵng thăm... bác và cô.

– Anh Hải nhớ nghe! Thôi, em đi đây? Đứng lại chút nữa chắc em... khóc òa lên liền à! - Cô rút tay khỏi tay tôi, đi thẳng đến bên máy bay và leo lên ghế lái.

Tôi cầm ngang cây súng, đứng dạng chân trên bãi cỏ, gió thổi đuôi tóc dài khét nắng bay lất phất ra trước mặt. Không phải tôi muốn tỏ ra ngang tàng, mà đang cố ghìm người đứng thật vững để khỏi khuyu chân ngồi phịch xuống đất, để khỏi bật khóc trước khi chiếc trực thăng kia bay đi, để những người trên đó không nhìn thấy giây phút yếu đuối của mình. Tôi vừa từ chối con thuyền đến đưa tôi ra khỏi trùng dương rừng rậm, chỉ vì nó không đi về hướng mình đã định. Liệu có quá đại dốt khi từ chôn một sự cứu giúp chân thành như vậy? Liệu có quá mạo hiểm khi muốn tự mình vùng vẫy để thoát ra khỏi điệp trùng núi non vây bủa như lớp lớp sóng dồn trong cơn biển động?

Động cơ nổ. Từ trong máy bay có ba bàn tay vẫy chào qua lớp bụi mù mịt. Không như mọi lần, chiếc trực thăng bay sạt qua bãi cỏ rồi đột ngột vọt lên trên ngọn cây nơi bìa rừng và nhanh chóng biến mất trong tầm nhìn. Tôi thả người ngồi phịch xuống cỏ, chân tay rã rời...

Hôm đó tôi về tới nhà lúc nhập nhoạng, và bỗng ứa nước mắt khi nghĩ rằng giờ này những người khách cũng đã về đến nhà. Góc rừng vắng vẻ đang tối lại. Máy con khỉ đã đi ngủ. Phía tây ráng chiều đỏ rực. Nhìn qua ngọn cây, cứ tưởng như có cả một góc trời đang cháy.

Chương XXI

Sau đó mấy hôm thì trời đổ mưa. Thoạt đầu là những cơn mưa chợt đến chợt đi như để thăm dò, rồi tiếp mưa dày hơn, dài hơn, và ngày càng nặng hạt, trút màn nước trắng mịn mùng xuống khắp núi rừng. Mây đen nặng trĩu bay là suốt ngày, níu bầu trời thấp gần sát ngọn cây. Có những chiều chớp kéo nhì nhằng trong mây và sét đánh ì oang ngoài đồi cỏ. Có những đêm gió gào rú trong rừng rung lá rụng rào rào và bề cảnh cây gãy rãng rạc. Ấy là dưới xuôi có bão, vùng gió mạnh lan tận đây. Đến sáng thức dậy, thấy lá cây lật mặt trái nghiêng ngửa làm màu rừng nhợt hẳn đi. Dọc bờ suối lác đác những cây chuối rừng gãy trắng lổp.

Nói chung mùa mưa năm nay cũng giống hai mùa mưa trước, ngoại trừ một lần có cơn lũ cuốn đổ về lúc nửa đêm, nước réo âm âm ngoài suối. Sáng ra nước dâng cao, vũng suối biến mất, tảng đá hình con voi chỉ còn một chỏm nhỏ, ngọn thác mảnh mai thường ngày giờ trở thành luồng nước khổng lồ cuộn cuộn. Nước lũ ào lên bãi cỏ ngập tới nửa cầu thang nhà, cuốn rác rêu đầy rập cả quãng rừng non mé bờ suối.

Tôi không lo lắm vì nhà tôi làm khá cao, bốn cột chôn vững chắc. Hơn nữa ở đây nơi đầu nguồn, lũ không mạnh và sẽ mau rút. Quả nhiên đến chiều thì nước trên bãi cỏ trôi hết, dòng suối tuy vẫn chảy xiết và đục ngầu nhưng đã dịu lại.

Mùa mưa này tôi không phải lo cái ăn. Lần lên vừa rồi cha con ông Thành mang thêm cho tôi chừng hai chục cân gạo mới, gói bột ngọt nửa kí, mười cặp đường bánh, một thùng năm mươi gói mì ăn liền nhãn "Hai con cua" và một bao cá khô, loại cá chuồn con to xẻ ruột phơi được nắng mà mùi của nó luôn gợi nhớ tới tiếng rì rào của những con sóng biển chạy đuổi nhau liếm vào bờ cát. Đúng như cô gái nói, dưới đáy thùng mì có chiếc đĩa bàn kiểu quân sự và tấm bản đồ y hệt tấm của chúng tôi hồi trước. Và tôi

mừng đến ứa nước mắt khi còn tìm thấy trong thùng mì túi thuốc gồm một lọ to đựng những viên thuốc phòng sốt rét, một lọ cùn, mấy cuốn bông băng cùng chục ống thuốc kháng sinh, loại thuốc chứa sẵn trong bơm tiêm thường dùng cho phi công tự cấp cứu khi nhảy dù bị tai nạn, chỉ cần bóc túi nhựa là tiêm ngay.

Hôm đó, tôi mở lọ thuốc phòng sốt uống ngay một liều và cảm thấy trong vị đắng của chất kí ninh có cả vị ngọt ngào khó tả. Nghĩ cũng lạ! Một mình trong rừng sâu hơn hai năm trời, mà lúc này tôi sống đầy đủ hơn bất kỳ người lính Trường Sơn nào. Nhưng rồi chính sự đầy đủ cùng những ngày nhàn rỗi đã tạo nên trong tôi cảm giác áy náy và xấu hổ, như mình đang trốn chui trốn lủi tại góc rừng này để lẩn tránh những gì mà người thân, bạn bè và đồng đội đang phải chịu đựng dưới kia. Lại thêm những trận mưa dầm dề bó chân tôi trong cái chòi nhỏ hết ngày này qua ngày khác. Mỗi ngày tôi cố gắng tập thể lực chừng hai tiếng đồng hồ bằng cách nâng đá và bằng bất cứ động tác thể dục nào nghĩ ra được mà có thể áp dụng trong hoàn cảnh này. Thời gian còn lại tôi ngồi tựa vách ngó mung lung ra góc rừng tối mờ hoặc đan hai tay gối đầu nằm ngửa nhìn lên mái nhựa phập phồng dưới mưa. Rồi nghĩ, rồi lo, rồi nhớ tới bao nhiêu là chuyện, và lúc nào cũng thấy rầu rĩ hơn lúc nào hết.

Những ngày tháng đơn độc tẻ ngắt cùng cảnh vật u tối của rừng sâu mùa mưa là nguyên nhân khiến tôi rơi vào một trạng thái khác lạ. Ban đầu thấy trong người mệt mỏi uể oải, rồi dần dần đầu óc trở nên đờ đẫn và vô cảm. Có lúc tôi nằm hàng giờ liền, mắt trừng trừng nhìn lên mái nhà mà hầu như không thấy một cái gì và cũng chẳng tưởng tới một điều gì. Lại còn tiếng mưa! Tiếng mưa rồi cứ sầm sập hết giờ này qua giờ khác, hết ngày này qua ngày khác. Tiếng mưa đơn điệu át hết mọi âm thanh, trở thành sự tra tấn làm thần kinh căng lên. Đến nỗi có lúc nào đó mưa ngừng rồi, tôi chột giật mình, người chùng lại và hụt hẫng như vừa rơi xuống từ khoảng không. Cảm giác u uất chán chường ngày càng nặng nề. Hai mùa mưa trước tôi không bị như

thế. Có thể lúc đó còn bận bịu lo toan nhiều việc, không có thời gian để buồn chán. Có thể đến lúc này, sự chịu đựng đã quá tải.

Cần phải vận động, phải làm một việc gì đó, nếu không sẽ phát điên lên mất. Nhưng làm gì? Có mấy khẩu súng, ngày nào cũng tháo ra lau đi lau lại mãi rồi.

Một hôm, tôi trùm tấm pôngsô, khoác súng đội mưa đi ra hướng đồi cỏ. Lang thang vô định, tôi bước mãi miết liên mấy giờ đồng hồ như một kẻ điên. Mưa xối rào rào, gió tung tấm pôngsô phành phạch. Trượt ngã, loạng choạng đứng dậy đi, rồi lại trượt ngã... Tôi leo hết sườn dốc này đến sườn dốc khác, đến lúc dừng lại trên một mỏm đồi đưa tay vuốt nước mưa trên mặt nhìn ra, thấy bốn bề toàn loạn nước trắng xóa. Phía xa xa rừng cây tối mờ trong mưa, âm u đến rợn người. Mây đen trôi vùn vụt, nặng nề sà xuống đỉnh đồi như muốn đè nghiền lên người tôi. Gió hú từng cơn, quất những làn mưa tơi thành bụi nước bay trắng mờ như mây. Một mình tôi bé nhỏ lẻ loi giữa khoảng không gian mênh mông hoang vắng, lạnh lẽo và đẫm đìa nước. Tôi ngồi phịch xuống, rồi ngã người nằm dài trên mỏm đồi, nhắm nghiền hai mắt cho giọt mưa khỏi xối vào. Mưa tầm tã trên người, nước chảy ngập dưới lưng. Ôi tái và giá buốt! Sao hôm trước mình không nhảy lên chiếc trực thăng đó? Về dưới vẫn có thể tìm được cách liên lạc với người con già Lý cơ mà? Mình quá tự tin hay ngu dại? Mình cố tỏ ra anh hùng hay đã hèn nhát?... Những ý nghĩ dằn vặt trong đầu càng khiến tôi tuyệt vọng...

Tôi chìm trong trạng thái mê man như vậy không rõ bao lâu, chỉ chợt tỉnh lại khi một lần chớp sáng lòa kèm theo tiếng sét đánh dội đất ở mỏm đồi bên cạnh. Chóng tay ngồi dậy, tôi nhìn ra xung quanh thấy trời mờ mờ tối. Không biết mấy giờ rồi? Nước loang loáng trên mặt đồng hồ nên không xem giờ được. Mà biết giờ để làm gì? Tôi cần gì thời gian... Mãi đến khi nhìn thấy con báo ướt lóp ngóp run rẩy đứng bên cạnh, tôi mới nghĩ đến chuyện quay về. Nhưng không còn xác định được phương hướng nữa rồi! Bốn phía mờ mịt mưa, tầm nhìn ngắn lại trong vài mét...

Chiều tối hôm đó, nhờ bám theo con báo mà tôi về được đến nhà. Người lạnh cứng, tôi lập cập ôm củi đốt lửa sưởi và lại giương mắt nhìn ánh lửa bập bùng nhảy múa, đến khi lửa bén vào tóc cháy khét mới giật mình tỉnh lại...

Sáng ra thức dậy, tôi rùng mình khi nhớ lại chuyện hôm qua. Nếu ở quê, các cụ sẽ bảo là tôi bị "ma đưa". "Ma đưa đường, quỷ dẫn lối" là vậy! Tôi không tin chuyện ma quỷ chỉ nghĩ mình đã qua suy sụp, trạng thái trầm uất lên đến mức cuồng loạn.

Phải làm việc... Phải tạo ra việc để làm... Tôi suy nghĩ, chân như cái máy bước lui bước tới trong căn nhà hẹp. Tiếng mưa vẫn ràn rạt trên đầu. Chợt cặp mắt bắt gặp một vật gì giắt trên vách, tôi nhìn nó trân trối, hồi lâu sau mới nhận ra chiếc đục trước đây vẫn dùng đục đá tìm mạch vàng. Đục đá? Ủ, hay là...

Tôi dầm mưa xuống bờ suối vác lên một tảng đá. Mình sẽ tạc một vật gì đó, vừa để tập luyện cơ bắp, vừa bắt đầu óc phải làm việc. Tôi nhìn ra ngoài trời nghĩ ngợi. Báo Aga đang nằm liếm lông trước cửa. Lúc này tôi đi vác đá, nó chạy theo nên bị ướt. Phải rồi! Ta sẽ tạc con báo. Trời mưa, nó vẫn thường nằm dài ở nhà. Vậy là có "người mẫu" rồi!

Tôi mài lại cái đục, hăm hở bắt tay vào việc. Hàng ngày, ngoại trừ giờ tập thể dục bắt buộc và việc chuẩn bị bữa ăn, tôi dồn hết tâm trí và sức lực vào khối đá. Cả ban đêm tôi cũng thấp đèn kì cạch ngồi đục. Còn hơn là nằm nghĩ quẩn.

Hơn một tháng sau thì con báo đá thành hình. Ấy là tôi nghĩ vậy, chứ hình như... không được giống lắm. Ngồi ngắm đi ngắm lại, cuối cùng đành tự thú nhận là chẳng giống chút nào! Nó chỉ là một khối đá nhỏ ngoằn ngoèo với bốn cái chân cứng queo, chẳng có chút gì tư thế hùng dũng và vóc dáng uyển chuyển của con báo đang đứng trước mặt. Tôi để ra mấy ngày cố sửa, nhưng rồi một nhát đục vội vã đã phạt văng cả cái đầu. Cáu tiết, tôi cầm hòn đá dùng làm búa ném một cú thật lực vào hai cẳng sau. Vậy là đi tong "tác phẩm đầu tay". Thế mới biết việc sáng tạo nghệ thuật chẳng đơn giản chút nào.

Hôm đó nhằm lúc trời tạnh, tôi xách súng vào rừng kiếm thịt tươi bổ sung nguồn thức ăn, đồng thời để bồi dưỡng cho "người mẫu" luôn thể. Mùa này con báo ít có cơ hội kiếm mồi nên bị đói. Trông nó gầy sút hẳn đi. Còn lũ khỉ thì thỉnh thoảng tôi cũng nấu thêm cơm cho chúng ăn, hoặc lâu lâu chia cho mỗi con một mẩu đường. Nhưng không dám cho ăn luôn, phần vì cửa có hạn, phần sợ chúng sinh quen đâm ỉ lại, sau này mất thói tự lập. Hai nhóc khỉ ngày nào giờ đã lớn tướng, từ lâu không còn thấy chúng bám bụng bám lưng mẹ bất công, vậy mà chẳng hiểu sao nhà khỉ chưa có thêm thành viên mới nào.

Xong việc, tôi lại ra bờ suối vác tảng đá khác. Lần này chọn kỹ hơn: một tảng đá thon dài đầy đặn, thớ đá mịn và không có kẽ nứt. Tôi mài lại cái đục cho mũi nhỏ và nhọn hơn. Phương pháp "sáng tác" cũng có rút kinh nghiệm: tạo đường sống lưng trước, sau đó đục dần từng mẩu đá, cố hình dung như mình đang moi một con báo ra từ trong đá. Và lần này tôi tạc con báo nằm, chứ không sẽ rất khó tạc bốn cái chân. Được cái "người mẫu" rất chịu khó, hầu như lúc nào cũng nằm dài trước cửa vì trời mưa to.

Ngày qua ngày, sự miệt mài với công việc mới lạ làm tôi bình tâm trở lại. Bây giờ tôi có thể vừa đục đá vừa nghĩ tới mọi chuyện với tâm trạng lạc quan hơn. Mà có gì đáng sợ đâu cơ chứ! Hết mùa mưa này là mình về được rồi! Sức khỏe đã khá lên nhiều nhờ ăn uống đầy đủ. Không phải lao động cực nhọc như mấy năm trước, lại uống thuốc phòng sốt rét đều đặn, nên khỏi lo một trận ốm bất ngờ. Mình lại có bản đồ địa bàn, có đủ lương thực, chặng đường hai trăm cây số đâu có gì ghê gớm mà phải sợ? Và điều động viên lớn nhất là tôi nghĩ rằng anh Hai Nguyên sẽ nhận được thư. Tôi không rõ vì sao đến lúc này vẫn chưa có toán TK nào tới đây, nhưng tin chắc khi biết tin tôi còn sống, dù giá nào anh ấy cũng tổ chức người tiếp cứu. Lúc đó có kẹt lại cũng không đáng ngại lắm. Có điều nếu có người đến, cũng phải sau mùa mưa.

Nghĩ tới bức thư, tôi lại nhớ đến ông Thành với lòng cảm mến và kính trọng thật sự. Ở ông có phong thái của một ông giáo già hiểu biết và nhân hậu. Dù rất thương con, nhưng ông chẳng hề có chút oán hận khi biết chính tôi bắn chết con trai ông. Ông hiểu đâu là lẽ đúng sai ở đời. Còn ông Tùng nữa ông ta là kẻ thù của tôi, của chúng tôi. Nhưng một người còn nhớ tới hàng cau tuổi thơ, nhớ tới một món ăn dân dã như nhớ những kỷ niệm sâu sắc về quê hương, thì sớm muộn gì con người ấy cũng trở lại với cội nguồn của mình. Và nếu như trong ông có sự thay đổi về cách nhìn cách nghĩ, thì quả là một điều kỳ diệu mà chỉ có sức mạnh triều dâng của Cách mạng mới tạo nên được. Tôi chỉ là một giọt nước trong đó.

Rồi cô gái! Cô ấy có nét hồn nhiên đến trong trẻo và sự vô tư rất trẻ con, nhưng lại là người có cảm nhận tinh tế sâu sắc. Không cần hỏi cô cũng biết tôi cần địa bàn, bản đồ và thuốc phòng sốt. Ở rừng lâu ngày nên thiếu gạo thiếu muối, điều đó ai cũng biết. Nhưng phải là người nhạy cảm, và cả đồng cảm nữa, mới hiểu được tôi nhớ mùi vị của biển, nhớ hương thơm cơm gạo mới đến nhường nào. Và phải là người tinh khôn lắm mới nghĩ ra vì sao khẩu đại liên không còn trên chiếc trực thăng...

Chẳng hiểu sao dạo này tôi hay nghĩ hay nhớ đến cô, và mỗi lần như vậy lại thấy băng khuâng như đang có một sợi tơ vàng mảnh mai óng mượt vương vấn trong đầu. Những lần tiếp xúc với cô đã để lại trong lòng tôi một chút gì ấm áp và dịu ngọt... Mỗi lần ra suối, tôi lại nhớ dáng người con gái nghiêng bên bờ cát, mái tóc dày và nụ cười láu lỉnh, đôi mắt đen tròn long lanh chợt vui chợt buồn, thoát trầm tư thoát nhí nhảnh... Đôi lúc tôi tự nhủ: "Mình đang nghĩ gì vậy? Mơ màng như thế để làm gì? Hãy nhớ về cô ấy như nhớ một kỷ niệm đẹp, và chỉ thế thôi! Cần phải tỉnh táo..." Nhưng tình cảm vốn tự nhiên mà có, trong trường hợp này nó không muốn phụ thuộc vào lý trí.

Đến cuối tháng chín, tôi hoàn thành t"ác phẩm" của mình. Chỉ đọc thô thôi vì không có cách gì làm bóng được. Chẳng biết có

đẹp hay không, nhưng theo tôi thì rất giống, dù nó chỉ to bằng bắp chân. Nhìn vào ai cũng có thể nói ngay đó là con báo, chỉ ít cũng cho là mèo hoặc cọp, chứ không đến nỗi nhìn nhận thành chó. Chỉ cần sửa thêm một chút ở mõm và tai là báo Aga có thể tự hào được rồi.

Đầu tháng mười năm đó, những đợt mưa thưa dần. Đôi lúc trên bầu trời có vài khoảng không xanh ngắt ló ra, và nắng lại óng vàng màu mật như chưa hề có chuỗi ngày u ám vừa qua. Lác đác trong rừng có những tán lá ngả dần sang màu vàng màu đỏ. Dòng suối trong trở lại, con thác chảy êm hơn và vũng suối bắt đầu đọng sắc xanh của trời. Tôi phấn chấn hẳn lên, lại tiếp tục những buổi tập mang nặng leo dốc. Sức khỏe tốt hơn trước nhiều. Lúc này tôi mang được ba lô đá hai chục kí đi một mạch về bên mộ hai anh mà không phải dừng nghỉ dọc đường.

Đợt nắng đó khá dài làm tôi bỗng nghĩ: "Hay mình trở về được rồi?" Nghĩ vậy thôi chứ tôi biết chưa thể. Rừng đang ướt và vẫn còn mưa nhiều, tuy không mưa dày như vừa qua nhưng sẽ lạnh hơn. Đấy! Trời mới xanh được mấy hôm, đã lại thấy bóng mây kéo về. Phải kiên nhẫn thôi! Vài tháng nữa chứ mấy!

Tranh thủ trời nắng, tôi lội rừng suốt ngày để kiếm thêm thức ăn và bù lại những ngày bị giam hãm tù túng trong căn nhà hẹp. Không chỉ riêng tôi mà mọi sinh vật trong rừng đều náo nức hẳn lên. Mặc dù nền rừng đang ẩm ướt và sũng nước, muôn ngàn cây lá vẫn rì rào khoan khoái khi được tắm mình trong nắng. Chim chóc hót rộn khắp nơi. Tiếng côn trùng bay vù vù suốt ngày trên đầu. Những con sóc tíu tít chuyển cảnh tranh thủ kiếm thêm quả hạt bù vào số thức ăn bị hao hụt trong mấy tháng qua, chúng biết trước mắt vẫn còn những ngày đông lạnh giá. Lúc lúc lại bắt gặp một con thú lớn thấy động chạy ào trong bụi rậm. Những cây nấm đủ màu sắc mọc đầy trên nền đất ẩm và trên những thân gỗ mục. Thỉnh thoảng vẫn có cụm lan trở bông giữa lưng chừng cây cổ thụ, thoảng hương rất nhẹ mà ngậy ngát.

Chiều đó tôi bán được con mang, kéo về bờ suối xẻ thịt. Giờ sẵn mấy cái xoong, bán được con thịt tha hồ kho, nấu, hầm xương, để dành ăn trong nhiều ngày. Căn nhà nhỏ sực nức mùi thịt chín thơm phức.

Mấy ngày lội rừng mệt nhoài, nên tối đến vừa ăn xong là tôi lăn ra ngủ một giấc thật say sưa và khỏe khoắn. Vậy mà đến khuya tôi lại có giấc mơ khủng khiếp: động đất! Đã đủ thứ tai họa rồi, giờ lại đến động đất nữa ư? Sao anh Sơn bảo vùng này đợt động đất gần nhất cũng đã cách hàng triệu năm? Dung nham núi lửa ngày nào nay đã thành núi, thành rừng đại ngàn rồi cơ mà?... Nhưng đúng động đất thật rồi! Thoạt đầu là những âm thanh rì rầm mơ hồ, rồi tiếng "râm rầm rầm...", mặt đất rung chuyển, căn nhà nhỏ lay bần bật. Và ánh sáng chói lòa bùng lên. Núi lửa phun?...

Một vật gì thúc vào ngực đau điếng làm tôi giật mình tỉnh dậy. "Cái gì thế này? Phải núi lửa không?..." Luồng ánh sáng cực mạnh làm mắt tôi tự động nhắm nghiền lại. Căn nhà vẫn rung chuyển, cái màn bay tung như bị lốc cuốn.

Chỉ tích tắc sau đó là tôi tỉnh hẳn bởi một bàn tay thô bạo túm ngực áo lôi thốc dậy. Tôi quờ tay chụp hụt khẩu súng, có kẻ đã nhanh chân hất nó ra xa. Một kẻ khác luồn tay dưới chiếc ba lô gói đầu thu luôn khẩu ru lô. Lúc này ý thức mới thực sự trở lại: tôi bị địch bắt giữa lúc đang say giấc nồng. Sao lại thế nhỉ? Hay mình vẫn trong cơn ác mộng?... Tim tôi đập thình thịch, mồ hôi vã ra đầy người. Ánh đèn lóe mắt làm tôi không nhìn rõ bọn người vây quanh. Chẳng biết thấy đũa, chỉ thấy cẳng chân nhặng cả lên, những cẳng chân bó trong ống quần vải ngự trang và mang giày linh cao cổ màu đen.

Một đũa nói giọng khàn khàn ra lệnh:

– Hai đũa xét kỹ người nó rồi đũa xuống dưới. Trung sĩ ở lại soát nhà, có gì đem hết xuống cho đại úy coi.

Đấy là những tiếng nói đầu tiên. Như vậy trên này có bốn tên. Hèn gì căn nhà rung lên như muốn sập.

Bốn bàn tay cứng như thép nắm khắp người tôi, rồi một họng súng thúc vào lưng kèm tiếng nói cụt lủn: "Đi!"

Tôi buột ra cửa, vẫn chưa hết bàng hoàng. Cổ trần tĩnh, tôi nấn ná trước hiên để tranh thủ quan sát tình hình. Phía dưới có mấy bóng lính cầm súng vây quanh nhà, chỉ thấy lò mờ chứ không nhìn rõ người. Ngay chân cầu thang, một tên lính cao to như hộ pháp tay cấp tiểu liên, tay túm sợi dây da cổ ghì con béc giê to cỡ con bê đang hực hực muốn chồm lên. Đôi mắt con chó lóe sáng xanh như lân tinh khi chói ánh đèn pin. Chúng đem cả chó lên, không biết mấy con...

Một tiếng quát giật giọng: "Đ.má! Nhìn cái gì? Định nhảy hả?", rồi một bàn tay xô mạnh vào giữa hai vai khiến tôi ngay lập tức ngã giập mặt xuống đất. Sàn nhà cao hai mét, cú đẩy bất ngờ làm tôi không kịp phản xạ. Cánh tay trái bị đè dưới người đau nhói, ngực bị ép mạnh tưởng đến vờ phổi. Tôi nghẹn thở phải há miệng hớp hớp, nuốt luôn một ngụm máu. Cũng may lâu nay trời mưa nên đất mềm. Nằm úp mặt trên những lá cỏ ướt lạnh sương đêm, tôi nghe rõ tiếng chân bọn lính giẫm xuống cầu thang răng rắc, tiếng tên lính đang ghì chó: "Ê, yên nào Micki", và tiếng con chó hồng hộc ngay trên đầu, hơi thở của nó phả nóng ran.

Có giọng nói the thé vang lên cùng tiếng chân thành thịch chạy tới:

– Tụi bay từ từ chó! Làm chi nặng tay quá vậy? - Rồi một bàn tay túm vai tôi kéo nhẹ - Có sao không anh Hải? Ráng đứng dậy coi?

Tôi điếng người, còn đau hơn cú ngã vừa rồi. Tên vừa nói xốc nách đỡ tôi đứng lên và diu tới chỗ chiếc bàn đá: "Anh tới đây ngồi để tôi coi có làm sao không?" Chân không bị đau nhưng tôi vẫn tập tễnh bước nặng nhọc, người dựa hẳn vào kẻ bên cạnh, ngửi thấy cả mùi mồ hôi chua loét bốc lên từ chiếc áo lính màu xanh xám. Qua khước mắt, thấy hẳn đeo ba bông mai trên ve áo. Đại úy! Thằng này chỉ huy tốp lính.

– Anh ngồi xuống đây! - Hấn đỡ tôi ngồi xuống hòn đá rồi thét gọi tụi lính - đưa nào bật đèn lên coi!

Tôi liếc mắt, thấy hai tên lính đứng sau lưng, súng lăm lăm trong tay. Tên thứ ba đứng cách vài mét, con chó ngồi dưới chân hắn.

Nghe thằng đại úy gọi, tên lính giữ chó bật công tắt chiếc đèn pha xách tay. Một luồng ánh sáng trùm lên người làm tôi không còn nhìn thấy gì. Thằng đại úy dùng cả hai tay sờ nắn khắp người tôi, miệng dềo queo:

– Đâu? Đau chỗ nào? Lúc nào thấy đau anh nói nghen!

Không biết ngứa miệng hay sao mà tên lính đứng phía sau buột nói: Đại úy khỏi lo! Tụi em soát kỹ rồi mà!

Tôi bật cười và cảm thấy môi cộm cộm đau rát, hình như nó đã sưng vù lên. Tên đại úy buông tôi ra, nói tỉnh bơ:

– Chắc không bị sao! Anh Hải thông cảm, đêm hôm mà phải lặn lội lên giữa rừng giữa núi thế này, nên tụi nó đổ cáu.

Tôi cố bình tĩnh để đánh giá tình thế, nhưng ánh đèn pha làm chói mắt nên không nhìn được, chỉ nghe những tiếng nói lao xao và tiếng động của bọn đang lục lọi trên nhà.

Tên đại úy nói tiếp:

– Ta nói chuyện vui vẻ chút nghen! Anh...

Tôi cắt ngang lời hắn:

– Nếu bị rọi đèn vào mặt, đại úy có vui vẻ được không?

Hắn phẩy tay ra hiệu. Một tên lính bước tới cầm chiếc đèn pha từ tay tên giữ chó, tháo đèn rồi đặt dựng trên hòn đá. Chiếc đèn pha trở thành bóng điện nhỏ sáng trắng.

Tôi chớp mắt, dần dần nhìn rõ hơn. Điều đập vào mắt tôi đầu tiên là cái trán hơi hói và khuôn mặt bèn bẹt của kẻ đang ngồi trước mặt. Dưới ánh đèn, da mặt hắn bần bợt như thiếu máu, cái miệng rộng và vành môi mỏng dính thỉnh thoảng lại chớp chớp rất buồn cười. Hai hố mắt hắn trũng sâu nhưng cặp mắt lại lồi ra,

trông giống hòn bi đặt trong lỗ. Thằng này chừng bốn chục tuổi, nói giọng miền trong. Về mặt ấy cùng với giọng nói the thé ít thấy ở đàn ông làm hấn có bộ dạng của một kẻ nhỏ nhen và thâm hiểm.

– Chắc anh Hải bị đột ngột phải không? - Tên đại úy nhẹ nhàng nói tiếp - đáng ra tụi tôi không nên đến đây giữa đêm hôm khuya khoắt như thế này, nhưng anh thông cảm! Phải vậy mới gặp được anh, chớ lên mà để anh biết trước thì chỉ có ăn đạn. Tôi biết anh là tay súng giỏi mà! He he... - hấn nhếch miệng cười.

Hai tên lính đứng phía sau vẫn im lặng, nhưng tôi cảm thấy một tên cứ ngọ nguy luôn, chốc chốc lại nghe hấn khịt mũi bực dọc. Con bęcgiê vẫn ngồi, thè cái lưỡi đỏ hồng thở hồng hộc dù trời đêm đang lạnh. Đằng kia bọn lính vừa đi xuống cầu thang.

"Như vậy chúng có khoảng chục đũa. Ngoài kia còn không? Có lẽ hết rồi. Chúng biết mình chỉ có một, không cần bố trí vòng ngoài. Trang bị tốt: tiểu liên cực nhanh kết hợp cối cá nhân, lựu đạn, dao găm, dao rừng, đèn pin, đèn pha xách tay... Thằng nào cũng đeo khẩu côn xề xệ bên hông. Động tác nhanh nhẹn dứt khoát... Bọn này thạo việc..."

– Anh đừng lo! Bọn tôi lên để đưa anh về dưới, chớ ai lại sống một mình giữa rừng hoang thế này. He... he... - Hấn lại cười như dê - Tất nhiên là có việc, nhưng để sau rồi tính...

Tên đại úy vẫn nói đều đều như tâm sự. Tôi liếc nhanh về phía tốp lính. Chúng đang xúm quanh đóng đồ vừa đem trên nhà xuống, soi đèn xem và bàn tán với nhau. Loáng thoáng đôi tiếng lọt qua giọng nói của tên đại úy: "... Bản đồ còn mới... súng ống toàn thứ của mình không nè... ống nhòm Nga Xô... giấy tờ...đ. má thơm quá... thịt rừng nhậu hết sảy", "Hình như có giọng nói quen quen? - Tôi phân vân - Không, chắc mình tưởng vậy thôi..."

– Anh Hải quê ở đâu ta? Này, anh có nghe tôi nói gì không? - Tên đại úy đã chú ý tới vẻ lơ đãng của tôi.

– Đại úy nói to lên. Lúc nãy ngã nên tai tôi bị ù?

– Anh quê ở đâu? - Hấn nhắc.

– Tôi nghĩ là đại úy biết hết rồi chứ?

– Biết chớ, biết chớ? - Hấn nói nhanh - Tôi biết hết. Chớ không đêm hôm làm sao tìm ra anh giữa rừng sâu? He he... he... - Hấn cười đắc ý - Này, con báo của anh đâu rồi?

– Chắc thấy đèn sáng, nó sợ chạy đâu đó... - Tôi đáp bằng giọng quơ

"Mà con báo đi đâu nhỉ? Nếu có nó hấn mình đã được báo động. Đi đâu chứ không phải kiếm mồi. Lúc chiều xẻ thịt con mang ngoài bờ suối, nó mới chén no căng... Tốt nhất nó đừng về lúc này, bọn lính sẽ bắn hạ ngay tức khắc. Tức thật! Để chúng bắt giữa lúc đang ngủ, một tình huống mình đã nghĩ tới..."

– Tôi đem con Mícki lên để cho nó đấu với con báo của anh, vậy mà không gặp. Xui quá! - Tên đại úy vẫn nói, tay vuốt ve con chó lúc này đã tới ngồi bên cạnh.

"Liệu chạy thoát được không? Không! Bọn lính sẽ bắn ngay. Bắn bị thương thôi, chúng cốt bắt sống. Mà chỉ cần nhòm dậy là con chó đớp liền..."

Một tên lính bước tới nói to:

– Báo cáo đại úy, trung sĩ mời đại úy tới coi mấy thứ tìm thấy!

Thằng này xách khẩu M79, những quả đạn vàng chóc đeo thành một vòng kín quanh lưng.

– Cứ để đó! Anh biểu trung sĩ Hưng lên soát kỹ lần nữa, chú ý tìm coi có giấy tờ gì không!

Tên đại úy bảo với thằng lính, rồi không đợi hấn quay đi đã ngoảnh sang tôi:

– Anh Hải lên đây bao lâu rồi?

– Chừng trên dưới hai năm gì đó! Lâu quá nên tôi không nhớ.

– Thế anh có vợ con gì chưa?

– Đêm hôm đại úy dẫn quân lên tận đây, chắc không phải để hỏi thăm hoàn cảnh gia đình của tôi chứ?

Hắn cười xòa:

– Anh nói đúng! Nhưng đâu còn có đó, về dưới ta sẽ nói chuyện dài dài. Hôm nay chỉ là sơ ngộ. Tôi thực lòng mến phục anh, một người lính can trường đởm lược. Mình anh mà bắt sống cả toán dù, lại tha cho về không thêm giết... hê.... hê... - Hắn hể hả, làm như đang thực sự tự hào về tôi - ...Anh là trang nghĩa hiệp.. đầu xanh tuổi trẻ... tiến xa... đời binh nghiệp... đường đời đời ngả...

Tên đại úy vẫn huyền thuyên như ca cải lương, miệng uốn éo theo giọng nói lúc trầm lúc bổng. Không ngờ vành miệng con người lại có thể uốn lượn khéo đến thế. Thằng này có dáng sĩ quan tâm lý chiến. Có điều lời lẽ hắn nhạt nhẽo, dần dần tôi chỉ còn nghe lồm bồm đôi tiếng.

– Có chi hỏi lạ còn về, đại úy!

Tên lính đứng sau lưng tôi bực bội lên tiếng. Vẫn cái thằng nói giọng khàn khàn xô tôi ngã lúc nãy. Lính mà dám nói với chỉ huy như thế sao?

– Thượng sĩ đừng nôn, ta đâu có gì phải vội? - Tên đại úy nói lại.

– Tôi không chịu được cái kiểu đại úy ngồi ca nó như thế! Bộ đại úy không biết cái thằng người rừng này đã giết bạn tôi ngay tại đây sao?

"Bạn nào? Giết ai? Ba tên trên chiếc trực thăng... Không phải Thôi đúng rồi..." Tôi ngoảnh lại hỏi hắn.

– Thượng sĩ Tài là bạn của thượng sĩ à?

– Câm miệng, thằng mọi!

Tôi nóng gáy, nhưng vẫn cười cười:

– Rút thốt lựu đạn mà để rơi dưới chân lại không biết tránh, làm lính như thế chết cũng phải, thượng sĩ còn tiếc nỗi gì?

– Đ má... - Hắn gầm lên, trở báng súng tiểu liên thúc vào sườn tôi một cú cực mạnh.

Ruột gan đảo lộn, tôi đau cuộn người, một tay chới với cố bấu lấy phiến đá để khỏi đổ nhào xuống đất. Cơ đau thốc lên ngực rồi lên đầu, bùng ra trước mắt cuộn lửa đỏ rực.

"Thượng sĩ đừng nóng..." Tôi mơ hồ nhận thấy tên đại úy bật dậy đẩy thẳng thượng sĩ ra xa, rồi tiếng chúng cãi nhau. Tên đại úy nói gì nghe không rõ, còn thằng kia vẫn oang oang: "... Đại úy không phải là xếp của tụi này đâu nghen... Đâu phải vì mấy trăm đô mà tui lên đây... xé xác thằng mọi... dám giỡn mặt... bẻ từng khúc xương..."

Lại thêm mấy tên lính chạy tới. Tôi gượng ngời thẳng người lên. Trước mắt vẫn thấy quầng lửa loang loáng như có bầy đom đóm đang bay. Bụng đau thắt. Không khéo gãy xương sườn...

Tên đại úy quay lại, vẫn cái giọng "tình cảm" như không có chuyện gì xảy ra:

– Đau lắm phải không? Cũng tại anh nữa, chọc tức tụi nó làm chi?

"Lần này thì hẳn nói đúng, mình không nên khiêu khích. Đau thế này làm sao chạy được..."

Một tên lính bước tới:

– Báo cáo, đã kiểm tra kỹ trên nhà và xung quanh. Mời đại úy đến xem!

– Giọng nói quen quá! Tên vừa nói đứng trong bóng tối, tôi không nhìn rõ mặt.

– Được rồi, tôi tới liền! - Hẳn đưa mắt ra hiệu cho tốp lính vây quanh tôi rồi bước đi.

"Rõ ràng bọn này đâu phải gặp tình cờ, chúng lên đây là để bắt sống mình. Việc này phải liên quan tới một ý đồ quan trọng nào đó, chứ chả lẽ mất công tổ chức một cuộc tập kích như vậy chỉ để bắt một người lính Giải phóng lạc rừng? Dĩ nhiên chúng đổ bộ bằng trực thăng, nhưng làm sao tìm được đến đây? Ai lái? - Tôi bỗng rùng mình - Cô ấy? Chỉ có cô mới thông thạo đường bay này... Không, mình không tin! Máy bay có thiết bị bay đêm, có

máy xác định tọa độ vẫn có thể tới đây được... Nhưng biết đâu lại chính cô ta? Hoặc cô không muốn nhưng bị khống chế! Có thể lắm! Chúng bắt ông Thành để đe dọa chẳng hạn... Thôi lát ra máy bay sẽ biết. Nhưng phải có kẻ dẫn đường chúng mới tìm ra cái chòi nhỏ giữa rừng trong đêm tối thế này... Có kẻ thạo đường! Ai?" Trong đầu tôi lướt nhanh những người đã từng lên đây. "Đúng rồi Thăng trung sĩ an ninh! Hèn gì giọng nói rất quen? Giọng Bắc, không nhầm được. Đáng ra sau vụ đó mình phải ai chuyển chỗ ở..."

Tên đại úy quay lại, hỏi với vẻ thân tình:

– Anh Hải sống đầy đủ quá nhỉ?

– Vâng! Đại úy có muốn sống như vậy không?

Hắn cười gượng gạo:

– Anh hóm lắm! Này, nếu tôi không lên đây, anh cứ sống như vậy mãi sao?

– Tôi không mời đại úy lên, cũng đâu dám phiền ông đưa về?

– Tất nhiên chúng tôi có mục đích của mình. Anh tưởng tôi tin chuyện anh lạc rừng sao?

"Bắt đầu rồi đấy...", tôi nghĩ, và hỏi lại:

– Thế đại úy tưởng tới điều gì?

Hắn cười, giọng nói vẫn nhẹ nhàng nhưng nét mặt lộ vẻ bức dộc:

– Anh rất khôn khi đặt câu hỏi để tránh trả lời. Nhưng chính điều đó càng làm anh lộ mình rõ hơn. Một tay súng điệu nghệ, nói năng cư xử sắc sảo, tinh khôn đến mức chỉ nhìn qua cũng biết người của tôi cài lên đây... Con người đầy bản lĩnh như vậy mà chịu sống mấy năm trong rừng vì bị lạc ư?

– Vậy đại úy nghĩ tôi đang làm cái trò gì ở đây?

– Lại hỏi ngược! Coi bộ anh cũng khó thành thực đấy nhỉ? -
Hắn mỉm, cặp mắt lờ đờ trắng dã.

– Đại úy cũng đâu có thành thực với tôi?

– Anh nói cái chi? - Hấn trợn mắt hỏi lại.

– Ở đây tôi có người quen, vậy mà đại úy cố tình giấu không cho gặp!

– À, phải rồi! Anh muốn gặp phải không? Có gì đâu mà phải giấu! - Hấn xoa hai tay vào nhau vẻ thú vị, hào hứng gọi to - Hưng, trung sĩ Hưng đâu? Tới đây!

Tên trung sĩ chạy lại. Đứng thẳng này rồi! Tôi nhìn thẳng vào mắt hấn, cười cười:

– Trung sĩ tệ quá! Gặp lại nhau mà không chào hỏi lấy một tiếng!

Tên lính cúi gằm mặt cái đầu ngọ nguy như muốn xoay hấn ra đằng sau. Tôi bỗng nhận ra chỉ có hai tên này mặc quân phục màu xanh xám, bọn còn lại đều mặc đồ nguy trang.

Vẫn nhìn tên lính, tôi nói tiếp:

– Cũng may là hôm trước tôi ngăn không để anh thè thốt. Nếu không bây giờ anh là kẻ phản bội rồi, đúng không?

Tên đại úy ngoảnh mặt lại, xẵng giọng hỏi tên lính:

– Trung sĩ định thè gì vậy?

Tôi cười:

– Có gì đâu đại úy! Chuyện riêng thôi mà! Nhân tiện gặp người quen, đại úy cho phép tôi nhờ trung sĩ Hưng một việc.

– Việc gì? - Hấn cảnh giác hỏi lại.

– Lúc chiều mới bắt con mang, có kho mấy xoong thịt. Phiên trung sĩ mời anh em ném thử cho biết mùi thịt rừng. Máy khi lên tới đây... Bọn lính xung quanh trở mắt ngạc nhiên. Tên đại úy ngăn người nhìn tôi chăm chăm như cố đoán xem có cái bẫy nào trong chuyện này.

Tôi nói ngay:

– Đại úy đừng lo! Tôi mời thực lòng chứ không có ý gì đâu. Thịt mang ngon lắm! lát nữa tôi theo đại úy về rồi, để nó phí đi! Các vị lên bất ngờ như vậy, tôi đâu biết trước mà bỏ sẵn thuốc

độc? Đại úy cứ cho người canh, tôi không đại bỏ chạy để ăn đạn đâu!

Mặt tên đại úy dịu lại. Hấn ngần ngừ một lát rồi khoát tay ra về rộng rãi:

– Anh Hải đã có lòng mời, anh em cứ thiết tình!

Bọn lính ồ lên vui vẻ. Hai tên xăng xái chạy lên nhà tìm bát đũa. Dưới ánh đèn pha, cả bọn nhón nháo vây quanh mấy soong thịt. Sáu tên tất cả.

Tên đại úy vẫn ngồi trước mặt. Hai thằng đứng sau vẫn chĩa súng vào tôi không chút chểnh mảng, mặc dù nghe chúng nuốt nước bọt ừng ực.

"Như vậy chúng có chín tên. Mà hơn kém vài đũa cũng thế thôi. Mình phải tính kỹ, làm lẫn một chút là trả giá bằng mạng sống..."

Tôi liếc nhanh đám lính đang ăn uống nhồm nhoàm. Thằng thượng sĩ lại là đũa hăng hái nhất. Hấn ăn nhanh như lợn tấp, nhoáng cái đã lại thấy vục bát vào soong xúc thịt.

Tên đại úy nháy mắt ra hiệu cho hai thằng đứng canh rồi tới bên bọn đang ăn, hồ hởi nói:

– Tôi quên không mang mấy chai lên nhậu chơi! Anh em thấy chưa? Chuyển đi nhẹ nhàng quá, phải không nào?

"Không thể bỏ chạy lúc này được. Trục thẳng đố ở đâu? Chắc ngoài đồi. Chúng không đại đáp xuống tràng cát, sợ mình nghe tiếng động cơ. Chúng sẽ dẫn bộ mình lên đó? Qua dải rừng non chạy được không?..." Chợt có tiếng rào rào trên cây đa. Một tên vút bát chụp súng bắn xả lên đó một loạt dài. Chết rồi, lũ khỉ? Không biết có con nào bị không? Tôi gọi to:

– Mấy con khỉ đó? Các anh yên tâm đi, không có việc gì đâu!

Hai tên đứng sau tôi thở phào. Tên đại úy quay lại vừa cười vừa nói: "Tụi nó tưởng con báo của anh..." Hai tên lính mang tới cho con chó mấy khúc xương rồi cầm súng đứng canh thay cho bọn kia đi ăn.

Đội bọn lính ăn xong, tên đại úy ra lệnh chuẩn bị về. Máy tên lính xếp đồ đạc của tôi vào ba lô. Nghe tiếng tên đại úy gắt gỏng: "Đ.má! Ba cái thứ này đem lên hôm bốc mộ, nhét vào làm gì? Ê, đứa nào gọi ra trực thăng báo đã đón được khách, đang chuẩn bị quay ra..."

Khi bọn lính đã sẵn sàng, tên đại úy bước tới nói với tôi:

– Nào, ta đi anh Hải Thế là anh đã thoát khỏi rừng rậm rồi nghen! Chẳng có người lính nào bên phía các anh được hên vậy đâu!

Tôi nặng nhọc đứng dậy, bật rên một tiếng, tay ôm sườn nhăn nhó.

– Sao vậy? Đau lắm hả? Liệu có đi được không - Hấn sốt ruột hỏi dồn dập.

– Đi... đi... được... - Tôi loạng choạng bước lên mấy bước, chìa hai tay hỏi - đại úy không trối sao?

– Không cần! Hấn uốn cặp môi mỏng - Tôi là người quân tử, không làm ba cái việc nhỏ nhen đó. Và tôi tin lòng cao thượng của mình sẽ...

– Đại úy tin ở con chó thì có! - Tôi đập luôn - Ông thừa biết tôi không thể chạy thoát khỏi nó mà.

Hấn cau mặt định nói gì đó thì một tên lính chạy tới hỏi:

– Thưa, có cần đốt cái chòi không ạ?

– Không cần! Ta sẽ còn quay lại.

– Hấn trả lời rồi khoát tay ra lệnh – đi!

Bọn lính tự động sắp xếp đội hình một cách thành thạo. Một thằng cấp khẩu M.4 xách đèn pha đi trước. Tôi đi sau hấn. Theo sát là con chó, hơi thở của nó hừng hực sau bấp chân tôi. Kế đó là tên lính dắt chó. Bọn còn lại lục tục kéo theo.

Lúc bước ra bãi cỏ, nhìn thấy bóng mình mờ mờ trên mặt đất đầy sương, tôi mới nhận ra đêm nay có trăng. Vàng trắng đang trôi vùn vụt qua những dải mây mỏng, tỏa ánh sáng xanh lạnh lẽo

xuống khắp rừng. Thế là hết! Vĩnh biệt cánh rừng, con suối! Vĩnh biệt những con thú biết sống tình nghĩa! Không ngờ mình lại chia tay với chúng một cách đột ngột như vậy. Lòng tôi nhói lên khi nghĩ rằng chẳng bao giờ mình còn gặp lại những con vật đáng yêu ấy. Đến sáng khi mặt trời lên, chúng sẽ nháo nhác chạy quanh tìm tôi, và mãi mãi chúng không thể biết được chuyện gì đã xảy ra trong cái đêm kinh hoàng này. Nhưng thôi, lúc này không có thời gian để xao xuyến...

Tôi bước một cách vất vả, đầu căng ra cố tìm cơ hội. "Có cách nào thoát được không? Bọn này bắn nhanh như máy... Con chó theo sát quá! Tình thế này, họa chẳng có phép màu mới chạy nổi..."

Đã bắt đầu đi vào dải rừng non. Có lối mòn, nhưng trong mấy tháng mưa cây cối mọc um tùm, cành lá vươn dài quét vào người loạt soạt. ánh đèn quét loang loáng qua bụi rậm. Bọn đi sau xôn xao trò chuyện vu vơ, nghe rõ cả tiếng cười he he của tên đại úy. Chúng đang phấn khởi. Cũng phải thôi! Cuộc tập kích tưởng đầy căng thẳng chết chóc, không ngờ trót lọt một cách nhẹ nhàng. Lại còn được chén căng bụng món thịt rừng, tuy hơi bị thiếu gia vị nhưng vẫn ngon tuyệt...

Qua được nửa quãng rừng. Tôi vẫn lê từng bước. Thằng đi sau chốc chốc lại mắng con chó để ghìm nó lại. Bọn chúng chẳng có gì phải vội.

Gần hết rừng. Khoảng trời đằng trước sáng mờ sau ngọn cây. Chỉ còn chục mét, vòng qua lùm cây này là bước ra tráng cát. Không có cơ hội nữa rồi? "Bị địch bắt chưa phải là tình huống xấu nhất! Không biết mình đã nghe ai nói vậy nhỉ?..."

Một tiếng "soạt" nhẹ trên nhánh cây bên đường. Tôi nghiêng mặt liếc ngang, vừa kịp thấy bóng thú vàng đen lồm đồm lao vút qua ánh đèn nhảy đèo lên con chó. "Con báo!" Ý nghĩ mừng rỡ lóe trong đầu như tia sáng.

Mọi việc sau đó diễn ra nhanh như chớp. Nghe động, tên lính đi trước quay ngoắt lại thọc nòng tiểu liên vào ngực tôi miệng la

hoảng: "Ê, đứng yên mây..." Tôi xoay người cho nòng súng trượt ngang trước ngực, thuận tay chụp khẩu súng giật mạnh theo hướng chĩa của nó, đồng thời trụ chân trái nghiêng người tống một cú đập cực mạnh vào bụng dưới của tên lính. Hấn bật giữa người xuống đất. Nhưng trước khi buông rời khẩu súng, ngón tay đặt sẵn trên cò súng của hắn đã kịp làm nổ một loạt đạn găm thẳng vào ngực tên dốt chớ. Thằng này bị bất ngờ, đang chĩa súng xuống cái đồng hai con thú quẩn lầy nhau lăn tròn nhưng lúng túng chưa dám bắn, thì hứng trọn loạt đạn cướp cò.

Giật được khẩu tiểu liên, tôi quay nòng nã luôn hai phát vào mặt tên lính lúc này đang nằm giữa dưới đất, tay luống cuống móc khẩu côn đeo ở thắt lưng. Trên mặt hắn hiện lên vẻ khiếp đảm trong một thoáng, trước lúc bị hai phát đạn bắn gần làm vỡ toác ra. Một bụng máu phụt lên trùm kín cây đèn pha rơi bên cạnh làm tắt cả tối sầm lại.

Chừng ấy việc diễn ra gần như cùng một lúc, nhanh đến nỗi khi tôi xoay người lại, tên lính dốt chớ tay đã buông rời khẩu súng nhưng còn loạng choạng chưa kịp ngã. Hai con thú vẫn xoắn tròn một cục đờ lên bụi cây răng rắc, tiếng con chó bị cắn cổ rít ằng ặc. Bọn đi sau xô lên khỏi khúc quanh. Lối mòn chật hẹp, lại vướng cái thân hình hộ pháp của tên lính trông như còn sống nên bọn chúng chưa kịp nhận thấy điều gì xảy ra, và cũng không dám bắn. Lợi dụng lúc đó, tôi chùng thấp người nấp sau cái xác xiêu vẹo, hai tay nâng súng lên quá đầu chúc nòng nhằm bọn lính đang nhón nháo bắn quét một loạt dài. Chúng lăn ào ào tránh đạn. Tôi vọt luôn vào bụi rậm, miệng thét lớn: "Chạy đi Aga".

Mới được mấy bước đã nghe súng nổ rào rào như mưa. Tôi cúi đầu sát đất, lao như bơi trong đám cành lá rậm rạp. Đạn quét ràn rạt cắt lá rụng lả tả trên người. Khẩu súng trên tay vướng vào cành cây, tôi thả rơi nó tiếp tục chạy thục mạng, không còn nhớ tới những chỗ đau trên người, cũng chẳng hiểu vì sao mình không bị kẹt đầu vào một lùm cây nào đó.

Chạy được chừng bốn chục mét thì hết quãng rừng non. Tôi nằm lại dưới chân một sườn dốc thoải, há hốc mồm để thở. Đoạn dốc này chỉ dài hơn chục mét, leo hết nó là có thể lăn xuống cái khe cạn dẫn lên ụ đại liên. Nhưng lúc này đạn đang găm chiu chiu trên đó, vài viên chạm sỏi tóe lửa bay vọt lên trời. Không được! Nhào lên là chết. Tôi quay ngoắt người lao ra khỏi rừng, chạy chéo góc tránh cát lên đoạn dốc phía ụ súng. Mấy phút sau tôi đã lăn nhào xuống lòng khe lổn nhổn đá. "Giờ hết lo đạn bắn thẳng..."

Như biết tôi vừa nghĩ gì, một khẩu M79 bắt đầu bắn "chóc... đùng" điểm nhịp cho tiếng tiểu liên rền rền như tiếng máy. Những quả đạn nổ nhằm hướng rừng, ánh lửa chớp nhoang nhoáng sau ngọn cây. "Chúng chỉ bắn hả giận, bắn hú họa thôi chứ không dám đuổi theo trong rừng rậm. Đêm tối thế này không lặn vết được, con chó chắc chắn đã bị loại khỏi vòng chiến. Không biết Aga có thoát được không?..."

Lúc này lại thấy bên sườn quặn lên, đau đến nghẹn thở. "Chết rồi! Không khéo xương sườn gãy, mình vận động mạnh quá nó cửa đứt mạch máu..." Tôi ôm sườn cố nén đau lần theo khe cạn đi nhanh về phía ụ súng. Trên đó ngoài khẩu đại liên, tôi có để sẵn năm quả lựu đạn và cây dao găm. Đối với bọn này, phải có súng đạn trong tay mới nói chuyện được.

Phía sau, tiếng tiểu liên đã ngừng, chỉ còn khẩu M79 vẫn bắn đều đều, chớp đạn nổ ngày càng xa trong rừng. Chúng nghĩ tôi chạy về hướng đó.

Tới ụ đại liên, tôi trườn vào bên trong mò mẫm tìm cây gỗ chống giàn dây leo ngụy trang lên. Đã thấy sáng hơn. Cởi tấm lon bọc ngoài, tôi chỉnh lại giá súng và quờ tay tìm thùng đạn đầy, mở nắp kéo dây đạn lắp vào súng. Tốt rồi! Khẩu súng này tôi chỉ mới một lần bắn thử năm viên vào hòn đá bên kia suối, nhưng lâu nay vẫn lau chùi cẩn thận nên tin chắc nó còn tốt. Khi rê súng dọc theo trảng cát, thấy mấy sợi dây leo lòng thòng vướng tầm nhìn, tôi phải leo lên dùng dao cắt nó đi.

Bọn lính vẫn chưa ra khỏi dải rừng non. Thấp thoáng ánh đèn lóe sau rặng cây, lúc lúc lại có cây đèn quét một vệt sáng lên trời. Chúng đang loay hoay với mấy thằng chết. Ít nhất cũng hai đũa. "Liệu con báo có sao không? Mong cho nó thoát được..." Mới nghĩ vậy thì nghe tiếng thở phì phì, rồi bóng nó hiện lên trên bờ ụ súng. Quên cả đau, tôi nhào người ôm lấy đầu nó kéo tuột xuống và sờ nắn khắp mình. Không thấy chảy máu. "Giỏi quá Aga! Mà chính là phép màu kỳ diệu mà tao không dám mơ..."

Sực nhớ ra, tôi buông con báo leo lên bờ ụ súng nhìn về hướng đồi cỏ. Trực thăng nhất định đã ngoài đó. Căn cứ số lính, tôi đoán chỉ có một chiếc và hy vọng nhìn thấy bóng nó nổi trên nền trời, nhưng không được. Sương xuống dày làm vàng trắng nhợt nhạt, chỉ tỏa ra ánh sáng nhờ nhờ.

Bây giờ có hai tình huống. Nếu bọn địch kéo bộ lên chỗ trực thăng đỗ, tôi phải bắn quét chúng dọc theo tròng cát, và phải diệt gọn. Để tên nào chạy qua khỏi khoảng trống, coi như sống. Tôi giương súng ngắm thử. Trời tối không nhìn rõ đường ngắm, nhưng không sao! Hai thùng rươi đạn, chả lẽ không diệt được bảy tên? Mà nếu còn sót thằng nào, nó cũng buốt xương sống tới già. Còn trường hợp chúng gọi trực thăng đáp xuống tròng cát để đón, công việc sẽ gọn ghẽ hơn nhiều...

Chúng ra kia rồi! ánh đèn quét loang loáng nơi bìa rừng. Không nhìn rõ người, chỉ thấy bóng chúng kéo đi trong sương, âm thầm như những bóng ma.

Đột ngột, tiếng động cơ rộ lên ngoài đồi cỏ. Tôi quay ngoắt lại nhìn. Chiếc trực thăng từ từ bay lên, hắt bóng đen trên nền mây sáng ánh trăng bàng bạc. Tôi lạnh người khi nhìn thấy nó vừa bay từ đỉnh ngọn đồi mà cô gái đã đỗ máy bay hôm đầu tiên chở tốp lính lên đây. "Có phải cô ấy?... Tim tôi đau nhói. Chẳng lẽ sự đời lại trở trêu đến vậy sao? Trước mắt tôi như hiện lên đôi mắt đen tròn ươn ướt và giọng nói dễ thương buồn buồn: "...Còn gặp nhau nữa không anh?...Thôi em về đây! Đứng lại chút nữa chắc em khóc òa lên liền à..." Chẳng lẽ chúng tôi gặp nhau trong tình

thế này sao? Và chính tay tôi bắn chết cả hai người con của ông Thành, hai người cháu của anh Hai Nguyên?

Nhưng không thể chần chừ được nữa rồi! Cái bóng đen đơn độc của chiếc trực thăng biệt kích vẫn lúi lúi bay tới. Dưới kia, bọn lính đang nháy đèn làm hiệu, từng luồng sáng chớp tắt xuyên qua màn sương đặc quánh.

Chiếc trực thăng đổi hướng. Tới đầu trảng cát, từ bụng nó, một khối sáng chói lòa hình chóp nón chọt bùng ra úp chụp xuống mặt đất. Nó bật đèn pha để tìm chỗ hạ. Tôi nhẹ người như vừa trút được gánh nặng. Không phải Thủy! Cô ấy biết tôi có khẩu đại liên chờ sẵn nên- không đời nào lại bay một đường bay đại dột như vậy, không đời nào cô dám bật đèn pha ngay trước mũi súng của tôi. Chắc chắn là vậy rồi! Tôi khấp khởi rờ nòng súng bám theo nó. Giờ không sợ run tay khi bắn.

Chiếc trực thăng hạ xuống chính giữa trảng cát, đèn pha ở bụng vụt tắt. Khoảng không tối sầm lại. Tôi nhắm mắt trong vài giây rồi mở ra nhìn. Cái bóng của nó hiện ra nhò nhò trong màn sương. Không phải loại HU, chiếc này có vẻ kèn càng hơn.

Tiếng động cơ nổ nhỏ lại. Bọn lính đang lục tục kéo đến. Cũng chỉ thấy những bóng đen lòa nhòa trong sương chứ không đếm được mấy tên. Tôi giương súng ngắm. Cầu trời khẩn phạt cho khẩu súng đừng hỏng. Lúc này mà súng hóc đạn xịt thì coi như số trời định vậy! Tiếng tim đập thành thịch trong lồng ngực. Chưa lúc nào tôi thấy mình hồi hộp như lúc này. "Bình tĩnh, đừng bắn vội! Chờ lát nữa..."

Bọn lính đã lên hết, không còn thấy ánh đèn lấp lóe bên ngoài. Trảng cát tối om. Mặt trăng cũng chui vào một đám mây đen như sợ phải chứng kiến cảnh tượng sắp diễn ra...

Tiếng động cơ lại dội lên. Và như sợ tôi lạc mất mục tiêu, một chiếc đèn hiệu màu đỏ bật sáng nhấp nháy phía dưới đầu máy bay. "Chúng mày ngu quá! Tưởng tao chết rồi phải không?" Ít ra thì chúng cũng nghĩ tôi đã chạy bạt mạng vào sâu trong rừng.

Chiếc trực thăng bắt đầu dâng cao như đang nổi lên trong biển sương. Tôi nheo mắt nhích dần nòng súng theo. Năm mét... mười mét. "Khoan, đừng nóng..." Mười lăm mét. Tôi nín thở, ngón trở co lại trên cò súng. Hai mươi mét. "Bắn!" Tôi siết cò. Một vòi lửa phụt ra đầu nòng súng và ngay lập tức biến thành đàn ong lửa chụp lên chiếc trực thăng. Nó rùng mình cố bay vọt lên. Tôi căng người ghìm súng, ngón tay vẫn níu cò cứng ngắc, mắt dán vào đường ngắm chỉnh cho luồng đạn không rời khỏi mục tiêu. Đã thấy rõ những chớp lửa nháng liên tiếp trên vỏ máy bay. Chiếc trực thăng lao đảo cố lết ra khỏi vùng đạn lửa. Nó lết đến đâu dòng đạn xoáy đến đó. Sau ánh chớp đầu nòng, tôi nhìn thấy từ bụng nó một vệt lửa trườn ra, liếm nhanh về phía đuôi. Rồi một tiếng "ùm" vang lên trầm đục: bình xăng nổ. Một đám lửa màu cam cuộn cuộn trùm kín cả chiếc máy bay. Khẩu súng trong tay thôi rung, tiếng búa súng gõ khô khốc, dây đạn đã hết. Tôi buông súng, mắt trừng theo đám cháy giữa trời. Vài giây sau, từ trong quầng lửa lơ lửng, khúc đuôi máy bay từ từ đứt rời ra và rụng xuống. Phần còn lại của nó vẫn bốc cháy rùng rục. Đột nhiên từ đám cháy đó, một quả cầu lửa khổng lồ bùng lên đỏ rực và chói lòa, kèm theo tiếng nổ dữ dội rung chuyển cả trời đất. Trong khoảnh khắc, quả cầu lửa nổ tung thành hàng trăm mảnh lửa to nhỏ tóe ra như pháo hoa. Rừng núi gần xa sáng rạng lên, sóng xung kích lướt ào ào trên cỏ lau mang theo hơi nóng phả tới tận chỗ tôi đứng. Vô số mảnh vỡ rơi rào rào, vung vãi khắp một vùng rộng.

Vụ nổ thật khủng khiếp. Mãi mấy phút sau tôi vẫn còn đứng sững người nhìn lửa cháy rải rác trên trảng cát. Từ đồng xác máy bay, thỉnh thoảng lại có cụm lửa nhỏ tóe lên kèm theo tiếng nổ lộp độp, ùng oang của đạn và lựu đạn...

Rồi tất cả yên lặng trở lại. Trên xác chiếc trực thăng, vài ngọn lửa cháy leo lét sáng xanh như ma trời. Sương mù dày đặc vừa bị xua khỏi vùng chấn động của vụ nổ, giờ đây ùn ùn tràn tới như

muốn vùi lấp cảnh chết chóc bằng màn bụi nước trắng đục màu sữa.

Mệt rũ người, tôi gục đầu xuống khẩu đại liên còn nóng. Trong ụ súng nòng nặc mùi thuốc đạn. Lát sau gió lùa tới mang thêm cả mùi xăng và mùi xác người cháy khét. Tôi ọe liên mấy cái rồi gập người nôn thốc nôn tháo. Chỗ bị đánh bên sườn lại đau quặn lên. Ngồi tựa vào vách hầm, tôi cố chịu đau lấy tay ấn vào mạng sườn để kiểm tra. Hình như bị gãy hai chiéc, mong sao đừng chảy máu bên trong.

Mấy giờ rồi nhỉ? Chiéc đồng hồ vẫn còn trên cổ tay nhưng tối quá không nhìn được. Trăng đã lặn. Sương càng đổ dày càng thấy lạnh. Lúc này tôi mới nhận ra bộ quần áo trên người rách tả tơi, chỉ còn lại những dải vải lòng thòng. Đám bụi nước giá buốt tràn vào ụ súng làm mùi khét dịu đi. Tôi run lập cập ngồi ôm con báo cho có chút hơi ấm, chốc chốc lại ngóng ra ngoài xem trời đã rạng chưa...

Chương XXII

Trong khi tôi tưởng thời gian ngừng trôi thì thực ra trái đất vẫn quay. Góc trời phía đông nam đang chuyển từ màu xám đen sang màu trắng rồi xanh dần. Những tia nắng đầu ngày nhuộm màu hồng rực rỡ lên các dải mây mỏng như muốn báo rằng hôm nay trời đẹp.

Dù rất sốt ruột, tôi vẫn đợi đến khi nắng nhuộm vàng ngọn cây mới rời khỏi ụ súng.

Lần theo đường chạy tối qua, ít phút sau tôi tìm được khẩu tiểu liên bị kẹt trong bụi rậm, băng đạn còn hơn nửa. Hay lắm! Vẫn còn khẩu AR15 giấu trong hốc cây đa, nhưng ngay lúc này cần có vũ khí cầm tay. Tôi linh cảm bọn địch không bỏ cuộc một cách đơn giản như thế. Có thể chúng còn cài lại một toán để phục. Lúc đêm không đếm được có bao nhiêu đứa bước lên chiếc quan tài bay.

Trên lối mòn ướt đẫm sương đêm, bày kiến cùn cùn đang xúm đen xúm đỏ quanh mấy vũng máu tím bầm, bu đặc cả trên những chiếc lá cây vấy máu. Vỏ đạn vàng chóc vương vãi khắp nơi.

Vòng qua một lùm cây, tôi mừng rơn khi nhìn thấy chiếc ba lô của mình ngay bên lối mòn. Cả con báo đá cũng nằm đó. Bọn này ghê thật, định ăn cắp cả "tác phẩm nghệ thuật"! Tuy vậy, tôi không vội nhặt ba lô mà tách khỏi lối mòn luồn qua bụi rậm đi về hướng nhà. Xung quanh vẫn nghe chim hót, con báo đi sát bên vẫn bình thản, nhưng sao cảm giác bất an cứ nặng trĩu trong đầu?

Tới sát bãi cỏ, tôi nhẹ nhàng chuôi người nằm dán xuống đất, vạch lá nhìn ra. Điều trông thấy trước mắt làm tôi nhẹ người: lũ khỉ đang ngơ ngác chạy tới chạy lui dưới chân cầu thang. Vậy là không có địch phục lại, và nhà khỉ vẫn yên lành. Quay lại chỗ chiếc ba lô, tôi ngồi xuống cách nó chừng hai mét, nhíu mày suy nghĩ. Không có địch, sao mình vẫn có linh cảm nặng nề đến thế!

Tụi lính này đâu phải loại xoàng? Chúng lành nghề và xảo quyệt, chẳng lẽ chịu bó tay dễ dàng vậy sao?

Sương tan dần. Những tia nắng le lói qua ngọn cây làm lối mòn sáng rõ hơn. Tôi chăm chú quan sát và bật kêu mừng rỡ: "Đây rồi..." Một sợi dây nhỏ từ chiếc ba lô luồn xuống lớp lá rụng cạnh gốc cây. Không phải dây rừng. Sợi dây này căng và trơn đều: lựu đạn gai. Chuyện vặt! Trò này chỉ bày được những kẻ láu táu, mà tôi không ở trong số đó. Chỉ lát sau, tôi túm được quả lựu đạn nằm dưới lớp lá khô, bẻ queo chốt cho khỏi tuột rồi nhẹ nhàng cắt dây. Quan ba lô không còn gì khác nhưng tôi vẫn đứng yên, lòng đầy lo lắng. Cái chết đang lảng vảng đâu đó trong khoảng không gian nhỏ hẹp giữa mấy lùm cây này. Mỗi nguy hiểm dường như sờ thấy được.

Tôi nhìn kỹ xung quanh, nhìn lên cả ngọn cây. Vẫn không thấy gì? Nhưng đúng là có chuyện khác thường. Hình như... Phải rồi! Vẫn chiếc ba lô. Nó được đặt dựng đứng bên lối mòn. Chẳng ai trong lúc vội vã mà vứt chiếc ba lô nặng được ngay ngắn như vậy.

Nhè nhẹ bước tới gần, tôi đặt tay trái lên ba lô giữ cho nó khỏi đổ, nghiêng người luồn tay phải mò trong lớp lá bên dưới. Một phút sau, mấy đầu ngón tay đã chạm vào lớp vỏ trơn và lạnh đến rợn người của quả lựu đạn. Tôi mò mẫm bóp chặt mỏ vịt, từ từ lôi nó ra. Lựu đạn đã rút chốt. Đây mới là nội dung chính của cái bày, quả bên ngoài chỉ nghi binh. Tự dưng tôi thấy hài lòng về tụi lính, ít ra cũng phải như thế mới đáng mặt thiện chiến! Chúng đâu chịu để tôi thắng một cách ngon lành. Có lẽ trò này là của thằng thượng sĩ hẳn vốn có "tự thù" với tôi mà! Giờ này dưới âm phủ, hẳn hẳn đang sốt ruột giương mắt tìm tôi và cúi kính tự hỏi: "Sao lâu thế..."

Sau khi kiểm tra bên dưới ba lô một lần nữa và mở cả nắp thọc tay vào bên trong xem xét, thấy chắc ăn, tôi mới khoác nó lên vai. Còn con báo đá? Thôi, tạm để ở đây. Tôi đẩy nó vào sát gốc cây, lấy lá vùi lại.

Thấy tôi xuất hiện, lũ khỉ nhào tới mừng rối rít. Khỉ già đứng trên hai chân sau, ngược mắt nhìn tôi như muốn hỏi xem chuyện gì đã xảy ra. Những con kia chạy lăng xăng, vò đầu bứt lông nháy nhót. Có con lăn lộn trên bãi cỏ, con khác lại trèo vùn vụt lên cây rồi thoăn thoắt tụt xuống, miệng kêu léc chéc như hóa rồ. Chúng thể hiện sự mừng rỡ theo đúng phong cách nhà khỉ.

Tôi nhìn cảnh nhà mà ngán ngẩm. Đúng là vừa qua trận giặc! Xoong nồi bát đĩa bừa bãi dưới chân cầu thang. Đồng củi dưới gầm sàn cũng bị chúng bới tung lên lục lọi. Trên nhà còn tệ hại hơn: cánh cửa bị giật ra vứt dưới đất, vách nhà bị đập thủng nhiều chỗ. Bên trong quần áo ném lung tung, cỏ lót nệm bay đầy nhà, gạo muối đổ tung tóe vương vãi trong khe gỗ sàn và lọt cả xuống đồng củi phía dưới. Mấy cặp đường bánh, những gói mì cua và xâu cá khô cũng bị chúng giật xuống vứt đồng chông trên sàn.

Tôi nhặt nhanh các thứ nhét vào ba lô, tiếc quay quắt khi nhìn những hạt gạo hạt muối đổ vương vãi. Lúc này không có thời gian để nhặt. Rất may là còn có số dự trữ giấu trên chiếc trực thăng. Thôi, chẳng tiếc! Nếu tính chi li thì ngoài số gạo muối bị đổ, mình không bị thiệt hại gì nhiều. Mọi thứ chúng định lấy đi đều để trong ba lô và đã thu lại được, kể cả bản đồ, địa bàn, bật lửa..., cả túi thuốc nữa. Chúng lấy mất khẩu tiểu liên, nhưng mình đã giật được khẩu khác cùng loại, lại còn mới hơn. Vậy đâu có mất gì? Mấy soong thịt không tính, coi như chi phí. Nhờ nó mà kéo dài được chút thời gian và làm cho bọn lính phần nào lơ là cảnh giác. Vả lại, đến lúc này nó còn có ý nghĩa như bữa ăn cuối cùng dành cho kẻ tù tội trước lúc ra pháp trường. Kể ra, còn những vết rách xước trên người và chỗ bị đánh bên sườn đang đau ê ẩm, nhưng vẫn đi được có nghĩa là không nặng lắm. Lúc này tôi đã tự tiêm cho mình một mũi kháng sinh.

Xuống dưới nhà, tôi lấy một bánh đường chặt ra làm sáu chia cho mỗi con thú một phần, lại còn cho hẳn lũ khỉ hai gói mì cua bị

rách bao. Những lúc như thế này chẳng nên ki bo làm gì? Sau hoạn nạn mà còn gặp nhau đầy đủ nguyên lành là quý rồi...

Trong lúc lũ khỉ vui vẻ nhận quà rồi mỗi con ngồi một góc hăm hở gặm đường, thì báo Aga nằm dài trên cỏ đưa hai chân trước giữ miếng đường và thè lưỡi liếm. Cứ như vì nể quá mà ăn, chứ bộ dạng nó không mấy hào hứng. Báo và khỉ là hai "trường phái ẩm thực" khác nhau. Tôi cảm thấy áy náy bởi sau tất cả những gì con báo đã làm, đúng ra nó phải được đền đáp xứng đáng hơn. Nhưng tôi đang vội, địch có thể lên bất cứ lúc nào. Thôi, để khi khác mình sẽ đãi nó món cá nướng ăn bằng thích. Mà thực ra con báo làm mọi việc đâu phải vì miếng ăn!

Tôi ra suối tắm qua loa rồi mở lọ còn bôi lên nhưng vết xước dày đặc trên người. Buốt nhon nhót, nhưng đỡ lo nhiễm trùng. Cũng còn may, cặp mắt không sao. Đấy! Trong bất cứ việc gì cũng đều có thể tìm ra điều may. Có phải đó là cách con người thường dùng để tự an ủi chính bản thân mình mỗi khi gặp chuyện... không may?

– Mặc vào người bộ quần áo rằn ri còn mới, tôi dầm bộ đồ rách xuống suối, lấy đá chặn lên cho khỏi trôi. Để sau giặt sạch làm giẻ sau súng, ở đây không có thứ gì bỏ đi cả.

Lúc đêm ngồi chờ trời sáng, tôi đã suy tính kỹ: bọn địch còn lên lại, ít nhất cũng để thu nhặt xác chết. Cho đến lúc này, mọi chiếc máy bay và những con người tìm tới đây, dù ít hay nhiều, trực tiếp hay gián tiếp, đều có liên quan đến số vàng tôi đang giữ. Có thể bọn lính đêm qua không biết chúng cần bắt sống tôi để làm gì, nhưng chỉ huy của chúng biết. Ông Tùng có dính vào đây? Tất nhiên rồi! Tên trung sĩ an ninh thuộc không đoàn Sáu, lại còn thăng đại úy xếp của hắn. Rồi lời cô gái nói hôm nào: "...Trực thăng của không đoàn đảm trách tất cả các phi vụ tác chiến chiến thuật trên khắp Vùng Một chiến thuật..." Thực lòng tôi không hề ảo tưởng về kẻ thù, nhưng đã quá tin vào phần con người trong ông ta, nên bây giờ mới thấm thía vị chua chát. Thật ngây ngô dại dột khi tưởng rằng ai cũng nghĩ như mình. Dù sao, đòn trừng trị

đích đáng giáng xuống cuộc tập kích đêm qua cũng giúp tôi phần nào sửa chữa được lỗi lầm, và sẽ làm cho mắt ông ta sáng hơn. Nhưng hình như trong chuyện này còn có điều gì vương vương, khó hiểu. Ông ta không phải là kẻ bẻm mép như thằng đại úy...

Việc trước mắt là phải di chuyển chỗ ở, nhưng hôm nay chưa được. Chỗ mạng sườn vẫn đau âm ỉ, làm việc nặng sợ trầm trọng thêm. Vả lại, lúc này mà chui sâu vào rừng để rồi sống trong thấp thỏm lo âu: "Không biết địch đã lên chưa? Chúng đang làm gì?...", thì còn hơn cực hình. Tốt nhất cứ nằm lại trên ụ súng, ở đó kín đáo và bất ngờ, lại là điểm quan sát thuận lợi. Nếu địch đổ quân, chúng sẽ không ngờ tới chuyện tôi đang ở ngay bên cạnh.

Tôi xếp vào ba lô những thứ cần thiết, bỏ thêm chục lựu đạn và mười bốn băng đạn thu được của bọn lính lần trước. Tất cả đồ dùng còn lại, tôi nhét vào chiếc ba lô của anh Hùng, rồi mang nó cùng khẩu AR15 vào giấu trong rừng.

Mọi việc xong xuôi, tôi khoác ba lô xách súng và xách theo can nước đi lên ụ súng. Lũ khỉ ngờ ngác đứng nhìn theo. Tội nghiệp! Không có cách nào bảo chúng đi kiếm nơi khác để sống, ở đây giờ đã trở nên nguy hiểm. Vì quỵn luyến với tôi mà lâu nay chúng vẫn sống trên cây đa, chứ loài khỉ có bản năng tìm chỗ ở rất tốt.

Đến ụ súng, tôi chuôi can nước và ba lô vào bên trong rồi đi ngược trở lại xóa vết chân. Tôi vượt từng ngọn cỏ bị rạp, ngắt mấy nhánh cây gãy, bứt hết những chiếc lá héo trên giàn dây leo do lửa đầu nòng súng tấp vào. Khi thấy tất cả đều ổn, tôi mới chui vào bên trong hạ giàn ngụy trang xuống, trải tấm pôngsô nằm nghỉ. Toàn thân đau như, từng khớp xương như đang rời ra.

Bên ngoài mặt trời đã lên cao, ánh nắng bắt đầu sưởi ấm vạn vật, nhưng trong ụ súng vẫn lạnh ngắt. Tôi lấy tấm chăn len đắp lên người, nằm lơ mơ một lúc rồi ngủ thiếp đi.

Gần trưa thì máy bay lên. Bị đánh thức bởi tiếng động cơ ù ù từ xa vắng lại, tôi vùng dậy nhìn đồng hồ: hơn mười một giờ.

Trong ụ súng có những đốm vàng của nắng lọt qua kẽ lá. Khi hé giàn dây neo nhìn ra ngoài, mắt tôi bị lóa nắng, phải ít phút sau mới nhìn thấy hai chiếc trực thăng bay vòng vòng ở phía đông vùng đồi cỏ. Đưa ống nhòm lên mắt quan sát một lúc, tôi hiểu rằng chúng đang bay tìm kiếm, và vòng lượn ngày càng tiến lại gần.

Tôi kiểm tra súng đạn, bày những quả lựu đạn lên bờ ụ súng, rồi bóc một gói mì cua bẻ từng miếng cho vào miệng nhai. Nhờ ngủ được một lúc nên tôi thấy tỉnh táo và bình thản. Chỗ nắp kín đáo, người đứng ngay bên cạnh cũng khó phát hiện được. Còn nếu chúng dùng chó lần ra, tôi sẽ cho chúng biết thế nào là bão lửa, nhưng đó cũng là trận đánh cuối đời...

Chỉ chừng mười phút sau, hai chiếc trực thăng bay qua chỗ tôi. Khi phát hiện ra đồng xác máy bay, chúng lượn vòng trở lại, mấy đầu lính đội mũ chống đạn nghiêng ngó bên cửa. Chúng bay ngoài tầm súng tiểu liên, nhưng đại liên dư sức với tới. Như vậy chúng không biết tôi có khẩu súng này. Cô gái không nói, còn những đứa biết thì chẳng bao giờ nói được nữa. Tôi buông ống nhòm xuống, sợ mặt kính phản chiếu ánh nắng làm lộ mục tiêu.

Tiếng động cơ ầm ầm xói vào tai khiến đầu óc căng lên. Như bị thôi miên, hai tay tôi tự động xoay khẩu đại liên chứa nòng lên trời, ngón trở lần tìm cò súng, mắt nheo trên đường ngắm. Còn trên ba trăm viên đạn, ít nhất cũng "chơi" được một chiếc...

"Không! Không được bắn! Mình còn phải trở về..." Tôi hít mấy hơi thở sâu và buông khẩu súng ra. Hai chiếc trực thăng mở những vòng lượn rộng hơn, chắc để xem xét tình hình xung quanh. lát sau chúng bay về hướng đồi cỏ, hạ thấp dần rồi khuất sau bờ ụ súng. Tiếng động cơ lặng đi. Chúng đáp xuống ngoài đó. Vậy là sao? Đổ quân ư? Tôi sốt ruột quá, nhưng lúc này không thể trèo lên nhìn.

Đăm phút sau, có tiếng phanh phạch từ xa vắng lại và rõ dần lên. Nghe tiếng, tôi biết chỉ có một chiếc. Phải một trong hai chiếc lúc nãy, hay bây giờ chúng mới chở quân tới?

Chiếc trực thăng bay đến gần. Không phải HU1A, loại này lạ. Nó bay chậm chậm nhằm hướng tràng cát và giảm dần độ cao. Lúc còn cách chỗ tôi chừng trăm mét, bên cửa hông máy bay chợt xuất hiện lá cờ trắng có dấu chữ thập đỏ ở giữa. À, máy bay lấy xác! Tôi vừa ngạc nhiên vừa thích thú. Bọn này "lịch sự" ghê. Lại biết điều nữa! Nhưng chúng cẩn thận quá, tôi đâu ham bắn giết! Không những thế, tôi đang mong chúng xuống dọn hộ đồng xác ngoài kia, sáng tới giờ cứ lo ngay ngáy về nó. Chôn thì không đủ sức, mà để vậy cũng áy náy, lại thôi hoắc cả vùng. Tôi còn sợ con cọp rừng dưới mò lên ném thử đấm quen mùi, tuy không chắc là nó có thèm ăn thứ xác chết khét mùi xăng và mùi thuốc nổ kia không.

Tôi lấy chiếc máy truyền tin hí hoáy chỉnh tìm tần số của bọn trên máy bay, nhưng không được. Có thể trên máy chiếc trực thăng này không lắp cùng hệ máy tương ứng, hoặc chúng dùng một dải tần nào đó mà tôi không dò ra. Tiếc quá! Nếu nghe được bọn địch nói gì với nhau, sẽ biết thêm nhiều điều.

Chiếc trực thăng cứu thương đổ xuống tràng cát. Từ cửa máy bay tóa ra sáu tên lính tay xách băng ca. Bọn chúng hí hục moi trong đồng kim loại cong queo ra những mảnh thi thể cháy đen, bỏ vào túi nhựa có dây kéo, khiêng lên máy bay. Từ ngoài đồi cỏ, hai chiếc kia thỉnh thoảng thay phiên nhau bay lên lượn vòng phía trên để cảnh giới. Chúng không dám bay cả hai vì sợ hết nhiên liệu.

Phải hơn hai tiếng đồng hồ, bọn lấy xác mới rút lên máy bay. Chẳng nên kể tỉ mỉ về công việc của chúng, bởi đó là một cảnh tượng rùng rợn chứ không có gì hấp dẫn.

Khi những chiếc trực thăng bay đi, núi rừng yên ắng trở lại. Trời đã về chiều, nắng thu đang nhuộm vàng óng cánh rừng bên kia suối và lấp loáng trên dòng nước len lách qua những tảng đá, những lùm cỏ xang mượt mà. Cảnh chiều vẫn đầm thắm như vốn có từ bao đời, chỉ những mảnh vỡ và cái đồng kim loại nám đen dưới kia là lạc lõng đến trơ trẽn giữa thiên nhiên hoang dã.

Tôi chống giàn dây leo lên cho nắng tràn vào ụ súng rồi leo ra ngoài, đan tay bó gồi ngồi thẩn thờ. Trước mặt là khe cỏ lau bông trắng muốt rung rung trong gió. Ngoài kia triền đồi cỏ nhuốm nắng vàng hoe. Xa xa ngọn thủy tùng như cái tháp xanh đang đứng đưa. Đằng sau nó, bầu trời trắng bạc xa đến vô cùng. Phía ấy là đồng bằng, là biển.

Tôi ngồi lặng lẽ hơi lâu, không còn nhớ tới những gì vừa xảy ra. Cảnh đẹp mà buồn quá! Có lẽ sau này về dưới kia tôi sẽ nhớ những buổi chiều ở đây. Còn bây giờ... Nắng đẹp thế này ở quê hoa cúc đang nở rộ. Hoa vạn thọ nữa! Nhà ai gieo cải sớm nếu không nhanh tay ngắt ngồng, những luống cải sẽ trở hoa vàng lốm đốm. Trong vườn vàng rực lên như nắng đọng thành hoa. Cả những quả bưởi trên cành cũng được nắng nhuộm vàng lớp vỏ rồi thấm dần vào từng tép. Và lúc chập choạng tối, những bông hoa mướp sẽ lập lòe trong đám lá xanh như những đốm nắng sót lại...

Con báo vừa đi đâu về, im lặng nằm xuống bên tôi. "Mày bao giờ cũng đến đúng lúc, Aga! Chứ chỉ mình tao buồn quá..." Nhưng nó đi đâu cả ngày nay nhỉ? Bụng lép kẹp thế kia, chắc chưa ăn uống gì. Tôi vuốt bộ lông mượt của nó, thầm cảm ơn con thú đã nhiều lần cứu mình thoát chết. Chẳng ai biết được đêm hôm đó con báo tình cờ có mặt đúng lúc hay phục sẵn từ trước. Còn vì sao nó tấn công vào chính con chó, máu chốt cơ bản của việc giải thoát, tôi đoán rằng trước đó con báo từng thấy những người mặc áo lính như vậy có mùi như vậy đi với tôi, nên nó chỉ nhảy xổ vào con vật cao ngạo dám xâm phạm lãnh địa đã được đánh dấu của nó. Hoặc do bản năng tinh khôn của loài dã thú mà nó biết mối nguy hiểm nhất tập trung ở đâu...

Nói gì thì nói, báo Aga đã ra đòn thật tuyệt. Tên đại úy trước khi chết hẳn đã hài lòng vì có trận quyết đấu đúng như sự chuẩn bị, có điều kết quả ấy buộc hẳn phải ôm mối hận xuống mồ. Công bằng mà xét, bọn địch không hề chủ quan khi dẫn giải tôi, chúng chỉ không ngờ được tài nghệ cao cường của con báo. Ngay cả tôi

cũng bất ngờ nữa là! Con bẹcgiê tuy cao to hơn, nhưng làm sao độ nổi móng vuốt cùng hàm răng sắc nhọn của con báo! Sức mạnh dẻo dai bền bỉ và phản xạ cực kỳ lanh lẹ thừa hưởng từ mẹ nó, khả năng tấn công bất ngờ được tập dượt thường xuyên qua việc săn mỗi hàng ngày và lòng trung thành với người chăm bẵm nó từ khi mới mồ côi mẹ, đã giúp con báo vượt lên và chiến thắng trong cuộc độ sức không tính trước. Bọn địch tưởng rằng con bẹcgiê tinh khôn được "học hành" cẩn thận sẽ phát hiện ra con báo, nhưng trong mấy ngày nắng quăng rùng non đó có hàng chục con thú qua lại, mà con chó thì chưa ngửi thấy mùi con báo lần nào. Tôi cảm thấy hài lòng vì mình đã tạc tượng con báo. Nó xứng đáng được như vậy.

Mặt trời xuống thấp dần. Trong bóng chiều thấp thoáng cánh chim lạc đàn, vài tiếng chim kêu thảng thốt tan loãng vào không trung bao la. Tôi quay lại nhà xách một bao than củi lên đốt lửa để ngủ trên ụ súng. Hy vọng đêm nay yên tĩnh.

Sáng dậy, tôi về nhà định nhặt số gạo đồ nhưng chẳng còn gì. Lũ kiến đã tha hết về tổ của chúng. Cả những hạt muối cũng ngấm sương tan thành nước. Tôi đành lên chỗ chiếc trục thẳng lấy ít gạo muối, chuẩn bị đi tìm nơi ở mới. Đã đến lúc từ bỏ khúc suối tuyệt đẹp này. Chính vì quyến luyến với nó mà tôi hai lần suýt mất mạng. Sắp tới kẻ địch còn làm gì nữa, chưa biết! Nhưng không thể chần chừ mãi. Đợt nắng kéo dài gần mười ngày rồi, trời sắp mưa trở lại, lúc đó không thể ngủ trên ụ súng được.

Tôi men theo con suối đi ngược lên, định tìm xem nơi nào thuận tiện dựng tạm cái chòi trú cho qua mùa đông. Lúc tới đoạn suối chảy qua bãi đá, tôi đặt ba lô xuống, lội sang bên kia để kiểm tra lại chỗ giấu vàng. Đến nơi thấy cỏ và dây leo mọc um tùm trùm kín miệng hang. Chẳng có gì phải lo nhưng cần nhớ kỹ vật chuẩn, nếu không sau này trở lại khó tìm ra ngay được.

Đang loay hoay đo khoảng cách từ tảng đá to cạnh suối lên tới hang, tôi chợt nghe trong tiếng nước chảy có tiếng ì ì. Máy bay

Đúng không? Hay mình nghe nhầm? Tiếng động cơ rõ dần. Chết rồi, chúng lại lên.

Tôi vội vã xóa dấu chân, lội ào qua suối tới nơi đặt ba lô. Một âm thanh khác lọt vào tai càng làm tôi sửng sốt: tiếng tín hiệu "tít tít" vang từ chiếc máy truyền tin. Hay là cô ấy? Kẻ khác cũng có thể dùng tần số này... Tôi hồi hộp kéo cần ăng ten và bật nút nghe: "...Anh Hải đâu trả lời đi! Đây Thủy gọi..." Đúng tiếng cô ấy rồi! Nhưng sao lạ lùng vậy? Phải chăng địch đang lợi dụng cô? Nếu không, đời nào ông đại tá kia lại để cô bay?... Tiếng mạch đập ù ù trong tai át cả tiếng gọi hồi hả vang ra từ máy. Dù sao cũng phải trả lời, có hỏi mới biết được. Tôi nói vào máy:

– Tôi nghe đây?

– Anh... anh Hải? - Tiếng cô reo mừng rỡ - Anh có sao không?

– Tôi không sao! Cô lên... - Tôi định hỏi "Cô lên đây làm gì", nhưng chợt nhớ ra nên nói khác đi - Cô lên với ai?

– Em lên một mình. Anh Hải, xin anh tin ở em, - Cô nói như khóc - chuyện hệ trọng lắm!

Tiếng động cơ nghe gần lắm rồi. Hình như trực thăng đang lượn vòng ngoài tràng cát. Tôi nói nhanh:

– Cô hạ xuống đi! Nhưng cứ ngồi yên trên đó đợi tôi... Không phải, hiện giờ tôi đang ở xa, khoảng hai chục phút nữa mới ra tới.

– Em đáp xuống bãi cỏ trước nhà được không?

– Hạ được không? - Tôi hỏi lại.

– Dễ ợt! - Cô reo lên - Hôm trước em coi kỹ rồi!

Mừng khắp khởi, tôi khoác ba lô nhào chạy. Mới được mấy bước, chỗ đau bên sườn lại nhói lên. Tôi cắn môi cố bước nhanh. Nhìn qua khoảng trống trước mặt, thấy chiếc trực thăng lướt trên dải rừng non, chững lại một chút rồi hạ xuống khuất sau ngọn cây.

Mấy phút sau, tôi dừng bên gốc cây cạnh thác nước, đưa ống nhòm lên mắt. Máy bay đỗ trên đám cỏ cạnh vũng suối. Chỉ thấy mình cô ngồi trên ghế lái, đôi mắt mở to ngóng ra ngoài bồn chồn.

Tim đập rộn trong ngực, tôi luôn vội qua những góc cây, hai chân cứ ríu lại.

Vừa thấy tôi, cô gái bật cửa nhảy xuống chạy ào tới. Khi còn cách mấy bước, cô khựng lại nhìn tôi chăm chăm rồi bỗng ngồi thụp xuống ôm mặt khóc. Tôi ngỡ ngác đứng sừng sừng như bị chôn chân, cảm thấy hai mắt cay cay.

Lát sau tôi bước tới, bối rồi lay nhẹ bờ vai đang rung rung, vụng về hỏi:

– Cô Thủy... sao vậy?

Cô từ từ đứng dậy, khuôn mặt giàn dụa nước mắt, miệng nói như mếu:

– Anh còn sống..

– Không phải đâu, ma đấy! - Tôi cố đùa.

Cô nhào tới đâm vào vai tôi thùm thụp:

– Anh quý nè! Em lo muốn chết mà anh còn giỡn... ủa, sao vậy?

– À không... không sao!..

– Đừng giấu em. Anh bị thương phải không?

Tôi đành nói thật:

– Chúng đánh báng súng vào sườn...

– Anh ngồi xuống đây. Đưa em coi? - Cô nói như ra lệnh.

Tôi phải ngồi xuống cỏ, ngượng ngùng kéo vạt áo lên.

– Trời! Thế này mà anh biểu không sao? Tím bầm hết cả nè! Ở đây đau không? - Ngón tay cô lần trên từng dễ xương sườn khiến người tôi nóng ran - Đây? Đây nữa? - Rồi cô thờ ra, nói chắc chắn - Bị ở hai xương sườn. Chỉ lún thôi, không phải gãy rời ra đâu. Anh thấy đau lắm không?

– Cũng... hơi hơi thôi. Nhưng sợ chảy máu bên trong.

– Không, nếu xuất huyết nội, giờ này anh đâu còn đi được! Đưa tay em coi! - Cô với tay tôi bắt mạch.

“Trời đất! Bất mạch lúc này chắc mình bị quy đầu tim...”

– Cô làm như bác sĩ không bằng? - Tôi càu nhàu.

– Em có biết sơ sơ. - Cô cười, nói tiếp - Mạch đập gấp, chắc tại anh mới chạy... Thôi, để về dưới em kêu bác sĩ!

Tôi bật cười:

– Cô định chờ bác sĩ lên tận đây sao?

– Bí mật! Chuyện đó nói sau! - Cô tủm tỉm.

Chúng tôi đi lên nhà. Cô ngờ ngác đứng nhìn quanh:

– Sao lại thế này?

– Bọn nó lục soát ấy mà!

– Vậy làm sao anh thoát được?

– À... chuyện dài lắm, để sau tôi kể!

– Thế Aga với mấy con khi?

– Chúng vẫn yên lành cả!

– Ôi! - Cô đưa hay tay bụng mặt, lát sau mới ngẩng lên nhìn tôi, mắt ngấn nước - Vậy mà em sợ... em tưởng...

– Cô nghĩ gì vậy?

– Em... Giờ thì không sợ xui xẻo nữa. Lúc bay đi, em cứ nghĩ nếu lên đây mà... không còn anh... không biết rồi em có bay về nổi không...

– Nhưng... cô lên đây làm gì?

– Biết ngay mà! Anh lại hỏi như lần trước...

– Không phải! Lúc này ở đây nguy hiểm lắm! Cô lên một mình, lại không mang vũ khí, không sợ sao?

– Em sợ lắm! Nhưng lo là lo vậy thôi, chớ em tin... anh vẫn còn sống.

– Thế lỡ tôi nổ súng?

– Việc đó em không sợ. Nếu muốn giết em, anh đã bắn hôm em chở toán lính lên đây. Khi đó em... là kẻ thù của anh mà!

Tôi ngần ngại. Cô có cách nghĩ thật hay. Nhưng cô không biết được tôi đã nghĩ gì trước khi nổ súng vào chiếc trực thăng kia.

– Nhưng làm sao cô lên đây được?

– Thì em bay! Bộ anh tưởng em quên đường sao? Bay trên trời không dễ lạc như đi trong rừng đâu? Mà anh hỏi chi hỏi hoài như phỏng vấn vậy?

– Tại lâu nay đâu có ai để hỏi? - Tôi cười, hỏi tiếp - Cô bay trộm ư?

– Sao lại bay trộm? Ôi, em hiểu rồi? - Cô nhìn tôi, nét mặt chột buồn - Không phải vậy đâu anh? Vụ tập kích vừa, rồi bác Tùng không biết.

Tôi cười gằn:

– Tôi không tin! Có thể cô chưa rõ, nhưng cô còn nhớ thằng trung sĩ đặt máy ghi âm hôm lên bốc mộ không Trung sĩ Hưng?

– Đúng? Và cả thằng xếp của hắn nữa. Cái thằng nói giọng the thé như đàn bà ấy?

– À, đại úy Quốc, trưởng ban Hai. Chả thân với Cody lắm đó!

– Cả hai đứa nó đều có mặt trong toán lính tới đây đêm hôm trước.

Cô ngẫm nghĩ một lúc, mới nói: Việc đó em chưa hay? Nhưng em cam đoan là... bác Tùng không dính. Chính bác sắp xếp cho em bay mà!

– Cô nói rõ hơn được không?

– Chiếc trực thăng hôm đó do người Mỹ lái, loại này không lực không có. Và em được biết nó bay từ Nha Trang, chở toán thám báo từ trong đó ra. Còn làm sao có hai người của ban Hai thì em không biết.

– Nhưng ba chiếc lên lấy xác hôm qua là của không đoàn Sáu?

– Đúng vậy! Sáng qua bác Tùng nhận điện từ trong kia yêu cầu tổ chức một phi vụ cấp cứu. Khi nghe thông báo tọa độ, bác ấy mới hoảng, chạy tới nói em biết. Anh có thấy máy bay cứu hộ thả cờ hồng thập tự không?

– Có?

– Bác ấy lệnh cho phi công lên đây phải làm vậy, anh sẽ không bắn. Ấy là nói... nếu anh còn sống. Mãi tới khi toán cứu hộ trở về, bác ấy mới chắc chắn anh không sao.

Tôi thờ người. Mọi việc rõ dần lên từng nét, nhưng chính vì vậy lại càng khó hiểu. Dường như cả con người, cả sự việc trong chuyện này đều vượt quá tầm hiểu biết của tôi... Thôi, đành gác lại. Tôi nói:

– Dù sao cô cũng liều lắm! Bọn chúng có thể tới đây bất cứ lúc nào. Tôi không muốn cô bị vạ lây.

– Thế anh không lo cho anh sao?

– Có chứ! Nhưng tôi tự xoay xở được. Còn nếu có chết cũng coi như vì nhiệm vụ, chẳng có gì phải áy náy.

– Em cũng vì nhiệm vụ chứ bộ! - Cô nói một cách hãnh diện.

– Nhiệm vụ? - Tôi kêu lên, trong đầu thầm nghĩ: "Cô này... đúng là chẳng biết thế nào mà nghĩ? Lúc thì già dặn tinh khôn như quý, lúc lại như trẻ con..."

– Chớ anh nghĩ sao?

– Tôi nghĩ là... tôi chẳng nghĩ gì cả. Có điều nếu vì lên đây mà cô bị làm sao, chắc tôi... sẽ ân hận suốt đời.

Cô lờm:

– Em không dễ chết vậy đâu! Và đừng tưởng em lên để thăm anh đâu nghen!

– Vậy cô lên làm gì?

– Anh đoán coi?

Tôi lại thờ người ngấm nghĩ. Đơn giản nhất là cho rằng bọn địch cử cô lên đây xem tôi còn sống không, và để dò xét. Nhưng

tôi không tin chuyện đó. Còn gì khác thì chưa nghĩ ra.

– Tôi chịu! Nếu không muốn nói, cô cứ giữ kín. Tôi không nài nỉ đâu.

– Đừng tự ái thế, anh giải phóng? - Cô xoay lưng về phía tôi, co tay rút tử trong ngực ra một mảnh giấy gấp nhỏ, quay lại mặt nhanh vào tay tôi - Đây nè!

Chưa kịp hiểu ra chuyện gì, nhưng hơi ấm từ mảnh giấy truyền qua tay một luồng nhiệt kỳ lạ làm người tôi nóng bừng.

Một chút bối rối, rồi tôi mở tờ giấy. Không phải một, mà hai tờ. Và điều nhìn thấy trên tờ giấy thứ nhất khiến tôi nẩy người như bị điện giật: nét chữ của tôi!

Ngẩn ngơ nhìn những dòng chữ do chính tay mình viết tôi không còn tin ở mắt mình. Sao lại có chuyện kỳ lạ như vậy? Nhưng đúng là những dòng chữ này, bốn câu đầu trong bài thơ “Từ ấy” của Tố Hữu.

Sau phút bàng hoàng, bộ óc nhanh chóng hoạt động trở lại: tờ giấy này là trang đầu trong cuốn sổ tay của tôi.

Lật xem tờ giấy thứ hai, tôi càng sửng sốt: một bức thư ngắn! Nét chữ của anh Hai Nguyên! Không thể làm được! Cố giữ cho tay khỏi run, tôi lướt nhanh nội dung thư:

"Mày bận gì thì bận, cũng phải lên thăm chú thím chứ! Cứ hẹn lui hẹn tới, vài bữa vô mùa màng lại không đi được. Lên chơi ít ngày đi cháu! Nhân tiện có thằng cháu họ bên thím mày đi chợ hàng gần đó, chú nói nó ghé qua đón cháu luôn thể. Còn mấy cây mai cử để dưới, ra giêng về chụp mộ chú lấy. Mà nhớ giữ cẩn thận cho chú nghe, đừng để hư rã chết uổng. Giông mai đó quý lắm!

Chú thím chờ cháu."

Tôi đọc lại bức thư, lần này chậm hơn. Dần dần mọi việc trở nên rõ ràng. Như vậy lá thư tôi nhờ ông Thành gửi đã tới được tay anh Hai Nguyên và anh nói một đường dây liên lạc trở lại, mà chặng cuối cùng là cô cháu gái. Nhờ đó, thư anh đến được tay

tôi. Để làm tin, anh đã tới hậu cứ Ty an ninh Quảng Trị, lấy cuốn sổ tay của tôi xé một trang gửi theo. Trong trường hợp này, không có mật hiệu nào chắc chắn hơn thế. Và theo thư anh viết, tôi phải nhảy lên chuyến "xe hàng" của "thằng cháu họ bên thím mày", tức là lên trực thăng của cô gái hiện dang đứng trước mặt tôi, để về dưới đó. Còn việc gì tiếp theo nữa, phải hỏi "thằng cháu" mới biết được.

Muốn hỏi mà không mở miệng nổi. Tôi cảm thấy choáng váng, ngực nghẹn thở, người rạo rức như say. Mọi thứ xung quanh nhòa đi. Vòm cây trên đầu bỗng bình xoay tròn cùng mảng trời xanh. Cả người tôi lâng lâng như đang lơ lửng trong không gian bao la huyền ảo... ở đó tôi gặp lại những gương mặt thân thiết của người thân và bạn bè, những người còn sống và cả người đã chết... Rồi từ nơi nào đó xa vời trong ký ức chợt hiện về những khung cảnh quen thuộc: khu rừng nhỏ bé của tuổi thơ, mái nhà tranh và lũy tre ven làng, tiếng chim tu hú và những chùm vải chín đỏ, đồng lúa vàng và tiếng gà cục tác giấc trưa, biển xanh và bờ cát trắng, những chớp bom và ánh lửa phụt đầu nòng súng... Tất cả chập chờn lúc gần lúc xa như ảo ảnh...

Một bàn tay lay vai tôi và giọng nói thanh thanh gấp gáp: "... Anh có sao không? Anh Hải..." Những hình ảnh chợt biến mất, chỉ còn lại trước mặt tôi đôi mắt đen mở to đầy lo lắng.

– Anh Hải, anh tỉnh lại chưa?

– Tôi có mê đâu mà phải tỉnh? - Tôi đáp tỉnh bơ.

– Anh không sao thiệt chứ? - Cô thở phào - Làm em hết hồn. Bộ dạng anh như người lên đồng vậy đó! Tưởng ai bắt mất hồn vía anh rồi chứ!

– Ở đây chỉ có mình cô, cô không bắt thì ai bắt?

– Còn chọc quê em nữa! Biết vậy chẳng đưa thư cho anh làm chi!

– Thì cô cứ giữ lấy, rồi bay về một mình!

– Em không về một mình. Về dưới ba em hỏi, em biết nói sao?

– Vậy cô làm gì?

– Em đợi! Khi nào anh chịu về em mới về. Anh đừng tưởng, em đã tính làm chi là phải làm bằng được mới chịu.

Tôi cười:

– Tôi có nghe bác kể rồi?

– Vậy nên em vừa được ba khen vừa bị mắng đó!

– Sao lạ vậy?

– Ông khen em giống tính chú, lại bảo: "Liệu con có biết việc gì đúng mà làm không?"

– Bác dạo này khỏe không cô? - Tôi hỏi, thấy ngượng vì sự vô tình của mình.

– Ba em khỏe, nhưng mấy bữa nay ông mất ăn mất ngủ vì lo.

– Sao vậy?

– Cách đây hơn tuần, anh Nghĩa, là con già Lý đó, ảnh nhắn ba em vô trông. Lúc trở ra, ông bảo em vô tiếp bàn công chuyện. Ba con em mới nhận được thư chú hôm kia. Bác Tùng sắp xếp cho em bay sáng qua, nhưng đụng vụ tập kích, bác ngưng lại. Vì vậy ba em lo lắm...

Tôi nín thở ngồi nghe, chuyện vừa hấp dẫn vừa lạ lùng.

– ...đến chiều qua lúc toán cứu hộ về tới, em đòi lên mà bác Tùng không chịu, nói để dò coi tụi nó có phản ứng chi không. Sáng nay bác ấy mới cho em bay. Nhưng vậy cũng hên rồi! Bên khí tượng báo từ mai trời lại mưa, bay lên đây không được.

Tôi chặc lưỡi:

– Nói gì thì nói, cô cũng liều lĩnh lắm!

– Anh lại nói vậy rồi! Đừng tưởng em bay một mình đâu nghen!

– Cô có một mình đó thôi?

– Không phải! Cả ngày nay bác Tùng sẽ trực ở đài kiểm soát không lưu. Bác dặn em có chuyện chi cố bay lên và liên lạc với bác ấy, sẽ có người tiếp cứu.

– Tiếp cứu bằng cách nào? - Tôi lại càng ngạc nhiên.

– Em cũng không hay, lúc sáng đi gấp không kịp hỏi. Nhưng bác ấy cũng có những phi công thân tín chứ!

Mọi việc trở nên rối rắm quá. Vừa qua mấy ngày căng thẳng, lại đang trong tâm trạng xúc động, nên tôi không kịp suy nghĩ, phân tích những điều vừa được nghe. Và hình như cũng chưa có đủ thông tin để có thể hiểu hết mọi chuyện... Nhớ tới nội dung thư, tôi hỏi tiếp:

– Về dưới đó, tôi phải làm gì?

– Chút nữa quên! Để em nói hết cho anh hay. Ở đây ta bay lúc năm giờ, về dưới chập choạng tối là vừa. Máy bay sẽ đáp xuống một quả đồi cách Đà Nẵng mười cây số. Nơi đó là bãi tập của trực thăng nên sẽ không bị để ý. Bác Tùng đón anh ở đó và đưa về nhà em lúc trời tối. Anh ở lại một đêm cho biết nhà, sáng mai ba em chở anh vô chỗ già Lý. Còn khúc sau nữa... em không biết!

– Chà! Nghe ly kỳ như... trong phim tình báo. Cô sắp xếp chuyện này phải không?

– Đâu có! Anh làm như em là "Việt Cộng thứ thiệt" không bằng! Mọi chuyện ở nơi anh Nghĩa. Hôm vô đó em gặp ảnh với một anh nữa. Mấy ảnh chỉ hỏi em về vụ máy bay. Lầy máy bay lúc này hơi khó, nhưng có bác Tùng. Dĩ nhiên cũng phải lo lót cho mấy người mặt đất để khởi ồn chuyện.

Tôi băn khoăn:

– Tiền đâu mà bác với cô... Anh đừng lo! - Cô cười rộ, ngắt lời tôi - Số trăm kỳ hôm trước anh đưa, em nhờ người bán được bộn tiền, đủ thuê cả năm chuyến bay như thế này. Anh Nghĩa biểu vụ tiền để ảnh lo, mà em đâu có chịu!

– Như vậy là ở lại tới chiều?

– Vâng! Để anh có thời gian chuẩn bị. Em cũng muốn vậy. Được ở trong rừng, thích lắm!

– Tôi chẳng có gì chuẩn bị lâu. Chỉ sợ chúng nó ập đến bất ngờ.

– Em cũng lo. Nhưng không hiểu sao bác Tùng đoán chắc là hôm nay sẽ không có việc gì xảy ra. Giờ vậy nghen! Anh sắp sẵn mọi thứ, nếu thấy động ta bay liền. Em đi nấu ăn, sau đó sẽ... cắt tóc cho anh. Để mái tóc này về dưới, thiên hạ sẽ bu tới coi, mà em biết tính anh hay mắc cỡ. - Cô nhìn tôi lém lỉnh.

Tôi đỏ mặt:

– Làm gì có! Ai bảo cô vậy? Bộ cô biết xem tướng chắc?

– Đâu cần ai biểu! Con gái chúng em tinh lắm! - Cô nghiêng mặt cười rúc rích.

Lúc ở dưới suối lên, tôi chọn củi khô nhóm lửa cho cô nấu ăn rồi đi dọn dẹp lại nhà cửa. Căn nhà, nói đúng hơn là cái chòi này đã che chở mưa nắng cho tôi hơn hai năm trời, giờ sắp phải từ biệt, không nên để nó hoang tàn quá.

Những thứ còn lại tôi gói kỹ, ôm vào giấu trong rừng. Về theo cách này, ngoài súng đạn không thể mang theo gì được, kể cả khẩu AK hết đạn, cả những kỷ vật hai anh để lại.

Khi quay ra, thấy cô đang ngồi bên bếp cắt thịt bò, thỉnh thoảng lại cầm nhánh lá quạt quạt cho khói bay bớt. Mặt cô ửng đỏ hơi lửa, mấy sợi tóc dính bết vào trán, những giọt nắng nhảy nhót trên tóc, trên lưng áo. Cô nói với tôi:

– Em đem thịt bò lên cho con báo, nhưng giờ đành bớt phần nó vậy. Anh đang đau, ăn cháo khỏe hơn. Mà Aga đâu anh?

– Tôi cũng không rõ. Đạo này nó đi vắng luôn. Hình như...

– Nó làm sao, anh? - Cô vội hỏi.

– Hình như nó... - Tôi lúng túng tìm từ để nói - nó... có bạn gái.

– Thiệt không?

– Tôi đoán vậy thôi. Nó chẳng kể gì cá!

– Ồi... - Cô cười ngất, đôi vai tròn rung lên - Anh coi vậy mà... nghịch ngàm à nghen!

Ăn xong bữa trưa, chúng tôi ra suối rửa bát rồi đen vào nhà úp lại cẩn thận. Để cô ngồi chải tóc, tôi lấy gạo xuống dưới bắc tiếp

nồi cơm.

Trưa yên tĩnh quá! Nắng vàng và gió nhẹ. Bầu trời hơi buồn, không xanh như mọi hôm, còn rừng thì trầm tư như đang nghĩ về giờ phút chia tay với tôi. Ủ! Đừng tưởng rừng vô tri. Rừng nghe hết, biết hết. Rừng hiểu tôi nghĩ gì về nó và nhớ những việc tôi đã làm khi ở trong rừng. Chính vì vậy mà rừng đã nuôi sống tôi, đùm bọc che chở tôi thoát khỏi nanh vuốt kẻ thù, giúp tôi vượt lên để trừng trị và chiến thắng chúng. Khắc nghiệt mà bao dung, cứng rắn mà độ lượng, rừng biết trừng phạt và biết tha thứ, biết rèn luyện và biết thử thách con người. Rừng giúp ta phân biệt bạn thù, khơi dậy trong ta tình người trong sáng và chân thật, vun đắp những tình cảm đẹp đẽ... Nếu như tôi và cô ấy gặp nhau không phải ở trong rừng, hẳn mọi chuyện đã khác và chắc gì chúng tôi hiểu được nhau?

Những tháng ngày sống ở đây, tôi đã hiểu vì sao anh Hùng lại bảo rừng biết nói. Rừng có tiếng nói riêng của nó. Như lúc này, rừng đang thì thầm. Tiếng của rừng lạ lắm, chỉ ai sống lâu trong rừng, yêu mến và gắn bó với rừng mới hiểu được. Trong tiếng rừng có tiếng của suối của gió của cây, tiếng của những con vật sống trong rừng, có cả tiếng lá vàng rơi, tiếng chồi non nứt khỏi lớp vỏ, tiếng rễ cây cựa mình trong đất... Chẳng ai bắt chước được tiếng rừng, không đo được, cũng không ghi lại được bằng nốt nhạc. Chỉ khi ngồi một mình giữa rừng và lắng nghe bằng cả tâm hồn mình, ta mới hiểu được rừng đang nói gì, cảm nhận được âm thanh của cuộc đấu tranh sinh tồn khốc liệt, của sự sống và cái chết, phát triển và lụi tàn, đau đớn và hạnh phúc, cay đắng và ngọt ngào, chia lìa và gặp gỡ... Ở trong rừng có tất cả, và rừng kể tất cả cho những ai biết nghe và hiểu nó...

– Anh Hải nghĩ chi mà coi bộ mơ màng dữ ha! - Cô gái đến bên tôi từ lúc nào, cất tiếng hỏi nhẹ nhàng.

– À, ờ... - Tôi đúng túng trả lời - Tự dưng thấy buồn. Lúc ở đây thì cứ trông về, giờ sắp về lại thấy... nhớ quá!

Cô nói lãng sang chuyện khác:

– Bộ anh còn đói sao nấu cơm vậy?

– Không, nấu cho lữ khí. - Tôi trả lời, và buột miệng - Tiếc quá!
Còn bao nhiêu là gạo với muối

Cô che miệng cười:

– Hay anh với em ở lại đây, khi nào ăn hết rồi về?

Tôi cũng cười, hỏi lại:

– Thế cô không sợ sao?

– Em sợ chi?

– Sợ... bác mắng?

– Em chỉ sợ ông lo chứ không sợ mắng. Ba em quý và tin anh làm mới để em đi. Nếu không, đời nào ông chịu cho con gái rượt lên đây một mình! - Cô liếc nhìn tôi tinh nghịch - Mà thôi, anh ra ngồi đây em cắt tóc cho.

Tôi đỏ mặt: "Hay để tôi tự cắt..."

Cô ngắt lời:

– Anh lại mắc cỡ rồi! Lúc này cắt tóc cũng là nhiệm vụ. Đừng tưởng em nghĩ ra vụ cắt tóc đâu nghen! Anh Nghĩa dặn đó!

Tôi chịu thua, xách súng ra ngồi trên hòn đá, cúi đầu đợi. Cô mở túi xách lấy chiếc kéo, nói như ra lệnh:

– Anh ngồi yên nghen!

Cô dùng kéo cắt ngang mái tóc phía sau gáy, rồi kẹp rươi lam vào lược chải. Từng lớp tóc dày rụng lả tả xuống cỏ. Những sợi tóc trên đầu tôi chắc đang dựng đứng lên run rẩy dưới mấy ngón tay mềm mại của cô.

Tôi hỏi cho có chuyện nói để đỡ ngượng:

– Cô biết nghề cắt tóc từ khi nào?

– Em đâu có biết! Ý anh ngồi yên đừng cựa quậy chớ. Nếu xấu về dưới em đưa tới tiệm sửa lại. Mà anh gọi bồ kết phải không? Tóc anh còn dài hơn tóc con gái nữa đó!

– Tại ở đây không có gì cắt, chứ tôi có muốn để thế đâu! - Tôi lầu bầu.

Mãi rồi công việc cũng kết thúc. Cô bấm kéo lách tách sửa lại chút ít và đứng lui ra ngắm nghía:

– Xong rồi! Gương đây nè, anh coi có đẹp không? - Cô đưa tôi chiếc gương nhỏ.

Tôi bỡ ngỡ nhìn mặt mình trong gương. Một khuôn mặt vừa quen vừa lạ, da đen sạm, những vết gai cào rớm máu đã khô lại, đôi môi bị giập vẫn còn cộm lên. "Chết thật! Mặt mũi thế này chắc khó coi lắm! Nhưng... lâu nay chẳng khi nào mình quan tâm tới "dung nhan" cả, sao hôm nay lạ thế không biết! Hay tại chiếc gương? Có nó mới biết mình già hơn trước nhiều, chứ soi xuống suối chỉ thấy nhòa nhòa..."

– Đẹp không anh? - Cô sốt ruột hỏi.

– À... đẹp lắm! Hơn xa thợ ở tiệm.

Quả thực mái tóc được gọt bằng dao nên mơn đều, còn đẹp hay không tôi không biết vì chẳng mấy khi chú ý tới. Chỉ thấy giờ đây trên đầu nhẹ hẫng đi và sau gáy cứ lạnh lạnh.

– Vậy là yên tâm rồi! Để về dưới em mở tiệm hớt tóc...

– Cô không bay nữa sao?

– Quên chưa kể với anh, em "giải nghệ" rồi. Hôm trước ở đây về là em nghỉ hẳn, không làm ở chỗ bác Tùng nữa. Vì vậy bữa nay bác phải kiếm cơ cho em bay. Chắc đây là lần bay cuối cùng... - Cô thở dài - Ba em đang biểu em vô Sài Gòn học văn khoa, nhưng em chưa biết tính sao. Thời buổi này học làm chi nữa anh! - Giọng cô nghe rầu rầu.

– Giờ cô lên nhà ngồi, tôi ra suối tắm qua một cái. Cầm lấy cái này, - tôi rút khẩu ru lô đưa cho cô - lỡ cọp tha mất tôi không đền được đâu.

Cô lặt lui lặt tới khẩu súng, hỏi tôi:

– Anh có cả cây này nữa, sao mấy lần trước lên đây em không thấy?

– Ôi, có gì đâu mà đưa ra khoe... - Tôi trả lời qua quýt, bước vội đi. Lúc từ dưới suối lên, thấy cô ngồi thõng chân trước sà, tay vẫn cầm hồ khẩu súng, mắt nhìn đi đâu đâu. "Mình vô ý quá! Khi không lại gọi ra chuyện cũ. Chẳng cần suy nghĩ gì nhiều cô ấy cũng biết đó là khẩu súng của anh cô..." Đang tự trách mình, tôi bỗng nghe cô nói:

– Giờ này dưới kìa phắc ba em đang nóng ruột lắm! Cả ngày hôm nay ông không chịu ăn uống chi cho coi.

Tôi nhìn gương mặt buồn thiu mà thấy nao cả lòng. Vì tôi nên cô phải một mình "lặn lội" lên đây...

– Cô Thủy xuống đây, tôi đưa đi xem cái này! - Tôi gọi to

– Chi vậy anh?

– Chưa nói được! Có đi mới biết!

– Cô nhanh nhẹn nhảy xuống cầu thang. Chúng tôi đi qua bãi cỏ, bước vào dải rừng non. Tới lùm cây giậu con báo đá tôi gạt lá đem nó ra, hộp đặt trước mặt cô.

– Ôi, con báo! - Cô reo lên.

– Cô thấy có giống không?

– Giống! Giống lắm! Lại đẹp nữa! Nhứt là cái dáng của nó. Rồi cái đầu nè, cái mõm nè... Anh làm phải không?

– Nếu cô thích, tôi tặng cô để... kỷ niệm!

– Thiệt không anh? Ôi, vậy là nhứt em rồi! Anh giỏi quá việc chi cũng làm được...

Tiếng cô ríu rít như tiếng chim, gương mặt cô tươi hơn hớn, trong đôi mắt lung linh ngời ngời những giọt nắng. Quãng rừng non vắng vẻ giờ rộn rã hẳn lên. Lòng tôi ấm lại, trái tim rung nhẹ theo một nhịp đập khác lạ. Những đau thương mát mát dịu đi, mọi gian khổ nhọc nhằn cùng nội cô đơn hiu quạnh biến mất, sự hồi hộp lo âu cũng lắng xuống, chỉ còn lại trước mắt tôi khuôn mặt ửng hồng đang rạng rỡ mềm vui tràn trề. Cô đâu biết rằng lúc này tôi mới là người vui sướng nhất. Khi đem lại niềm vui cho người mình quý mến, thì chính mình đã hưởng trọn vẹn niềm hạnh phúc

ngọt ngào. Tôi như nhìn thấy lại màu hoa sim tím man mác bên quãng đường đồi đất đỏ, gặp lại nỗi xốn xang tưởng đã bị đạn bom vùi lấp... Tôi nói khẽ, giọng nghệt thông hơi thở tự dừng trở nên gấp gáp: "Để đem ra máy bay..."

Tôi ôm con báo đá đi trước, cô nín nhẹ bên tay tôi lú lú bước theo. Những bước chân bồng bênh trên lối mòn ngập lá vàng rơi.

Thấy trời còn sớm, tôi rủ cô ra ngồi bên suối. Nắng chiều nghiêng dần. Con suối vẫn róc rách như tiếng thời gian trôi. Nhớ hôm nào mới đến đây, tôi ngồi một mình bên con suối này và nghĩ về những người đồng đội vừa hy sinh... Tôi đã sống ở đây những ngày dài dằng dặc tưởng như vô tận, vậy mà ngoảnh lại mới thấy thời gian trôi nhanh quá. Dường như trong từng ấy ngày tháng các anh vẫn ở quanh tôi, âm thầm cùng tôi chia sẻ mọi vui buồn... Dường như lúc này đây, anh Đăng và anh Sơn đang nhìn tôi và tủm tỉm cười, còn anh Hùng thì bần khoăn hỏi: "Cậu đọc sách nhiều, thấy những lúc như thế này, các nhà văn họ viết thế nào..." Tôi nhìn cô gái đang ngồi bên cạnh và tự hỏi: "Ừ nhỉ! Rồi sẽ thế nào?..." Nhưng tôi không nghĩ tiếp được vì chợt bắt gặp một mùi hương rất lạ, mùi hương tỏa ra từ da thịt người con gái. Qua khứu giác, mùi hương mới mẻ và quyến rũ đó thấm nhanh vào người làm tôi bàng hoàng, ngây ngất... Cố nhìn chăm chăm xuống vũng suối để mắt khỏi bị hút về phía cô, nhưng từ nơi nào đó sâu thẳm trong trí não, tôi vẫn cảm nhận được hơi ấm đang toát ra từ những đường cong mềm mại trên thân hình thon thả của cô gái ngồi sát bên. Người tôi nóng lên, nhịp tim đập gấp, dòng máu trai trẻ rạo rục chảy trong huyết quản. Rất gần bên là bờ vai tròn nóng ấm. Gần lắm Chỉ khẽ nghiêng là chạm tới... Tôi bỗng muốn được quàng tay qua đôi bờ vai tròn trịa ấy, và... ước muốn trào lên thôi thúc mãnh liệt khiến tôi phải hết sức kìm nén để chế ngự. "Ba em quý và tin anh lắm...", lý trí nhắc lại lời cô nói lúc sáng. Bên cạnh, cô vẫn đang mãi ngắm con suối, không hề biết có ngọn lửa vừa cháy lên trong tôi. "Cô ấy tin mình chứ

không phải vô tình..." Ý nghĩ rụt rè ấy thoáng qua trong đầu làm tôi xấu hổ.

Chừng thấy tôi ngồi im lặng, cô quay sang hỏi:

– Sắp xa nơi này, anh Hải buồn phải không? Đừng buồn anh à! Sau rồi sẽ quên thôi!

– Ừ! Lâu dần cũng nguôi đi, nhưng quên thì không quên được.
- Tôi đáp, người mềm lại trong cảm giác tiếc nuối mơ hồ.

– Anh Hải biết sao không? - Giọng cô chợt vui lên một cách cố ý - Từ hôm nhìn thấy con suối này, em chỉ ước ao được tắm ở đây một lần... Thiệt con nít, phải không anh? Có đêm em còn nằm mơ thấy mình lội ra đứng dưới con thác kia cho nước chảy ào ào trên người...

Lại đỏ bừng mặt! Lại nghiêng đầu để cười một mình sau mái tóc dày!

Tôi bối rối. Ước ao nhỏ nhoi của cô thật dễ thương. Chúng tôi đang ngồi bên suối và thời gian còn nhiều. Vậy mà... Tôi không dám để cô tắm một mình, cũng không thể ngồi trông chừng...

Cô ngẩng lên nhìn tôi, và bật cười. Tiếng cười trong trẻo giòn tan, lúng liếng như những gợn sóng nhỏ lan trên mặt vũng suối. Tôi nói vội sang chuyện khác:

– Cô Thủy biết con suối này tên gì không?

– Tên chi, anh?

– Suối Tiên! - Tôi trả lời chắc chắn.

– Suối Tiên? Sao anh biết?

– Có sự tích cả đấy!

Cô nhìn tôi nghi ngờ:

– Bộ anh tính gạt em phải không?

– Sao lại gạt? Phàm địa danh nào có từ lâu đời đều gắn liền với một câu chuyện lưu truyền trong dân gian...

– Vậy sự tích con suối này là sao?

– Cô có muốn nghe không?

– Có, có! Anh kể đi! - Đôi hàng mi cong hớn hờ chớp chớp.

– Ngày xưa ngày xưa... - Tôi bắt đầu kể - Nghĩa là... cách đây đã lâu lắm rồi, tại một khu rừng hoang vắng nọ có con suối nhỏ đẹp tuyệt vời. Một nàng tiên ở trên trời hàng ngày không có việc gì làm nên thường ra đứng trên đám mây nhìn vắn vơ xuống hạ giới. Một hôm, nàng vô tình nhìn thấy con suối. "Ôi, đẹp quá! Đẹp hơn tất cả mọi con suối có trên cõi tiên. Ở dưới trần lại có cảnh đẹp vậy sao?..." Nàng tiên thốt lên. Và từ đó nàng mất ăn mất ngủ, lén lút tìm cách bay xuống để tắm một lần cho biết.

Nhưng thuở ấy trời, đất xung khắc với nhau, luật lệ mỗi nơi một khác. Luật trời không cho phép người trên đó xuống tắm ở cõi trần tục, và dưới này cũng thế. Vậy nên nàng tiên nọ mấy lần xuống mà vẫn không sao tắm được. Cuối cùng nàng thất vọng, bèn giở phép màu bắt một người rừng ở đó, bỏ lên... máy bay trực thăng chở về...

– Ôi! - Cô kêu ré lên, tay đâm vào lưng tôi thùm thụp - Em không chịu đâu! Đánh cho anh đau luôn nè...

– Thì... chuyện cổ tích mà! - Tôi oằn lưng chịu đâm, trả lời.

– Anh thiệt... khôn hết biết! Em... đã ngờ ngợ, vậy mà... Lần sau không thèm... hỏi anh... chuyện chi nữa...

Cô nói dứt quãng trong tiếng cười, khuôn ngực đầy đặn dâng lên hạ xuống dồn dập theo nhịp thở gấp. Lúc này trong cô thật đẹp. Tôi quay mặt đi, cố làm dịu cảm giác khô se trong cổ. Không để ý tới thái độ của tôi, cô đưa tay vén tóc, ngần ngừ một lúc, lại hỏi:

– Rồi sau... sao nữa anh?

– Sao là sao?

– Thì... cái chuyện cổ tích đó?

– À! Câu chuyện đến đây là hết!

– Ủa, sao kỳ vậy?

– Thường nhưng chuyện như thế người ta bỏ lửng đoạn cuối.

– Để cho hấp dẫn, phải không anh?

– Cũng có, nhưng không hoàn toàn như vậy! Người kể bao giờ cũng dành một khoảng cho người nghe thỏa sức tưởng tượng theo ý thích của mình. Người nhân hậu thường tưởng tới một kết cục có hậu. Hơn nữa, lời kể hoặc trang viết đều có hạn, mà cuộc sống lại vô cùng, ai nói ai viết hết được?

– Ờ ha! Chẳng ai biết được những điều đang còn ở phía trước... - Cô tư lự - Nhưng... con người còn có niềm tin, có ước mơ nữa chứ!

– Vậy cô Thủy đang tin đang ước điều gì?

– Em tin là, - Cô láu lỉnh nhìn tôi - Chiều nay sẽ đưa anh về tới nhà em. Còn sau này... - Tôi thoáng hồi hộp - ... em sẽ được gặp chú.

– Chỉ vậy thôi sao? - Tôi lại hỏi, cảm thấy tiếng tiếc.

– Vâng! Chừng đó đã! Ham quá đâu có được? Còn những điều cao hơn, xa hơn mà chỉ mới nghĩ tới chứ chưa dám chắc thì em đâu dám kể, sợ thành chuyện cổ tích mất à! - Cô cười thật tươi.

Nhìn đồng hồ thấy hơn bốn giờ, tôi nói:

– Cô Thủy này, ta đi sớm một chút, ghé thăm mộ.

– Vâng! Em cũng muốn xuống chào các anh ấy. Ta lên thôi anh! - Cô vội vã cặp lại mái tóc, cùng tôi đi lên nhà.

Lũ khỉ và con báo vẫn chưa về. Chúng mãi chơi đùa vậy không biết? Nhưng có khi như thế lại hay, tránh được cảnh chia tay bịn rịn. Tôi không muốn nhìn thấy ánh mắt buồn bã của những con thú đáng yêu ấy.

Tôi bưng song cơm đặt trên bàn đá, xách chiếc túi đựng mấy bánh đường và hơn chục gói mì còn lại ra treo ở gốc cây đa. Lũ khỉ lúc trở về sẽ tìm thấy những thứ tôi để lại cho chúng. Còn xâu cá khô và tảng thịt bò mà cô gái mang lên cho con báo, tôi treo lên vách nhà, phía trên chỗ nó thường nằm. Tội cho con báo quá! Nó đã từng quyến luyến với tôi từ khi mới vài tháng tuổi và chưa

bao giờ xa tôi quá một ngày. Không biết rồi nó sẽ ra sao khi không còn tìm thấy tôi trong khu rừng này? Lũ khi chắc không buồn lâu vì chúng có bày đàn và sống vô tư hơn. Báo Aga vốn làm lì kín đáo, chẳng mấy khi bộc lộ tình cảm ra ngoài. Những "người" như vậy thường đau đớn nhiều hơn trước mỗi mất mát chia ly.

Tôi mở hé cánh cửa cho con báo có thể vào trú mưa, rồi chậm chạp bước xuống năm bậc cầu thang đã mòn vẹt. Cô gái này giờ vẫn xách hộ khẩu tiểu liên đứng đợi trước nhà. Nỗi buồn thường hay lây nên trông cô buồn thiu.

Chúng tôi im lặng đến bên chiếc trục thẳng. Cô leo lên ghé lái và nhào người đẩy cánh cửa phía bên kia. Tôi tần ngần đứng nhìn lằn cuối cùng góc rừng thân yêu. Hơn chín trăm ngày sống ở đây, đến lúc rời xa mới thấy mọi thứ đều thân thuộc, gắn bó biết nhường nào. Từng gốc cây, từng hòn đá, bãi cỏ, cánh rừng non, dòng suối Tiên và con thác nhỏ... Cả tiếng gió rì rào trên cành lá, tiếng chim kêu khắc khoải trong rừng, cả tia nắng nhạt của tiết trời sắp chuyển... Chỉ lát nữa thôi lúc hoàng hôn xuống, góc rừng này sẽ tối lại và quạnh hiu. Từ nay những con thú chẳng bao giờ còn được thấy đồng lửa đốt lên mỗi chiều... "Nhất định sẽ có ngày mình trở lại...", tôi thăm thẳm, xách chiếc túi đựng máy truyền tin và hơn chục băng đạn bỏ lên máy bay, nhún người leo lên. Cô đưa trả tôi cây súng, với tay cài hộ dây an toàn, vẫn không nói lời nào.

Liếc nhìn thấy tôi ngồi ổn định, cô mới nỡ máy. Lên khỏi ngọn cây, chiếc trục thẳng đổi hướng bay về phía cây thủy tùng. Vài phút sau, nó đáp xuống gần ngôi mộ đá.

Cô gái ôm theo bó hương to, cùng tôi tới bên mộ. Tôi đốt trầm rồi quỳ một chân trước tấm bia. Cô lặng lẽ thấp nguyên cả bó hương cắm vào kẽ đá, quỳ xuống bên tôi. "Hai anh ơi, đây là Thủy, cháu của anh Hai Nguyên đó! Cô ấy đến chào các anh để về. Em cũng về đây? Từ nay không còn ai hương khói cho các anh nữa... Ở đây lạnh lắm! Cô quạnh lắm. Những chiều nắng vàng hiu hắt trên đồi, những ngày mưa dầm sục sùi ngọn cỏ,

những đêm đông gió rít từng cơn, mây lạnh sà thấp trên mộ... chắc các anh sẽ buồn... Em không thể đưa các anh về, nhưng sẽ có ngày em trở lại để làm tròn công việc mà vì nó, các anh phải nằm lại nơi này..." Tôi rưng rưng nước mắt thầm nói lời tạm biệt. Khói hương trầm nghi ngút quấn quanh ngôi mộ đá như không muốn chia xa.

Một ngọn gió thổi tới làm bó hương trên mộ cháy lên rùng rục. "Đây là các anh ấy bảo mình về đi..." Tôi nói khẽ và đứng dậy, dìu cô đứng lên theo. Trong tiếng gió vi vu trên ngọn thủy tùng nghe có tiếng nói: "Gắng sống mà trở về Hải nhé... đừng lo gì cho bọn mình..."

Trước lúc lên máy bay, tôi đưa cô đến bên gốc thủy tùng. Trên lớp vỏ sù sù nứt rạn, những dấu đạn đại liên đã bị lấp kín, chỉ còn vết róc kết nỏ toác nơi lưng chừng thân cây trải mưa nắng lâu ngày đen sạm, càng làm cho cây cổ thụ khổng lồ thêm vẻ dạn dày từng trải.

Với giọng nói khô khan đứt quãng, tôi kể cho cô nghe những gì xảy ra lúc đó, bên tai như còn vang tiếng ùng oang của những quả róc kết, tiếng vi vu của đạn đại liên. Có thể câu chuyện gợi lại chuyện cũ đau lòng, nhưng tôi tin cô chịu được. Chính cô đã tự vượt qua những đau đớn như thế để đến với chúng tôi, những đau đớn éo le chỉ có trong chiến tranh tàn khốc.

Chương XXIII

Trước lúc nổ máy, cô gái vén tóc đội chiếc mũ bay lên đầu và lẳng lẳng đưa tôi cặp tai nghe có gắn micrô để chúng tôi có thể nói chuyện với nhau trong khi bay.

Tôi ngạc nhiên khi thấy trực thăng bay về hướng tây bắc, nhưng chợt hiểu ra: cô muốn tôi được nhìn thấy lần cuối cùng nơi mình đã sống.

Trực thăng bay là là trên dải rừng phía bắc vùng đồi cỏ, lướt qua chỗ chiếc máy bay chở vàng rơi, qua cái cây chết khô nhô trên tán cây cỏ thụ, nơi tôi đã leo lên đôi đầu với cái chết, và trước mắt là vòm cây đa như một tán dù khổng lồ. Nhìn từ trên cao, khúc suối trước mặt nhà tôi lượn cong cong nên vũng suối trông giống viên ngọc bích gắn trên mặt nhẫn. Không nhìn thấy ngôi nhà, cũng chẳng có bóng con thú nào. Sau vòng lượn thứ hai, chiếc trực thăng bay thẳng về hướng đông.

Lúc ra khỏi miền sơn nguyên, vùng núi non phía dưới như tụt thấp xuống. Rừng già trải mênh mông. Những đỉnh núi nhọn, những vách núi dựng đứng trở nên mềm mại hơn và bớt vẻ hiểm trở. Xung quanh tôi lúc này là khoảng không bao la, bên dưới là thảm rừng mịn màng. Tôi có cảm giác hụt hẫng và trống trải khi không còn nền đất vững chắc dưới chân cùng cây rừng vây bọc che chắn quanh người.

Chiếc trực thăng vẫn chúi đầu như trượt xuống theo chiều nghiêng của đông Trường Sơn, giữ một độ cao tương đối ổn định so với mặt đất. Nó bay ngoằn ngoèo len lách giữa những dãy núi, lúc lúc lại hiện bóng trên những sườn núi xanh rì còn đọng nắng. Những đỉnh núi lao thẳng tới rồi vụt tránh sang một bên và lướt nhanh về phía sau.

Tôi đưa mắt nhìn lên bảng điều khiển la liệt đồng hồ tìm chiếc chỉ độ cao, nhưng không nhận ra. Chắc ở đây dùng đơn vị đo

khác. Như hiểu tôi nghĩ gì, cô nói trong khi mắt vẫn nhìn thẳng về phía trước:

– Ta đang bay với tốc độ một trăm năm mươi cây số giờ. Em phải bay thấp để tránh tìm quét sóng của radar. Lúc nào về gần tới đồng bằng mới lên cao liên lạc với bác Tùng.

Tôi nhìn cô thán phục. Trông cô khác hẳn với cô gái hồn nhiên nhí nhảnh ở trong rừng lúc nãy. Có lẽ đây là cô chị. "Hai chị em" giống nhau như đúc, nhưng cô chở từng trải hơn bởi gương mặt trầm tĩnh, ánh mắt quyết đoán và những động tác thành thực tự tin. Còn tôi lúc này chắc giống chú bé nhà quê lần đầu được đi ô tô, lóng ngóng và ngỡ ngác. Cô gái kéo cần lái. Chiếc trực thăng nâng độ cao rất nhanh. Nếu không bị nén chặt vào ghế ngồi, hẳn tôi đã nghĩ rằng thảm rừng phía dưới đang chìm nhanh xuống. Ở đó lác đác mấy đám nương rẫy trông như những mụn vá trên chiếc áo xanh của rừng. Phía xa hơn có những triền rừng bị rải chất độc hóa học, màu cây khô xám xịt. Đường chân trời đang duỗi ra, thẳng dần. Trong ống nghe có tiếng cười khúc khích, rồi giọng cô nhỏ nhỏ:

– Tới đây lên cao được rồi?! Lỡ trúng đạn Quân giải phóng thì... oan lắm!

– Dưới đó là vùng giải phóng sao?

– Vâng! Anh có muốn xuống đó không?

– VẬY CŨNG ĐƯỢC! Cô bay chậm chậm để... tôi nhảy.

– Ý! Đừng giỡn à nghen! Anh mà nhảy, em... cũng nhảy theo, chớ về dưới lấy chi thường cho "anh Hai" của anh?

Tít dưới xa có một dòng nước trắng bạc uốn lượn như nét vẽ. Màu xanh ở mặt đất trông cũng nhạt hơn, đôi chỗ hoe vàng. Cô gái nhìn đồng hồ đeo tay rồi ấn một chiếc nút trên bảng điều khiển, chỉnh núm rà tần số vô tuyến. Lát sau cô reo khẽ: "Có rồi!", và quay sang tôi giải thích:

– Bác ấy quy ước tín hiệu liên lạc trên sóng vô tuyến chớ không đàm thoại được. Giờ thì khỏi lo rồi! Để em xuống thấp cho

anh ngắm đồng bằng.

"Đồng bằng? Nhanh vậy ư? Dễ dàng vậy ư?" Tôi thấy nghẹn nghẹn. Đã bao ngày mơ lúc về tới đồng bằng...

Nhìn từ độ cao chừng hai trăm mét, cảnh vật bên dưới hiện rõ mồn một. Trên dòng sông quanh co uốn khúc, vài chiếc thuyền nhỏ trôi lững lờ, mái chèo quấy nước lóe nắng. Ven bờ sông thỉnh thoảng lại thấy một xóm nhỏ thưa thớt vài nóc nhà ẩn hiện dưới bóng cây xanh rờn. Chên giữa những dãy đồi là mấy vạt ruộng xác xơ màu rơm rạ. Đã qua vụ gặt. Lát sau, những quả đồi thưa dần rồi biến mất. Xóm làng xanh mượt cây lá nổi lên như những cù lao giữa cánh đồng trải rộng. Tôi xách cái túi đựng máy truyền tin hé cửa thả xương sông và lần túi quần lấy chiếc bật lửa ném ra ngoài. Định giữ làm kỷ niệm, nhưng thôi! Bật lửa Trung Quốc, để lại không tiện.

Ngắm nhìn dòng sông, tôi hỏi:

– Sông gì đây, cô Thủy?

– Thu Bồn đó anh! Từ đây về quê em có chút xíu hà!

"Sông Thu Bồn? Có phải dòng nước nơi anh Sơn hy sinh chảy về tới đây?"...

Khi còn sống trong rừng, tôi mừng tượng lúc nhìn thấy đồng bằng, chắc mình sẽ lịm đi vì xúc động. Vậy mà lúc này cảm giác bồi hồi chỉ thoáng qua. "Đồng bằng? Nhưng là vùng địch! Mình đang ngồi trên chiếc máy bay của địch. Điều gì chờ ở phía trước?" Từ trưa tới giờ, một câu hỏi cứ lờn vờn trong đầu tôi: "Vì sao ông Tùng nói với Thủy hôm nay sẽ không có cuộc tập kích nào tiếp theo? Nếu ông ta không dính gì tới vụ vừa rồi thì làm sao biết được điều đó? Phải chăng đang có một cái bẫy chờ mình lúc máy bay đáp xuống? Kế "điệu hổ ly sơn" mà! Mình không hề nghi ngờ Thủy. Những gì cô ấy đã làm, lá thư của anh Hai Nguyên, những tình cảm cô biểu lộ... khẳng định lòng tin đó. Nhưng biết đâu kẻ địch lợi dụng? Biết Thủy đang nói chặng cuối đường dây liên lạc, chúng tạo điều kiện cho cô bay... Nhẹ nhàng hơn nhiều so với việc tổ chức một cuộc tập kích..."

Tôi nhìn khẩu súng trong tay. Lúc này nó chỉ là vật phụ thêm vào việc cải trang cho phù hợp với bộ quần áo rằn ri mặc trên người. Nếu địch đón bắt khi máy bay đổ xuống, tôi cũng không thể bắn. Có thể giết thêm vài tên, nhưng Thủy sẽ bị nguy hiểm, nếu may mắn sống sót thì cũng bị thương, rồi tù đày...

– ...Anh có nghe em nói chi không? - Tiếng cô lọt vào ống nghe, kéo tôi ra khỏi nhưng suy nghĩ bồn chồn.

– Cô bảo sao?

– Em hỏi, anh có muốn ghé qua quê "anh Hai" của anh không?

– Muốn! Nhưng làm sao ghé được?

– Mình nhìn từ trên cao thôi! - Cô trả lời.

Chiếc trực thăng vẫn bay phía trên con sông. Tôi chăm chú nhìn những xóm làng hiện ra bên dưới. - Anh có thấy cái xóm nhỏ có mấy cây cau cao cao kia không? Đó, cái xóm sát khúc sông có bờ cát vàng vàng... Làng em đó!

– Cô có hay về thăm quê không?

– Em về hoài à! Mẹ má em và anh Trà đều ở đó.

– Vậy cây mai còn không?

– Còn chứ! Ba em quý nó lắm. Ông kể cây mai ấy ông nội trồng từ hồi chưa có ba. Mà thôi, đến giờ hẹn rồi. Em đổi hướng đây.

Chiếc trực thăng lượn một vòng rồi bay về hướng tây bắc. Thì ra cô đã bay dần thêm vài chục cây số để tôi nhìn thấy cái xóm nhỏ đó. Bên dưới Quốc lộ I như con rắn màu đen trườn dài trên cánh đồng và mất hút ở cả hai đầu. Nếu lúc này có nắng chắc sẽ nhìn thấy biển. Xa một chút về hướng đông bắc, thấp thoáng những mảnh trắng nhờ nhờ của nhà cửa phố xá. Nơi đó là Đà Nẵng.

– Gần tới rồi! Anh nhìn thấy quả đồi kia không? - Tiếng cô nói trong ống nghe.

Phía trước hiện ra mấy dãy đồi cây mọc cằn cỗi. Máy bay xuống thấp và bay chậm lại. Trước mặt tôi là một mỏm đồi có

những vết đỏ hoét của đất sỏi bị đào bới. Tôi căng mắt nhìn. Những đường hào nông chân chạy ngoằn ngoèo. Vài ụ súng đáp bằng bao cát, mấy đường thép gai bùng bùng. Dưới chân đồi có con đường nhựa chạy về hướng đông. Có lẽ đây là một cứ điểm đã bỏ trống. Trong ánh sáng nhá nhem của những tia nắng cuối ngày, quả đồi trông hoang vu và vắng vẻ. Không thấy người thấy xe. Biết đâu chúng đang ẩn trong mấy ụ súng?

Trực thăng hạ còng trên vạt đất bằng phẳng giữa đỉnh đồi. Tiếng động cơ dịu lại, cánh quạt vẫn quay chậm chậm. Tôi hồi hộp nhìn quanh, từng thớ thịt trong người căng lên...

Một phút... hai phút... ba phút. Tất cả vẫn yên tĩnh. Không có bọn lính cấp súng hò hét nhào ra tử mấy ụ súng, không có những chiếc xe rú máy lao hết tốc lực lên đỉnh đồi. Trong cảnh hoang hôn vắng lặng, chỉ thấy làn bụi mỏng đang lắng xuống.

Tôi liếc nhìn cô, thấy đôi mắt mở to đang chớp chớp lo lắng:

– Bác ấy đâu kìa? Anh ngồi yên, ta đợi chút nữa!

Vẫn chăm chú quan sát xung quanh, tôi hỏi để át nỗi bồn chồn cho cả hai:

– Lúc nãy thấy cô Thủy cứ im lặng, tôi lo quá!

Trên đoạn đường nhựa cách chừng hai cây số, một chiếc xe Jeep quân sự ló ra khỏi khúc quanh, bon bon về hướng chúng tôi. Trên xe chỉ có một người. Lúc nó rẽ vào con đường sỏi chạy thẳng lên đỉnh đồi, tôi nhìn rõ ông Tùng ngồi sau tay lái.

– Anh xuống được rồi! - Cô nói, vẫn cúi mặt.

Tôi mở dây an toàn, bỏ ống nghe xuống, ngần ngừ không biết nói thế nào.

– Anh về trước đi! Trả máy bay xong em về liền à! - Cô lại giục, giọng dịu dàng.

Chiếc Jeep dừng ngoài vùng gió cánh quạt. Ông Tùng xuống xe, chắp hai tay sau lưng đứng nhìn lên.

Tôi xách súng nhảy xuống, giữ bước bình thản đi về phía chiếc xe. Ông Tùng mặc nguyên bộ đồ sĩ quan, đeo lon đại tá vành lưỡi

tra dài thượt của chiếc mũ lính che tối đôi mắt làm tôi không thể đoán được ông đang nghĩ gì. Dù sao lúc này cũng còn quá sớm để nói lời cảm ơn. Tôi nghĩ vậy nên chỉ nói: "Chào đại tá!", rồi bước lại gần. Ông im lặng chìa tay ra. Tôi đưa một tay bắt. Ông chụp tay tôi bóp mạnh và nói:

– Khá lắm! Anh bạn Việt Cộng! Tôi biết chắc chắn anh còn sống mà. Nào, lên xe! - Ông quay về phía chiếc trực thăng vẫy tay.

Tiếng động cơ rồ lên. Chiếc trực thăng sạt qua trên đầu chúng tôi, cuốn cái mũ của ông bay xông đất, bụi tung mù mịt.

– Cái con này! Nó bay kiểu gì thế không biết! - Ông Tùng cầu nhàu cúi xuống nhặt mũ.

Tôi vừa áy náy vừa buồn cười. Rõ ràng ông ta bị vạ lây.

Chúng tôi lên xe. Chiếc jeep quay đầu chạy xuống đồi, lát sau đã bon nhanh trên con đường nhựa vắng tanh. Được chừng vài cây số, ông Tùng lượn xe đỗ sát lề đường và nói:

– Trời còn sáng, ta đợi một chút. Tốt nhất là không nên để ai nhìn rõ mặt anh. - Ông quàng một tay qua lưng tựa của ghế lái, quay sang phía tôi thân mật hỏi - Làm sao anh thoát được?

Tôi ngập ngừng. Biết ông hỏi về vụ tập kích, nhưng đó là lời thăm hỏi thân tình, hay muốn tìm hiểu nguyên nhân của sự thất bại?

– Có lẽ... cũng nhờ may mắn thôi. Chuyện dài lắm... - Tôi đáp ấp úng.

– Thôi để kể sau. Nhưng lúc đó anh giận tôi lắm phải không?

Tôi nhìn thẳng vào mắt ông. Hình như chỉ có sự chân thành...

– Đại tá hỏi một câu... rất khó trả lời. Chúng tôi chẳng bao giờ hoài công để giết kẻ thù của mình. Xin lỗi, tôi nói về những kẻ đã tấn công tôi đêm đó. Còn... lúc xả súng tiêu diệt chiếc trực thăng biệt kích, tôi có nghĩ đến đại tá và... quả thực tôi thấy thất vọng.

– Tôi hiểu! Dù sao cũng cảm ơn là anh vẫn tin tôi khi thẳng thắn nói ra điều đó. - Ông nói, và móc túi áo ngực lấy ra mấy tờ

giấy đưa cho tôi - đây là giấy tờ của anh. Tôi biết ông Thành đã móc được với bên kia, chắc họ lo đủ cho anh rồi. Nhưng phần tôi giúp được gì, tôi vẫn giúp. Anh coi qua giấy tờ đi, lỡ có gì đối đáp cho êm.

Tôi lướt nhanh hai tờ giấy. Đó là giấy nghỉ phép do chính ông ký, cho phép tôi "Nghỉ phép chờ làm thủ tục xuất ngũ", cùng với một giấy của quân y xác nhận tôi bị sốt rét lâu ngày, nay được nghỉ để ra ngoài chữa bệnh. Tên trong giấy ghi là Nguyễn Văn Hải, quê ở Quảng Trị, tuổi cũng khớp, cả cái bệnh sốt rét cũng hợp với nước da và tạng người tôi lúc này. Một lần nữa, ông lại làm tôi ngạc nhiên.

Tôi gấp hai tờ giấy bỏ vào túi áo ngực, cài cúc lại và nói mà không nhìn ông:

– Xin cảm ơn đại tá!

Mọi việc vẫn còn ở phía trước. Vẫn còn quá sớm để bộc lộ tình cảm biết ơn chân thành. Nếu đây là một cái bẫy thì tôi đã dút cả hai chân vào bẫy. Nhưng chân là chân, còn đầu là đầu! Tôi không thể phỉ phạm lòng tin của mình. Có đúng không? Hay thói quen cảnh giác lúc ở rừng đã khiến tôi đa nghi? Hạ hồi phân giải! Trong truyện Tàu người ta thường nói như vậy. Mấy năm vừa qua tôi đã gặp quá nhiều chuyện lạ, nhiều đến mức đủ để hiểu rằng cuộc sống luôn chứa đựng những điều bất ngờ.

Ông Tùng liếc nhìn tôi vẻ tò mò nhưng không nói gì, chỉ đưa tay nhìn đồng hồ rồi xoay chìa khóa nổ máy. Chiếc Jeep trườn ra mặt đường nhựa và lao đi vun vút. Tôi tựa súng vào vai ngồi ghéch chân lên thành cửa xe dáng ngổ ngáo, nhưng thực ra trong lòng rất lo lắng. Cái vai lính ngự đã "diễn" mấy lần ngoài Quảng Trị, nhưng lúc này khác. Địa bàn xa lạ, xung quanh không có đồng đội, sự hỗ trợ của tổ chức vẫn là vô hình. Với lại sau mấy năm ở rừng, giờ đùng một cái về phố xá vùng địch chiếm đóng, lại trên xe của một đại tá ngự "thứ thiệt", là chuyện mới sáng nay tôi chưa hề nghĩ tới.

Trời sẩm tối. Sương chiều đang xuống. Mây giăng đầy trên dãy núi chạy song song với con đường, cách chừng vài cây số. Suy nghĩ khá lâu tôi mới nhớ được đây là dãy Hải Vân đổ từ Trường Sơn ra tới biển. Phía trước hiện ra một vùng sáng mờ mờ: Đà Nẵng đã lên đèn. Trong làn gió phả ào ào vào mặt như có vị mặn của muối biển. Phía biển lúc này đen ngòm, thỉnh thoảng lại thấy ánh chớp lóe lên từ những đám mây xa. Vậy là đêm nay trên núi sẽ mưa. "Mưa nguồn chớp biển", có bốn chữ mà gợi nhớ đến nôn nao...

Bốn bánh xe nhảy chồm chồm lúc leo qua đường tàu. Tôi cố nén để khỏi bật rên bởi chỗ bị đánh bên sườn đau nhói. Chạy thêm một quãng ngắn, chiếc Jeep bật đèn pha rồi ngoặt sang trái theo con đường nhựa rộng hơn và phẳng lì. Đây đã là quốc lộ Một. Không khí nồng mùi xăng. Ánh đèn xe soi loang loáng dãy hàng rào dây thép gai ken kín mít phía bên phải đường. Vài chiếc ô tô chạy ngược chiều pha đèn chói mắt. Một chiếc máy bay bật đèn hiệu cả ở bụng và hai đầu cánh sà thấp xuống sau dãy hàng rào thép gai. À, trong kia là sân bay, hèn gì chúng rào kỹ quá!

Trước mặt tôi hiện lên những bóng điện đường vàng tù mù trong sương, rồi những dãy phố đầu tiên thấp thoáng ánh đèn không. Đường phố đông dần. Xích lô, xe máy, xe đạp, xe jeep quân sự, biển hiệu xanh đỏ và chớp đèn quảng cáo nhấp nháy. Trong những người đi bộ có cả lính ngụy và lính Mỹ. Nơi đây về đêm vẫn ồn ào tấp nập, khác hẳn một trời một vực với vùng rừng tôi vừa từ biệt.

Sau khi qua mấy ngã tư, xe chúng tôi chạy vào những đường phố ngắn yên tĩnh, hai bên đường có những cây cổ thụ nghiêng cành đan thành vòm trên cao. Ông Tùng vẫn bình thản sau tay lái. Chẳng ai, dù cảnh sát hay quân cảnh, lại dám chặn xe một đại tá để kiểm tra.

Đang chạy nhanh, ông bỗng phanh xe đột ngột. Tiếng bánh xe miết cháy mặt đường rít chói tai. Vài người qua đường giật mình

ngoái cổ nhìn lại. Những người trong quán ăn ở góc phố đòi diện cũng hoảng hốt ngó ra. Ông nhún ba tiếng còi rồi bảo tôi:

– Anh xuống mở cổng đi!

Bài bản phải thế, chứ chả lẽ quan lại xuống mở cổng cho lính? Nhưng sao ông ta làm ồn ào quá vậy? Tôi nhìn nhanh về chiếc cổng sắt sơn xanh, phía trên có giàn dây leo loáng thoáng vài cánh hoa màu tím. Bên trong là ngôi nhà nhỏ một tầng, khá kín đáo và tách biệt với những nhà khác bởi xung quanh có khoảng đất trống trồng cây. Trong nhà sáng đèn nhưng im ắng. Có gì trong đó?

Tôi xuống xe, giữ vẻ tự nhiên tiến lại phía cổng. Chưa kịp đưa tay mở thì bóng điện trên cổng bật sáng, cánh cổng hé ra. Tôi đứng tránh sang một bên để ánh đèn không rọi vào mặt, vừa nhìn thấy ông Thành bước ra. Ông nhìn tôi khẽ gật đầu chào, hờ hững nói: "Anh vào đi", rồi bước nhanh về phía ông Tùng chào hỏi vồn vã.

"Vậy là sao?" Tôi điếng người trước thái độ lạnh nhạt của ông, nhưng tự nhủ phải bình tĩnh. Đã trót dâm lao rồi!

Lách người qua cổng, tôi đi ngang mảnh sân nhỏ và bước lên bậc tam cấp trước nhà. Cánh cửa chỉ khép hờ, để lọt ra vệt sáng xanh của ánh điện. Bên trong là gian phòng khách bày biện đơn giản. Không có ai ở trong đó. Hai ông vẫn đứng nói chuyện trước cổng.

Đang đứng ngơ ngác giữa phòng, tôi bỗng giật mình khi thấy cánh cửa dẫn vào phòng trong mở ra và một tên lính mặc quần áo rằn ri xuất hiện. Tim tôi thót lại, người cứng đờ, mọi phản xạ hầu như bị tê liệt.

Tên lính nhào tới, đưa cả hai tay chụp lấy tay tôi lắc lắc nói như reo lên:

– Anh Hai! Anh Hai mạnh giỏi không?

Tôi ngỡ ngàng nhìn anh ta, bộ óc chậm chạp hoạt động trở lại. Trông anh ta quen quen, hình như đã gặp ở đâu rồi... Cả giọng

nói nữa.

– Anh là... - Tôi phân vân hỏi.

– Trời? Anh Hai quên em rồi sao? Em gặp anh hôm lên bốc mộ...

Nhớ ra rồi đây là một trong hai người lính nói giọng Nam Bộ hôm đó. Nhưng anh ta làm gì ở đây?

– Em chờ anh Hai suốt ngày nay. - Anh ta nói tiếp, giọng vẫn mừng rỡ - đại tá biểu em lên vô đây từ sáng, chờ anh Hai về để ra thể chỗ ngoài xe. Anh Hai ngồi xuống cho đỡ mệt!

Anh ta kéo tôi ngồi xuống ghé rồi đứng nhìn tôi, nét mặt hơn hờ. Nhìn vóc dáng người lính và bộ quần áo anh ta mặc trên người, tôi chợt hiểu: đây là sự sắp xếp của ông Tùng. Lát nữa khi ông ra về vẫn đủ hai người trên xe. Không ngờ ông đại tá không lực mà kinh nghiệm hoạt động bí mật đầy người.

Nén tiếng thở phào, tôi hỏi:

– Anh làm như vậy, không sợ sao?

– Dạ thưa, đại tá biểu thì em phải làm. Với lại em chịu ơn anh Hai nhiều lắm...

– Ơn tôi? - Tôi ngạc nhiên.

– Dạ! Vừa rồi em nhận được thư đưa em, nó báo tin má em đã khỏi bệnh... - "Liên quan gì đến mình?", tôi thắc mắc - Má em bệnh hơn năm nay, không có tiền mua thuốc. Bữa trước anh hai cho miếng kỳ nam, em về bán được ít tiền gửi vô cho má uống thuốc. Nghe tin bà mạnh trở lại, em mừng lắm! Nhà em nghèo, bà con lối xóm cũng nghèo, không ai giúp được. Vậy mà anh Hai ở tận trên rừng, xa xôi như vậy, lại chẳng quen biết gì mà anh Hai giúp được... Em... không bao giờ quên ơn anh Hai... - Anh ta rơm rớm nước mắt.

Tôi cũng cảm động trước sự chân tình của người lính. Thực ra tôi đâu có chủ ý giúp anh ta! Mới hay mọi việc cốt ở cái tâm của con người. Thằng trung sĩ Hưng đấy thôi, nó cũng có phần như vậy...

Ông Tùng bước vào nhà, hát hàm nói với người lính:

– Ra xe ngồi trông chừng!

– Dạ! - Người lính cúi đầu, đưa mắt chào tôi rồi đi ra.

Ông Tùng quay sang nói với tôi:

– Anh yên tâm, thằng đó tin được. Hấn cùng quê với tôi đó!

Ông Thành khép cửa lại, hấp tấp bước tới ôm vai tôi:

– Vậy là anh đã về được. Cả ngày nay tôi nóng ruột quá trời!

Anh có khỏe không?

– Dạ, cháu khỏe! Cám ơn bác!

– Thôi, giao lại cho anh với con Thủy, tôi hết trách nhiệm. -

Ông Tùng nói với ông Thành rồi quay sang tôi - Chúc anh về tới đích. Chào! - Ông vỗ vai tôi và bước đi ngay, không để tôi kịp nói lời nào.

– Thấy anh bình yên, tôi mừng quá! - Ông Thành nói mà mắt ươn ướt - Sáng qua nghe ông Tùng nói chúng đánh yên chỗ anh, tôi lo muốn xỉu. Con Thủy thì cứ khóc lên khóc xuống. Lại đúng lúc vừa nhận được thư chú nó nhờ chuyển cho anh, thật rối cả ruột...

Tôi ôm chầm lấy ông, xúc động đến trào nước mắt. Thật may mắn khi cuộc sống đưa đẩy tôi gặp được những con người như thế này.

Ông Thành đưa tôi lên gác, dẫn vào một căn phòng nhỏ:

– Đêm nay anh ngủ ở phòng tôi. Đừng lo, tôi còn chỗ làm việc ở dưới nhà. Còn đây là quần áo để anh thay. Phòng tắm, phòng vệ sinh ở kia. Giờ anh đi tắm, tôi xuống chuẩn bị cơm nước. Con Thủy cũng sắp về rồi đó.

– Ông nói và vội vã đi xông nhà.

Lúc từ phòng tắm bước ra, tôi nghe có tiếng mở cổng, rồi tiếng ông Thành nói dưới nhà:

– Thủy đó con? Sao về muộn vậy?

– Dạ, con phải la cà một chút, nôn quá không tiện.

- Con ôm cái gì vậy?
- Ủa Ba coi nè! - Giọng cô hãnh diện.
- Con báo. Ở đâu ra vậy con?
- Ảnh làm cho con đó! Ba coi có đẹp không?
- Ừ, đẹp lắm! Chà, anh ấy biết con mê con báo lắm mà!
- Ảnh đâu ba?
- Ở trên phòng. Thôi, con đi tắm rửa. Cơm nước để ba lo.

Tiếng chân cô bước gấp gấp trên cầu thang, ngập ngừng trước phòng tôi mấy giây, lại đi tiếp. Rồi tiếng mở, đóng cửa căn phòng ở phía cuối.

Tôi ngồi xuống bên chiếc bàn nhỏ, cầm lên một cuốn sách, nhưng mãi chẳng đọc được một chữ nào. Những gì vừa xảy ra trong ngày hôm nay đã lôi cuốn hết tâm trí, làm xáo trộn nếp suy nghĩ bình thường. Và sắp tới còn gì nữa? Nếu ở đây lâu sẽ nguy hiểm cho gia đình của ông Thành. Nhưng đường dây anh Hai Nguyên bố trí đang dừng lại ở đây, tôi lệ thuộc hoàn toàn, không tự quyết định gì được. Có lẽ vào đến chỗ già Lý mới gặp được người của mình. Muốn về tới đích, tôi phải đi con đường vòng khá xa. Có khi đường vòng lại là con đường gần nhất. Giờ tôi mới hiểu vì sao trước đây anh Hai Nguyên lại dặn: "Đường trở về không nhất thiết phải đi ngược lại con đường đã đi..." Anh không thể biết trước mọi chuyện, nhưng với kinh nghiệm của mình, anh đã lường tới những tình huống ngoài dự tính...

Mãi suy nghĩ, tôi giật mình khi nghe cô gái gọi khẽ ngoài cửa phòng:

- Anh Hải... - Tôi vội đứng dậy mở cửa - Em vô được không?
- Sao lại không? Cô Thủy vào đi!

Cô bước vào, tươi tắn trong bộ quần áo bà ba màu tím nhạt. Đưa mắt nhìn tôi từ đầu tới chân, cô kêu lên:

- Ôi! Anh...coi lạ hoắc à?

– Ừ, tự tôi cũng thấy lạ! - Tôi cười ngượng nghịu - Lâu nay toàn mặc quần áo lính, giờ mặc lại đồ thường, thấy nhẹ hẫng đi.

– Em tới bàn với anh coi có cần mời bác sĩ không?

– Đừng! Không nên!

– Nhưng chỗ chấn thương...

– Chẳng sao đâu! Thủy không thấy cả ngày nay tôi vẫn bình thường đấy thôi!

– Mai anh đi rồi, để vầy em sợ lỡ có chuyện chi... - Thủy đừng lo, nó sẽ tự lành thôi!

Có tiếng chuông réo ngoài cổng. Cô vội đứng dậy:

– Anh cứ ngồi đó, để em xuống coi ai. - Ra tới cửa cô còn ngoái lại lém lỉnh - Vậy là anh cũng có tiến bộ chút xíu rồi đó!

Tôi lắng nghe tiếng chân cô chạy xuống cầu thang và bần khoăn tự hỏi, không biết "chút xíu" lúc này là bao nhiêu? Chắc không giống với "chút xíu" lúc ở trên máy bay bay về quê cô.

Một lát sau, cô hấp tấp chạy lên, hé cửa nghiêng người vào nói:

– Anh có khách ghen!

Tôi yên tâm khi nhìn thấy nét mặt tươi rói của cô, nhưng vẫn hỏi:

– Ai vậy?

– Người đăng mình!

– Tức là "Việt Cộng phải không? Sao cô biết?

– Không giống đâu ghen! - Cô lờm, nói tiếp - Em gặp ảnh hai lần rồi. Hôm vô Tam Kỳ bàn công chuyện và bữa trước ảnh đưa thư "anh Hai" tới đó! Để em đưa ảnh lên.

Vài phút sau, cô dẫn vào phòng một người đàn ông lạ mặt, rồi ý tứ quay ra, khép cửa lại.

– Chào anh! - Tôi đứng dậy chào trước.

– Chào anh Hải! Anh Hai có gửi cho anh cái này. - Anh nói và đưa cho tôi một tờ giấy gấp nhỏ.

Tôi mở tờ giấy, lại nhìn thấy một trang sổ tay của mình. Trang này chép bài thơ "Núi đôi"¹ (Bài thơ "Núi đôi" của nhà thơ Vũ Cao), nhưng chỉ có bốn khổ thơ đầu. Vậy là tin nhau được rồi. Tôi nắm chặt tay anh, cảm động hỏi:

– Anh là anh Nghĩa?

– Không! Anh Nghĩa bị lộ mặt ở Đà Nẵng, không ra được. Anh cứ gọi tôi là Tám. Tôi ở bên biệt động, được giao nhiệm vụ bảo vệ và đưa anh vào tới chỗ anh Nghĩa.

– Anh cho biết tôi phải làm gì?

– Đêm nay anh cứ yên tâm nghỉ lại đây. Chúng tôi đã bố trí bảo vệ vòng ngoài. Ta có cơ sở trong hàng ngũ địch, nếu có động sẽ được báo trước. Tôi đã dặn bác Thành và cô Thủy tín hiệu báo động và địa điểm liên lạc trong trường hợp đột xuất. Sáng mai bác Thành chở anh vào Tam Kỳ bằng Honda. Đi bình thường như mọi người, có lực lượng bám theo đề phòng bắt trặc. Khi có người cần gặp anh thì mặt khẩu là... - Anh dặn tôi mặt khẩu hỏi và đáp - Cũng phòng hờ vậy thôi chứ tôi tin mọi việc sẽ êm. Còn đây là giấy tờ của anh. - Anh đưa tôi tờ giấy hoãn dịch, nói tiếp - Việc gấp quá, chúng tôi không lo được thẻ căn cước. Khó nhất là không có ảnh của anh. Đây là giấy thật mượn của người khác, anh tự nghĩ cho mình một lý lịch phù hợp để khai cho khớp nếu bị hỏi.

Tôi lấy ra hai tờ giấy ông Tùng đưa:

– Tôi có giấy này, anh xem được không?

Anh chăm chú xem kỹ và ngạc nhiên hỏi:

– Làm sao anh có được giấy tờ này?

– Ông Tùng đưa tôi lúc chiều!

– Hay lắm! Thế là tôi hết lo rồi. Anh hỏi thêm cô Thủy về một số chi tiết như tên chỉ huy, nơi đóng quân... Để phòng khi bị kiểm tra.

Tôi do dự một lúc rồi hỏi:

– Các anh có biết gì về ông Tùng?

– Việc đó bộ phận khác theo dõi nên tôi cũng chưa biết gì nhiều ngoài những điều mà bác Thành và cô Thủy nói. Nhưng cấp trên đã cân nhắc kỹ và quyết định sử dụng mối quan hệ cá nhân này để đưa anh về bằng con đường nhanh nhất. Thực ra công việc dựa hoàn toàn vào sự giúp đỡ của cha con bác Thành, chúng tôi chỉ hỗ trợ phần cuối. Anh cần hỏi gì thêm không?

Tôi nói:

– Tôi trú lại đây sợ nguy hiểm cho gia đình bác Thành.

– Anh yên tâm, việc này cũng được tính kỹ. Kế hoạch lúc đầu là đưa anh đến một địa điểm khác, nhưng bác ấy đề nghị để anh ở đây. Chúng tôi đồng ý vì thấy như vậy an toàn hơn. Gia đình bác ấy chưa hề bị địch chú ý. Ta cũng có kế hoạch bảo vệ cho bác ấy và cô Thủy về lâu dài.

Chúng tôi trao đổi thêm một số chi tiết, rồi anh đứng dậy:

– Ngày mai tôi sẽ bám theo anh, nhưng chúng ta không gặp nhau nữa nếu không cần thiết. Vậy xin chúng anh mạnh khỏe và thắng lợi.

Chúng tôi siết chặt tay nhau. Cảm giác tin cậy từ bàn tay đồng đội làm lòng tôi ấm lại. Thế là tôi đã thật sự trở về.

Đúng như đã hẹn, ông Tùng đến lúc chín giờ tối, vẫn trên chiếc xe Jeep lúc chiều. Nhìn ông trong bộ quần áo thường, tôi thấy gần gũi hơn.

Mới bước vào phòng, ông đã lôi ra chai rượu và thét gọi cô cháu gái lấy ly. Vừa rót rượu, ông vừa nói với tôi.

– Rất tiếc là không đãi anh được bữa cá lóc nướng, cũng chẳng mời anh về nhà tôi được. Thôi, đành vậy! Nào, ta cùng ly uống mừng cuộc gặp gỡ!

Bốn chúng tôi ngồi quanh chiếc bàn nhỏ trò chuyện vui vẻ. Theo yêu cầu "thính giả", tôi phải kể lại cuộc đụng độ vừa qua. Lúc đầu còn miễn cưỡng, nhưng rồi việc nhắc lại những sự việc

tuy đã thành kỷ niệm nhưng vẫn còn nóng hổi đã khiến tôi xúc động thật sự. Tôi kể mà như đang nhìn thấy trước mắt bãi cỏ ướt sương đêm lòa nhòa ánh trăng, lối mòn quanh co trong dải rừng non, bóng thú vàng đen lốm đốm lao vút qua ánh đèn, và quầng lửa nổ tung giữa trời...

Lúc tôi kể xong chuyện, mọi người cùng im lặng hồi lâu. Mãi sau mới nghe ông Tùng nói, giọng trầm lại:

– Chà! Không ngờ con dã thú mà có nghĩa đến vậy! Tiếc là không thể đem nó về nuôi được.

– Vậy mà cháu đem về được đó!

– Mà con nít hoài! Bộ tưởng tao say hả? - Ông Tùng gắt.

– Bác muốn coi không? Để cháu dắt nó tới... - Cô nói rồi chạy vụt đi.

Lát sau cô quay lại, ôm con báo đá đặt trước mặt ông Tùng.

– Ủa? Mà lấy đâu ra vậy cháu?

– Bác đoán coi!

Ông Tùng nâng con báo đá lên xem:

– Thứ đá này... không phải đá Non Nước... - ông chột ngẩng lên hỏi tôi - Anh làm trên đó phải không?

Tôi hơi ngượng:

– Máy tháng mưa không biết làm gì, tôi ngồi đực chơi.

– Chà chà! Coi bộ anh không chỉ biết bắn súng? Mà sượng thiệt đó cháu ước cái gì được cái ấy?

– Đâu có bác! Cháu chở ảnh về nên được trả công đó!

Tôi sượng mặt, vội lảng nhanh sang đề tài khác:

– Trong toán lính hôm đó có người của không đoàn Sáu chắc đại tá có biết?

Ông Tùng nhìn tôi chằm chằm, lát sau mới trả lời:

– Tôi biết, nhưng sau đó. Anh còn nhớ người Mỹ mà có lần tôi nói chuyện với anh không? Hôm ở trên rừng ấy?

– Hary Cody? - Tôi nói, dù đã đoán là ông sẽ nói một cái tên khác.

– Không! Thằng cha kia, John Smith. Tôi nhớ đã kể anh nghe rồi?

– Vâng, hình như vậy! Nhưng sao kia ạ!

– Sáng qua tôi được lệnh phải tổ chức một phi vụ tìm kiếm ở vùng rừng anh đang sống. Điều này chắc con Thủy đã kể. Ngay sau đó tay Smith trực tiếp gọi điện cho tôi về cuộc tìm kiếm. Lúc đó tôi mới hay thằng đại úy ban Hai lên đó - ông dừng lại, tư lự một lúc rồi nói tiếp - Tôi không cần biết anh làm gì ở trên, nhưng chấp nối các sự kiện từ trước tới giờ thì có thể nghĩ rằng cha người Mỹ kia biết. Những chuyến bay của Cody và thằng Trà trước đây đều liên quan đến Smith. Chỉ có điều lạ là... việc chỉ dính tới cá nhân, chứ không phải của bên tình báo hay quân đội. Đích thân Smith yêu cầu tôi giữ kín chuyện này, nhất là không cho báo giới biết. Chả nói đây là công vụ đặc biệt. Tôi được một người bạn cho hay toán lính đó Smith thuê, trả tiền "đô" đảng hoàng. Tất nhiên phải móc với cấp cao hơn mới thuê được. Nếu là công vụ, trong trường hợp này tụi "xị" hay dùng "Mũ nồi xanh". Còn dùng thám báo, sao không lấy ở đây?

Tôi nhớ tới lời thằng thượng sĩ lúc cãi nhau với tên kia: "...đại úy không phải là xếp của tụi này đâu nghen... Đừng tưởng vì mấy trăm đô mà tui lên đây..." Khớp lắm! Tôi hỏi thẳng:

– Vì sao đại tá lại đoán chắc là ngày hôm nay không có cuộc tập kích nào tiếp theo?

Ông Tùng nhìn cô gái càu nhàu:

– Cái con này! Mà có gì cũng đem khai hết với Việt Cộng!

– Cháu không sợ đâu! Nếu quy tội, tội bác còn nặng hơn.

Ông Tùng đành lắc đầu.

– Mà thiệt... hết biết! - Rồi quay sang tôi - Điều này cũng dễ nhận định thôi! Smith hành động cá nhân, nên có muốn làm tiếp cũng phải có thời gian. Vả lại chả còn lo việc bị vỡ lở. Không biết

rồi làm thế nào để bùng bít vụ này. Nếu không vì tốp phi công lái chiếc trực thăng ấy là người Mỹ, thì Smith cũng bỏ mặc chứ đâu thèm tìm kiếm? Mà thôi! Nói để anh biết vậy, chớ không liên quan gì đến tôi. Nào, cụng riêng với anh một ly! Mà phải hết đó nghen. Đây là lần cuối. Sau này dù có muốn, tôi với anh cũng không còn gặp nhau nữa đâu.

– Sao thế? Tôi nghĩ là...,

Tôi chưa nói hết câu, ông đã ngắt lời:

– Hôm trước tôi nói với anh rồi. Cùng lắm tháng nữa là tôi giao việc ở đây, nghỉ chữa bệnh. Thủ tục sắp xong, tôi sẽ sang bên với mấy đứa cháu... - Giọng ông đã trầm hơi men.

Ông Thành nhìn tôi gật đầu và nói nhỏ:

– Anh Tùng sắp nghỉ hưu.

– Vậy là hên cho anh đó! Mà cũng hên cho tôi nữa. - Ông Tùng cao giọng - ít ra thì tôi cũng đã có dịp giúp anh. Nếu tôi đi rồi, con Thủy lấy đâu ra trực thăng để bay!

Tôi đáp ứng:

– Tôi... biết ơn đại tá nhiều lắm...

Ông cười rộ:

– Hình như anh không quen nói lời khách sáo thì phải? Tôi cũng thích vậy! Con người phải biết đối xử với nhau bằng cái tình. Đến con thú ở rừng còn biết như thế nữa là!

– Quả thực... tôi thực lòng cảm ơn đại tá. Nhưng tại sao đại tá lại làm tất cả những việc ấy? Tôi là người của bên kia cơ mà?

Ông Tùng nhìn ly rượu, ánh mắt tối lại. Chợt ông bùng ly rượu ực cạn, rồi nói mà không nhìn ai cả:

– Nếu nói tôi giúp anh, cũng được! Nhưng đó là giúp theo cách một con người giúp một con người. Tôi không giúp cộng sản? - ông cầm chai rượu rót đều ra các ly, chậm rãi nói tiếp. Hồi trước, mỗi lần nhậu như thế này, ba tôi thường khề khà nói với hai anh em tôi: "Ba nghèo không có chi để lại chỉ dặn các con: làm thẳng

đàn ông sống ở đời phải biết trọng nghĩa khinh tài..." Lúc đó còn nhỏ, lại tưởng ông xin, nên anh em tôi chỉ vâng vâng dạ dạ cho có lệ. Anh biết không... - ông lại nâng ly rượu uống hết, mới nói tiếp - Lớn lên tôi vẫn nhớ lời ba tôi. Nhưng đó là nhớ, chứ hiểu thì không mấy hiểu. Học trung học ở Sài Gòn, dù đói khát ruột, tôi cũng ráng học thật giỏi cho tụi nhà giàu lác mắt. Nó chê mình nghèo thì được, nhưng không thể để nó khinh mình dốt. Rồi lúc được lựa vô học phi công cũng vậy. Cùng nghề lính, nhưng là lính con cưng, chỉ con cái nhà giàu mới vô được. Tôi tự hào về điều đó và ráng vượt lên để giỏi nghề. Tôi không quên lời ba tôi dặn, chỉ tiếc là đến lúc bạc đầu mới hiểu ra, mỗi lúc một ít... - ông ngừng nói, tay xoay xoay ly rượu, ánh mắt trống trải.

Cô gái láu táu:

- Vậy chỉ cần nghĩa chứ không cần tài, phải không bác?

Ông Tùng nhường mắt nhìn cô vẻ coi thường:

- Mà... còn phải học nhiều cháu ạ! Đừng tưởng dễ như trong mấy tích cải lương đâu nghe! - Rồi ông khề khà - Sống ở đời phải làm người giỏi. Không giỏi tất cả thì cũng phải giỏi trong nghề của mình. Nhưng quan trọng nhất là phải đặt cái nghĩa lên trên cái tài, phải biết sống tình nghĩa chứ đừng cậy giỏi. Ngày trước ba tôi làm ruộng sạ lúa cả vùng không ai bằng. Còn má tôi, bà làm món mắm khứa ngon nức tiếng, mặc dù ở quê tôi ai cũng biết làm. Vậy cũng là người giỏi! Có điều ba má tôi sống nhân đức lắm! Đến giờ về quê, mấy ông bà già còn nhắc hoài. Chỉ tiếc ông bà đưa nhau đi sớm... Chà chà! "Trọng nghĩa khinh tài"... Hiểu được và sống được như vậy không phải dễ đâu nghe! ông cha ta ngày trước ít học mà thâm thúy lắm...

Câu chuyện cứ thế tiếp tục rĩ rả. Bên ngoài trời bắt đầu đổ mưa. Không phải nhưng cơn mưa trút sầm sập như trên rừng, mà từng giọt, từng giọt lác đác rơi rả rích nhanh dần. Văng vẳng từ xa tiếng rao đêm: "Ai mì...hồ...ô...ông...". Gió thổi tiếng rao loang dọc phố vắng, nghe buồn như tiếng chim ăn đêm ở rừng. Giờ này trên kia, chắc con báo đang chạy đi tìm tôi...

Tối khuya ông Tùng mới ra về. Tiễn ông xuống tới phòng khách thì ông bảo tôi quay lui. Tôi bắt tay ông thật chặt:

– Bác cho cháu gửi lời thăm bác gái!

– Cảm ơn anh! - Ông cảm động - Nhưng để anh đi rồi tôi mới nói. Bả biết, lại dùng dùng đòi tới thăm. Lúc này đông người vô ra không tiện cho anh.

– Sau này... - Tôi áp úng.

Ông hiểu ngay:

– Tôi không chắc có còn gặp lại anh nữa hay không. Nếu anh muốn biết tin tôi thì qua ông Thành. Tôi cũng vậy! - Ông thờ dài, trầm ngâm một lúc, định nói gì đó nhưng lại thôi, chỉ bắt tay tôi lần nữa rồi bước đi.

Nhìn qua khe cửa, thấy xe ông chạy xa dần trên đường khuya vắng vẻ rồi nhòa đi sau những hạt mưa rồi xuyên qua ánh điện đường vàng vọt.

Đêm đầu tiên ở đồng bằng, không hiểu vì xúc động hay lạ nhà lạ cảnh mà tôi thao thức mãi. Ngoài kia biển đang động. Tiếng sóng biển ầm ầm nghe vừa lạ vừa quen như vọng lại từ ký ức xa xăm.

Chương XXIV

Theo kế hoạch, ông Thành sẽ chờ "thằng cháu họ bị sốt rét lâu ngày không khỏi" vào Tam Kỳ tìm thấy thuốc nam. Chúng tôi sẽ đi chừng giữa buổi, lúc trên đường đã đông đúc người xe. Tôi đành tháo rời khẩu súng, dặn Thủy lúc nào thuận tiện đem đi vứt. Không thể mang nó theo, dù tôi rất tiếc bộ kính ngắm.

Ăn sáng xong, ông Thành bảo tôi ngồi đợi để ông đi mượn xe ở nhà người bạn. Cũng chẳng ai xa lạ, đây là ông Hồng mà tôi đã gặp hôm lên bốc mộ. Thủy bảo nhà ông ở cạnh chợ Đà Nẵng, cách đây mấy dãy phố.

Thủy đang bận việc gì đó trên gác. Tôi ngồi một mình trong phòng làm việc của ông Thành ở tầng trệt. Căn phòng giản dị. Ngoài bộ bàn ghế và chiếc giường xếp tài sản đáng giá nhất là sách. Rất nhiều sách xếp đầy trên mấy chiếc giá che kín tường. Hòn đá hình chậu hoa cạn ông mang trên rừng về được bày trên một chiếc kệ có chạm trổ hoa văn và cẩn xạ cừ kê sát bàn viết. Ngoài cửa sổ, mưa vẫn rơi tí tách. Chốc chốc lại có tiếng xe xích lô lăn碌 cọc qua trước nhà.

Lát sau Thủy bước vào phòng, tay xách chiếc ba lô kiểu của lính ngụy. Cô nói:

– Em chuẩn bị cho anh mấy thứ mang theo, anh coi có hợp không?

Tôi lục ba lô: áo quần, màn, võng dù, chăn dù của lính loại thường gọi là chăn thám báo nhẹ và ấm, bàn chải, thuốc đánh răng, khăn mặt... cùng những thứ lặt vặt khác. Có cả mấy gói kẹo nữa! Chẳng biết cô chuẩn bị từ khi nào?

Giấu nỗi xúc động, tôi cầu nhàu:

– Mua kẹo làm gì! Làm như tôi là trẻ con không bằng! Mà... - Tôi lưỡng lự - Toàn đồ mới cả. Giá có mấy thứ cũ thì hay hơn.

– Vậy mà em không nghĩ ra. Để coi... - Cô chọn ra mấy thứ - ... anh xài tạm mừng của em vậy. Cả khăn mặt nữa. Đồi luôn ống kem đánh răng, cái bật lửa..? Anh cần thêm chi không?

Tôi cười:

– Với tôi thế này là giàu rồi!

Có tiếng xe máy chạy vào cổng. Tôi nhìn ra, thấy ông Thành vừa về tới trên chiếc Honda nữ. Ông bước vào nhà, giục con gái:

– Coi chuẩn bị đồ cho anh, đến giờ đi rồi đó con? - Và ông bảo tôi - Tôi vừa gặp anh Tám, ảnh hẹn ra đi lúc tám giờ.

– Xong rồi đây ba? Anh Hải, anh mang thêm cái áo len, trời lạnh đó? - Cô đưa tôi chiếc áo len màu nâu dài tay, chắc của ông Thành, rồi ngoảnh sang nói với ông - ảnh đang đau, ba nhớ chạy chậm chậm...

– Ba nhớ rồi! Con lấy cho anh cái áo mưa.

Đúng tám giờ, ông Thành dắt xe ra cổng. Tôi xách ba lô bước lại gần cô:

– Tôi đi đây! Thủy ở lại... mạnh khỏe nghe!

Cô nhìn tôi, đôi mắt đọng nước:

– Anh Hải... anh... không nói chi với em nữa ư?

Như vừa có một đợt sóng cồn trong tim làm nghẹn máu đau nhói, tôi nói mà cảm thấy hai mắt cay buốt:

– Thủy... Tôi... muốn nói nhiều lắm, nhưng... để khi nào hòa bình...

– Hòa bình?... Vậy... từ đây tới đó, em không được biết tin anh?

– Tôi sẽ gửi thư cho Thủy... Có đường dây, chắc gửi được - Tôi móc túi áo lấy trang sổ tay có chép bài thơ "Núi đôi" đặt vào tay cô - Thủy cầm để nhớ nét chữ...

– Anh đi... mạnh giỏi, nhớ viết thư... cho em nhen... Cô nói như thỏn thức, bàn tay nhỏ nhắn run rẩy trong tay tôi.

– Thủy đừng buồn... chúng ta sẽ gặp lại nhau mà! Tôi buông tay cô, bước vội ra đường.

Mưa lâm thâm ướt láng mặt đường nhựa. Gió lạnh thổi từ biển vào, cuộn những đám mây màu chì buồn bã lướt qua giàn ra đa trên đỉnh Sơn Trà.

Xe đã ra khỏi Đà Nẵng một quãng xa. Tôi vẫn thần thờ như người vừa tỉnh giấc mơ, lòng ngẩn ngơ num tiếc vì đã để lại trong mơ một điều gì đó vô cùng quý báu và đẹp đẽ mà lâu nay mình hằng khát khao. Tiếng máy xe nổ đều đều. Những cánh đồng, những xóm làng xa lạ nối nhau lùi về phía sau. Cảnh vật hiện ra mờ nhạt. Trước mắt tôi lúc này hầu như chỉ có đôi mắt đen ngấn ngấn nước dăm dăm nhìn tôi như dò hỏi, như trách móc, như chờ đợi mong mỏi. Tôi biết là Thủy yêu tôi, và tới giờ tôi mới hiểu rằng mình đã ao ước được yêu Thủy như chưa bao giờ từng ao ước một điều gì trên đời như thế. Nhưng chiến tranh còn dài, liệu sau này có còn sống để đền đáp tấm lòng của Thủy? Tôi rưng rưng nước mắt, lòng cồn cào niềm thương nhớ lẫn day dứt. Mình ra đi như chạy trốn...

Một chiếc Suzuki lướt vèo qua làm tôi giật mình. Ông Thành vừa nói gì đó nhưng gió tạt đi nên không nghe được. Tôi ghé sát tới hỏi:

– Bác vừa bảo gì ạ?

– Trên chiếc "Su" vừa rồi là người của anh Tám đó!

– Sao bác biết?

– Lúc sáng anh ấy có dặn số xe. Anh thấy chiếc "sáu bảy" đằng sau kia không? Anh Tám đi chiếc này.

Tôi nhìn qua gương chiếu hậu, quả nhiên thấy chiếc Honda nam đang bám theo lúc xa lúc gần. Mình vô ý quá! Nãy giờ nếu có địch theo dõi chắc cũng không biết. Cố nén mọi xôn xang, tôi hướng suy nghĩ vào hiện tại. Tam Kỳ? Tôi hình dung trong đầu khúc bản đồ miền Trung và nhớ nó nằm gần những căn cứ quân sự của Mỹ: Núi Thành, Vạn Tường, Chu Lai... Những địa danh dễ

nhớ vì gắn liền với những trận đánh diệt Mỹ nổi tiếng. Không biết còn bao xa nữa? Máy cột cây số vừa thấy chưa có chỉ Tam Kỳ.

Đọc hai bên đường ít thấy dấu vết bom đạn như ở ngoài quê tôi, nhưng hình ảnh chiến tranh vẫn hiện ra rõ nét ở những cứ điểm quân sự chằng chịt dây thép gai. Trên đường, mấy chiếc xe đồ chở khách chạy khép nép khi gặp xe nhà binh. Xe jeep lao như tên bắn, xe GMC chở lính chạy rầm rầm, có cả một đoàn xe chở những nòng pháo "Vua chiến trường" dài thượt chạy rung mặt đường.

Suốt cả chặng dài, chúng tôi không gặp sự kiểm soát nào. Lúc vượt qua cột cây số có ghi "Tam Kỳ - 2km". Ông Thành cho xe chạy chậm lại rồi rẽ vào con đường đất phía bên phải.

Hơn mười một giờ trưa, chúng tôi tới một xóm nhỏ nhà cửa thưa thớt nằm ven mấy quả đồi thấp. Ở đây cách quốc lộ Một khoảng mười cây số.

Nhà già Lý ở rìa xóm cách xa các nhà khác. Đang loay hoay với giàn bí trước nhà, thấy chúng tôi đến, già chạy ra mừng rỡ:

– Trời đất! Tôi nóng ruột từ sáng tới giờ. Sao vô trưa quá vậy?

– Anh Hải đang đau nên tôi không dám chạy nhanh. - Ông Thành trả lời.

– Anh bị sao?... Vậy hả? Hèn chi ốm quá trời? Thôi vô, vô nhà nói chuyện. Để rồi tôi đi bốc cho anh mấy thang thuốc, sắc uống khỏi liền à! - Già Lý vồn vã nói, kéo tay tôi dẫn vào nhà và ghé miệng nói nhỏ: Thằng Nghĩa đang đợi anh trong buồng. - Ông mở cửa gian buồng phía trái căn nhà đẩy tôi vào, nói tiếp - Hai anh em ngồi nói chuyện, tôi ra trước trông chừng".

Một người đàn ông mặc bộ bà ba đen đang ngồi bên bàn, thấy tôi vào đứng dậy bắt tay tôi:

– Chào anh Hải. Tôi đợi anh từ sáng tới giờ...

Anh Nghĩa ngồi với tôi thánng mười phút. Anh cho biết vừa có tin địch đổ quân phục kích ở một điểm trên đường lên cứ, ta đang

kiểm tra lại. Vì vậy tôi sẽ phải chờ đây tới chiều mai mới có người tới đón.

– Nơi đây gần địch nhưng yên, xung quanh toàn cơ sở của ta. Anh coi đó, tôi vẫn đi về được giữa ban ngày. - Anh khẽ cười, nói tiếp - Đúng ra có thể đưa anh đi từ Đà Nẵng, nhưng trên chọn đường dây này vì cha tôi quen biết gia đình bác Thành. Nếu bố trí cho Đà Nẵng móc nối sẽ mất nhiều thời gian kiểm tra thử thách để tin nhau. Mà việc đưa anh đi chủ yếu là nhờ bác ấy và cô Thủy...

Anh dặn tôi một số cách xử trí trong trường hợp bất trắc rồi quảy quả đi ngay.

Nhà của già Lý là một ngôi nhà nhỏ ba gian tường gạch mái lợp tranh. Trong nhà đồ đạc đơn sơ. Trên bộ bàn thờ kê ở gian giữa, có ảnh người con trai mặc quân phục lính ngự, đeo lon hạ sĩ. Chính cái cậu mà hôm trước già lên bốc hài cốt. Thấy tôi chăm chú nhìn bức ảnh, già nói như thanh minh: “Thằng Nghĩa bảo tôi đặt bức này, linh tráng có vô soát nhà, chúng cũng nể...”

Sau mấy phút thăm hỏi, già Lý bảo:

– Thằng Nghĩa nó báo với tôi hơn tuần nay rồi, vậy là ngày nào tôi cũng mong anh. Anh cứ yên tâm nghỉ cho khỏe. Vô đây... - Ông dẫn tôi vào căn buồng nhỏ ở gian bên trái - Anh nghỉ trong này. Ở đây làng lính ít tới. Bà con rồi xóm theo đảng mình cả. Nhưng anh cũng không nên đi ra ngoài. Nếu có ai hỏi thì nói là... - Ông bàn với tôi cách thức đối phó trong những trường hợp cần thiết.

Trưa đó già Lý tự tay làm thịt gà đãi tôi với ông Thành. Lúc ăn cơm, tôi mới biết trong nhà chỉ có già với đứa cháu gái chừng chín tuổi, là con của người con gái lấy chồng ở làng bên. Cháu tên là Linh, tuy còn nhỏ nhưng rất ngoan và linh lợi.

Khoảng hai giờ chiều ông Thành ra về. Trước khi đi, ông ôm lấy tôi, rơm rớm nước mắt:

– Anh đi mạnh khỏe! Nếu có dịp, nhớ nhắn tin cho tôi với con Thủy. Ra ngoài đó nếu gặp chú Nguyễn, nhờ anh kể lại mọi chuyện về tôi, về thằng Trà con Thủy cho chú ấy biết. Tôi gửi thư không tiện. Mà thư cũng đâu nói hết được... Anh nói là gần ba chục năm nay, tôi trông tin chú ấy từng ngày từng giờ... Thôi tôi về. Anh cứ ngồi yên trong nhà, đừng ra...

Ông buông vai tôi, hấp tấp bước đi. Tôi lắng nghe tiếng xe nổ máy chạy xa dần, lòng bồi hồi khi nghĩ không biết đến bao giờ mới lại gặp ông.

Đến nửa chiều trời lác rác mưa. Gió se se lạnh. Cái lạnh ở đồng bằng thật dễ chịu chứ không như ở trên rừng. Tôi ngủ thiếp đi, tai nghe tiếng mưa rơi mà ngỡ tiếng nước rì rào ngoài suối.

Tỉnh giấc khi có tiếng xe máy và tiếng người trước sân, tôi nhìn đồng hồ thấy gần sáu giờ chiều. Hình như già Lý đang nói chuyện với ai. lát sau có người nào đẩy cửa bước vào nhà, áo mưa loạt soạt. Nhìn qua khe cửa, tôi bỗng sửng sốt: Thủy! Cô như vừa hiện ra giữa nhà, nước trên áo mưa đang rỏ tong tòng xuống nền đất. Tôi hé cửa buồng bước ra.

– Anh Hải... - Cô kêu khẽ, cặp mắt long lanh, mấy sợi tóc ướt dính bết vào má.

Tối hôm đó, tôi với cô ngồi bên chiếc bàn gỗ trong gian buồng nhỏ nói chuyện đến khuya. Ngoài mái hiên nước mưa rơi giọt ngắn giọt dài. Gió lùa từng cơn, rung lạch xạc những tàu lá chuối. ánh đèn dầu soi bóng cô rung rinh trên vách nhà.

Mãi mê câu chuyện, tôi kể cho cô nghe về quê mình, về những kỷ niệm thời thơ ấu, chuyện cô bạn học ngày nào cùng con đường đời nở đầy hoa sim tím...

– Chuyện cũng... giống giống như trong bài thơ ấy, phải không anh?

– Thơ nào?

– Bài thơ anh đưa em hồi sáng đó! Đây nét - Cô chìa ra trang sổ tay của tôi.

– Làm gì có! - Tôi kêu lên - Làm sao được như trong thơ? Hơn nữa, tôi với Hường lúc đó chưa dám nói gì với nhau, còn trong thơ thì viết: "Mới ngỡ lời thôi đành lỡ hẹn..."

– Khúc sau còn dài không anh?

– Dài lắm!

– Anh chép hết cho em! - Cô hăm hờ móc túi xách lấy ra cây bút và cuốn sổ.

Tôi bối rối. Nếu thư thả cũng hẳn nha nhớ ra được, nhưng lúc này còn tâm trí đâu nữa! - Tôi... không nhớ hết. Để chép cho Thủy mấy câu cuối, còn lại sau này tôi chép nốt được không?

– Nhớ nhen! Em chờ đó.

Tôi chép cho cô khổ thơ cuối: "Anh đi bộ đội sao trên mũ..."
Mấy câu này tôi rất thích nên nhớ như in trong đầu.

Cô cầm sổ lên đọc, tư lự một lúc mới nói:

– Mấy câu thơ thiệt hay, nhưng sao có cảm giác buồn buồn. Vậy là hai người không gặp nhau phải không anh?

– Ủ! Người con trai đi chiến đấu nơi xa. Còn ở quê, cô gái vào du kích và vẫn một lòng chờ đợi. Bảy năm sau, lúc hòa bình lập lại, anh bộ đội trở về thì cô gái đã hy sinh, chỉ còn tên trên tấm bia mộ liệt sĩ. Anh nhìn lên hai ngọn núi vẫn đứng bên nhau và khóc: "Núi vẫn đôi mà anh mất em..."

Cô chớp chớp mắt, nói như thì thầm:

– Tội ghê anh ha! Em không ngờ thơ viết về chiến tranh mà lại lãng mạn và xúc động đến vậy... Nhà thơ giỏi thiệt!

– Tất nhiên rồi! Phải giỏi mới làm được thơ hay. Nhưng xúc động nhất chính là vẫn có những mối tình trong sáng đẹp đẽ như thế trong khói lửa đạn bom... - Tôi nói hào hứng như được gọi lên trong giờ giảng văn.

– Vậy đó! Còn anh thì lúc nào cũng "Chiến tranh còn dài, không biết sống chết thế nào..."

Tôi chưng hững:

– Tôi nói khi nào?

– Mới hồi đó! Lúc em hỏi, tại làm sao mà anh không viết thư cho chị Hường.

– À... ờ... thì...

– Cả lúc chiều nữa, anh nói với ba em!

Chẳng còn biết nói sao, tôi ngồi sững, mắt nhìn hút vào cô như bị thôi miên. Câu chuyện từ đầu tới giờ, chẳng qua chỉ để lấn át một điều gì đó cứ chực bùng lên trong lòng tôi. Nhưng lúc này trong tôi đang có sự biến đổi khác lạ, một sự biến chuyển mơ hồ nhưng mạnh mẽ, tựa như hạt cây tựa tách lớp vỏ cứng để nhú mầm.

– Anh nhìn chi em mà nhìn dữ vậy? - Cô ngượng ngừng hỏi, đôi má ửng đỏ.

Hình như những lúc như thế này, người ta phải nói một câu gì đó văn hoa bóng bẩy, rất dài và rất hay, gọi là để "tỏ tình", nhưng tôi chịu chả nghĩ ra được câu nào như thế. Lí trí đã nép vào một góc cho tình cảm trào lên. Tôi nhìn thấy trong mắt cô đang ngời lên ánh lửa kỳ lạ, không biết rằng trong mắt mình cũng ngời ngời ánh lửa đó, ánh lửa trong mắt của những người đang ao ước yêu đương. Như bị hút, tay chúng tôi hồi hộp tìm nhau. Không còn là cái bắt tay như những lần trước, lúc này là sự đụng chạm của hai luồng điện trái dấu làm tóe ra tia lửa đốt cháy bùng lên ngọn lửa rừng rực khát khao. Một làn sóng nóng ấm tràn khắp người khiến tôi bồng bênh trong cảm giác rạo rực êm dịu. Tâm hồn tôi đang quay theo vòng quay của vũ trụ và máu thịt rung động theo quy luật của tạo hóa. Ngoài kia mưa đã thôi rơi, gió cũng ngừng thổi, trong không gian im ắng tĩnh lặng chỉ còn nghe tiếng hai trái tim đập thành thịch. Rất gần trước mắt tôi là đôi hàng mi cong khép hờ, vành môi hơi hé mở chờ đợi, hơi thở dồn dập nóng rực và mùi hương con gái nồng nàn...

Đột ngột, có tiếng chó sủa dội màn đêm. Khoảng không gian trong căn buồng nhỏ như bị đóng băng, hai đứa tôi cứng người

ngồi lặng. Những đợt sóng tiếng người tôi lắng nhanh xuống, các giác quan căng ra theo phản xạ.

Trước sân, con chó đã thôi sủa, chỉ còn rít ư ừ. Có tiếng chân người và tiếng thì thào. Tiếp theo là tiếng cửa mở nhẹ. Gió lùa ngọn đèn dầu run rẩy. Thủy níu cứng lấy tay tôi.

– Anh Hải... - Tiếng già Lý gọi nhỏ.

– Dạ... - Tôi gỡ tay cô, đứng dậy.

Anh Nghĩa lách người qua cửa bước vào và nói ngay:

– Có chuyện rồi! Cơ sở báo địch đang tập trung quân dưới xã, sắp lùng lên xóm này. Anh phải di chuyển ngay.

Tôi vội vã xếp mọi thứ bỏ vào ba lô và soi đèn kiểm tra lại lần nữa quanh buồng. Lúc ngẩng lên, thấy Thủy đứng lặng nhìn tôi trân trân. Dưới ánh đèn chập chờn, trong mắt cô như có những giọt nước đang xao động.

Tôi nắm tay cô:

– Thủy nói với bác là tôi đã đi rồi. Nhớ ra sớm kẻo bác trông...

– Anh Hải...

Cô kêu lên, gục đầu vào vai tôi khóc rưng rức. Những giọt nước mắt thấm bên vai tôi nóng bỏng.

– Thủy đừng khóc... - Tôi nghẹn ngào quất mái tóc dày - Thế nào cũng có ngày tôi về chép hết bài thơ ấy cho Thủy...

Cô dụi mắt trên vai áo tôi, ngẩng đầu lên:

– Em... không khóc nữa đâu! Anh đi... mạnh giỏi, em chờ. Lâu mấy... em cũng chờ được mà...

Tôi bóp nhẹ bàn tay cô, khoác ba lô lên vai bước vội ra cửa. Già Lý và anh Nghĩa đứng đợi ở sân. Già nhét mấy gói giấy vào ba lô tôi và dặn:

– Có mấy thang thuốc, anh lên trên đó chịu khó sắc uống cho mau lành. Con Thủy nó cứng cỏi lắm, anh đừng lo!

Tôi xúc động chia tay già Lý rồi cùng anh Nghĩa ra đi. Ở cổng có mấy đồng chí bộ đội địa phương đang chờ.

Đêm ấy mưa bay lất phất, gió đông bắc lạnh lẽo hun hút lùa qua những dãy đồi hoang. Lần đầu tiên tôi đi qua vùng giáp ranh mà không có khẩu súng trong tay, và những giọt nước mắt cứ ảm mãi bên vai trên suốt quãng đường gập ghềnh lên chiến khu. Tôi hiểu rằng qua mỗi chặng đường đời ta không chỉ học được những điều khôn, biết thêm nhiều chuyện lạ, mà còn mang theo nặng trĩu trong lòng niềm thương nỗi nhớ những miền đất nơi mình từng sống chiến đấu những con người mình gắn bó yêu thương.

Hai ngày sau, chúng tôi lên tới một khu căn cứ ở miền tây Quảng Nam. Người đầu tiên tôi gặp là anh Hai Nguyên, anh ra đón tận ngoài cửa rừng.

"Các anh ấy không về nữa...", tôi chỉ nói được có vậy rồi ôm lấy anh, òa lên khóc như một đứa trẻ.

Chương XXV

– ...Lúc đó mình đang ở Quảng Trị. Nhận được tin từ trong này báo ra có một chiến sĩ Giải phóng lạc trong rừng, đã sống hai năm ở vùng rừng ấy, mình nghĩ ngay đến TK1 nhưng không đoán được cậu nào còn sống. Mình điện ra Hà Nội xin phép và tức tốc vào đây. Đến nơi, vừa lúc cậu Nghĩa mang thư anh mình lên, rồi tiếp sau là thư của cậu. Cậu không thể tưởng tượng được mình đã mừng đến mức nào... Nghĩa kể cho mình nghe về anh mình, về con Thủy. Không ngờ việc liên lạc với TK1, công việc mà hai năm nay nhiều người đã đổ mồ hôi công sức và cả máu nữa, vẫn chưa làm nổi, thì người anh mình và đứa cháu lại giúp được một cách hết sức bất ngờ...

Anh Hai Nguyên nói đều đều, nhưng ánh mắt anh nhìn tôi đầy xúc động. Qua lời anh tôi được biết: Sau TK1, đã có ba toán TK nữa lên đường. TK2 xuất phát đầu năm 1970, nghĩa là sau gần chín tháng không có tin tức gì về tổ tôi. Họ đi theo đường tây Trường Sơn, tới ngang vĩ độ của vùng tìm kiếm mới ngoặt về hướng đông. Hai tháng lần mò trong rừng, họ không vượt qua được những dãy núi hiểm trở phía đất Lào, đành phải quay lại. Khi về tới một đơn vị bộ đội vận tải, một người đã chết vì sốt rét ác tính. Sau đó ít tháng, toán TK3 đi từ hướng đông lên, có một thanh niên người dân tộc dẫn đường. Toán này biệt tăm tích. (Về sau lần theo đường đi của họ đến một quả núi lở thì mất dấu vết. Có thể họ đã bị chôn vùi trong vụ lở núi. Năm đó mùa mưa tới sớm...) Toán TK4 lên đường đầu năm 1971, theo con đường TK1 đã đi. Ngoài mục đích chính, TK4 còn có nhiệm vụ tìm kiếm tung tích tổ tôi. Nhưng xe chở họ bị phục kích trên đường vào khe Trầm, hai đồng chí hy sinh và một bị thương. Lúc này các toán trình sát của địch đang ráo riết hoạt động, chuẩn bị cho cuộc hành quân "Lam Sơn 719".

Anh Hai Nguyên cùng bộ phận chỉ đạo phải gấp rút thành lập tiếp TK5, dự định hết mùa mưa năm nay sẽ ra đi. Công việc đang tiến hành khẩn trương thì nhận được tin về tôi. Cùng với các đồng chí ở Quảng Nam, anh tôi chức một đường dây nóng để đưa tôi về. Đến lúc này tôi mới biết việc đón tôi xuống Đà Nẵng bằng trực thăng là do Thủy đề xuất...

– ...Khi TK2 thất bại trở về, - Anh Hai Nguyên nói tiếp - tức là một năm sau ngày tổ cậu ra đi, mình đã nghĩ các cậu hy sinh cả rồi. Cậu còn sống sót và trở về được là một điều kỳ diệu nằm ngoài mọi dự đoán và chờ đợi.

– Em còn sống là nhờ các anh ấy? - Tôi nói, không ngăn nổi những giọt nước mắt - Nếu không phải em mà anh Đăng hay anh Hùng còn sống, các anh ấy đã về được sớm hơn...

– Mình hiểu cậu muốn nói gì, - Anh Hai Nguyên chớp chớp mắt - nhưng cậu cũng đã làm hết khả năng của mình. Trong công việc này cũng như mọi công tác khác của Cách mạng, không chiến công nào là của riêng ai. Những thành viên trong các toán TK đều là những chiến sĩ ưu tú được lựa chọn từ nhiều đơn vị. Sự hy sinh của họ là tổn thất lớn, là cái giá quá đắt mà ta phải trả khi tiến hành kế hoạch tìm kiếm...

Trong suốt hai ngày, tôi báo cáo với anh Hai Nguyên về tất cả những gì mà TK1 đã làm từ khi ra đi cho đến nay. Nói báo cáo cũng được, mà nói kể lại cũng vậy. Ban ngày chúng tôi ngồi bên chiếc bàn nứa để anh có thể ghi chép, còn đêm đến thì mắc võng chụm đầu vào cây cột giữa lán nằm nói chuyện. Cũng như đêm nào ở Bãi Hà, nhưng lúc này chỉ còn hai cánh võng.

Đêm nay tôi kể với anh về bác Thành và hai người con. Suốt từ đầu tới giờ, anh chỉ nghe chứ chưa nói gì. Khi tôi nói hết những điều bác Thành dặn trước lúc chia tay thì đêm đã khuya. Bên ngoài trời vẫn mưa mãi. Thỉnh thoảng lại có ngọn gió rung tán cây làm những giọt nước rụng lộp độp xuống mái lán lộp bộp nứa. Đống lửa giữa lán cháy bập bùng hắt lên những mảng

sáng tối chập chờn, khiến cho những nếp nhăn trên khuôn mặt anh lúc như giãn ra, lúc như hằn sâu thêm.

Nghe xong chuyện, anh vẫn nằm im lặng. Hồi lâu sau mới nghe anh thở dài và nói với tôi:

– Vậy đây! Chỉ một cái gia đình nho nhỏ của mình mà đã xảy ra bao chuyện, huống chi cả đất nước này! Chiến tranh làm cho nhiều nhà ly tán cả trong tư tưởng, tình cảm! Đây... - Anh chợt nhồm dậy, ngồi trên võng nhìn tôi chăm chăm - Tớ hỏi thật, cậu yêu con Thủy phải không?

– Em... nhưng sao anh biết?

– Hà! Cứ nghe cách cậu kể chuyện là biết!

– Em... em chưa nói gì với Thủy.

– Cần gì phải nói! Không nhất thiết cứ phải nói ra thành lời mới là yêu. Về con Thủy thì rõ rồi! Nếu không có tình yêu chấp cánh, chỉ bay bằng động cơ trực thăng, làm sao nó tới được với cậu giữa rừng sâu?

– Em cũng hiểu là Thủy yêu em, và Thủy chờ đợi em nói ra tình cảm của mình. Nhưng em không thể...

– Vì sao? Cậu ngại lý lịch phải không?

– Em không hề lo như vậy. Nếu nói yêu nhau mà còn so đo tính toán đến một điều gì khác, kể cả lý lịch đi nữa, thì chưa phải là yêu. Hơn nữa, Thủy là người tốt. Những việc cô ấy làm đã chứng minh điều đó. Dù lớn lên trong đó, nhưng Thủy vẫn trong sáng trong cách nhìn nhận. Và cô ấy đã đến với Cách mạng bằng tấm lòng trong sáng của mình.

– Đến với Cách mạng, hay chỉ đến với cậu? Hoặc để tìm tôi người chú của nó? Cậu không nghĩ rằng đây là những tình cảm riêng tư sao?

Nhìn ánh mắt chăm chú của anh, tôi hiểu anh hỏi cốt để tôi nói ra những suy nghĩ của mình. Vì vậy tôi mạnh dạn nói:

– Những tình cảm lớn cũng bắt đầu từ những chuyện riêng tư như vậy. Đến với Cách mạng bằng con đường đó là sống thật với

chính mình, và là sự gán bó bền chắc. Chứ ngay từ đầu mà đã hô khẩu hiệu thì...

– Cậu khá lắm! Nhưng dù sao cũng phải xác minh thêm. Một cô gái có anh là trung úy phi công nguy đã từng có chiến tích bắn giết Quân giải phóng và bị Quân giải phóng bắn chết; bản thân cô ta là phi công trực thăng, được một đại tá nguy đỡ đầu, từng đi học sáu tháng ở Mỹ, học lái trực thăng hay còn học gì nữa? Chưa biết! Chỉ cần mấy nét lý lịch như vậy, liệu có tin được không? Cậu là lính an ninh cơ mà, còn lạ gì nữa!

– Anh không nghĩ tới những việc cô ấy đã làm ư?

– Sao lại không? Nhưng cũng phải nghĩ, liệu địch có âm mưu gì trong chuyện này? Biết cậu ở trên đó với một công tác đặc biệt, nhân việc cậu gặp gỡ với con Thủy mà bố trí cho nó tạo lòng tin với cậu, với tổ chức để tính kế về lâu dài... Rất logic, phải không?

– Cách phân tích như vậy là đúng, nhưng đó chỉ là lối tư duy máy móc.

– Lối tư duy đó sai chỗ nào?

– Không phải sai! Nó vẫn rất cần thiết, nhất là để ta có cách nhìn nhận khái quát vấn đề. Nhưng đánh giá về một con người mà chỉ như thế thì chưa đủ...

– Cậu cứ nói tiếp đi!

– Em không biết phải... diễn đạt thế nào... Nhưng ví như lời nói của một người, nếu viết ra giấy, khi đọc lên có thể khác hẳn so với khi được nghe chính người đó nói. Lúc đó, ta không chỉ nghe mà còn cảm nhận được từ ánh mắt, nét mặt, giọng nói..., từ đó đánh giá đúng suy nghĩ và tình cảm của người nói. Cho nên về Thủy, nếu chỉ đọc trên những nét lý lịch tuy có thật nhưng khô khan ấy thì có thể nghĩ như vậy. Nhưng em đã tiếp xúc với cô ấy, em hiểu!

Anh Hai Nguyên nhìn tôi, ánh mắt lấp lánh:

– Mình cũng tin như cậu. Nhưng còn những người không có điều kiện tiếp xúc? Trong trường hợp đó vẫn phải suy nghĩ theo

lôgic, vẫn phải kiểm tra lại. Có thể thừa, nhưng không được bỏ qua.

– Để làm gì ạ? Dù sao em cũng đã về đến nơi, còn Thủy vẫn ở lại trong đó...

– Tất nhiên không phải xác minh cho cậu cưới vợ. Chưa tới lúc, đúng không? Còn để làm gì, sau cậu sẽ biết!

Tia mắt hóm hỉnh của anh làm mặt tôi nóng bừng.

Sáng nay anh Hai Nguyên đi công tác, dặn tôi ngồi nhà viết báo cáo. Tôi biết anh vẫn đang lo những việc có liên quan đến số vàng, vì hôm trước anh có nói thời gian này anh được lệnh chỉ tập trung vào chuyện đó.

Tôi viết bản báo cáo chỉ hơn hai trang giấy, thêm bản sơ đồ nữa vừa chẵn ba trang. Liệu ngắn gọn quá không? Nhìn mấy trang giấy vừa viết, tôi ngần ngừ hồi lâu. Không, như thế đủ rồi! Những việc chúng tôi làm được, những điều tôi phải chịu đựng trong hai năm rưỡi qua chỉ là ít ỏi và nhỏ bé so với những gì mà hàng triệu người khác đã làm trong cùng thời gian, chỉ là một công việc bình thường trong chiến tranh.

Tối đến, anh Hai Nguyên đọc bản báo cáo và đăm chiêu suy nghĩ. Mãi chẳng thấy anh nói gì, tôi lo quá! Hẳn có điều gì không ổn. Đán đo mãi, tôi mới rụt rè nói:

– Anh... cho em viết lại phần kiểm điểm...

Anh ngẩng lên hỏi:

– Cậu định kiểm điểm thêm về chuyện gì?

– Em... thời gian ở trên ấy, em làm nhiều việc lộ bí mật nên địch nghi ngờ.

– Cái đó cũng có. Nhưng cậu nên nhớ rằng, chúng ta phải chấp nhận thực tế khách quan, việc gì phải đến thì sẽ đến. Và kiểm điểm khác với xưng tội. Không phải cứ nhận hết mọi lỗi về mình là thành khẩn, là dũng cảm. Nhưng thôi! Giờ cậu kể lại cho mình nghe lần nữa những chi tiết có liên quan đến John Smith...

Nghe xong, anh Hai Nguyên ngẫm nghĩ một lát rồi nói với tôi:

– Hồi giao nhiệm vụ cho TK1, mình đã đề cập tới một nhân viên CIA, chắc cậu còn nhớ? - Thấy tôi gật đầu, anh nói tiếp - Chính Smith đó! Ta đã có một số tài liệu về hắn. Smith là nhân viên tình báo Mỹ hoạt động nhiều năm ở Philippin, Hồng Kông, Đài Loan, rồi đến Nhật Bản trước khi sang Việt Nam vào năm 1968. Hiện y đang phụ trách một mảng của kế hoạch hậu chiến, mà việc này hầu như không liên quan gì đến vùng rừng cậu ở. Nếu kết hợp những tài liệu tình báo ta nắm được và tin tức của cậu, thì có thể nghĩ rằng việc làm của Smith mang tính chất cá nhân. Có thể Smith biết về chiếc máy bay chở vàng từ một nguồn nào đó và lén lút tìm mọi cách để tìm kiếm nó. Nhưng muốn kết luận chính xác, đòi hỏi phải có thêm thông tin và cần có thời gian. Điều đáng lo nhất là y và kẻ địch nói chung, còn làm gì trên đó sau khi cậu đi rồi? Ta phải trở lại càng sớm càng tốt để thu hồi số vàng. Cách cậu giấu như thế là kín đáo, chúng khó phát hiện ra được. Nhưng nếu ta lên đến nơi, đào vàng lên và rơi vào ổ phục kích của địch, hậu quả sẽ không gì cứu vãn nổi. Chỉ cần chúng cài sẵn một cái máy gián điệp kiểu như "cây nhiệt đới", thì sau khi ta tới chưa đầy một giờ đồng hồ, địch đã có thể đổ quân xuống.

Tôi băn khoăn:

– Giá em ở lại trên đó, chỉ gửi tin về...

– Không được! Dù tin tưởng ở con Thủy, cũng không thể viết chi tiết để gửi về. Mà như vậy, ở nhà cũng không tính toán được kế hoạch cụ thể. Với chừng ấy vàng, đâu chỉ vài toán TK là mang vác về được? Mình đã đề nghị trên chỉ đạo bên tình báo bám sát John Smith. Còn cậu với mình ngày mai phải ra Quảng Bình. Ở ngoài đó mới có điều kiện chuẩn bị cho kế hoạch tiếp theo. Ta sẽ lên trên ấy bằng trực thăng.

– Trực thăng - Tôi kinh ngạc kêu lên.

– Chứ sao! Rất phức tạp để bay được đến nơi và bay về, nhưng chỉ có cách đó thôi. Cậu nghĩ gì mà thù người ra vậy? Đang nhớ tới con Thủy phải không?

Tôi bẽn lẽn thú nhận:

– Anh tài thật! Em đang nghĩ nếu có Thủy, và nếu ông Tùng còn đương chức, ta có thể tổ chức một chuyến bay như vừa rồi, nhưng lần này sẽ bay thẳng ra Bắc. Trước đây ông Tùng có gợi ý là để Thủy chở em ra tới một vùng giáp ranh nào đó.

– Cũng là một kế hoạch hay nhưng muộn rồi. Giá ta nắm bắt được diễn biến tư tưởng của ông Tùng sớm hơn, sẽ tận dụng được nhiều cơ hội chứ không chỉ trong chuyện này đâu.

– Chuyện về ông Tùng, em thấy thật lạ!

– Nói như ông anh mình mà cậu đã kể thì đây là một trường hợp đặc biệt. Nhưng cũng có gì khó hiểu. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của chúng ta đã khá dài, đủ thời gian để thức tỉnh nhiều con người như ông Tùng. Dù trước đây có lầm lạc, nhưng nếu còn nhớ tới cội nguồn, còn gắn bó với quê hương, trước sau gì những con người như vậy cũng nhận biết được đâu là lẽ phải. Ngay cả một số lính Mỹ tham chiến ở Việt Nam cũng nhận ra điều đó, hướng chi người Việt mình! Cho nên chuyện về ông Tùng không có gì đáng ngạc nhiên. Trong những chuyện cậu đã kể cho mình, cậu có biết lạ nhất là chuyện gì không?

– Anh muốn nói tới chuyện tổ em chạm súng với thằng Trà?

– Đó cũng là chuyện lạ, nhưng xảy ra nhiều rồi! Nói đâu xa, ngay gia đình cậu Nghĩa đấy thôi! Hai anh em ở hai phía, đụng nhau là bắn nhau chí tử, cách chi đừng được?

– Thế việc gì ạ?

– Chuyện cậu sống một mình trong rừng mà tình yêu vẫn đến!

Tôi đỏ mặt:

– Nhưng em đâu cố tình...

Anh Hai Nguyên bật cười:

– Ai lại nói "cố tình yêu" hay "vô tình yêu" bao giờ! Thực ra, có những việc tưởng ngẫu nhiên nhưng lại là kết quả của một quá trình lôgic. Trong chuyện này cũng vậy thôi! Nếu cậu không chôn cất tử tế thằng Trà cùng mấy đứa chết trên chiếc trực thăng ấy, nếu cậu không rộng lượng với toán lính con Thủy chở lên, và cả

với nó nữa, thì nó đâu có đến với cậu? Chính lòng nhân ái đã kéo hai đứa lại bàn nhau, hiểu nhau, và sau này gì gì nữa thì tùy cậu với nó. Còn trước mắt, cậu lo cho mình kế hoạch đổ bộ. Không phải ngay lúc này đâu. Cứ suy nghĩ, ra tới Quảng Bình viết thành phương án cụ thể. Nhớ là phải tính toán mọi tình huống có thể gặp, và chi tiết tới từng động tác của mỗi người từ lúc máy bay hạ xuống, cho đến khi nó bay lên. Những phần khác có người khác lo, được chứ? Thôi, bây giờ ngủ đi? Mai ta lên đường sớm...

Ra tới Quảng Bình, anh Hai Nguyễn đi tiếp ra Hà Nội, còn tôi phải vào bệnh viện. Chỗ bị đánh bên sườn tuy không còn đau, nhưng nó phồng lên tím ngắt. Phải mổ để lấy cục máu đông trong đó.

Một tuần sau tôi ra viện. Người đón tôi là đồng chí thiếu tá hôm nào đã đưa chúng tôi vào khe Trầm. Nhìn anh hồi lâu tôi mới nhận ra. Không phải vì hôm nay anh không đeo cấp hàm, mà vì trên mặt anh có một vết sẹo dài mới lên da non chạy từ má tới thái dương. Anh bị thương trên đường đưa TK4 vào khe Trầm.

Tôi làm phương án đổ bộ, vẽ sơ đồ và đắp sa bàn bằng đất sét. Mấy hôm sau thì anh Hai Nguyễn vào tới, cho biết trên đồng ý với kế hoạch đổ bộ bằng trực thăng, gọi tắt là kế hoạch TK. Anh không giải thích, nhưng tôi nghĩ chữ TK lúc này có nghĩa là "Tổng kết việc tìm kiếm", tức là chỉ một lần nữa thôi, và không được phép thất bại.

Lực lượng đổ bộ cũng được đưa tới, đó là năm chiến sĩ trinh sát của bộ đội đặc công. Họ đều trẻ khỏe, người lớn tuổi nhất chỉ bằng tuổi tôi. Tất cả đều được huấn luyện cẩn thận để tác chiến ở địa bàn rừng núi và đã trải qua chiến đấu. Tôi là người dẫn đường khi đến địa điểm đổ bộ. Đồng chí thiếu tá làm trưởng đoàn. Lực lượng hơi ít, nhưng tải trọng máy bay có hạn. Chúng tôi phải mang theo số vũ khí đủ để chiến đấu trong tình huống đột xuất cùng với những trang bị cần thiết, và lúc về sẽ còn nặng hơn. Riêng hai phi công và máy bay chưa vào. Họ đang bay tập ở một vùng rừng núi nào đó có địa hình và điều kiện bay tương tự.

Cả tổ trú tại một khu nhà ở ngoại vi thị xã Đồng Hới, bốn bề có hàng dương liễu bao quanh. Nơi này trước là cơ sở sản xuất của một xí nghiệp cơ khí đã bị bom đánh sập gần hết, chỉ còn lại mấy gian phòng đầy vết mảnh bom. Ở đây cách xa khu dân cư. Chính quyền địa phương được thông báo có một tốp bộ đội công binh về trú ở đó để chuẩn bị cho công tác rà phá bom mìn.

Một trong những việc phức tạp là đưa máy bay vào đọt sắn. Đưa vào đã khó, mà nguy trang cất giấu một chiếc trực thăng ở cái vùng đã bị bom đạn san thành bình địa này lại càng khó hơn.

Cuối cùng cũng tìm ra địa điểm: đó là cái sân rộng trong khu nhà bảo tàng trước đây của tỉnh. Ở đây có sẵn hàng chục xác máy bay Mỹ đủ loại được chõ về để sau này trưng bày. Chiếc trực thăng được sơn lại như màu máy bay địch, nằm khuất sau những đồng xác máy bay và nguy trang bằng các mảnh vỡ của chúng. Lũ trẻ chần trầu phàn nàn rằng mấy ông già gác bảo tàng mới đổi về khó tính quá, chẳng đứa nào được bén mảng lại gần leo trèo đùa nghịch như trước. Nghe nói trong đó vừa rồi bị mất trộm. Nhưng bảo tàng sơ tán lâu rồi, chỉ còn lại những hiện vật chiến tranh công kênh, có gì đâu mà mất?

Khác hẳn với lũ trẻ, mấy tốp khách quốc tế đến tham quan đều vui vẻ đứng rất xa nhìn vào vì được thông báo trong một xác máy bay mới chõ về có bom chưa nổ, đang tìm cách tháo gỡ.

Theo kế hoạch, lúc tới nơi máy bay sẽ lượn vòng quan sát trước khi đáp xuống bãi cỏ mà Thủy đã đỡ trực thăng hôm lên đón tôi. Sau đó hai chiến sĩ trinh sát mang theo súng máy phòng không lên chiếm lĩnh vị trí cảnh giới ở ụ đại liên. Tôi và ba người khác nhanh chóng lùng sục xung quanh để phát hiện địch phục kích cũng như các phương tiện máy móc chúng cài lại. Bốn người còn lại nguy trang máy bay và cảnh giới tại chỗ. Khi nào thấy thật sự an toàn mới đào vàng lên chuyển về máy bay.

Để bảo đảm bí mật, tổ đồ bộ không thể luyện tập ngoài thực địa, trừ một số bài vận động chiến đấu chỉ thực hiện vào ban đêm, và cũng rất hạn chế. Vì thế, tôi phải thể hiện thật chi tiết địa

hình địa vật nơi đổ bộ trên sa bàn cho mọi người hình dung được từng động tác cần làm. Dưới sự hướng dẫn của đồng chí thiếu tá, toàn tổ tuân theo một chế độ luyện tập hết sức khắt khe, nhất là các bài tập thể lực và võ thuật mà tôi theo đuổi một cách chặt vật. Ngoài ra, để tránh sự tò mò chú ý của người khác, chúng tôi sinh hoạt và làm việc như một đơn vị công binh thật sự, kể cả việc tiếp xúc với dân. Yếu tố bí mật phụ thuộc vào tính tự giác của từng thành viên trong tổ.

Nhưng muốn đổ bộ, trước hết phải bay đến đích. Đó chính là công việc khó khăn nhất. Đường bay dự tính là: Từ Đồng Hới, chúng tôi bay qua tây Trường Sơn rồi căn theo một trục đường của tuyến đường 559 bay về phía nam, tới ngang điểm có cùng vĩ độ với khu vực đổ bộ thì ngoặt sang hướng đông tìm vùng đồi cỏ. Chẳng dễ dàng chút nào khi bay trên một đường bay xa lạ mà không có dẫn đường từ mặt đất cũng không được liên lạc bằng vô tuyến. Hơn nữa, phải bay thật thấp để tránh sự phát hiện của radar từ các căn cứ của Mỹ đóng ở Thái Lan lúc bay bên tây Trường Sơn, và từ Đà Nẵng lúc qua đông Trường Sơn. Lại còn các máy bay trinh sát của địch hầu như thường trực trên các trọng điểm. Bay thấp trong điều kiện khí hậu và địa hình phức tạp là mối nguy hiểm không nhỏ. Sự thành công của kế hoạch táo bạo này phụ thuộc vào công tác chuẩn bị, tài nghệ của các phi công và yếu tố bất ngờ. Ngoài ra cần có một chút may mắn nữa. Phi công của ta kinh nghiệm bay trong điều kiện như vậy còn hạn chế. Tôi nhớ tới Thủy và nghĩ rằng nếu có cô lúc này chắc công việc sẽ thuận lợi hơn.

Để giúp phi công định hướng, tại một số điểm cao dọc theo đường bay ở tây Trường Sơn, sẽ có đốt lửa hoặc bắn pháo hiệu vào lúc cần thiết. Một số máy phát vô tuyến cũng được bố trí để phát những tín hiệu quy ước khi máy bay bay qua. Nhận được tín hiệu, phi công sẽ biết mình đang đến khu vực nào. Tuy nhiên vô tuyến trên máy bay chỉ được phát sóng trong trường hợp khẩn cấp và lúc đã về tới vùng trời Quảng Bình. Tại một địa điểm ở

phía nam đường Chín có bố trí xe chở xăng chờ sẵn, nếu cần máy bay sẽ xuống tiếp nhiên liệu.

Chỉ sơ qua mấy nét chính cũng đã hình dung ra khối lượng công việc đồ sộ mà anh Hai Nguyên và các cán bộ có trách nhiệm phải lo. Sẽ có hàng trăm người tham gia thực hiện kế hoạch mà phần lớn trong số họ không biết được mục đích cuối cùng của công việc, chỉ biết mình phải hành động như vậy trong thời điểm như vậy và phải thật chính xác. Ấy là chưa kể làm thế nào để thông báo cho các đơn vị bộ đội trên dọc tuyến bay không bắn nhầm vào máy bay ta, nhưng lại phải bảo đảm bí mật ở mức cao nhất. Anh Hai Nguyên nói đùa rằng ta sử dụng phương tiện hiện đại theo kiểu du kích, vì thế mới vất vả...

Nhưng rồi mọi công tác chuẩn bị cũng hoàn tất. Trực thăng cùng các thợ máy và phi công đã sẵn sàng. Chỉ còn yếu tố cuối cùng là thời tiết. Đến bây giờ tôi mới hiểu tường tận thế nào là "thiên thời, địa lợi, nhân hòa". Gió mùa đông bắc liên tục tràn vào đợt này nổi đợt khác. Nhiều lúc ở Đồng Hới trời quang mây tạnh nhưng bầu trời tây Trường Sơn thì dày đặc mây mù, và ngược lại. Chúng tôi sốt ruột chờ đợi. Càng kéo dài, sự căng thẳng càng tăng lên. Phức tạp nhất là việc giữ bí mật. Vì vậy ngoài thời gian luyện tập, tổ đồ bộ phải thay nhau mang máy móc trang bị đi rà phá bom mìn. Làm thật chứ không phải giả vờ. Cũng tìm bom, cắm tiêu, đào bới, phá nổ... Các chiến sĩ trinh sát đều là những người thành thạo trong nghề, tôi chỉ là anh lính mới đi theo học việc, nhưng nhờ đó cũng học hỏi được khối điều.

Công việc vất vả làm tôi nguôi nhớ Thủy. Nhưng đêm đến, lúc nằm trong chiếc màn của cô, tôi như cảm thấy Thủy đang ở rất gần bên mình... Tôi nhớ lại khoảnh khắc "hóa thạch" của hai đứa tôi và nghĩ: giá như hôm đó chúng tôi "bắt đầu" sớm hơn một chút, hay con chó sữa muộn một chút...

Một buổi chiều vào lúc sẩm tối, tôi cùng anh em trong tổ đang ngồi tán chuyện trước nhà. Đó là những giây phút nghỉ ngơi thật sự sau một ngày căng thẳng. Hôm nay có nắng hửng nên bầu trời

trong và nhẹ hơn. Ngày sắp trôi qua, dẫy cồn cát ven biển sẫm dần, in những nét cong mềm mại lên nền trời tím lịm hoàng hôn.

Một chiếc Uoát cắm đầy cành lá ngụy trang từ đằng xa tiến lại, lao nhanh qua cổng rồi phanh két ở giữa sân. Ai thế nhỉ? Ở đây không mấy khi có khách, mà lại đến vào giờ này? Chắc có nhân vật quan trọng nào đến thăm.

Cánh cửa xe mở ra. Từ trên xe, một người con gái nhảy xuống chạy ào về phía chúng tôi. Tôi bước lên mấy bước rồi đứng sững lại kinh ngạc. "Trời ôi, Thủy! - Tôi gần như nghẹn thở - Làm sao cô ra được đây?"...

"Anh Hải...!" Cô reo lanh lảnh và lao tới ôm lấy tôi chặt cứng. Tôi không thốt nổi lời nào, chỉ nghĩ rằng mình chưa bị hóa đá vì còn cảm nhận được những giọt nước mắt nóng ấm bên vai và những sợi tóc mềm mơn man trên mặt.

Mấy cậu lính trẻ nín thở chờ đến khi chúng tôi rời nhau ra mới vỗ tay hoan hô vang dậy. Cảnh nhìn thấy như trong phim. Tôi biết mặt mình đang đỏ lựng lên, còn Thủy thì luống cuống lau vội những giọt nước mắt.

– Nè, muốn ôm lính của tôi là phải xin phép đó nhen!

Anh Hai Nguyễn xuống xe từ lúc nào, nheo nheo cặp mắt đứng nhìn hai đứa tôi và trêu bằng giọng Nam Bộ đặc sệt.

– Tại cháu mừng quá... - Thủy bối rối chống chế, đôi mắt ngời ngời trên khuôn mặt đỏ bừng.

– Sao cậu không dẫn khách vào nhà mà cứ đứng ngây người ra thế? - Anh Hai Nguyễn giục.

Tôi sực tỉnh, vội đưa Thủy đến nơi anh em trong tổ đang đợi:

– Đây là Thủy mà mình đã kể chuyện...

Mọi người tranh nhau bắt tay cô, xôn xao chào hỏi. Sự có mặt của một cô gái trẻ nói giọng miền Nam dễ thương làm cho không khí trong gian phòng đầy vết bom đạn này tươi mát hẳn lên. Đồng đội của tôi đều tỏ ra quý mến và ngưỡng mộ cô. Còn tôi thì khỏi phải kể, đó là những giây phút sung sướng thật sự. Tôi hiểu sự

xuất hiện của Thủy là có liên quan đến công việc của chúng tôi, điều mà anh Hai Nguyên đã nói "để sau sẽ biết..." Và như vậy, bằng cách nào đó cấp trên đã thẩm tra và Thủy được tin cậy hoàn toàn khi tham gia công tác đặc biệt này.

Tối hôm đó chúng tôi có cuộc họp nhỏ. Thành phần gồm anh Hai Nguyên, đồng chí trưởng đoàn, tổ lái và Thủy. Tôi được dự với tư cách dự thính vì nội dung cuộc họp chỉ bàn đến kỹ thuật bay. Trong lĩnh vực này, tôi là kẻ "ngoại đạo".

Thủy được thông báo về kế hoạch bay. Cô hỏi thêm những chi tiết về đường bay, về tính năng và các thông số kỹ thuật của trực thăng, và khiêm tốn bàn luận sôi nổi với các phi công của ta. Các anh ấy tỏ ra rất hào hứng và thán phục khi nghe cô trình bày kinh nghiệm bay thấp tránh ra đũa, việc xử lý khi gặp điều kiện thời tiết xấu, việc định hướng bay trên địa hình rừng núi... Lúc này cô lại là "cô Thủy chị" như hôm nào bay trên rừng về Đà Nẵng. Tôi chẳng hiểu mô tê gì, nhưng vẫn hết sức hãnh diện khi thấy cô gái "của mình" được mọi người quý mến. Đâu phải riêng tôi, ngay cả anh Hai Nguyên cũng tỏ ra hết sức vui mừng. ánh mắt anh nhìn cô cháu gái đầy vẻ âu yếm và tự hào.

Lúc cuộc họp chấm dứt thì đêm đã khuya. Thủy được bố trí nghỉ cùng hai chị cấp dưỡng là người của bên Ty Công an cử sang. Vậy là hai đứa tôi chưa có dịp nói chuyện riêng với nhau. Nhưng không sao! Bây giờ không có gì ngăn cách chúng tôi được nữa.

Sáng hôm sau cô đi cùng các phi công lên chỗ máy bay. Trưa về ăn cơm xong, anh em trong tổ giục nhau ngủ trưa để "bảo đảm sức khỏe", thực ra là để chúng tôi có dịp ngồi riêng với nhau.

Chúng tôi ra ngồi dưới gốc cây dương liễu già bị bom chém gãy ngang giữa thân, cành lá reo trong gió biển. Thủy kể, sau khi tôi đi chừng một tháng thì có người của ta về gặp cô và ông Thành đưa thư của anh Hai Nguyên. Trong thư nói rõ anh đang rất cần sự có mặt của cô cháu gái, nhưng việc đi hay không là do cha con ông Thành quyết định. Cô nói:

– Hồi đó em cũng muốn theo anh ra gặp chú, nhưng nghĩ thương ba còn một mình nên không dám nói. Đến lúc nhận được thư chú, ba cứ giục em đi. Ông nói: "Đừng lo ba buồn! Anh con đã vậy rồi, giờ nếu con làm được việc gì có ích cho Cách mạng, cho chú con thì ba sẽ thanh thản hơn..."

Cô vào Tam Kỳ, theo con đường tôi đi lần trước để lên khu căn cứ rồi ra Bắc. Anh Hai Nguyên đón cô ở Vĩnh Linh.

– Thế Thủy có biết ra đây làm gì không?

– Chú nói với em rồi! Chúng ta sẽ trở lại vùng rừng đó, phải không anh? Ngay từ đầu em đã đoán anh đang làm một việc gì ở trên...

– Sao không hỏi thử?

– Ai dại mà hỏi? Để bị nghi làm gián điệp thì chết em à! Cô cười rồi nói tiếp - Mình sẽ gặp lại báo Aga, gặp con suối Tiên... Và chắc sau này em sẽ được bay. Trục thẳng đằng mình trông hiền ghê!

– Hiền là sao?

– Thì... cái dáng nó hiền hơn, đường nét tròn trịa... Mà sao anh không nói chi, cứ hỏi hoài vậy?

– Hỏi cũng là nói! Thế Thủy lái được không?

– Không dễ đâu anh! Về lý thuyết giống nhau, nhưng phải có thời gian làm quen, rồi bay tập để chuyển loại... Nhưng em tin nếu mấy chú mấy anh cho bay, em sẽ bay được. Mà ngoài này bom đạn nhiều ghê anh ha! Chỗ nào cũng thấy hố bom.

– Thủy có biết ở đây dân họ gọi những phi công như Thủy là gì không?

– Là chi, anh?

– Gọi là "giặc lái"!

Cô cúi đầu nói nho nhỏ:

– Cũng phải thôi! Bom đạn trút xuống thế kia... Thế còn anh?

– Thì lúc đầu... cũng coi là "giặc lái"!

– Còn bây giờ?

– Là... đồng đội!

Cô ngược mắt nhìn tôi và bỗng bật cười:

– Anh chẳng bao giờ biết nói chuyện với con gái cả!

– Tôi nói gì sai ư?

– Không! Những điều anh nói đều đúng, lại còn hay nữa là khác! Nhưng có lẽ... cô nào nói chuyện với anh vài lần là lo tránh cho xa...

Tôi ngó người nhìn cô và chợt hiểu ra. Đúng thế thật! Ai lại gặp... người yêu mà nói năng vô duyên như vậy. Cũng may cô không giận. Chắc là thế! Chẳng ai giận mà cười tươi được như cô lúc này. Lại còn đôi mắt nữa! Đôi mắt cô đăm đăm nhìn tôi, sâu thẳm thẳm như khoảng trời xanh vừa chợt ló ra giữa tầng mây trên cao kia. Và cũng như mọi khi, tôi chẳng nghĩ ra một câu gì hay ho để nói trong dịp này. Thật uổng cả công đọc sách. Tôi đành lấp lửng:

– Vậy mà cũng có người theo đấy...

Cô lờm, đôi mắt đen kéo hai cái đuôi dài trong một thoáng:

– Ai đó chứ không phải em đâu nghen! Em đi theo Cách mạng. Anh đừng tưởng!

Những ngày sau đó chúng tôi ít có dịp gặp nhau. Thủy ở lại trên chỗ tổ lái và bận túi bụi suốt ngày đêm. Cô được giao nhiệm vụ làm hoa tiêu cho chuyến bay nên phải lao vào nghiên cứu cả đồng tài liệu về địa hình, về khí tượng, rồi những tập bản đồ, những xấp không ảnh... cùng những công việc kỹ thuật khác. Dù chẳng mấy am hiểu, nhưng tôi cũng biết rằng làm hoa tiêu trên một đường bay xa lạ trong điều kiện như vậy là nhiệm vụ hết sức nặng nề. Tôi lo thảm cho cô nhưng chẳng giúp gì được, và cũng không dám nói ra. Không ngờ chính Thủy lại là người an ủi tôi: "Anh đừng lo! Có các anh ấy, em tin là sẽ làm được. Phi công đẳng mình còn ít giờ bay mà giải thiết..."

Từ hôm Thủy ra, trời đẹp dần lên. Tất nhiên không phải vì có cô ra mà vì mùa xuân đang đến gần. Trên bầu trời tầng mây trắng mỏng hơn, dâng lên cao và chói nắng đến nhức mắt. Đôi chỗ nền trời chuyển sang màu xanh trũng sáo, báo hiệu những ngày nắng sẽ còn kéo dài. Cây dương liễu già nhú thêm mấy túm chồi xanh non. Trong đồng đổ nát hoang tàn của thị xã Đồng Hới, mấy khóm hoa hồng còn sót lại đã nở những bông hoa đầu mùa. Lâu ngày không được tay người chăm sóc, cây hồng gần như hoang dại, những bông hoa không còn đẹp kiều sa như trước nhưng lại dịu dàng đầm thắm hơn, và vẫn khẳng định được giá trị của mình qua mùi hương tinh khiết và rất nhẹ mà dường như ta cảm được chứ không phải người.

Rồi cũng có một ngày cả hai sườn đông và tây Trường Sơn đều không có mây mù. Chúng tôi xuất phát rất sớm, khi mặt đất còn tối om, lúc bay lên cao mới thấy chân trời đằng đông hơi rạng.

Chiếc trực thăng tìm tới được vùng đồi cỏ khi nắng đã lên, ánh vàng phủ khắp rừng. Dọc con suối vẫn còn vương một dải sương trắng mỏng. Một chút bồi hồi rung nhẹ trong tim. Tôi căng mắt quan sát lúc máy bay sà sát ngọn cây, lượn vòng trên vùng rừng quen thuộc. Cành lá lay động ào ào, chim chóc hốt hoảng vỗ cánh bay tán loạn. Tất cả vẫn yên tĩnh, không phát hiện thấy dấu hiệu nào khả nghi. Tôi nhìn đồng chí thiếu tá khẽ gật đầu. Anh nói vào micrô ra lệnh cho phi công. Chiếc trực thăng lượn thêm nửa vòng bay tới điểm đáp. Nó chững lại phía trên đám cỏ bên vũng suối, xuống thấp dần và nhẹ nhàng tiếp đất.

Phi công giảm tốc lực cánh quạt. Tổ đồ bộ bật dây an toàn nhanh nhẹn nhảy ra khỏi máy bay, lao tới những vị trí đã định ghim súng cảnh giới.

Tôi đảo mắt nhìn quanh một vòng. Cỏ trên bãi mọc tốt um lấp kín lối mòn xuống suối. Bờ cát bên vũng suối phẳng lì. Cây cối dường như rậm rạp hơn. Căn nhà cũ giờ trông hoang tàn và lạnh lẽo, tấm nhựa lợp mái bị gió giật xuống treo lơ lửng bên vách,

rách tả tơi. Chẳng thấy bóng lữ khí cùng con báo, cũng không nhìn thấy dấu vết gì chứng tỏ đã có người tới đây sau khi tôi đi rồi. Nhưng đó chỉ là nhìn qua. Tôi nán thêm một phút, cố tập trung tư tưởng để có thể cảm nhận được sự nguy hiểm nào đó... Hình như không có!

Đồng chí thiếu tá cấp khẩu AK lom khom chạy tới chỗ tôi:

– Thế nào Hải?

– Báo cáo anh, không thấy gì khác thường!

– Tốt! - Anh giờ tay ra hiệu tiến hành bước hai cuộc đổ bộ.

Phi công tắt máy. Bốn chiến sĩ trình sát lao tới bên máy bay vác khẩu 12 ly 7 và xách những thùng đạn chạy đi chiếm lĩnh vị trí cảnh giới trên ụ đại liên. Sau đó hai người chốt lại, còn hai người khác sẽ sục sạo kiểm tra khu rừng quanh trảng cát.

Tổ lái xách súng nhảy xuống. Hai phi công rút dao chặt cành lá rụng trang máy bay. Thủy khoác khẩu AK trên vai, tay cầm chiếc máy chuyên dụng rảo quanh để dò tìm các thiết bị máy móc địch cài lại. Đồng chí thiếu tá vẫy tay ra hiệu cho tổ tôi xuất phát.

Sau hơn một giờ đồng hồ, tôi cùng một chiến sĩ trình sát lưng sục khắp khoảnh rừng có bán kính bốn trăm mét quanh nơi giấu vàng. Không có dấu vết của địch. Qua máy bộ đàm, tôi được thông báo ở các tổ khác mọi việc đều ổn.

Quay lại nơi máy bay đỗ, thấy tổ trình sát phía dưới vừa về tới và máy bay đã được ngưng trang chu đáo. Nhưng sao Thủy lại đứng khóc? Có chuyện gì vậy?

Cô kêu lên khi nhìn thấy tôi:

– Anh Hải! A-ga chết rồi!

– Sao? - Tôi sửng sốt.

– Kia kia... - Cô mếu máo đưa tay chỉ về hướng căn nhà. Tôi tiến lại gần, chợt rùng mình bởi mùi xác chết thối rữa nồng nặc. Bước lên hai bậc cầu thang, tôi chững lại khi nhìn thấy xác con báo. Nó nằm chết bên ngoài ngưỡng cửa, dòi bọ lúc nhúc trên

đám lông vàng đen lốm đốm. Đứng lặng người nhìn những gì còn lại của con dã thú, tôi hiểu ra tất cả...

...Lúc trở về không nhìn thấy tôi, con báo đã chạy khắp rừng đến những nơi mà tôi với nó từng đến, để tìm. Mãi không tìm được, nó quay lại nhà nằm xuống đầu sàn chờ tôi trở lại. Nó nằm đó hết ngày này qua ngày khác, không chịu ăn uống gì, mắt đăm đăm ngóng ra đầu lối mòn nơi dải rừng non chờ một bóng người. Sự chờ đợi mỏi mòn làm sức nó kiệt đi... Cho đến một ngày kia, đốm sáng của sự sống trong đôi mắt nó mờ dần, mờ dần... rồi vụt tắt. Báo Aga đã chết trong buồn bã và tuyệt vọng. Nó chết vì trung thành và quỳn luyến với con người mà nó gắn bó từ khi mới mồ côi mẹ. Trước lúc từ giã cõi đời, hẳn nó đã trách tôi là kẻ tệ bạc...

"Hãy hiểu cho tao, Aga!..." Tôi nén xúc động bước tới gốc cây trước nhà, lật tảng đá cạnh gốc lấy xẻng đào lên thỏi vàng giấu ở đó, trao nó cho đồng chí thiếu tá.

Xác con báo được gói trong vải nhựa chôn xương cái hổ giấu vàng. Đã được nghe kể về Aga, các chiến sĩ trinh sát nói là để xong việc, họ sẽ giúp tôi làm sạch bộ xương con báo đem về. Ban đầu tôi cũng có ý định như vậy, nhưng sau lại thôi. Lúc con báo còn sống, tôi đã không nỡ bắt nó lìa rừng, thì lúc chết hãy để nó ở lại với rừng.

Những dấu vết trên bãi cỏ và cây đa đều chứng tỏ lũ khỉ không còn sống ở đây. Có lẽ lúc tôi ra đi, rồi con báo chết, chúng kéo nhau đi nơi khác sống. Nơi này giờ chỉ còn lại những kỷ niệm đau buồn chứ chẳng có gì hấp dẫn chúng.

Chúng tôi khẩn trương tiến hành bước ba của kế hoạch đồ bộ. Thủy và một phi công ở lại bảo vệ máy bay. Tôi dẫn những người khác mang vũ khí và những dụng cụ cần thiết lên chỗ giấu vàng.

Phải mất hơn một giờ đồng hồ, chúng tôi mới moi hết số đất đá lấp miệng hang. Những thỏi vàng được bỏ vào ba lô gửi về máy bay, xếp vào các thùng sắt và khóa lại. Đến quá trưa thì mọi việc hoàn tất. Chúng tôi ngụy trang lại cái hang, xóa hết dấu vết rồi kéo về nghỉ dưới bóng cây bên bờ suối. Cho đến lúc này mọi

việc đều theo đúng kế hoạch, nhưng ai cũng căng thẳng. Dường như lúc ngồi bên những thùng vàng, sự căng thẳng càng tăng lên gấp bội.

Sau khi bố trí thêm các chốt cảnh giới, đồng chí thiếu tá giục mọi người ăn trưa. Lần đầu được ăn lương khô, Thủy khen là không ngờ nó ngon đến vậy, lại còn kháy tôi: "Hèn chi anh chê kẹo..." Tôi cười chịu nhận. Chuyện đâu còn có đó...

Ăn xong bữa trưa, quyền chỉ huy được tạm giao cho đồng chí phi công trưởng. Tôi cùng đồng chí thiếu tá và Thủy luôn rừng đi về phía cây thủy tùng làm công việc cuối cùng của kế hoạch: thay mặt toàn đội đến viếng mộ hai anh.

Chúng tôi thắp hương trên mộ rồi bỏ mũ cúi đầu mặc rúem. Chiều nghiêng nắng, bóng ngôi mộ đá đồ dài trên bãi cỏ. Mới gần ba năm mà mưa gió đã lấp đầy các hố đạn, mặt đất chỉ còn hơi lồi lõm đôi chỗ. Nhưng nếu ai tinh ý sẽ nhận thấy ở đây màu cỏ xanh hơn. Những ngọn cỏ non tơ mượt mà tỏa mùi ngòn ngọt dưới nắng chiều. Mấy tảng đá trên mộ cũng đã lên rêu xanh. Ở đó có vết cào của con báo, nó tới cả đây để tìm tôi.

Tôi cùng đồng chí thiếu tá đào đất dưới mộ bỏ vào hai túi nhựa. Chúng tôi sẽ đem những hạt đất thấm máu này về chôn ở quê các anh. Đó là tất cả những gì chúng tôi có thể làm được, nhưng giờ đây hẳn các anh ấy đã yên lòng và thanh thản ở lại với rừng.

Không thể nấn ná lâu được, ba chúng tôi bụi ngùi rời ngôi mộ đá quay về nơi toàn đội đang đợi. Vào tới bìa rừng, tôi ngoái đầu nhìn lại lần cuối. Bát hương trên mộ vẫn đang cháy, những sợi khói trắng uốn lượn trong gió rồi tan vào khoảng không bao la. Nắng vàng bát ngát trên vùng đồi cỏ. Ngọn thủy tùng đứng đưa giữa lưng trời lưu luyến hát lời từ biệt.

Gần đến giờ trở về, đồng chí thiếu tá lệnh cho toàn đội kiểm tra trang bị. Phải bỏ lại tất cả những thứ không thật cần thiết, kể cả số lương thực mang theo phòng bất trắc và khẩu 12 ly 7 cùng những thùng đạn. Máy bay đã chờ quá nặng.

Tôi đưa tặng đồng chí thiếu tá và hai anh phi công mỗi người một cây dao găm chiến lợi phẩm, hơi bực mình khi thấy Thủy che miệng cười. Cười cái gì thế chẳng biết! Không nhớ là những cây dao này tôi thu của tốp lính cô ta chở lên đó sao? (Về sau hỏi lại, cô cười bảo: "Tại thấy anh lúc đó trịnh trọng như... trao kiếm giữa rừng").

Chúng tôi bay lên lúc năm giờ chiều, đó là giờ máy bay địch ít hoạt động và còn đủ ánh sáng cho phi công nhận biết địa hình để định hướng. Chiếc trực thăng nặng nề bay trong mê cung của những hẻm núi, nhiều lúc sà sát ngọn cây. Bóng núi vùn vụt lướt qua bên ngoài ô cửa tròn. Ánh chiều tà lọt vào khoang máy bay, soi mờ mờ nét mặt căng thẳng của các chiến sĩ trong tổ đồ bộ. Chúng tôi là những chiến binh mặt đất, chỉ có thể tung hoành khi chân đạp đất, còn lúc này đành phó mặc mọi việc vào sự cố gắng phi thường của những người linh bầu trời. Và cùng với họ, còn có sự đóng góp thầm lặng của những con người đã đốt lửa, bắn pháo hiệu hoặc phát đi các tín hiệu vô tuyến giúp phi công định hướng. Họ chờ đợi hàng tháng trời rờn rã trong mưa gió trên những đỉnh núi cao heo hút, để làm một công việc chỉ diễn ra trong vài phút.

Khi máy bay bay vào vùng trời Quảng Bình, bóng đêm đã bao trùm lên tất cả. Trên nền trời hiện ra những vì sao nhấp nháy. Phi công cho máy bay lên cao, phát sóng vô tuyến để liên lạc và nhận được dẫn đường từ mặt đất. Trong khoang máy bay tối mờ không nhìn rõ mặt nhau, nhưng tôi biết niềm vui đang rạng rỡ trên nét mặt mọi người.

Có thể nói rằng, nhiệm vụ đã kết thúc khi chúng tôi từ trên trực thăng bước xuống và ngay lập tức được ôm chặt trong vòng tay của anh Hai Nguyên cùng những người ra đón. Nhưng trong câu chuyện này sẽ là sơ sót nếu không kể về những sự việc có liên quan đến một nhân vật mà từ đầu tới giờ ta mới chỉ nghe tên chứ chưa hề biết mặt. Và chuyện về y lại liên quan đến một chuyện khác đã xảy ra từ lâu rồi...

... Một ngày đầu tháng 5 năm 1945, trên chiếc chiến hạm đậu ngoài khơi biển Đà Nẵng, đô đốc Yamashita, tư lệnh Thái Bình Dương của quân đội Nhật, đang sốt ruột đi đi lại lại trong phòng chỉ huy. Ông ta chờ đợi tin tức về chuyến bay có hộ tống của một chiếc phóng pháo cơ có nhiệm vụ chở số vàng quân Nhật vơ vét được, bay từ X về Đà Nẵng. Ở đó, vàng sẽ được đưa xuống thủy phi cơ để chuyển ra chiến hạm. Thế chiến hai đang đến hồi kết thúc. Số vàng này chẳng dùng gì được vào việc cứu vãn tình thế nguy ngập của đội quân phát xít ở châu Á, nhưng ít nhất cũng phải thu giấu nhằm tính kế lâu dài.

Chín giờ sáng. Đô đốc Yamashita được báo máy bay đã về tới phi trường Đà Nẵng, nhưng chỉ có một chiếc, lại là chiếc hộ tống.

Viên phi công báo cáo: Lúc sắp bay qua biên giới Lào Việt, y bay vượt lên trước để cảnh giới máy bay đồng minh. Ít phút sau, hoa tiêu của y báo là không còn nhìn thấy chiếc phóng pháo bay ở phía sau. Biết nó gặp sự cố y cho máy bay vòng lại tìm, hy vọng nó hạ cánh khẩn cấp xuống được vùng đồi cỏ mà y vừa bay qua. Nhưng viên phi công đã không tìm thấy gì. Chiếc máy bay chở vàng biến mất như chưa hề tồn tại. Nhiên liệu sắp cạn, y đành quay về.

Hai máy bay nhận lệnh cất cánh bay ngược chiều đường bay của chiếc chở vàng, tìm đến tọa độ nói trên và nhìn thấy vùng đồi cỏ. Chúng lượn nhiều vòng tìm kiếm nhưng không phát hiện ra dấu vết gì của chiếc phóng pháo. Rừng xanh đã nuốt chửng tất cả. Đó là cố gắng cuối cùng của đô đốc Yamashita. Tình hình sau đó không cho phép ông ta tìm lại số vàng...

Những điều kể trên là nội dung chính trong một bản viết tay bằng tiếng Nhật mà khi giải phóng Sài Gòn, ta thu được trong động giấy tờ ở phòng làm việc của John Smith. Theo các đồng chí phiên dịch thì khó có thể kết luận đây là một bản báo cáo hay bản tự khai, chỉ biết người viết tự xưng y chính là viên phi công lái chiếc máy bay hộ tống. Cũng rất khó nhận định vì sao nó lọt vào

tay Smith, nhưng chắc y kiếm được nó trong thời gian hoạt động ở Nhật.

Ngoài ra ta còn tìm thấy bản kế hoạch đồ bộ lực lượng "Mũ nồi xanh" xuống tọa độ có chiếc máy bay chở vàng rơi, nhưng với một lý do không liên quan gì đến nó. Bản kế hoạch do chính John Smith ký, và ký hiệu trên đó cho biết tài liệu này chỉ đánh máy một bản, như vậy nó chưa được gửi đi. Smith lập kế hoạch này vào tháng 7 năm 1969, nghĩa là sau vụ TK1 đưng độ với hai chiếc trực thăng trên vùng đồi cỏ có vài tháng. Tôi thấy không cần thiết phải kể chi tiết về nội dung bản kế hoạch, sợ dài dòng. Nhưng John Smith đã làm gì khi có thông tin về chiếc máy bay chở vàng?

...John Smith và Hay Cođy là đôi bạn tâm giao trong suốt mấy năm học ở trường sĩ quan hải quân Amnaponls. Ra trường Cođy chuyển về không lực, còn Smith sang ngành tình báo, nhưng tình bạn của họ không vì thế mà kém phần thân thiết.

Năm 1968, khi từ Nhật sang Việt Nam, Smith đã có trong tay một tài liệu rất thú vị mà y chưa biết nên xử lý như thế nào. Vàng? Theo y thì dù ở đâu và bao giờ, vàng vẫn cứ là thước đo giá trị đích thực của con người. Vì vậy khi có được những thông tin quý báu kia, bộ óc băng giá của y bỗng trở nên ấm áp hẳn lên và y cảm thấy xao xuyến như một chàng trai bất ngờ tìm thấy ý trung nhân của mình. "Báo cáo với cấp trên? Có mà ngu! Với những thông tin đơn sơ như vậy, làm to chuyện lên để làm gì? Đã có quá nhiều huyền thoại mơ hồ về những kho báu ở cái xứ sở nhiệt đới quái quỷ này. Chắc gì tin được lời khai của một tay phát xít già bị dồn vào thế kẹt, phải bán những thông tin ấy để đổi lấy thị thực nhập cảnh vào Mỹ? Còn... nếu là chuyện có thật, thì lại càng ngu hơn khi để một đồng của như thế lọt vào tay kẻ khác, và rồi cùng lắm mình được cái bội tinh. Tốt nhất là..." Smith làm theo những gì mà y cho là tốt nhất.

Kế hoạch của y liên quan đến thằng bạn chí cốt ngày nào, nay làm cố vấn cho một đơn vị thuộc không lực Sài Gòn, lại đóng ngay Đà Nẵng. Với Hary, y tin như tin chính bản thân mình. Điều

e ngại duy nhất là cái tính hung hăng mà có lẽ hẳn ta thừa hưởng từ dòng máu dân cao bồi chẵn bò vùng Texas. Nhưng nhiều khi như vậy lại hóa hay.

Y ra Đà Nẵng tìm gặp Coody. Và đến lượt mình, Coody tích cực lợi dụng mọi cơ hội thực hiện nhiều chuyến bay tìm kiếm ở vùng rừng có chiếc máy bay chở vàng rơi. Nhưng rồi chính Coody đã làm hỏng việc khi để tay chuyên viên vũ khí của hạm đội Bảy trực tiếp tham gia vụ thử nghiệm rốc két và bị bắn chết ngay trên tọa độ tìm kiếm, nơi không hề có trong kế hoạch bay. Smith phải vất vả gỡ tội cho thằng bạn chưa được ăn đã phải trả giá.

Không chịu bỏ cuộc, John Smith bày keo khác.

Robert Rhelt, đại tá chỉ huy lực lượng "Mũ nồi xanh" ở Việt Nam cũng là chỗ quen biết với y. Tất nhiên tỉ lệ ăn chia phải khác, và cần có lý do để điều động lực lượng này một cách "danh chính ngôn thuận". Y nghĩ ra lý do, lập kế hoạch, nhưng chưa kịp gửi đi thì Rhelt bị cách chức và bị đưa ra tòa án binh vì vụ giết nhầm một nhân viên tình báo của chính phủ Sài Gòn. Rõ là "họa vô đơn chi", câu tục ngữ của dân bản xứ sao nghe như một lời nguyện.

Tưởng đã ngậm ngùi bó tay thì y nhận được tin tình báo về một người lính Vi xi sống đã hai năm trong rừng. Hai năm? Ở vùng rừng đó? Lẽ nào lại có sự trùng hợp ngẫu nhiên như vậy? Chỉ cần gặp thằng trung sĩ an ninh quân đội thẩm tra thêm vài chi tiết và phân tích các thông tin thu được từ trước tới giờ, chẳng khó khăn gì bộ óc sĩ quan tình báo của y cũng biết đây chính là câu thần chú "Vùng ơi, mở ra". Khỏe! Khỏi cần mất công tìm kiếm, chỉ việc bắt sống thằng Vixi đó về khai thác, sau đó lên chở vàng về.

Với vai vế của mình, John Smith dễ dàng móc nối để thuê một toán dù làm lực lượng xung kích. Tất nhiên phải thuê cả một kíp bay cùng trực thăng có thiết bị bay đêm đủ khả năng thực thi kế hoạch. Tốn kém khá bộn, nhưng có bỏ vốn ra mới mong thu lợi. Dầu sao cũng đỡ tốn hơn phải chia chác. Y phạm điều cấm kỵ nhất trong nghề nghiệp khi giao cho tay tình báo viên của y chỉ

huy toán đổ bộ. Cũng đành liều thôi! Công việc đòi hỏi phải giao cho người tin cẩn, mà thằng này đã từng cộng tác với Hary trước đây, hẳn lại có tên lính dưới quyền có thể dẫn đường.

Mọi sắp xếp tính toán của John Smith chính xác cho đến phút gần chót. Nhưng từ khi con dã thú của vùng rừng này nhảy xổ vào con chó trinh sát thì tất cả đều đảo lộn, để rồi tham vọng của y tan tành theo chiếc trực thăng biệt kích nổ tung giữa trời...

Sau giải phóng, đồng chí thiếu tá được giao nhiệm vụ tổng kết kế hoạch TK. Anh đã cung cấp cho tôi những tài liệu cần thiết để viết lại câu chuyện kể trên, nhưng cũng chỉ tình tiết chủ yếu. Phần còn lại tôi phải thêm vào bằng những suy đoán của mình, chứ ai mà biết được một người (Lại là người như Smith) nghĩ gì trong đầu vào thời điểm cách đây gần ba chục năm! Và như vậy vẫn còn nhiều điểm chưa rõ, hoặc không hoàn toàn chính xác.

Nhưng biết làm sao được? Muốn biết rõ, phải hỏi hai nhân vật chính trong chuyện là Smith và Cody, nếu họ còn sống. Mà dù còn sống, có hỏi chắc gì họ đã nói? Hoặc có nói, chắc gì đã nói thật? Những người như vậy không mấy khi nói thật những chuyện đó!

Phần cuối

Chuyện về John Smith đã làm gián đoạn phần cuối của câu chuyện đang kể. Vì vậy tôi phải trở lại với những ngày ấy ở Đồng Hới...

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, chúng tôi có một cuộc liên hoan nhỏ để chia tay với hai đồng chí phi công, các thợ máy và các chiến sĩ trinh sát đặc công. Đó là những người lính mà tôi hết lòng khâm phục. Các anh ấy đều rất hiền, sống chân tình giản dị, và rất điều luyện trong công việc của mình. Gần hai tháng trời gắn bó với nhau trong một công tác đặc biệt như vậy, chúng tôi đã thân thiết như anh em một nhà.

Thế mà đến lúc tạm biệt, hai đồng chí phi công nhất định không bắt tay Thủy. Các anh bảo: "Chúng ta sẽ gặp lại nhau trong những chuyến bay tiếp theo, cô bé đồng nghiệp! Vậy thì không việc gì phải vội từ biệt..." Các anh ấy nói đúng! Lúc đầu anh Hai Nguyên định đưa Thủy về công tác tại tỉnh nhà, nhưng bộ đội không quân đã xin cô ra ngoài đó, và tôi hiểu vì sao điều ấy lại khiến "cô bé" mừng rỡ đến như vậy.

Trước mắt, Thủy còn chờ anh Hai Nguyên làm xong công việc ở đây để cùng anh ra Hà Nội thăm gia đình chú. Sau đó cô sẽ tiếp xúc với công tác mới. Còn tôi và đồng chí thiếu tá đang đợi các anh ở đơn vị anh Đăng và anh Hùng để đưa nắm đất thấm máu hai anh về quê. Một nhiệm vụ thiêng liêng, nhưng dù có làm tốt đến đâu cũng không có được niềm vui.

Đã gần tết. Trên những thửa ruộng ven thị xã, màu xanh của mạ non mới cấy viền kín quanh những hố bom. Chúng tôi có những giờ phút thong thả để trò chuyện với nhau, nhưng Thủy lại buồn:

– Lúc mới ra lu bu công chuyện nên quên cả buồn. Giờ rảnh rồi mới thấy nhớ ba. Em thương ba quá! Vậy là tết này em được

ăn tết ở Hà Nội, còn ba chỉ thui thủi một mình...

Để Thủy khuấy khỏa, tôi rủ cô ra biển chơi.

– Ra biển? - Cô tròn xoe đôi mắt nhìn tôi - Biển đang động mà?

Tôi cười:

– Mình chỉ ngồi trên bờ chứ có xuống biển đâu mà sợ? Biển động cũng có vẻ đẹp riêng của nó.

Cô khúc khích:

– Nghe anh nói... thiệt hay!

– Đâu có! Tôi vụng về lắm! Có những điều nghĩ mãi trong đầu mà không nói ra được...

– Chuyện chi vậy anh?

Cô hỏi lại. Tôi bối rối mất một lúc và biết rằng mình vừa để lỡ cơ hội. Nhưng hình như Thủy không để ý...

Từ nơi chúng tôi ở ra đến biển chừng ba cây số. Tôi cùng cô đi men bờ sông. Trời không mưa nhưng vừa có đợt gió mùa đông bắc nên khí trời trở lạnh. Có phải vì thế mà đôi má Thủy ửng hồng? Gió từ biển thổi vào lồng lộng. Con sông Nhật Lệ thường ngày vốn hiền hòa giờ cũng nổi sóng. Thủy bước sát bên tôi, mái tóc dài bay bay trong gió và tiếng cô cũng bay theo, hòa trong tiếng sóng nước ì oạp vỗ bờ:

– Vậy là em theo anh vào Nam ra Bắc, lên rừng xuống biển rồi đó nghen!

Tôi nói đùa:

– Lên rừng thì còn được, chứ vào Nam chỉ tới Tam Kỳ, ra Bắc mới ngang Đồng Hới. Và lát nữa chỉ ngồi trên bờ chứ đâu có lội xuống biển? Mà đây là "người ta" đi theo cách mạng...

– Có vậy anh mới hết hỏi "Cô ra đây làm gì..."

Chúng tôi ngồi trên một cồn cát nhỏ có những bụi dương liễu mọc lúp xúp. Mấy túm cỏ lông chông và những dây muồng biển cố níu rễ vào cát để khỏi bị gió cuốn đi. Trước mặt là cảnh biển

động dữ dội và hùng vĩ. Mặt nước mênh mông lúc này đang cồn lên sôi sục. Từ ngoài khơi xa tí tắp sóng bạc đầu lớp lớp nổi nhau dồn vô bờ. Lúc tới gần, những con sóng lừng lững dâng lên cao rồi đổ xuống ầm ầm như thác, nước ào lên bãi cát hết đợt này đến đợt khác tung bọt trắng xóa, bụi nước bay tới tận chỗ chúng tôi ngồi.

Chiều hôm đó chúng tôi nói lời yêu nhau trong tiếng ầm ào của biển. Có lẽ đó là một kinh nghiệm hay cho những chàng trai trẻ nào vốn vụng về và nhút nhát như tôi. Tổ tình bên bờ biển trong lúc biển động, ta chỉ phải nói bằng lời rất ít và không cần văn hoa cho lắm, còn ánh mắt sẽ nói những gì trong đầu ta nghĩ. Cả các cô gái cũng vậy, khỏi lo bị mê hoặc bởi những lời đường mật vì biển lúc này không cho phép ai nhiều lời. Mà chỉ những ai thực sự hiểu nhau và yêu nhau mới nói được với nhau bằng mắt.

Tình yêu khởi đầu từ trên rừng, lời thề nguyện nói trước biển, chúng tôi đã phải vượt qua một chặng dài không chỉ về không gian để đến được với nụ hôn đầu đời vụng về và say đắm.

Tôi và Thủy còn ở lại Đồng Hới ba ngày nữa. Đối với hai đứa tôi thì đó là những ngày rất đẹp và ấm áp, dù ngoài trời lâm thâm mưa phùn và nhiệt độ có lúc xuống dưới mười độ C.

Sau khi chia tay với Thủy, tôi cùng đồng chí thiếu tá và hai đồng chí cán bộ ở sư đoàn nơi anh Đăng và anh Hùng công tác về quê các anh.

Chúng tôi tìm tới nhà anh Đăng thì ông cụ thân sinh ra anh đã mất. Mộ của ông, người thương binh già thời chống Pháp, được đặt trong nghĩa trang liệt sĩ xã. Hôm ấy các em học sinh nghỉ học một buổi cùng với bà con trong xã đưa nắm đất thấm máu anh về chôn cạnh mộ người bố. Tôi rùng mình khi đọc trên tấm bia mộ thấy ngày mất của ông trùng với ngày anh Đăng hy sinh. Hai cha con, hai người lính của hai cuộc kháng chiến kế tiếp đã hy sinh xương máu cho độc lập tự do của dân tộc, họ ngã xuống cùng một lúc và giờ đây trong gia đình ấy không còn ai nữa.

Nghĩa trang nằm cạnh ga xép. Một đoàn tàu đang kéo còi chậm chậm vào ga, khói đầu máy trĩu nặng dưới làn mưa bụi. Từ chón rừng già xa xôi ấy vong linh anh có về được tới đây không, mà tiếng còi tàu lúc này nghe nao lòng đến vậy...

Ở quê anh Hùng nghĩa trang liệt sĩ nằm giữa cánh đồng lúa bát ngát, những hàng dương liễu nghiêng bóng trên những ngôi mộ hát ru suốt ngày đêm. Lễ truy điệu anh được địa phương tổ chức rất chu đáo, nhưng chúng tôi vẫn ân hận vì vợ con anh ở xa không về kịp. Nỗi ân hận đó cứ dày vò tôi mãi đến ngày nay. Lúc đó, tôi tự hứa với mình là sẽ lên thăm chị và cháu để kể cho những người thân thiết nhất của anh nghe trong những ngày cuối đời, anh đã sống và hy sinh như thế nào... Bao bộn bề công việc cùng những lo toan trong cuộc sống đời thường là nguyên nhân khiến tôi lần lữa hết lần này đến lần khác, hết năm này qua năm khác. Tôi tự biện minh cho mình: "Tại đường xá xa xôi cách trở quá..."

Phải chăng khi năm tháng trôi qua, tình cảm cũng nhạt dần đi? Quên thì không, nhưng những việc nghĩa tình đáng phải làm dần dần trở thành thứ nghĩa vụ mà ta thực hiện một cách miễn cưỡng, và đôi lúc cảm thấy đó là nỗi ám ảnh phiền toái...

Năm 1996, tôi theo đoàn cán bộ lên tham quan công trình thủy điện Hòa Bình. Khi hỏi thăm cái bản dân tộc Thái hồi trước anh Hùng kể, mới biết giờ đây nó nằm dưới lòng hồ sông Đà. Tôi bỏ dở chuyến tham quan, tìm tới bản mới nơi chị ở thì chị đã mất. Ngồi trước nấm mộ còn tươi màu đất, tôi thăm kể cho chị nghe những điều mà đáng ra chỉ phải được nghe lúc còn sống. Vậy đó! Có những việc khi ta biết ân hận thì đã muộn. Có phải "nợ nghĩa tình" là như vậy chăng? Trước đây mỗi lần nghe người khác nói thế, tôi vẫn nghĩ: đã là nghĩa tình thì sao lại gọi là nợ? Ai vay ai mượn được mà nợ?

Tôi tới cơ quan nơi con trai anh Hùng công tác tìm cậu ta, nhưng không gặp. Cậu ấy giờ là kỹ sư lâm nghiệp, hiện đang mải mê trong một cánh rừng nào đó để nghiên cứu đề tài "Bảo vệ và

phát triển rừng đầu nguồn sông Đà". Là một người yêu rừng đến độ mê say, hẳn giờ đây anh Hùng hết sức vui sướng và toại nguyện khi con trai mình đi theo tiếng gọi của rừng.

Ngày ấy từ quê anh Hùng, chúng tôi lên Hà Nội làm việc với cơ quan anh Sơn, và cùng với đại diện cơ quan về nhà anh. Tôi trao lại cho chị những kỷ vật của anh: cuốn Nhật ký, thư từ, ảnh..., những thứ anh để lại T2 trước chuyến đi. Chị dỗ khéo đưa con gái cho cháu ra ngoài sân chơi nhảy dây với bạn, để nghe tôi kể về những giờ phút cuối cùng của anh. Cháu mới sáu tuổi. Không nên để lại trong đầu óc trẻ thơ non nớt những hình ảnh kinh hoàng về cái chết của người bố. Sau này mỗi khi nhớ lại ngày hôm ấy, trước mắt tôi vẫn chập chờn hai đôi khăn tang trắng bay bay như đôi cánh bướm trên đầu bé, tung tăng theo từng bước nhảy hồn nhiên...

Hai mươi lăm năm sau cô bé ngày đó trở thành phó tiến sĩ công tác trong một viện của ngành địa chất. Chị Sơn đã nghỉ hưu, vẫn sống trong ngôi nhà nhỏ dưới chân núi Gôi. Trong một lần tôi ghé thăm, chị nói: "Con bé cứ giục tôi ra Hà Nội sống với vợ chồng nó, nhưng tôi không muốn đi. Lúc nào tôi cũng nghĩ là anh ấy sắp trở về đây..." Mái tóc đã điểm bạc, thời gian và đau khổ đã hằn sâu thành nếp nhăn trên khuôn mặt, nhưng đôi mắt chị vẫn vời vời nổi ngóng chờ như trong tấm ảnh anh Sơn đưa tôi xem ở Bãi Hà ngày nào.

Sau chuyến đi đó, tôi vào Quảng Trị. Về lại đơn vị cũ, anh em bạn bè gặp nhau mừng mừng tủi tủi. Gần ba năm rồi, ai cũng nghĩ là tôi đã chết. Nhưng bên cạnh niềm vui vẫn là nỗi buồn: Bằng và Dũng hy sinh trong một chuyến đi công tác bị địch phục kích, cũng trên vùng đồi sim Cam Lộ. "Vậy là Bằng chẳng bao giờ trở về với cái làng cá ven biển của cậu. Còn Dũng chết mà chưa một lần được nhìn thấy biển..." Tôi ngậm ngùi nhớ tiếc hai người bạn cùng tổ công tác. Những tưởng ngày ấy chia tay nhau, xa nhau vài bữa rồi gặp lại, ai ngờ...

Tháng sáu năm 1972. Khắp cả thị xã Đông Hà vừa mới giải phóng chỉ còn sót lại một cây phượng vĩ già nở hoa đỏ rực. Mùa hè Quảng Trị nắng đỏ lửa. Gió Lào cuốn tung bụi trên những đường phố lở chỗ dấu bom đạn và ngập ngụa rác rưởi chiến tranh, thứ rác thường thấy sau những trận chiến đấu giành đất ác liệt.

Đơn vị tôi có cuộc họp. mấy phút giải lao, cánh lính trẻ kéo nhau ra ngồi dưới gốc phượng vĩ, tán láo đủ chuyện. Chúng tôi đang vui cùng mảnh đất Quảng Trị vừa giải phóng. Tôi còn có niềm vui riêng vì mới nhận thư Thủy. Nét bút lần đầu nhìn thấy mà như thân quen tự bao giờ. "...Em mới được bay tập với trực thăng Mi - 8... Ra ngoài này còn được cưng hơn ở nhà nữa đó? Mấy chú mấy anh ai cũng hiền cũng tốt... Sắp tới em sẽ vô công tác trong đó, chắc lại được gặp anh..." Những dòng mực xanh trên giấy trắng mà như có âm sắc của giọng cô líu ríu niềm vui. Chúng tôi sẽ gặp lại nhau? Tất nhiên rồi...

Gần hết giờ giải lao. Đồng chí cơ yếu tay cầm cuộn sổ điện mật hốt hã chạy ra gọi: "Hải ơi! Hải đâu rồi? Có điện này..." Một linh cảm nặng nề choáng ngợp trong đầu tôi. Điện mật chỉ dùng trong công tác, bình thường cấp lính như tôi không khi nào trực tiếp nhận.

Tay run run cầm cuộn sổ điện đồng chí cơ yếu vừa chìa ra, tôi đọc bức điện trên trang giấy mở sẵn. Chỉ có một dòng:

"Thủy hy sinh ở Quảng Bình trên đường đi công tác. Hai Nguyên."

"Không! Không đúng! Chắc có sự nhầm lẫn nào đó. Mình vừa mới nhận thư Thủy cách hai ngày..." Tôi đọc lại bức điện lần nữa, rồi lần nữa... Khoảng không gian trước mắt tối sầm lại. Xung quanh mọi người xôn xao. Có ai đó nói: "Thôi cứ để cậu ấy được một mình..." Tôi chết lặng xuôi người ngồi xuống gốc cây. Gió rung những cánh hoa phượng rụng tươi tắn, đỏ lôm như những giọt máu...

Nếu không kể đợt máy bay B52 oanh kích Hà Nội và Hải Phòng, thì cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của giặc Mỹ không rầm rộ như lần trước, nhưng ác hiểm hơn.

Vào thời điểm đó, Thủy theo một đoàn cán bộ không quân đi công tác phía Nam để khảo sát những địa điểm có thể mở sân bay dã chiến dành cho máy bay vận tải hạng nhẹ và trực thăng. Chiến tranh đang đến hồi quyết định. Ta dự định mở "đường mòn Hồ Chí Minh trên không" để khi cần thiết. Có thể chi viện nhanh cho các chiến trường. Đoàn vào tới miền tây Quảng Bình thì bị máy bay địch chặn đánh. Một quả tên lửa nổ gần sát chiếc Uoát xuống vực. Thủy và bốn người cùng đi trên xe đều hi sinh...

Sau giải phóng năm 1975, tôi và anh Hai Nguyên ra Quảng Bình để đưa Thủy về quê. Thi thể cô và những người cùng hy sinh được chôn trên một quả đồi nằm lọt thỏm giữa vùng núi non lô xô. Những ngọn núi đá vôi đứng dầm chân giữa cánh đồng hay ven sông, đẹp như vịnh Hạ Long trên.

Năm ngòi mộ nằm bên nhau theo đội hình hàng ngang của những người lính. Trên mấy tấm bia mộ làm từ gỗ thùng đạn, những dòng chữ viết bằng sơn đỏ lâu ngày sậm màu trông như những giọt máu khô.

Kỷ niệm ủa về nhức nhối. Như nhìn thấy trong mờ mờ sương khói một cô gái xa lạ đứng cặp tóc bên chiếc trực thăng đỗ giữa trảng cát chói chang nắng... Rồi vóc dáng mềm mại nghiêng bên bờ suối; mái tóc dày mượt mà xõa che nụ cười láu lỉnh; đôi mắt đen tròn xoe khi nghe chuyện cổ tích; gương mặt tự tin và ánh mắt quyết đoán lúc ngồi trên ghé lái; những giọt nước mắt nóng ẩm bên vai tôi và nụ hôn ngọt ngào trong cơn biển động... Văng vẳng từ xa xôi tiếng cô cười khúc khích và giọng cô hớn hờ: "...Em theo anh vào Nam ra Bắc, lên rừng xuống biển..." Giờ đây tất cả đã trở thành hư vô, chỉ còn lại những hạt mùn đất nâu đen.

Người con gái suốt đời ham bay và từng mơ một lần được tắm suối, giờ đây cô đã bay xa, rất xa...

Các đồng chí ở địa phương muốn đưa hài cốt Thủy vào nghĩa trang liệt sĩ, nhưng ông Thành xin được đem cô về nằm bên má và người anh trai nơi cái xóm nhỏ ven sông Thu Bồn mà hôm từ trên rừng về, cô đã bay thêm "chút xíu" cho tôi được nhìn thấy.

Lúc sắp hạ huyết, ông Thành đưa cho tôi một chiếc hộp nhỏ kiểu hộp các cô gái đựng kim chỉ, nghẹn ngào nói: "Hôm ra ngoài đó, em nó gửi vật này nhờ bác giữ gìn. Giờ bác trao lại cho con..."

Tôi mở nắp. Trong hộp có trang sổ tay mà tôi đưa cho Thủy lúc trước và một mớ tóc dài chấy nắng hoe vàng. Tôi bàng hoàng khi nhận ra đuôi tóc của mình hời ở trên rừng. Hôm cắt tóc cho tôi, Thủy đã lén lấy đem về... Nhưng... nhưng tại sao tôi lại trao cho cô bài thơ "Núi đôi"? Sao anh Hai Nguyên lại xé đúng trang thơ ấy để làm mật hiệu mà không phải trang khác? Có phai đó là điềm báo trước sự chia ly đau đớn sau này? "Em không ngờ thơ viết về chiến tranh mà lãng mạn và xúc động đến vậy...". Ai ngờ ngày ấy nói thế để rồi em thành người trong thơ...

Tôi hé nắp chiếc tiểu sành đặt vào đó trang thơ và mớ tóc để một phần tâm hồn và thể xác tôi được theo cô.

Mất hai người con, ông Thành dồn tình thương yêu cho hai đứa cháu, con của anh Hai Nguyên, và để hết tâm trí vào việc nghiên cứu sử. Nhưng đau đớn và mất mát đã làm ông kiệt sức. Ông qua đời năm 1978, để lại những trang viết dở dang.

Từ khi ông Thành mất, tôi không còn được tin gì về ông Tùng nữa. Trước đó tôi được biết hai ông bà sống với gia đình người em ở Quibec, Canada. Dù vợ chồng người em hết mực thương yêu ông, dù mấy đứa cháu rất quý ông, nhưng điều đó cũng không làm ông nguôi được nỗi nhớ quê nhà. Những đường phố sáng choang, trắng toát và lạnh lẽo trên đất nước xa lạ ấy khác xa cảnh cánh đồng sông nước đầy nắng đầy gió của vùng châu thổ sông Cửu Long. Thư nào viết cho ông Thành, ông cũng gửi lời thăm tôi. Ông nói không bao giờ ông quên được cánh rừng con suối nơi gặp tôi hồi trước.

Sau này tôi có viết thư cho ông mấy lần, nhưng chẳng hiểu sao không có hồi âm. Dầu gì đi nữa, tôi vẫn tin rằng con người đó không đến nỗi nhẫn tâm "chuyển lửa về quê nhà", thứ lửa từng thiêu rụi căn nhà xưa cùng hàng cau thời thơ ấu của ông.

Một ngày tháng 3 năm 1998, nhân có việc vào Đà Nẵng, tôi ghé về thăm anh Hai Nguyên. Anh chị đều đã nghỉ hưu, hiện sống trong ngôi nhà nhỏ ở quê. Nhà nước cấp nhà cho anh ở thành phố, nhưng anh không nhận. "Buôn bán gì đâu mà ở phố Minh về quê sống cho nó tĩnh!", anh nói vậy.

Gần hai năm nay không gặp nhau, giờ thấy tôi vào anh chị hết sức mừng rỡ. Anh kéo tôi ra vườn ngồi trên chiếc chõng tre kê cạnh gốc bưởi. Tháng ba hoa bưởi nở rộ, những cánh hoa trắng rụng lấm tấm trên nền đất pha cát sạch mịn. Cây mai già vừa qua vụ hoa giờ đang trở lộc, lác đác vài cánh hoa còn sót lại vàng tươi trong đám lá xanh non.

Chúng tôi say sưa trò chuyện trong hương bưởi thơm ngát. Ông già vừa bước qua tuổi "thất thập" này vẫn sôi nổi như xưa. Lưng hơi còng và tóc đã bạc trắng, nhưng bước đi của anh vẫn nhanh nhẹn, đôi mắt vẫn nheo nheo hóm hỉnh như ngày nào...

Sớm mai nắng lên, anh Hai Nguyên rủ tôi xuống sông. Con sông đang mùa cạn, bờ cát phía bên này nổi lên đến gần giữa dòng. Chúng tôi xách dép đi chân trần giẫm trên lớp cát bồi mịn màng mát lạnh ra tới mép nước rồi thơ thẩn ngược lên. Ven bờ sông có mấy người dân đang cuốc đất bãi bồi để tranh thủ trồng vụ khoai trước mùa lũ. Thấy chúng tôi ngang qua, họ chống cuốc đứng nhìn theo như cố đoán xem hai người đàn ông, một đã già và một cũng không còn trẻ, đang đi tìm gì trên con sông này.

Anh Hai Nguyên nói, giọng thủ thỉ:

– Lúc mình còn nhỏ, bên bờ sông này có những guồng nước. Cái bánh xe khổng lồ làm bằng tre quay kéo kệt suốt ngày đêm, róc rách đổ nước lên đồng. Bao năm xa quê mình cứ nhớ mãi những âm thanh ấy. Vẫn biết bây giờ dùng máy bơm chạy điện tiện lợi hơn nhiều, mà sao cứ thấy nhớ thấy tiếc thế nào ấy, cậu

ạ! Kể cho mấy đứa cháu nghe, chúng cười bảo: người già như ông thường hoài niệm...

... Quả có thể thật!? - Tôi nghĩ - Dường như khi về già, những kỷ niệm trở nên da diết hơn đối với những ai từng có một thời đáng nhớ. Đến bây giờ mỗi khi nghe lại bài hát "Bước chân trên dãy Trường Sơn", người tôi vẫn rợn lên cảm giác gai gai da thịt: "...Núi vút thành vách đứng, nắng hè khét đá, rừng khuya mất lối. Ta đi theo ánh lửa từ trái tim mình... Máu thấm đường ta đi lẫn mồ hôi rơi tình quê tha thiết..." Những câu hát như truyền vào người một nguồn năng lượng làm phát ra làn sóng điện kỳ lạ đưa tâm trí tôi đến với cánh rừng con suối năm xưa, với những đêm khuya bên đồng lửa giữa rừng, những tháng ngày gian khó đầy áp kỷ niệm đã in vào máu thịt...

Bên cạnh, anh Hai Nguyên vẫn kể về mấy đứa cháu:

– ...Hai thằng cháu nội, một xong năm nay vào đại học, một lên lớp chín. Cả hai đứa đều học giỏi. Chúng nói tiếng Anh nhanh như gió, gõ vi tính như múa, nhớ mặt nhớ tên hầu hết các danh thủ bóng đá quốc tế, ham thích những khúc quân hành của hai cuộc kháng chiến lẫn những bản nhạc "tóp ten" của nước ngoài. Thế hệ chúng bây giờ sừng sốt.

Tôi cười:

– Chẳng ai mong có lại một cuộc chiến tranh như vừa qua cho con cháu "được dịp" chứng tỏ bầu nhiệt huyết của mình. Những người đi trước hy sinh xương máu là để cho đời sau sung sướng hơn...

Anh nheo mắt nhìn tôi:

– Cậu lại triết lý rồi! Đúng là như vậy! Nhưng cậu có biết hai đứa cháu mình chúng hỏi gì không?

– Sao kia ạ?

– Chúng thắc mắc: "Sau năm năm tự, ta "đổi thoái" với Mỹ có phải hay hơn không? Khởi có một cuộc chiến tranh tàn khốc kéo dài cả mấy chục năm..." Cậu thấy đấy! Chúng nó giờ tiếp thu cái

mới rất nhanh, nhưng hiểu biết lịch sử chẳng ra sao cả. Cũng may chúng dám hỏi! Còn bao nhiêu đũa không hỏi, cứ ầm ức trong đầu, rồi sau sẽ ra sao? Chiến tranh trôi qua chưa lâu... hăm ba năm, đúng không? Vậy mà... Giờ ta hay dùng cụm từ "khép lại quá khứ"... Dĩ nhiên không sai, nhưng chỉ đúng khi sử dụng trong một lĩnh vực nào đó, nói về một vấn đề cụ thể nào đó... Phải hiểu cho đúng nghĩa, đừng nghĩ như thế là đóng lại tất cả, quên đi tất cả. "Xóa bỏ hận thù trong quá khứ". Không bao giờ đồng nghĩa với "Xóa bỏ quá khứ". Không ai chỉ ôm quá khứ mà sống được và chiến tranh thì đâu có hay ho gì mà phải lưu luyến nó, nhưng phải nghĩ phải nhớ tới chiến tranh để bằng mọi cách không cho nó tái diễn, để bảo vệ cho bằng được những gì mà bao thế hệ đã hy sinh xương máu bảo vệ. Mình hơi "đại ngôn" phải không nhưng thực chất là thế đấy...

Lắng nghe anh nói, tôi cúi nhìn những dấu chân mình in trên lớp cát rịn nước và tự hỏi: trong triệu hạt phù sa kia, có hạt nào là một phần xương thịt của anh Sơn? Không chắc? Nếu có, lúc này nó cũng đã ra tới biển hay nằm sâu dưới những lớp phù sa đổ về mỗi năm... Nhìn lên phía nguồn chỉ thấy điệp trùng núi xanh, mịt mờ mây trắng. Góc rừng nơi ngày nào các anh ngã xuống giờ khuất sau lớp lớp núi xa.

Nhưng từ trên ấy dòng nước ngày ngày vẫn chảy về đây. Con sông từng chứng kiến mọi chuyện xảy ra từ bao đời nay. Nếu nói được sông sẽ kể rằng, trong những năm tháng ấy có những người đã sống như thế, đã chết như thế.

Huế - tháng 3 năm 1999.

Hết.